

Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp Trọn Bộ



HT Giác Quang

---o0o---

Nguồn

<http://phatgiaovnn.com>

Chuyển sang ebook 02-05-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

TẬP 1

PHẦN I. PHÁP MÔN NIỆM PHẬT LỢI ÍCH BA CĂN

Ngày Thứ Nhất: Danh xưng pháp môn niệm Phật

Ngày Thứ Hai: Mọi giới đều niệm Phật

PHẦN II. PHẬT TỬ PHẢI THỌ QUY GIỚI

Ngày Thứ Ba: Liên Hữu Tịnh Độ vẫn phải thọ quy giới

Ngày Thứ Tư: Ý nghĩa Tam Bảo và quy y Tam Bảo

Ngày Thứ Năm: Tín đồ Phật tử quy y Tam Bảo

Ngày Thứ Sáu: Giới luật dành cho người tu tại gia

PHẦN III. CƯ SĨ LẬP HẠNH XUẤT GIA

Ngày Thứ Bảy: Do nguồn Bát Quan Trai giới

Ngày Thứ Tám: Bát Quan Trai giới

Ngày Thứ Chín: Lợi ích của đời sống thọ học Bát quan Trai giới

PHẦN IV. TÔNG CHỈ TỊNH ĐỘ NON BÔNG

Ngày Thứ Mười: Bá Nhựt Trì Danh hiệu Phật

Ngày Thứ Mười Một: Đạo tràng niệm Phật là thuyết pháp

Ngày Thứ Mười Hai: Niệm Phật thích nghi với các bạn trẻ

Ngày Thứ Mười Ba: Liên Tông Tịnh Độ Non Bằng

Ngày Thứ Mười Bốn: những bậc khai sơn liên tông tịnh độ non bằng

Ngày Thứ Mười Lăm: Tông chỉ pháp môn niệm Phật

PHẦN V. GIÁO LÝ CĂN BẢN TỊNH ĐỘ TÔNG

Ngày Thứ Mười Sáu: Bốn cõi Tịnh Độ

Ngày Thứ Mười Bảy: Nam hành đạo (khó tu) và Dị hành đạo (dễ tu)

Ngày Thứ Mười Tám: Lễ bái môn (pháp môn tu lễ bái niệm Phật)

Ngày Thứ Mười Chín: Pháp lễ lạ của các tông phái

PHẦN VI. GIÁO LÝ PHỔ THÔNG

Ngày Thứ Hai Mươi: Nói về các uế trước các sự khổ ở Ta Bà

Ngày Thứ Hai Mươi Một: Giáo pháp Tứ Diệu Đế

Ngày Thứ Hai Mươi Hai: Giáo pháp Đạo đế

Ngày Thứ Hai Mươi Ba: Giáo pháp Thập Nhị Nhơn Duyên

Ngày Thứ Hai Mươi Bốn: Giáo pháp Lục Độ Ba La Mật

Ngày Thứ Hai Mươi Lăm: 1. Bồ Thí Ba-la-mật

Ngày Thứ Hai Mươi Sáu: 2. Trì Giới Ba-La-Mật

Ngày Thứ Hai Mươi Bảy: 3. Nhẫn Nhục Ba-La-Mật

Ngày Thứ Hai Mươi Tám: 4. Tinh Tấn Ba-La-Mật

Ngày Thứ Hai Mươi Chín: 5. Thiền Định Ba-La-Mật

Ngày Thứ Ba Mươi: 6. Trí Tuệ Ba-La-Mật

Ngày Thứ Ba Mươi Một: Những công hạnh của Đại Bồ Tát

Ngày Thứ Ba Mươi Hai: Những hạnh lành của người con Phật Hiếu đạo.

Ngày Thứ Ba Mươi Ba: Các ngày trì trai

Ngày Thứ Ba Mươi Bốn: Tiết độ

Ngày Thứ Ba Mươi Lăm: Tu tập hạnh lành của Bồ Tát

Ngày Thứ Ba Mươi Sáu: Giáo Lý Hạnh Quả

Ngày Thứ Ba Mươi Bảy: Pháp môn tứ vô lượng tâm

PHẦN VII. BỒ TÁT ĐẠO

Ngày Thứ Ba Mươi Tám: Hạnh lợi tha của người con Phật

Ngày Thứ Ba Mươi Chín: Tín Tâm

Ngày Thứ Bốn Mươi: Mười Pháp Trụ

Ngày Thứ Bốn Mươi Một: Mười hạnh lành của Bồ tát

Ngày Thứ Bốn Mươi Hai: Pháp tu Hồi hướng

Ngày Thứ Bốn Mươi Ba: Mười quả vị Thánh xuất thế gian

Ngày Thứ Bốn Mươi Bốn: Đăng giác (Bồ tát)

Ngày Thứ Bốn Mươi Lăm: Diệu Giác (Phật)

PHẦN VIII. GIẢI NGHĨ

Ngày Thứ Bốn Mươi Sáu: Tịnh Độ và Khất Sĩ

Ngày Thứ Bốn Mươi Bảy: Mười tám (sáu) vị A La Hán

Ngày Thứ Bốn Mươi Tám: Luân hồi và Số mệnh

Ngày Thứ Bốn Mươi Chín: Nghiệp báo

Ngày Thứ Năm Mươi: Quả vị tu chứng của Cư sĩ

TẬP 2

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN IX. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TU TỊNH ĐỘ

Ngày Thứ Năm Mươi Một: Tông chỉ Liên tông Tịnh độ Non Bằng

PHẦN X. HÓA GIẢI NHỮNG NGHI NGỜ

Ngày Thứ Năm Mười Hai: Nhị thừa, căn thiếu và nữ căn cầu sanh Tịnh Độ?

Ngày Thứ Năm Mười Ba - Giới thiệu sơ lược tiểu sử Chư Đại sư Tịnh Độ tông truyền đăng bên Trung Hoa

Ngày Thứ Năm Mười Bốn: Ảnh hưởng giáo lý Tịnh độ niệm Phật sau Phật nhập diệt (7 ngày)

Ngày Thứ Năm Mười Lăm: Các kinh nói về Tịnh Độ

PHẦN XI. GIÁO NGHĨA ĐẠI THỪA CỦA PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Ngày Thứ Năm Mười Sáu : Pháp ngữ Tịnh độ

Ngày Thứ Năm Mười Bảy : Pháp chánh hạnh và trợ hạnh

Ngày Thứ Năm Mười Tám : Đức Phật & Pháp môn niệm Phật

PHẦN XII. PHÁP KHÍ THIỀN MÔN

Ngày Thứ Năm Mười Chín: Ý nghĩa Tích trượng

Ngày Thứ Sáu Mười: Chuông

Ngày Thứ Sáu Mười Một: Trống

Ngày Thứ Sáu Mười Hai: Mõ gia trì

PHẦN XIII. SỰ THỊ HIỆN CỦA BỒ TÁT

Ngày Thứ Sáu Mười Ba: Thân tướng Quan âm bồ tát

Ngày Thứ Sáu Mười Bốn: Ứng hóa sanh thân trong thơ nôm Quan Âm Thị Kính

Ngày Thứ Sáu Mười Lăm: Giới thiệu thơ nôm Quan Âm Thị kính

Ngày Thứ Sáu Mười Sáu: Thân tướng Đức Di Lặc

PHẦN XIV. PHÁP THỂ GIAN ẢNH HƯỞNG PHẬT PHÁP

Ngày Thứ Sáu Mười Bảy: Những tập tục tế lễ

Ngày Thứ Sáu Mười Tám: Hiện tượng ngoại cảm

Ngày Thứ Sáu Mười Chín: Pháp kệ Phổ Đà sơn

PHẦN XV. PHẬT PHÁP

Ngày Thứ Bảy Mười: Phát lòng Bồ đề

Ngày Thứ Bảy Mười Một: Sự thành tựu của Phật Thích Ca

Ngày Thứ Bảy Mười Hai: Chủ trương của Phật giáo

PHẦN XVI. ĐẠO PHẬT VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM

Ngày Thứ Bảy Mười Ba: Tính cách của Đạo Phật

Ngày Thứ Bảy Mười Bốn: Người Việt Nam và Đạo lý nhà Phật

Ngày Thứ Bảy Mười Lăm: Khởi nguồn Phật giáo Việt Nam

Ngày Thứ Bảy Mười Sáu: Thời điểm cực thịnh của Phật giáo

Ngày Thứ Bảy Mười Bảy: Thời kỳ chấn hưng Phật giáo

PHẦN XVII. NHỮNG NGÔI CHÙA CỔ (ÍT ĐƯỢC NÓI ĐẾN)

Ngày Thứ Bảy Mười Tám: Tổ đình Quốc Ân Kim Cang

Ngày Thứ Bảy Mười Chín: Chùa Quốc Ân Khải Tường

Ngày Thứ Tám Mười : chùa quốc ân Khải tường (phần 2)

Ngày Thứ Tám Mười Một : Tứ ân với người con Phật

Ngày Thứ Tám Mười Hai: Tổ đình Bửu Quang (Thị trấn Ba Chúc)

Ngày Thứ Tám Mười Ba: Đức Sư ông Bửu Đức (Đức Ông Ba)

Ngày Thứ Tám Mười Bốn: Các bậc siêu nhân kiệt xuất trong thời điểm Đức Sư Ông ra đời.

Ngày Thứ Tám Mười Lăm: Nơi Đức Sư Ông tu hành và khai sơn tạo tự An Sơn

Ngày Thứ Tám Mười Sáu: Chùa Ông Bác hay Tổ đình Bửu Quang

PHẦN XVIII. ĐẠO LÝ CƠ BẢN CỦA NHÀ PHẬT

Ngày Thứ Tám Mười Bảy: Phật pháp bất ly thế gian giác

Ngày Thứ Tám Mười Tám: Chí hướng thượng

PHẦN XIX. HÀNH HƯƠNG VỀ NGUỒN

PHẦN XX. NGƯỜI TU TỊNH ĐỘ NIỆM CHÚ

Ngày Thứ Tám Mười Chín: Thần chú vãng sanh

Ngày Thứ Chín Mười: Thần chú vãng sanh (tiếp theo)

Ngày Thứ Chính Mười Một: Cách thức tụng niệm Thần chú vãng sanh.

Ngày Thứ Chín Mười Hai: Tín ngưỡng Phật Mẫu Chuẩn Đề

Ngày Thứ Chín Mười Ba: Cách thức trì tụng Thần Chú Vãng Sanh (tiếp theo)

Ngày Thứ Chín Mười Bốn: Công đức tụng niệm Phật Mẫu Chuẩn Đề (2)

Ngày Thứ Chín Mười Lăm: Bài xưng tán Phật Mẫu Chuẩn Đề

Ngày Thứ Chín Mười Sáu: Pháp kệ xưng tán Phật Mẫu Chuẩn Đề (2)

Ngày Thứ Chín Mười Bảy: Bửu Thủ Tháp Đức Tôn Sư

Ngày Thứ Chín Mười Tám: Ý nghĩa Thiện Nữ Thiên Chú

PHẦN XXI. NIỆM PHẬT VÀ TUỔI TRẺ

Ngày Thứ Chín Mười Chín: Tuổi trẻ với pháp môn niệm Phật

Ngày Thứ Một Trăm: Tuổi trẻ với pháp môn niệm Phật (2)

---o0o---

Quyển sách “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp -Tập I” đã xuất bản và phát hành vào mùa thu, năm Canh Dần (2010), và tái bản vào đầu năm Tân Mão (2011). Trong đó có 50 bài pháp ít nhiều làm hài lòng giới Phật học và giới chân tu thực đức. Làm vui lòng chư liên hữu Liên tông Tịnh độ Non Bồng, các vị vốn đã biết được tông chỉ tu hành của mình đang tu rồi, nhưng lại được thông thái hơn những nội dung Phật Pháp xưa nay mình ít biết đến; hóa giải những nghi ngờ về pháp môn tu có tính cách biệt truyền của Tịnh độ Non Bồng.

Ở phần nói đầu của Quyển “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp - Tập II” xin được nói về hành trạng của “Tịnh độ Non Bồng”.

“Liên tông Tịnh độ Non Bồng” xuất phát từ thành ngữ “Đạo Phật Non Bồng”, môn phong có truyền thống tu hành Pháp môn niệm Phật từ năm 1920, tức là khoảng 91 năm qua. Năm 1957 Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước khai sơn môn phong, cho đến ngày 23 tháng 7 năm Đinh mùi (1967) tổ chức đại hội lần thứ nhất tại Tây viện Quan Âm Tu Viện, lúc bấy giờ có thành lập thêm Giáo đoàn Du Tăng Khất sĩ Non Bồng sinh hoạt trong tổ chức Hội Phật giáo Tịnh Độ Tông Việt Nam.

Tịnh độ Non Bồng quản lý 140 Tự Viện, 623 Tăng Ni 832.000 Phật tử. Tổ chức Đoàn Du Tăng Khất sĩ Non Bồng sinh hoạt cho đến ngày 6-7/10/1981, môn phong tự giải thể và đăng ký sinh hoạt theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1986, Đức tôn sư viên tịch, năm 1989 Ni trưởng Huệ Giác và chư Tăng Ni trong Tông phong đứng ra tổ chức đại hội lần thứ hai tại Hội trường Hội đồng

Tông phong (cũ, đang xây dựng). Về danh hiệu được thay đổi thành Liên tông Tịnh độ Non Bồng; lúc bấy giờ Hội đồng chỉ đạo HT Giác Quang biên soạn nội quy làm việc trong nội bộ Hội đồng Tông phong, quy định hằng năm vào ngày mùng 9 tháng giêng họp mặt Tông phong tại Tổ đình Linh Sơn, núi Bồng Lai (núi Dinh, Bà Rịa).

Năm 2001 bước sang thế kỷ 21, HT Thích Giác Quang thành lập “Tủ sách Non Bồng”, tủ sách hiện có 68 đầu sách do Tăng Ni, Phật tử trong môn phong Non Bồng soạn dịch, trên 500 đề tài bằng, đĩa thuyết giảng Tịnh độ, hằng trăm bài viết về Tịnh độ...

Như đã phát nguyện, vào mùa thu năm Tân Mão (2011) sẽ xuất bản và phát hành quyển sách “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp -Tập II” từ chương thứ IX đến chương thứ XXI, có 50 bài thuyết giảng, nhằm tiếp tục công hiến cho quý độc giả những tinh hoa giáo lý Đức Phật, giáo lý cơ bản Tịnh độ, tông chỉ Tịnh độ Non Bồng giúp cho chư Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài tông môn được thông suốt, hóa giải những nghi vấn xưa nay, giúp cho mọi người hữu duyên tu hành công viên quả mãn.

Xin chân thành cảm ơn quý Nam Nữ Phật tử, những vị tìm đọc và trân quý quyển sách, Nam Nữ Phật tử, các nhà mạnh thường quân, nhà hảo tâm có danh sách ở các trang cuối phát tâm ủng hộ cúng dường tịnh tài để in quyển I năm 2010, sách dày 300 trang tái bản vào cuối năm 2011. Quyển II, sách dày trên 600 trang sẽ xuất bản phát hành vào tháng 8 năm 2011.

Khấp nguyện thiên hạ thái bình, vạn dân an lạc ấm no hạnh phúc, phát tâm tu hành quy y Tam bảo, bồ đề tâm kiên cố, ý chí vững bền, tu hành hiệu quả thành công; hiện tiền cũng như tương lai được diện kiến Phật A Di đà phóng quang thọ ký.

*NAM MÔ THUỜNG TINH TẤN BỒ TÁT MA HA TÁT.
Quan Âm Tu Viện - Biên Hòa, mùa thu năm Tân Mão (2011)
Hòa Thượng Thích Giác Quang
Cẩn bút*

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo lý nhà Phật thật là mênh mông, mênh mông như trời cao đất rộng, như biển cả sông dài. Được học giáo lý nhà Phật, học hoài học mãi không bao giờ chấm dứt hết chữ nghĩa, cho dù nền giáo lý chỉ là khuôn thước trong tam tạng thánh điển.

Trong đời học Phật, học làm Phật của vị Tăng hay vị Ni, gọi là những vị có học, nhưng cũng không biết làm sao đọc cho hết tạng Kinh, tạng Luật, tạng Luận, huống chi là người không học gì cả. Người tu có học giáo lý để biết, biết những lời

dạy của Phật sao mà vi diệu, mở thông trí tuệ, soi đèn sáng cho chúng sanh, cho những người không học biết dò đường để đi đêm; người nghe rồi đều phát tâm vào đạo tu hành, người nghe rồi phát tâm cầu học đạo giải thoát, tìm cầu lý mầu cao siêu mà dẫn dắt chúng sanh vào biển pháp.

Đối với người Phật tử dù tu ở hệ phái nào đi nữa thì cũng lắm gia duyên bận buộc, khó mà tìm cầu được lý chân giải thoát, lánh xa thế giới tham sân si, thu thúc mình vào am thanh cảnh vắng, lánh xa khói bụi mịt mờ, ngựa xe như nước áo quần như nêm, sống đời sống đạo hạnh, tịnh hạnh như chư Tăng Ni chốn thiền lâm. Thêm vào đó việc xã hội, việc thế gian, việc gia đình, bạn bè hương thân gia tộc... là những sợi dây vô hình ràng buộc tạo nên đầy đầy những trở ngại cho bước chân đi suốt cuộc đời, thì làm gì có thời gian rỗi rảnh mà dành cho Phật tử nghiên cứu sâu tầm giáo lý học tu, hoặc nghe thuyết pháp tỏ sáng lý mầu tịnh niệm.

Với các lễ trên, nhân khóa niệm Phật “Bá nhật trì danh hiệu Phật”, được tổ chức hằng năm tại Nhứt Nguyên Bửu Tự, dành cho những người Cư sĩ thâm niên học Phật, những người Phật tử trẻ tuổi, những người có duyên với pháp môn niệm Phật Tịnh độ ham thích niệm Phật phát tâm đến đó tham dự kinh hành niệm Phật, dành cho những cư sĩ không luận trẻ già nam nữ, đến đó mà “tinh chuyên niệm Phật”; chúng tôi mạo muội biên soạn quyển sách Phật nhan đề “Một trăm ngày niệm Phật & một trăm bài pháp”, tức là mỗi ngày niệm Phật trong khóa lễ “Bá nhật trì danh”, quý Phật tử được học một bài pháp, có ý nghĩa sát hợp với tầm hiểu biết, khẳng định lý nghĩa Phật pháp, vừa sức cho người đọc, văn cú không dài cũng không ngắn, đọc học thì hiểu ngay, dứt nghi... vì tất cả những “áo nghĩa” ẩn ý của kinh sách Phật đều được giải bày.

Mỗi ngày niệm Phật là học một bài pháp có liên quan đến sự tìm hiểu về giáo lý Phật học, hay học Phật pháp để tu sẽ giúp cho người Phật tử thấu hiểu những gì mà mình xưa nay chưa biết, suy nghiệm chưa ra lẽ, hoặc chưa được nghe Thầy thuyết giảng hoằng hóa.

Quyển “Một trăm ngày niệm Phật & một trăm bài pháp” được chia thành hai tập: tập I sẽ ấn bản vào cuối thu năm Canh Dần (2010), tập II sẽ ấn bản vào cuối mùa thu năm Tân Mão (2011).

Ở tập I này, chúng tôi biên soạn chia thành 18 chương, với 50 bài pháp, mỗi bài pháp ứng với một ngày niệm Phật, xem hết năm mươi bài pháp, tức là dự khóa niệm Phật đã đến ngày thứ năm mươi rồi.

Các bài pháp trong mỗi chương đều có những ý tưởng Phật pháp liên tục, cung cấp thứ tự bài cho Phật tử liên hữu từng đẳng cấp đọc học từ thấp lên cao, quá trình tu hành hiểu rõ ràng tánh tướng, có không, thực có thực không, thấu tình đạt lý.

Đức Bổn sư Thích Ca và chư vị Tổ sư Tịnh độ từng tuyên thuyết: "... nếu chúng ta chỉ dùng tự lực để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thời rất khó đặng. Có một pháp môn tự lực nương tha lực rất viên đốn, rất huyền diệu, dễ thực

hành mà thành công cao, dùng sức ít mà mau có hiệu quả, chính là pháp môn niệm Phật Tịnh độ cầu vãng sanh...”

Nhiều vị Phật tử liên hữu xưa nay gọi là “Phật tử liên hữu” nhưng chưa thông suốt giáo lý, thậm chí chưa hiểu đến “pháp tu” mà mình đang tu học xuất phát từ đâu? Do các vị chưa từng được hướng dẫn học Phật pháp, nay có duyên được học Phật pháp. Tất cả những nghi ngờ về đạo Phật, về giáo lý Đức Phật, về pháp môn niệm Phật, về Liên tông Tịnh độ Non Bồng... sẽ được hiển bày rõ ràng khúc triết, tạo cho người đọc không còn thấy mình xa lạ với Phật pháp nữa.

Tổng Cao Tăng truyện, ghi lời Đức Văn Thù Sư Lợi dạy: “Nếu thiện nam tín nữ nào nguyện mau thành Phật không gì qua tu môn “niệm Phật”, niệm Phật thời có thể mau chóng chứng quả bồ đề”. Trong pháp giáo Đường Về Cực Lạc của Hòa thượng Thích Trí Tịnh biên soạn, trang 18 có bài xương minh về Tịnh độ, ghi lời trong sách Ấn Quang văn sao nói: “Chín giới chúng sanh rời pháp môn này không thể tu thành Phật, Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này không thể độ chúng sanh”. Các bậc Đạo Sư, Thầy Tổ xưa nay, cũng như Đức tôn sư Tịnh độ Non Bồng cũng rất ưu tư về việc tu hành của những người con Phật mà luôn sẵn sàng truyền bá pháp môn tu.

Tịnh Độ tông cũng chính là giáo lý nhà Phật là môn học có nền tảng vững vàng, nhưng cũng cực tác, thực dụng giúp cho người đọc học dễ tu, những Phật tử liên hữu có tâm ý từ bỏ học tập giáo lý Phật như “rùa mù tìm bóng cây giữa biển khơi” gọi bóng cây là bờ, từ bờ khổ mà vào bến khổ; rồi làm tưởng cho rằng mình là Bồ tát “chịu khổ thế cho chúng sanh”.

Người tu mà từ chối không học giáo lý Phật, thì cứ như “người mù sờ voi”, chẳng biết voi là gì? Người Phật tử hằng ngày dành quá ít thời gian tham học Phật pháp, hoặc không học giáo lý Phật học thì tu hành cả đời chỉ có “võ đoán việc Phật pháp mà thôi”. Tuy cũng làm Phật tử hai mươi năm, ba mươi năm nhưng mà chẳng biết Phật pháp là gì, sinh hoạt của chùa nơi mình quy y ra sao, thật quá tiêu phí công lao quy y Phật!

Có người nói tu tâm, cứ lo tu rồi Phật cho biết pháp Phật như thế nào, lại dùng câu “ngoại giáo biệt truyền bất lập văn tự” của Thiên tông mà truyền bá; câu này là của Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, cũng như của các bậc Đại đạo sư thiên tông bên Trung Hoa đã đắc đạo rồi như Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, Lục tổ Huệ Năng mới công bố sử dụng; hoặc câu “không tu, không chứng, không đắc...” cũng thế... thật rất đau lòng cho đời mạt pháp! Họ đâu có hay rằng các bậc Tôn giả, Trưởng lão, Tổ sư, Tôn túc xưa là bậc đắc đạo rồi đó, mà vẫn: “Thật vì sanh tử phát bồ đề tâm, dùng tín sâu nguyện thiết mà chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật” (pháp giáo Đường Về Cực Lạc của Hòa thượng Thích Trí Tịnh biên soạn, trang 19)

Mỗi ngày niệm Phật là học một bài pháp, được thiết lập bố cục theo tình tiết: “Cư sĩ vấn, Nhà Sư đáp”, cú văn thực tiễn, dễ hiểu, nghĩa lý sáng tỏ. Rất mong quyển sách này đến với quý Phật tử để làm quà tặng “gối đầu giường” trong những

ngày tham dự niệm Phật và cũng là hành trang trọn đời phát nguyện tu Tịnh độ niệm Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Đồng Nai, Việt Nam, cuối mùa Thu, năm Canh Dần (14/10/2010)

Hòa Thượng Thích Giác Quang

---o0o---

TẬP 1

PHẦN I. PHÁP MÔN NIỆM PHẬT LỢI ÍCH BA CĂN

Ngày Thứ Nhất: Danh xưng pháp môn niệm Phật

VẤN: *Bạch Sư! Chúng con nghe quý Giảng sư thuyết giảng: “pháp môn Tịnh Độ khế cơ và khế lý trong từng thời đại, là pháp môn dễ tu dễ chứng, phù hợp với mọi căn cơ trình độ chúng sanh, nhất là đối với những vị sĩ, nông, công, thương, các thành phần trong xã hội. Người độn căn lợi căn đều có thể tu niệm Phật được; bậc thượng căn nghiệp dirt tình không, bậc hạ căn chướng sâu tội nặng đều có thể phát tâm tu hành không trở ngại. Tuy nhiên chúng con là người có biết pháp môn tu, nhưng chưa quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới cấm có thể tu niệm Phật được hay không...?”*

ĐÁP : Quý Thầy giảng Tịnh Độ rất kỹ, không bao giờ dùng từ ngữ Phật học pháp môn Tịnh độ, mà dùng cụm từ “pháp môn niệm Phật” Tịnh độ tông.

Thật sự pháp môn niệm Phật dễ tu dễ chứng, phù hợp với quảng đại quần chúng, nhất là quần chúng của thế kỷ hai mươi mốt, một thế kỷ mà mọi người phải vật vã lo toan cho cuộc sống; lo ăn lo mặc, lo cho gia đình, cho xã hội. Gần như là con người trên hành tinh không còn và không có thời gian để trở về với nội tại tâm linh. Cho nên vấn đề tu Phật là điều cần tìm hiểu và tìm một lối thoát cho người muốn tu học Phật, lo cho con đường về của mình, có một lối thoát khả dĩ, hóa giải những căng thẳng hằng ngày xâm lấn làm tiêu hao nội lực, tâm linh lu mờ, làm cho con người mau căn cỗi, mau già đi với thời gian và trong không gian thu hẹp.

Pháp môn niệm Phật là pháp môn có thể áp dụng hằng ngày, hằng giờ xen kẽ vào đời sống vật chất, trong đó có thời gian nghỉ ngơi, thời gian dành cho cuộc sống, thời gian dành cho hơi thở điều hòa, một chút thời gian ấy chính là thời gian mà con người dành riêng cho cá nhân cuộc sống, chính là cuộc sống tâm linh, chính là hơi thở của cuộc đời.

Cần trích quỹ thời gian từ hai mươi đến ba mươi phút niệm Phật, niệm danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật, niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát. Chính những giây phút ấy, những phút giây hiện tại, những phút giây trở về với thực tại, hít thở không khí vũ trụ phi thời gian, ngắm nhìn không gian, nhìn về thế giới của vô biên, của bao la, sự hoan hỷ của thế giới Cực lạc như Đức Phật Thích Ca đã diễn đạt giới thiệu thế giới Cực lạc trong kinh A Di Đà: “thế giới không có khổ, chỉ toàn là những điều vui, nên gọi là Cực lạc...”

Pháp môn niệm Phật, niệm A Di Đà, ai cũng tu được, người quý phái người bình dân, từ chúng sanh bậc thượng căn đến chúng sanh phiến não nghiệp chướng sâu nặng đều tu được, không bị trở ngại, thậm chí đến người chưa giác ngộ, người chưa biết Đạo Phật, cũng đều phát tâm niệm được, nếu người ấy phát tín tâm muốn niệm.

Huống chi nói đến người chưa quy y Tam Bảo. Người chưa quy y, chứ không phải không quy y. Người chưa quy y vẫn niệm Phật được, nếu có cơ duyên Phật pháp, niệm Phật rồi sau đó phát tâm quy y cũng không muộn; niệm Phật là quy y tánh đậy.

Như vậy người chưa quy y Tam Bảo vẫn niệm Phật được. Tuy nhiên sau đó sẽ quy y và gận gửi Phật Pháp, học Phật Pháp. Niệm Phật thanh tịnh thuần thực pháp lành sanh khởi. Pháp lành là phát tâm quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới cấm, muôn đời sống trong chánh pháp.

Trong bộ Tỳ Bà Sa Luận của ngài Tổ sư Long Thọ, Thánh tổ Tịnh Độ tông có trữ tác bài phát nguyện, dành cho những người có tín tâm phát nguyện niệm Phật và xưng tán Đức Phật A Di Đà, như sau:

*Nếu ai nguyện làm Phật
Tâm niệm A Di Đà
Phật liền hiện thân đến
Cho nên tôi quy mạng
Do bốn nguyện của Phật
Nên thập phương Bồ tát
Đến cúng dường nghe pháp
Vì thế tôi cúi đầu
Bồ tát ở Cực lạc
Thân xinh đẹp trang nghiêm
Đủ cả các tướng hảo
Nay tôi quy mạng lễ
Bồ tát ở Cực lạc
Ngày ngày trong ba thời
Cúng dường thập phương Phật
Nên tôi cúi đầu lạy
Nếu người trông căn lành*

*Nghi thì hoa không nở
Người tín tâm thanh tịnh
Thời hoa nở thấy Phật
Hiện tại thập phương Phật
Vì muốn độ chúng sanh
Mà ca tụng Di Đà
Nên tôi quy mạng lễ
Cõi đó rất trang nghiêm
Thanh tịnh hơn thiên cung
Công đức rất sâu dày
Nên tôi lay chơn Phật*

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nghiệp Độ Hàm Linh, Đại
Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Hai: Mọi giới đều niệm Phật

VẤN: Bạch Sư! Chúng con nghe bạn bè truyền đạt lại là: “pháp môn niệm Phật chỉ dành cho giới cư sĩ phát tín tâm tu hành, ăn chay niệm Phật, làm lành lánh dữ vậy thôi. Những suy nghĩ này có đúng không? Xin Sư từ bi hoan hỷ giảng giải?”

ĐÁP: Thật ra thì nền đạo đức của Đức Phật, trước tiên bao giờ cũng cần nhắc cho người Phật tử khởi tín tâm lánh dữ về lành, làm lành lánh dữ, thương người, cứu người, cứu vớt người khổ, người đang trong vòng lao lý của cõi sanh tử luân hồi. Có điều là mọi người phải có chút ít tâm giác ngộ, ý tứ tự giác, tưởng niệm Đức Phật dù là Phật A Di Đà hay Phật Thích Ca, nhất là Quán Thế Âm Bồ Tát.

Trong giáo pháp Đức Phật Thích Ca thường cần nhắc chúng sanh làm lành, vì làm lành tức là gieo nhân tốt, gieo nhân tốt thì hưởng quả tốt là điều kiện tất yếu mà giáo lý Đức Phật hằng khuyến giáo. Cũng rất phù hợp với pháp vô sanh, bất sanh bất diệt. Ác không sanh thì không cần diệt ác đi tìm thiện, mà làm thiện...”. Cũng như nói tam nghiệp không khởi ác, làm ác thì không có gì phải giữ giới, vì đây chính là giới và giữ giới. Mục tiêu hoằng giới của Đức Phật chính là ở chỗ này: “Giữ giới như vậy chính xác hơn”.

Trở lại với pháp niệm Phật: niệm Phật, niệm danh hiệu Phật A Di Đà thì ai mà niệm không được, người ở trong chỗ tam đồ (thủy đồ, hỏa đồ, đao đồ), bát nạn (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đui, điếc câm ngọng, bắc-câu lô-châu, trường thọ thiên, thế trí biện thông, sanh trước và sau Phật) nếu còn có chút ít tín tâm thì được hướng dẫn niệm Phật. Người câm thì nhìn Phật cũng là niệm Phật; người điếc thấy

Phật cũng là niệm Phật, người già ngồi niệm Phật không kham, thì nằm nghe máy niệm Phật cũng là niệm Phật; người sắp trút hơi thở cuối cùng được bạn lành trợ lực niệm Phật cũng được đối nghiệp vãng sanh. Người lâm nạn biết hướng về Phật cũng được gần Phật thoát hóa; trường hợp người lâm nạn thì đâu luận là cư sĩ hay Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tại gia hay xuất gia lâm nạn, người có căn lành hay không căn lành, người đã quy y hay chưa quy y Tam Bảo... nếu biết phát tâm xưng niệm Phật thì cũng có cơ duyên được Phật tế khổ.

Thế nên pháp môn niệm Phật, Tịnh độ tông thuộc bồ tát tạng nhiếp cả ba căn thượng trung hạ. Người nghiệp dứt tình không, căn khí thông lanh thì gọi là thượng căn. Người tâm chí hay lui sụt, kém hèn, nghiệp lực đầy đầy, si mê biếng nhác gọi là hạ căn... gọi chung cũng là nghiệp lực chúng sanh. Các loại nghiệp lực chúng sanh trên dù ở phương trời nào, nếu chí tâm niệm Phật cũng đều được nhiếp thọ vãng sanh.

Trong sách Phật học Tinh hoa của Thu Giang Nguyễn Duy Cần, có nhắc đến câu nguyện: “Chàng đạo sĩ trẻ tuổi gặp Phật...”.

- Một ngày nọ, vào buổi chiều vị đạo sĩ trẻ tuổi dừng bước chân du phương trì bình khát thực, ghé vào một lò gạch địa phương xin tạm trú ngụ qua đêm. Cùng thời gian ấy, Đức Thế Tôn cũng xuất hiện, ghé vào lò gạch cũng để trú ngụ qua đêm, gặp vị đạo sĩ trẻ tuổi, Đức thế tôn gạn hỏi:

- Vị Đạo sĩ trẻ tuổi đáng quý ời! Anh từ đâu đến đây, là đệ tử của ai, tại sao lại mặc pháp y nhà Phật, đi du tăng khát thực, Anh là đệ tử của ai, vị nào là Thầy của Anh?

- Bạch Ngài! Tôi là nhà du tăng khát sĩ, nghe danh Đức Thích Ca Mâu Ni mà phát tâm tu theo Đạo của Ngài, hiện tôi đang theo học Đạo của Ngài, chính Ngài là Bồn Sư của tôi.

- Đức Thế Tôn vui lòng, chấp nhận vị đạo sĩ trẻ tuổi thông thái, Ngài nói: “Nếu trường hợp Anh gặp được Bồn sư của Anh thì sao? – Gặp Phật thì tôi xin gieo năm vóc kính lễ và bước chân theo Ngài, vì từ trước đến giờ, tôi chỉ nghe danh của Ngài mà tu hành, nay nếu gặp Ngài tôi sẽ đánh lễ và đi theo Ngài cầu học đạo giải thoát”.

- Ta là Phật, Thầy của Ông đây!

- Vị đạo sĩ trẻ quý sụp lạy xin quy y, đi theo Đức Thế Tôn du hóa tu hành và đắc quả vô sanh A La Hán.

Chưa gặp Phật, chưa biết Phật, ở xa Phật kể cả không gian và thời gian mà vị đạo sĩ trẻ tuổi phát tín tâm tin tưởng, còn tu hành hiệu quả như thế, huống chi chúng ta phát tâm học Phật, cầu đạo giải thoát, chí tâm niệm Phật thì làm gì không được kết quả thành công.

Thế nên, khi người phát tín tâm tu niệm Phật thì được Phật nhiếp thọ, nếu là được nhiếp thọ thì dù tu sĩ xuất gia hay tại gia cư sĩ cũng đều được gần Phật, thấy Phật. Nhiếp thọ cũng chính là ngự phục (hàng phục) được các căn si cuồng, tham ái, sân hận, phú não... chìm đắm trong sanh tử.

Nhiếp thọ làm cho nhĩ, nhĩ, tử, thiết, thân, khẩu, ý lạng trong sáng suốt, nự phục làm cho nhĩ, nhĩ, tử, thiết, thân, khẩu, ý dũng mãnh tinh tiến. Hạnh nhiếp thọ và nự phục không chỉ giới hạn dành cho giới tu hành tại gia, mà cho cả giới xuất gia. Người tại gia thì giữ giới của người tại gia (nếu đã thọ giới cấm); người xuất gia thì giữ giới của người xuất gia (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni...). Giữ giới làm cho tam nghiệp thanh tịnh, xem chừng nghiệp lực chúng sanh không dây sanh đây là nự phục. Niệm Phật thì nhiếp hóa thân khẩu ý chuyển phàm thành thánh, cả hai đều có ý nghĩa tĩnh tu; tĩnh tu thì không phân biệt xuất gia hay tại gia. Tĩnh tu chính là quá trình tu chứng, công phu tịnh niệm. Người tĩnh tu tức là người giác ngộ, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm hơi thở ra, niệm hơi thở vào, niệm thân, niệm chết...

Tu học từ pháp môn niệm Phật, Tịnh độ tông làm cho các liên hữu hành giả phấn khởi ở chỗ: “Người xuất gia tu chứng theo người xuất gia, người tại gia tu chứng theo người tại gia. Nói cách khác, thì người xuất gia tu thành Phật theo phẩm hạnh cung cách người xuất gia, người tại gia tu thành Phật theo phẩm hạnh cung cách người tại gia. Đây chính là giáo lý bình đẳng lợi tha của nhà Phật, rất công tâm và trực tâm.

Vã lại trong pháp hội Tịnh Độ, tại kinh đô Xá Vệ, khi thuyết pháp đề tài Tịnh Độ, Đức Phật Thích Ca có giới thiệu về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà và nói về nhân hạnh Đức Phật A Di Đà, tuy bản kinh không có ai hỏi mà do đức Phật tự nói, nhưng nói cho các vị Bồ tát, cho 1250 vị Thỉnh văn (Thỉnh văn tức là đại đệ tử chính thức của Đức Phật thuộc vào hàng xuất gia), rồi mới nói đến chư vị Cư sĩ, bát bộ thiên long, các bộ chư Thiên, các chúng sanh khác trong mười phương đều đến thính pháp văn kinh.

Từ trước đến đây là một trong những hành trình tu chứng của người Thích Tử, không phân biệt tại gia hay xuất gia, trong các hành trình tu chứng, trong đó có pháp niệm Phật. Chẳng lẽ ngày nay người đệ tử đức Phật lại thay đổi lời Phật dạy trong kinh A Di Đà thuyết tại kinh đô Xá Vệ xưa, đem pháp môn niệm Phật sắp xếp lại để dành cho người tại gia tu hành? Vậy còn người xuất gia tu pháp nào? Thật không có lý do trên!

Ngài Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy: “Pháp môn niệm Phật Tịnh độ thật là tâm tông của chư Phật. Là con đường đi đến quả vị giải thoát tấc nút của mọi người tu...” (Đường về Cực lạc, trang 118).

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

PHẦN II. PHẬT TỬ PHẢI THỌ QUY GIỚI

Ngày Thứ Ba: Liên Hữu Tịnh Độ vẫn phải thọ quy giới

VẤN: Bạch Sư! Chúng con muốn xin quy y, nhưng trước khi thọ pháp quy y chúng con muốn hiểu về ý nghĩa Tam Quy Ngũ giới. Tại sao làm con Đức Phật phải quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới cấm. Chỉ xin quy y Tam Bảo được không? Có người nói chỉ thọ giới tâm, không thọ giới tướng?

ĐÁP : Đức Phật dạy, ba cõi không yên, như ở trong nhà lửa. Chúng sanh muốn xa lìa cõi khổ, thì phải nương về ngôi Tam Bảo. Người muốn thoát khỏi những sanh tử khổ đau nơi bến sanh tử luân hồi, không thể bỏ qua sự việc thọ trì giới pháp mà được. Giới như chiếc bè báu đưa người qua bể khổ, giới như đất bằng phẳng, muôn vật đều từ đây mà phát sinh, giới như ngọn đèn sáng, chiếu phá các chỗ tối tăm, giới là con đường tắt đưa đến cõi nhơn thiên, là cửa ngõ vào cảnh giới Niết Bàn.

Cho nên trong kinh nói rằng: nếu có chúng sanh nào muốn dứt trừ các khổ, hưởng sự vui vô thượng Niết Bàn, thì phải thọ trì Tam Quy và ngũ giới cấm. Nếu người nào giữ giới được thanh tịnh, cho đến trong giây phút quy y Tam Bảo, ở đời vị lai cũng được chứng quả Niết Bàn.

Giới là một bằng chứng, là báu vật cụ thể nâng phẩm chất giá trị con người trong quá trình tu chứng, quá trình đi trong đạo giới nhà Phật, là cương lĩnh duy nhất khu phân giữa thế gian và giải thoát thế gian; giới cũng khẳng định cho chánh pháp Phật, nên giới luật Phật còn lưu lại tại thế gian thì chánh pháp Phật còn, giới luật Phật mất thì chánh pháp mất. Nên người tu Phật dù tại gia hay xuất gia đều phải nương nhờ giới pháp để khẳng định bản lĩnh tu hành của Nhà Sư, thọ trì giới pháp để khẳng định người tu đúng chánh pháp Phật. Người tu không thọ pháp quy y Tam Bảo, không thọ các giới để khu phân cương lĩnh tu hành, thì người đó tu hành không đúng chánh pháp Phật.

Giới là diệu dược phương thang, để trị lành các chứng bệnh nan y tham sân si của thế gian, người tu không thọ giới như người bệnh không muốn tìm Thầy thuốc chữa bệnh, làm Thầy thuốc không biết bốc thuốc chữa trị bệnh nhân, nên người ấy phải mắc bệnh trầm kha muôn đời, và đi đến cõi chết lạng trong khổ đau. Trong nhà Phật, chư Đại sư hoàng giới, trước khi truyền giới cho tín đồ, thì vị giới sư dạy đệ tử phải phát lồ sám hối cho thân tâm được thanh tịnh. Cũng như muốn chứa đựng vị cam lộ trong cái bình, trước phải súc bình cho thật sạch. Còn người khi thọ quy giới, trước cần phải sám hối trừ phiền não cho tâm được thanh tịnh, mới có thể lãnh thọ quy giới thanh tịnh.

Tuy nhiên trước khi làm lễ sám hối, người tín đồ Phật giáo cần phải hiểu ý nghĩa sám hối là gì?

Sám là sám ky tiền căn, có nghĩa là ăn năn lỗi lầm đã tạo, hối kỳ hậu quá, tự thú tội ra, chừa bỏ các lỗi đã làm, chẳng những sám hối các tội lỗi trong một đời, mà cho đến các tội nhiều kiếp về trước cũng cần phải sám.

Hối nghĩa là hối hận, biết rõ ràng những lỗi lầm mà người sám hối sẽ sửa đổi lại cho trở nên tốt. Cải sửa những cái xấu ác, mà thực hành những pháp thiện lành. Ví như việc uống rượu, rượu là thức uống làm cho con người say sưa điên đảo, rối loạn tâm thần, rượu cũng là một phần lễ nghĩa của gia đình xã hội, con người tự ngàn xưa dùng rượu đãi nhau nói lên lễ nghĩa mà đãi bạn, rượu cũng là thức uống bổ dưỡng, làm thuốc chữa bệnh, làm vui cửa vui nhà, vui xóm vui làng, bạn bè đãi nhau, thân nhau qua chun rượu, uống rượu để giải sầu, rượu là nguồn vui của những người thích tiêu dao non cảnh. Tuy nhiên, xưa nay đại đa số hành động của người uống rượu trở thành một tập tính xấu, thường là làm việc ác, làm mất nhân phẩm đạo đức gia đình, nhân cách bản thân, tự thân uống rượu đã là xấu ác; đối với tha nhân thì lúc nào cũng làm khổ vợ khổ con, động làng động xóm, gia đình tan nát. Cũng có khi con người dùng rượu để giải quyết một vấn đề như: sát hại lẫn nhau, nói xấu chửi bới lẫn nhau... Nhưng khi người nghiện rượu biết sám hối tội ác do uống rượu làm tổn hại xã hội, họ phát tâm không uống nữa, từ đó môi trường gia đình trở nên an lạc, ổn định hạnh phúc, xã hội vui tươi.

Người tỉnh thức không uống rượu, thường là được gặp nhà Phật khuyên giải, họ nghe theo và được gần Phật Pháp, họ phát tâm thọ pháp quy y, sám hối các lỗi lầm, trở thành người tín đồ Phật giáo. Khi sám hối, các tín đồ phải đọc như vậy: Đệ tử chúng con kể từ vô thủy cho đến ngày nay, lỡ tạo những điều tội lỗi, ngày hôm nay thành tâm sám hối, thề tránh các điều dữ, nguyện làm các việc lành, cúi xin Tam bảo từ bi gia hộ, khiến cho đệ tử chúng con tội diệt phước sanh, căn lành thêm lớn, tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, hiện tiền phước huệ trang nghiêm, một hậu sanh về cõi Phật. Nam mô Cầu Sám Hối Bồ Tát ma ha tát. Hoặc có thể đọc bài thi kệ:

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

Giai do vô thủy tham sân si

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

Nhứt thiết ngã kim giai sám hối

Nam mô Cầu Sám Hối Bồ Tát ma ha tát.

Tội lỗi đã làm từ trong muôn vạn kiếp, một khắc sám hối thì không thể hết. Đối với người thiếu niềm tin thì không bao giờ chấm hết tội lỗi.

Tuy nhiên, do trong một niệm của chúng sanh có 4.900.000.000 (bốn tỷ, chín trăm triệu) lần sống chết, cũng tức là sống 4.900.000.000 kiếp (Phật Học tinh hoa - tác phẩm của Thu Giang Nguyễn Duy Cần). Nay do người khởi tâm thanh tịnh, không vọng niệm phát sanh, khởi tâm tốt mà sám hối; do trong một niệm thanh tịnh (chánh niệm) mà tiêu trừ tội lỗi trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Xưa một kiếp làm tội lỗi, nay một kiếp tu hành thì lỗi ấy ắt tiêu tan; xưa nhiều kiếp

làm tội lỗi, nay nhiều kiếp tu hành thì chắc chắn thành tựu viên mãn, lỗi lầm cũng không còn. Lời của Phật Pháp là chân thật ngữ.

Tiện đây, xin giới thiệu một vài cách tu hành sám hối thù thắng khác, sám hối lỗi lầm có nhiều cách, như Đại lão Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đã từng giảng, sám hối bằng tâm niệm:

Nôm:

*Tội từng tâm khởi từng tâm sám
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không
Thị đắc danh vi chơn sám hối.*

Nghĩa:

*Tội do tâm khởi cũng do tâm sám
Tâm không có thì tội ấy cũng không còn
Tội không còn tâm cũng không có
Đây mới thật sự là sám hối tội lỗi.*

Ngoài ra còn có những cách khác như là:

- Thủ tướng sám hối (tự sám hối, ăn năn lỗi lầm cho đến khi thấy Phật xuất hiện trên đỉnh đầu thì thành tựu pháp sám hối)
- Hồng danh sám hối (lạy 89 danh hiệu Phật trong kinh Hồng Danh Bửu Sám từ Nam mô Phổ Quang Phật... đến... Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật)
- Phát lồ sám hối (tự phát tâm sám hối trước Phật, trước Thầy Bồn sư)... mỗi mỗi cách đều có hiệu quả dành cho người tu Phật dành cho người tu thâm niên hay mới tu đều có thể thực hiện được.
- Bạch sư! Nghe lời sư dạy, chúng con đã hiểu tường tận thế nào là sám hối hết tội, rất phấn khởi tin tưởng và phát lòng tự tin thành tâm sám hối, chúng con sẽ cùng gia đình thân bằng quyến thuộc, cùng các bạn thân sẽ đến Tu Viện xin thọ pháp quy y nhà Phật vào ngày rằm tháng bảy năm nay.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Tư: Ý nghĩa Tam Bảo và quy y Tam Bảo

VẤN: Bạch Sư! Chúng con đã hiểu tại sao tín đồ Phật giáo phải quy y, làm lễ quy y. xin Sư giảng giải ý nghĩa quy y Tam Bảo?

ĐÁP : Phàm làm người trong thế gian, thế gian là khoản cách giữa Đòi và Đạo, giữa những người tu Phật và những người không tu Phật, những người chưa phát tâm tu Phật, khi làm việc gì cũng phải cân nhắc chuẩn bị kỹ lưỡng rồi mới thực hiện công việc. Vấn đề quy y Tam Bảo là việc trọng đại trong đời nhất là đời người. Bởi vì người ấy được Nhà Phật truyền trao một nhân cách sống giữa con người và con người, giữa con người và xã hội, gia đình, tập thể, quần chúng, cộng đồng. Đào tạo con người bằng chính năng lực của mình để thay đổi môi trường sống, chuyển hóa từ thế giới ta bà khổ đau thành thế giới an lạc thanh tịnh vui tươi. Cho nên trước khi quy y Tam Bảo thì quý vị đã sám hối cho thân tâm trong sạch rồi, thân có trong thì ánh sáng chân lý hiển lộ, tâm có sạch thì trí tuệ hiện bày, có thể quyết định được cuộc đời, thay đổi được môi trường sống của đời người, làm cho thọ mạng con người trường cửu thêm lên.

Trước khi quy y Tam Bảo, người tín đồ Phật giáo cần phải biết rõ ý nghĩa quy y là gì?

Quy y nói cho đủ là quy y Tam Bảo, quy là trở về, y là nương tựa; Tam Bảo là ba ngôi Phật Pháp Tăng. Quy Tam Bảo là trở về nương tựa Phật Pháp Tăng. Chúng ta đã nhiều đời nhiều kiếp, say mê lầm lạc, trôi nổi giữa biển đời mênh mông không định hướng, nay cần phải quay về với chánh pháp, nương về Tam Bảo, quy hướng cội nguồn. Người đời nương tựa với cha mẹ, vợ chồng, anh chị em bầu bạn thì không hoàn toàn an lành; sống thì gọi chung thì thân thành với nhau, thuộc về ruột rà thân thích, nhưng đến khi trút hơi thở cuối cùng thì biệt ly, đường ai nấy đi, không còn che chở cho nhau như thời sinh tiền xuân sắc nữa, nên gọi không hoàn toàn an lạc. Nên phải nương về với Phật là một đáng từ bi bình đẳng, như vị cha lành,. Nương tựa với pháp là phương pháp giải khổ, như thuốc hay chữa lành bệnh tật. Nương tựa với Tăng là bậc đại trí, hoằng pháp lợi sanh, mới thật là hoàn toàn an lành.

Phật Pháp Tăng nghĩa là gì? Phật, theo tiếng Pali là Buddha, Trung Hoa dịch là Phật-đà, gọi tắt là Phật, có nghĩa là người giác ngộ, là đáng giác ngộ hoàn toàn, toàn năng, toàn trí, toàn giác, Ông cha lành của muôn loại chúng sanh, đạt đến chỗ chân thiện mỹ. Phật cũng là bậc đại đạo sư của pháp giới mười phương. Phật cũng là đạo hiệu chung cho tất cả những bậc tu hành đã giác ngộ. Phật cũng là một đức hiệu trong mười đức hiệu: Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật thế tôn.

Pháp nghĩa là gì? Pháp là khuôn phép, khuôn thước, mẫu mực, chính là những lời của Đức Phật Thích Ca chỉ dạy. Nếu mỗi người, mỗi chúng sanh y theo giáo pháp của Phật mà tu hành thì quyết định sẽ thoát ly sanh tử, chứng thành Phật quả. Cho nên trong Kinh nói rằng: “Pháp là mẹ sanh ra chư Phật”.

Tăng nghĩa là gì? Tăng nói cho đủ là hòa hợp Tăng già, một một tập thể có từ bốn người trở lên, bốn người nói ở đây là bốn vị Tỳ kheo, bốn vị tu sĩ đệ tử của

Đức Phật, bốn nhà sư thành viên của Tăng đoàn, sống hòa hợp không chống trái lẫn nhau, tâm nhiều người như một, tuy hai mà một, như nước hòa với sữa. Tăng là những người đứng trung gian giữa Phật và chúng sanh, thực hành những lời chỉ dạy của Đức Phật và thay mặt Đức Phật, diễn nói những pháp giải thoát sanh tử luân hồi, giải thoát những khổ đau phiền não, có tình có lý, có sự có lý cho mọi người tu học.

Tăng là một đức hiệu trong tổ chức của những người đệ tử của Đức Phật, bên xứ Tây Vực, dù người có đạo hay không có đạo, dù không phải đệ tử của Phật, nhưng người ta vẫn có cách sống thành từng nhóm, nhóm của những người ở thế gian cũng gọi là Tăng (nhóm bốn người), tuy nhiên nhóm bốn người này là người ngoài đời, không có tu hành, không có học đạo giải thoát của Phật và không giải thoát được những khổ đau phiền não quả báo ở thế gian. Tăng già của Phật là những người học đạo giải thoát, là những bậc được thọ ký “thiện lai Tỳ kheo”, râu tóc đã rụng, sống có nề nếp kỷ cương, tinh nghiêm chuyên trì giới luật, hoằng hóa giới hạnh đi trong nhân gian, phiền não không còn, không còn vướng bận việc thế gian, Tăng già là đoàn người bước đi ngược lại thế gian, hướng về cố quán, hành trình đến Niết bàn hay Tây phương Cực lạc... do sống có tổ chức nên gọi là tăng già, Tăng đoàn.

Tam Bảo theo nghĩa của Tịnh Độ, giảng giải như sau:

Phật hay Phật đà: Một Đức Phật hoặc tất cả chư Phật, nghĩa là bậc đại giác, đại ngộ, bậc hiểu biết tất cả, gọi là nhất thiết trí.

Pháp hay gọi là Đạt ma: Giáo pháp mà Đức Phật đã thuyết.

Tăng hay Tăng già: Tăng chúng, Tăng đoàn, những vị xuất gia tu học giáo pháp của Phật, cùng hòa hợp nhau, chung cùng nhau mà tu học.

Độc trọn là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Như nói, quy y Tam Bảo là nương mình theo Tam Bảo, hướng về Tam Bảo Phật Pháp Tăng, Tam Bảo là cội nguồn của người tín đồ đệ tử Đức Phật.

Về sự nghĩa là: gởi thân nơi Đức Phật, vào Đạo Phật, vào Tăng đoàn của Phật.

Về lý, nghĩa là: Nương theo đức giác ngộ có đủ Phước và Huệ, nương theo sự chánh, không theo tà kiến, nương theo đức tịnh, không nhiễm trước, không chấp nê. Như vậy Phật tức là Giác, Pháp tức là Chánh, Tăng tức là tịnh.

Có ba thứ Tam Bảo:

* Đồng thể Tam bảo (ba ngôi quý báu đều như nhau):

1/ Phật: Lý chơn như tự tánh khai giác

2/ Pháp: Đức dùng phải lối, đúng phép, tự tánh chân chánh

3/ Tăng: Cử động không trái, không tranh, tự tánh thanh tịnh

* Xuất thế Tam Bảo (ba ngôi quý ra khỏi thế gian):

1/ Phật: Pháp thân, báo thân, hóa thân

2/ Pháp: bốn đế, mười hai nhân duyên, sáu độ

3/ Tăng: Các vị thánh hiền chứng đạo, đắc quả

* Thế gian Trụ Trì Tam Bảo (ba ngôi báu ở thế gian):

1/ Phật: Tượng cốt, hình vẽ trên giấy, khánh thờ

2/ Pháp: Quyển vàng, cuốn đỏ, kinh in ở tại nhà in

3/ Tăng: Nhà sư thọ Tỳ kheo, thọ giới theo pháp thập nhân thọ, có đầy đủ tam sư thất chứng. Nói khác: “Đầu tròn áo vuông”.

Trong sách Lục Đạo Tập nói: thế gian đều gọi châu ngọc là bảo, quý báu, nhưng đó chỉ là vật để xem chơi mà thôi chớ đâu có ích gì.

Còn chúng sanh biết quy y Phật thì khỏi đọa vào địa ngục, biết quy y Pháp thì khỏi đọa vào ngạ quỷ, biết quy y Tăng thì khỏi đọa vào súc sanh. Công đức của ba ngôi báu như vậy, nên gọi Phật Pháp Tăng là Tam Bảo.

Kinh Đại Bát Niết Bàn, Phật dạy: Phật Pháp Tăng ba ngôi ấy đều như sau (vô hữu sai biệt). Tánh tướng của Tam Bảo là: thường, lạc, ngã, tịnh.

Bạch Sư! Chúng con đã hiểu tại sao người tín đồ phải quy y Tam Bảo và hiểu rõ ý nghĩa Tam Bảo, chúng con xin nhất tâm đánh lễ.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Năm: Tín đồ Phật tử quy y Tam Bảo

VẤN: *Bạch Sư! Chúng con có một đôi lần chứng kiến Sư tác pháp lễ quy y cho tập thể tín đồ Phật tử, nhất là ở Quan Âm Tu Viện, mỗi lần tác lễ có đến 400 đến 500 Phật tử xin đăng ký quy y do Sư thay Sư Bà thuyết giảng và truyền giới. Chúng con nhận thấy sự lý quy y quá ư là kỹ. Xin Sư chỉ dạy cho chúng con? Chúng con xin quy Tam Bảo?*

ĐÁP: Quy y là sinh hoạt linh động nhất chốn thiên môn đối với người Phật tử, vì khi chưa quy y người Phật tử được gọi là Phật tử tín đồ; nhưng sau tác pháp lễ quy y người tín đồ Phật tử phát tâm thọ pháp Tam quy rồi họ sẽ trở thành người Phật tử bốn đạo của Chùa ấy, suốt đời gắn bó với chùa mình đã quy y, kể cả con cháu, hậu duệ của người Phật tử đó từ đời này sang đời khác cũng đều là Phật tử bốn đạo của chùa.

Có sáu thứ bậc Phật tử:

* **Thứ nhất:** Phật tử bốn đạo là những người Phật tử đã có thọ pháp quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới cấm (không sát sanh - không trộm đạo - không tà tịnh hạnh - không nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rửa sả - không uống rượu tham lam sân giận, si mê) từ đời này sang đời khác, cả dòng họ luôn gắn bó hộ trì nơi chùa đã

quy y. Trường hợp có đi lễ nơi chùa khác là do người Phật tử ngày nay thường phát tâm đi hành hương nhiều chùa, gọi là đi cúng thập tự, cúng thập nhị tự cầu an cho ông bà cha mẹ tại tiền, cầu siêu cho cửu huyền thất tổ quá thế nhiều đời siêu sanh lạc quốc. Nhất là ngày nay người Phật tử còn hướng dẫn cha mẹ, vợ chồng con cái đi chùa cúng dường Tam Bảo, cúng dường tịnh tài tịnh vật xây chùa, in kinh, ấn tống kinh, ủng hộ in kinh sách của quý Thầy, quý Sư sáng tác, biên soạn, dịch thuật, giảng dạy; đi chùa xin quy y, đi chùa nghe thuyết pháp, đi chùa học giáo lý Phật học, nhưng không bỏ quên Thầy bổn sư của mình, nơi quy y buổi ban đầu.

* **Thứ hai:** Phật tử tín đồ là người Phật tử phát tín tâm đi theo Đức Phật, phát tâm học giáo lý Đức Phật, biết ăn chay, biết tham dự niệm Phật... nhưng chưa thọ pháp quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới cấm.

* **Thứ ba:** Phật tử tín đồ cũng có khi là những người thường xuyên đi lễ các chùa, nhiều chùa trong nước và ngoài nước, chùa nào họ cũng tín tâm lễ lạy ngôi Tam Bảo, chỉ có điều họ chưa quy y.

* **Thứ tư:** Phật tử phát tín tâm tu một pháp nào của Đạo Phật, như: tu Thiên, tu Tịnh độ, tu Mật tông... nhưng chưa tác pháp lễ quy y.

* **Thứ năm:** Phật tử chuyên nghiên cứu kinh điển của Phật, nghiên tâm giáo lý Phật đà, ấn tống kinh, dịch kinh, sáng tác sách Phật... nhưng chưa thọ pháp quy y.

* **Thứ sáu:** những người có thiện cảm, có tình cảm thân quen với đạo Phật hay một ngôi chùa Phật mà họ có nhân duyên.

Những thứ bậc Phật tử đại để được kể như trên cho chúng ta thấy, khi làm người đệ tử của Đức Phật thật rất quan trọng, và rất ấn tượng với lễ quy y, cho thấy việc tác pháp làm lễ quy y quan trọng đến bậc nào.

Đề trở thành người Phật tử chính thức, trước đó người Phật tử được Thầy bổn sư ban cho một pháp danh (tên được đặt trong đạo Phật), giữ gìn pháp danh đó từ ba tháng đến sáu tháng, thậm chí cả năm, gọi là “sơ quy y”. Tuy nhiên không nhất thiết về thời gian đối với người Phật tử, có khi vừa được ban pháp danh thì đã có lễ quy y nên người Phật tử được thọ pháp quy y; sau khi được thọ pháp Tam quy và ngũ giới cấm, tức đã “quy y chính thức”, người đó được gọi là Phật tử “Bổn đạo”, là người “Con” của Phật, hay người “đệ tử” của Đức Phật “Bổn sư” Thích Ca.

Theo Hội Phật giáo Tịnh độ tông Việt Nam xưa, thì mỗi khi tiếp nhận người tín đồ Phật tử, phải có hai người Phật tử Bổn đạo của Hội giới thiệu mới được chấp nhận trở thành người tín đồ Phật tử của Hội, đây là do có tổ chức Hội tu niệm Phật, nên có điều lệ nội quy, quy định về tín đồ Phật tử hay bổn đạo Phật tử khi đến quy y. Ngày nay việc giới thiệu chẳng qua là hình thức, vì Đạo Phật là Đạo giác ngộ, chúng sanh giác ngộ quy y, Phật tử giác ngộ quy y, người có căn lành quy y, người có nhân duyên với Phật, với Sư Thầy phát tâm quy y, người có gia đình thuộc truyền thống đạo Phật... thì được chấp nhận ngay.

Xưa nay, sở dĩ khi quy y bắt buộc có người giới thiệu là để thanh lọc người xấu, người phạm pháp luật trên mọi phương diện, người ngoại đạo... bước vào hàng ngũ Đức Phật rập tâm phá Phật, phá giáo pháp Phật, làm mất thanh danh Đạo Phật, nên mới có việc khi người phát tâm quy y Phật phải có sự giới thiệu với Nhà chùa.

Theo quan niệm của những bậc xuất thế, mỗi lần quy y là một lần được Đức Phật xoa đầu thọ ký, người đã được Phật xoa đầu thọ ký thì tương lai người ấy cũng thành Phật. Căn lành trong muôn vạn kiếp ảnh hiện, sự an lạc đến với người, sự thành đạt sẽ xuất hiện trong trái tim trí tuệ của người con Phật, họ như người đi trong đêm tối mà có ánh trăng rằm sáng soi. Thậm chí họ còn trở thành những ngọn đuốc sáng khi đêm dài trăng lặn, như câu thơ của vị thiền sư khuyết danh đã nói:

Cuộc sống cần vui, xin nguyện làm chim hót

Sôi đá khô cần xin chuyển hóa màu xanh

Nguyện làm hoa khi vườn lá trở cành

Làm đuốc sáng khi đêm dài trăng lặn

Bốn câu thơ trên như là hạnh nguyện ngàn đời của người con Phật. Những ai phát nguyện làm con Phật, làm con Phật vĩnh viễn trong muôn vạn kiếp, làm con Phật cũng chính là làm lợi lạc cho chúng sanh.

Người khởi tâm quy y, phát một lòng thành tín trở thành người có nhiệm mệnh cao cả. Khi quy y nên quỳ thẳng chấp tay hướng về ngôi Tam Bảo, tỏ tấm lòng chân thật, lắng tâm trong sách nói lời: "Đệ tử chúng con tên..... pháp danh.....xin nguyện một đời quy y Phật – Đệ tử chúng con tên.....pháp danh.....xin nguyện suốt đời quy y pháp – Đệ tử chúng con tên.....pháp danh..... xin nguyện suốt đời quy y Tăng"

Sau khi đã nói theo giới sư, lời xin quy Tam Bảo rồi, Phật tử tiếp tục nói theo giới sư như sau: "Đệ tử chúng con tên.....pháp danh.....xin nguyện suốt đời quy y Phật rồi - Đệ tử chúng con tên.....pháp danh.....xin nguyện suốt đời quy y Pháp rồi - Đệ tử chúng con tên.....pháp danh.....xin nguyện suốt đời quy y Tăng rồi"

Sau khi đã quy y, không bị sa vào tam ác đạo, Phật tử tiếp tục nói theo vị giới sư như sau: "Đệ tử chúng con tên.....pháp danh.....xin nguyện suốt đời quy y Phật rồi khỏi đọa vào địa ngục - Đệ tử chúng con tên.....pháp danh.....xin nguyện suốt đời quy y Pháp rồi khỏi đọa vào ngạ quỷ - Đệ tử chúng con tên.....pháp danh.....xin nguyện suốt đời quy y Tăng rồi khỏi đọa vào súc sanh". Người Phật tử khi đã quy y thọ pháp rồi, suốt đời sống trong rừng công đức "đại bửu lâm", trí tuệ sáng suốt tuyệt vời, lòng từ trải rộng như trời đất, lòng bi thương xót muôn loài như muốn ra tay tế khổ độ mê.

Đồng thời, người Phật tử khi đã quy y thọ pháp rồi, từ nay trở đi thà bỏ thân mạng, trọn không quy thiên thần quỷ vật. Vì thiên thần quỷ vật còn luân hồi sinh

tử, không phải là bậc thánh nhân ra khỏi thế gian, họ cũng có những sinh hoạt gần giống như sinh hoạt trong Đạo Phật, nhưng không tu hành chi cả, họ có cuộc sinh hoạt tâm linh, sự sinh tồn giả tạm như “ốc mượn hồn”, như “chùm gởi”, mượn thân cây để đeo bám cuộc sống”.

Quý vị đã quy y pháp rồi, thà bỏ thân mạng chớ không quy y theo kinh điển, lời nói của ngoại đạo tà giáo, không quy y theo các triết lý, tư tưởng, học thuyết của thế gian, những việc thờ cúng ở thế gian. Vì sao, vì kinh điển ngoại đạo tà giáo ở thế gian không phải là pháp môn tu vô lậu giải thoát.

Quý vị đã quy y Tăng rồi, thà bỏ thân mạng, chớ suốt đời không quy y đồ chúng ngoại đạo. Vì đồ chúng ngoại đạo không phải là người giải thoát chứng quả Thỉnh văn, Duyên giác, Bồ tát, họ sẽ dẫn dắt quý vị vào con đường tối tăm nguy hiểm. Nghĩa là suốt đời làm con Phật mà chẳng biết giới luật Phật là gì, chẳng biết câu kinh, giáo lý Phật ra sao, vào chùa chẳng biết kính Phật trọng Tăng, chẳng biết giáo pháp Phật là gì, tu hành ra sao?

Ôi đúng là thời mạt pháp, có người làm xằng bậy, không học Phật pháp mà đi nói Phật pháp thật là tu hành thiếu nền nếp, ứng khẩu không lẽ lói, không đúng chánh pháp, không học đạo mà nói nói đạo, nói năng không ra gì lại bảo là soi căn, đoán mò, chẳng đúng đâu vào đâu, mà bảo là biết quá khứ vị lai của Phật tử, những sinh hoạt tín ngưỡng ấy dành cho một vài người nhẹ dạ thuộc diện thích “mê tín”... vậy mà vẫn ung dung sống trong Đạo Phật làm bản mắt Đức Thế Tôn.

Mặc khác, có người nói: “Đến xin phép làm ăn, trong đời người có giàu mới sanh lễ nghĩa”, nhưng khi có tiền, họ sinh ngã mạn, đi nghênh, đi ngang trong chùa, gặp quý Sư không chấp tay xá bái, còn cho rằng ta đây đã có cúng tiền cho chùa; trong khi chùa không mong cầu sự cúng kiến đó, cúng theo cung cách “có tiền thầy vào chùa”, gọi là trả lễ, trả xong muốn làm gì thì làm. Nhưng họ không biết chùa ngày nay, nhất là những trung tâm có truyền bá pháp môn tu “biệt truyền”, có tông chỉ... không cần có sự cúng kiến ấy. Họ không biết quý trọng Sư Trụ trì; quý Sư có bao giờ chấp nhận họ là Phật tử đâu?

Người Phật tử khi đã biết đi chùa lễ Phật và có phát tâm quy y Tam Bảo rồi, khi gặp chư Tăng bất cứ ở chùa nào, xứ sở nào, hay quốc gia nào cũng đều quý kính, đừng nên chỉ quý trọng chư Tăng ở chùa mình câu quy y Tam Bảo mà thôi, hoặc thích ai thì kính nấy, vô lẽ lói thiếu đạo đức lắm các bạn ạ... đi chùa không nên thiếu lễ nghi khuôn phép như thế mới đúng là một người Phật tử hiểu biết chân chánh. Đừng nên gặp quý Sư, gặp Đại sa môn, Sa môn mà không quý kính, như vậy thì thật là uổng công đức đi chùa, phí công đi chùa, cũng như không hiểu biết gì về Phật Pháp. Cung phước đức của các bạn sẽ dần dần mất hẳn nơi các bạn và gia đình, các bạn ạ!

Ở Việt Nam, đại đa số ngày nay chỉ còn có Phật tử của phái Thiên hay phái Tịnh đều có quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới cấm; các vị tu hành nghiêm túc lắm, các vị lánh xa đường tà, chăm chỉ học giáo lý Phật học, học Phật pháp, giữ giới để

tu. Vì họ đã hiểu “Giới” là giáo pháp Đức Phật, “Giới” là hàng rào ngăn cấm không cho con người bước đến vùng nguy hiểm của cuộc đời, giúp cho con người và gia đình hạnh phúc; “Giới là biên cương hòa bình, ngăn cách giữa Đời và Đạo; “Giới” giúp cho con người làm chủ vận mệnh, làm chủ gia đình, thay đổi môi trường từ môi trường xấu trở nên tốt, môi trường không trong lành êm ấm, trở thành môi trường trong lành êm ấm, hạnh phúc. Giới làm cho chúng sanh vượt khỏi khổ đau phiền não, ra khỏi biển sanh tử, không còn luân hồi trong sáu nẻo (thiên, nhơn, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh...).

Một ngày nọ, Đức Thế Tôn khi đã lớn tuổi nên dẫn môn đệ hành đạo lần về kinh thành Câu Thi Na; lúc ấy thân Đức Phật đã 80 tuổi, bệnh yếu đau nhức, Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, như thế giới đều tối tăm, các cung trời chư Tiên đều rũ rượi, chư đệ tử trong đó có Đức A Nan vật vã than khóc: “Đức Thế Tôn nhập diệt! Đức Thế Tôn nhập diệt! Chúng con không còn biết hỏi giáo lý với ai nữa để tu hành! Ôi sao mà đau đớn thay! Mặt trời chánh pháp sắp tắt hẳn!

Lúc bấy giờ Đức Phật kêu đại chúng và Ông A Nan dạy: “A Nan, các ông không nên cho rằng Đức Thế Tôn nhập diệt là chánh pháp không còn trụ thế; sau khi Ta nhập diệt các Ông hãy lấy giới luật làm Thầy, giới luật còn là Ta còn, giới luật mất là Ta mất!

Xem trên chúng ta thấy, người con Phật có thọ quy giới, có giữ giới thì chánh pháp còn, chánh pháp còn là Đức Phật còn. Thế nên người con Phật dù xuất gia hay tại gia không nên không thọ giới pháp để tu hành.

Phước lành của người Phật tử

...Ngày xưa, tại nước Xá Vệ có một gia đình Trưởng Giả, Bà vợ của Ông năm đó sinh được cháu trai, khôi ngô tuấn tú. Giữa lúc sinh, trên trời tự nhiên hoa rơi xuống đầy sân, nhân hảo tướng này Ông Bà đặt tên cho con là “Hoa Thiên”. Dân làng ai cũng khen Trưởng Giả nhiều phước đức, sinh được con quý, Trưởng Giả rất vui, nuôi con một cách đường hoàng trân quý, hy vọng sau này làm nên danh giá cho vọng tộc. Ông Bà lúc nào cũng không rời lòng yêu thương trìu mến con, luôn luôn làm những việc lành để hồi hướng cho con. Song tính nết của Hoa Thiên cũng rất ngoan, hiếu kính mẹ cha, lại có óc thông minh và hiền hậu. Đối với mọi người trong nhà cũng như hàng xóm, không làm mất lòng ai bao giờ, lại hay có tâm giúp đỡ người, nhất là những người cô bản, nghèo khó, nên được nhiều người kính mến, cảm phục.

Sau khi lớn tuổi học hành tiến đạt, một hôm theo người thân đi cúng dường Phật. Tới chốn Phật, nhìn thấy Ngài có oai đức phi thường đầy đủ tướng từ bi, quang minh xán lạng, tự phát tâm ngưỡng mộ, vui mừng hớn hở rồi thầm nghĩ rằng:

“...Người ta sinh trên đời, được gặp Phật là một sự khó, những người được hạnh ngộ là có túc duyên lắm vậy...”

Nghĩ xong Hoa Thiên tới trước Phật, sụp lạy thưa rằng:

“Kính lạy Đức Thế Tôn! chúng con không biết có phước lành gì mà hôm nay được tới đây chiêm ngưỡng Ngài, cúi xin Ngài từ bi giáo hóa cho chúng con được biết đường hướng tu hành, thoát khổ, đời đời được an lạc...”

Phật dạy, hay lắm! Người có duyên lành, muốn được an vui, hãy ghi nhớ những lời ta nói:

“Con người phú quý hoặc bần tiện cũng do tự mình tạo tác, giữ gìn ngũ giới được sinh làm người, tạo mười điều lành được sinh thiên, tham lam bòn xén đọa thành ngựa quỷ, sát nhân hại vật, sân si phải đọa địa ngục, tà kiến vô nhân đọa làm loài súc sinh...”

Hoa Thiên nghe xong như người đói được ăn, khát được uống, quỳ lên bạch Phật rằng:

“Kính lạy Thế Tôn, ngày mai chúng con thành kính sắm sửa trai nghi, cúi xin Ngài và quý Sư dời gót ngọc tới tới nhà con chúng trai, thọ thực và sau đó ban bố bài pháp lành để cho cha mẹ con, lục thân quyến thuộc được ân triêm công đức...”

Phật dạy: “Hoa Thiên có lòng thành kính Ta và quý chư Tăng sẽ chứng minh công đức”

Hoa Thiên lễ tạ lui ra, về nhà trình bày cùng cha mẹ công việc thỉnh Phật và quý Sư ngày mai, thì Ông Bà rất vui lòng. Đêm ấy cả nhà đều tập nập bày biện kim tòa, trải chiếu tới sáng mới xong. Tuy nhiên, trong nhà chưa sửa soạn các món ăn, Ông Bà liền hỏi con:

“Hoa Thiên đáp: ” Thưa Cha Mẹ, việc ấy để con lo liệu, Cha Mẹ không phải lo...”

Khi Phật và quý Sư quang lâm, do phước báo của Hoa Thiên, trên trời hóa hiện ra những tòa ngói, bằng thất bảo, nơi nằm, nơi nghỉ, trang nghiêm, vô cùng rực rỡ. Phật và quý Sư thăng tòa ngồi yên lặng, lúc bấy giờ các món ăn tự nhiên hiện ra.

Dùng cơm xong, Phật thuyết pháp nói về “Tứ Diệu Đế”; Hoa Thiên và đại chúng nghe xong, được chứng quả Nhập Lưu (được bước vào dòng nước Thánh)

Sau khi Phật và quý Sư về Tịnh xá, Hoa Thiên xin cha mẹ theo Phật xuất gia cầu học đạo giải thoát, vì Ông Bà đã hiểu đạo, nên hoan hỷ cho Hoa Thiên xuất gia theo Phật tu hành. Hoa Thiên lạy Cha Mẹ rồi đến tịnh xá cúi đầu lễ Phật xong thưa rằng:

“Kính lạy Đức Thế Tôn! Xin Ngài từ bi hoan hỷ cho con được xuất gia nhập đạo tu hành, vì đã được sự đồng ý của Cha Mẹ con”

Phật dạy: “Thiện lai Tỳ kheo!

Ngài nói dứt lời, tóc trên đầu Hoa Thiên tự nhiên rụng hết, áo mặc trong thân biến thành áo Ca sa, thành hình tướng Sa môn, tu hành thật tinh tiến, chẳng bao lâu chứng quả Vô sanh A La Hán.

Thấy việc Hoa Thiên tu hành và chứng quả một cách mau lẹ như vậy, ngài A Nan lấy làm lạ, nên tới trước Phật làm lễ bạch rằng:

“Kính lạy Thế Tôn, Hoa Thiên Tỳ Kheo, thuở trước làm phước đức gì mà lúc sơ sinh có hoa sen trên trời bay xuống, khi cúng dường Phật tự nhiên lại có giường tòa và các món ăn thịnh soạn, kính xin Ngài chỉ dạy cho chúng con được an tường”

Phật dạy: “Ở trang nghiêm kiếp của Ta, thuở đó có Đức Phật hiệu là Tỳ Bà Thi. Phật ứng thế độ sanh, thường thường cùng chư Tăng đi vào các làng ấp để giáo hóa, những nhà tôn quý và nhân dân không phân biệt giàu nghèo sang hèn đem các món ăn và vật dụng cúng dường.

Lúc ấy có một người Phật Tử nhà nghèo thấy mọi người sùng kính cúng dường Phật và quý Sư, trong lòng rất hoan hỷ, nhưng hận vì mình nghèo, không có tiền bạc, tài sản dâng cúng để lập phước duyên cho tương lai. Vị Phật Tử kia đi tới đi lui suy nghĩ mãi, không biết làm gì để có phẩm vật dâng cúng Phật. Ngồi lại bên đường, cạnh chỗ ngồi có một mớ hoa cỏ, Ông liền hái số hoa cỏ bên lề đường, một lòng thành kính lễ lạy, tung hoa cúng Phật và quý Sư. Lúc bấy giờ được Đức Phật chứng minh, Ông rất hoan hỷ và xin được phép ngồi xuống nghe Phật thuyết pháp. Nay A Nan, người nghèo khó cúng hoa cỏ thuở đó, nay là Hoa Thiên Tỳ Kheo, đây cũng do đời quá khứ có lòng tin kính cúng hoa dâng lên Phật, chí tâm cầu nguyện, từ đó đến nay đã trải qua chín mươi một kiếp, Hoa Thiên được phước báo sanh vào thế giới nào thân thể cũng tốt đẹp, ý muốn dùng gì cũng được đầy đủ, thức ăn uống giường tòa các dụng cụ, trang trí nội thất, vừa nghĩ đến tự nhiên có, và lúc sơ sinh có hoa trên trời bay xuống do phước duyên đó mà nay gia đình thật hạnh phúc và Hoa Thiên tu hành được đặc đạo.

Thật màu nhiệm thay! quý hóa thay, làm con Phật bạn ạ!

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ BA

Ngày Thứ Sáu: Giới luật dành cho người tu tại gia

Bạch Sư! Xin sư giảng giải cho chúng con được tri tường về giới luật của người Phật tử tại gia?

Giới luật dành cho người tu tại gia cũng gọi là giới cấm. Giới cấm, nói cho đủ là ngũ giới cấm, tức là năm giới dành cho người tu Phật tại gia thọ học giữ gìn, không cho hư mất. Nói là giới cấm tức luật Phật ban hành, khi giới sư truyền giới

cho Phật tử bảo là “không”, chứ không phải “cấm đoán”; vì Đạo Phật là đạo giác ngộ, con người giác ngộ giữ giới, không bắt buộc giữ giới. Giới là diệu dược phương thang, theo bệnh nào, thì giữ giới đó, giữ giới nào đặc đạo theo giới ấy. Giới cấm theo bản dịch và biên soạn của Đại lão Hòa Thượng Thích Thiện Hòa và bản dịch của Sư Cụ Hồng Tại Đoàn Trung Còn, như sau:

GIỚI THỨ NHẤT: Không được giết hại chúng sanh.

Chúng sanh tức là loài hữu tình chúng sanh. Nghĩa là các loài có tánh biết; tuy chỗ tạo nghiệp thọ thân bề ngoài có khác nhau, nhưng cái tánh biết đến với người không khác. Nó cũng có biết tham sống sợ chết, biết khổ, biết vui, biết thương, biết ghét, biết tìm lối sống, biết tìm cách thoát thân như con người.

Con người tham sống, con vật cũng biết tham sống, người sợ chết, vật cũng sợ chết. Người Phật tử không được giết chết, xúi giục người giết chết, thấy giết hại mạng mà vui theo, có những cử chỉ hành động biểu đồng tình trước sự giết chóc... làm tổn thương sinh mạng tất cả những loài vật thuộc có mạng sống. Vật lớn như con voi, con bò, con trâu, chó, mèo, dê trù... vật nhỏ như gà, vịt, muỗi mòng, kiến, dế, vi trùng... đều không được giết hại.

Người Phật tử không giết hại chúng sanh, trái lại còn mua các con vật, như: chim, cá, rùa, rắn... phóng sanh thì hiện đời này sẽ được tăng kỷ, đời sau sanh làm người sẽ được sống trường thọ. Ngược lại, người ưa thích giết hại chúng sanh thì hiện đời sẽ bị giảm kỷ, qua đời sau phải bị quả báo thương đau, ly tan mệnh yếu.

Khi nghe Sư Thầy giảng dạy làm việc phóng sanh có phước đức vô lượng, làm việc phóng sanh được trường thọ, người Phật tử không nhất thiết phải vào chợ mua chim đã bị những người nông dân rập bắt đem bán để phóng sanh, vì mua chim phóng sanh bằng cách này là tạo cơ hội cho người nông dân tiếp tục rập bắt mà sanh tội vô biên.

Khi chúng ta đi đường, gặp trẻ con bắt lấy ổ chim làm vật thí, người Phật tử liền mua ổ chim ấy đem trở lại nơi chỗ cũ, để mẹ con loài chim được trùng phùng, chim con không phải bị chết đói, chim mẹ không phải bị khổ đau vì mất con... gặp người nông dân bắt rắn hay ếch, dế liền mua rắn, ếch dế ấy đem phóng sanh. Phóng sanh như thế phước báo vô lượng v.v...

Có nhiều người phóng sanh bằng cá kiêng, việc làm có hình thức ấy cũng được thôi, nhưng chẳng thấy gì là phước đức cả, vì có người mua phóng sanh, thì có người “nuôi cá đẻ” để bán phóng sanh “việc làm thật nực cười và cảm thấy ái ngại vô cùng”

GIỚI THỨ HAI: Không được trộm đạo (trộm cắp).

Như thế nào gọi là trộm cắp. Là tất cả những vật quý báu như vàng, bạc, ngọc, ngà, cho đến vật dụng nhỏ nhất, như cây kim ngọn cỏ, trái ớt... đã thuộc quyền sở hữu của người, tức là vật có chủ trông coi, người ta không cho, mà mình lén lấy, hoặc cậy thế ý quyền mà lấy, lường thặng, tráo đấu, đi làm việc trễ giờ... thuộc về tội trộm cắp cả.

Thậm chí, đến những việc như: qua đò không trả tiền đò, buôn lậu, trốn thuế nhà nước, tham nhũng tiền của dân, biển thủ tiền công quỹ, hối lộ, lén lấy tài sản của công, mua một bán mười... đều thuộc tội trộm cắp cả.

Lén lấy gọi là trộm cắp, công khai mà lấy, dùng sức mạnh, thế lực mà sang đoạt của người gọi là cướp, xa hơn nữa là giết người cướp của... Các tội lỗi trên đều có liên quan đến giới thứ hai. Trường hợp là cướp, cướp của giết người hoặc trộm vượt ra ngoài cương giới Nhà Phật, những tội ấy sẽ do pháp luật của nhà nước trừng phạt.

Trộm cắp có những điều hại gì? – Hiện tại bị người tìm bắt, trói buộc tra tấn kèm kẹp, hành phạt, khổ sở, cha mẹ buồn khổ, xã hội khinh thường, bè bạn lánh xa, mất sự tin cậy lẫn nhau. Sau khi chết, trở lại làm người bị bần cùng, cơm ăn không đủ no, áo mặc không đủ ấm. Hoặc có khi làm được của, rồi bị trả báo cướp giết, nhà cháy, nước trôi, rớt cuộc cũng hoàn nghèo khổ, hoặc làm tội tở, trâu bò ngựa đê trả nợ trước.

Không trộm cắp, có lợi ích gì? – không trộm cắp mà còn bố thí, thì đời này đời sau hưởng phước giàu có, an vui sung sướng, con cháu nhiều đời nhờ phúc thừa của ông bà cha mẹ, mà được giàu sang, vinh hiển? Song nhờ sự phát tâm bố thí, mà tiêu trừ lòng tham lam, trộm cắp.

Giữ giới không được trộm cắp có nhiều lợi ích như trên, người tín đồ Phật tử nên thọ pháp quy giới gìn giữ cho nghiêm minh.

GIỚI THỨ BA: không được bất tịnh hạnh (từ Phật học xưa nói không tà dâm), nói không tà dâm thật không thanh bai chút nào trong nhà Phật, trước cửa Phật, thế nên mới không dùng từ “không được bất tịnh hạnh”.

Đức Phật dạy: Người Phật tử còn tại gia giữ năm giới, chỉ giữ giới không được phạm bất tịnh hạnh, cần phải giữ hạnh phúc gia đình, sống một chồng một vợ, không nên lén ngó vợ chồng người khác, gái đẹp gái trinh, không nên lén lút làm việc xằng bậy rối loạn gia phong, vi phạm thuần phong mỹ tục.

Chúng sanh có nhiều tâm ái dục, thương yêu tà vạy có nhiều tổn hại, như: làm cho chồng hay vợ buồn khổ, ghen tương, hận thù... làm cho mất lòng tin cậy lẫn nhau, thân mạng sẽ chết theo đao guơm, gia đình lần lần suy sụp, nghèo khổ cận kề, hạnh phúc không còn gần gũi với gia đình. Người có tâm ái dục, làm việc tà vạy, làm việc bất tịnh hạnh với người khác luôn luôn mắc phải các quả báo xấu về sau, đang sống chung hạnh phúc, có người đến phá hoại gia can; khi làm chồng hay vợ con, phải nhìn thấy người thân hay sanh lòng lang chạ, chồng có vợ đôi vợ ba... vợ có chồng hai, chồng ba...

Người Phật tử muốn cho gia đình đầm ấm, hạnh phúc, vui vẻ, muốn được tin cậy, muôn mạng sống vững yên, muốn cho thành tựu gia nghiệp ăn nên làm ra, muốn cho được tiếng thơm trong sạch ở đời này và khỏi bị quả báo xấu đời sau, thì nên dứt hẳn bệnh tật tà bất tịnh hạnh (không tà dâm). Không tà bất tịnh hạnh có lợi ích, người tín đồ Phật tử giữ gìn cẩn trọng đừng để cho vi phạm.

GIỚI THỨ TƯ: Không được nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rửa sả. Nói dối là nói không thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có; khoe khoang là hay nói xấu người, khoe mình tốt, hay khoe khoang khóac lác; đâm thọc là nói xóc hai đầu, đem chuyện xấu đằng đây nói cho kia nghe, đem chuyện xấu đằng kia nói cho đây nghe, nói không đúng chuyện của đối phương, thuật dịch lời không chuẩn xác khiến cho hai bên chửi lộn, mắng lộn với nhau, hận thù với nhau, chiến tranh với nhau; rửa sả là mắng nhiếc, nói lời thô tục, lời thô bỉ, lời trù dập người khác, người mình không ưa, rửa sả nói lời thô tục với con cái mình, với người thân của mình hay tha nhân hàng xóm.

Đức Phật dạy: nói dối là tâm nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo, miệng nói một nẻo, làm việc một ngã khác, nói dối có bốn cách:

1. Nói không chân thật: Nghĩa là lấy phải làm quấy, cho nên thấy mà nói không thấy; lấy quấy làm phải, cho nên việc không thấy mà nói là thấy.

2. Nói thêu dệt: Nghĩa là trau sửa lời hoa nguyệt, tiếng hay khéo, nhưng tâm không thật, trí không tịnh, xui người buông lung tâm trí, để làm việc tà bậy.

Nói thêu dệt cũng còn có nghĩa là khoe khoang, nói tốt cho mình, khóac lác, tăng bốc câu chuyện, làm cho câu chuyện thật lại trở thành hoa mỹ mất rồi, chuyện hư cũng hóa ra là thật. Người ấy không bao giờ sống trong thật tế của sự thật.

3. Nói lười đời chiều: Là đem chuyện đây nói kia, đem chuyện kia nói đây, dùng thân miệng ý của mình làm cho đôi bên bạn thành thù hận, chửi rửa lẫn nhau, gây chiến tranh lẫn nhau...

4. Rửa sả: nói lời thô tục, mắng nhiếc hủy nhục người, làm cho người nổi sân si, gieo rắc hận thù. Ở trước mặt người nói khác, sau lưng người nói khác, tiền hậu bất nhất, bạn bè mất lòng tin cậy lẫn nhau. Người ác khẩu không làm nên sự nghiệp, không dựng nên cơ nghiệp lớn; hiện đời cũng như tương lai không sanh vào đường thiện, gặp nhiều khó khổ trong cuộc sống.

Người không nói dối, là người tâm nghĩ như thế nào, thì miệng nói ra như thế ấy, được quần chúng tin cậy, đời sau thân tướng trang nghiêm tốt đẹp, tướng lưỡi rộng dài, luôn nói lời thật. Vì có sự lợi ích như thế, nên tín đồ Phật tử lúc nào cũng nói lời chân thật.

GIỚI THỨ NĂM: Không được uống rượu, rượu là thứ nước có chất thuốc lên men, đường lên men, chắt chua thành men hay làm cho con người say sưa, không còn tỉnh táo khi dùng đến rượu. Người tín đồ Phật tử khi đã thọ giới pháp, dù một giọt nhỏ cũng không uống. Hoặc tự mình tìm uống, hoặc đưa rượu cho người uống cũng đều phạm tội nặng, lỗi lớn. Thuốc độc uống vào thời chết ngay, song chỉ giết hại mạng người trong một đời, nhưng cũng ít độc hơn rượu, vì rượu là thứ nước làm cho người si mê tâm não, mất giống trí tuệ, gây nên những tội lỗi đáng tiếc, chết đi sống lại nhiều kiếp, nên rượu là thứ độc được, độc hơn thuốc độc. Rượu có thể làm mất cả giang sơn, mất cả triều đại đối với những vị hôn quân vô lại thời xưa. Người xưa dùng rượu để làm nên lễ nghĩa, nhưng cũng chính rượu

làm mất lễ nghĩa phong hóa của con người ở từng thời đại. Chúng ta nên kiêng dè với rượu.

Rượu không chỉ làm hại con người, mà còn làm hại mạng chúng sanh, có rượu thì có giết hại heo dê gà vịt, nói chung là mạng chúng sanh, rượu hay khiến cho người thường gây ra tội lỗi, lỗi lầm nguy hiểm từ tình bạn đơn sơ đến cựu thù không đội trời chung. Rượu vào lời ra, con người có thể mượn rượu để trả thù, mượn rượu để mắng nhiếc chê bai người khác, gây đổ vỡ tình bè bạn, thân bằng quyến thuộc, kể cả anh em ruột thịt.

Trong Đại luật, đức Phật dạy: Người say rượu, sẽ bị xui khiến làm việc tà vạy, sanh mười điều tội lỗi:

01/ Tâm tán loạn, của cải rơi mất

02/ Thân hay sanh tật bệnh

03/ Tăng trưởng lòng giết hại

04/ Tâm sân hận bùng lên, ưa sanh sự tranh đấu

05/ Trí tuệ kém dần

06/ Phúc đức tiêu mòn

07/ Sự nghiệp không thành công

08/ Lúc nào cũng có sự buồn khổ

09/ Khổ nhục cha mẹ vợ con

10/ Thân hoại mạng chung, đọa vào địa ngục hắc ám, chịu khổ trăm bề, đời đời sống trong u tối. Người không uống rượu thì tâm trí sáng suốt, làm việc gì cũng được mọi người tin cậy ủng hộ, nên sự nghiệp, thành công trên đường đời.

Trong giới uống rượu, thường là đức Phật hay nhắc đến người nam là rường cột của gia đình. Nên phạm làm con Phật thì dù ở ngoài thế gian hay ở trong đạo cũng đừng bao giờ uống rượu.

Nhân nói chuyện uống rượu, ngày nay đại đa số các gia đình, người ta thường dùng nước bia để làm nước giải khát. Sự thật thì điều này không đơn giản gọi là nước giải khát; vì chất men bia chính là nguồn gốc hóa chất làm lên men, làm cho tâm thần người bán loạn, hóa chất ấy lại có trong men bia, nên chính rượu bia là thứ “nước say” rẻ tiền gây tổn hại thân thể con người và làm tán gia bại sản cũng vì “nước say rẻ tiền ấy”.

Xưa cũng như nay, đời cũng như đạo, đã giữ giới không uống rượu, thì đừng bao giờ uống, dù đó là rượu thuốc. Ngày xưa thầy thuốc xem mạch kê toa cho người bệnh, có đôi khi chỉ định bệnh nhân dùng các loại thuốc có ngâm rượu để uống khi có bệnh, nhưng là bệnh kinh niên, bệnh khó chữa, bệnh đã bế tắc... nên khi có bệnh trong đạo, đức Phật, nhà Thiền, nhà Chùa cho phép Phật tử khai giới uống rượu thuốc thì được uống, nhưng khi uống phải bạch cho đại chúng chư tăng, Thầy Bôn Sư được biết để uống. Cho đến khi lành bệnh, phải bạch với chư Tăng giữ giới cấm lại, không còn uống rượu nữa, nhưng đây là chuyện xưa. Còn chuyện nay thì thuốc men tinh lọc có đủ, có thừa, không nhất thiết khi bệnh phải dùng đến

thuốc rượu, vì thuốc rượu sẽ là mối nguy hại “tác dụng phụ”, sau khi chạy chữa lành bệnh, bệnh nhân sẽ bị chuyển sang bệnh khác, tức là bệnh “ghiền rượu”, còn nguy hại gấp trăm ngàn lần khi chưa mắc bệnh trước đó!

Bạch Sư! Chúng con đã nghe Sư giảng về Tam Quy y và năm giới cấm của Phật ban truyền dành cho Phật tử, chúng con và gia đình xin quy y Pháp tu hành. Rằm tháng bảy đến đây, chúng con xin đến Tu Viện quy y. Mô Phật, mong Sư chứng minh!

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN III. CỬ SĨ LẬP HẠNH XUẤT GIA

CHƯƠNG THỨ TƯ

Ngày Thứ Bảy: Do nguồn Bát Quan Trai giới

Bạch Sư! Trong hệ thống tu hành của môn phong, có nhiều sinh hoạt lớn, thật ích lợi cho Tăng ni, Phật tử. Trong đó có tác pháp truyền thọ “Bát Quan Trai giới”, chúng con tuy có dự khóa tu “Bá Nhứt trì danh niệm Phật”, nhưng chưa dự khóa “Bát Quan Trai giới”. Xin Sư giảng giải cho chúng con và đại chúng được thông suốt để thọ học?

Khóa tu Bát Quan Trai tại Quan Âm Tu Viện được khai mở vào ngày 15 tháng giêng năm Mậu Thìn (1988), do Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Giác và quý Sư tại Viện tác pháp truyền giới. Theo luật Phật chế, thì thời gian tu học dành cho Phật tử từ 6 giờ sáng hôm nay, đến 6 giờ sáng hôm mai là xả giới.

Khóa tu Bát Quan Trai đã được Đức Phật ban hành vào thời điểm Ngài sinh tiền, dành cho quý các vị từ Vua, Quan, đến các hàng thứ dân đều có thể đến với Đức Phật thọ học.

Trong kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, quyển thứ sáu, phẩm thứ tám, Ưu Ba Ly hỏi Phật về các vấn đề giới, truyền giới, thọ giới và giữ giới, trang 411 ngài Ưu Ba Ly hỏi Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không thọ Tam Quy mà thọ ngay ngũ giới, tám giới có được không? Hoặc không thọ Tam quy mà thọ ngay Bát giới có thành không?... Phật trả lời: “...Hết thấy đều không được, nếu muốn thọ năm giới, tám giới đều nên phải thọ Tam quy rồi mới thọ các giới, như thế mới đúng nghĩa...” Phép thọ Bát Quan Trai.

Như một người Ưu Bà Tắc, trước đã thọ Tam Quy rồi sau nếu muốn thọ năm giới, tám giới, mười giới thì có cần phải thọ lại Tam Quy nữa không?... Phật trả lời: "...không cần phải thọ Tam Quy nữa cũng được thọ các giới, vì trước đã thọ Tam Quy rồi".

Ngài Ưu Ba Ly hỏi: "nếu trước không thọ Tam Quy mà bạch tứ yết ma, thì có được Cụ túc giới không? Phật dạy: "...nếu thọ năm giới, tám giới và mười giới, thì trước cần phải thọ Tam Quy rồi sau mới thọ các giới đó, thì mới thành giới". Những bài pháp tôn giả Ưu Ba Ly là vị trì luật đệ nhất thừa thỉnh Đức Phật như trên và ngài đã thuyết giảng tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật trước 28.000 vị Đại tỳ kheo đệ tử của Đức Phật. Bài pháp trong kinh Đại thừa Phương Quảng, Đại Phương Tiện Đệ Nhất minh chứng ở thời kỳ ấy đã có tổ chức các khóa tu dành cho các vị Cư sĩ tiên bộ đến tịnh xá Trúc Lâm hay Linh Thứu Sơn cầu thọ học Bát Quan Trai giới với Đức Phật, chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa về truyền thống tu hành thực tập thiền tụng của giới cư sĩ ngày xưa cũng như hôm nay.

Lúc bấy giờ Ngài Ưu Ba Ly hỏi Phật:

- Phép thọ Bát Quan Trai giới không được ăn quá ngộ. Nhưng không ăn quá ngộ là giới thứ chín, vậy tại sao không nói là Cửu Quan Trai, mà gọi là Bát Quan Trai?
- Phạm phép ăn chay là lấy sự không ăn quá ngộ làm "thê", Tám giới cùng giúp đỡ cho thành cái "thê" của phép ăn chay, gọi là "Trai pháp Bát chi", cho nên nói Tám giới mà không gọi là Chín giới vậy...

Ưu Ba Ly hỏi:

- Người thọ Bát quan Trai giới, trong bảy chúng, họ thuộc chúng nào?

Phật trả lời:

- Tuy không thọ giới trọn đời, nhưng vì họ giữ giới trong một ngày một đêm; thì cũng có thể gọi là Ưu Bà Tắc.

Ưu Ba Ly hỏi:

- Ngoài bảy chúng ra (Tỳ kheo, Sa di, Tỳ kheo ni, Thức xoa, Sa di ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di), có giới Ba la đề mộc xoa không?

Phật đáp:

- Có Bát Quan Trai giới đó. Lấy đầy mà suy, thì nếu thọ Bát Quan Trai giới không thuộc vào bảy chúng vậy.

Phép thọ Bát Quan Trai giới, chỉ nói không sát sinh trong một ngày, một đêm thôi, ngoài ra không ngăn cấm...

Ưu Ba Ly hỏi:

- Phép thọ Bát Quan Trai

Do bài pháp trên, có nhiều Phật tử đến thừa thỉnh Sư Quang giảng giải! Như vậy ngoài đàn Bát Quan Trai giới, người tín đồ Phật tử có thể sát sinh được hay sao?

Như trên đức Phật đã dạy, người tín đồ Phật tử muốn thọ Bát Quan Trai giới trước phải thọ Tam Quy... đây là ý tứ của Phật dạy: ...trước thọ Tam Quy rồi mới

thọ đến năm giới, tám giới, tức là phải thực hiện theo quy trình này mới xứng nghĩa là đệ tử đức Phật Thích Ca. Cho nên thời gian không thọ Bát Quan Trai, người Phật tử vẫn còn có năm giới đã được giới sư truyền giới trước đó rồi, do đó vẫn có giới cấm “không sát sinh” là giới thứ nhất dành cho Phật tử giữ gìn trong thời gian không thọ khóa tu Bát Quan Trai.

Ưu Ba Ly hỏi:

- Pháp tu Bát Quan Trai giới, có được thọ một lúc trong hai ngày, ba ngày cho đến mười ngày không?

Phật trả lời:

- Phật đã chế ra giới một ngày, một đêm, thì không được quá hạn. Nếu có sức thọ được, thì một ngày xong rồi, lại lần lượt thọ lại, cứ như thế tùy sức nhiều hay ít, chứ đừng tính số ngày. Phạm thọ Bát quan Trai pháp, là phải theo người khác dạy, mới được thọ.

Ưu Ba Ly hỏi:

- Theo người nào mà thọ?

Phật trả lời:

- Theo người trong năm chúng xuất gia mà thọ...

Những lời dạy như trên, cho chúng ta thấy ở vào thời kỳ đức Phật giáo hóa, Ngài cũng rất quan tâm đến việc tu Bát Quan Trai giới. Vì giới Bát Quan Trai là khóa tu có phương tiện đủ đầy dành cho người tại gia, các vị quốc vương, công hầu khanh tướng, những người làm việc trong chốn công đường, những người mua gánh bán bưng, các sinh viên học sinh, các thành phần chủ yếu trong xã hội đều có thể tham dự khóa tu dễ dàng.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Tám: Bát Quan Trai giới

Bạch Sư! Xin Sư giảng giải cho chúng con được am tường về ý nghĩa Bát Quan Trai và tám giới quan trai là giới nào?

* Trong Tát Bà Đa Tỳ ni Tỳ Bà Sa quyển 1 nói: “Phàm đấng giới Ba la đề mộc xoa, trong ngũ đạo chỉ có nhân đạo (người) đắc”. Bát giới cũng là Ba la đề mộc xoa, cho nên trừ loài người ra, chúng sanh loài khác cho đến thiên nhơn cũng không đắc giới. Tuy nhiều chỗ trong kinh có nói: Long (loài rồng) thọ trai pháp với thiện tâm công đức, nhưng không đắc giới. Lại nói: “Trong bốn loại người, một là nam, hai là nữ, ba là huỳnh môn, bốn là người hai căn, chỉ có nam, nữ đắc giới”.

Đó là muốn nói ở trong loài người, chỉ có nữ, nam sinh lý bình thường mới có thể đắc giới.

Bát Quan Trai giới là tám cửa trai giới. Những người tu tại gia, mỗi tháng vào những ngày trai như: mùng tám, mười bốn, mười lăm, hăm ba... ở Quan Âm Tu Viện thì tổ chức ngày chủ nhật, và cứ cách một tuần chủ nhật thì chủ nhật kia là ngày thọ Bát Quan Trai giới dành cho người Phật tử Quan Âm Tu Viện thọ học tu tập thiền tụng. Người thọ Bát quan Trai giới bỏ tất cả những sự bận rộn của thế tục, vào chùa nhờ một Thầy Tỳ Kheo truyền cho tám giới và “một trai” (một trai tức là không ăn quá giờ Ngọ) mà hành trì trong một ngày một đêm. Nếu xa chùa và không có Thầy Tỳ Kheo thanh tịnh thì tự mình đến trước Phật sám hối tội lỗi phát nguyện thọ trì trai giới cũng được. Nhưng ngặt nỗi người đời nay tâm chí hay buông lung nên thường là kết thành tập đoàn tập chúng cùng chung thọ học Bát Quan Trai, cần nhắc lẫn nhau mà tinh tiến tu hành, vì vậy mà các nam nữ cư sĩ thường hay tập trung thọ trì Bát Quan Trai giới là vậy. Thọ trì trai giới là đóng bít cửa ác đạo, a-tu-la, mà mở cửa nhân thiên, cực lạc, niết bàn, nên gọi là tám cửa trai giới.

Giới Bát quan trai chính xác được gọi là giới cận trụ. Nghĩa là sống gần đời sống xuất gia, gần chùa, tịnh xá, thiền viện, tu viện, gần nơi thanh tịnh. Tập quen sống với đời sống thanh tịnh để thấy được giá trị của “đạo giải thoát”, giá trị của cuộc sống “đạo”, giá trị của đạo Phật là con đường đưa đến sự giải thoát sanh tử luân hồi. Còn có giá trị cao hơn nữa, cận trụ được hiểu là tập sống đời sống một vị A la hán, là bậc thánh xuất thế gian.

Ngoài nghĩa cận trụ, giới Bát quan trai còn được gọi là bố tát hay trưởng tịnh, trì giới làm phát triển phần thanh tịnh, những đức tính tốt trong thân tâm người con Phật và chúng sanh chung, nếu chúng sanh ấy biết tiếp nhận các giới của Phật ban truyền.

Giới Bát quan trai nghĩa là “cận trụ”, còn có nghĩa là sống gần gũi đời sống cao thượng của một bậc Thánh. Với người xuất gia, giới luật được coi là khuôn mẫu đạo đức, nêu gương lành về một đời sống của vị Thánh xuất thế gian. Mặc dù tâm tư người ấy còn nhiều hờn giận, ham muốn, nhưng khi đi đứng năm ngò, học tập theo hạnh lành bậc Thánh nhân, nên tác phong đạo đức người ấy là hình bóng của các bậc Thánh Tăng xa xưa còn soi sáng lại ở vào thời mạt pháp. Tuy người tập sự xuất gia không được như các bậc Thánh xuất thế, như các bậc xuất gia, sa môn, đại sa môn, nhưng người ấy sẽ tập lần, tập sống theo những đạo hạnh tiêu biểu, những tác phong ít có trong đời thường, tập làm quen với những cuộc sống chay lạt, đạm bạc, xuất thế... xa hơn nữa, do quá trình công phu tu tập, gần Phật Pháp Tăng, trường chay niệm Phật, trau dồi tâm linh trở nên thánh thiện, nên hiện tiền và tương lai được đức Phật gia hộ, thấy Phật không còn bị chìm đắm trong cõi luân hồi đau khổ cho tự thân và sẽ có cơ hội cầu tha lực Phật giúp cho tha nhân cũng được Phật huệ như chính mình vậy.

Đức Phật chế “cận trụ luật nghi” mục đích để cho người tu Phật tại gia có được phương pháp tu học xuất gia tạm thời, đồng thời xác định sự lợi ích công phu tu tập thiền tụng của người con Phật, giúp cho họ có cơ sở phấn đấu với nghiệp lực để đi đến sự đắc đạo như hàng xuất gia. Qua đó còn thực hiện được những lời dạy của Đức Phật xóa tam những hàng rào giai cấp khi học đã thọ học những giới luật, như ở giới thứ sáu, giới thứ bảy...

Kinh Thập Thiện giới, đức Phật dạy: “Bát Quan Trai giới là do chư Phật quá khứ, hiện tại vì hàng Phật tử tại gia chế pháp xuất gia”.

Qua lời dạy trên, chúng ta thấy rằng: chẳng riêng Đức Phật Thích Ca chỉ bày pháp xuất gia Bát Quan Trai giới này cho hàng tại gia, mà chư Phật quá khứ cũng đều chỉ dạy như vậy. Pháp Bát Quan trai giới tuy thấy có vẻ đơn giản, song rất quan trọng, bài pháp rất xứng đáng người người Phật tử tại gia thường luôn thọ trì. Học tập pháp xuất gia theo giới Bát Quan Trai để từ từ tiến đến việc chính thức xuất gia.

Trong kinh Dược Sư nói: “Thọ bát phân trai giới lại phải niệm công đức bốn nguyện của đức Phật Dược Sư, đọc tụng kinh Dược Sư này, tư duy nghĩa lý diễn nói khai thị...”. Do đây chứng minh ngày thọ Bát Quan Trai cũng có thể tụng kinh. Bát Quan Trai giới là:

- * Thứ nhất: Không sát sinh
- * Thứ hai: Không trộm đạo
- * Thứ Ba: Không bắt tịnh hạnh (không còn sống ái dục hằng ngày như người thế gian)
- * Thứ Tư: Không nói dối, khoe khoang, đâm thọc, rủa sả
- * Thứ Năm: Không uống rượu, tham lam, sân giận, si mê
- * Thứ Sáu: Không nghe xem múa hát đờn kèn chỗ yến tiệc vui đông
- * Thứ Bảy: Không trang điểm phấn son dầu hoa và áo quần hàng lụa tươi tốt, nằm giường cao ngòi ghế lớn chỗ xinh đẹp (từ vua cho đến quan lại, cận thần, hoàng hậu cung phi mỹ nữ ngày xưa đều đến với Đức Phật cầu học Phật tu tập pháp xuất gia, sống bình đẳng một ngày một đêm...)
- * Thứ Tám: Không ăn sái giờ từ quá Ngọ đến Ngọ mai, phải ăn chay.

Đó là tám giới pháp của Phật chế định, dành cho quý vị Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di phát tâm đến trước Tam Bảo thọ học tu hành từ sáu giờ sáng hôm nay đến sáu giờ sáng hôm mai cũng đến trước Tam Bảo, tụng đọc pháp hồi hướng công đức xả giới, tức là xuất gia trọn đủ hai mươi bốn tiếng đồng hồ có công đức phước huệ vô lượng từ đời này sang đời khác. Trong Luận Bồ Tát Bản Sinh, Phật dạy: “Lợi ích của xuất gia cao cả hơn núi tu di, sâu hơn biển cả, rộng hơn hư không. Sở dĩ như vậy là do xuất gia mới thành Phật, ba đời chư Phật chưa có vị nào thành Phật mà không do nhờ tu hành pháp xuất gia cả...”

Ngài Thái Hư Đại Sư nói: “Đây là Phật vì người cư sĩ tại gia chế ra giới điều để luyện tập ngăn hạn đời sống xuất gia...”

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại
Tỳ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Chín: Lợi ích của đời sống thọ học Bát quan Trai giới

Người phát tâm thọ học, tu tập Bát quan Trai giới không chỉ có xuất gia là cao thượng, lợi ích không đơn giản, mà còn y cứ theo giới luật Phật thì người ấy còn phải khéo tu nhân nhục mười việc để có cơ sở làm lợi ích như thiên trong ương lai:

Thứ nhất, trời lạnh phải chịu đựng được hàn khí, chẳng nề mưa tuyết, gió sương.

Thứ hai, trời nóng phải kham nổi nắng thiêu gay gắt, chẳng quản ngại khí trời oi ả nổi lên như thiêu như đốt.

Thứ ba, phải chịu đựng được các thứ bức hại từ thiên nhiên, chẳng ngại một thứ nào cả (giảm bệnh nã hại)

Thứ tư, phải chịu được sấm sét rung trời, quyết không vì vậy mà sợ sệt rúc trốn, gặp việc hung hóa ra kiết, việc dữ hóa ra hiền.

Thứ năm, khi bụng đói còn cào vãn chịu đựng được cơn đói khát.

Thứ sáu, miệng khô, cổ rất vằn nhằn được cơn khát.

Thứ bảy, nghiêm túc tuân thủ không ăn quá ngọ, mỗi ngày chỉ ăn một bữa đúng ngọ, hoặc hai bữa sáng và ngọ.

Thứ tám, nghiêm túc trì giữ các giới hạnh của đức Phật chế ra, cho dù lúc bị đe dọa tánh mạng, cũng không làm trái giới luật.

Thứ chín, nhẫn nhịn các ác ngữ khi nghe lời nhục mạ, chế giễu, nói bóng nói gió, nói sàm nói tấu, nói quấy người khác, phải tảng lờ không nghe, quyết không cho đó là điều ngang ngược.

Thứ mười, nhẫn chịu độc trùng làm hại. Bởi lẽ, Ấn Độ là xứ nhiệt đới, các vị tỳ kheo Sa môn thường ngồi dưới gốc cây. Trong mười hai hạnh đầu đà, có pháp ngồi dưới gốc cây. Muỗi mòng và độc trùng đến bức hại, đức Phật chỉ cho phép đuổi loài độc đi, hoặc các vị Tỳ kheo phải sắp xếp nơi chốn sạch sẽ, tránh làm chỗ sanh sản cho độc trùng, tuyệt đối cấm Tỳ kheo không được giết hại độc trùng, hưởng gì các loài chúng sanh khác.

Mười điều ở trên, nghe có vẻ giản đơn, song biết bao người chịu không nổi mười điều này, nên trong Luật, Đức Phật dạy rằng: “Chỉ có đại trượng phu mới nhẫn nổi...”.

Trong kinh Hiền Ngu, Đức Phật dạy: “Cho người xuất gia hoặc tự xuất gia, hoặc già hay trẻ phước đức vô cùng...”

Kinh Xuất Gia Công Đức, Phật dạy: “Nếu có người phá hoại nhân duyên xuất gia của người khác, tức là cướp đoạt kho báu vô tận phước thiện, hủy hoại nhân của 37 phẩm trợ đạo, ở nơi bốn đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nhân, sinh ra thường đui, người này không có ngày giải thoát...”.

Theo kinh Thiện Sanh, kinh Tăng Nhất A Hàm, Phật dạy: “Các hàng Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di trong những ngày mùng 1, 8, 14, 15, 23, 30 (lục trai) nên đến trước các bậc xuất gia, phạm hạnh thanh tịnh để cầu thọ trai giới. Đời nay luật và giới đã bị chuyển theo hoàn cảnh quốc độ, mạng sống con người dần dần suy giảm, tâm niệm hẹp hòi, giải đãi nên càng phải uyển chuyển, tùy duyên. vì thế sự tu tập phải uyển chuyển tùy duyên phát nguyện, tiến đến giải thoát.

Thọ học Bát quan Trai giới, tu học Phật pháp, tu học giáo lý Phật học, nương theo kinh sách Phật, thường xuyên nghe giảng giáo lý Phật mà tu hành. Lăn lăn sẽ đưa người tín đồ đến chánh trí, chánh tri kiến, Phật huệ phát sanh. Các con đường tà kiến, nghèo nàn lạc hậu do nơi đây mà không phát sinh. Các pháp tứ phủ, đồng cốt, mê tín dị đoan, lố ban ếm đối, bùa ngãi, người tu bị thần thánh đột nhập nói năng phát âm khác người thường (dị giáo), cho phép làm ăn, lên đồng tiên tri, bói toán, xem tướng, xú quẻ... do nơi thọ học Tam quy, ngũ giới cấm, tu Bát Quan Trai giới mà các tà pháp trên sẽ chấm dứt không còn xâm phạm trong chốn thiền môn, không còn xâm phạm tâm tư nguyện vọng cao thượng của người tín đồ Phật tử.

Theo kinh Ưu Bà Tắc, Phật dạy: “Thiện nam tử, nếu có người tín tâm, lãnh thọ ba pháp quy y, tám trai giới, trong một ngày một đêm thì người ấy hoàn thành trai giới, giới thể được thanh tịnh dù chỉ tu tập một ngày một đêm nhưng lợi ích rất lớn...”.

Người phát tâm thọ trai giới, thì người ấy được vô lượng an lạc hiện tiền gia đình an cư lạc nghiệp, vinh hiển giàu sang, hạnh phúc, tương lai cho đến đạt được cảnh giới giải thoát Niết bàn an lạc.

Mô Phật! Chúng con đã hiểu và xin thọ pháp quy y, trì giữ Bát Quan Trai giới trong những ngày không có niệm Phật tại Nhứt Nguyên Bửu Tự.

Người Phật tử Việt Nam ngày nay dù ở trong nước hay nước ngoài có những bước tiến bộ rõ rệt. Vị nào cũng muốn phát tâm thọ quy giới Tam quy ngũ giới, tu học Phật pháp, học giáo lý Phật học, đại đa số người phát nguyện xa lìa, có người phát nguyện không muốn gần gũi những hủ tục mê tín dị đoan, xem sao bói xăm, xú quẻ.

Phật tử ngày nay họ không còn tin vào những ông đồng, bà cốt, những ông Thầy mượn danh đạo, tạo danh đời, giả bộ giả tịch ông ứng bà hành, tiên tri không sách vở. Người Phật tử ngày nay họ không còn tin vào những người tu nửa đời, tu không ra tu, Sư không ra Sư, Thầy không ra Thầy, không tu hành gì cả mà xưng hô vẫn biết việc trước việc sau?

Chúng ta tin tưởng rằng, một khi đã có thọ giới luật, thì tự nhiên người Phật tử sẽ không còn tin vào những việc không thực tế viển vông làm cho chính mình phải bị mất phương hướng cả đời lẫn đạo...!

Phật tử ngày nay chăm học Phật pháp, giáo lý Phật học, thọ tam quy ngũ giới, thọ Bát quan trai giới, nhẫn đến tu gia hạnh thập thiện, hộ trì Tam Bảo nghiêm túc, hộ pháp chư Tăng Ni rất mẫu mực. Phật tử ngày nay họ đã giác ngộ, không còn tin vào tà thuyết mê tín dị đoan nữa...! Nhưng họ vẫn thành đạt một cách tuyệt đối trên bước đường đời.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thế Hoàng Thân, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN IV. TÔNG CHỈ TỊNH ĐỘ NON BỒNG

CHƯƠNG THỨ NĂM

Ngày Thứ Mười: Bá Nhựt Trì Danh hiệu Phật

(Tông chỉ Tịnh Độ Non Bồng)

Bạch Sư! Xin Sư giảng giải về pháp tu niệm Phật của Tịnh độ tông: “Bá Nhựt trì danh hiệu Phật”. Trong quá trình niệm Phật chúng con muốn được hiểu rõ ràng về pháp môn tu của Tịnh Độ Non Bồng?

Đức tôn sư khai sơn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, để làm phương tiện cho đại chúng tinh chuyên niệm Phật, dùng yếu chỉ Tịnh Độ làm tâm tông độ chúng, không lập phái để quản chúng, không dùng giáo quyền để hành đạo, lấy xương mình Tịnh Độ làm cương lĩnh, dùng pháp môn tu tứ nhiếp pháp và ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà giáo chúng.

Quá trình khai đạo tại Non Bồng, Đức Tôn Sư thường xuyên khai thị pháp môn Lễ bái niệm Phật, phát nguyện niệm Phật, Kinh Hành niệm Phật, sám hối ba tháng không nhàm trễ, trú dạ lục thời tụng kinh không để mất...

Kinh hành niệm Phật trong pháp Bá Nhựt Trì Danh theo kinh Bát Chu Tam Muội: "...mỗi bước chân trái niệm NAM... bước chân phải niệm MÔ... bước chân trái niệm A... bước chân phải niệm DI... bước chân trái niệm ĐÀ... bước chân phải niệm PHẬT... Cứ như thế mọi người chậm rãi hòa nhịp từng bước đi... Đến ba mươi phút kế tiếp các liên hữu cùng đứng lại theo thứ lớp niệm Phật, những tiếng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” – rồi đến ba mươi phút kế tiếp lại quỳ niệm Phật (người lớn tuổi thì ngồi cũng không sao!) và 30 phút sau cùng, trong đó 15 phút tiếp tục ngồi niệm Phật, còn mười lăm phút cuối chuẩn bị thay đổi người niệm

Phật trong hai giờ kế tiếp... Theo phép niệm Phật thì dù đi kinh hành hay đứng, quỳ, ngồi niệm Phật đều niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mọi người đồng niệm, âm thanh thật hòa điệu, phong cách thật uy nghiêm với những chiếc áo giải thoát, tạo nên dáng vẻ oai vệ như “voi chúa” trong mỗi tâm niệm người con Phật đang tham dự khóa tu.

Người dự niệm Phật bao giờ cũng phải chấp tay, gọi là hiệp chương, là phong cách chính của người Phật Tử, cũng là tính cách đặc biệt của người Phật giáo. Theo phong cách hiệp chương của Tịnh Độ Non Bồng thì “hai ngón tay cái xếp lên nhau” ngón cái phải hay ngón cái trái xếp lên nhau đều được; đây là phong cách riêng của người Phật Tử Non Bồng biểu hiện: “Một niềm tin vững vàng, không lùi bước”, trước những trở ngại khó khăn gian khổ.

Suốt thời gian ba tháng mười ngày chư Tăng Ni, Phật tử tề tựu luân phiên niệm Phật ngày đêm “hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn giờ”. Khóa tu “Bá nhật trì danh hiệu Phật” của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng thường thì được khai mạc vào lúc 21 giờ ngày mùng 8 tháng 8 âm lịch hằng năm, đến 21 giờ, ngày 17 tháng 11 âm lịch lễ vía Phật A Di Đà thì mãn khóa tu, tức là đúng 100 ngày, nên gọi “Bá nhật Trì Danh niệm Phật”.

“Bá Nhật Trì Danh niệm Phật” là phương pháp niệm thể theo lời Phật dạy cho Ngài Bồ Tát Hiền Hộ, trong Kinh Bát Chu Tam Muội. Phật dạy như sau: “Này Hiền Hộ! Có bốn pháp thành tựu niệm Phật Tam Muội Hiện Tiền: một là không có tư tưởng chúng sanh dù trong khoảnh khắc – hai là thức trọn ba tháng không ngủ, dù là tạm thời đôi chút – ba là kinh hành niệm Phật trọn ba tháng – bốn là trong lúc ăn, bồ thí pháp không mong danh lợi, không mong đáp ơn...”. Bốn pháp này nếu người tu thành tựu, sẽ đắc Tam Muội Hiện Tiền (kinh Bát Chu Tam Muội, quyển 2, phẩm 3, Tam Muội Hành, trang 113, bản dịch Minh Lễ, phát hành năm 1968 - HT Giác Quang thuyết giảng tại Quan Âm Tu Viện năm 2003).

Xuất phát từ lời Phật dạy trên, ngày xưa năm 1935 Ban Giám Đốc Thích Học Đường Lương Xuyên Phật Học, Trà Vinh, do Trưởng lão thượng Khánh hạ Hòa làm Đốc Học Sư Trưởng Phật Học, Trưởng lão thượng Khánh hạ Anh làm Pháp Sư - Hòa Thượng Thích Hành Trụ, Viện Chủ Chùa Chánh Giác, Gia Định và một số Tự Viện có đại chúng tu học đông đã có tổ chức cho chư Tăng Ni, Phật Tử thực hành pháp “Kinh hành Niệm Phật Bát Chu hiện tiền”, tức “khóa tu bá nhật trì danh niệm Phật”.

Đến năm 1957, sau khi khai sơn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, theo lời thỉnh cầu của Chư Tăng Ni trong tông phong, quý chư Tăng đệ tử của Đức Đại lão Hòa Thượng Pháp Chủ thượng Khánh hạ Anh, quý vị cựu Tăng sinh Phật Học Viện Lương Xuyên, Hòa Thượng Tôn Sư thượng Thiện hạ Phước lần đầu tiên tổ chức khóa tu “Bá Nhật Trì Danh hiệu Phật” tại Tổ Đình Linh Sơn, núi Bồng Lai (Non Bồng) theo cách thức “kinh hành niệm Phật”. Nhưng có chế tác đi, đứng,

ngồi, quỳ... bố trí sắp xếp chư Tăng Ni, Phật Tử luân phiên niệm Phật suốt 14 tuần lễ và 48 tiếng đồng hồ, tức 100 ngày.

Phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà này có thể dẫn tâm hành giả đến “nhất tâm bất loạn”, người phước mỏng nghiệp dày, chương sâu tội nặng, nếu tinh chuyên thì cũng có thể chứng được, bất niệm tự niệm, vãng sanh Tây phương Cực lạc.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Mười Một: Đạo tràng niệm Phật là thuyết pháp

Bạch sư! Có người hỏi, Nhứt Nguyên Bửu Tự tổ chức niệm Phật không có tổ chức thuyết pháp, có thể gặp trở ngại trong phương pháp truyền thừa? Xin Sư chỉ dạy cho chúng con được rõ? Sinh hoạt khóa niệm Phật ở Nhứt Nguyên ngày càng lớn lên, đạt đỉnh điểm tâm vóc quy mô, người người đến đăng ký niệm Phật đông dày, ngày đêm không dứt, chư Tăng Ni khắp các địa phương đến đăng ký niệm Phật và chấp hành đúng quy trình của bốn tự. Nam nữ Phật tử khắp mười phương đến niệm Phật như mùa trẩy hội, không cần phải mời gọi, nhắn gửi thư từ... Nhiều nơi tổ chức niệm Phật, không có quy định thời gian lâu dài như ở đây, tối đa là bảy ngày và mỗi ngày chỉ niệm có mười hai tiếng đồng hồ rồi ai nấy về nhà nghỉ, nhưng có điểm đặc biệt là nghiên về nghệ thuật âm nhạc, thư giãn và có tổ chức thuyết pháp cho Phật tử vừa tu vừa học, còn ở đây thì không, xin Ngài giảng giải?

* Khóa niệm Phật Nhứt Nguyên Bửu Tự là do Đức Tôn Sư thượng Thiện hạ Phước và Ni Trưởng Huệ Giác sáng Tổ, dành cho người có tâm tu hành, tâm cầu đạo (thức tỉnh), tâm muốn thoát tục, có ý thức tu hành (giác ngộ)... những hạng người này không ít trong xã hội, nên mọi người đến đây không phải để dòm ngó, xem chùng, mà mọi người đến đây vì để “cầu đạo” niệm Phật, không còn nghĩ suy gì nữa.

* Niệm Phật thì niệm Phật, nghe pháp thì nghe pháp - niệm Phật là một hạnh, nghe pháp là một hạnh – tổ chức khóa tu niệm Phật thì không tổ chức thuyết pháp – tổ chức thuyết pháp thì không tổ chức niệm Phật – theo Kinh nghĩa đại thừa của Phật thì niệm Phật là tu, mà nghe pháp cũng là tu, mà tu chính là sửa đổi, làm mới lại những lỗi mòn xưa cũ, kiên tạo môi trường sống đạo, thay xấu thành tốt, thay lành bỏ dữ, thay đổi cái chưa tốt thành tốt toàn diện, thay những cố chấp thành phá chấp..để đi đến thiện mỹ... đã nói là tu hành thì phải hướng đến “nhứt hạnh tam muội”, nhứt hạnh là không tạp hạnh, không có nhiều hạnh xen vào, mà tạp

hạnh thì khó tập trung, không tập trung được thì làm gì có tam muội (định), không định thì sanh tạp niệm, tức là không niệm chi cả, không còn chánh niệm nữa rồi. Thế nào là Nhứt Hạnh tam muội?

Trong kinh Văn Thù Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Ngài Văn Thù Sư Lợi là bậc đại trí tối tôn tối thượng hỏi Phật : “Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tam muội Nhứt Hạnh? – Phật dạy: “Pháp giới nhứt tướng, chăm chú theo dõi (niệm danh hiệu Phật là đề mục giữ chánh niệm) gọi là tam muội Nhứt Hạnh...

...Đức Phật nói tiếp: “Thiện nam thiện nữ nào muốn thể nhập tam muội Nhứt Hạnh nên ở chỗ thanh vắng, xả bỏ những ý nghĩ loạn động không giữ lại bóng dáng ngoại cảnh, nhiếp tâm chuyên nhứt hướng về Đức Phật một lòng xưng danh hiệu Phật, tùy theo phương hướng đức Phật mình xưng danh đang ngự ngồi ngay ngắn lại mặt hướng về phương đó, nếu chuyên chú theo dõi nơi một niệm, niệm được liên tục tức trong niệm đó có thể thấy các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại... thành tựu niệm Phật”. (*Niệm Phật Viên Đốn, trang 50,51, bản dịch Minh Lễ, PL 2512*)

Thầy Tổ xưa đã giáo hóa cho Tăng Ni Phật tử tập trung “tinh chuyên niệm Phật”, niệm danh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật”, đi kinh hành niệm Phật, đứng, ngồi, quỳ niệm Phật, suốt hai mươi bốn giờ, mỗi chúng đặng lâm niệm một giờ bốn mươi lăm phút, rồi thay chúng khác cứ như thế suốt một trăm ngày, không hạnh nào xen tạp (*tu huệ*), cũng là việc khó làm, mà Thầy Tổ đã dạy Tăng Ni, Phật Tử thực hành, thực hành được thì thành tựu niệm Phật (*tu huệ*)

Nói về hạnh tu “nghe thuyết pháp” cũng là hạnh lành gia cố cho người phát tâm tu Phật (*văn huệ*). Trong sách nhan đề: “Tiến trình tu chứng và thực nghiệm của tác giả Người Mây Trắng, trang 112 nói: “...Ở Nhứt nguyên tổ chức niệm Phật, nhưng không tổ chức thuyết pháp...” – Thật ra không phải là không tổ chức thuyết pháp, chỉ vì nơi đây là trú xứ “niệm Phật” dành cho các liên hữu từ khắp bốn phương đến tĩnh tu tịnh niệm... vì mọi người muốn thực hành (*tu huệ*), còn nghe pháp (*văn huệ*) thì các vị đã nghe rồi, học rồi, vì có học mới biết, nên mới phát tâm đến đây để thực hành niệm Phật. Việc thực hành niệm Phật của Tăng Ni, Phật Tử không khác lời dạy của Phật trong Kinh Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật, trang 51: “...Trước khi niệm Phật, nên nghe pháp Bát Nhã Ba La Mật, rồi sau mỗi đặng lâm đạo tràng niệm Phật...”.

Nghe pháp là gia hạnh niệm Phật (*trí*)

Thực hành là tinh chuyên niệm Phật (*hạnh*)

* Trường hợp chư Liên hữu đang tham dự niệm Phật, muốn nghe thuyết pháp, sẽ được giới thiệu về tại Quan Âm Tu Viện – Biên Hòa, vào mỗi nửa tháng, lúc nào cũng rơi vào ngày chủ nhật để học Phật pháp và giáo lý Phật học. Quý vị sẽ được nghe kinh từ tám giờ ba mươi phút sáng đến mười giờ ba mươi phút sau đó “thọ thực kinh hành niệm Phật” rồi trở về Chùa Nhứt Nguyên niệm Phật cũng được.

Nghe Sư dạy đến đây tôi thấy lòng mình an lạc lắm, có lẽ từ lực Bồ tát độ trì tôi, nên thấy mạnh mẽ thêm lên, vang vọng đâu đây tiếng pháp lành của Thầy Tổ dạy: “Các vị tinh chuyên Niệm Phật Bá Nhứt Trì Danh bất thối chuyên”.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Mười Hai: Niệm Phật thích nghi với các bạn trẻ

Bạch Sư! Chúng con thường nghe một vài tín đồ bảo là pháp môn niệm Phật ít phù hợp với tuổi trẻ, các gia đình trẻ. Các gia đình trẻ thì thích tu thiền, theo Sư tu thiền hay tịnh có lợi ích ngang nhau không? Pháp nào dành cho tuổi trẻ phù hợp nhất?

Theo giáo pháp Phật, thì pháp môn nào cũng phù hợp với mọi căn cơ trình độ chúng sanh, không có vấn đề pháp môn Thiền phù hợp với tuổi trẻ, Tịnh Độ không phù hợp với tuổi trẻ, hay ngược lại; các pháp môn tu của Phật đều có khế cơ và khế lý, được áp dụng tùy hoàn cảnh người tín tâm mà thực hành, nên không có vấn đề hợp hay không hợp.

Sau đây, chúng tôi xin trích một câu chuyện một gia đình trẻ đi tu theo pháp môn “Bá nhứt trì danh hiệu Phật” của Cư sĩ Thiện Lạc để các bạn tiện đọc và suy gẫm (*trích trong sách Trọn Một Niềm Tin, của HT Giác Quang*)...

Gia đình Thanh An là Phật Tử truyền thống kính tin Tam Bảo, gia đình bạn có hai cháu: cháu trai là Minh, cháu gái là Tuệ rất ngoan, biết vâng lời Bồ Mẹ, học giỏi, siêng năng. Cháu Minh học lớp Ba, cháu Tuệ học lớp Một. Nhà tôi ở gần nhà Thanh An; được biết Thanh An làm việc tại Phòng Văn Hóa của một Thị trấn quê nhà, vợ Thanh An làm Hiệu Trưởng kiêm luôn Giáo viên Trường Mẫu giáo Hoa Hướng Dương. Đồng lương hằng tháng vợ chồng thu hoạch ở mức độ trung bình - Đối với một gia đình hạng sang thì không đủ chi dụng, nhưng với gia đình trung lưu như Thanh An thì đủ ăn và dưỡng nuôi hai cháu đi học trong thời gian các cháu còn học ở Trung học. Song nếu tính đến tương lai, khi lên Đại học, thì gia đình Thanh An chỉ tạm đủ để bảo đảm cho các cháu trở thành sinh viên.

Nói gì thì nói, hiện tại tôi biết gia đình bên đó sung túc, các cháu rất yên tâm đi học và vui sống hạnh phúc trong tâm tay Bồ Mẹ đỡ nâng.

Chiều nay thứ Bảy, nhằm vào mùa Trung thu, cũng là mùa có khai mở khóa niệm Phật ở Nhứt Nguyên Bửu Tự (nghe nói chư Tăng Ni, Phật Tử đã quen gọi thời gian này là: “Mùa niệm Phật”). Tôi có dịp đi cùng bạn và gia đình đến Chùa đăng ký dự vào đoàn niệm Phật.

Tôi và Thanh An được bố trí kinh hành niệm Phật từ 18 giờ đến 20 giờ, tôi vui thích lắm, rất hân hạnh được quý Sư Thầy cho nhập chúng niệm Phật!

Đúng giờ, chúng tôi xin phép quý Sư Thầy vào Chính điện lễ Phật, dự vào hàng đại chúng niệm Phật. Đại chúng gồm một đoàn người khoảng 90 vị nam nữ Phật Tử (*xếp thành ba vòng tròn, đi kinh hành niệm Phật*), thêm vợ chồng Thanh An và tôi nữa là 93 vị, được bốn vị Sư hướng dẫn đi kinh hành, cộng là 97 vị. Còn cháu Minh và Tuệ được Bồ Mẹ sắp xếp ngồi cạnh Đại hồng chung, gần chị Phật Tử đang vừa niệm Phật, vừa đóng Đại hồng chung. Với những âm thanh nhịp khoan của Đại hồng chung ngân vang nghe lạ tai, gây chú ý cho Minh, Tuệ thật thú vị vô cùng. Minh, Tuệ cũng rất dạn dĩ, hoan hỷ khi nhìn Bồ Mẹ hòa nhịp vào dòng người “vừa đi vừa chấp tay niệm Phật”, cảm tình với Chị Tâm, một Phật Tử trẻ trung đang ngồi đóng Đại hồng chung; các cháu rất ung dạ vui lòng, cảm thấy gần gũi và chấp nhận được.

Sau ba mươi phút đầu kinh hành niệm Phật: chúng tôi thực hành đi chậm chậm đúng theo lời chỉ dạy của đoàn người tu trước: ...mỗi bước chân trái niệm NAM... bước chân phải niệm MÔ... bước chân trái niệm A... bước chân phải niệm DI... bước chân trái niệm ĐÀ... bước chân phải niệm PHẬT... Cứ như thế và với dáng vẻ đoan trang, nghiêm nghị, mọi người chậm rãi hòa nhịp từng bước đi... Đến ba mươi phút kế tiếp các liên hữu cùng đứng lại theo thứ lớp niệm Phật, những tiếng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” thật trong trẻo, thanh thoát vô cùng; rồi đến ba mươi phút kế tiếp lại quỳ niệm Phật (*người lớn tuổi thì ngồi cũng không sao!*) và ba mươi phút sau cùng, trong đó mười lăm phút tiếp tục ngồi niệm Phật, còn mười lăm phút cuối chuẩn bị thay đổi đoàn người niệm Phật trong hai giờ kế tiếp... Phép niệm Phật ở đây dù đi kinh hành, đứng, quỳ, ngồi niệm Phật đều niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mọi người đồng niệm, âm thanh thật hòa điệu, phong cách thật uy nghiêm với những chiếc áo tràng lam, nâu, chiếc áo giải thoát, tạo nên dáng vẻ oai vệ như “voi chúa” trong mỗi người con Phật đang tham dự khóa tu.

Người dự niệm Phật bao giờ cũng phải chấp tay, gọi là “hiệp chương”, hiệp chương là phong cách chính của người Phật Tử, cũng là tính cách đặc biệt của người Phật giáo. Theo phong cách hiệp chương của Tịnh Độ Non Bồng thì “hai ngón tay cái xếp lên nhau”, ngón cái nào xếp lên nhau cũng được, đây là phong cách riêng của người Phật Tử Tịnh Độ Non Bồng, biểu hiện: “Một niềm tin vững vàng, không lùi bước”, trước những trở ngại khó khăn gian khổ.

Theo lời của quý Sư trong Ban tổ chức, chúng tôi được biết: suốt một tuần lễ từ thứ hai đến thứ sáu thì chỉ có chư Tăng Ni, chư vị nam nữ Phật Tử lớn tuổi, những bậc cha mẹ rảnh rang việc nhà, nên đăng ký ở lại Chùa suốt thời gian ba tháng mười ngày cùng nhau luân phiên niệm Phật ngày đêm “hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn giờ”. Riêng ngày thứ Bảy, Chủ Nhật thì số người niệm Phật đông dày, nhất là ngày và đêm Chủ Nhật có khi lên đến hàng năm trăm, sáu trăm vị. Về việc ăn uống hằng ngày, có các Đạo tràng Phật Tử của các Tự Viện, Tịnh

xá, Tịnh thất trong tông phong Non Bồng, cũng như các Nhà hảo tâm, Nhà mạnh thường quân thường xuyên ủng hộ cúng dường, nên phần lương thực, thực phẩm không bao giờ thiếu.

Vợ chồng Thanh An, sau khi mãn thời niệm Phật đến hướng dẫn hai con vào trước Tam Bảo đánh lễ Phật, sau đó được mời về phòng khách giải lao. Châu Minh, Tuệ được quý Sư Cô thương mến, nhận được nhiều tiếng khen và được thưởng hai phần bánh trung thu vừa ý; còn Bồ Mẹ thì hầu chuyện vui vẻ với quý Sư... Vợ chồng Thanh An và các cháu Minh, Tuệ ra về vào lúc 21 giờ 40.

Tôi là một công nhân viên của Trung tâm Tin học, cũng là Phật Tử mới quy y còn chập chững lắm, không thuần thục bằng gia đình Thanh An! Cũng phải học từng bước từng bước, cũng như phải học đi kinh hành từng bước theo dòng người niệm Phật bước đi cho đến khi hết giờ. Bước kinh hành của vợ chồng Thanh An thì vững vàng, còn bước kinh hành của tôi thật là lạng quạng, có lúc muốn té qua té lại, nghĩ lại cũng hơi ngại, thật mắc cười!

Khóa tu “Bá nhật trì danh hiệu Phật” tại Nhứt Nguyên Bửu Tự được tổ chức với thời gian ba tháng mười ngày, và theo truyền thống thì khóa tu được khai mạc vào lúc hai mươi một giờ ngày mùng tám tháng tám âm lịch hằng năm. Chư Liên hữu Tăng Ni, Phật Tử đến tham dự vào hàng “Thánh chúng tinh chuyên niệm Phật” đến ngày mười bảy tháng mười một âm lịch lễ vía Phật A Di Đà thì bế mạc mãn khóa, tức là đúng một trăm ngày, nên gọi “Bá nhật Trì Danh hiệu Phật”.

Phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà này có thể dẫn tâm hành giả đến “nhất tâm bất loạn”, người phước mỏng nghiệp dày, chướng sâu tội nặng, nếu tinh chuyên thì cũng có thể chứng được “vô niệm tự niệm”. Pháp môn niệm Phật cũng rất phù hợp với tuổi trẻ, kể cả tuổi già, trung niên; nói chung pháp Phật thì phù hợp với ba căn, phù hợp với người già, người trẻ. Người biết phát tâm đến với Phật pháp thì gặp pháp nào cũng tu được, người không kỳ thị pháp môn mới là Phật tử chân chính, mà cũng chính là nguồn hạnh phúc vô biên của những người con Phật.

Phật giáo với tuổi trẻ và sự thành đạt:

Nhân bài pháp “Niệm Phật thích nghi với tuổi trẻ”, Sư muốn nói thêm đến quý liên hữu về tuổi trẻ với Đạo Phật và sự thành đạt khi các bạn hữu duyên lành trở thành người đệ tử đức Phật và danh dự làm người Phật tử.

Chào các bạn! Trước nhất chúng tôi chân thành gửi tới các bạn lời chào thân ái trong niềm tin Phật Pháp, niềm hoan hỷ tin yêu cùng sống chung trong ngôi nhà giáo pháp Đức Phật (*trích trong sách Trọn Một Niềm Tin, Hạnh Niệm Phật của HT Giác Quang*)

1/ Nhận định tình hình thực tế:

Trong giai đoạn toàn cầu hóa, nền văn minh của khoa học đã lộ dần sự tiến hóa đúng theo quy luật sanh, trụ, dị, diệt, nhiều vấn đề đặt ra cho giới trẻ của Đạo Phật có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội, môi trường... cần có những định hướng giác ngộ mà giáo lý vị tha vô ngã theo giáo nghĩa đại thừa đã

nêu. Trong cuộc sống người con Phật phải có sự “kiên quyết huân tu, tìm cầu an lạc” để đạt quả vị hiện tại và tương lai, cũng như trên bước đường trưởng dưỡng tri thức mưu cầu thoát nẻo vô minh, chắc chắn bạn sẽ đạt được đạo quả. Khi đã thành công trong cuộc sống thì sự đóng góp cho cộng đồng sẽ đạt hiệu quả và đem lại cho bạn một lẽ sống trong môi trường tốt về đạo đức tâm linh.

Đó là những vấn đề mà các bạn và chúng tôi thường quan tâm.

2/ Phát huy tri thức:

Trong thời điểm Đức Phật tại thế, cuộc sống xã hội loài người còn giản đơn, mà biết bao vấn đề như lạc hậu, nghèo nàn, giai cấp, tranh chấp, phân quyền, áp bức... cần phải giải quyết. Trong khi chỉ có một quan điểm duy nhất là phải tìm ra nguyên nhân và giải pháp phát huy tri thức “tứ diệu đế” và “đạo bát chánh”; đồng thời theo giáo pháp Đức Phật chính con người sẽ là “chủ nhân ông” giải quyết thành tựu tất cả mọi vấn đề. Sự phát huy về tri thức đã từng giúp cho con người “những người đệ tử Phật”, thành tựu Phật đạo, xóa tan giai cấp, mọi người sống bình đẳng an lạc trong Tăng đoàn. Thời đại ngày nay loài người biết phát huy cuộc sống và biết phát triển mọi vấn đề tương quan trong cuộc sống, nhưng lại có phần lãng quên và dẫn đến suy thoái, băng hoại về mặt đạo đức; thường thì giới trẻ khi bước chân vào đời khó tìm nơi nương tựa, không có chỗ nương thân, tạo điều kiện chỉ biết có bản thân, nên không có niềm tin hay thiếu niềm tin, hay chính tự họ đánh mất niềm tin, mọi sự “xu bò”, “sát phạt lẫn nhau” đang diễn ra trên khắp hành tinh.

Vậy con người muốn đứng vững trước những tham sân si, phong ba bão táp, trước những môi trường khí hậu đang bị xâm phạm, thường xuyên xảy ra những hiệu ứng nhà kính khói bụi mịt mờ, băng tan, nước dâng, hơi nóng bùng phát, trái đất giận dữ tạo nên những hiện tượng sóng thần, núi lửa, đem bom đạn giết hại lẫn nhau không thương tiếc... các bạn nên tìm cầu tu học Phật Pháp, nép mình vào chơn lý của Đức Phật, chọn cho mình một hướng đi đích thực, trưởng dưỡng phần tri thức nội tâm, làm lại những gì đã mất.

Đạo đức của Đức Phật được phổ cập trong đời, sự tín ngưỡng về Đức Phật sẽ có mặt trong tình cảm thầy trò, bạn bè, vợ chồng, cha con, tư cách làm người... Theo đạo đức Phật giáo thì sự sinh hoạt của con người thường thì được chia thành hai phần tâm linh và hình thức, chúng ta tạm chia thành bốn nhóm:

- 1/ Tâm từ bi – tướng hảo quang minh
- 2/ Tâm từ bi – tướng bất hảo
- 3/ Tâm bất lương – tướng hảo
- 4/ Tâm bất lương – tướng bất hảo

Nếu bạn ở nhóm một thì thật tuyệt vời, nhóm hai cũng rất tốt, nhưng nhóm ba và bốn thì nên tinh tấn tu học để chuyển nghiệp, khi tinh tấn tu học Phật thì trí tuệ sẽ phát sinh, cuộc đời thay đổi và mọi việc lành sẽ đến với các bạn. Trong giai đoạn hiện nay, xã hội hay đánh giá con người qua hình thức giàu nghèo, có học vị,

có tiền của, có quyền thế... nhưng tâm thì không tốt, không biết hướng thiện thì chỉ được đánh giá là những tấn tuồng đang diễn trên một “sân khấu ảo”, sau bức màn vô minh liên tục được kéo lên và các kịch sĩ trình diễn một màn “quên lãng”. Do đó mà các bậc minh sư đạo cao đức trọng thường thuyết pháp hướng thiện mọi người “thấy biết lẽ chánh, tìm nguyên nhân khổ và thoát khổ” vượt ra ngoài cương tỏa của “sân khấu ảo”, hiểu biết lẫn nhau, chia sẻ tình thương yêu đồng loại... Cho thấy sự truyền trao đạo lý của nhà Phật từ thế hệ này sang thế hệ khác, chuyển dịch theo không gian và thời gian luôn có lợi ích thiết thực, nhằm giúp cho họ an trú trong chánh pháp.

3/ Chọn pháp tu:

Chắc chắn rằng, khi mang thân người, phải trải qua nhiều thử thách, nên cần phải nuôi chí lớn, gần gũi chư Tăng Ni quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới cấm, chọn pháp tu “Thập thiện, Tứ nhiếp pháp”, thường xuyên đến chùa “niệm Phật, yên lặng” hay “thực tập thiền tụng” các pháp này rất cần thiết giúp bạn đạt đến cực điểm an lạc, sự an lạc chỉ xuất hiện khi sự thực tu thực học có mặt trong cuộc sống. Người Phật tử phải tinh tiến tu hành, vượt lên trên chính mình và tự giác mưu cầu hạnh phúc, từ đó khi gặp việc không vừa lòng xúng ý, phiền não sẽ không xuất hiện. Nghiệp báo sẽ không còn trói buộc kéo lê tâm thân khổ đau trong miền viển. Đây là chúng ta đã chọn đúng pháp môn giải thoát sanh tử, nghiệp báo luân hồi.

4/ Giải quyết một vài vấn đề:

* Với tứ ân:

Khi bạn đã quy y Tam Bảo thọ trì ngũ giới cấm, bạn là người có trình độ học vấn, việc làm ổn định, hạnh phúc trong hôn nhân, cần có sự hiếu thảo với mẹ cha, tôn kính Thầy học đạo, là bạn tốt với quần chúng, bảo vệ quê hương, hộ quốc an dân thì bạn sẽ được chào đón một tương lai huy hoàng rực rỡ.

* Công danh và thành đạt:

Đạo Phật là đạo giải thoát, người thực hiện tiêu chí giải thoát là chư tôn đức Tăng Ni, cư gia là những người nối gót, hỗ trợ cho chư Tôn Đức Tăng Ni, nên rất có những lực tu hành theo tiêu chuẩn Tam quy ngũ giới, Bát Quan Trai giới, Thập thiện giới... Ngoài việc trong Đạo các vị Phật tử trẻ hôm nay cần phát huy công danh sự nghiệp cho vững vàng, dù học ít hay nhiều, nhưng các bạn phải chọn cho mình một sự nghiệp vững chắc để được thành đạt.

Các bạn là những bức thành trì kiên cố bảo vệ chánh pháp, trách nhiệm của các bạn phải thành đạt sự nghiệp, thành tựu vai trò cư gia mới xứng danh là “rường cột” và có cơ sở bảo vệ chánh pháp.

* Người con Phật cũng biết làm giàu:

Hãy làm giàu hợp pháp, chân chính, không chỉ vì ham giàu mà làm việc phi pháp, quá báo liên đến cắt đứt tương lai các bạn. Là Phật tử bạn biết cách làm giàu cho bản thân và gia đình, thì cũng phải biết cách làm giàu cho xã hội quần chúng, chính đây là bốn mươi tám lời nguyện của Đức Phật A Di Đà đã phát thệ nguyện

“*xây dựng thế giới an vui cho chúng sanh*” trong kinh Vô Lượng Thọ. Mình thoát nghèo, dốt nát làm cho mọi người thoát nghèo, dốt nát chính đó là tiêu chí giải thoát toàn diện, y báo và chánh báo của thế giới Tây phương Cực Lạc xuất hiện trước mắt bạn và mọi người.

* Kiến thức và học vị:

Ở vào thời trung cổ, là thời gian văn minh vật chất khoa học chưa cao, sự đòi hỏi cho nhu cầu cuộc sống chưa có, tri thức con người còn nguyên vẹn, thiên tài kiến thức hay xuất hiện giải quyết thành tựu mọi vấn đề nhưng học không cao. Ở thế kỷ 21 là khoảng thời gian dành cho các bạn trẻ, kiến thức và học vị là một trong những cấu trúc trọng yếu của xã hội, nếu bạn thiếu nó, không phát huy tri thức ngang với cuộc sống chung trong mọi tầng lớp, thường thì tạo nên lỗ hổng rất lớn, đên độ xảy ra chiến tranh, các quốc gia tranh lẫn đường biên giới, tranh chấp quyền bính, thiếu vắng đạo đức...

Vì vậy khi được nuôi lớn lên trong gia đình, bạn cần phải chuyên tâm trì chí đến trường tinh chuyên học tập, theo xã hội hiện nay, bạn mù chữ thì xem như người khiếm thị không thấy ánh sáng, học ít thì chẳng làm được gì, Bạn cần học tập đạo đức, phát huy tri thức đi đôi với học vị, như đánh ba chân sẽ đứng vững. Đạo đức kiến thức và học vị sẽ giúp bạn thành đạt.

* Việc hôn nhân:

Ngày nay trong xã hội Phật giáo có một vài vấn đề nổi cộm mà mọi người, nhất là Phật tử cần quan tâm, nhưng rất ái ngại trong việc tham vấn học Phật Pháp, nên khi gặp phải hoàn cảnh xuất hiện thì âu lo bất ổn, đó là vấn đề hôn nhân với người thuộc “tôn giáo bạn”.

Việc kết hôn với gia đình Phật Tử thì không phải luận bàn, nhưng kết hôn với người bên “tôn giáo bạn” có phạm quy nhà Phật hay không? Nếu vì mưu cầu hạnh phúc mà Phật tử kết hôn với “bạn đời” là người thuộc “tôn giáo bạn” thì Phật tử nên theo “tôn giáo bạn”, nhưng bạn cần phải bảo trì quy giới, năm giới mà các bạn đã phát nguyện thọ trì. Người Phật tử cần có sự hiểu biết về cương lĩnh giáo pháp của Phật, khi bạn trì giới thì dù ở hoàn cảnh nào thì bạn vẫn là Phật tử thuần thành. Sau khi kết hôn hãy dùng lòng yêu thương từng bước một mà giúp “bạn đời” tìm hiểu ý nghĩa sâu rộng của Phật Pháp, sống đúng chánh pháp. Làm một Phật tử tốt thì dù sống trong môi trường nào cũng là Phật tử tốt, chính đó là tâm quyết với Phật, cũng chính là sự biểu hiện sự chung thủy của Phật tử càng yêu “người bạn trăm năm của mình”, xóa tan những dị biệt cục bộ, lạc hậu.

5/ Ánh sáng niềm tin:

Quá trình tu học Phật pháp của giới trẻ, là “hành trình của niềm tin”, hãy vượt mọi trở lực dừng tiến theo pháp môn “việc lành nhỏ không bỏ, việc ác nhỏ không làm” để “vượt khó” vững tin mà bước vào “con đường bát chánh”... không gian sông núi Phật pháp sẽ “hùng sáng” theo từng nhịp tim của các bạn:

Bao nhiêu sông nước bao trăng hiện

Mấy dặm mây tan mấy dặm trời

Sự giải thoát thật sự đến với các bạn, giải thoát từng hơi thở, niềm tin yêu xuất hiện trên cuộc đời, không còn một ràng buộc nào có thể giữ bạn lại. Chúng ta cũng không còn “tụt hậu”, bạn đã bước đến tương lai nơi chân trời mới, sau một giấc ngủ dài khi tỉnh dậy

Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy

Cho ta thêm một ngày nữa, sống để yêu thương.

Qua phần trình bày, trao đổi này dù chưa giải quyết được tất cả các vấn đề xã hội đặt ra cho các Phật tử trẻ. Tuy nhiên cũng có thể giúp các bạn làm hành trang vào đời sẵn sàng lắng nghe, học tập những kinh nghiệm cách ứng xử hay đẹp để phát triển và thành đạt trong cuộc sống.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ SÁU

Ngày Thứ Mười Ba: Liên Tông Tịnh Độ Non Bằng

Bạch sư! Chúng con nghe danh hiệu pháp môn tu là Liên Tông Tịnh Độ Non Bằng. Sao gọi là Liên Tông Tịnh Độ Non Bằng, không dùng danh hiệu Tịnh Độ khác cho phù hợp với thế gian hơn. Nhiều người khi nghe Tịnh Độ Non Bằng thì chưng hửng, không biết pháp phái này ở đâu, nghe lạ tai, xin Sư từ bi hoan hỷ giảng giải cho chúng con được am tường?

* Liên Tông Tịnh Độ Non Bằng là một môn phái do Đức Tôn Sư Đại Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, húy Nhựt Ý, thuộc dòng Lâm Tế gia phả thứ 41 khai sơn vào năm 1957 tại Tổ Đình Linh Sơn, núi Dinh, xã Phước Hòa, quận Long Lễ, tỉnh Phước Tuy; nay thuộc ấp Phước Thành, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Năm 1955, Đức Tôn Sư cầu học Phật pháp với Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức, tại chùa Bửu Quang, núi Dài Văn Liên, Châu Đốc. Được Sư Ông truyền trao giáo pháp “Pháp môn niệm Phật. Thời gian học Đạo với Sư Ông không lâu. Một ngày nọ, Tôn Sư đến gần Sư Ông và nói:

- Con muốn giống Đức Ông Ba?

- Muốn thì được! nhưng phải về miền Đông hành Đạo thì nên.

Tôn Sư đành lễ Sư Ông, đăng trình về Long Sơn Cổ tự, xã Tân Ba, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa; nay là xã Thái Hòa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương hành

đạo. Tại đây Tôn sư cầu pháp với HT thượng Trí hạ Châu, hiệu Hồng An, dòng Lâm Tế gia phổ thứ 40, được ban pháp hiệu là Nhựt Ý.

Đầu năm 1957, Đức Tôn Sư về núi Dinh, vào ở tại điện Phổ Đà ẩn cư tu tịnh. Lúc bấy giờ quý Phật tử thường xuyên về núi non quy y thật đông đảo, Tôn Sư đành phải xuất thân hành đạo, tế Tăng độ Chúng. Được Ngài Trụ trì, gọi tắt là Yết Ma MỐI tín ngưỡng, ký giấy giao Tổ Đình cho Tôn Sư làm phương tiện hành đạo.

Đệ tử quy y Tam Bảo đông, đệ tử xuất gia cũng đông, trong đó có vị Ni tu hành trí tuệ tuyệt vời, nay là Ni Trưởng thượng Huệ hạ Giác, Viện Chủ Quan Âm Tu Viện.

Đức Tôn Sư khai sơn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng vào ngày 15 tháng 07 năm Đinh Dậu, 1957.

Theo từ ngữ Phật học, thì Liên Tông là tông phái Hoa Sen, tức Tịnh Độ Tông, một Tông phái dạy người tu, tưởng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Về lợi ích thì hiện tiền cũng như tương lai, khi được chánh niệm, sẽ tạo nên một môi trường thân tâm thanh tịnh trong sáng, hạnh phúc, an lạc thực tiễn. Cõi an lạc thì không có những cấu uế phiền não thế gian. Không còn có những khổ đau, sống chết, hạp tan, giàu nghèo phân ranh giai cấp.

Đức Tôn Sư là người được thừa kế truyền thừa pháp môn niệm Phật, chủ yếu trợ duyên cho những người con Phật dễ chấp nhận, dễ tu dễ chứng. Nên gọi Liên Tông.

Tịnh Độ cũng gọi là Liên Tông, một tông phái dạy về pháp môn quán tưởng niệm Phật, để vãng sanh về cõi Tịnh Độ. Người tu Phật tin có lực cứu độ của Đức A Di Đà và thường niệm danh hiệu của Ngài. Hiện tiền cũng như tương lai được sanh về thế giới của Phật A Di Đà.

Tông Tịnh Độ được Ngài Huệ Viễn Đại Sư sáng lập ở Trung Hoa vào thế kỷ thứ Bảy, du nhập vào Việt Nam hồi thế kỷ thứ 11 tại miền Bắc Việt Nam (tại chùa Tiên Du, Bắc Ninh ngày nay).

Năm 1934, Đức Pháp Chủ thượng Khánh hạ Anh, mở trường Phật Học Lương Xuyên ở Trà Vinh, nơi đây đã khai sơn hoàng truyền pháp môn niệm Phật, mở khóa “Niệm Phật Bá Nhựt Trì Danh”.

Năm 1955, Đức Đại Lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Tịnh, xương minh Tịnh Độ tại Vạn Đức Tự, Tam Hà, Thủ Đức, Ngài thành lập Cục Lạc Liên Trường, vừa dịch kinh, vừa dạy khuyên người người niệm Phật, khai mở nhiều khóa tu Phật thất, truyền thừa pháp môn đến ngày nay. HT thượng Trí hạ Tịnh là nhà dịch giả dịch các bộ Kinh Đại Thừa được Tăng Ni, Phật Tử tôn kính là Ngài La Thập tái sinh.

Ngoài ra còn có Hòa Thượng Thích Hành Trụ, là nhà dịch giả, cũng hoàng truyền Tịnh Độ, khai khóa “Niệm Phật Bá Nhựt Trì Danh” tại Chùa Chánh Giác, đường Phan Văn Trị, Gia Định.

Bên Cư sĩ có Cụ Đoàn Trung Còn, pháp danh Hồng Tại thành lập Hội Phật Giáo Tịnh Độ Tông VN hồi năm 1955, tập họp giới xuất gia và tại gia, gia nhập Hội tu niệm Phật.

Năm 1959, Đức Tôn Sư HT thượng Thiện hạ Phước khai sơn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng giáo hóa pháp môn “Lễ Bái Niệm Phật”, liên hữu vừa lay vừa niệm Phật; pháp môn “Phát nguyện niệm Phật”, đọc bài kệ pháp của Phật hay bài kệ Tịnh độ của Tổ sư rồi niệm Phật. Đến năm 1962 theo lời thỉnh cầu của quý Thầy cựu học Tăng Phật học Đường Lương Xuyên, trong đó có Thầy Như Lý, đệ tử của Đức Pháp chủ thượng Khánh hạ Anh, Đức Tôn Sư khai khóa “Niệm Phật Bá Nhựt Trì Danh”, vừa đi kinh hành vừa niệm Phật đúng một trăm ngày, tạo phương tiện cho chư Tăng Ni Tịnh Độ Non Bồng có phương pháp tu niệm Phật Tịnh độ. Cùng thời điểm này nơi vùng cao nguyên Lâm Đông sơn dã có HT Thích Thiên Tâm, nhà dịch giả tài ba, soạn dịch kinh sách Tịnh độ, truyền bá pháp môn tu. Nhìn chung ở thập niên ba mươi đến thập niên sáu mươi, cho đến hôm nay, Tịnh Độ Tông đến thời cực thịnh, đại đa số người tu đều quy y tu pháp môn niệm Phật, chín mươi phần trăm các Chùa đều hành trì theo pháp môn Tịnh Độ.

Non Bồng là thuật ngữ, nói chung là Non Bồng nước nhược: dịch từ chữ Bồng Sơn, là núi Bồng Lai, nơi cõi thiêng liêng huyền bí, Bồng Sơn ở trên một hòn đảo gọi là đảo Bồng Lai.

Nước nhược: dịch từ chữ Nhược Thủy là nước yếu. Nước này không đỡ nổi một hạt cải. Nghĩa là bỏ hạt cải trên Nhược Thủy thì hạt cải chìm xuống. Tương truyền, chúng quanh đảo Bồng Lai là Nhược Thủy.

Non Bồng nước nhược là chỉ cõi Tiên, cảnh Tiên (trích trong Từ Điển Cao Đài của soạn giả Đức Nguyên). Trong thơ văn Việt Nam: “Non Bồng là tên núi, là chỗ Tiên ở, cũng gọi Bồng Lai”.

Ví dụ: “Biết đâu nước nhược, Non Bồng là đâu” (Nguyễn Du)

Những người theo đạo Tiên, những ý tưởng trong thơ văn Việt Nam thì dùng thuật ngữ Non Bồng ám chỉ cho vùng núi non dành cho người tu Tiên Đạo. Cũng đúng thôi, vì việc lánh xa thế tục, xa rời sự tranh đấu, lánh chốn phồn hoa, thích tiêu dao nơi am thanh cảnh vắng là bản chất của người tu Tiên. Cho nên trong Hán nôm, chữ Tiên, gồm có chữ: Nhon và chữ Sơn cùng đứng chung...

Trên đây là nói về thơ văn và những người tu Tiên đối với từ ngữ Non Bồng. Người Phật Giáo không phải không dùng, chỉ vì đó là thuật ngữ hay phong cảnh của Tiên Đạo!

Người Phật giáo không phải là không dùng từ ngữ Non Bồng; đối với Phật Giáo, Non Bồng là môi trường núi non, nơi vắng lặng thanh tịnh, nơi An Lan Nhã, Tòng Lâm của Phật Giáo. Nơi đây mới thật sự là nơi đào tạo người tu theo hạnh Phật, hạnh Sa môn, bản chất của người đệ tử Đức Phật xưa nay. Tuy nhiên, dù thanh vắng cũng chỉ là phương tiện tạm thời làm trú xứ cho người tu Phật. Cho nên

người học Phật sử dụng cảnh trí Non Bồng tạo thành môi trường lành mạnh cho chư Tăng Ni an trú tu hành.

Non Bồng do Đức Tôn Sư sáng lập cũng là một thắng cảnh như là một từ ngữ đối với thắng cảnh núi Thiên Thai, Tổ đình Thiên Thai của Tổ Sư Huệ Đăng, người sáng lập giáo phái Thiên Thai tại Long Điền. Bà Rịa Vũng Tàu.

Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng là một môn phái được khai sơn tại núi Bồng Lai, thuộc vùng núi Dinh, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu.

Ngày nay Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng có 150 chùa trên toàn quốc. Trong những ngày kỷ niệm húy kỵ Đức Tông Chủ Tôn Sư vào các ngày 27, 28, 29, 30/07 và mùng 01/08 âm, chư Tăng Ni, Phật Tử các chùa tề tựu đông đủ lên đến hàng trăm ngàn người tham dự.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Mười Bốn: những bậc khai sơn liên tông tịnh độ non bồng

Bạch Sư! Đức Sư Tổ gọi là Mẫu Trầu? Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Giác gọi là Đức Ông? Xin Sư giảng giải!

Là hậu duệ, chúng con xin được học hỏi?

- Không có Đức Sư Ông Mẫu Trầu, mà có danh hiệu Đức Tôn Sư Hòa Thượng pháp hiệu Thích Thiện Phước, pháp danh Nhựt Ý, thuộc dòng Lâm Tế thứ 41 (biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bồng Lai). Chôn Tổ của Hòa Thượng: - một là Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức, Am Bửu Quang, Núi Dài, Châu Đốc - hai là đệ tử cầu pháp với Đại lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Châu húy Hồng An, tại Long Sơn Cổ Tự vào năm 1955.

- Từ ngữ Mẫu Trầu không phải là danh xưng, mà là biệt hiệu của Đức Tôn Sư, do các Cư sĩ trong nội bộ thường xuyên tôn kính gọi Đức Tôn Sư trong quá trình xử sự (ẩn tu) trong điện Phủ Đà – một phần là do hoạt động Cách Mạng – một phần mai danh ẩn tích, không muốn ngoại nhân biết mình là ai, không xuất thân hành đạo... chấp nhận cho môn đệ hộ đạo gọi biệt hiệu! Nên chẳng có gì là trái ý đạo!

Tịnh độ Non Bồng gọi nữ nhân là Đức Ông?

Các Bạn không nên thắc mắc, vì có ai là nữ nhân mà trong Tịnh Độ Non Bồng gọi là Đức Ông đâu? – 50 năm qua từ khi xuất gia làm Chú Tiểu đến nay là Hòa Thượng, chúng tôi chưa nghe gọi người nữ nào là Đức Ông?

Có chăng, là Sư Bà Huệ Giác là Tổ Thầy của các thế hệ Tăng Ni sinh “ấu niên xuất gia”, Sư Bà có duyên được làm Thầy của đông đảo Tăng Ni sinh “ấu niên xuất gia” (có từ 600 đến 800 Tăng Ni sinh, tính từ năm 1958 đến nay). Từ số

lượng tu sĩ này, khi họ tu nên đạo nghiệp, lớn lên có đủ tài năng đi giáo hóa chúng sanh, họ vẫn gọi Sư Bà là Thầy, có khi họ xem Sư Bà như là người Cha, nên gọi từ “Ông Già”.

Do vậy, không có từ “đức ông” nào cả!

Và lại bên Ni Giới, thường tôn kính những bậc đạo cao đức cả, gần giống như bên Tăng. Quý Sư Bà cũng gọi với nhau bằng “Ông”, nên các môn đệ cũng từ đó mà gọi quý Sư Bà bằng “Ông”. Từ “Ông” cũng xuất phát từ đây, không có gì phải nghĩ suy...

Kính chúc an lạc! Tinh tiến niệm Phật...

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ BẢY

Ngày Thứ Mười Lăm: Tông chỉ pháp môn niệm Phật

(Phát nguyện niệm Phật)

Bạch Sư! Chúng con hữu duyên lành được quy ngưỡng pháp môn tu, không ngờ rằng, khi tìm đến con đường tu học Phật lại tìm gặp được thầy lành bạn sáng, gặp được pháp môn tu phù hợp với bản năng, phù hợp với đời sống thực tiễn trong gia đình, xã hội, thậm chí đến các cơ quan ban ngành, đoàn thể nếu phát tâm thọ học, đều có thể thực hiện được mà không làm trở ngại cho công việc làm. Trong quá trình nghe Sư thuyết pháp tại Long An chúng con có nghe giảng đến những phát nguyện lành của Đức tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, chính những hạnh lành ấy trở thành tôn chỉ của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng dành cho Tăng Ni, Phật tử thú hướng tu hành giải thoát, xin Sư từ bi trùng tuyên lại cho chúng con được học?

Vâng! Sư sẽ trùng tuyên lại lời của Đức Tôn Sư, tông chỉ môn phong có năm bài phát nguyện, sinh thời Đức tôn sư dùng đây làm kim chỉ nam tu hành mà thành tựu. Nội dung Lời phát nguyện đơn giản, lời văn ngắn gọn, mộc mạc, khác với thế gian, xa hẳn với các môn phong khác... nhưng chính những lời phát nguyện đó giúp cho hàng trăm, hàng ngàn Tăng Ni trải hàng bao thế hệ tụng đọc tu hành hiệu quả, bất thối chuyển, nên đạo, trở thành những vị giáo phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Ni Trưởng, Ni Sư, Sư Cô cầm năm viên ngọc mỗi tông phong trong khắp các trú xứ niệm Phật trong cả nước và nước ngoài...

---o0o---

BÀI SỐ 1 - LỜI PHÁT NGUYỆN ĐI TU

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ A Di Đà Phật.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Ngày nay con là Phật tử tên họ.... Pháp danh.....tuổi....

Ngày nay con đại phát nguyện tu hành theo đạo Phật đời đời kiếp kiếp con không nhàm chán, không thôi chuyển.

Ngày nay con biết tu, con nguyện cho bá tánh muôn dân cũng được biết tu như con vậy.

Ngày nay con bỏ dữ về lành, bỏ ác về thiện, con cũng nguyện cho muôn loài vạn vật cũng đồng tu Đạo Phật giống như con vậy.

Ngày nay con quy y Tam Bảo, con xuất gia tu Phật con nguyện vô lượng chúng sanh trong cõi đời cũng đồng đồng đẳng như con vậy.

Ngày nay con theo chơn Tiên gốc Phật, con cầu vãng sanh Tịnh Độ, con cũng nguyện cho tất cả chúng sanh trong cõi đời hoặc hữu tình hoặc vô tình cũng đồng đồng đẳng như con vậy.

Ngày nay con nguyện theo chơn Phật cầu đạo giải thoát, tu cho thành Thánh, thành Tiên, thành Phật, con đồng nguyện cho tứ sanh, lục đạo, tất cả chúng sanh cũng đồng được giác ngộ như con vậy.

Ngày nay con nguyện xuất gia đi tu, xa lánh ba đường dữ, tu theo đạo chánh đẳng, chánh giác của Như Lai, con cũng đồng nguyện khắp trong tứ Thánh lục phàm cũng đồng đồng đẳng như con vậy.

Ngày nay con là Phật tử tên họ Pháp danh.....

Thân tâm con cầu vãng sanh Tịnh Độ, con thành tâm đại nguyện nhìn nhận đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát là mẹ chơn thật của con muôn đời vạn kiếp bất thôi chuyển. Ngày nay thân tâm con phát nguyện Tây Phương Phật, đức Giáo chủ A Di Đà Phật là cha của con trải qua vô lượng kiếp bất thôi chuyển, lời con nguyện chơn thật như vậy, như vậy.

Con nguyện Cha Mẹ Tổ Thầy vi chứng minh cho các con được đắc kỳ hạnh nguyện.

Thân tâm con nguyện xuất gia đi tu đạo Phật được kết quả lành thành đạo, được làm vui cho trăm họ, được sưởi ấm cho bá gia, được an ủi cho muôn loài, lợi lạc cho nhơn thiên đời đời kiếp kiếp bất thôi chuyển.

Con nguyện như vậy, con làm như vậy đời đời kiếp kiếp bất thôi chuyển.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ A Di Đà Phật.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ Tam Bảo cảm ứng chứng minh.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ Tám Bộ Chư Thiên chứng minh.

---o0o---

BÀI SỐ 2 - LỜI PHÁT NGUYỆN GIỮ ĐẠO

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nhứt nguyện ngày nay con đại phát nguyện trước Tam Bảo mười phương chư Phật, bá vạn chư Thiên cảm ứng chứng minh.

Con nguyện trường chay vô lượng ức kiếp bất thối chuyển. Các con nguyện trì chú Đại Bi tụng kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh bất thối chuyển.

Các con nguyện niệm hồng danh chư Phật, niệm danh hiệu A Di Đà Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Các con nguyện thủ trì tam đề ngũ quán vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Nay con phát nguyện cả xác lẫn hồn trước Tam Bảo mười phương chư Phật bá vạn chư Thiên.

Kể từ nay nhân đến bá thiên vạn kiếp vô lượng ức kiếp vị lai bất thối chuyển.

Con chẳng trái bốn nguyện! Con chẳng trái bốn nguyện.

Các con nguyện thủ trì thần chú Đại Bi vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Con chẳng trái bốn nguyện trước Tam Bảo Phật Pháp Tăng chư Thiên Hộ Pháp cảm ứng chứng minh.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát (3 lần)

---o0o---

BÀI SỐ 3 - LỜI PHÁT NGUYỆN TU THÂN

Các con nguyện trước Tam Bảo mười phương chư Phật bá vạn chư Thiên cảm ứng chứng minh.

Mắt các con nguyện đời đời kiếp kiếp nhìn đức Phật mãi mãi không nhàm chán không thối chuyển.

Tai các con nguyện đời đời kiếp kiếp nghe tiếng niệm Phật và nghe pháp lành mãi mãi không nhàm chán không thối chuyển.

Mũi các con nguyện được ngửi mùi trầm hương thơm vi diệu của chư Phật mãi mãi đời đời kiếp kiếp không nhàm chán không thối chuyển.

Miệng các con nguyện niệm hồng danh chư Phật và nói pháp lành mãi mãi của Phật đời đời không nhàm chán không thối chuyển.

Tâm ý các con nguyện tưởng nhớ đức Phật mãi mãi và trọn tin đức Phật đời đời kiếp kiếp không nhàm chán không thối chuyển.

Thân tâm các con nguyện cúng dường ngôi Tam Bảo, làm tứ cho Tam Bảo, làm con cho Tam Bảo phụng sự cho ngôi Tam Bảo mãi mãi đời đời kiếp kiếp không nhầm chán không thối chuyển.

Từ nay nhẫn đến nghìn thu Phật chẳng trái lời thệ nguyện.

Kê từ nay nhẫn đến bá thiên vạn ức vô lượng nghìn thu Phật chẳng trái Bồ thệ nguyện bất thối chuyển.

Khi nào con có quên bốn nguyện xin mười phương chư Phật, Long Thiên Hộ Pháp đồng nhắc nhở và hộ niệm cho các con được làm tròn bốn nguyện.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát (3 lần)

---o0o---

BÀI SỐ 4 - LỜI PHÁT NGUYỆN HỘ ĐẠO

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm các con là Phật tử đồng phát nguyện thệ.

Kê từ nay đến vô lượng đời vị lai các con an trụ trong cội lành của Như Lai bất thối chuyển.

Các con an trụ trong pháp lành của Như Lai bất thối chuyển.

Các con an trụ trong hành thiện của thập phương Bồ Tát bất thối chuyển.

Trải qua vô lượng kiếp các con đồng phát nguyện thệ như vậy.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm các con là Phật tử đồng phát nguyện thệ.

Từ nay đến vô lượng đời vị lai không xa lìa Thiện tri thức. Các con đồng phát nguyện thệ như vậy bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm các con là Phật tử đồng phát nguyện thệ.

Trải qua vô lượng ức kiếp đời vị lai, hiện tại kiếp, quá khứ kiếp.

Các con lễ bái Như Lai, cúng dường Như Lai, xưng tán Như Lai, hộ niệm Như Lai, tôn kính Như Lai.

Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề tâm vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Tam Bảo Phật Pháp Tăng Chư Thiên Hộ Pháp cảm ứng chứng minh. (3 lần)

Nam Mô A Di Đà Phật.

---o0o---

BÀI SỐ 5 - LỜI PHÁT NGUYỆN THỌ TRÌ Y BÁT

Con là Phật tử tên.....tuổi...pháp danh....

Ngày nay con lập hạnh nguyện xuất gia thọ trì Y Bát của Phật.

Con nguyện trước Tam Bảo Phật Pháp Tăng, mười phương chư Phật, tám bộ chư Thiên cảm ứng chứng minh.

Ngày nay thân tâm con nguyện xuất gia thọ giới của Phật.

Con nguyện thọ trì y vô thượng bát chánh đạo của Như Lai vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Ngày nay thân tâm con tên.....pháp danh.....

Con nguyện chấp hành giới luật của Phật đời đời kiếp kiếp bất thối chuyển.

Ngày nay con nguyện làm con của chư Phật, Bồ Tát

Con nguyện làm trò của chư Phật, Bồ Tát.

Con nguyện làm Sứ Giả của Như Lai.

Con nguyện làm Trưởng tử của chư Phật, Bồ Tát.

Con nguyện làm Thích tử của Như Lai.

Con nguyện hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

Con nguyện giữ vừa hương bát nước của chư Phật.

Con nguyện lễ bái cúng dường Phật Pháp Tăng. Ngày nay thân tâm con nguyện chung thủy, quy y Đức Bồ Tát Quán Thế Âm Phật Mẹ, chung Thủy trái vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Ngày nay con phát nguyện làm con của Đức Đại Từ, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Con xin phát nguyện mười hai hạnh nguyện của Phật Mẹ, con tín thọ phụng hành một hạnh nguyện được viên mãn.

Thân tâm con thiên bá ức bái, đầu đội vai mang, đấng Đại Từ, Đại Bi, Phật Mẹ chúng lòng thành khẩn phát nguyện.

Ngày nay thân tâm con thiên bá ức bái đảnh lễ Tam Bảo Phật Pháp Tăng, thập phương Bồ Tát chư Phật cảm ứng chứng minh.

Hòn xác con phát nguyện phụng thỉnh và cầu xin tám bộ chư Thiên hộ trì cho con được toại nguyện.

Nhứt tâm đảnh lễ tám bộ chư thiên bá bái.

Nhứt tâm đảnh lễ Phật Mẹ Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm bá bái.

Nhứt tâm đảnh lễ Tam Bảo thập phương chư Phật bá bái.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngày nay con nguyện tấn đạo nghiêm thân, thủ trì Y Bát của Như Lai vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật

Những bài phát nguyện trên xuất phát từ kim ngôn của Đức tôn sư trong những năm còn hành đạo tại núi Bồng Lai, trung tâm thành lập Liên Tông Tịnh Độ

Non Bồng. Do bài phát nguyện tụng đọc ở non núi, nên lời văn thô kệch, không sắp sắn không soạn đi soạn lại như các nhà văn, chỉ có ý tứ là dồi dào, cho những người muốn học đạo giải thoát, không còn phân vân, khi người tụng đọc không nghi ngờ, mà còn thêm phát tâm tinh tấn ký gởi trọn niềm tin nơi lời nguyện và cảm thấy được gần gũi Đức tôn sư. Xin mời gọi các bạn thử tụng đọc và nghiên cứu.

Trong sấm văn Phát bồ đề tâm của Đại sư Thiệt Hiền, hiệu Tư Tề, đệ Thập tổ của Tịnh Độ Tông, ngài có trứ thuật lại lời kinh dạy:

"Yếu môn nhập đạo

Phát tâm làm trước

Yếu vụ tu hành,

Lập nguyện làm đầu

(Đường về Cực Lạc, Liên tông chư tổ, trang 185)

Đây là con đường duy nhất trong thời kỳ chánh pháp đã qua đi, các bạn tinh tấn niệm Phật, lễ Phật và phát nguyện niệm Phật tinh chuyên.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN V. GIÁO LÝ CĂN BẢN TỊNH ĐỘ TÔNG

CHƯƠNG THỨ TÁM

Ngày Thứ Mười Sáu: Bốn cõi Tịnh Độ

Bạch Sư! Chúng con có nghe Sư giảng về bốn cõi Tịnh Độ, khi tu chúng đạt đến hiệu quả, về với các cõi Tịnh Độ, nhưng là cõi Tịnh Độ nào? Xin Sư từ bi giảng giải?

Đã nghe hỏi thì biết là quý vị còn tu và cần phải học Phật pháp thật nhiều hơn nữa, lời hỏi sẽ giúp ích cho đại chúng liên hữu đồng tu. Sư sẽ vì quý vị và đại chúng mà nói...

Năm 1971 khi còn tham dự học khóa giáo lý Tịnh Độ Căn Bản, môn Tịnh Độ Thập Nghi Luận tại Quan Âm Tu Viện, Sư được nghe Thầy dạy như sau:

Tất cả cõi Phật trong khắp mười phương đều không ngoài tâm mà có. Thầy dạy niệm Phật phát nguyện vãng sanh Tây phương Cực lạc, khi niệm trông về hướng tây mà là đề mục tu tiến... từ đó có người cứ mãi mê thú hướng về hướng tây mà niệm rồi nghĩ ngợi là Tịnh Độ ở hướng tây. Cũng phải thôi, vì kinh dạy như vậy và đối với người còn trong vòng tu tiến chưa đắc đạo. Song người tu niệm Phật

đạt đến vô biệt niệm, thì đâu có cõi Phật nào ngoài tâm ta. Cho nên lúc bấy giờ Tịnh Độ là cõi duy tâm, ở trong chân tâm của ta, như biển cả nổi lên vô lượng bóng bọt, nhưng không có bóng bọt nào ở ngoài biển cả. Ví như những hạt bụi, không có hạt bụi nào chẳng phải là đất; cũng như không có cõi Phật nào chẳng phải là tâm. Nên chư Đại sư Tịnh Độ môn từng dạy: "Chỉ một tâm này có đủ bốn cõi là: Phàm thánh đồng cư Tịnh Độ, Phương tiện hữu dư Tịnh Độ, Thật báo trang nghiêm Tịnh Độ, Thường Tịch Quang Tịnh Độ..."

Cõi Tịnh Độ thứ nhất

1/ *Cõi Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh độ*: Cõi phàm thánh Đồng cư Tịnh độ gồm có hai độ là Đồng cư Tịnh độ và Đồng cư uế độ. Đồng cư uế độ là như cõi Ta bà trong quốc độ này có phàm có thánh ở chung lẫn, mà phàm và thánh đều có hai hạng. Hai hạng của phàm là ác chúng sanh, tức bốn thú (a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) và thiện chúng sanh, tức trời người. Hai hạng của thánh là thật thánh và quyền thánh. Thật thánh là các thánh nhân thuộc bốn đạo quả: Bích chi Phật, bậc thất địa trong Thông giáo, thập trụ trong Biệt giáo, thập tín hậu tâm trong Viên giáo. Những vị này phân "thông hoặc" tuy dứt hết song sắc thân quả báo hầy còn, nên đều gọi là "thật". Quyền thánh là các vị Bồ tát trụ ở những cõi phương tiện, thật báo, tịch quang cùng bậc Diệu Giác (Phật) vì làm lợi lạc cho kẻ hữu duyên nên ứng sanh vào cõi Đồng cư, bởi tùy cơ thị hiện nên gọi là "Quyền". Những vị trên đây cùng với phàm phu đồng ở, nên gọi là "Phàm Thánh Đồng Cư"; và cảnh cư trú, về phần khí thế giới có hâm hổi, gai góc, bùn đất, cùng các tướng nhơ nhớp, về phần hữu tình giới có bốn ác thú, nên gọi là "uế độ". Đồng cư Tịnh Độ là như cõi Cực Lạc, tuy y báo chánh báo nơi đây trang nghiêm màu nhiệm, không có bốn ác thú, song cũng gọi là "Phàm thánh đồng cư", vì chúng sanh về cõi này không phải đều là bậc đặc đạo. Như trong kinh nói: "Hạng người phạm tội nặng, khi lâm chung chí tâm sám hối và niệm Phật, đều được vãng sanh". Do đó nên biết nơi cõi này chúng sanh còn hoặc nhiễm cũng có thể được ở. Thế giới Cực lạc cũng có hai hạng thánh cư và bởi y báo chánh báo sạch sẽ trang nghiêm, nên gọi là Tịnh Độ. Để nói rộng thêm, tuy gọi Tịnh Độ nhưng thật ra trong ấy có nhiều hạng hơn kém không đồng. Như thế giới Diệu Hỷ tuy là Tịnh Độ, song còn có nam nữ và núi Tu Di. Và Tịnh Độ đã như thế, uế độ cũng như vậy.

Cõi Tịnh Độ thứ hai

2/ *Cõi Phương Tiện Hữu Dư Tịnh độ*: Là chỗ ở của bậc nhị thừa và ba hạng Bồ tát đã chứng phương tiện đạo. Những vị này do tu hai môn quán, dứt phần thông hoặc, phá hết trần sa, bỏ thân phân đoạn thọ thân pháp lành, tự tại ở ngoài ba cõi; nhưng vì họ chưa đoạn được biệt hoặc vô minh nên còn có sự biến dịch sanh tử. Sở dĩ gọi "phương tiện" vì đó là cảnh giới của hành nhơn tu chứng phương tiện đạo; gọi "hữu dư", là bởi họ chưa đoạn được vô minh. Cho nên trong Thích Luận

nói: "Ngoài tam giới có cõi Tịnh độ, đây là chỗ của hàng Thỉnh văn, Bích chi Phật cư trú, thọ pháp tánh thân, không còn sự phân đoạn sinh tử"

Cõi Tịnh Độ thứ ba

3/ *Cõi Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh độ*: là cõi Thật báo vô chướng ngại là nơi không có hàng nhị thừa, chỉ thuần là bậc pháp thân Bồ tát ở. Những vị này pháp từng phần vô minh, chứng từng phần pháp tánh, được quả báo chân thật. Song vì họ chưa đoạn diệt hết vô minh, nên còn nhận vô lậu nghiệp, thọ báo thân pháp tánh và cảnh giới này cũng gọi là quả báo độ. Kinh Nhân vương nói: “Ba hiền mười thánh trụ quả báo”, là chỉ cho sự việc trên đây. Sở dĩ gọi “thật báo”, vì các đại sĩ ấy do quán thật tướng, phát được chân vô lậu thọ hưởng quả báo chân thật; gọi là “vô chướng ngại” là bởi chư Bồ tát đây, tu chân không định, sắc cùng tâm không ngăn ngại lẫn nhau. Trong kinh Hoa Nghiêm thuyết minh thế giới Nhân đà la võng, chính là cảnh này.

Cõi Tịnh Độ thứ tư

4/ *Cõi Thường Tịch Quang Tịnh độ*: cõi Thường tịch quang là chân lý pháp giới như như, sáng suốt cùng cực của bậc Diệu Giác. Đây là Phật tánh chân như, tức độ là thân tức thân là độ, thân và độ không hai, là trụ xứ của Đức Tỳ lô giá na, cũng gọi là Pháp tánh độ. “Thường” chính là đức pháp thân, “Tịch” tức là đức giải thoát, “Quang” là đức Bát nhã như chữ “Y” có ba điểm, không thể cách lìa, một tức là ba, ba nguyên vẫn một. Đây cũng gọi là Bí mật tạng, là cảnh giới du hóa của Như Lai, cứu cánh chân thường, thanh tịnh cùng cực.

Hai cõi Tịnh độ trước là chỗ của Ứng thân Phật. Cõi thứ ba cũng thuộc về Ứng cũng thuộc về Báo, mà chính thức là chỗ ở của Báo thân Phật. Cõi thứ tư không phải Ứng và Báo mà kiêm cả Ứng, Báo, là chỗ ở của Pháp thân Phật.

Qua bốn cõi Tịnh độ trên, quý vị đã thấy thật tận tường, cõi Tịnh độ nào cũng là duy tâm, thuộc tâm, nên người tu niệm Phật đạt đến cứu cánh thì bốn cõi cũng là một cõi Tịnh độ duy nhất, về với cõi Tịnh độ ấy là “cõi tâm”, duy tâm Tịnh độ là thực thể của thế giới Tịnh độ mà Đức Phật Thích Ca đã từng dạy trong các kinh Đại A Di Đà, Tiểu bản A Di Đà.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thể Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Ngày Thứ Mười Bảy: Nam hành đạo (khó tu) và Di hành đạo (dễ tu)

Bạch Sư! Những người nghiệp ác sâu nặng, phiền não đầy đầy, trường hợp có công phu tu tập, nhưng chướng duyên vẫn còn rất nặng nề. Người ấy sánh với cõi Tịnh Độ còn xa diệu vợi. Thế nên phải tu hành như thế nào để được vãng sanh Tây phương Cực lạc, chúng con thấy khó quá, mong Sư chỉ dẫn?

Chúng sanh thời mạt pháp, nói về công đức tu hành chẳng là bao, nên việc cầu chứng vãng sanh rất khó; nhưng do nguyện lực của Phật A Di Đà luôn trợ duyên cho chúng sanh, những ai phát tâm tín niệm danh hiệu Ngài thì có cơ hội về với thế giới của Ngài.

Sư sẽ cố gắng đem những tinh hoa của giáo lý Tịnh Độ đã học hồi năm 1970-1971 để dẫn giải giúp quý vị thông suốt về các pháp dễ tu và khó tu.

Trong quá trình tu tập của chư liên hữu tu Tịnh độ, đại để có hai duyên “khó tu” và “dễ tu” (tức là nan hành đạo và di hành đạo). Đòi nay, nếu người tu tự tu tự thân chứng, chỉ có “tự lực” thì người ấy gặp nhiều trở ngại, rất “khó tu”; ngược lại người tu có cầu “tha lực” trợ duyên thì người ấy đang bước trên bước đường “dễ tu” dễ chứng đắc.

Về “tự lực” thì hàng cụ phước phạm phu ở thế giới này tuy có đôi chút tu hành, thật ra chưa đủ lực để vãng sanh về Tịnh độ và xứng đáng được ở Tịnh độ. Kinh Anh Lạc nói: “Từ địa vị cụ phước phạm phu chưa biết Tam Bảo và nhân quả thiện ác, trước tiên mới phát tâm Bồ đề phải lấy TÍN làm gốc, đến khi vào đạo Phật lại lấy GIỚI làm nền tảng. Hạng phạm phu này khi mới thọ giới Bồ Tát, nếu mỗi đời cứ tiếp tục giữ giới như thế không cho khuyết phạm, trải qua ba kiếp mới đến địa vị sơ phát tâm trụ. Lại cứ như thế mà tu Thập tín, Thập ba la mật, cùng vô lượng hạnh nguyện, nối nhau không gián đoạn, mãi một vạn kiếp, mới đến ngôi đệ lục Chánh tâm trụ. Khi tiến lên đệ thất Bát thối trụ tức là đã vào Chung tánh vị, nhưng địa vị này cũng chưa được sanh về Tịnh độ. Đây là nói về tự lực.

Về tha lực, nếu ai tin nơi nguyện lực, nếu người nào tin nơi nguyện lực đại bi nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật danh hiệu đức A Di Đà, rồi phát lòng Bồ đề tu môn niệm Phật tam muội, chán thân hữu lậu trong ba cõi, thật hành Bồ thí trì giới cùng các phước nghiệp, mỗi hạnh đều hồi hướng nguyện vãng sanh Tây phương thì cơ cảm hợp nhau, nương nhờ Phật lực liền được vãng sanh.

Sách Thập trụ Tỳ Bà Sa luận nói: “Có hai lối tu nan hành đạo và di hành đạo. Nan hành đạo là chúng sanh ở cõi ngũ trược trải qua vô lượng đời chư Phật, tu hành bất thối chuyển, thật rất khó được. Sự khó khăn nhiều như cát bụi, nói không thể hết:

- 1). Ngoại đạo đầy đầy làm loạn pháp Bồ Tát
- 2). Bị người ác, kẻ vô lại phá hoại thắng đức của mình

3). Dễ bị phước báo làm điên đảo, có thể khiến hoại mất phạm hạnh.

4). Dễ bị lạc vào đường tu tự lợi của Thinh văn

5). Bởi duy có tự lực, không có tha lực hộ trì, nên sự tu hành rất khó khăn.

“Nan hành đạo” khó tu ví như người què yếu đi bộ một mình tuy rất khó nhọc, song một ngày qua chỉ đi được một vài dặm.

“Dị hành đạo” dễ tu ví như chúng sanh ở cõi này nếu tin lời Phật, tin môn niệm Phật phát nguyện tu cầu về Tịnh Độ, tất sẽ được nguyện lực của Phật nhiếp trì, quyết định được vãng sanh. Ví như người nương nhờ sức thuyền xuôi theo dòng nước, có gió xuôi chèo, nên tuy đường xa ngàn dặm nhưng cũng đến nơi một cách dễ dàng, thành tựu hạng nguyện tu hành.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Mười Tám: Lễ bái môn (pháp môn tu lễ bái niệm Phật)

Bạch Sư! Trong các pháp môn tu, chúng con nghe quý sư giảng, môn lễ bái là pháp thật dễ tu dành cho chư Tăng Ni và tín đồ Phật tử. Lễ bái cũng là một công hạnh tu trong các hạnh tu của pháp môn niệm Phật Tịnh độ tông, như Lễ Phật, tụng kinh Phật, niệm Phật. Chúng con thấy lễ bái là hạnh lành cao cả và trang nghiêm, đồng thời cũng là một trong tông chỉ của Liên tông Tịnh độ Non Bông... xin Sư từ bi hoan hỷ chỉ dạy?

Lễ bái môn là pháp môn tu phổ cập trong quảng đại quần chúng, tín đồ Phật tử, từ xưa đã trở thành nền nếp cho con người. Vái là “xá”, vái ba vái tức là xá ba xá, lễ là lạy, xá ba xá rồi lạy ba lạy là hạnh lành của người tín đồ Phật tử trong chốn thiền lâm, am thanh cảnh vắng, nơi a luyện nhã, nơi đã không còn tâm trần ý tục nữa, mà nơi đó chính là giải thoát mọi căn duyên trần tục, tháo bỏ mọi xích xiềng, tiêu dao nơi Cực lạc. Lạy Phật, đức Phật trước mặt, nhưng khi đã lạy thì lúc bấy giờ chính con là Phật, Phật ở trong con, chính con và Phật là “một”. Kinh dạy: “...Năng lễ sở lễ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghi...”

Tánh lạy thể hiện nơi tướng lạy, tướng lạy nhưng tâm lòng dứt nghĩ suy, nên chỉ còn lại sự rỗng không, không tịch, không còn ta và Phật, ta và Phật không hai. Lúc bấy giờ chỉ còn là một Đức Phật giải thoát toàn diện.

Luận Thập trụ Tỳ bà sa, ngài Thế Thân dạy về ngũ niệm môn, trong đó có môn tu “Lễ Bái Môn” đứng đầu trong các hạnh lành tu Tịnh Độ.

Xin giới thiệu về bảy phép lạy trong “Nhị khóa hiệp giải” bản dịch của Đức Pháp Chủ thượng Khánh hạ Anh, mà tôi đã học tại Phật Học Đường Tây Phương Bông Đào, núi Bông Lai vào năm 1962 và được mời thuyết giảng vào năm tại Lớp Giáo Lý Căn Bản tại Tổ Đình Long Thiên – Bửu Hòa, Biên Hòa (chương trình

Trung đẳng Phật học, niên khóa 1991-1995). Bản dịch được thực hiện vào năm 1958-P1 2502, theo nguyên bản của Pháp sư Quán Nguyệt chú giải.

Kinh Đại Phương Quảng nói: “Ngài Trí Đăng tôn giả hỏi Đức Văn Thù Sư Lợi rằng: “Thế nào là lạy Phật”.

Đức Văn Thù đáp: “Nếu thấy pháp (sự vật) sạch thì gọi là thấy Phật sạch, hoặc thân và tâm chẳng thấp chẳng cao, chỉ ở một mực ngay thẳng, lòng vẫn vắng lặng, không hề dao động, làm cái hạnh vắng lặng như thế gọi là lạy Phật.

Từ năm 1960 đến 1964, chư Tăng Ni Non Bồng tại núi Bồng Lai được Đức Tôn Sư dạy lạy Phật vào buổi sáng và buổi chiều. Buổi sáng từ 6 giờ đến 7 giờ, buổi chiều cũng từ 18 giờ đến 19 giờ, mỗi lần lạy như vậy là 108 lạy, nội dung đánh lễ chư Phật, mười phương chư Phật, chư Bồ tát, chư Hiền Thánh Tăng, chư lịch đại tổ sư, chư hiền A la hán, chư thánh, chư tiên, chư thánh mẫu... đây là việc thực tập tu Tịnh độ của các liên hữu Non Bồng, trong đó có lạy chư thánh, chư tiên, chư thánh mẫu là do người tu núi phải đánh lễ chư vị mà thôi, không thực hiện thì không đúng; cho nên nói lạy 108 lạy, chứ thật ra chư Tăng Ni, Phật tử lạy còn hơn 108 lạy Phật nữa... Đặc biệt là các vị lạy đứng, đứng lạy, vị nào cao tuổi thì quỳ lạy, vị nào còn trẻ mà quỳ lạy thì sẽ bị phạt quỳ hương...

Kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy có ba cách lạy Phật:

1). Lạy nên lỗi, là trong lúc lạy Phật, cái thân dung nghi chẳng trang chính, vì đi theo tánh khinh mạn, tỷ như cái chày đập lên xuống, nên Phật bảo là có lỗi.

2). Lạy tương tự: Trong khi lạy Phật, thân thể dung nghi tự hồ chân chính, mà tâm niệm nghĩ tưởng xằng bậy nơi đâu, hoặc chỉ lo câu nguyên buôn mai bán đác, ăn nên làm ra vậy thôi, lạy Phật ở trên bàn, Phật ciment, nhưng khi gặp quý Sư không biết xá lạy tôn kính, thêm vào đó tuy khởi tâm đi chùa, nhưng chẳng biết gì là cầu học Phật pháp. Vào chùa thì đi xe bốn bánh ỷ lại vào chức quyền, giàu có, hách dịch... không tôn kính quý Sư, chư Tôn Hòa Thượng, Thượng tọa, Trung tọa, Hạ tọa... Những người ấy có đi chùa cả ngàn năm cũng vô ích mà thôi. Những người này mê tín dựa vào một vài vị “thầy không ra thầy, trò không ra trò” xin bùa, xin phép làm ăn, xin phép “mị dân” để mở công ty lại bảo là đi chùa. Họ không biết việc làm ăn thành bại là do chính mình, tự trí tuệ của mình chính là Đức Phật “ở trong lòng”, Phật trong lòng gia hộ cho ăn nên làm ra... Có nhiều người vào chùa gặp quý Sư, gặp Hòa Thượng, lấy mắt ngó nghinh, ngó ngang... vậy mà cũng bảo là đi chùa đến nay mười năm rồi?

3). Lạy tùy thuận chân thật: lúc đương lạy Phật thân nghĩ hợp nhau với ý nghĩ chân chính, người ấy thuận theo tâm thành thật để lạy.

Người Phật tử đó, khi xá lạy biết kính quý Sư, quý Hòa Thượng, quý Thượng tọa, quý Ni trưởng, Ni sư, đến chùa học Phật pháp đề tu, học giáo lý Phật học để biết, không cầu linh mà thật linh nghiệm, việc làm ăn kết quả, thành đạt.

Sự thành đạt là do trí năng của con người, trí năng đó chính là Phật tánh, Đức Phật trong lòng (trí tuệ) gia hộ. Phật dạy: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”, Phật tánh chính là trí tuệ để định đoạt cho chính mình trong lúc tiếp cận với đời, với công ăn việc làm. Chớ không do một Thầy nào đó cho phép làm ăn, ban bố ân điển làm ăn... hủ tục này mê tín lạc hậu lắm rồi, đã không còn ở trong nhà Phật, khi người Phật tử biết nó là “trò mê tín lừa bịp”; khi người Phật tử tín tâm biết phát tâm thọ quy giới, học Phật pháp, biết tìm đường chính kiến.

Bộ Hoa Nghiêm Tùy Sở Diễn Nghĩa dạy: “Lễ là kính lạy ngôi Tam Bảo Phật Pháp Tăng, ắt phải đem năm vóc đến sát đất, làm vậy chi vậy? Là lý do bỏ dẹp tánh ngạo mạn của thế gian, mà nói lên lòng thành kính:

1/ Đầu gối hữu,

2/ Đầu gối tả,

3/ Cùi chỏ tay hữu,

4/ Cùi chỏ tay tả,

5/ Cán trán, đầu châm sát đất. Nghĩa là trong những lúc mỗi vóc nào vừa sát đất, đều có mỗi câu nguyện cả, như:

Một, khi lạy đầu gối hữu kê sát đất, nguyện cho chúng sanh, đồng đặng đạo chánh giác.

Hai, khi lạy đầu gối tả kê sát đất, nguyện cho chúng sanh, lòng không tà kiến với pháp ngoại đạo, mà đồng đặng đứng vững vàng trong đạo chánh giác.

Ba tay hữu lạy kê sát đất, nghĩ tưởng đến Đức Thế Tôn đang ngồi tọa bửu tòa Kim Cang, dùng từ lực chuyển cho quả đất rung động, hiện nhiều điềm lành cho đại chúng thấy, nguyện cho chúng sanh đồng đắc quả bồ đề, thoát khỏi khổ nạn, tai qua nạn khỏi tật bệnh tiêu trừ.

Bốn, tay tả khi lạy kê sát đất nguyện cho chúng sanh xa lìa những phái ngoại đạo, tà kiến khó điều phục (xa lìa chớ không nên điều phục họ, làm cho họ theo đạo của mình đang theo, điều này Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước từng dạy, nếu làm vi phạm luật thế gian), không làm những việc mê tín, tiên tri, bốc phệ, bói mu rùa, dùng người có tật phé khác lạ, gọi là phi thường, sai khiến họ làm điều tà mị, rồi tôn xưng tôn vinh người ấy là Phật thánh, mị thế đời nhẹ dạ cả tin, phá chánh pháp, gặp trường hợp này Sa môn đệ tử Phật dùng pháp tứ nhiếp, tùy duyên tìm cách gần gũi họ tuyên thuyết giáo lý Phật, khuyên niệm Phật, niệm Quán Âm Bồ Tát để cảm hóa, khiến cho vào đạo chánh (Đức tôn sư từng khuyên giải tại Quan Âm Tu Viện điều này, mà chính Đạo luật Quan Âm Tu Viện cũng ngăn không cho làm, mà chỉ khuyên lo tu hành trường chay niệm Phật).

Năm, đầu mặt khi lạy phải lạy xuống sát đất, nguyện cho chúng sanh bỏ lìa tâm kiêu mạn, đồng đặng trọn nên đạo quả vô thượng bồ đề (làm gì thì làm, nhưng nếu xưng là Phật tử, mà thấy quý Sư, quý Hòa Thượng,

Thượng tọa Đại đức, quý Ni trưởng, Ni sư, Sư cô, nói chung là người tu mà không xá, không chào hỏi... thì không nên xưng là Phật tử có đi chùa!) Thật e

ngại!

Sách Tây vực ký nói: “Nghĩ thức để tỏ lòng thành kính có chín cách hỏi han quý Sư, Thầy lễ phép như dưới đây:

- 1). Thốt lời nhẹ nhàng thưa hỏi, hỏi han thăm sức khỏe,
- 2). Xá, cúi đầu để tỏ lòng kính mến, kính viếng
- 3). Dỡ tay đưa lên cao và hạ xuống để xá chào, một cách tôn kính, không qua loa cho qua lễ lới, giả dối, không chân thật sẽ giảm phước báo.
- 4). Hoặc vòng tay, hoặc chấp tay vừa chùng, ngay trước ngực để kính chào.
- 5). Khi lạy, thì co đầu gối lại, lúc đứng dậy, muốn lui ra xa thì bước lui ba bước rồi mới quây lưng đi xa.
- 6). Quỳ gối mà duỗi dài hai chân ra (cách này thuộc Phật tử, những nhà quý phái Tây tạng, Mật tông. Ở Việt Nam Đạo Phật du nhập đến nay trên 2000 chưa từng thực hiện...)
- 7). Đầu gối quỳ sát đất.
- 8). Năm vóc đều co thúc tròn lại (dành cho người nữ tu, nữ Phật tử)
- 9). Năm vóc đều gieo mình xuống sát đất.

Cả chín lễ phép cung kính trên, mà cái ưu điểm hơn hết là: hoặc một lạy, hoặc một quỳ, để khen ngợi những đức tốt đẹp người trên, tôn kính các bậc Hòa Thượng, Sư Thầy, ông bà cha mẹ, làm như thế gọi là hết lòng thành kính.

Người tín đồ Phật tử ngày nay nên học tập lời dạy của Ngọc Lâm Quốc Sư mà sửa chữa cho đúng, xứng danh người Phật tử: ”gần đây, đạo pháp của người tu, ngày một yếu dần, bởi do ma chướng đặc thời được mạnh lấn át đạo đức làm cho xa rời con người! Cũng vì người lớn, người giáo hóa đồ chúng một vài Sư Thầy không đủ tư cách làm Thầy, không nghiêm huấn người tín đồ Phật tử từ đầu (một số chùa lớn ngày nay bị vướng vào điều này), lại dẫn dắt họ sa đà vào con đường mê tín, hoặc dẫn dắt họ tu hành không đúng tông chỉ... nên để cho một ít người có tâm tà kiến, đem tà giáo chen chân vào tông môn pháp phái, rồi ra nông nổi này...”

Trong Sách Nhị Khóa Hiệp Giải, ngài Quán Nguyệt chú giải bảy phép lạy căn bản dành cho Tăng Ni, tín đồ Phật tử, những điều nào nên làm, điều nào không nên làm:

1/ Lạy bằng cách ngã mạn và công cao: tức là lạy mà lòng không tôn kính người mình lạy, lạy cho lấy có. Ý lại vào bậc ngôi của mình, vì không tâm cung kính, cái ý thức rong theo ngoại cảnh, cái thân lạy mà năm vóc chẳng sát đất, tựa như cái chày đập giả gạo, nó chỉ vòng lên rồi hạ xuống mà thôi, chớ nó không có ý niệm gì.

2/ Lạy bằng cách kẻ xướng lên, người đọc theo: Bộ dạng lồm chồm, lòng dạ lao xao, thấy có ai thì hình như ta đây là Phật tử thâm niên, nhẹ nhàng bái lạy. Mọi người đi rồi thì trẻ nãi mệ hoặc tâm lòng tán loạn mà miệng thì xướng họa vậy thôi.

3/ Lạy bằng cách cả thân tâm đều cung kính: Nghe xưng danh Phật liền tưởng nhớ Phật, ngoài thân trong tâm thấy đều thành kính, với việc lạy đều tinh tiến ân cần chớ không trễ nãi.

4/ Lạy bằng cách đầy trí thanh tịnh nơi lòng: hiểu thấu cảnh giới của Phật đều tùy nơi tâm để hiện lượng nên lạy một Phật tức lạy tất cả Phật, lạy một lạy tức là nhiều lạy, vì lẽ là pháp thân của chư Phật vẫn lẫn suốt với nhau, nghĩa là tự Phật tức tha Phật.

5/ Lạy bằng cách khắp vào cõi giới tánh: Tự xét các pháp và thân tâm ta từ trăm đời ta, từ trăm đời trước, cho đến đời sau, vậy nay chưa hề lìa pháp giới tánh, chúng sanh bình đẳng với Phật: chỉ lạy một Phật như lạy khắp cả chư Phật ở khắp pháp giới.

6/ Lạy bằng cách quán tưởng lòng chân chánh: Lạy ngay lấy Phật tánh của mình, chớ phi Phật nào đâu khác, bởi vì tất cả chúng sanh xưa nay đều vẫn sẵn sàng có Phật tánh hoàn toàn bình đẳng chân giác.

7/ Lạy bằng cách thân tướng bình đẳng: sáu cách lạy trước có lạy có quán tưởng, tự Phật khác với tha Phật, chừ đây một lạy không hẳn lợi tha, phàm thánh như một thể dụng chẳng hai, nên Đức Văn Thù dạy: “Tánh lạy vắng lặng, không phân biệt tâm cảnh, năng sở gì...”, người phát tâm đi chùa lạy Phật, lạy Pháp, lạy Tăng cầu học Phật tu học đạo giải thoát, cầu thoát ly sanh tử... Như lời Phật dạy về sự phát tâm ở trong kinh Bốn Mươi Hai Chương, bản dịch Thiều Chửu, chương 36, xuất bản năm 1953 như sau:

“Thoát khỏi ngã ác trước sinh làm người, khó. Đã được làm người thoát khỏi mang thân đàn bà, đàn ông, khó. Được làm đàn ông sáu căn toàn vẹn, khó. Sáu căn toàn vẹn sinh ở Trung Quốc (trung tâm văn hóa và Phật pháp), khó. Đã được sinh nơi Trung Quốc, nhằm đời có Phật ra, khó. Đã được gặp đời có Phật ra, khó. Đã được gặp đời có Phật ra, gặp đạo màu, khó. Đã gặp đạo màu khởi lòng tin, khó. Đã khởi lòng tin, mở lòng bồ đề, khó. Đã mở lòng bồ đề rồi, tới quả không còn phải đợi tu mới là chứng, khó... Nay các người Phật tử cách xa ta ngàn dặm, mà vẫn ghi nhớ các điều ta răn bảo tất chúng đạo quả. Ở luôn bên mình ta, mà không theo các điều ta răn, kết cục vẫn không đắc đạo. Không đắc đạo theo xưa, ngày nay thì gọi là không theo như ý muốn, do không vâng lời Phật dạy, làm khác đi việc của Phật, khiến cho chánh pháp lu mờ, không còn có cơ sở để kế thừa hay truyền đăng tục diệm.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

Ngày Thứ Mười Chín: Pháp lễ lay của các tông phái

Bạch Sư! Xin Sư chỉ dạy cho chúng con về các phép lay, chúng con phải lay như thế nào cho đúng tông chỉ, pháp môn tu?

Lay có nhiều pháp, mỗi pháp môn tu, mỗi tông phái đều có sự nhất quán về phong cách lễ lay biệt truyền, xin đơn cử một số phương pháp lễ lay...

Lay diệt ngã:

Như ngài Bồ tát Thường Bất Khinh, trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Thường Bất Khinh. Bồ Tát Thường Bất Khinh gặp bất cứ chúng sanh nào thì ngài cũng nguyện xin đánh lễ các người, vì các người đều sẽ thành Phật. Ngài đi đến đâu cũng lễ lay như vậy từ kiếp tu hạnh Bồ tát này sang kiếp tu Bồ tát ở phương khác cũng đều đánh lễ như thế... lay để diệt ngã, lay để chúng sanh thành Phật, lay để hướng chúng sanh đến chỗ giải thoát sanh lão bệnh tử khổ... không hề thôi chuyên hay nhàm trễ.

Lay theo phái Bắc tông:

Trong Bắc tông cũng có pháp môn tu niệm Phật thuộc Tịnh độ tông. Thường là người lay thì gieo năm vóc thành tâm kính lễ. Từ xưa đến nay người tu Tịnh độ thường lay Hồng Danh Bửu Sám, lay Tam Thiên Phật, lay Vạn Phật, lay Thường Tịch Quang Tịnh Độ, lay Cõi an lạc Phương Tây, Tây phương Tam Thánh, lay Thánh chúng, lay Pháp Hoa, lay Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát, lay Sám lễ Dược Sư, lay Thủ Ân, lay ân sâu nghĩa trọng của cha mẹ, Thầy tổ, Quốc vương, đồng bào xã hội... Ngoài việc lễ lay ra chư Tổ Sư, chư Thánh Tăng, chư Tôn Đức Trưởng Lão còn nguyện đốt thân, đốt một phần thân thể, đốt tay, đốt liều cúng dường Phật, cúng Tam Bảo, cúng kinh Đại Thừa...

Nói là lễ bái theo Bắc tông, nhưng chư tôn túc Trưởng lão bên “tông” cũng như bên “giáo” cũng đều lễ bái theo Bắc tông, mà tu theo Bắc tông cũng chính là tu theo pháp môn niệm Phật Tịnh độ, hay tu Thiên tông cũng thế, cũng đều lập hạnh lễ bái cúng dường chư Phật mười phương, lễ bái theo Bồ tát Thường Bất Khinh, lễ bái theo Mật tông “Tam bộ nhất bái”, hay “Nhất bộ nhất bái”...

Tại miền Tây Nam Phần Việt Nam còn có một vài vị Đại sư Tịnh tông khuyết danh phát nguyện tụng kinh Lăng Nghiêm vừa tụng xuôi theo chữ trong kinh tạng, vừa tụng ngược chữ rất thuần thục; tạo cho tam nghiệp thanh tịnh đề cúng dường lên Thập phương Điều ngự.

Khi Nhà sư Bắc tông cũng như Nhà sư Tịnh độ lễ bái thì hai bàn tay chấp vào nhau thật san sát, mười ngón tay cũng san sát, hai ngón cái áp lại và để song song theo hai bàn tay gọi là hiệp chưởng, theo hướng lay và không chéo vào nhau. Chân thì đứng trang nghiêm hình chữ “bát”, đứng thẳng, thật trang nghiêm, vô cùng uy nghiêm giữa đại hùng bửu điện.

Lễ bái theo nhà Phật, là lễ theo hướng đạo giải thoát, không có gì phải ràng buộc, kèm thúc, hành giả lúc bấy giờ thật oai nghiêm như tượng vương, như rồng châu hổ phục. Ngày nay còn có nhiều học phái Bắc tông Tịnh độ dạy cách lạy khi gieo năm vóc, đầu mặt sát đất, hai bàn tay úp xuống, rồi tiếp tục lật ngửa bàn tay lên, sau đó mới tiếp tục lạy, hay đứng lên để tiếp tục lạy thứ hai, thứ ba... Cách lạy này giúp cho hành giả lạy mà rất thanh thản, không gấp gáp, lạy mà thân tâm xả bỏ mọi thế cuộc, thân tâm giải thoát mọi phiền lụy trong thế gian, khinh xuất tam giới.

Lạy tam bộ nhất bái, hay nhất bộ nhất bái:

Đối với tín đồ Phật tử Việt Nam tuy có học hiểu biết pháp lạy này, song vẫn còn xa lạ với “pháp tu”, xa lạ vì ít hành giả thực hiện pháp tu. Lễ tam bộ nhất bái là truyền thống tu hành thông thường theo phái Mật tông của các nước Tây tạng, Vương quốc Bu-tan, Si-kim, Trung Quốc, Phật giáo Nga Á châu, Mông Cổ...

Khi lạy, hành giả có thể bắt đầu lạy từ nhà đến chùa, vượt hàng trăm, hàng ngàn cây số “tam bộ nhất bái” đến các trung tâm hành lễ tập thể, hoặc khi đến trung tâm hành lễ, bắt đầu từ cổng chùa “tam bộ nhất bái” đến chính điện, trong khi lạy hành giả niệm mật chú, theo các đại sư hướng dẫn...

“Nhất bộ nhất bái”, xưa nay thì chỉ có hạnh tu “tam bộ nhất bái” đã là xa lạ với Phật tử Việt Nam; còn hạnh tu “nhất bộ nhất bái” lại càng xa lạ hơn nữa, tại Việt Nam ở thế kỷ 21 có Thầy Tâm Mẫn, ở chùa Hoàng Pháp, Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh phát tâm tu hành (khi đang viết bài này vào cuối mùa thu, tháng 7, năm Canh Dần, 2010 thì Thầy Tâm Mẫn đã “nhất bộ nhất bái” đến tỉnh Quảng Ngãi)

Lễ bái theo hạnh tu Khất Sĩ:

Tức là Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam do Đức Giáo Tổ Minh Đăng Quang khai sơn sáng lập. Tại Việt Nam ngoài pháp phái Đạo Phật Khất Sĩ còn có nhiều phái Khất Sĩ khác như: Khất sĩ Đại sư Huệ Nhật, Khất sĩ của Sư Trưởng Huỳnh Minh, Khất sĩ của Đức Thầy Từ Huệ, Khất Sĩ của Sư Trưởng Giác Thường, Khất sĩ Non Bồng của Hòa Thượng Thích Thiện Phước...

Tuy nhiên hạnh lễ bái của Nhà Sư thuộc Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam luôn được tôn vinh là có đạo hạnh, có khuôn thước, mẫu mực. Người Du tăng Khất sĩ lễ bái Phật, lễ bái Pháp, lễ bái Tăng rất nghiêm túc, gieo năm vóc thành tâm kính lễ, sau khi lễ Phật, lễ Tổ sư, lễ Tăng... Nhà sư Khất sĩ đứng lên, trước khi đi ra phải đi lùi ba bước rồi mới đi. Đây là cách lạy nghiêm túc nhất xưa nay trong Phật giáo.

Vào những thập niên năm mươi, đến bảy mươi, Nhà sư Khất sĩ khi gặp quý “Sư Lớn” đi hành đạo bất cứ nơi đâu, dù ở ngoài đường phố cũng đều gieo năm vóc kính lễ thật nghiêm túc (chính tác giả sách này đã từng đánh lễ quý “Sư Lớn” ngoài đường phố tại trước chợ Bà Chiểu hay ở trước Trường Trang Trí Mỹ Thuật Gia Định). Hình ảnh “lễ bái” cao đẹp này, nay đã giảm dần theo nếp sống mới.

Lễ bái theo Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng:

Tịnh Độ Non Bồng được Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước sáng lập tu theo tông chỉ Tịnh Độ niệm Phật “Bá Nhứt Trì Danh”. Ngoài ra còn có pháp “Phát nguyện niệm Phật”, “Lễ bái niệm Phật” là hạnh tu của liên hữu Tịnh Độ Non Bồng:

1/ *Pháp môn Bá Nhứt Trì Danh, cầu sanh Tịnh Độ*: là tông chỉ, là hạnh tu của Nhà sư Tịnh Độ Non Bồng. Được Đức Pháp Chủ thượng Khánh hạ Anh khai sơn tại Phật Học Đường Lương Xuyên, Trà Ôn, Việt Nam. Về sau, năm 1960 Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước tiếp tục mở khóa tu dành cho Tăng Ni, Phật tử cả nước tinh chuyên tu hành cho đến hôm nay. Cũng năm 1960, Hòa Thượng Thích Hành Trụ cũng mở khóa tu tại chùa Chánh Giác, Gia Định dành cho chư Tăng và Phật tử tu hành cho đến khi ngài hành đạo về tại chùa Đông Hưng, Thủ Thâm.

Tuy nhiên cho đến nay chỉ có tông phong Tịnh Độ Non Bồng của Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước vẫn còn truyền đăng và hành trì. Ngoài hạnh phát nguyện niệm danh hiệu Phật A Di Đà, lễ bái niệm Phật là tông chỉ, Đức Tôn Sư còn tiếp nhận thêm pháp môn Bá Nhứt Trì Danh làm tông chỉ chính yếu trong Tịnh Độ Non Bồng.

2/ *Pháp môn phát nguyện niệm Phật*: là tông chỉ thứ hai của Tịnh Độ Non Bồng. Liên hữu Tịnh Độ Non Bồng kính tin Tam Bảo, hộ trì chánh pháp Phật Bổn Sư Thích Ca, kính tôn Phật A Di Đà là từ phụ, Đức Quán Thế Âm là hạnh lành cao cả của người tu cần phải học và thực hành “từ bi cứu khổ ban vui”.

Khi làm Phật sự nào cũng phát nguyện nghiêm túc, nguyện tu, nguyện hộ trì, nguyện làm lành bất thối chuyển, nguyện làm con Phật bất thối chuyển, nguyện xuất gia bất thối chuyển. Khi hứa giúp ai một việc gì, dù tán thân mất mạng cũng vẫn thực hiện cho kỳ được, không thất hứa.

Thời điểm tu “phát nguyện niệm Phật” trong các chùa của Tịnh Độ Non Bồng được quy định vào lúc 23 giờ mỗi ngày, mỗi liên hữu khi tham dự pháp tu niệm từ 15 phút đến 30 phút, tại các chùa thì niệm 60 phút mới hồi hướng.

Trong thời gian niệm, tất cả chư Tăng Ni, Phật tử có mặt đều phải tham dự pháp tu, không một ai được ngủ nghỉ trong giờ “phát nguyện niệm Phật”.

3/ *Pháp môn lễ bái niệm Phật*: Là tông chỉ thứ ba của người tu ở non núi; vì tu ở non núi nên lễ Phật, lễ Pháp, lễ Tăng, lễ các vị giáo chủ, lễ những người có công với nước non, quốc vương, khai quốc công thần, lễ cầu nguyện lục châu thế giới hòa bình, lễ cầu quốc thái dân an, nước nhà thái bình thịnh trị. Trong những năm 1959 đến 1965, chư Tăng Ni, Phật Tử Non Bồng thường xuyên thực tập “lễ bái niệm Phật”.

Lễ bái theo phong cách Tịnh Độ Non Bồng, là gieo năm vóc thành tâm kính lễ; có khi đứng lạy, quỳ lạy, người già yếu thì ngồi lạy. Chư liên hữu khi lạy xuống

thì niệm câu: “Nam mô A Di Đà Phật”, khi đứng lên cũng niệm câu: “Nam mô A Di Đà Phật”. Người tu phát nguyện lạy như thế từ 3 lạy (lạy Tam Bảo) đến 12 lạy (12 câu nguyện Nam mô An Dưỡng Quốc, 12 câu nguyện Quán Thế Âm...), 48 lạy (lạy 48 lời nguyện của Phật A Di Đà), 108 lạy (vừa lạy vừa niệm Phật).

Khi thực hành khóa tu lạy Phật, thì có vị duy na điểm chuông gia trì thật chậm cho liên hữu lạy Phật. Tư thế “đứng lạy” của Liên hữu Tịnh Độ Non Bồng như sau: hai bàn chân phải khếp sát vào nhau, không đứng hình chữ “bát”, hai bàn tay chắp vào nhau, hai ngón tay cái xếp lên nhau. Đôi bàn chân đứng theo hình chữ “nhất” biểu hiện cho nội lực vững vàng, không ngã nghiêng, ngã ngựa, dễ dàng đưa hành giả đạt đến chỗ nhất tâm, nghiêm túc giữ gìn giới pháp Phật, hai ngón tay cái xếp lên nhau biểu hiện cho sự tinh tấn, kiên tâm trì chí, tâm chí vững bền, tu hành bất thối chuyển.

Liên hữu Tịnh Độ Non Bồng, thường xuyên lễ sám Kinh Dược Sư, lạy Vạn Phật, lễ Pháp Hoa, lễ Tam Thiên Phật, lễ sám Ngũ Bách Danh Quán Âm Bồ Tát, lạy Thù Ân, lễ bái Tôn Sư, Thầy Tổ, lễ bái quý Sư Lớn, lễ bái những người già cả (trong ngày lễ Vu Lan)... lễ xong xá ba xá, lui ba bước rồi mới đi ra ngoài.

Thời gian tại Non Bồng, trong một ngày Tăng Ni, Phật tử lễ bái hai lần, buổi sáng và buổi chiều, thường là lễ bái tập thể, từ một trăm người trở lên, đứng lạy, không quỳ hay ngồi mà lễ lạy. Hoặc từng cá nhân chư Tăng Ni, tín đồ Phật tử lập hạnh: sáng, trưa, chiều đều mặc áo tràng lễ bái Phật, Bồ tát, lễ bái Tổ Sư. Ngày nay, đã trên năm mươi năm rồi nhưng chư Tăng Ni, Phật tử vẫn còn thực hành “lễ bái niệm Phật” như xưa, trong thời gian nhập thất 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày hay 100 ngày.

Lễ bái Kinh Diệu Pháp Liên Hoa:

Tại Việt Nam có rất ít người tu lạy (lễ bái) Kinh Pháp Hoa, những nơi có chư Tăng Ni phát tâm lạy kinh Pháp Hoa, như ở Chùa Vạn Đức, Vạn Hạnh (Thủ Đức). Một vài vị Tăng Ni xưa ở miền Tây Nam phần Việt Nam cũng từng tu hạnh lành lễ kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Năm 1964, Cụ Bà Diệu Âm, liên hữu Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, quản lý các Tăng Ni sinh tại Tổ Đình Linh Sơn phát tâm lạy từng chữ kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Năm 1969, tại Quan Âm Tu Viện dưới sự hộ trì của Đức Tôn Sư và Sư Bà Thích Nữ Huệ Giác, Hòa Thượng Thích Giác Quang phát tâm nhập thất lạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại Tịnh thất Bảo Tịnh.

Pháp tu lạy Pháp Hoa, tức là lạy từng chữ trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Diệu Pháp Liên Hoa có 60.000 chữ (trên thực tế có khoảng 76.460 chữ). Muốn lạy được kinh Pháp Hoa, hành giả phải thực hiện nhập thất 100 ngày trong năm; trong 100 ngày đó, mỗi ngày thực hiện sáu thời lạy, mỗi thời lạy 125 lạy và lạy đứng.

Điều cần thiết là trong thời khóa tu phải có hai người hộ trì chính yếu: một là Thầy Bổn sư hay một tu sĩ có phước đức trí tuệ cao viễn hơn hành giả để cân nhắc đến giờ lễ bái, cầu thỉnh long thiên hộ pháp bát bộ Kim Cang lai hộ trì gia hộ giữ gìn lực nội tại; hai là vị Thị giả thân tín, phục vụ ăn mặc ở bệnh, canh giữ bên ngoài không cho người ngoài xâm phạm nội giới (số lượng lay như thế, trong quá trình tu tập của chúng tôi, nhận thấy có lay thêm nữa cũng không đủ sức đâu các bạn ạ!).

Ngày khai kinh, hành giả mặc y áo tề chỉnh trang nghiêm, thật chậm rãi đến trước bàn Phật đánh lễ Tam Bảo, đọc bài Chiên đàn hải ngạn..., tụng chú Đại bi..., niệm khai kinh kệ..., rồi đứng chấp tay, tiếp tục đọc câu: “Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “DIỆU”, điểm chuông rồi lay 1 lay”.

“Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “PHÁP”, điểm 1 tiếng chuông rồi lay 1 lay”

“Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “LIÊN”, điểm 1 tiếng chuông rồi lay 1 lay”

“Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “HOA”, điểm 1 tiếng chuông rồi lay 1 lay”... cứ như thế tiếp tục lay từng chữ trong Kinh...

Trong 100 ngày lay kinh Diệu Pháp Liên Hoa sức khỏe phải đầy đủ, chỉ trừ tắm rửa, vệ sinh, các việc còn lại tuyệt đối cắt đứt muôn duyên, không công tác Phật sự, không thuyết pháp, không còn tiếp xúc với ngoại nhân, nếu còn tiếp xúc thì không lay, không lay thì không còn gọi là lay kinh Diệu Pháp Liên Hoa nữa!

Trong thời khóa tu, ở nơi am thất phải thông thoáng, đóng kín cửa thất chính, mở cửa sổ phía không bóng người lai vãng; không sắm vật chất nhiều trong am thất, các vật dụng như radio, tivi, cassette, tập sách, chén bát, ly tách (chỉ để lại một cái), thức ăn vật. Thu dọn đem những giấy mực, những tranh ảnh dán trên tường (trừ ảnh Phật), bao nylon chai lọ không cần thiết đi nơi khác.

Nhìn chung, lễ bái của Nhà Phật có nhiều cách: lay theo hạnh lành Bồ tát Thường Bất Khinh (diệt ngã, thọ ký cho chúng sanh), lay theo hạnh Nhà Sư Bắc tông (khi lay, một tay để ngực, một tay lay, khi quỳ đến sát đất, hai tay mới đồng lay, hai bàn tay ngửa lên, đầu chám sát đất), lay theo hạnh Tịnh Độ, lay theo hạnh Mật tông (kết chú ấn), lay theo Luật tông (xá ba xá lui ra ba bước rồi mới đi ra), lay theo hạnh Khất sĩ, (như hạnh Luật tông) lay theo hạnh Tịnh Độ Non Bồng (đứng lay)... Nhưng tất cả đều hướng về đạo lý giải thoát, mỗi mỗi pháp môn tu đều có phong cách riêng, nhằm để giúp cho đại chúng của môn phái mình lập hạnh tu tập.

Bạch Sư! Một số người đi xe con đến chùa, dáng vẻ “tay to, mặt lớn”, khi thì lay Phật, khi thì không lay Phật, không biết kính trọng chư Tăng, không kính trọng Thầy Tổ, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Ni Trưởng, Ni Sư là gì?... họ luôn bắt kính,

cũng chẳng quy y Tam Bảo... Họ đi chùa chủ yếu là xin phép làm ăn. Các vị còn nói: “Có lẽ nghĩa mới sanh phú quý”?

* Thật ra thì nhà Phật không ngăn cản sự thành đạt giàu có của tín đồ Phật tử, thậm chí nhà Phật còn hướng dẫn cách phát triển kinh tế gia đình, tự túc bản thân. Song các Tự Viện, chư Tăng Ni đều không có nhu cầu: “Có giàu rồi mới sanh lễ nghĩa”; “giàu” hay “nghèo” cũng là Phật tử, là đệ tử đức Phật, cũng đều được quy y Tam Bảo, nhà Phật thu nhận đệ tử không có lựa giàu nghèo, cũng như nói đến đạo đức thì không luận bàn giàu nghèo.

Những người dạy Phật tử đi chùa để xin phép làm ăn, công khai làm điều tà kiến mê tín trước Tam bảo, không biết hướng dẫn Phật tử quy y Tam Bảo là gì, bất kính Thầy Tổ, chư Tăng Ni, không giới không luật... thì không phải là thầy tu; các vị ấy làm thầy mà chưa học cách làm thầy!

Trong kinh Di Giáo, Đức Phật dạy ở chương Một cho người sau nên xa lìa tà kiến mê tín dị đoan, hoặc trong sách Luật học “Yết ma yếu chỉ” của Hòa Thượng Thích Trí Thủ bàn về “tư cách làm thầy” làm bậc thầy thu nhận đệ tử mà không biết giáo dục là một trọng tội...” (trang 87). Nói về tư cách làm thầy, có năm điều mà người đệ tử đức Phật phải có:

1. Tuổi đạo phải đủ mười hạ.
2. Phải biết các trường hợp trì và phạm, khinh và trọng về giới luật.
3. Kiến thức phải rộng rãi.
4. Có đủ khả năng giải quyết những tâm tư khúc mắc của đệ tử.
5. Có khả năng đoạn trừ tà kiến cho đệ tử

...làm thầy phải biết giáo dục đệ tử tu giới, định và tuệ... Nếu tự thấy mình quá yếu kém trong các khoa mục đó, thì khoan làm thầy vội, mà bản thân cần phải tự cố gắng để đạt đến trình độ khả quan, chứ không nên thu nhận đệ tử một cách cầu thả vội vàng, vô trách nhiệm (*Yết ma yếu chỉ, HT Thích Trí Thủ biên soạn, trang 88, 89*)

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN VI. GIÁO LÝ PHỔ THÔNG

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Ngày Thứ Hai Mười: Nói về các ố trước các sự khổ ở Ta Bà

Bạch Sư! Đạo Phật thường nêu các khổ nạn của thế gian, ở các kinh đều có lời chỉ dạy thế gian là khổ, nên khuyên tu cầu thoát khổ, thoát khỏi ngũ trước ác

thể để trở về với cõi Thanh Thái. Xin Sư giảng dạy cho chúng con được học, học để tu, tu cầu giải thoát, giải thoát phiền não thế gian?

* Muốn thoát khổ ở thế gian kinh qua pháp môn niệm Phật của Tịnh độ tông, theo Kinh A Di Đà nên xem lời chú giải của Ngài Quán Nguyệt, bản dịch của Đức Pháp chủ Khánh Anh để biết rõ ràng mặt mày của nghiệp lực, ngũ trược ác thế của cõi ta bà, những sự khổ của thế gian. Từ đó mà phát tâm niệm Phật, tưởng Phật, gạn gũi Phật Pháp, hiện tiền cũng như lâm chung được sanh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà.

Ở thế gian có năm điều trược ác chủ chánh, là: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược:

1/ *Kiếp trược*: là thời kiếp ác trược, danh nghĩa của kiếp là nó kiêm cả bốn trược sau, nào là các pháp của thân tâm tụ hội, đều có thời tiết ngắn dài sanh diệt, trôi lăn trong sáu nẻo (*thiên, nhơn, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*), hòa hợp ly tan, khổ đau vắn vặt, thời gian trôi đi như vó câu, không dừng lại theo ý muốn chúng sanh.

2/ *Kiến trược*: Là kiến thức ác trược, thường còn, có, không v.v... chúng sanh đều chấp một bên (*thân kiến, biên kiến*), mà thành cái thấy mê lầm bằng năm lợi sử. Lại suốt ngày rượt theo hoàn cảnh, dấy lên các tướng vọng niệm phân biệt luôn so le với nhau không tạm ngừng dứt được.

3/ *Phiền não trược*: Sáu căn đối với sáu trần, nhơn đó, ý thức nó tùy theo cảnh ngộ, nảy sanh các vọng niệm: mừng, giận, ghét, thương, vui, buồn.v.v...tức là năm thứ độn sử: tham, sân, si, mạn, nghi.

4/ *Chúng sanh trược*: thức của con lẫn lộn tinh huyết cha mẹ, chung lại kết thành thân ngũ âm, thì có cái ngã tướng. Cái thân có sanh tử ấy, nó ở giữa lục đạo, cứ sanh sanh tử tử mãi, để luân hồi nứu liên nhau chẳng dứt.

5/ *Mạng trược*: hơi thở còn tiếp tục ra vào, là các căn, sanh mạng của thân, nếu một chỗ trở ra rồi không trở lại, thì đồng tro đất. Phật dạy: mạng sống ở giữa hơi thở hút, lại bị lạnh nắng đổi thay, dung nhan biến dần, rút ngắn tuổi thọ.

Trên đây là nói về năm trược ở cõi ta bà, người tu hành niệm Phật được sanh về thế giới Cực lạc, giải thoát ngũ trược, được sống trọn ngũ thanh. Sau đây là ngũ thanh của cõi Thanh Thái, tức Tịnh Độ, Tây phương Cực lạc. Một thế giới thanh tịnh, cõi nước mà người tu dùng phương tiện tu hành niệm Phật, tưởng Phật, nhớ Phật mà nguyện sanh về cõi ấy (sách Nhị Khóa Hiệp Giải).

Ngũ thanh là:

1/ *Kiếp thanh*: Nước Cực lạc chẳng có thời cuộc biển thảm hóa nương dâu, không có những đổi dời, chấm dứt những khổ đau, thời tiết điều hòa, không mưa gió bão bùng đau thương ly biệt.

2/ *Kiến thanh*: Thường thấy nghe diệu pháp, tâm luôn chánh kiến, chánh tư duy, tất cả những nghĩ suy điều chánh đáng.

3/ *Phiền não thanh*: Đắc trí thanh tịnh, không có phiền não sanh, nơi cõi nước chỉ có thánh tam thừa, trí năng thanh tịnh và không sanh khởi lậu hoặc. Vì không nhiễm ô nên không có phiền não mê lầm.

4/ *Chúng sanh thanh*: Tự tha bình đẳng, vì toàn là thượng thiện nhơn, không có giai cấp cao thấp, mọi chúng sanh đều đắc quả vô sanh, không có những người ác, hiệp đáp lẫn nhau.

5/ *Mạng thanh*: Phật và chúng sanh đều sống vô lượng tuổi, do lấy trí tuệ làm sinh mệnh, nên không sinh tử luân hồi.

Chúng sanh phát tín tâm niệm Phật, biết quy y Tam Bảo kính Phật trọng Tăng, biết quý kính Hòa Thượng, Thượng tọa, Trung tọa, Hạ tọa. Kính người tu hành, các người ấy sẽ sanh về nước Cực Lạc, có cuộc sống an lành, tất cả việc làm đều là đại thiện nghiệp, việc làm ăn không còn vất vả, không nợ nần, cuộc sống sung túc hẳn lên, tự mỗi người biết phát huy tánh thiện nhiều hơn ác, không còn cảnh xin phép làm ăn, xin ban bố phép màu mua thần bán thánh, xin phép mở xí nghiệp công ty mà tự người ấy có đủ khả năng ăn nên làm ra và được hưởng thụ trọn vẹn tài sản.

Ngoài những ngũ trược trong thế gian, đưa chúng sanh đến chỗ chìm đắm trong tam giới, Đức Phật Thích Ca còn chỉ rõ về tam khổ trong thế gian, giúp cho chúng sanh thoát khỏi những khổ đau oằn oại trong thế giới ta bà.

Tam khổ là:

1/ *Khổ khổ*: Tất cả chúng sanh trong tam giới mang thân phận đoạn sanh tử đã là khổ rồi. Riêng về chúng sanh cõi dục thân khổ trược hơn, khổ nhân, quả báo lúc nào cũng nặng nề chìm đắm trong biển khổ.

2/ *Hoại khổ*: Dù đặng phước vui thanh tịnh thiên định ở Sắc giới, đi ở tự do đi nữa, mà hễ hưởng phước hết rồi thì cái thân phải bị phá hoại, vẫn đọa chịu khổ cõi dục.

3/ *Hành khổ*: Dù tu đắc định lực ở cõi vô sắc giới, sống lâu tám vạn kiếp, không lụy vì đến thân, nhưng trong thiên định còn có điều khổ vì tế luân lưu, vận chuyển khắp ta bà khổ hải.

Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ được Đức Phật cân nhắc trong pháp tứ đế, lần đầu tiên được Đức Phật thuyết giảng tại huê viên Lộc Uyển, Ngài chỉ rõ những khổ đau oằn oại, sanh lão bệnh tử trong cuộc đời, những pháp vô thường khổ không vô ngã để cho con người tiếp nhận những ý thức mới mà tránh được những cái khổ nêu trên. Khi đã hiểu thì họ tự thoát, tự tìm đường thoát, đây là ánh đạo, là giáo lý thực tiễn sống động nhất của Đạo Phật, mà Đức Phật Bổn Sư Thích Ca đã khai sáng hoằng truyền cách đây trên 2554 năm, cho đến hôm nay vẫn còn phù hợp với từng thời đại. Đã thế mà mọi người trên hành tinh đều nghiên cứu thực tập tu học đưa đến kết quả cao. Đây là pháp Tứ diệu đế và ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp.

Mô Phật chúng con đã hiểu!

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại
Tứ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Ngày Thứ Hai Mười Một: Giáo pháp Tứ Diệu Đế

Bạch Sư! Xin Sư giảng giải về Tứ Diệu đế, chúng con muốn thọ học bài pháp đầu tiên của Đức Phật chuyển pháp luân?

*** Tứ Diệu đế là: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế là bộ kinh nhan đề là Chuyển Pháp Luân của đức Phật giảng tại vườn Lộc Uyển**

1/ *Khổ đế*: Là chân lý chắc thật, sau khi thành đạo; Ngài đã vạch những mặt mày của sự thế gian chỉ là sự khốn khó, chịu đựng, những kham nhẫn oằn oại đau khổ trong cuộc đời. Chúng sanh trong đó chủ yếu là con người kể từ khi sinh ra gọi là “sanh”, cho đến khi chết gọi là “diệt”. Chịu nhiều khổ não không ngừng dứt trong quá trình “sanh” “trụ”, luôn cưu mang trong mình những sanh, lão bệnh, tử... chịu nhiều sự đôn đau dòn dập trong nhà lửa của thế giới tham sân si như thế cho đến khi “hoại” “diệt”.

Trong quá trình “hoại” “diệt” luôn tiếp nhận những nghiệp lực mới để thọ sanh thân khác “sanh”, “trụ” như thế gọi là “trần thống trong cõi luân hồi sanh tử”.

2/ *Tập đế*: Là chân lý chắc thật, trình bày nguyên nhân của bể khổ trần gian, là nguyên nhân vì đâu có những nỗi khổ ấy. Khổ đế như là bản kê hiện trạng của chúng bệnh, còn tập đế như là bản nói rõ nguyên nhân của chúng bệnh lý do vì sao có bệnh.

3/ *Diệt đế*: Là chân lý chắc thật, trình bày rõ ràng hoàn cảnh, quả vị an lành, tốt đẹp mà chúng sanh sẽ đạt đến khi đã diệt trừ được những nỗi khổ niềm đau và những nguyên nhân của nỗi khổ niềm đau ấy. Diệt đế như là một bản cam đoan của lương y nói rõ sau khi người bệnh lành thì sẽ ăn ngon, ngủ yên như thế nào, thân thể sẽ tráng kiện, tâm hồn khoan khoái như thế nào. Diệt đế tức là Niết Bàn tịch tĩnh.

4/ *Đạo đế*: Đạo đế là những phương pháp đúng đắn, chắc thật để diệt trừ đau khổ. Đó là chân lý chỉ rõ con đường quyết định đi đến cảnh giới Niết Bàn. Nói một cách giản dị, đó là những phương pháp tu hành để diệt khổ và đưa đến quả an vui. Đạo đế chính là chân lý chính chân chính đẳng chính giác, đưa chúng sanh đến bến an vui.

Nhà Phật học Hồng Tại Đoàn Trung Còn luận giải về Tứ diệu đế như sau:

Tứ diệu đế là bốn chân lý màu nhiệm, cũng kêu là tứ thánh đế, tứ đế, chơn đế, tứ thánh thật.

Trong khi chuyên pháp luân ở thành phố Ba La Nại, Đức Phật có dạy, như vậy:

1/ *Này là sự khổ*: Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán tắng hội khổ (người không ưa mà gặp mãi), ái biệt ly khổ (xa lìa người mình yêu thương), không được như ý (cầu bất đắc khổ), ngũ ấm xí thanh khổ (đeo theo sắc thân, đeo theo các sự thọ cảm, tưởng tượng, hình ảnh, các sự hành động trong lòng, với tri thức của mình, tức là đeo theo ngũ uẩn, cả đời mình phải cu rư mang tấm thân một cách nặng nề không bao giờ ngừng nghỉ... tất cả đều là khổ khổ).

2/ *Này là nguồn gốc của sự khổ*: Ham sống, làm cho nhơn loại chết đi sống lại mãi, mà hề biết ham sống tất biết ham những việc vui sướng, càng được càng ham. Muốn ham cho được thì phải có quyền thế. Vậy thì quyền thế, ham vui, ham sống là nguồn gốc của sự khổ.

3/ *Này là phương pháp để diệt trừ sự khổ*: Hạ cái lòng ham muốn, rồi lần lần bỏ nó đi, trục nó ra khỏi mình và không còn biết đến nó nữa. Xả bỏ mọi phiền trược thế gian, sống trong trạng thái an lạc, tức là Niết Bàn.

4/ *Này là đường đạo để dứt trừ sự khổ*: Có ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp, trong đó có tám đạo chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Pháp tứ đế là do Phật thuyết, tức là pháp của các bậc thánh đệ tử Đức Phật, tứ diệu đế sẽ độ thoát những nỗi khổ niềm đau về sanh, lão, bệnh tử và cuối cùng tiến thẳng đến Niết bàn.

Trong kinh Niết bàn, hiểu tứ diệu đế hay tứ thánh đế có hai hạng: một là hạng trung trí hai là hạng thượng trí. Hạng trung trí là thịnh văn, La hán, Bích chi Phật và Duyên giác; hạng thượng trí là Phật và Bồ tát. Hạng trung trí hiểu đó là chơn lý, là thánh đế và thi hành. Còn hạng thượng trí là phân biệt bốn chân lý màu nhiệm, bốn thánh đế ấy có vô lượng thể tướng, vô biên diệu dụng, hạnh lành để tu hành.

Tứ đế là giáo lý cơ bản, quan trọng, người Phật tử không thể không hiểu biết, không hiểu biết về tứ diệu đế là không hiểu biết gì về giáo lý đạo Phật cả. Người Phật tử hơn ai hết, phải thấu triệt cõi đời là khổ. Muốn thế, không gì hơn là hãy lắng nghe Đức Phật dạy về khổ đế, vì chỉ có khổ đế mới nói lên một cách tường tận, đầy đủ chính xác về mọi nỗi khổ đau của cuộc đời.

Thấy rõ mọi nỗi khổ đau rồi, chúng ta cần tìm hiểu vì đâu có khổ, nguyên nhân của khổ đau do đâu mà có. Vì chỉ khi nhận thấy được nguồn gốc của nó, mới có thể diệt trừ tận gốc khổ. Điều này, cũng không chỗ nào nói rõ ràng, phân tích rành mạch bằng Tập đế. Nhưng thấy được mọi nỗi khổ đau của cõi đời và nguồn gốc của nó, không phải để bi quan, chán ngán, khóc lóc rên siết. Nếu thế thì không có gì tiêu cực bi quan bằng. Một ít dư luận tưởng lầm đạo Phật là yếm thế, bi quan.

Là vì học chỉ tu học, nghiên cứu, đọc học ở hai phần đầu của tứ diệu đế.

Nhưng đối với người Phật tử thì không dừng lại đó. Đã thấy đau khổ làm cho cuộc đời xấu xa, đen tối, khổ đau, thì phải diệt trừ. Hạnh phúc không đâu xa, hạnh phúc ra ngay sau khi đã diệt trừ được đau khổ. Đau khổ lùi bước thì hạnh phúc đến, như bóng tối tan thì ánh sáng thay vào, an lạc đến thì phiền não mất. Muốn thấy ánh sáng của Niết Bàn thì phải thực hiện những lời dạy của Phật theo chơn lý diệt đế.

Muốn thực hiện Niết Bàn thì phải có đủ phương tiện, những phương tiện này, Đức Phật đã dạy thật đầy đủ trong đạo đế: phần ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp.

Đức Phật là Thầy dẫn đường cho chúng sanh và chúng ta đi từ cõi đời đen tối đến ánh sáng quả vị giải thoát tối cao. Ngài đã cho chúng ta một bản đồ chỉ dẫn rõ ràng về một hành trình cứu cánh và ban cho Phật tử chúng ta đầy đủ phương tiện cần thiết trong một đời hành hương về cố quán. Chư vị Phật tử chúng ta tiếp nhận và đi theo con đường ấy.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Hai Mươi Hai: Giáo pháp Đạo đế

Bạch Sư! Xin Sư từ bi chỉ dạy sâu sát về phần Đạo đế cho Phật tử chúng con được tiếp thu những ý tưởng phần tinh hoa giáo pháp Phật, ngõ hầu tiến tu đạo nghiệp. Xưa nay chúng con đi chùa chỉ biết có cúng kiến, lễ bái qua loa, làm có hình thức cầu danh, cầu tài cầu lộc... không biết đường nào là lối thoát cuối cùng trước bến tử sanh trong cuộc thế.

Theo bài giảng trên Sư có dạy về từ Phật học Đạo đế, mong Sư từ bi hoan hỷ chỉ dẫn cho chúng con được học về phần Đạo đế?

* Đạo đế là phương pháp tu hành chân chính, có hiệu quả chắc thật để tiến tu thành Phật. Đức Phật đến với chúng ta là để chỉ dẫn cho chúng ta phương pháp tu hành thoát khổ, Ngài không trực tiếp cầm tay đưa chúng ta đến Niết Bàn cực lạc thành Phật, tức là Ngài chỉ rõ phương pháp tu hành để đến cứu cánh, trong đó có Đạo đế là phương pháp tối ưu.

Đạo đế là chơn lý quan trọng nhất trong tứ diệu đế, vì có biết rõ đời là đau khổ, nguyên nhân của nó là gì và nếu có thiết tha cầu giải thoát khỏi cảnh khổ để đến một cõi an vui tốt đẹp nhất là Niết Bàn. Nhưng nếu không có phương pháp hiệu nghiệm để thực hiện ý muốn ấy, thì biết cho nhiều cũng vô ích và càng thêm

đau khổ. Do đó, đạo đế là phần quan trọng và được Phật dạy một cách rõ ràng chu đáo.

Đạo đế tức 37 phẩm trợ đạo pháp, cũng gọi tam thập thất phẩm, tam thập thất phẩm pháp, tam thập thất bồ đề phần pháp, tam thập thất trợ bồ đề pháp, tam thập thất trợ đạo chí pháp.

Phần thứ nhất, tứ niệm xứ gồm có bốn phẩm:

01). *Quán thân bất tịnh*: xem xét lại thân thì thân chúng sanh luôn luôn có nhiều nhơ nhớp.

02). *Quán thọ thị khổ*: xem xét phần thọ cảm, lúc khổ lúc vui là khổ lụy

03). *Quán tâm vô thường*: xem xét tâm ý là vô thường, tâm không thường còn, vừa xuất hiện thấy niệm đó rồi niệm đó mất, tâm khi vậy khi khác, tâm viên ý mã.

04). *Quán pháp vô ngã*: Quán xét muôn vật đều không thật có.

Phần thứ hai, tứ chánh cần gồm có bốn phẩm:

05). Không phạm tội lỗi nữa, nếu đã lỡ phạm

06). Tội lỗi nào chưa phạm thì không phạm

07). Tập làm các điều thiện, các điều thiện dù nhỏ, nhưng chưa từng làm.

08). Lúc nào cũng hướng về công việc thiện, làm cho tăng trưởng các điều thiện mình đã làm.

Phần thứ ba, tứ như ý túc, gồm có bốn phẩm:

09). Lòng muốn đặng pháp thần thông

10). Lòng thệ nguyện tu đạt đến Niết Bàn

11). Giữ gìn tư tưởng tinh tấn, lúc nào cũng tiến tu tịnh nghiệp, niệm Phật, thiền định, giữ giới.

12). Tham cứu đạo lý, luân lý đạo Phật, cũng như giáo pháp tứ như ý túc

Phần thứ tư, pháp ngũ căn, gồm có năm phẩm:

13). Niềm tin thật vững vàng, hăng hái

14). Thệ nguyện mạnh mẽ, tu hành bất thối chuyển

15). Tâm niệm quả quyết, chính chắn

16). Tâm luôn giữ chánh định không lay động

17). Trau dồi trí tuệ sáng suốt mà nhận định, chọn pháp tu hành

Phần thứ năm, pháp ngũ lực, gồm có năm phẩm:

18). Sức mạnh niềm tin

19). Sức mạnh của lời phát nguyện

20). Sức mạnh của tâm niệm quả quyết

21). Sức mạnh của định, dẫn đến gọi là tam muội, đốt cháy hết phiền não tham sân si.

22). Sức mạnh của tuệ sáng soi thấu triệt các căn tánh chúng sanh, khiến họ bước ra khỏi trầm luân sanh tử.

Phần thứ sáu, thất giác chi có bảy phẩm:

- 23). *Trạch pháp giác chi*: trí lực chọn chánh pháp, phân biệt tà pháp
 24). *Tinh tấn giác chi*: trí tinh tấn mạnh mẽ tu hành đúng chánh pháp
 25). *Hỷ giác chi*: trí hoan hỷ đặng nương theo chánh pháp mà tu hành
 26). *Khinh an giác chi*: trí nhẹ nhàng trừ bỏ các chướng ngại
 27). *Niệm giác chi*: trí thường niệm định và tuệ, đưa đến chỗ nghiệp dứt tình không.

- 28). *Định giác chi*: trí thường ổn định không tán loạn
 29). *Xả giác chi*: trí bỏ các pháp tà, các điều đã làm

Phân thứ bảy, bát chánh đạo có tám phẩm:

- 30). *Chánh kiến*: thấy mọi việc chân chánh
 31). *Chánh tư duy*: suy nghĩ chân chánh
 32). *Chánh ngữ*: lời nói chân chánh
 33). *Chánh nghiệp*: việc làm chân chánh
 34). *Chánh mạng*: làm việc chân chánh
 35). *Chánh tinh tấn*: một lòng tu hành bất thối chuyển
 36). *Chánh niệm*: niệm chân chánh
 37). *Chánh định*: định lực chân chánh, tu thiền định theo pháp Phật, không theo tà kiến ngoại đạo.

Trong đó chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn thuộc về “giới”; chánh niệm, chánh định thuộc về “định”; chánh kiến, chánh tư duy thuộc về “tuệ”.

Nhơn giới sanh định, Nhơn định phát tuệ, đưa người tu đạt đến đạo quả giải thoát.

Nhà tu hành mà có được ba mươi bảy phẩm trợ đạo ấy cho đầy đủ thì thành đạo. Bậc A la hán, Duyên giác, Độc giác, Bích Chi Phật hay bậc Phật Như Lai đều có tu hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Đó là chỗ tu chung của tam thừa.

Bồ tát tu lục độ và tu Tam Thập Thất Đạo Phẩm xong, thì đắc quả vị Như Lai.

Kinh Niết Bàn, quyển 14, dạy: Nhơn sáu Ba la mật, Ba mươi bảy pháp trợ bồ đề, Như Lai biết rõ các pháp.

Đấy chính là Đạo đế, Phật tử cố gắng nghiên cứu học tập tu hành

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
 Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

Ngày Thứ Hai Mươi Ba: Giáo pháp Thập Nhị Nhơn Duyên

Bạch Sư! Phần tứ đế cũng như giáo pháp quan trọng của Phật là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, bát chánh đạo chúng con đã được nghe và hiểu. Chúng con

sẽ áp dụng vào đời sống thực tế để tu hành. Tuy nhiên đây là pháp tu hành cho Thỉnh vãn. Chúng con muốn biết pháp tu của bậc Duyên Giác, xin Sư giảng giải cho chúng con tường tận?

* Thập nhị nhân duyên là pháp tu của bậc Thánh trung thừa: Duyên giác, Độc giác cũng như Bích chi Phật. Các bậc này do ngộ lý Nhơn duyên mà tu chứng, hiểu được các pháp tự tánh không, do duyên hợp duyên có. Cái này có, thì cái kia có, cái này không thì cái kia không... hiểu như thế hành giả không còn bị ô nhiễm trong cuộc đời mà đắc nhập Niết Bàn, tự tại vô ngại.

Thập nhị nhân duyên, tức mười hai cái Nhơn duyên cùng nhau, níu kéo nhau từ đời vô thi đến nay và luân hồi mãi mãi về sau, nên con người ta bị luân hồi mãi trong sáu nẻo, có vui, có buồn, có khổ, có sướng lẫn lộn nhau, nhưng sự buồn khổ đau đớn thì có phần lớn hơn tất cả.

Mười hai Nhơn duyên trong ba đời:

A/ VỀ ĐỜI ĐÃ QUA (quá khứ):

- 1/ *Vô minh*: vì không hiểu đạo nên mới bám níu, tham mê trôi lăn trong biển khổ.
- 2/ *Hành*: những hành động từ trong tâm kết thành nghiệp lực lôi kéo con người trôi lăn trong bến mê từ đời này sang đời khác, không dừng nghỉ.
- 3/ *Thức*: sự hiểu biết, nhưng hiểu biết những chuyện thế gian, chuyện ái dục, chuyện phiền não tham sân si.
- 4/ *Danh sắc*: có hình tướng, tiếng gọi để chỉ ý nghĩa cuộc sống, thân danh sắc tức là ngũ uẩn.
- 5/ *Lục nhập*: sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý duyên với sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; sanh ham thích không bao giờ dừng nghỉ.
- 6/ *Xúc*: sau khi ra khỏi lòng mẹ, gặp việc này việc kia, biết đòi ăn kêu la khóc lóc, cho tới chu kỳ ba bốn tuổi.
- 7/ *Thọ*: khi khôn lớn, biết đủ thất tình lục dục, mừng giận, buồn, vui, thương, ghét, ham muốn, từ năm tuổi cho đến mười ba tuổi.
- 8/ *Ái*: biết thương yêu nhau, mơ ước về tình dục, từ 14 tuổi đến 19 tuổi
- 9/ *Thủ*: chấp có thân nam thân nữ, lập thành vợ chồng, đắm mê tình dục, nhục dục.
- 10/ *Hữu*: coi sự việc trên thế gian là vững chắc, bền bỉ, sanh con đẻ cháu, giữ gìn viếng mỗi gia phong, không để bị mất.
(đến đây là Nhơn duyên đời hiện tại).
- 11/ *Sanh*: muốn sanh ra nữa đặng có hưởng sự mê dục, tiếp tục khoái lạc trong khoái lạc.
- 12/ *Lão tử*: đắm mê trong cái sanh, rồi thì đi đến già chết, kế bị luân hồi trở lại nữa.
(đến đây là Nhơn duyên đời tới)

Nhà học Phật, luôn quán chiếu trừ diệt những Nhơn duyên bắt đầu từ vô minh cho đến lão tử
(quán hoàn diệt).

- 1/ Diệt vô minh mê muội

- 2/ Thời diệt được cái hành, làm dữ từ trong lòng, gây nên tội lỗi.
- 3/ Thời diệt được cái thức, không nhận rằng đi đâu thai là hạnh phúc.
- 4/ Thời diệt được cái danh sắc, khỏi nhập vào bụng mẹ mà tượng hình
- 5/ Thời diệt được lục nhập, khỏi sanh ra lục căn.
- 6/ Thời diệt được cái ác, không còn cảm động đòi âm bổng đòi bú.
- 7/ Thời diệt được cái thọ cảm, không còn thất tình, không còn ham muốn ăn ngon mặc tốt.
- 8/ Thời diệt được cái ái, không còn yêu mến, mơ tưởng có vợ có chồng
- 9/ Thời diệt được cái thủ, không còn ham mê tình dục, tài sản.
- 10/ Thời diệt được cái hữu, không còn lo cho sự sống không bền bỉ nữa.
- 11/ Thời diệt được cái sanh, không còn muốn sanh ra nữa để chịu khổ.
- 12/ Thời diệt được cái lão tử, khỏi lo già yếu, vượt khỏi sanh tử luân hồi.

Diệt xong, mười hai Nhơn Duyên như trên, liền trở nên minh giác, đắc đạo. Pháp Thập nhị Nhơn Duyên do Phật thuyết tức là pháp tu của bậc Bích Chi Phật thừa. Diệt tận mười hai Nhơn Duyên, thì thành Phật Bích Chi (Duyên Giác, Độc Giác).

Pháp Thập nhị Nhơn Duyên cũng là pháp tu chung cho các bậc, bốn thừa trong Đạo Phật.

Hạng thấp, bậc Thinh văn thừa, nhờ quán Thập nhị Nhơn Duyên mà đắc quả A la hán. Nhưng hàng đắc đạo này chưa thấy Phật tánh.

Hạng vừa, bậc Duyên giác thừa, nhờ quán Thập nhị Nhơn Duyên mà đắc quả Duyên Giác (Bích Chi Phật). Hàng đắc đạo này cũng chưa thấy tánh.

Hạng cao, bậc Bồ tát thừa, nhờ quán Thập nhị Nhơn Duyên mà đắc quả Thập Trụ Bồ tát. Hàng đắc đạo này thấy Phật tánh nơi mình, nhưng thấy chưa tỏ rõ. Hạnh cao hơn hết, bậc Phật thừa (nhất thừa) nhờ quán Thập nhị Nhơn Duyên mà đắc quả chánh giác, quả Phật. Hàng đắc đạo này thấy Phật tánh một cách tỏ rõ hoàn toàn.

Giáo pháp Thập nhị Nhơn Duyên rất sâu xa, mâu nhiệm, là giáo pháp bất sanh bất diệt, lên tới bậc thượng thượng thì thấy rằng mình vốn chẳng trừ diệt một Nhơn Duyên nào trong thập nhị Nhơn Duyên. Thật ra, Thập nhị Nhơn Duyên là chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng một chẳng hai, chẳng đến chẳng đi, chẳng phải Nhơn chẳng phải quả.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, quyển 27 có giải Thập nhị Nhơn Duyên như dưới đây:

- 1/ Phiền não đời quá khứ kêu là vô minh
- 2/ Nghiệp đời quá khứ, kêu là hành (hạnh)
- 3/ Mới vừa thọ thai trong đời hiện tại, kêu là thức.
- 4/ Vào thai năm phần, bốn căn chưa đủ, kêu là danh sắc
- 5/ Bốn căn trọn đủ, nhưng chưa ra khỏi thai bào, kêu là sáu nhập (lục nhập)
- 6/ Chưa phân biệt được những cái khổ đối với lục căn, đó kêu là xúc

7/ Lúc bấy giờ niễm qua một phần của ái, sắp bước vào đời cảm chịu những khổ vui kêu là thọ.

8/ Quen gần năm dục, đó kêu là ái.

9/ Tham cầu trong ngoài, kêu là thủ.

10/ Về việc trong và ngoài khỏi thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp đó kêu là hữu.

11/ Cái thức đời hiện tại, kêu là sanh đời vị lai.

12/ Những cái danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, đời hiện tại, kêu là lão bệnh tử đời vị lai.

Thập nhị nhơn duyên là mặt mày từ vô thi đến nay luôn đi đôi với đời sống của chúng sanh và con người, đây là những mắc xích kết thành một chuỗi thời gian nhưt kỳ (*dài, chẳng hạn là 100 năm*) hay sát na (*trong một niệm*) của đời người, kiếp người. Người tu khi hiểu được sự giả lập của hệ thống nhân sinh quan như trên thì biết rõ thân tâm này đều là không tự tánh, không tự có chỉ là duyên hợp huyễn có mà thôi, từ đó không bị ô nhiễm trong cõi đời, không niễm tức là giải thoát mắc xích vô minh sanh tử.

Mô Phật! Chúng con thành tâm kính lạy Sư, chúng con tuy có đi chùa thì nhiều, cúng chùa, làm từ thiện nhiều, nhưng sự học tập kinh pháp thì ít. nay nhơn duyên lành được nghe Sư giảng giải giáo lý Phật học, chúng con như người đi giữa sa mạc cuộc đời mênh mông, may gặp được ốc đảo, được có mạch nước, được có nước và được uống nước, giải cơn khát khao hóa giải những gút mắc tự xưa nay trong cuộc sống. Lòng chúng con cảm nhận sự an lạc, được nghe pháp thập nhị nhơn duyên tuy không đắc thánh, đắc Phật, nhưng chúng con được biết giáo pháp duyên sanh: "cái này sanh thì cái kia sanh, cái này đến thì cái kia đến, cái này có mặt thì cái kia có mặt...". Vô minh có thì sanh tử có, không vô minh thì không sanh tử, không có những cái thủ, hữu thì không gây những bước thăng trầm trong hiện tại cũng như tương lai... có nhơn có quả, đây là quy luật nhơn quả của giáo lý Phật Đà.

Trong cõi đời, không ai quyết định cho ai, mà chỉ có quy luật nhơn quả quyết định cho chúng sanh và con người mà thôi... nay chúng con đủ duyên lành, nghe được Sư giảng giải những "áo nghĩa" của chư Phật.

Một lần nữa, chúng con xin đê đầu đánh lễ Sư.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

Ngày Thứ Hai Mươi Bốn: Giáo pháp Lục Độ Ba La Mật

Bạch Sư! Trong tất cả các pháp, giáo pháp của Phật thật sâu sắc, nhiệm mầu uyên áo, chúng sanh thật khó hiểu, như Phật tử chúng con ít hiểu lắm Sư ạ! Chúng con không có thì giờ để học hỏi những giáo pháp cao sâu. Tuy nhiên, chúng con có đọc sách Phật học Phổ Thông của Ngài Đại lão Hòa Thượng thượng Thiện hạ Hoa, nhưng vì mênh mông quá, chúng con học không kham. Nay xin Sư từ bi có phương pháp chỉ dạy cho chúng con để tiếp thu dễ hiểu?

* Lục độ, cũng kêu là lục Ba la mật, sáu độ đưa chúng sanh từ bến sanh tử khổ đau đến bến Niết Bàn an lạc. Pháp tu lục độ chỉ dạy phương pháp tu hành giải thoát những khổ đau từ muôn thuở, để đưa con người đến bến an vui, không còn bị trầm thống luân hồi quả báo nữa. Nhưng lục độ là pháp tu cao, dành cho hàng phát tâm bồ đề, nên gọi là “đại thừa Bồ tát đạo”.

Sáu độ (lục độ) là nền giáo lý đại hạnh của Bồ tát. Ai muốn tu mau thành Phật (ra khỏi sự trầm thống của thế gian) phải tu trì đủ sáu độ.

Sáu độ là:

- 1/ Tu bố thí để trừ tham lam keo lặn.
- 2/ Tu trì giới trừ tà ác.
- 3/ Tu nhẫn nhục trừ sân nhuế, sân si, nóng giận
- 4/ Tu tinh tấn trừ giải đãi lười biếng
- 5/ Tu thiên định trừ tán loạn, động niệm, vọng niệm, mất bình tĩnh.
- 6/ Tu trí tuệ trừ ngu si đần độn, vô minh, tối tăm.

Bậc tu đại thừa Bồ tát có đủ những hạnh lành ấy, phải trải qua ba vô số kiếp tu hành phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, phát bồ đề tâm làm các Phật sự lớn, cho đến khi viên mãn đắc đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác để thành Phật. Bậc tu đại thừa Bồ tát còn phải tiếp tục tu thêm hạnh Phương tiện giúp cho mình có cơ sở vừa làm lợi ích cho chúng sanh. Rồi đến tu Nguyên ba la mật, Lục ba la mật, Trí ba la mật. Bốn hạnh lành cao viễn, nếu được hành trì đầy đủ thì người tu dù tại gia hay xuất gia cũng đều đắc quả Phật.

Lục độ Ba la mật gồm có:

Bố thí Ba-la-mật, tức là pháp môn tu hành bằng phương pháp bố thí, có công năng như một chiếc thuyền, đưa mình và người từ bờ mê lầm của chúng sinh sang bờ giác ngộ của chư Phật.

Bố là cùng khắp: thí là cho, là trao tặng. Bố thí là cho cùng khắp, cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi nơi.

Ba-la-mật phiên âm tiếng Phạn Paramita. Trung Hoa dịch là "đáo bỉ ngạn" nghĩa là đến bờ kia.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

Ngày Thứ Hai Mươi Lăm: 1. Bồ Thí Ba-la-mật

Bồ Thí Ba-la-mật gồm: Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

1. *Tài thí.* Tài thí tức là đem tiền bạc, của cải, vật thực của mình ra cho. Tài thí có hai loại:

a) Nội tài: Là những vật quý báu nhất của mình như thân mạng, đời sống của mình.

Thí nội tài: hy sinh thân mạng để cứu vớt kẻ khác ra khỏi nguy nan.

Thí nội tài là một cử chỉ hy sinh cao đẹp nhất mà chỉ những người giàu lòng từ bi, bác ái mới làm được.

b) Ngoại tài. Ngoại tài là những vật thường dùng của mình như thức ăn đồ mặc, tiền bạc, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa... đem những vật ấy ra cho những người túng thiếu, nghèo khổ thì gọi là thí ngoại tài.

2. *Pháp thí.* Đem lời hay, lẽ phải, những chân lý đúng đắn, những lời dạy quý báu của Đức Phật để chỉ bày, khuyên bảo người khác; hoặc y theo giới luật của Phật tu hành thành thật để làm khuôn mẫu cho người bắt chước, bỏ dữ theo lành, cải tà quy chánh đều là pháp thí.

3. *Vô úy thí.* Vô úy nghĩa là không sợ. Vô úy thí là làm cho người khác không sợ, hết sợ.

Muốn thực hành pháp môn này, hành giả trước tiên phải luyện cho mình một đức tính đừng sợ gì cả. Mà kẻ tu hành chân chính, hiểu rõ giáo lý của Phật, thì còn sợ nỗi gì? Tiền của, họ không tham lam cho nên không sợ mất; danh lợi, họ không màng, nên không sợ thiếu, sanh mạng, họ xem như giả tạm, nên không sợ chết. Do cái tâm lý đó mà cõi lòng họ luôn luôn không xao động, nét mặt họ luôn luôn bình tĩnh trước mọi sự đổi thay, gian nan nguy hiểm. Người tu hạnh thí vô úy sẵn sàng để nhảy xuống nước vớt người sắp chết chìm, nhảy vào lửa để cứu người sắp chết thiêu, xông vào đám cướp để cứu người lương thiện, đến gõ cửa công, để minh oan cho người vô tội...

Tóm lại, người tu hạnh Thí vô úy, hễ đi đến đâu thì đem đến đó một sự bình tĩnh, an vui cho mọi người và mọi vật.

Công đức của sự Bồ thí Ba-la-mật

Pháp bồ thí là cái nhân lành của quả phúc ở thế gian và xuất thế gian. Trong lục độ vạn hạnh, pháp bồ thí đứng đầu, vì nó tương đối dễ làm hơn tất cả các pháp, mà công đức lại lợi lạc được cả đôi bên người nhận và kẻ cho:

1. Đối với người nhận. Người đòi không ai là đầy đủ. Kẻ được phần này thì thiếu phần khác, kẻ được vật chất thì mất tinh thần, kẻ đầy đủ tinh thần thì thiếu thốn vật chất.

Kẻ đang thiếu thức ăn mà được ăn, kẻ đang thiếu mặc mà được mặc, kẻ đang đau xót mà được vỗ về, an ủi, kẻ đang lo sợ mà được đùm bọc che chở thì thật là

may mắn sung sướng vô cùng. Trong một xã hội có được nhiều người giàu lòng từ bi bác ái, luôn luôn tìm cách giúp người, thì xã hội ấy chắc chắn sẽ được an vui thịnh đạt.

2. Đối với người cho. Sự bố thí đã đành là lợi lạc cho người nhận, những đối với người cho cũng không kém phần quý báu. Mỗi khi đem của cải ra cho, là hành giả có một dịp để chiến thắng lòng tham lam, bôn sên, ích kỷ và nới rộng lòng từ bi; mỗi khi hy sinh tánh mạng để cứu giúp người, là hành giả có dịp để thử thách lòng tham sống, sợ chết, và trau dồi đức tánh lợi tha, bình tĩnh. Mỗi khi cho mà không kể kẻ thân người thù, là hành giả có dịp để chiến đấu với ngã chấp ngã ái. Nếu hành giả thí pháp, thì đó là những cơ hội để mình tự nhắc nhở, ghi nhớ những lời đức Phật dạy.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Hai Mươi Sáu: 2. Trì Giới Ba-La-Mật

Trì Giới Ba-La-Mật

"Trì" là giữ giới chặt chẽ; "Giới" là những điều răn dạy, ngăn cấm, những qui luật mà đức Phật đã chế ra để hướng dẫn các đệ tử tại gia và xuất gia của Ngài. Vậy trì giới Ba-la-mật là pháp môn tu để đi đến bờ giác ngộ.

Thành Phần Của Giới Luật

Chúng ta có thể phân chia giới luật ra làm ba phần và hai cấp bậc:

Giới tại gia.

Giới xuất gia.

Giới Bồ Tát.

1. Giới tại gia.

Giới tại gia là những giới dành cho những người chưa xuất gia trong hàng Tiểu thừa, tức là những cận sự nam và cận sự nữ (cư sĩ tại gia). Những người này có thể thọ trì từ một đến năm giới (Ngũ Giới) hay Tám trai giới (bát quan trai giới).

2. Giới xuất gia.

Xuất gia gồm có năm chúng: Sa-di, Sa-di-ni, Thức xoa ma-na, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni.

Sa di và Sa di ni phải giữ 10 giới.

Thức xoa Ma-na phải giữ 6 điều giới và tập 296 hạnh giới.

Tỳ kheo phải giữ 250 giới

Tỳ kheo ni phải giữ 348 giới.

3. Giới Bồ Tát.

Là giới mà Phật tử tại gia và xuất gia trong hàng đại thừa phải thọ trì, sau khi đã phát tâm Bồ đề tu Bồ Tát hạnh để mở rộng làm Phật sự và hóa độ chúng sinh.

Bồ Tát giới gồm có:

- Nhiếp luật nghi giới.

Người thọ trì "Nhiếp luật nghi giới" là người quyết giữ đúng mười hai giới trọng và bốn mươi tám giới khinh, nghĩa là quyết không làm một việc ác nào cả.

- Nhiếp thiện pháp giới.

Người thọ trì "nhiếp thiện pháp giới" là người quyết tâm làm tất cả các việc lành.

- Nhiêu ích hữu tình giới.

Người thọ trì giới này là người quyết tâm tu hạnh từ bi, hỷ xả, làm tất cả những điều lợi ích cho tất cả chúng sinh, không một loài nào mà chẳng hóa độ.

Công đức của sự Trì giới Ba-la-mật

Trì giới Ba-la-mật có một hiệu lực rất lớn cho việc tu hành của người Phật tử. Phật tử thọ trì giới luật nghiêm trang thanh tịnh thì lúc hiện tiền tâm được thanh thản an vui, không có gì phải ân hận. Trong kiếp vị lai, hành giả chắc chắn được chứng quả Bồ đề, thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Khi hành giả trì giới được thanh tịnh, thì tâm từ bi, hỷ xả bủa khắp. Hễ họ thấy kẻ nào làm hạnh tài thí, pháp thí cho ai, thì liền sanh tâm hoan hỷ tán thán công đức, như thế tức là người ấy được một phần công đức "tùy hỷ bố thí".

Hơn nữa, khi hành giả thành thật chuyên trì giới luật, thực hành theo đúng lời Phật dạy, làm gương mẫu cho quần sanh bắt chước, tức là đã thí pháp bằng thân giáo. Còn khi hành giả trì tụng giới luật cho nhập tâm thuần thực, cũng tức là thí pháp bằng khẩu giáo.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Hai Mươi Bảy: 3. Nhẫn Nhục Ba-La-Mật

Nhẫn Nhục Ba-La-Mật

"Nhẫn" là nhịn, chịu đựng những cảnh trái mắt nghịch lòng. "Nhục" là điều sỉ nhục, điều xấu hổ, làm tổn thương đến lòng tự ái của mình.

Nhẫn nhục Ba-la-mật là nhẫn nhục đến chỗ cùng tột không còn ai có thể nhẫn nhục hơn thế nữa.

Nhẫn Nhục Ba-la-mật gồm:

1. *Thân nhẫn.* Đối với nghịch cảnh như nắng mưa, nóng lạnh, đói khát, đau ốm, hoặc bị người đánh đập, hành hạ, làm bức não nơi thân, mình cũng cam chịu, không phàn nàn hay chống cự lại. Đây là sự chịu đựng về thể xác.

2. *Khẩu nhẫn*. Thân đã nhẫn chịu không chống lại người và miệng cũng không thốt ra những lời nguyên rủa độc ác, trước những lời mạ nhục chua cay, mắng nhiếc tột tộ hay đánh đập tàn nhẫn.

3. *Ý nhẫn*. Nhẫn nhục cả trong tâm, không căm hờn, không oán giận, không nổi lên ý phản đối, những tư tưởng hắc ám để trả thù.

Trong ba thứ nhẫn này, "ý nhẫn" là khó nhất và quan trọng nhất.

Công đức của pháp Nhẫn nhục Ba-la-mật

Lửa sân hận chỉ có thể bị dập tắt bằng nước Nhẫn nhục Ba-la-mật. Không Nhẫn nhục thì gia đình ly tán, bạn hữu chia lìa, vợ thầy đoạn tuyệt, đồng bào xung đột, thế giới chiến tranh.

Có Nhẫn nhục thì gia đình sum họp, bạn hữu tương thân, vợ thầy trung tín, đồng bào đoàn kết, thế giới hòa bình. Riêng đối với bản thân, không Nhẫn nhục thì lửa giận thiêu đốt lòng mình và dục vọng hoành hành, sự nghiệp tiêu tan, mọi người xa lánh, đạo quả khó tròn.

Có Nhẫn nhục thì lòng từ chan chứa, thanh tịnh tràn lan, sự nghiệp dâng cao, người người quý trọng, đạo quả viên thành.

Cổ nhân có câu:

Nhẫn nhẫn nhẫn, trái chủ oan gia từng thử tận.

Nhiều nhiều nhiều, thiên tai vạn họa nhất tề tiêu.

Mặc mặc mặc, vô hạn thần tiên từng thử đắc.

Hưu hưu hưu, cái thế công danh bất tự do.

Nghĩa là:

- Nhẫn nhẫn nhẫn (thân nhẫn, miệng nhẫn, tâm nhẫn) thì những điều trái chủ oan gia từ đây dứt hết.

- Xả, xả, xả (thân xả, miệng xả, tâm xả bỏ) thì tất cả những thiên tai, ngàn họa thủy đều tiêu tan

- Nhịn nhịn nhịn (thân nín, miệng nín, tâm nín) thì cảnh giới thần tiên vô hạn cũng do đây mà được.

- Thôi thôi thôi (thân thôi, miệng thôi, tâm đều thôi) thì những công danh cái thế không có việc gì là không có được

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thể Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Hai Mười Tám: 4. Tinh Tấn Ba-La-Mật

Tinh Tấn Ba-La-Mật

"Tinh" là tinh chuyên một việc không có xen tạp. "Tán" là tiến tới mãi mãi không dừng, không gián đoạn hay thối lui.

Tinh Tấn Ba-La-Mật gồm:

1. *Tinh tấn ngăn các điều ác đừng sinh.* Nghĩa là các điều ác, từ trước đến giờ mình chưa làm đến, thì từ nay về sau cũng phải tinh tấn đừng cho nó phát sinh.

2. *Tinh tấn diệt các điều ác đã sinh.* Nghĩa là các điều ác mà mình đã lỡ làm rồi, thì phải tinh tấn diệt trừ cho mau đừng cho nó tăng trưởng thêm nữa.

3. *Tinh tấn làm cho các điều lành phát sinh.* Nghĩa là từ trước đến nay có những điều lành ta chưa thực hiện được, thì nay ta phải tinh tấn để cho nó phát hiện ra trong hành động.

4. *Tinh tấn làm cho các điều lành tăng trưởng.* Nghĩa là các điều lành đã được phát sinh rồi, nay ta phải tinh tấn làm cho nó tăng trưởng hơn nữa.

Công đức của Tinh tấn Ba-la-mật

Trong tất cả sự nghiệp, vĩ đại ở đời, hay kết quả vẻ vang trong đạo, cái bí quyết duy nhất để thành công là pháp tinh tấn. Cho nên Đức Phật Thích Ca có dạy: "Hỡi các người, hãy tinh tấn lên để giải thoát". Người thọ trì Tam quy, tinh tấn giữ năm giới và làm các điều phước thiện, thì sẽ được sinh lại làm nhân đạo, phúc thọ song toàn. Người tinh tấn tu Thập thiện và tu Tứ thiền, Bát định, thì sẽ sinh về cõi trời Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Người thấy các cảnh khổ sinh lòng nhàm chán cảnh đời, quyết tâm dứt trừ các phiền não, tinh tấn tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, kết quả sẽ chứng được bốn quả Thanh Văn. Người quán thấy mười hai nhân duyên là nguồn gốc của nhiều kiếp sinh tử luân hồi, tinh tấn tu hành, quyết đoạn trừ mười hai nhân duyên, sẽ chứng quả Duyên Giác. Các vị Bồ Tát, xứng theo tự tánh vô tham của mình, tinh tấn tu pháp bố thí Ba-la-mật; xứng theo tự tánh vô sân, tinh tấn tu pháp nhẫn nhục Ba-la-mật; xứng theo tự tánh vô si, tinh tấn tu pháp Trì giới Ba-la-mật; xứng theo tự tánh tịch tịnh, tinh tấn tu pháp Thiền định Ba-la-mật...

Tóm lại, các vị Bồ Tát trong khi tu, vì xứng với thể tánh chân tâm của mình mà tu pháp lục độ, không chấp ở nơi ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, không thấy mình, người, có năng sở, bỉ thử, thì khi nhân hạnh Bồ tát được viên mãn, sẽ thành quả Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Hai Mươi Chín: 5. Thiền Định Ba-La-Mật

Thiền Định Ba-La-Mật

Người tu hành muốn đến bờ giải thoát hoàn toàn, cần phải tu cả phước lẫn tuệ. Trong bốn đồ trước của lục độ mà chúng ta đã học, chỉ nói về tu phước. Trong hai đồ cuối cùng là tu Thiền định và Trí tuệ.

Thiền định: Thiền dịch âm tiếng Phạn là Dhyàna, Định dịch ý tiếng Phạn Samàdhi. Trung Hoa dịch là Thiền na, tĩnh lự. Thiền và định đều là để tâm chuyên chú vào một đối tượng để đạt tới trạng thái tịch tĩnh, không tán loạn.

Các Loại Thiền định

Thiền định có thể gọi là một trạng thái của tâm lý, trạng thái ấy gọi là trạng thái Tĩnh lự. Song ở Dục giới, tâm lý không thể có được trạng thái ấy, vì nó chỉ phát hiện ở Sắc giới, và Vô sắc giới. Rõ hơn nữa là Thiền thuộc về Sắc giới và Định thuộc về Vô sắc giới. Ở mỗi giới, Thiền và định đều phân làm bốn cấp bậc từ thấp lên cao, cho nên có danh từ là Tứ thiền và Tứ định.

Tứ thiền và Tứ định này, tuy là kết quả của công phu tu tập Thiền định, hay gieo trồng thiện căn, nhưng cũng là chung cho cả Phật pháp và Thế gian pháp, cả thánh và phàm. Nói rõ hơn, là dù theo phương pháp đạo Phật hay phương pháp nào, nếu có công phu tu tập đều có thể đạt đến Tứ thiền và Tứ định, nhưng đây cũng chỉ là thế gian pháp mà thôi.

Còn nói về pháp Định của chư Phật, Bồ tát và A-la-hán thì khác. Đó là Thiền định thuộc Xuất thế gian pháp, không thể phát hiện trong phạm vi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới được. Muốn đạt đến trạng thái Tĩnh lự của các bậc ấy, người ta phải đạt đến sự thoát ly tam giới. Còn lẩn quẩn trong tam giới thì tâm ý chỉ có thể đạt đến Tứ định là cùng.

Muốn có được Tứ thiền và Tứ định, thì phải thoát ly và đoạn diệt phiền não ở Dục giới. Nhưng nếu muốn đạt các pháp Định vô lậu, thì phải diệt trừ tất cả các phiền não của Vô sắc giới. Thiền bao gồm:

1. Thế gian thiền.

Thiền này có hai loại: Căn bản vị thiền và Căn bản tịnh thiền. Căn bản vị thiền gồm có mười hai phẩm, phân làm ba: Tứ thiền, Tứ vô lượng và Tứ không. Người phàm chán cảnh tán loạn của Dục giới thì tu Tứ thiền. Người muốn phước lớn thì tu Tứ vô lượng. Kẻ nhàm chán cảnh sắc giới chật hẹp thì tu Tứ không. Vì mười hai phẩm Thiền này có thể làm căn bản cho thiện pháp xuất thế gian, nên gọi là căn bản Thiền. Với lại, an trú trong mười hai phẩm ấy, người tu Thiền còn ưa thích cảm giác lạc thọ của Thiền, nên gọi là căn bản vị Thiền.

Căn bản vị thiền, phân làm hai: Lục diệu môn và Thập lục đặc thắng. Ai có tuệ tánh nhiều thì tu Lục diệu môn, kẻ nào có định tánh nhiều thì tu Thập lục đặc thắng. Những ai có tuệ tánh và định tánh đều nhau thì có thể tu cả hai loại. Vì người ta có thể căn cứ vào pháp Thiền này để phát sinh vô lậu trí, không phải chỉ thuần hữu lậu, như ở Căn bản vị thiền, nên gọi là căn bản tịnh thiền.

Tuy nhiên, cả hai loại đều chỉ là thế gian thiền mà thôi, vì trước thời Phật giáng thế, phép Thiền này đã có.

2. Xuất thế gian thiền.

Pháp thiền này là của bậc xuất thế. Có bốn thứ Thiền quán: Cửu tướng quán, Bát bối xả quán, Bát thắng xứ quán và Thập nhất thiết xứ quán. Tu bốn thiền quán này, tuy là lấy các pháp hữu vi làm đối tượng suy nghiệm, nhưng có thể đi đến kết quả ly dục, phát sinh vô lậu trí, nên gọi là Xuất thế gian thiền.

3. Xuất thế gian thượng thượng thiền.

Đây là pháp Thiền cao tột của các bậc đại nhân. Kinh Địa Trì có giải về chín môn đại thiền này như sau:

1. *Tự tánh thiền*: nghĩa là quán sát thật tướng của tự tâm, không cần lấy đối tượng ngoại cảnh.
2. *Nhất thiết thiền*: có công năng tự hành và hóa tha.
3. *Nan thiền*: môn Thiền gian nan, thâm diệu, khó tu.
4. *Nhất thiết môn thiền*: có nghĩa là tất cả các pháp Thiền định đều do môn (cửa) này mà phát xuất.
5. *Thiện nhân thiền*: môn Thiền của những chúng sanh có đại thiện căn cùng tu.
6. *Nhất thiết hạnh thiền*: bao nhiếp tất cả hạnh pháp của đại Thừa.
7. *Trừ não thiền*: có năng lực trừ diệt phiền não, khổ đau cho chúng sinh.
8. *Thử thế tha thế lạc thiền*: có năng lực làm cho chúng sinh an lạc trong hiện tại và tương lai.
9. *Thanh tịnh tịnh thiền*: có năng lực đoạn trừ hoàn toàn các hoặc nghiệp, và chứng được Tịnh báo đại Bồ đề. Đến môn Thiền này, tâm ý hoàn toàn thanh tịnh, vả lại cũng không còn thấy cái tướng thanh tịnh ấy nữa, nên gọi là Tịnh báo.

Công Năng Của Thiền định

Theo Bồ Tát hạnh, có thể tu tập Thiền định và đạt đến mười kết quả tốt đẹp sau đây:

1. Được an trụ trong pháp thức uy nghi. Tu Thiền định phải theo pháp thức mà hành trì, như vậy trải qua một thời gian khá lâu, thì ngũ căn được tịch tịnh, chánh định phát khởi, không cần có sự cố gắng mà vẫn được an trụ trong pháp thức oai nghi.
2. Được thực hành cảnh giới từ bi. Khi tu Thiền định, thì giữ được tâm từ bi, thương yêu chúng sinh, muốn cho tất cả được an ổn.
3. Không còn phiền não. Nhờ năng lực Thiền định mà các phiền não tham, sân, si, không còn phát sinh nữa.
4. Giữ được các giác quan. Không cho sắc, thanh, hương, vị, xúc lay động.
5. Vui vẻ lạc thú. Xem Thiền định là một món ăn ngon hơn tất cả các món ăn khác trong thế gian.

6. Xa lìa được ái dục. Một khi tâm niệm đã lắng yên, ái dục không còn phát sinh và làm nhiễm trước được nữa.
7. Chúng được chân không, không bao giờ bị rơi vào chỗ chấp đoạn diệt hư vô.
8. Cởi mở được tất cả những dây trói buộc sự giải thoát.
9. Khai phát được trí tuệ vô lượng và an trú trong cảnh giới của chư Phật.
10. Đạt đến sự giải thoát thành thực, đến chỗ mà tất cả hoặc nghiệp không còn nhiều lại được nữa.

Ngũ căn được tự tại, phiền não được dứt trừ, từ bi được mở rộng, trí tuệ được phát chiếu, cảnh giới giải thoát được phô bày ra trước mắt.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Ba Mười: 6. Trí Tuệ Ba-La-Mật

Trí tuệ là gì?

"Trí" phiên âm chữ phạn là Prāna; "Tuệ" phiên âm chữ Phạn là Bát nhã. "Trí" có nghĩa là quyết đoán; "Tuệ" có nghĩa là giản trạch, Tự điển Phật học Trung Hoa định nghĩa như sau: "Trí là biết Tục đế và Tuệ là thông hiểu Chân đế".

Cũng có thể nói:

Trí là thể tách sáng suốt trong sạch, Tuệ là cái diệu dụng xét soi tự tại. Trí tuệ Ba la mật là thể tách sáng suốt có khả năng soi sáng sự vật một cách thấu đáo tinh tường đến nơi đến chốn, không thể sai lầm được. Các Loại Trí Tuệ Theo triết học Phật Giáo, khả năng nhận thức có hai loại: Hiện lượng và tỷ lượng.

1. *Hiện lượng*: Là sự nhận biết trực tiếp không cần qua trung gian suy luận. Hiện lượng lại chia làm hai:

Chân hiện lượng, là nhận thức trực tiếp mà đúng.

Tợ hiện lượng, Là nhận thức trực tiếp mà sai

2. *Tỷ lượng*: Là sự nhận biết qua trung gian suy luận. Tỷ lượng cũng có hai thứ:

Chân tỷ lượng, là lối hiểu biết bằng suy luận đúng đắn.

Tợ tỷ lượng, là lối hiểu biết mà suy luận mà sai lầm.

Hiện lượng của địa vị phàm phu rất kém cõi và phần nhiều là trợ hiện lượng. Tỷ lượng của địa vị phàm phu lại còn kém cõi hơn nữa và phần nhiều là trợ tỷ lượng. Đứng về phương diện tính chất, đạo Phật chia trí tuệ ra làm hai loại lớn là "Căn bản trí" và "Hậu đắc trí".

1. *Căn bản trí*: Giác tính minh diệu mà mỗi chúng sinh vốn đã có sẵn, nhưng vì bị phiền não che lấp, nên chưa phát chiếu ra được. Có thể so sánh căn bản trí

như là một chất kim khí quý báu (vàng, bạc) đang ở trong trạng thái khoáng chất lẫn lộn với đá (phiền não vô minh)

2. *Hậu đắc trí*: Trí tuệ có được nhờ công phu tu tập như trì giới, thiền định... Có thể so sánh Hậu đắc trí như chất kim khí (vàng, bạc) được lọc từ khoáng chất và không còn lẫn lộn với đất đá, bụi bặm nữa (phiền não, vô minh).

Theo Duy thức học, sau khi đạt đến địa vị Giác ngộ, nghĩa là có được "Hậu đắc trí", thì tám thức chuyển thành bốn trí:

Thức thứ tám, A-lại-da có tác dụng là chấp trì sanh mạng và chủng tử, được đạt đến địa vị vô lậu và biến thành "Đại viên cảnh trí".

Thức thứ bảy, Mạt-na có tác dụng là chấp ngã, biến thành "Bình đẳng tánh trí".

Thức thứ sáu, Ý thức có tác dụng là phân biệt, biến thành "Diệu quan sát trí".

Năm thức cuối (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) biến thành "Thành sở tác trí".

Công năng của Trí tuệ

Trí tuệ khi đã đạt đến địa vị Giác ngộ (tám thức chuyển thành bốn trí) thì công năng, diệu dụng của nó rộng lớn vô cùng, không thể nói hết. Chúng ta có thể nêu lên ba công năng chính của trí tuệ như sau:

1. *Dứt trừ phiền não*: Phiền não là do mê lầm phát sinh. Khi trí tuệ đã có thì mê lầm phải mất, như khi ánh sáng phát ra thì bóng tối tất phải tan biến. Mê lầm đã mất thì phiền não tất không còn phát sinh nữa.

2. *Chiếu sáng sự vật*: Sự vật bị vô minh che khuất, như màn sương sớm che phủ cảnh vật, nay trí tuệ phát chiếu vào sự vật, chẳng khác gì khi ánh sáng mặt trời lên, thì màn sương tất phải tan biến, lúc bấy giờ thực tướng thực tánh của sự vật được lộ bày như thật.

3. *Thế nhập chân lý*: Khi bị vô minh phủ lấp, ngăn che thì người ta với người, ta với vật tưởng như riêng biệt, sai khác. Nay nhờ trí tuệ soi sáng, thấy rõ được tâm cảnh đều chơn không, nên thế nhập được chân lý, giác ngộ hoàn toàn.

Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật cũng đã thiết tha khuyên các đệ tử phải trao dồi trí tuệ như sau: "Trí tuệ là chiếc thuyền kiên cố chở khỏi biển già, đau, chết; là ngọn đèn lớn chiếu sáng vô minh hắc ám, là liều thuốc hay chữa hết thảy bệnh tật, là chiếc búa sắt chặt gãy cây phiền não. Vậy các người phải lấy sự nghe, sự suy nghĩ, sự tu tập mà tự tăng ích cho trí tuệ mình". (*Kinh Di Giáo*).

Tóm lại, Đạo Phật là đạo từ bi, mà cũng là đạo giác ngộ. Từ bi thuộc về phước, giác ngộ thuộc về tuệ. Phước và Tuệ là giúp hành giả thẳng đến bờ giải thoát. Do đó, trong kinh thường nói: "Phước, Tuệ song tu mới thành ngôi Chánh giác". Trong sáu pháp Ba la mật, bố thí và nhẫn nhục thuộc về tu phước; thiền định

và trí tuệ thuộc về tu tuệ; còn trì giới và tinh tấn là hai chất liệu có công dụng kiểm soát và đốc thúc cho việc tu phước và tuệ được thành tựu hoàn toàn.

Bồ thí và nhẫn nhục thuộc về bi, thiên định và trí tuệ thuộc về Trí, còn trì giới và tinh tấn thuộc về Dũng. Một Phật tử hoàn toàn phải có đủ ba phương tiện Bi, Trí, Dũng mới mong đi đến bờ giác ngộ một cách thông suốt và nhanh chóng. Mô Phật! Chúng con nghe Sư giảng giải về Lục Độ Ba La Mật thật rõ, chúng con xin học tập và học thuộc lòng, để áp dụng tu tập hằng ngày, nói chí quý Sư! Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

Ngày Thứ Ba Mười Mốt: Những công hạnh của Đại Bồ Tát

Bạch Sư! Chúng con được nghe Sư giảng về tứ đế, thập nhị nhơn duyên, Lục độ Ba la mật, nghe thì hiểu, nhưng thực hành thì khó, quý Sư ở trong Chùa thì tu dễ dàng là điều tự nhiên. Còn chúng con phải tu thật nhiều mới xứng đáng với giáo lý cao thượng của Phật. Chúng con phải tiến tu từ nhiều thế hệ, từ tín đồ Phật tử đến xuất gia, mà còn phải trải qua nhiều kiếp niệm Phật tu hành thì mới đắc quả Phật, quý sư dạy con như thế. Tuy nhiên trong quá trình học Phật tu nhơn, chúng con còn nghe quý sư giảng về những công hạnh của đại bồ tát (Thập ba la mật) tức là một pháp môn cao sâu hơn nữa, trong đó ngoài lục độ Ba la mật, còn phải tu tiếp tục bốn độ Ba la mật nữa. Xin Sư từ bi khai thị về bốn độ Ba la mật, chúng con nguyện tiếp thu lời dạy của Sư để học tập?

* Những pháp tu đại hạnh của Bồ tát Thập địa từ Sơ Hoan Hỷ Địa đến Pháp Vân Địa là pháp Ba la mật, còn gọi là Thập thắng hạnh, Thập độ, Thập đạo bỉ ngạn. Mười hạnh lành thù thắng mà bồ Tát phải tu tập để đạt đến Đại Niết Bàn.

Thập Ba la mật là:

Sáu Ba la mật, thêm bốn Ba la mật: Phương Tiện, Nguyên, Lục, Trí Ba la mật.

1/ *Thí Ba la mật*: có ba thứ bồ thí là: tài thí, pháp thí và vô úy thí

2/ *Giới Ba la mật*: trì giới và thường tự xét.

3/ *Nhẫn nhục Ba la mật*: Nhẫn chịu sự bức hại

4/ *Tinh tấn Ba la mật*: Siêng năng tiến tu, không biếng trễ.

5/ *Thiền Ba la mật*: thu nhiếp lục căn, khiến thân tâm an định

6/ *Bát nhã Ba la mật*: mở trí tuệ chơn thật. Hiểu rõ thật tướng các pháp.

7/ *Phương tiện Ba la mật*: dùng các phương pháp gián tiếp khai phát trí tuệ.

8/ *Nguyện Ba la mật*: Thường giữ gìn nguyện tâm và thực hiện nguyện tâm ấy.

Theo bài giảng về Thập Ba la mật của HT Thích Giác Quang vào năm 2009 (Kỷ Sửu) thì Nguyện Ba la mật chính là pháp tu của Đức Tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước (*Tổ sư khai sơn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng*), Nguyện cũng chính là tông chỉ “Phát nguyện niệm Phật” của pháp phái niệm Phật “Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng”. Trong đó có ba pháp tu chính là tông chỉ của Tịnh Độ Non Bồng, như sau:

* Một là pháp “Bá Nhứt Trì Danh niệm Phật”

* Hai là Lễ Bái niệm Phật

* Ba là phát nguyện niệm Phật

Ba môn trên được cô đọng trong quá trình giáo hóa pháp môn niệm Phật Tịnh Độ Tông của Đức Tôn Sư. Cho đến nay “Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng”, chư Liên hữu Tăng Ni, Phật Tử đều tinh tiến thực hiện Pháp môn tu.

Phát nguyện chính là nhân hạnh của Đức Tôn Sư trong quá trình gần năm mươi năm tu chứng liễu đạo pháp môn và truyền bá pháp môn (*trích trong Tịnh Độ Giảng Lược của HT Thích Giác Quang biên soạn diễn giảng*)

9/ *Lực Ba la mật*: Bồi dưỡng năng lực thực hành thiện hạnh, phân biệt chánh tà.

10/ *Trí Ba la mật*: Trí tuệ thấy biết rõ tất cả các pháp.

Các pháp trên (10 pháp) đều nhân nơi tâm bồ đề làm nhơn. Kinh Giải Thâm Mật, Phật dạy: “Lý do ngoài sáu ba la mật còn lập thêm bốn Ba la mật là vì Phương Tiện Ba La Mật trợ duyên cho Trí, Giới và Nhẫn nhục Ba la mật Nguyện Ba la mật trợ duyên cho tinh tấn Ba la mật.

Lực Ba la mật trợ duyên cho thiền Ba la mật

Trí Ba la mật trợ duyên cho Bát nhã Ba la mật

Mười Ba la mật xuất xứ từ kinh Bản Sanh là: Đàn (người tu học hạnh bố thí), Thi (người tu phải giữ Giới nghiêm túc), Bát Nhã (người tu phải phát huy Trí Tuệ), Tỳ Lê Da (người tu giữ hạnh Tinh tấn), Sằn Đề (người tu phải Nhẫn nhục), Xả Thế (người tu phủ nhận thế gian và chính mình), Chân Thật (người tu không nói lời hư vọng làm tổn hại sự chân thật), Quyết Ý (người tu không dao động ý tứ của mình), Từ (người tu không vì lợi ích cho mình, vì tất cả hữu tình mà trụ trong từ tâm) và Xả (người tu không bị khổ vui mừng giận... làm dao động)

Thực hành mười công đức trên gọi là Ba la mật (thân tâm đều giải thoát).

Bên Mật Giáo: kết hợp mười ngón tay với mười pháp Ba la mật, trong đó:

Bàn tay phải, tượng hình như sau: THÍ là ngón tay ÚT, GIỚI là ngón tay ÁP, NHÃN là ngón tay GIỮA, TINH TẤN là ngón tay TRỎ, THIỀN là ngón tay CÁI.

Bàn tay trái, tượng hình như sau: BÁT NHÃ là ngón tay ÚT, PHƯƠNG TIỆN là ngón tay ÁP, NGUYỆN là ngón tay GIỮA, LỰC là ngón tay TRỎ và TRÍ là ngón tay CÁI (trích từ diễn Phật Quang, HT Minh Cảnh biên soạn)

Thập Ba la mật trên đây, người tu Mật Tông dùng làm thủ ấn mà tu hành. Còn bên Hiền giáo thì phát nguyện thực hành chuyên tu, vừa tu vừa giúp giáo hóa chúng sanh khiến cho giải thoát nỗi khổ niềm đau trong bến nước sanh tử luân hồi, chứng thánh vị Bồ Tát.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

Ngày Thứ Ba Mươi Hai: Những hạnh lành của người con Phật Hiếu đạo.

Đang thuyết giảng về lịch trình tu chứng của các thừa, như: Tứ đế. Thập nhị nhơn duyên, Lục độ ba la mật thì đến ngày khai khóa lễ “Niệm Phật Bá Nhật Trì Danh” (ngày mùng 8/8/Canh Dần (2010) tại Nhứt Nguyên Bửu Tự) thì có một Phật tử lên mạng diễn đàn phatgiaovnn viết thư hỏi đạo, nhờ giải đáp giúp cho gia đình hết khổ, hộ trì cho Phật tử được xuất gia. Chúng tôi phúc đáp nguyện vọng Phật tử tanhuy, nhằm phổ cập những ý tưởng công đức thể hiện hạnh lành xưa nay của Quan Âm Tu Viện đến Phật tử gần xa.

**** Bạch Hòa Thượng Giác Quang! Con rất muốn xuất gia tu học theo Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, song do con có nguyện như vậy, mong Hòa Thượng giúp đỡ. Nhà con chỉ có mình là con trai, Mẹ thì không bình thường, nhưng cả hai đều có gia đình khác, có ngoại già yếu con muốn học được thành tài, để báo hiếu, có người kế lo cho gia đình, rồi sau đó mới xuất gia như vậy có là quá trễ không thưa Sư, làm thế nào để gia đình con bớt khổ được thưa Sư?***

* Xuất gia là người có chí hướng cao cả, trong đời không vì sánh bằng vị Sa môn đạo hạnh của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Người xuất gia thì không còn gì ràng buộc, đây chính là cơ hội Phật tử cống hiến cho Phật Pháp và viên thành đạo nghiệp.

Tuy nhiên theo lời của Phật tử trình bày thì gia đình quá đơn chiếc: bố mẹ chỉ có một trai, mẹ không bình thường có gia đình khác, ngoại già... chắc chắn còn nữa, nhưng Phật tử không kê khai thêm, chẳng hạn như kinh tế gia đình hạn chế v.v... và v.v...

Ôi thôi thì biết bao nhiêu là khổ, khổ khổ mà. Đây cũng chính là chơn lý chắc thật mà Đức Phật từng tuyên thuyết tại công viên Thành phố Lộc Uyển, ngài đã vạch mặt mày cho thấy mặt trái của vạn khổ đang áp đặt sự trầm thống lên chúng sanh trong đó có con người.

Tuy nhiên nhà Phật có thể giải quyết những khổ đau cho Phật tử, với những trường hợp như sau:

1/ Mẹ không bình thường thì Phật tử nuôi, Mẹ có gia đình khác theo Sư thì Phật tử vẫn phải nuôi, kể cả nuôi Ngoại. Nếu còn Bố thì phải phụng dưỡng luôn cả Bố... làm người con Phật dù có khổ đến mức độ nào đi nữa cũng phải phụng dưỡng các đấng sanh thành... đây mới gọi là hiếu đạo của Nhà Phật.

2/ Mẹ đã không bình thường, ai mà thương yêu Mẹ nữa, chỉ có làm con mới thương và nuôi Mẹ mà thôi, ngoại già... vậy thì Phật tử cứ gởi Mẹ, Ngoại vào chùa, vào Tu viện, vào Liên Viện Tịnh Độ Quan Âm Tu Viện của Sư Bà Huệ Giác đây. Đồng thời Phật tử cũng phát tín tâm xuất gia thì cũng chẳng có gì là trở ngại. Trường hợp này là cơ duyên Phật Pháp đã đến, chứ không phải như mọi người suy nghĩ “do nghèo mà vào chùa”. Đây cũng chính là cách báo hiếu của người con Phật trong giai đoạn mới.

3/ Trường hợp Phật tử có tài sản thì vừa đi học cho thành tài, vừa nuôi Mẹ, nuôi Ngoại, báo hiếu cho đến khi Mẹ, Ngoại qua đời rồi đi tu cũng không muộn, vì lẽ báo ân báo hiếu cũng chính là tu rồi đó. Báo ân báo hiếu là hạnh Phật. Đức Phật dạy: “...trong nhà, nhà trên thờ Phật, nhà dưới thờ Cha Mẹ, Cha Mẹ chính là Phật nhà dưới đây...”.

4/ Ba trường hợp trên, tâm ý bạn ở vào trường hợp nào cũng là Phật tử, cũng chính là người tu Phật đây.

Người đời bảo: “đời nay hiếm có” như trên lắm! Nhưng với nhà Phật thì không hiếm, rất nhiều người thực hiện hạnh lành như thế!

Phật tử cố gắng niệm Phật, giữ vững tâm hồn làm con Phật là hạnh phúc nhất bạn ạ!

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thể Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Ba Mười Ba: Các ngày trì trai

Bạch Sư! Trong giáo pháp Nhà Phật thường dạy tín đồ tập ăn chay (trai), ăn chay mỗi tháng hai ngày, ăn chay mỗi tháng bốn ngày, ăn chay mỗi tháng sáu ngày, ăn chay mỗi tháng mười ngày, ăn ba tháng chay, nhẫn đến trường chay, ăn chay năm đất, thế phát (phụng thờ ông bà cha mẹ qua đời ba năm) đây là những hạnh lành của người Phật tử.

Tuy nhiên chúng con muốn biết ý nghĩa tại sao phải ăn chay (trai) mười ngày, mà chọn những ngày mùng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30, ý nghĩa mẫu nhiệm đến như thế nào mà chúng con được quý Sư dạy ăn chay những ngày đó, mà không ăn những ngày khác, chẳng hạn vì nhu cầu sinh hoạt hằng

ngày ở Mỹ, nhiều nhà Phật tử ăn chay mỗi tháng mười ngày, nhưng ăn từ ngày mừng một đến mừng mười... Xin Sư từ bi chỉ dạy?

* Ăn chay (trai) là ăn uống những thức ăn thuộc về thực vật trong sạch, tinh khiết, những ngày mà tín đồ Phật tử được quý Sư, Thầy khuyên ăn chay là những ngày lành giờ tốt. Theo kinh Đại Minh Tam Tạng pháp số ghi, thì những ngày này Phật Thánh giảng lâm (trích từ điển Phật Quang, HT Minh Cảnh biên soạn). Sau đây Sư sẽ cố gắng giảng giải cho Phật tử tiếp thu tu học.

Trong kinh Địa Tạng, phẩm Như Lai tán thán, Đức Phật dạy: Vào mười ngày này gom tập các tội, quyết định nặng nhẹ, mọi cử chỉ động niệm của chúng sanh trong cõi ta bà đều là nghiệp, đều là tội. Nếu vào mười ngày chay (trai) mà những người con muốn tu hạnh hiếu đạo thì nên đối trước các tượng Hiền thánh, chư Phật, Bồ tát đọc tụng kinh này một biến thì trong khoảng một trăm do tuần, bốn phía đông tây nam bắc không có các tai nạn, người già trẻ đang ở trong nhà khi ấy, trong trăm nghìn năm ở đời hiện tại cũng như vị lai được nương công đức lễ lạy Hiền thánh, chư Phật, Bồ tát mà xa lìa hẳn lục đạo tam đồ.

Kinh Đại Minh Tam Tạng Pháp Số ghi, trong mười ngày chay (trai), thì: Ngày mừng Một có Thái tử của Tứ Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu Đức Phật Định quang.

Ngày mừng Tám có thần Ma Hê Thủ La Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Ngày Mười Bốn có thần Ma Hê Thủ La Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu nghìn Phật trong kiếp Hiền (hiện tại).

Ngày Mười Lăm (rằm) Thái tử của Tứ Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà

Ngày Mười Tám, sứ giả Thái tử của Tứ Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu Bồ tát Địa Tạng.

Ngày Hai Mươi Ba, Ma Hê Thủ La Thiên Vương xuống trần nên niệm danh hiệu Bồ Tát Đại Thế Chí.

Ngày Hai Mươi Bốn, Thái tử của Tứ thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu Bồ Tát Quan Thế Âm.

Ngày Hai Mươi Tám, sứ giả của Tứ Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu Lô Xá Na.

Ngày Hai Mươi Chín Ma Hê Thủ La Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu Bồ Tát Dược Vương.

Ngày Ba Mươi sứ giả của Tứ Thiên Vương xuống trần, nên niệm danh hiệu Phật Thích Ca Mâu Ni.

Cuối đời nhà Đường bên Trung Quốc, từ quan đến dân thực hành pháp Thập Trai này. Ở Việt Nam hiện nay việc ăn chay (trai) thuộc của Phật Giáo hiện nay rất được tín ngưỡng, cách ăn uống thực vật, không ăn loài động vật cũng được phổ cập sâu rộng trong quảng đại quần chúng. Vào những ngày Ba Mươi, Mừng Một, Mười

Bón, Rằm, người dân trên cả nước dù có đạo Phật hay Lương đạo, hoặc không có đạo, trừ người theo Thiên Chúa, Tin Lành, còn lại thì ăn chay. Thật rất có ích lợi cho bản thân.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Ba Mười Bốn: Tiết độ

(Những liều thuốc quý)

Chúng con có nhơn duyên lành được nghe thuyết pháp học Giáo lý Phật học tại Quan Âm Tu Viện, do Đức Thầy, Sư Hòa Thượng, Ni sư Kim Sơn, Sư cô Hương Nhũ giảng dạy từ 25 năm qua.

Trong quá trình Học Phật Pháp, có lần cách đây sáu năm chúng con được nghe Ni Sư Kim Sơn giảng bài “Những liều thuốc quý” nhưng chưa hiểu và học thuộc; nay nhớ lại những âm vang của bài pháp, chúng con cảm thấy hoan hỷ, năng lực tu tự nhiên tiến triển, bài pháp rất ngắn nhưng rất có lực cho hàng cư sĩ, nhất là những vị lớn tuổi nhưng cũng rất ích lợi cho giới Phật tử trẻ. Tuy nhiên, chỉ có việc hôm nay chúng con vì bận rộn gia duyên lo làm ăn, gánh vác gia đình nên quên mất bài pháp, có nhớ cũng chỉ nhớ man mác, lộn xộn quá! Xin Sư từ bi giảng giải cho chúng con được học thuộc lòng qua quyển sách này?

Vâng! Bài pháp với nhan đề là “Những liều thuốc quý”, cũng gọi những điều thiện, dành cho Cư sĩ Phật tử tại gia áp dụng thực hành cụ thể rất có kết quả.

Chỉ có điều xuất xứ của bài pháp này nằm trong quyển sách Ngọc Lịch Minh Kinh ở triều đại Nhà Tống, thuộc Thân đạo. Tuy nhiên Kinh này chuyên giảng về đạo đức trong đó có đạo Phật, đạo đức làm người, đậm nét tín ngưỡng trong dân gian nước Trung Hoa cổ. Do vậy nên có ảnh hưởng đến người tu Phật rất lớn, khiến cho chư Tăng Ni phải học thuộc để giảng cho Phật tử. Bài “Những liều thuốc quý” Sư được gặp và xem nhiều lần:

Lần thứ nhất vào ngày 15/01/Quý Mão (1963), lúc Sư mới thọ Sa Di giới, theo học Phật tại Phật học đường Tây Phương Bồng Đảo và cư trú tại Quan Âm Phật Tự (Hang Mẹ), núi Dinh, Sư có nhơn duyên được đọc quyển sách Phật bằng văn vần nhan đề “Pháp Kệ phá mê” do Pháp Sư Thích Giác Nhiên, Trưởng giáo đoàn bốn chủ biên, do Đại Đức Giác Xuất trao tặng, trong đó có bài “Những Liều thuốc quý”.

Lần thứ hai vào ngày 15/7/Đinh Mùi (1967), khi tham dự Đại hội lần thứ nhất thành lập môn phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng và Giáo Đoàn Du Tăng Khất Sĩ Non Bồng tại Quan Âm Tu Viện, Biên Hòa, Sư cũng được nghe Đức Tôn

Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước (Mẫu Trầu) trong lúc thuyết pháp, có trùng tuyên bài “Những liều thuốc quý” cho Tăng Ni, Phật tử cùng nghe.

Lần thứ ba vào ngày 15/7/Bính Ngọ (1966), sau khi thọ Tỳ kheo giới tại Liên Tông Tự, Trung Ương Tịnh Độ Tông (Saigon, nay là Tp.Hồ Chí Minh), Sư cùng giáo đoàn Du Tăng Khất Sĩ Non Bông 45 vị Sư Tỳ kheo đến Tịnh xá Trung Tâm xin đánh lễ Ngài Pháp sư Giác Nhiên; lúc bấy giờ Pháp sư rất hoan hỉ cho đánh lễ; sau khi lễ xong Pháp sư tặng Kinh, sách Phật trong đó Sư được Pháp sư tặng bộ Chơn Lý Đại Đồng (bộ 2 quyển, bìa cứng màu đỏ, có in pháp danh của Pháp sư) và quyển “Pháp Kệ phá mê”, trong đó cũng có bài “Những liều thuốc quý”, bộ Chơn Lý và quyển sách nhỏ đó ngày nay vẫn còn lưu trữ tại Tịnh thất Bảo Tịnh, thuộc Quan Âm Tu Viện.

Lần thứ tư vào ngày 30/9/2010 nhân có duyên lành xem được “Những liều thuốc quý” trên trang website của Đạo Phật Khất Sĩ, bài được đưa vào trong sách của Pháp sư Giác Nhiên, nhan đề là: “Tu Tượng siêu nhân”.

Nay quý Phật tử muốn tham học, Sư sẽ vì các vị mà trùng tuyên đúng nguyên văn bài văn (gọi cho đúng là “bài văn” không phải “bài pháp”, nhưng vì giảng cho Phật tử nghe nên tạm gọi “bài pháp”), có cả chữ Hán và dịch ra Việt nhưng cũng không có tác giả; nhưng bài này nằm trong quyển sách Ngọc Lịch Minh Kinh, của Đại sư Đạm Sĩ đời Tống, viếng núi được một vị ẩn sĩ thuyết giảng cho ghi lại.

Bài văn nhan đề là:

“Văn Đề Bá Tự Minh (Ghi Trăm Chữ Dạy Đời, trong sách Hồi Dương Nhơn Quả, Ngọc Lịch Minh Kinh).

Chữ Hán:

*Quá dục tinh thần sáng
Dạ tư khí huyết suy
Thiếu bồi bất loạn tánh
Nhẫn khí miễn thương tài
Quý tự tâm cần đắc
Phú từng kiệm ước lai
Ôn nhu chung hữu ích
Cường bạo tất chiêu tai
Thuận xử chơn quân tử
Khiêu toa thị họa tai
Am trung hưu sử tiến
Quai lý phóng ta ngại
Dượng tánh nghi tu thiện
Khi tâm mạt ngật trai
Nha môn hưu xuất nhập*

*Hương đàn yếu hòa hài
An phận thân vô nhục
Nhân phi khẩu vật khai
Thế hơn y thứ khuyến
Nạn thối phước tin hồi.*

Việt dịch:

*Dục ít tinh thần khỏe
Lo nhiều khí huyết phai
Vài (không) chung không (nào) loạn tánh
Một nhịn khỏi hao tài
Sang tại siêng năng, đổ.
Giàu nhờ tiện tận dai
Dịu mềm sau có ích
Hung dữ sẽ mang tai
Khéo xử nên quân tử
Xui mưu lắm họa thay
Chốn thâm đừng bấn lén
Cảnh nghịch giả ngây hoài
Tánh tốt gìn tâm thiện
Lòng gian uống thập trai.
Nha môn đừng kiện cáo
Làng xóm chớ chê bai.
Bổn phận nương cơ tạo
Thị phi lấp lỗ tai
Lời này ai giữ đặng
Nạn khỏi phước lâu dài.*

Bài văn trên được ghi trong Ngọc Lịch Minh Kinh ở vào triều đại Nhà Tống, niên hiệu Tiên Thánh thứ Tám, năm Canh ngũ, ngày Trùng cửu, Thầy Đạm Si đi núi gặp được kinh Ngọc Lịch, gọi là Ngọc Lịch Minh Kinh.

Bài văn của Ngài Pháp Sư Giác Nhiên ghi lại trong quyển “Pháp kê phá mê” lúc bấy giờ có khác, có lẽ do Pháp sư dịch thuật từ tiếng Hán ra Việt theo ý dịch giả chăng? Bài văn của Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước trùng tuyên cũng khác? Nhưng cả hai bài đều đầy đủ những pháp học làm lành lánh dữ cho giới Cư sĩ.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

Ngày Thứ Ba Mười Lăm: Tu tập hạnh lành của Bồ Tát

Bạch Sư! Chúng con đi học Phật pháp, thường nghe quý Sư giảng về bốn pháp nhiếp. Bốn pháp nhiếp là một cụm từ Phật học, khi nghe giảng cần học thuộc lòng, nhưng vì gia duyên bận buộc, chúng con đã xa rời các pháp đã học. Nay xin Sư từ bi giảng giải cho chúng con được học và để thực hành?

* Tứ nhiếp pháp là công hạnh lành của Bồ tát, phạm làm chư Tăng, chư Ni hay những vị Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đều có đủ tâm niệm tứ nhiếp pháp, hoặc phát bồ đề tâm tu tập hạnh tứ nhiếp pháp; tứ nhiếp pháp là pháp tu của những người phát tâm đại thừa. Tứ nhiếp pháp cũng là bốn pháp mà chư Phật và chư Bồ tát thường dùng, tùy dùng để nhiếp thọ tâm tánh chúng sanh, khiến cho họ thuần hòa, nhã nhặn gần gũi thân thích mình, kết bạn lành cùng chung tu, chung sống như gia đình ruột thịt; từ đó mình có cơ duyên sách tấn dạy đạo lý cho họ.

Tứ nhiếp pháp là:

1/ *Bố thí nhiếp*: Giúp cho chúng sanh có cuộc sống đầy đủ sung túc, an cư lạc nghiệp, chúng sanh ưa tài vật, thì mình cho tài vật, ưa pháp lý thì cho pháp lý.

2/ *Ái ngữ nhiếp*: Tùy căn tánh của chúng sanh mà nói cho khéo léo, thiện xảo, biện tài vô ngại để huân du họ ra khỏi những nỗi khổ niềm đau, khỏi những bức não trong cuộc đời, ra khỏi bến sanh tử luân hồi trong ba cõi.

3/ *Lợi hành nhiếp*: Làm tất cả việc lành bằng thân khẩu ý mà giúp ích cho chúng sanh. Chẳng hạn như thuyết pháp, viết lời Phật, viết sách Phật pháp, dịch kinh, cho người đói được no, người dốt nát được biết chữ, cho người nghèo được giàu, giúp cho họ thành đạt trong xã hội... cũng đều là lợi hành nhiếp. Nhất là đưa họ vào Phật đạo, biết phát tâm bồ đề mà tiến tu giải thoát.

4/ *Đồng sự nhiếp*: dùng pháp nhãn, quán sát thấy căn tánh của chúng sanh, bèn tùy sở thích của họ mà phân thân thị hiện, sống chung làm Phật sự chung với họ (chư Tổ sư Tịnh độ hay phát nguyện câu: Thường vào trần lao mà làm Phật sự), giúp cho họ làm quen với đạo pháp, rồi bước vào Phật đạo.

Như trong kinh Pháp Hoa: “Con ruột của Ông Trưởng Giả đi lưu lạc xa nhà, lâu quá nên quên nhà cửa, ruộng vườn, quên luôn ông Trưởng Giả là cha ruột của mình. Đến khi Ông Trưởng giả vì sắp quy tây, sợ không có người thừa kế sự nghiệp, nên cho sứ giả đi tìm và bắt “gã cùng tử” đem về, thì người ấy sợ quá mà ngất xỉu, tưởng là bị vua quan bắt giữ. Ai ngờ ông Trưởng Giả là cha ruột của gã muốn gã trở về nhà thừa kế sự nghiệp quản lý tài sản ông.

Chủ ý của ông Trưởng Giả là muốn giao tài sản cho con mình kế thừa; ông nghĩ: nếu muốn gần gũi “gã cùng tử”, phải thay đồ người làm công, mặc quần áo giống như nó, như mọi người, mới có cách gần nó được, làm quen với nó. Ông liền làm như vậy, cuối cùng ông gần được con ruột của mình; ông nói cho nó biết: ông là cha ruột, “gã cùng tử” là con ruột, tài sản này là của con, con nên học tập cách

quản lý tài sản, lãnh đạo, hướng dẫn công nhân làm việc, thừa kế gia sản của cha ông...

Một thời gian sau “gã cùng tử” quen việc, thích gần gũi ông Trưởng giả; biết đây là cha của mình, tài sản này là của mình, bấy lâu nay vì lo rong chơi xa cách quê hương xứ sở, quên cha quên mẹ. Khi biết con đã nhìn mình, thật sự là con ruột của mình, “gã cùng tử” được phong trở thành “Trưởng tử”, ông Trưởng giả liền gọi con lại giao toàn bộ hồ sơ giấy tờ, công nhân, cơ xưởng vật chất cho con ruột mình quản lý...

Tinh thần đồng sự nhiếp, phải thực hiện giống như ông Trưởng Giả kia thì người đệ tử Phật mới gần gũi được chúng sanh, mới có cơ duyên khả năng khuyến khích họ học đạo, tìm đường giải thoát sanh tử luân hồi.

Hạnh đồng sự nhiếp của Đức Phật Thích Ca, là chính Ngài thị hiện sinh vào cung vua làm Hoàng Thái tử của Hoàng Đế Tịnh Phạn, Hoàng Hậu Ma-Gia, lập gia đình với Công chúa Da Du Đà La, có con trai là La Hầu La, rồi từ bỏ cung sơn điện ngọc, xuất gia tu hành thành Phật. Do đó Ngài độ được chúng sanh trong cõi ta bà là vậy.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Ba Mười Sáu: Giáo Lý Hạnh Quả

Bạch Sư! Chúng con nghe Sư giảng dạy, chúng con biết gần gũi chúng sanh thì có pháp tứ nhiếp. Pháp tứ nhiếp là dòng sữa ngọt của chư Phật, như tấm lòng bà mẹ, như sự khuyến nhủ của ông cha, thu phục nhân tâm như vị Sa môn khi đi vào đời độ chúng sanh, theo chúng con nghĩ đối với quý Sư cũng như vậy; nay vì chánh pháp, chúng con muốn hộ trì quý Sư độ đời, hoàng dương chánh pháp. Tuy nhiên, còn có pháp nào của Đức Phật, tâm tông của Chư Phật để quý Sư khi đi vào đời mà không vướng mắc phiền não trần lao? Ngưỡng mong Sư khai thị, chúng con thọ học?

* Có! Vào đời mà không tu chúng thì xem như con số không. Vào đời mà không có pháp lành để thể hiện thì chẳng làm gì được cho chúng sanh, thêm vào đó ma vương lấy lòng phá hoại chánh pháp; ngay cả thân mình lo cũng không xong, tâm mình không rảnh rang, làm gì rảnh tay lo cho mọi người.

Tu tập công hạnh chư lịch đại Bồ tát, chúng ta mới đến Đức Phật. Đi vào đời mà không lập hạnh Bồ tát thì không thể giáo hóa chúng sanh, không căn cứ vào kinh luật Phật thì không thể thực hành theo chánh đạo, không biết đường hướng phương pháp “dạy đạo” mà dẫn đạo cho mọi người thật rất sai lầm. Không nên

đem tây nói đông, đem đông nói tây, không nên truyền đạt những phương pháp tu không thực tế cho Phật tử, khiến cho họ hoang mang.

Ví như gần đây có một vị thầy hướng dẫn các liên hữu, câu “ngoại giáo biệt truyền bất lập văn tự”... câu pháp này là của Tổ sư Thiền tông bên Trung Hoa; lời Phật Pháp của người xưa, của Tổ sư, lập lại để giảng giải cho Phật tử nghe thì cũng rất quý báu; nhưng với câu này thì bên Tông sử dụng dạy cho các Thiền sinh, bên Giáo không nên truyền đạt cho liên hữu tu Tịnh độ, khiến cho họ bị mất lập trường phương hướng tông chỉ mình đang tu học?

Người tu không có học và hành trì giới định tuệ, thì không xứng đáng với mọi người, không đắc đạo... xem như lừa dối chúng sanh, không phải Sa môn, Đại Sa môn của Đức Phật Thích Ca, giáo pháp ấy là giáo, lý, hạnh, quả.

1/ Giáo (phép dạy) là tiếng nói câu văn, lý kinh pháp sự vô minh phiền não của chư Phật ba đời đã tuyên thuyết. Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, đừng đem cái không biết mà giáo hóa Phật tử thật rất tai hại.

2/ Lý (pháp lý) phải căn cứ vào kinh pháp, lý kinh mà giáo hóa chúng sanh mới hiệu quả. Phải có học giáo lý mới lên diễn đàn thuyết pháp.

3/ Hạnh (pháp tu) y theo lời Phật dạy mà tu giới, định tuệ thật nghiêm túc. Giới luật tinh nghiêm.

4/ Quả (pháp quả) là sự chứng quả dù là hữu vi hay vô vi, sau khi tu chứng giới, định, tuệ được viên mãn.

Tiếp theo phải sử dụng bốn phép tu của Bồ Tát:

1/ Bất xả bồ đề tâm (không bỏ bồ đề tâm)

2/ Bất xả thiện tri thức (không bỏ người thiện tri thức)

3/ Bất xả kham nhẫn, ái, lạc (chẳng bỏ các pháp kham nhẫn ái lạc)

4/ Bất xả a luyện nhã (không bỏ nơi tu hành tịch tịnh, rừng núi, đồng vắng)

Tiếp tục tu bốn pháp: tín, giải, hành, chứng, cũng là bốn pháp tứ y.

1/ Y pháp bất y nhơn

2/ Y nghĩa bất y ngữ

3/ Y trí, bất y thức

4/ Liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh

Tiếp tu lập hạnh làm cho:

1/ Thân an lạc

2/ Khẩu an lạc

3/ Ý an lạc.

4/ Thệ nguyện an lạc hạnh (là tông chỉ tu hành, là hạnh lành của Đức Tôn sư Tịnh Độ Non Bồng)

Giáo lý hạnh quả là công thức hành đạo của các Sa môn, Đại Sa môn đi vào đời cứu độ chúng sanh.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại
Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Ba Mười Bảy: Pháp môn tứ vô lượng tâm

Bạch Sư! Chúng con là Phật tử, nghe quý sư giảng giải nhiều về giáo lý Đức Phật, trong đó có tứ nhiếp pháp là hạnh tu cao quý của Bồ tát cũng như hàng thánh chúng đệ tử Phật, tứ chúng xuất gia tại gia cũng được học tập để tu, thì mới xứng đáng đệ tử Phật. Tuy nhiên trong quá trình nghe giảng pháp, chúng con còn được nghe quý Sư giảng về tứ vô lượng tâm, đã nghe nhưng chưa thấu triệt, pháp này là pháp tu của Bồ tát, chúng con sơ cơ có tu được không, xin Sư từ bi hoan hỷ chỉ khai thị cho chúng con thọ học?

* Bồ tát vào đời, ngoài các hạnh lành trên, còn phải phát lòng bồ đề tu tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả; chính bốn pháp này làm cho bồ tát thành tựu đại hạnh. Bốn đức vô lượng này Phật và Bồ tát thực hành để làm lợi ích, lợi lạc chúng sanh, độ nhất thiết khổ não vô lượng chúng sanh, những họa nạn cho vô lượng chúng sanh trong vô lượng thế giới. Đây là pháp tu của Bồ tát, những vị căn khí đại thừa, những vị phát lòng bồ đề đi theo Đức Phật, người Phật tử cũng tu được, pháp môn tứ vô lượng tâm, vì là vô lượng nên không có ngăn ngại chúng sanh, vì là vô biên nên người Phật tử luôn được khuyến giáo thực tập tu hành; pháp môn tứ vô lượng tâm lúc nào cũng được phổ cập trong quảng đại quần chúng.

Sau đây nói về pháp môn tứ vô lượng tâm:

Gọi từ bi hỷ xả; cũng gọi đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả.

TỪ là tâm lành, do tâm này mà làm lợi ích an lạc cho chúng sanh.

BI là tâm thương xót, do tâm này mà cứu khổ cứu nạn, những khổ đau oằn oại cho chúng sanh.

HỖ là tâm vui, tự mình vui sướng khi thấy chúng sanh được an lạc.

XẢ là tâm hỷ xả, tha thứ cho người lỗi lầm, tự mình hi sinh để giúp cho chúng sanh được an lạc, không kể kẻ lạ người quen, kẻ thân người sơ.

Trước khi thành đạo, Phật và bồ tát từng tu hành tứ vô lượng tâm. Khi đắc đạo rồi, Phật và bồ tát vẫn thực hiện tứ vô lượng tâm để độ chúng sanh.

Người tu xuất gia có thực hiện tứ vô lượng tâm thì mới xứng đáng là Nhà sư phạm hạnh (hạnh thanh tịnh). Người tu pháp môn niệm Phật, người tín đồ Phật tử có tu gia hạnh thêm pháp môn tứ vô lượng tâm sẽ được vãng sanh ở bậc thượng phẩm thượng sanh, thành Phật.

Trong kinh Niết Bàn, quyền thứ 15, có dạy rằng: "Ai (tức là không luận bàn xuất gia hay tại gia) tu tâm Từ thì dứt tâm tham dục; ai tu tâm Bi thì dứt tâm sân; ai

tu tâm Hi thì dứt tâm buồn; ai tu tâm Xả thì dứt được tâm tham dục và sân nhuế của chúng sanh.

Tứ vô lượng tâm làm tăng trưởng lực độ của Bồ Tát, đó là việc mà hạnh tu khác chẳng có sức làm.

Tứ vô lượng tâm có hai thứ: Thế gian tứ vô lượng tâm và xuất thế gian tứ vô lượng tâm. Bồ tát trước tu và đắc thế gian tứ vô lượng tâm, tức là làm xong những hạnh từ, bi, hỷ, xả giúp ích cho đời. Kế đó, bồ tát phát nguyện cầu thành Phật. Sau khi ấy, mới tu và đắc xuất thế gian tứ vô lượng tâm; tức là làm xong những việc từ bi hỷ xả độ thoát chúng sanh khổ não của các nhà tu hạnh Phật. Lúc bấy giờ gọi là đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả.

Người tu tứ vô lượng tâm, được hai vị trí này:

1/ Tu tâm từ, bi, hỷ thì được “cực ái nhưt thiết hữu địa” tức là địa vị của bậc Bồ tát thương tất cả chúng sanh như nhau, tử như con “một” của mình.

2/ Tu tâm xả, thì được “bình đẳng tự tại” tức là địa vị của bậc đắc lý không không và bình đẳng, chẳng còn phân biệt cha mẹ, vợ con, anh em thân tộc, oán thù, kẻ trung nơn, cũng chẳng còn thấy âm giới nhập, chúng sanh thọ mạng nữa.

Bậc Bồ tát đó như đi trong hư không, vô biên giới, không còn do dự khi độ chúng sanh. Khi giúp ai không còn suy nghĩ nữa.

Quý Phật tử nên tu tập, không khó lắm với pháp môn từ, bi, hỷ, xả thật khéo để giúp đời.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN VII. BỒ TÁT ĐẠO **CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU**

Ngày Thứ Ba Mươi Tám: Hạnh lợi tha của người con Phật

Bạch Sư! Phật tử chúng con đi học tập tu tịnh độ, có nghe Thầy giảng dạy nói về bốn mươi lớp nơn quả tướng; chúng con được nghe nhưng lúc bấy giờ ít quan tâm đến pháp tu cao viển quá; đến khi được biết những quả lớp hạnh tu đó không phân biệt người xuất gia hay tại gia. Muốn tu hành đến quả vị rốt ráo phải trải qua bốn mươi nơn hạnh tu, tức trải qua các lớp nơn quả tướng rồi mới đến quả vị Đẳng giác (Bồ tát), rồi đến quả vị Diệu Giác (Phật).

Chúng con không ngờ bốn mươi lớp nơn quả dành cho người xuất gia, tại gia cũng đều tu được. Xin Sư từ bi hoan hỷ vì chúng con mà giảng giải?

* Vâng! Trong thời gian Sư còn học Phật pháp, pháp môn niệm Phật giáo lý cơ bản của Tịnh Độ Tông (niên khóa 1971-1973) tại Quan Âm Tu Viện, cũng được

học về bốn mươi hai lớp nhơn quả tướng dành cho liên hữu tu Tịnh độ. Pháp học dành cho cho liên hữu, tức là không luận dành cho người xuất gia hay tại gia cũng đều được tu học pháp môn. Lúc bấy giờ Sư được Thầy ban cho ba bộ kinh quan trọng là Bộ Đại Thừa Phương Quảng Hoa Nghiêm Kinh, Bộ Đại Bát Niết Bàn và Bộ Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa. Sư liền phát nguyện tụng đọc Kinh Niết Bàn, nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm, còn kinh Bát Nhã thì sau ngày đất nước hòa bình mới nghiên cứu đọc học.

Nay quý Phật tử thưa hỏi, Sư sẽ vì các vị mà trùng tuyên lời Phật dạy.

Thật ra thì pháp Phật có đại, có tiểu, tức tùy căn cơ trình độ của chúng sanh mà Phật thuyết, nhưng trong đó không luận giàu nghèo, sang hèn... hễ ai giác ngộ tu hành, muốn phát huy căn khí đại thừa, trau dồi trí tuệ đại thừa thì tiếp nhận tu tập. Chứ pháp Phật không dành riêng cho ai cả.

Bốn mươi hai lớp nhơn quả của người tu phát tâm lập hạnh đại thừa Bồ tát; thật ra theo Thiên Thai Trí Giả Đại sư và Tịnh Độ tông, thì có “năm mươi hai” lớp nhơn quả tướng, chớ không phải “bốn mươi”, gồm có mười Tín tâm khởi đầu của người đệ tử Phật, phát tâm tu hành. Tiếp đến là mười pháp Trụ, mười pháp Hạnh, mười pháp Hồi Hướng, gọi là Tam Hiền; mười pháp chứng Thánh gọi là Thập Thánh. Ngoài ra còn có hai bậc tu hành có đẳng cấp cao hơn nữa là: Đẳng Giác (Bồ tát) và Diệu Giác (Phật), cộng lại là năm mươi hai.

Lần lượt ngày hôm sau Sư sẽ dẫn giải...

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

Ngày Thứ Ba Mười Chín: Tín Tâm

Sư sẽ giảng giải về Tín Tâm là những hạnh lành gần nhất đối với Phật tử?

Tín tâm, mười tâm, trong các kinh gọi là thập tín tâm, hay thập tâm, cũng gọi là thập tín, tức là mười giai vị đầu tiên trong năm mươi hai giai vị tu hành của Bồ tát; mười tâm thuộc về tín vị, có công năng giúp cho hành giả thành tựu tín hạnh. Tín tâm rất phù hợp với chư liên hữu vừa phát tâm tu hành pháp môn niệm Phật.

Kinh Hiền Thánh Danh Tự, kinh Bồ tát Anh lạc Bản nghiệp có giảng mười thứ tâm như sau:

1/ Tín tâm:

Nhất tâm quyết định, tu hành đạt đến chỗ thành tựu, người tu có một niềm tin vững vàng, một lòng tu hạnh niệm Phật hay thiên định, không mê tín, lầm lạc.

2/ Niệm tâm:

Hành giả tu pháp Lục niệm, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Thân hư huyền, niệm Sự giải thoát...

3/ Tinh tấn tâm:

Siêng năng nghe pháp, nghe giảng kinh Đại thừa, siêng năng tu tập thiệp thiện nghiệp niệm Phật không gián đoạn.

4/ Định tâm:

Tâm an trú vào thiền định, an trú trong chánh niệm, xa lìa tất cả các pháp tà kiến, chỉ tu hành một pháp môn duy nhất mà mình đã quy y, hành giả nhất tâm tu tập, giữ gìn không cho các pháp có tính cách mê tín dị đoan xâm nhập nội tại.

5/ Huệ tâm:

Nghe pháp đại thừa Bồ tát tạng, không nghe pháp tiểu thừa hay các pháp tà kiến có tính cách mê tín dị đoan, thường tu tập tư duy quán sát, biết rõ các pháp là vô ngã, vô nhân các pháp hữu vi như mộng, như huyền, như bào ảnh, như lộ, như điện chớp không thật, tự tính không tịch.

6/ Giới tâm:

Thọ trì luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, hộ trì giới luật Phật, hồng giới đem giới pháp đi vào cuộc đời mà truyền đạt cho những người tín tâm quy y Tam Bảo. Thường xuyên tu tập thân khẩu ý thanh tịnh, không phạm các lỗi lầm lớn nhỏ, nếu có phạm thì năng sám hối trừ diệt.

7/ Hồi hướng tâm:

Hồi hướng các thiện căn đã tu được tiến thú đến Bồ đề, không nguyện sinh vào các thế giới vật chất, có bao nhiêu công đức, phước báo đem hồi hướng khắp pháp giới chúng sanh, không vì riêng mình, bố thí tài sản không phân biệt thân sơ quen lạ, gần xa; luôn hồi hướng cầu tu chứng thực tế, không đắm trước công danh sự nghiệp, các pháp tướng thế gian.

8/ Hộ pháp tâm:

Phòng hộ tâm mình, không khởi phiền não, tu năm hạnh lành: mặc hộ, niệm hộ, trí hộ, thức tâm hộ và tha hộ. Nhìn thấy ai phá pháp, phá giới cần nhắc họ vào đạo, thấy ai hủy hoại Tam Bảo liền phát tâm đứng ra bảo vệ, không tiếc thân mạng.

9/ Xả tâm:

Không tiếc thân mạng, tài sản, những gì có được đều buông xả, trải thân, trải tâm hộ trì Phật pháp.

10/ Nguyện tâm:

Lúc nào cũng tu tập các nguyện thanh tịnh. Làm việc gì đều ích lợi cho Phật Pháp, làm việc Phật Pháp phát nguyện bất thối chuyển, khi giúp ai việc gì, dù tán thân mất mạng cũng không khiếp sợ, không bỏ qua.

Mười tâm trong kinh Hộ Quốc Nhân Vương là: tín tâm, tinh tấn tâm, niệm tâm, huệ tâm, định tâm, thí tâm, giới tâm, hộ tâm, nguyện tâm và hồi hướng tâm.

Mười tâm trong kinh Phạm Võng là: Xả tâm, giới tâm, nhẫn tâm, tấn tâm, định tâm, huệ tâm, nguyện tâm, hộ tâm, hỷ tâm và đành tâm.

Mười tâm trong kinh Lăng Nghiêm là: tín tâm trụ, niệm tâm trụ, tinh tấn tâm trụ, huệ tâm trụ, bất thối tâm trụ, hộ pháp tâm trụ, hồi hướng tâm trụ, giới tâm trụ, nguyện tâm trụ.

Đó là mười giai vị đầu tiên trong năm mươi hai giai vị Bồ tát của đại thừa Biệt giáo. Trong Tịnh độ Non Bồng, Đức tôn sư thường thuyết giảng qua các bài kệ bút nói về niềm tin, tín tâm, đặc biệt là bài “Cái đẹp của người tu”, bài “Xung tấn công đức y bát”, các bài pháp nói về niệm tâm, niệm Phật, niệm Pháp, niệm công đức lành, lập hạnh lành trong lúc tu nhân.

Pháp tu Thập tín là pháp môn thuận lợi nhất và dễ dàng dành cho người tu tại gia hay xuất gia, những người phát tín tâm hộ trì Tam Bảo, tạo thành sức mạnh truyền trì chánh pháp trong các tông phái thiền, luật cũng như tông Tịnh độ và các môn phong pháp phái biệt truyền tại các Thiền viện, Tu viện của nhà Phật.

Pháp tu Thập tín đã có thuyết giảng tại khóa tu Phật thất chùa Pháp Thường (Nhơn Trạch), Quan Âm Tu Viện (Biên Hòa), chùa An Hòa (Thủ Thừa, Long an), và trang website Phatgiaovnn.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bốn Mười: Mười Pháp Trụ

Hôm nay, sẽ giảng về mười pháp trụ?

* Vì để tăng trưởng Phật trí, vì thâm nhập pháp giới, vì khéo bỏ kiếp chúng sanh, vì sở nhập vô ngại, vì sở hành vô thượng, vì được vô đẳng phương tiện, vì hội nhập nhưt thiết trí tánh, vì tất cả pháp, vì biết điều phục tất cả căn thân, vì hay thọ trì, diễn thuyết, đọc nói tất cả pháp trên, vị Chơn Phật tử (Bồ tát) phát tâm tu tập mười pháp Trụ của bậc căn khí Đại thừa để trở thành pháp khí của Phật Pháp. Thập trụ là giáo pháp của các bậc tu hành nương vào để an trụ. Theo kinh Hoa Nghiêm, bản dịch của Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Phật dạy: Chỗ an trụ ấy từ thấp lên cao, được chia ra mười thứ bậc sau đây:

1. Sơ Phát Tâm Trụ:

Lúc đầu mới phát tâm tu tập, vị Bồ tát (Chơn Phật Tử) quán tưởng thân tướng Phật đoan nghiêm xinh đẹp, có oai lực lớn, tứ tướng oai nghi nghiêm túc, thường xuyên quán chiếu túc căn, nhớ lại tiền kiếp; hoặc phát tâm tu hành được bậc Đạo Sư, Thầy Tổ thọ ký thành Phật, nghe Phật thuyết pháp, thấy chúng sanh chịu nhiều khổ đau nên Bồ tát ra tay cứu hộ khiến cho ra khỏi biển khổ.

Bậc tu Bồ tát Sơ phát tâm trụ thường hằng tinh tấn nghe thuyết pháp giảng kinh của Phật mà phát bồ đề tâm, cầu trí biết rõ tất cả pháp tướng thế gian và pháp tánh xuất thế gian, bậc tu này chắc chắn vượt qua khỏi biển sanh tử luân hồi.

Bậc tu Bồ tát Sơ phát tâm trụ luôn an trú trong chánh pháp, phát bồ đề tâm rộng lớn hay giúp người vượt khó, tự mình nghe hiểu chánh pháp mà thực hành chánh pháp, không bị tà kiến lay động chơn tâm.

2. Trì địa trụ:

Chọn điếm tựa để nương náo, bậc Bồ Tát này đối với chúng sanh, phát mười thứ tâm làm lợi ích cho chúng sanh, khởi tâm đại bi thương xót cứu vớt chúng sanh, tâm tánh lúc nào cũng định đạt ổn định, hoan hỷ trước mọi người, tâm tánh an trú trong chánh pháp; lúc nào cũng thường nghĩ nhớ đến mọi người đang đau khổ khởi tâm cứu vớt chúng sanh ra khỏi ái dục, tham sân si, Bồ tát hay thực hành nhiếp thọ chúng sanh ác trở thành hiền lành, dữ hung trở thành hiền hậu, nhiếp thọ chúng sanh xa lìa tà kiến, hướng về chánh pháp, khởi tâm hộ trì chúng sanh tu hành dưới mọi hình thức xuất gia hay tại gia, thị hiện vào đời căn thân thanh tịnh, tốt đẹp, lục căn thông minh lanh lợi, học cao hiểu rộng, xứng đáng là bậc Thầy của Trời Người.

Người phát tâm thọ học các pháp thay thế Phật độ đời (sứ giả Như Lai), khi thành tựu, luôn khởi lòng đại bi thương tưởng chúng sanh, gặp Đức Phật ra đời, quy y Phật tu hành đắc quả từ A la hán đến Bích chi Phật, học hạnh Bồ Tát đại thừa hộ trì chánh pháp Phật, thị hiện thân căn có trí thông minh nghe và hiểu ngay, học một biết mười, bản lĩnh đứng trước số đông quần chúng thuyết giảng, hoặc là thuyết giảng ở quốc gia này hay có thể thuyết giảng ở quốc gia khác, mà không cần mọi người trùng tuyên, thông dịch lại. Bồ tát tu tập như thế, tinh tấn không bao giờ ngừng nghĩ, nêu gương hạnh lành cho tất cả chúng sanh.

3. Tu hành trụ:

Gia công thực hành việc tu tập, bậc Bồ tát (Chơn Phật Tử) phát tâm tu pháp môn quán chiếu thân căn là vô thường, khổ, không, vô ngã. Quán chiếu các pháp không tự có, không đứng yên một chỗ, biết rõ ràng các pháp thế gian là mộng huyễn, bào ảnh, như điện chớp, như sương mai; trong từng sát na thay đổi, đổi mới.

Các pháp thế gian không có cơ sở nhất định, không tồn tại vĩnh hằng, không bền chắc, luôn làm ô nhiễm thân tâm. Bồ tát tu tập quán chiếu như thế trong quá trình thực hành hạnh Phật độ chúng sanh.

Bồ tát Tu hành trụ, nhận thấy thế giới đất nước lửa gió, dục giới, sắc giới, vô sắc giới đều là huyễn hóa, nên không bị nhiễm ô. Trí tuệ liên sanh do mình tu học, phát huy trí vô sư, không do người khác giáo hóa.

4. Sanh quý trụ:

Phát tâm quy hướng chánh pháp, bồ tát phát tâm tu hạnh độ đời, vào đời gặp khó khăn không thôi chuyên, khi muốn giúp chúng sanh nghèo khổ, Bồ tát thị hiện

vào nhà quyền quý cao sang có đủ phương tiện giúp chúng sanh, Bồ tát vì muốn độ chúng sanh giải thoát sanh tử mà sanh vào nhà Phật Pháp phát nguyện tu hành, lập hạnh, lành, giữ giới luật tinh nghiêm để có cơ sở cứu độ chúng sanh, Bồ tát phát tâm tu tuệ học để có phương tiện giúp chúng sanh giải thoát khổ đau phiền não như ý. Khi độ đời Bồ tát có niềm tin vững vàng, biết rõ nghiệp lực của chúng sanh, hóa giải những khó khăn cho chúng sanh giúp họ phục thiện, mau ra khỏi vòng lao lý tù tội, mà đến bến bờ vô vi an lạc.

Bồ tát sanh quý trụ, có đầy đủ lực thông, biết rõ đời quá khứ của mình như thế nào, đời vị lai đi đến đâu, quyết định đến quả vị rốt ráo, không lui sụt. Lúc nào cũng tinh tiến làm Phật sự, có đầy đủ thể lực quyền hạn cứu vớt chúng sanh, che chở chúng sanh khiến họ an lạc.

5. Thế nào là Bồ tát Cụ túc Phương tiện trụ?

Nương theo chánh pháp dùng làm phương tiện mà hành đạo, bồ tát sanh vào thế gian có đủ căn lành, túc căn đầy đủ, có phương tiện khéo làm lợi ích cho mọi người, khi Bồ tát tu hành, dù ở chỗ khắc khổ, vẫn làm lợi lạc cho chúng sanh, giúp chúng sanh thoát khỏi nạn nước lửa, sanh tử luân hồi. Làm cho chúng sanh khởi lòng tin Tam Bảo, an lạc trong thế giới Phật Pháp.

Trong lúc tu, Bồ tát có vô biên phương tiện độ sanh, tâm không bị nhiễm trước, mê lầm, dù ở chung trong quần chúng, nhưng tâm Bồ tát luôn giải thoát, không nhiễm ô vòng tục lụy.

6. Thế nào là Bồ tát Chánh tâm trụ?

Tâm an trụ trong chánh niệm, trong lúc tu hành Bồ tát luôn khởi tâm thanh tịnh tin Phật, tín Pháp, tín Tăng; khi nghe bị chê bai có lời khen đều bất động, không buồn cũng không vui. Thường xuyên quán chiếu pháp giới có thành, trú, hoại, không, sanh, trụ, dị, diệt; vì biết rõ như thế nên tâm hồn vững vàng, không thối chuyển.

Trong lúc tu hành bồ tát xóa bỏ mọi hình tướng, quán chiếu các tướng không sanh không diệt, là bình đẳng, không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mệnh. Quán sát các pháp như mộng huyễn, không thật; nên Bồ tát vào đời như đi trong hư không, chốn không người.

7. Thế nào là Bồ tát Bất thối trụ?

Lòng không thối chuyển, người tu hạnh này tâm chí vững vàng như bức tường thành kiên cố, tâm chí vững vàng như trụ đồng, trong lúc tu hành, cũng như khi muốn giúp đỡ ai điều gì thì kiên quyết thực hiện cho bằng được, có chí quyết định.

Bồ tát thường khởi tâm xuất ly, gặp cảnh khổ trong khi tu hành, dù gặp Phật ra đời hay không gặp Phật, dù bị ngăn ngại trong lúc làm Phật sự, trong lúc tu hành, trong lúc giúp chúng sanh, Bồ tát cũng không thối chuyển. Tâm bồ tát rất cứng như kim cương, không vật nào làm hư bể nổi viên ngọc quý báu nhất trong đời.

8. Thế nào là Bồ tát Đồng chơn trụ?

Thiết thật trong lành, tâm như gương sáng không bị vẩn đục, bồ tát tu hành, luôn giữ thân khẩu ý thanh tịnh, không bị lỗi, không bị sa đà vào ngũ dục, trái lại còn từ trong ngũ dục mà bước ra. Thân miệng ý lúc nào cũng tuôn trào pháp lành khiến cho chúng sanh hoan hỷ, trọn niềm tin. Lúc nào cũng tham cầu học Phật Pháp. Vào nhà chúng sanh, hay tùy theo ý niệm của chúng sanh mà hóa độ như Đức Quán Thế Âm hay thể hiện hạnh lành, trong từng pháp giới không bị trở ngại. Vị Bồ tát đi vào đời, thấy tất cả pháp đều là Phật Pháp, thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, thấy mọi người đều có tánh thiện, nên gần gũi với họ, khiến họ thân thiện, rồi dắt họ vào Phật đạo.

9. Thế nào là Bồ tát Pháp vương tử trụ?

Dũng mãnh phi thường như vua các pháp, bồ tát tu cầu Phật đạo, dù ở bất cứ tình huống nào, cũng không bỏ Phật Pháp, không xa rời chánh pháp, thừa kế chánh pháp, không xa rời Đức Pháp Vương vô thượng, lập hạnh tu hành, ngày đêm tinh tiến thực hành hạnh lễ bái Như Lai, vào nhà Như Lai, tôn kính Như Lai, đánh lễ Như Lai, nói pháp của Như Lai, đánh lễ giáo pháp của Như Lai... nên gọi Pháp vương tử.

10. Quán đảnh trụ:

Quán chiếu nơi đánh đầu phát hiện ra hào quang, bồ tát đi vào đời bằng hạnh nguyện, tức là làm lợi lạc chúng sanh, dù tán thân mất mạng cũng không bỏ chánh pháp, tâm Bồ tát với Phật là một. Luôn uyển chuyển dòng pháp Phật đi vào đời, tùy duyên bất biến, bất biến mà tùy duyên khiến cho mọi người, mọi thời đại đều khởi niềm tin chánh pháp, khiến cho chánh pháp trường tồn trong đời dưới mọi hình thức.

Trên đây là mười pháp mà Bồ tát hay người con Phật an trú tu hành, làm cho ánh hào quang chánh pháp ngày càng trong sáng, muôn vạn chúng sanh nương nhờ. Đem ánh sáng Phật pháp đi đến đâu đều làm cho chúng sanh được an tâm, mở đèn sáng cho chúng sanh tiến đến nơi an trú Niết Bàn.

Đây là giai đoạn thứ nhất trong ba a tăng kỳ kiếp của liên hữu trên đường tu. Mười pháp trụ của Bồ tát an trú trên theo sự giáo hóa của Thiên Thai Trí Giả thì thuộc vào bậc Bồ tát Tam Hiền.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bốn Mười Một: Mười hạnh lành của Bồ tát
Hôm nay nói về những hạnh lành của Bồ Tát?

* Theo kinh Hoa Nghiêm, bản dịch của Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh (PL 2509), Phật dạy: người tu tập trải qua giai đoạn đầu và tiến lên xa hơn nữa trong pháp sáu độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ) và vạn hạnh tức là tu các hạnh khác nhau, trong đó có mười hạnh lành của Bồ tát: một là Hoan hỉ hạnh, hai là Nhiêu ích hạnh, ba là Vô vi nghịch hạnh, bốn là Vô khuất nhiều hạnh, Năm là Vô si loạn hạnh, Sáu là Thiện hiện hạnh, bảy là Vô trước hạnh, tám là Nan đắc hạnh, chín là Thiện pháp hạnh, mười là Chơn thật hạnh.

Từ ngữ Bồ tát trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Chơn Phật tử cũng gọi là người tu theo lý tưởng đại thừa; ở đây chúng ta gọi chung là người tu.

Người tu phát đại tâm học và làm theo hạnh lành của ba đời chư Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) mà tu hành. Thường làm các Phật sự có lợi ích cho đời, tâm trí của người tu không giải đãi, đoạn trừ tất cả phiền não trong quá khứ cũng như hôm nay. Do thường thể hiện hạnh lành nên thường được chư thiên, hộ pháp vãng lai hộ trì, thành tựu các Phật sự thế gian và xuất thế gian. Nhà cửa của người tu theo pháp môn thập hạnh luôn trang nghiêm thanh tịnh, bảo vật luôn xuất hiện trong nhà, những vật dụng quý báu nhất trong đời như kim cương, pha lê, xa cừ, trân châu, mã não (vật dụng quý báu tức là kinh luật luận, trí tuệ, hạnh lành của người tu) là những món đồ trang sức cho tự thân khiến cho thân tướng trang nghiêm rực rỡ.

1. Hoan hỉ hạnh:

Vui vẻ tự nhiên, không có gì vướng bận tâm, người tu vì nhu cầu của mọi tầng lớp chúng sanh, xin thì được, muốn thì cho, nhất là trong nhu cầu cuộc sống, cần có sự tiến hóa đồng bộ, bồ tát phát nguyện giúp đỡ cho chúng sanh được có công ăn việc làm, giúp cho họ thành đạt. Tâm ý của Bồ tát xem tất cả chúng sanh như ruột thịt, thân bằng quyến thuộc; lúc nào cũng thi ân bất cầu báo. Bằng mọi giá Bồ tát làm lợi lạc chúng sanh, mà Bồ Tát phát nguyện học những hạnh lành của chư Phật. Xiển dương các công hạnh lành của chư Phật khiến cho chúng sanh, sanh lòng hoan hỉ, thoát khổ được vui.

Bồ tát tu Hoan hỉ hạnh, làm cho chúng sanh yêu thích mình, có tình cảm với mình, mà không cần phải là bà con quyến thuộc chi cả. Bồ tát thường thể hiện hạnh lành bố thí cho cả thân mình cho chúng sanh đói được no, lạnh được ấm, người cô độc được hạnh phúc, chúng sanh được sở cầu như ý.

2. Nhiêu ích hạnh:

Làm cho nhiều người được lợi ích, như: giữ giới nghiêm túc, không ô nhiễm vật dục; những thức ăn đồ uống thế gian, thể hiện hạnh lành khổ hạnh ăn không cần ngon, mặc không cần đẹp, ngủ không cần ấm, miễn được có phương tiện làm lợi lạc chúng sanh. Trong lúc tu hành, đứng trước những tài sắc danh thực thụ không bị khuấy động, không bị nhiễm ô cả thân tâm. Xem ngũ dục là chướng đạo, sống đời sống toàn là Phật pháp. Chấm dứt những nỗi khổ niềm đau cho chúng sanh, đem giới hạnh lành ban bố cho họ, khiến họ vào chánh pháp. Xóa tan những tín ngưỡng mê tín dị đoan. Bồ tát thường thị hiện giàu sang, đài các, phong lưu,

làm người có nhiều trân bảo, ngọc ngà châu báu để giúp chúng sanh, khiến họ vào Phật đạo, nghiêm túc giữ gìn giới pháp, vui lòng hi sinh vì chánh pháp.

3. Vô vi nghịch hạnh (vô nhuế hạnh):

Không để cho tâm vẫn đục, não loạn, nhẫn nhục khiêm nhường, thường thị hiện vào môi trường gia đình lễ giáo, không làm tổn hại chúng sanh, ân mình giúp chúng sanh khiến cho họ tinh tấn tu hành, thi ân bất cầu báo. Bồ tát trong lúc tu hành không thích khoe khoang, không làm chức việc, không thọ hưởng phước báo. Bồ tát thị hiện thuyết pháp, giúp chúng sanh giác ngộ hướng về Phật Pháp, trong lúc tu hành không tham cầu lợi dưỡng; vì vậy mà khiến cho những người có tâm làm tổn hại thanh danh bồ tát mà vẫn không hại được.

Bồ tát thường tu hạnh an trú chốn tịch tĩnh, nơi thanh vắng vô tịch, điều chế thân căn xa lìa ái dục. Nhập từ bi quán xem mọi người như quyến thuộc. Có tâm hộ trì cho chúng sanh thành đạt trên đường đời, biết quy y Tam Bảo, phát tâm trường chay niệm Phật không thối chuyển.

4. Vô khuất nhiều hạnh (vô tận hạnh):

Bồ tát tâm không cùng tận, không ranh giới, không chướng ngại, khuyến khích chúng sanh tinh tấn làm các việc lành, lánh xa điều ác. Gìn giữ giới luật nghiêm minh, thân khẩu ý thường thanh tịnh. Bồ tát hướng dẫn chúng sanh tu tập biết hổ thẹn bỏ những ác duyên, thể hiện lòng từ tốn, lòng bi nhỏ tất cả gốc khổ, phiền não chúng sanh. Biết chúng sanh hay thích những gì, thường đáp ứng nguyện vọng của họ khiến họ vui lòng mà theo Phật Pháp. Bồ tát vào địa ngục chịu khổ thế cho chúng sanh, diễn dương vi diệu pháp, làm lợi lạc cho Đạo cho Đời, ích nước lợi dân, báo ân quốc vương thủy thổ, cổ xúy tinh thần hộ quốc an dân, khiến cho không còn chiến tranh, mang lại thanh bình trong thiên hạ.

5. Ly si loạn hạnh:

Lìa xa sự si mê ám chướng; Bồ tát tu hạnh thiên định, niệm Phật, giữ chánh niệm, không tác loạn tà tâm, dù phải tán thân mất mạng không làm, không nói điều tà mị mà đến với chúng sanh; Bồ tát tu hạnh thà chịu nghèo khổ, không làm cho chúng sanh đi theo tà kiến, xa rời chánh pháp. Bồ tát tu tập khéo hiểu tất cả ngôn ngữ thế gian, làm thầy giáo giúp chúng sanh không còn dốt nát. Trong quá trình tu tập thiên định, thường quán chiếu thân là giả tạm, không mê loạn sắc pháp nhục dục, ra khỏi sanh tử luân hồi. Bồ tát siêng năng tinh tấn thuyết pháp ban bố pháp lành giúp chúng sanh xa lìa vô minh căn bản, tự tại vô ngại. Vì muốn chấm dứt mê lầm của chúng sanh mà nói pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, giúp cho ra khỏi những pháp tà kiến, như: ngòi đồng, ngòi ghé, bói khoa xú quỷ, lịch số tướng trạng, soi căn, xin phép làm ăn, dẫn dắt chúng sanh vào thế giới li mị vọng lượng (không thật), đoán mò vận mạng chúng sanh, làm cho họ mất bồ đề tâm không thấy được chánh pháp.

6. Thiện hiện hạnh:

Bồ tát chuyên tu hạnh nghĩ và làm các việc thiện; điều phục tam nghiệp thanh tịnh, phát hết các tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng; thị hiện an trú trong chánh vị chơn như pháp tánh, hóa giải nghiệp báo chúng sanh, giúp cho mọi người ra khỏi những khổ đau do thân, khẩu, ý nghiệp gây nên. Thị hiện điềm lành, cát tường đến với chúng sanh, khiến họ vui vẻ mà tâm sư học đạo. Giúp cho chúng sanh tu hành đúng tông chỉ, có lập trường, biết rõ các tướng là phi tướng, các tướng là rỗng không, là huyền hóa, không tự tánh, là duyên hợp huyền có, nên không còn ô nhiễm, ra khỏi sanh tử khổ đau.

7. Vô trước hạnh:

Tu hạnh không tham lam trước mọi vật, không đắm nhiễm, dùng tâm vô trước, chánh niệm mà hội nhập vô số thế giới, đi vào đời mà không nhiễm ô cuộc đời, từ đó mà Bồ tát rảnh thân, rảnh tâm giúp cho mọi người có đời sống ổn định hạnh phúc. Bồ tát tu hạnh lễ bái cúng dường vật thực, tài vật, báu vật cho Phật pháp, như cúng dường kinh điển, tu các hạnh lành của Phật, nhiếp thọ chúng sanh, khiến họ ra khỏi có chấp mê lầm.

8. Nan đắc hạnh (tôn trọng hạnh):

Bồ tát thành tựu căn lành khó được, làm những việc khó làm, nhẫn việc khó nhẫn, tu pháp khó tu, độ người khó độ; giúp cho chúng sanh tu hạnh nhẫn nại, thường xuyên nghe thuyết pháp, tham dự pháp hội, làm tòa cho Phật ngồi thuyết pháp. Thị hiện có oai đức lớn, có thế lực để có phương tiện mà giúp người thoát cảnh nạn tai. Bồ tát an trụ hạnh nan đắc, ở trong mỗi niệm có thể chuyển hóa vô số kiếp sanh tử mà chẳng bỏ đại nguyện. Bồ tát không trú Niết Bàn, cũng không ở bên bờ sanh tử, thế độ chúng sanh khiến cho họ đến nơi an lạc.

9. Thiện pháp hạnh:

Có đủ các pháp lành để trợ lực cho chúng sanh; hộ trì Tam bảo, nhiếp thọ chúng sanh; làm chỗ dựa cho chúng sanh. Thường thị hiện nói pháp biện tài vô ngại, thị hiện người thông thái, học cao hiểu rộng mà nói pháp lành cho chúng sanh, giúp họ sanh trí tuệ, hoan hỷ phát tâm bồ đề hộ pháp cho đạo Phật tỏ sáng. Bồ tát thường khởi tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả hiện ra những hạnh lành chu biến khắp pháp giới khiến cho chúng sanh khởi lòng tin. Tùy theo sở thích của chúng sanh mà dùng tướng lưới rộng dài khen ngợi chánh pháp. Giải đáp những thắc mắc của chúng sanh, giúp họ không còn nghi ngờ, lầm lạc mà vào Phật đạo.

10. Chân thật hạnh:

Lòng ngay thẳng, tánh cương trực, dùng lời nói chắc thật, học tập lời chân thật từ ba đời chư Phật, nhập chủng tánh, đồng thiện căn với chư Phật; thân Phật, khẩu Phật, ý Phật, nói Phật, làm Phật đi đứng nằm ngồi đều là Phật.

Nơi chốn đông người hay vắng vẻ, Bồ tát tu hành hạnh Phật không chút do dự, nói là làm, nói lời thật, không tà mị, hướng dẫn chúng sanh không đem những ý tưởng tà vạy vào Tam bảo. Dù tán thân mất mạng, nhưng Bồ tát vẫn không tiếp nhận những chúng sanh tin theo tà kiến ngoại đạo, không tin Tam bảo; giữ gìn

hạnh Phật thà chịu nghèo mà không truyền bá những pháp mê tín dị đoan. Bồ tát thà có một người đệ tử, mà người đó biết học Phật, gần gũi Bồ tát, biết kính trọng Tăng Sư, chứ không nhận nhiều đệ tử mà không các tiêu chuẩn trên.

Bậc Bồ tát tu theo pháp vạn hạnh để hoàn thành đạo nghiệp và đặc biệt chú trọng tới mười hạnh căn bản trên đây mà đạt đến chân lý. Trong mười hạnh có thể chia ra thành hai bậc: thấp và cao. Từ hạnh hoan hỷ đến hạnh thiện hiện, do nơi tự tâm người tu phát sanh và chỉ cần sự gia công tu tập là có thể đạt được; trong khi đó các hạnh không tham đắm trước mọi vật, lòng tôn kính, thực hiện các pháp lành và tánh ngay thật cần đòi hỏi có một thời gian công phu. Đây là một bước quan trọng trong suốt hành trình tiến vào đường đạo rất khó khăn và trở ngại; nếu không thận trọng rất dễ bị thôi chí nản lòng; nên cần thiết có sự cương quyết, dũng mãnh để chiến thắng những cam bẫy từ bên trong tâm thức cho tới bên ngoài cảnh vật. Khi thực hành trọn đủ mười hạnh như vậy, bậc Bồ tát đã có một tâm niệm không thoái chuyển để tiến lên được xa hơn trong các bậc thang kế tiếp của đạo giải thoát. Chư vị Phật tử có chỗ nào cảm thấy phù hợp với tâm tu hành của mình thì tiếp nhận, áp dụng vào đời sống thực tại mà sống vui.

Mười hạnh lành của Bồ tát tu hành trên theo sự giáo hóa của Ngài Thiên Thai Trí Giả thì thuộc vào một trong các bậc Tam Hiền.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bốn Mươi Hai: Pháp tu Hồi hướng

Bạch Sư! Xin Sư giảng cho chúng con được hiểu về pháp tu hạnh Hồi hướng?

* Một là cứu hộ tất cả chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng - Hai là Bất hoại hồi hướng - Ba là Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng - Bốn là Chí nhưt thiết xứ hồi hướng - Năm là Vô tận công đức tạng hồi hướng - Sáu là Nhập nhưt thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng - Bảy là Đẳng nhưt thiết chúng sanh hồi hướng - Tám là Chơn như tướng hồi hướng - Chín là Vô phược vô trước giải thoát hồi hướng - Mười là nhập pháp giới vô lượng hồi hướng.

Mười pháp Hồi hướng trên là của Bồ tát trong quá trình tu hành, năng tác Phật sự, sau khi thực hiện thành tựu Phật sự nguyện hồi hướng công đức về khắp pháp giới chúng sanh trong mười phương. Trong quá trình tu hành người tu Phật không quên chúng sanh, luôn chia sẻ công đức lành cho chúng sanh, cho mọi người được an lạc, trên đền đáp ân Cha Mẹ, ân Tổ Thầy, ân Quốc vương (Chủ tịch nước), ân xã hội đồng bào dưới nguyện giúp đỡ mọi người ra khỏi bể khổ sông mê. Sức thanh tịnh của Bồ tát có được bao nhiêu đều chia sẻ cho chúng sanh được an

lạc; chúng sanh bị bức hiếp, đánh đập, Bồ tát ra tay cứu vớt, chúng sanh đói khổ Bồ tát ra tay chẩn bần, khiến cho thoát kiếp họa nạn. Chúng sanh đắm chìm trong sanh tử luân hồi, Bồ tát thị hiện thần lực dùng vô lượng pháp môn nói rộng các pháp trợ đạo, phát đại nguyện, nói pháp chơn thật nghĩa, nói Pháp Hoan hỉ, gần gũi chúng sanh, giúp cho thấy ánh sáng mà bước ra khỏi sanh tử. Vì muốn cho chúng sanh được lợi lạc, nên Bồ tát tu hạnh hồi hướng thật rộng rãi, để có phương tiện mà cứu giúp.

Muối pháp hồi hướng là muối việc lợi lành hướng về tất cả muôn loài để chia sót bớt phước báo và cùng nhau hướng đến Phật quả.

1/ Cứu hộ chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng:

Ra ân giúp đỡ cho chúng sanh, nhưng không vì đó mà chấp trước việc cứu giúp, giúp người mà không cần biết người mình cứu giúp, thi ân bất cầu báo. Bồ tát phát nguyện tu hành pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Khởi tâm đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả, tu vô lượng căn lành. Nguyện những pháp lành có được sẽ làm lợi ích cho chúng sanh và mọi người, giúp cho người tu đến nơi thanh tịnh rốt ráo, xa lìa khổ não trong chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... mà an trú Niết Bàn. Cứu độ chúng sanh nhiều như thế mà Bồ tát không thấy có chúng sanh nào để độ thoát.

2/ Bất hoại hồi hướng:

Không có một thế lực hay sức mạnh nào phá nổi, cản trở Bồ tát, làm cho thối chí nản lòng khi đã hứa giúp đỡ cho chúng sanh. Bồ tát tu hạnh phụng thờ ba đời chư Phật, có đầy đủ niềm tin với tất cả pháp, thệ nguyện tu hành các hạnh lành của Bồ tát như từ, bi, hỉ, xả, trong lúc thực hành không hề biếng trễ. Bồ tát tu hạnh tin tưởng sâu sắc đối với những người tuyên dương chánh pháp, những phương tiện thiện xảo của Bồ tát, tu hành vô lượng công hạnh, phát huy những hạnh lành, phát tâm rộng lớn giúp chúng sanh thành tựu Phật đạo. Mặc dù chúng sanh có chê bay những lòng tốt của Bồ tát, nhưng vì lợi lạc chúng sanh mà Bồ tát giữ vững công hạnh không lui sụt, khiến cho chúng sanh an lạc.

3/ Đẳng nhứt thiết Phật hồi hướng:

Do lòng từ bi rộng lớn như chư Phật xin nguyện cứu giúp tất cả chúng sanh. Bồ tát tu hạnh tùy thuận học đạo của ba đời chư Phật, Bồ tát trên vì tất cả chư Phật, Bồ tát, Bích chi Phật, dưới vì chúng sanh lục đạo tam đồ. Trên làm cho chư Phật vui lòng, thứ đến tìm cách làm cho chúng sanh thoát khổ được vui, vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

4/ Chí nhứt thiết xứ hồi hướng:

Bồ tát hoàn thành mọi việc, giúp đỡ cho muôn loài. Bồ tát tu tập tất cả hạnh lành, sau khi thành tựu đem tất cả hạnh lành ấy hồi hướng khắp nơi trong mười phương, cúng dường công đức lành đến chư Phật. Thường thị hiện những thân thông biến hóa, luân chuyển các thế giới khổ đau thành thế giới an lạc. Giúp ích

nhiều phương tiện cho chúng sanh tu hành, đem những công hạnh lành ấy mà cúng dường chư Phật.

5/ Vô tận công đức tạng hồi hướng:

Bồ tát tu hành, làm công tác Phật sự, có bao nhiêu hạnh lành, có bao nhiêu công đức nguyện đem chia sẻ cho tất cả chúng sanh. Trong lúc tu hành Bồ tát tùy thuận vô tận thiện căn, đem đến những công việc Phật sự mà mình đã biết, đã làm chia sẻ hướng dẫn cho mọi người, làm cho mọi người đều được lợi lạc. Trong quá trình tu hành, Bồ tát thường nguyện sám hối nghiệp chướng, sám hối cho mình và sám hối thế chúng sanh (chư Tăng Ni Tịnh Độ Non Bồng đã tu pháp này từ những năm 1960 đến năm 1965, lúc bấy giờ gọi là sám hối “ba trắng”, ba tháng), thường xuyên đi lễ Phật, thỉnh đức Phật ở lại đời, nghe Phật chuyên pháp luân ở đâu đều đến đó để hộ pháp, hậu pháp. Tùy hỷ các căn lành, thường trích phần công đức của Phật pháp đem ban bố lại cho chúng sanh khiến cho được ân huệ của Phật.

6/ Tùy thuận kiên cố nhưt thiết thiện căn hồi hướng:

Tất cả những căn lành vững bền Bồ tát có được, đều tùy theo đó mà cứu giúp chúng sanh.

Hồi hướng tất cả thiện căn, giúp chúng sanh được Phật che chở hộ trì, thành tựu tất cả thiện căn kiên cố. Bồ tát tu hành đạt nhiều pháp lành, rồi lại đem những công đức trang nghiêm đó mà trang nghiêm cho chúng sanh. Bồ tát tu hạnh có thể lực, có oai danh lớn, tất cả những hiệu lệnh ban ra đều được mọi người làm theo, mọi người nghe theo, không chống trái.

Ngày xưa như vua A Dục là vị Hoàng Đế một đại quốc, nhưng cũng là vị Phật tử thọ học Bồ tát hạnh để trị quốc chấn dân. Vào thế kỷ thứ mười, các vua chúa thuộc các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, các chúa Nguyễn của Việt Nam đều quy y Phật, làm nhà sư, thiền sư, đại sư, áp dụng giáo pháp Phật đưa vào đời sống bình thường mà làm cho nước non thái bình thịnh trị, nhân dân an cư lạc nghiệp kéo dài trên 600 năm. Năm 1949 sau khi được Anh trao trả độc lập, Thủ tướng Nerhu dùng giáo lý Phật đà mà lãnh đạo toàn dân, làm cho một đất nước động dân thứ hai thế giới mà sống theo chế độ dân chủ bình đẳng, xóa tan các giai cấp trong quá khứ.

Ngày nay các quốc gia quốc giáo Phật giáo còn tồn tại và vẫn tiếp nhận những giáo pháp quan trọng mà Phật từng ban hành để giúp cho xứ sở đó được hòa bình văn minh. Bồ tát thị hiện làm quan ban hành những pháp thiện đến với các địa phương, họ học tập và làm lành lánh dữ, khiến cho họ không làm sai quấy, nên không có những hình phạt nhân dân như thế gian. Những hình ảnh này ngày nay còn tồn tại trên các quốc gia dân chủ, vương quốc Thái Lan, Ấn Độ (giai cấp nô lệ thứ tư được ứng cử dân biểu từ năm 1949; khi Thủ tướng Nerhu chấp chánh, Ngài tuyên bố sẽ đem giáo pháp từ bi bình đẳng của giáo lý Đạo Phật mà đối xử với nhân dân), Lào, Campuchia, Tích Lan, Bu-tan, Si-kim, Tây tạng và Việt Nam ngày nay...Bồ tát thường xuyên dùng thế lực của mình bảo vệ nước, bảo vệ dân, xuất

của kho đem tài sản bố thí gạo, tiền, y phục, vật dụng, thuốc thang cho người nghèo, người cô độc, người bệnh, người tàn phế ủy lạo cho họ được vui lòng.

7/ Tùy thuận đẳng quán nhưt thiết chúng sanh:

Bồ tát tu hạnh đem tâm đối xử bình đẳng với tất cả chúng sanh, giúp họ hòa nhập sống chung trong cộng đồng, lợi quyền bình đẳng. Bồ tát luôn làm cho mình tăng trưởng thiện căn, để có cơ sở hồi hướng cho tất cả mọi người. Ngày nay Tăng Ni, Phật tử chúng ta nên hướng về với những người dân tộc, thực hiện những công hạnh bố thí, ủy lạo, chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao đời sống có giá trị đạo đức xã hội, đạo đức tâm linh cho họ, nâng cao tinh thần yêu nước, giúp cho họ có cuộc sống bình đẳng với người kinh. Bồ tát luôn giúp cho chúng sanh có cơ sở bỏ ác về thiện, chúng sanh biết phát huy tánh thiện, gìn giữ pháp thiện, dù là pháp thiện nhỏ cũng đều được tôn trọng cung kính tiếp nhận, tu hành đạt hiệu quả đến nơi an lạc, giải thoát.

8/ Chơn như tướng hồi hướng:

Bồ tát hay người tu Phật quay về với tánh thật của mình. Thuận theo những việc làm thực tế của mình, đem tâm chân thật mà hồi hướng thiện căn cho chúng sanh. Bồ tát tu hành giữ chánh niệm, tâm vững chắc xa rời mê lầm. Tâm cầu đại thừa, dũng mãnh, siêng năng tu tập pháp lành, khuyến khích không làm việc ác; nuôi lớn lòng đại bi, thường hộ trì Tam Bảo, thành tựu vô lượng pháp tu, làm bậc Thầy mô phạm của mọi người. Đưa chúng sanh ra khỏi những mê vọng tà kiến.

9/ Vô phục, vô trước giải thoát hồi hướng:

Đối với tất cả pháp không chấp trước, tu hạnh không dính mắc, thị hiện giải thoát rốt ráo, xa lìa vật chất, thực hiện lối sống rảnh rang, dành những căn lành hướng về mọi người, tu tập mười hạnh Phổ Hiền làm phương tiện gần gũi chúng sanh, xiển dương những công đức lành, làm lợi lạc trời người.

10/ Pháp giới vô lượng hồi hướng:

Tu tập vô lượng pháp lành, khi được lợi lộc, không sử dụng riêng cho mình, mà chia sẻ cho mọi người, thường phát nguyện hồi hướng vô lượng công đức đến khắp pháp giới chúng sanh. Bồ tát phát nguyện khi đến với mọi người không phân biệt kẻ quen người thân, đến với mọi người bình đẳng, giúp cho họ thỏa nguyện. Hồi hướng là dùng tâm đại từ đại bi cứu độ tất cả muôn loài. Thập hồi hướng thuộc về giải thoát trụ trong mười ba trụ, tư lương vị trong năm vị, mười gia vị trong tam hiền, đạo chủng tính trong sáu chủng tính.

Trong những năm khai đạo (1960, 1961) Đức tôn sư thường dạy chư Tăng Ni đang tu học vùng non lãnh: "...Hãy trở về với sự thật của chính mình, chơn thật bất hư, ăn thật, nói thật, làm thật, như thế mới giúp cho mọi người có hiệu quả...."

Ở ngày thứ ba mươi chín nói về Thập tín, mười đức tin ban đầu của Bồ tát Sơ phát bồ đề tâm, Tân phát ý vừa tu hành vừa giúp đỡ chúng sanh. Theo Tịnh độ tông, chư liên hữu rất tín tâm về mười hạnh lành này, các vị thường học thuộc lòng

để giữ gìn không cho lui mất giống Phật mà tu tập, như: các hạnh lành giới tâm, nguyện tâm, hộ pháp tâm... các vị luôn thực hiện trong pháp tu của mình...

Theo giáo pháp của Ngài Thiên Thai Trí Giả thì từ ngày thứ bốn mươi đến ngày thứ bốn mươi hai, nói về pháp tu của Bồ tát Tam Hiền, tức Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng.

Tam Hiền tức là vị bồ tát tu hành chưa đạt đến rốt ráo nên chỉ gọi là “Hiền”; bậc Tam Hiền khi độ chúng sanh Bồ tát thường dùng nhiều phương tiện độ đời, nên gọi là Bồ tát “quyền thừa”, có đẳng cấp tu hành nhưng trình độ tu chứng chưa đạt đến công viên quả mãn.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bốn Mười Ba: Mười quả vị Thánh xuất thế gian

Hôm nay chúng ta tìm hiểu về bài pháp mười quả vị thánh xuất thế gian?

Thập Thánh, trong Kinh Hoa Nghiêm cũng gọi là Thập Địa; mười quả tu bậc Thánh xuất thế gian, rốt ráo đắc đạo, gọi là Nhứt Sanh Bồ Xứ, tức chỉ còn chờ Đức Như Lai giáng trần thọ ký bổ nhiệm làm Phật sự khắp nơi trong mười phương. Đây là mười quả vị tu chứng của Bồ Tát, có hệ thống khác nhau, theo Tịnh độ tông thì gọi là Thập Thánh, nhưng theo Bồ tát địa, và Thập địa kinh, hoặc do ngài Long Thọ giảng trong kinh Hoa Nghiêm thì gọi Thập Địa gồm: Hoan hỉ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diễm huệ địa, Cực nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiên huệ địa, Pháp vân địa.

1/ Hoan hỉ địa:

Đắc quả này, Bồ tát rất hoan hỉ trên đường giác ngộ. Bồ tát đã phát bồ đề tâm và thệ nguyện cứu độ tất cả các chúng sanh thoát khỏi luân hồi, không còn nghĩ tới mình, Bồ tát không cầu phước báo và chứng được tính vô ngã của tất cả các pháp.

Cũng gọi Tịnh tâm địa, Thánh địa, Vô ngã địa, Chứng địa, Kiến địa, Kham Nhẫn địa... Là vị trí của Bồ tát mới chứng quả thành bậc Thánh, liền sanh tâm hoan hỉ, cứu giúp chúng sanh thoát khổ được vui có hiệu quả nên sanh tâm hoan hỉ.

2/ Ly cấu địa:

Bồ tát tu hạnh giữ gìn giới pháp và siêng năng tu thiền định, niệm Phật. Cũng gọi Cụ giới địa, Tăng thượng giới địa; là vị trí của Bồ tát tu hành, không còn những ý nghĩ sai lầm giữ giới luật tinh nghiêm, suy nghĩ sai trong Phật Pháp, suy nghĩ sai về thế gian, không phá giới, không còn cấu uế phiền não ái dục, tham sân si. Làm lợi lạc cho chúng sanh giúp họ giải thoát trọn vẹn.

3/ Phát Quang địa (Minh địa):

Bồ tát chứng được quy luật vô thường, tu trì tâm nhẫn nhục khi gặp chướng ngại trong việc cứu độ chúng sanh. Để đạt đến trình độ cao cấp này, Bồ tát phải diệt trừ ba độc là tham sân si, thực hiện được bốn cấp định an chỉ của bốn xứ (thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã) và chứng đạt năm thành phần trong lục thông (thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, thân túc, túc mạng).

Vị trí tu pháp này nhờ đạt đại định mà được ánh sáng trí tuệ, tu hành và hiển bày pháp tam huệ văn tự tu khiến cho chơn lý ngày càng sáng tỏ trong thế gian.

4/ Diệt huệ địa (Diệt địa):

Bồ tát tu hành đạt đến chỗ đốt hết tất cả những quan điểm sai lầm, tu tập trí tuệ và ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Là giai vị Bồ tát đã liả bỏ kiến giải phân biệt của các hạnh Hoan hỷ, Ly cấu, Minh địa dùng lửa trí tuệ thiêu đốt cũi phiền não, nhờ đó mà ngộ được bản thể trí tuệ, giúp mọi người và chúng sanh thoát vòng mê muội và thú hướng Niết Bàn.

5/ Nan thắng địa (Cực nan thắng địa):

Bồ tát tu hành nhập định, đạt đại trí tuệ, nhờ đó liễu ngộ pháp tứ diệu đế rõ ràng hơn nữa và bản thể chơn như thế nào, diệt trừ những nghi ngờ và tâm phân biệt năng sở, bồ tát tiếp tục tu hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Bồ tát tu hành đạt được chánh trí (thấy tánh), nên không còn pháp nào để tu nữa, làm những việc khó làm, vượt qua những việc khó qua. Giác vị này, đạt được trí tuệ xuất thế gian, nương vào năng lực phương tiện tự tại mà cứu độ những chúng sanh khó độ.

6/ Hiện tiền địa:

Bồ tát liễu ngộ mọi pháp vô ngã, ngộ lí mười hai nhơn duyên và chuyển hóa trí phân biệt, thành trí bát nhã, nhận thức tính không. Trong pháp này, Bồ tát đạt đến trí tuệ giác ngộ thanh tịnh đi vào đời hoặc nhập Niết Bàn không chướng ngại nên gọi Niết Bàn là thường trụ. Vì lòng từ bi đối với chúng sanh, Bồ tát thường trú trong thế gian, nhưng không bị sinh tử ràng buộc, gọi là Niết Bàn vô trụ (vô trụ xứ Niết Bàn)

Bồ tát tu hành pháp bát nhã ba la mật, hiện tiền sanh khởi đại trí, phát đại tâm tiếp dẫn chúng sanh như hạnh tu của ngài Pháp Tạng tỳ kheo trong kinh Vô Lượng Thọ. Đưa đón chúng sanh vào Phật đạo, trong kinh Hoa Nghiêm có dẫn: "Bồ tát vì chúng sanh mà làm cầu đồ" là như vậy. Giúp chúng sanh từ vị trí tà kiến, mê lầm tiến đến giác lộ Niết Bàn thực thụ.

7/ Viên hành địa:

Đạt đến cảnh giới này, Bồ tát đầy đủ khả năng, có mọi phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Đây là giai đoạn mà Bồ tát tùy ý xuất hiện trong một dạng bất kì hình tướng chúng sanh nào.

Cũng gọi phương tiện cụ túc địa, Vô tướng phương tiện địa, Hữu hành hữu khai phát vô tướng trụ. Bồ tát tu hạnh vô tướng, tâm xa liả thế gian. Bồ tát đạt đến chỗ trên không còn gì để cầu đạo, dưới không còn có chúng sanh để cứu độ; bồ tát

tu đạt lý vô tướng tịch diệt. Thường được chư Phật trong mười phương dùng pháp khuyến khích tinh tấn, phát dũng khí tu hành, để tiến lên đệ bát địa, đó gọi là thất chuyên.

8/ Bát động địa:

Trong giai đoạn này, không còn bất kỳ cảnh ngộ gì làm Bồ tát dao động. Công phu tu tập được thực hiện một cách vô ngại. Theo kinh Giải Thâm Mật thì những phiền não vi tế nhất cũng bị diệt trừ ở đây.

Cũng gọi là Sắc tự tại địa, quyết định địa, vô hành vô khai phát vô tướng trụ, tịch diệt, Tịnh địa. Là địa vị tu hành không ngừng sinh khởi trí tuệ vô tướng, tuyệt đối không bị phiền não làm lay động.

9/ Thiện huệ địa:

Cũng gọi Tâm tự tại địa, quyết định hành địa, vô ngại trụ) Trí tuệ Bồ tát viên mãn, đạt đến mười lực, lục thông, bốn tự tin, tám giải thoát. Biết rõ mọi cơ sở giáo pháp và giảng dạy giáo pháp, phát huy giáo pháp Phật trong khắp mười phương.

Bồ tát dùng năng lực vô ngại để thuyết pháp, hoàn thành hạnh lợi tha, là giác vị mà tác dụng trí tuệ được tự tại.

10/ Pháp vân địa:

Cũng gọi cứu cánh địa, tối thượng trụ. Bồ tát đạt nhất thiết trí, đại hạnh, pháp thân của Bồ tát đã đạt tới mức viên mãn. Bồ tát ngự trên tòa sen với vô số Bồ tát xung quanh trong cung trời Đâu xuất. Quả của Bồ tát đã được chư Phật ấn chứng. Những Bồ tát đạt đến cấp độ này, như Văn thù sư lợi, Phổ Hiền Bồ Tát...

Mười địa trên còn có pháp tu thứ lớp trong mười ba la mật là: thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, phương tiện, nguyện, lực, trí ba la mật. Nhờ đó mỗi địa đều trừ được mười trọng chướng cũng gọi là Di sinh tính chướng: tà hạnh, ám độn, vi tế, phiền não, nhập tiêu Niết Bàn, thô tướng, tứ tướng niệm hành, vô tướng trung tác gia hành chướng, lợi tha môn trung bất dục hành chướng, u chư pháp trung vị đắc tự tại chướng.

Bồ tát thập địa tu hành dứt được phiền não chướng và sở tri chướng mà chứng quả Niết Bàn. Bồ tát từ sơ địa đến thất địa, tâm hữu lậu và vô lậu xem tạp lẫn nhau, nên có chia làm phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử. Hàng Bồ tát từ bát địa trở lên chỉ có tâm vô lậu nên thuộc về biến dịch sanh tử.

Theo Tịnh độ chân tông, thì cho rằng nếu hành giả đạt đến tín tâm tha lực thì nhất định sẽ thành Phật, bấy giờ trong tâm tràn ngập hoan hỷ nên gọi là hoan hỷ địa. Trong Tịnh độ luận của ngài Thế Thân, vì cứu độ chúng sanh nên Bồ tát thị hiện đủ hình tướng, đẳng cấp này gọi là Giáo hóa địa. Vãng sanh luận của Ngài Đàm Loan cho rằng Giáo hóa địa là địa vị Bồ tát từ Bát địa trở lên. Tức là Bồ tát khi độ đời phải phát nguyện, khi về Tịnh độ thành Phật rồi phát nguyện “hoàn tướng” mà trở lại cõi mê để độ sanh

Như trên đã nói, năm mươi hai lớp nhơn quả tương tức là Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hướng, Thập địa, Đẳng giác (Bồ tát), Diệu Giác (Phật); trong đó

Thập tín là quả vị đầu tiên của Bồ tát Sơ phát tâm, Tân phát ý, tuy có đẳng cấp tu hành nhưng trình độ tu chứng còn thấp, chỉ có niềm tin, tín tâm mà vào Phật đạo; còn Thập trụ, Thập hạnh, Thập hướng gọi là “Tam Hiền”, tức là bậc tu hành có đẳng cấp trình độ tu chứng nhưng chưa đạt đến giai đoạn công viên quả mãn.

Thập địa là bậc tu hành tu chứng có đẳng cấp, sắp đến nơi công viên quả mãn, gọi là Thập thánh. Tu hành đặc đạo rốt ráo thì gọi là “Thánh”, bậc Thập Thánh có thể thị hiện nhiều thân như Di Lặc Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Dược Sư Bồ Tát, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí... đi trong thế giới ta bà độ sanh mà không vướng mắc trần lao.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bốn Mười Bốn: Đẳng giác (Bồ tát)

Chúng ta tiếp tục học về lớp nhơn quả tướng thứ năm mươi một, tức là Đẳng giác Bồ tát?

Bồ tát là từ viết tắt của từ ngữ Bồ đề Tát đỏa, dịch là Giác hữu tình, hoặc Đại sĩ.

Theo Phật giáo đại thừa, Bồ tát là một hành giả, sau khi hành trì các pháp Ba la mật, thành tựu Phật quả, nhưng nguyện không nhập Niết Bàn, khi chúng sanh chưa giác ngộ, như hạnh nguyện của Bồ tát: "Chúng sanh độ tận phương chứng bồ đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật...", lời nguyện của Tôn giả An nan "như như chúng sanh vị thành Phật, chung bất u thử thủ nê hoàn...".

Yếu tố cơ bản của Bồ tát là lòng từ bi đi song song với trí tuệ. Chư Bồ tát thường cứu độ chúng sanh và sẵn sàng thọ lãnh tất cả mọi đau khổ của chúng sanh, cũng như hồi hướng phước đức của mình cho kẻ khác. Con đường tu hành của Bồ tát bắt đầu bằng luyện tâm Bồ đề và giữ gìn Bồ tát hạnh nguyện. Hành trình tu học của Bồ tát theo kinh Hoa Nghiêm thì có năm mươi hai quả vị như đã nói ở trên. Người đệ tử Đức Phật khi phát tâm tu tất cả đều phải trải qua năm mươi hai lớp quả tướng ấy thì mới viên mãn đạo hạnh và thành Phật.

Đẳng giác Bồ tát là đẳng cấp cao của người tu Phật, cũng là tôn hiệu của Phật, chỉ cho sự giác ngộ bình đẳng chân chính, tức giác ngộ chân lý hoàn toàn. Theo Vãng sanh luận: "Vì các pháp bình đẳng, nên các Đức Như Lai bình đẳng, do đó chư Phật được gọi là Đẳng giác..."

Đẳng giác cũng gọi là đẳng chính giác, Hữu thượng sĩ, Như sanh bồ xứ... giai vị cùng tột của người tu hạnh Bồ tát sau khi trải qua ba a tăng kỳ kiếp. Hàng bồ tát Biệt giáo đoạn mười một phẩm vô minh, Bồ tát viên giáo đoạn bốn mươi

một phẩm vô minh sắp lên quả Phật Diệu giác. Trí tuệ và công đức của Đẳng giác gần giống như Diệu giác, nên gọi là “Đẳng giác”.

Theo Tịnh độ chân tông ở Nhật Bản thì: “Người có tín tâm đối với tha lực, đạt được giai vị này ở hiện đời, cho nên so sánh tín tâm này với Đẳng giác Kim Cang tâm của Phật”

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bốn Mươi Lăm: Diệu Giác (Phật)

Chúng ta tiếp tục học về quả vị thứ năm mươi hai là Diệu giác?

Giai vị Diệu giác cũng chính là quả vị Phật, người tu đạt đến sự giác ngộ mâu nhiệm, giác ngộ chơn lý lấy mình.

Chúng ta đã từng hiểu Phật còn gọi là Phật đà, người miền Bắc, người Việt Nam ở nước ngoài dịch sách Phật xưa gọi là Bụt, ngôn ngữ Tàu dịch là Giác giả, ngôn ngữ Việt Nam chúng ta gọi là Người giác ngộ.

Mặc khác, trong sách Phật, còn giải nghĩa ngôn ngữ Phật là một bậc giác ngộ, mà sự giác ngộ đó được giảng thành đẳng: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, có đầy đủ lòng từ bi, hỉ xả, có đủ kiến giải tam minh, lục thông, giải thoát sanh tử cho chính mình và cho tất cả chúng sanh trong mười phương. Giáo lý của nhà Phật khẳng định: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, trong khi đó Đức Phật Thích Ca là Phật đã thành, mọi người đều có khả năng thành Phật và sẽ thành Phật trong tương lai”.

Nói sao cho hết nghĩa, đúng nghĩa về đẳng giác ngộ của Đạo Phật chúng ta. Nói đến đức Phật thì các phái ngoại đạo từ xưa đến nay hoàn toàn bó tay, không lý giải sao cho hết nghĩa ngôn ngữ Phật, vì giáo lý nhà Phật lý giải ngôn ngữ Phật, nói rằng: trong mọi người, mọi chúng sanh đều có tánh Phật này.

Gọi là Diệu giác tức là chánh đẳng chánh giác, không thừa nào trên được Phật quả này vậy.

Hai thừa Thinh văn, Duyên giác chỉ giác ngộ lấy mình, không có công lao giác ngộ kẻ khác. Bồ tát giác ngộ lấy mình, giác ngộ cho kẻ khác, song chưa công viên quả mãn, duy chỉ có Phật mới đầy đủ sự giác ngộ chính mình và giác ngộ cho chúng sanh không thể suy nghĩ bàn bạc được nên gọi Diệu giác là Phật, là Đại giác Thế tôn cũng gọi là Giác hạnh viên mãn.

Diệu giác chính là giai vị cuối cùng trong quá trình tu hành của Bồ tát đại thừa, đã dứt sạch vô minh, chứng được trí tuệ không thể nghĩ bàn. Đây là một trong năm mươi hai lớp nhơn quả tướng tu hành của hành giả đại thừa giáo; Bồ tát

phải trải qua ba vô số kiếp tu hành, trải qua năm mươi hai lớp nhơn quả như thế mới đến quả vị Phật.

Chúng ta phân tích một vài ý niệm cao siêu về đấng Diệu giác hay đức Phật, đấng Giác ngộ như sau:

1/ Những người có tấm lòng bao la: từ bi quảng đại

2/ Người giác ngộ: ra khỏi sanh tử

3/ Phật tính: Người có tánh giác ngộ

4/ Phật lực: đại hùng, đại lực, đại từ, đại bi

5/ Phật: người giác ngộ

6/ Thích Ca Mâu Ni: vị Phật đản sinh tại Vương quốc Ca tỳ La vệ, năm 524 (trước tây lịch) viên tịch vào năm 80 tuổi, năm 443 (trước tây lịch)

Học phái Thiên Thai giải thích chỗ sai biệt giữa Biệt giáo và Viên giáo về quả vị Diệu giác (Phật) như sau:

Theo đại thừa biệt giáo thì quả vị Diệu giác ngồi trên tòa Đại bảo hoa vương dưới cội Bồ Đề Thất Bảo Nơi Thế Giới Liên Hoa Tạng, hiện ra báo thân viên mãn để giáo hóa chúng sanh độn căn.

Theo đại thừa Viên giáo thì quả vị Diệu giác lấy hư không làm tòa, thành trụ Pháp thân thanh tịnh, an trú trong cõi Thường tịch Quang (kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm).

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN VIII. GIẢI NGHĨ CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

Ngày Thứ Bốn Mười Sáu: Tịnh Độ và Khất Sĩ

Chúng con là Phật tử thuần túy của Quan Âm Tu Viện, thường nghe dư luận nói: "...ở Quan Âm Tu Viện hoằng truyền Tịnh Độ tông, niệm Phật, nhưng sao lại có tu và hoằng truyền hạnh Khất sĩ...". Xin thưa! Có trở ngại giữa hai phái không? Tu pháp nào là chính, chúng con phải tu hạnh nào cho đúng với tông chỉ môn phong?

Đứng về gốc độ truyền thừa có tổ chức Giáo hội thì Khất sĩ là Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam hay thế giới; còn Tịnh độ là Tịnh độ tông Việt Nam hay thế giới, mỗi một phái có pháp tu công hạnh riêng dành cho Tăng Ni, Phật tử của phái đó tiếp nhận tu hành, còn gọi là biệt truyền.

Người tu niệm Phật thì tu pháp niệm Phật, làm cho ý chí mình bền vững như trụ đồng, không gì lay chuyển pháp tu. Tu pháp niệm Phật mà có gia hạnh thêm

pháp tu Khất sĩ thì người tu đó được tăng thêm ý chí giải thoát, bảo đảm cho sự tu hành có thêm nội lực, đứng nghĩa với luận giảng qua sông “cần đò” là vậy. Chính Đức tôn sư Tịnh độ Non Bồng cũng phát nguyện thọ pháp y Khất sĩ từ năm 1962 cho đến khi Ngài liễu đạo ngày 30 tháng bảy, năm 1986.

Ngày mùng 8 tháng tư năm Quý Hợi, nhằm ngày 20/5/1983, tháng ngày hành đạo tại Quan Âm Tu Viện, Ngài an trú am Bạch Tịnh, lúc bảy giờ các chùa trong tông phong đã đứng trong Giáo hội Phật Giáo Việt Nam, nhưng vì pháp môn, vì hạnh tu, vì tương lai Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, vì nội bộ chúng tôi có trình bản nội quy Hội đồng Tông phong, nội dung là để cô đọng hệ thống hoằng truyền sự tu hành theo pháp môn niệm Phật, “kế thế khai lai, truyền đăng tục diệm” Liên tông Tịnh độ Non Bồng. Đức tôn sư xem xong và nói: "...môn phong Non Bồng tu Tịnh độ là đúng rồi, nhưng việc hoằng truyền khắp mười phương, tức là Đạo Phật Non Bồng làm lợi lạc chúng sanh trong mười phương, nhiều chủng loại, nhiều hình thức tổ chức đến cùng chung tu, không phải chỉ có Tịnh độ Non Bồng, hẹp hòi lắm... việc làm của ông Sư thì được, nhưng phải chờ khi “Má”, tức Đức tôn sư về với tổ Phật...”.

Đức tôn sư nói tiếp: "...ông Sư (tức Sư Quang) thấy trên Tây phương Bồng đảo đó, có chư Tăng Khất sĩ, Khất sĩ ngài Minh Đăng Quang, Khất sĩ ngài Đại sư Huệ Nhựt, Khất sĩ Sư Trưởng Huỳnh Minh, Khất sĩ Sư Trưởng Từ Huệ, Tăng già Nam Việt, chư Tăng đệ tử ngài Pháp chủ Khánh Anh, chư Ni chùa Vạn Đức, chư tăng Lục hòa tăng... cùng về chung tu đó sao...?”

“Non Bồng là của mọi người, chúng sanh trong mười phương, tất cả đều có đến với Non Bồng”, ý chỉ Đức tôn sư là trong môn phong Tịnh độ Non Bồng còn có nhiều người tu, còn có gia hạnh những pháp tu khác nữa, chẳng hạn như hạnh Khất sĩ... Lúc bảy giờ tôi tiếp nhận ý chỉ đó, quỳ lên đánh lễ Đức tôn sư ba lạy.

Gần ba mươi năm sau, tức là giờ này khi ngồi tập trung quán chiếu, biên soạn quyển sách này chúng tôi mới nghĩ ra: “ánh đạo của Đức tôn sư hoằng truyền không xơ cứng ích kỷ theo tín điều mà mình đã quy định, đạo từ bi là quảng đại, cao cả vô biên ví như “dàn hợp xướng” có nhiều cung bậc mới phát ra những âm thanh “li tao” vi diệu; như hoa sen tỏa ngát hương thơm khoe những sắc màu Phần đà lị, Ưu bát la, Câu vật đầu; như hoa Osaka đến ngày trở thì không còn e ngại thẹn thùng trong nắng hạ, như ý tưởng Đức tôn sư không khô khan mà dạt dào thanh tĩnh giữa trăng thu, không như chúng tôi thâm tương!

Cách làm đạo của Đức tôn sư cho đến giờ này có hiệu quả cao đối với các chùa trong tông phong mỗi khi có vị Trụ trì viên tịch thì không có các sự tranh chấp chức vị quyền lực trong chốn thiền môn; vì sự việc thừa kế theo Tôn sư dạy “không truyền cho một người mà truyền cho tập thể, cử ra một Ban Quản trị, gồm Ban Viện chủ, Phó Viện chủ; Ban Trụ trì có Trụ trì, Phó trụ trì, mỗi người làm một Phật sự, mà cống hiến trí tuệ công sức của mình cho đạo pháp và tập thể...” thành thử không còn có việc tranh chấp chi cả!

Cho đến sau khi Đức tôn sư viên tịch, năm 1990 chúng tôi có trình Ni trưởng Tông phong xem bản nội quy (quy chế dành cho nội bộ tông phong) lần thứ nhất, nhưng Ni trưởng cũng chưa đồng ý, vì phải để xem lại và có sự điều chỉnh, sau đó mới công bố với chư Tăng Ni để góp ý. Đến 7 năm sau, vào lúc 21 giờ, ngày mùng 9 tháng giêng năm Đinh Sửu (dương lịch ngày 15/01/1997), tại cuộc họp nội bộ Hội đồng tông phong hằng niên, địa điểm lầu 2, Phật học Đường Tây Phương Bồng Đảo, Tổ đình Linh Sơn, chư Tăng Ni, Phật tử Hội đồng Tông phong góp ý bản nội quy và nhất trí thông qua, trong đó có quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức đạo cao đức cả tu pháp môn niệm Phật Tịnh độ Non Bồng, giữ hạnh Khất sĩ từ trên năm mươi năm qua, như Hòa Thượng Thích Giác Khánh, Hòa Thượng Thích Thiện Thành, Hòa Thượng Thích Thiện Hồng, Hòa Thượng Thích Giác Thông, Hòa Thượng Thích Thiện Thọ, Hòa Thượng Thích Huệ Hải, Hòa Thượng Thích Giác Quang, quý Thượng Tọa Thích Thiện Trung, Thượng Tọa Thích Thiện Nghĩa, Thượng Tọa Thích Thiện Tâm, Thượng Tọa Thích Thiện Thanh, Thượng Tọa Thích Từ Độ, Thượng Tọa Thích Từ Lợi, Thượng Tọa Thích Pháp Hỷ, Thượng Tọa Thích Chơn Bửu, Thượng Tọa Thích Thiện Trang, Thượng Tọa Thích Thiện Hỷ, quý Đại Đức Thích Minh Vũ, Đại Đức Thích Minh Khai, Đại Đức Thích Thiện Tâm; Đại Đức Thích Tâm Giới làm Thư ký biên bản (các tư liệu, biên bản hội nghị hiện nay còn lưu trữ tại Tịnh thất Bảo Tịnh, thuộc Quan Âm Tu Viện).

Như trên đã nói, đứng về góc độ tổ chức truyền thừa; về lý tánh thì pháp nào thuộc của Phật, chư Tăng Ni, Phật tử chúng ta có thể tiếp nhận làm bản hạnh tu hành, đều đạt đến giải thoát, nếu người đó phát tâm học đạo giải thoát.

Tịnh độ tông là pháp phái tu hành niệm Phật, niệm danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật, xuất phát từ kim ngôn ngọc ngữ của Phật Thích Ca thuyết giảng, chư vị Đại Bồ tát kết tập Bồ tát tạng ngoài hang Thất La Phiệt (núi Thiết vi) sau Phật nhập diệt bảy ngày, trong đó có kết tập kinh A Di Đà và các kinh bản đại thừa khuyến giáo nguyện sanh Tịnh độ (Di đà số sao, trang 8, bản dịch HT Thích Hành Trụ, 1953); cho đến một trăm năm sau Bồ tát Long Thọ, nhập pháp thiên Long Phấn Tấn Tam Muội, vào cung rồng Ta Kiệt La, sao chép lại kinh Đại thừa Phương quảng Hoa Nghiêm, kính tôn lời vàng đây là lời dạy của Phật Thích Ca, kinh cũng xưng tán Tịnh độ và sách tấn chư Bồ tát, Bồ tát Phổ Hiền nguyện sanh về cõi Tịnh độ của đức Phật A Di Đà. (phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện).

Bạch Sư! Xin Sư nói về tổ chức của môn phong Liên tông Tịnh độ Non Bồng.

Nói là Tịnh độ Non Bồng, như quý Phật tử được biết được Đức tôn sư khai sơn môn phong giáo hóa cho Tăng Ni, Phật tử tu hành niệm Phật, niệm danh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật” từ năm 1958 đến nay. Tổ chức môn phong pháp phái nào cũng thế, cũng không khác ở thời kỳ Đức Phật sinh tiền, mọi quyết định Phật sự đều do Đức tôn sư chỉ giáo, mọi công việc Phật sự đều phải thưa thỉnh Tôn sư. Không ai có thể làm khác, hoặc trái ý Đức tôn sư, đó là đạo lý của Nhà Phật, đạo

đức của người đệ tử Phật đối với Tổ Thầy, cũng như một nhà Sư phải có gương hạnh đạo đức tiêu biểu cho Tăng Ni, Phật tử là vậy.

Ngày 30 tháng 7 năm Bính dần (1986) Đức tôn sư viên tịch, Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác là Trưởng tử thừa kế sự nghiệp đạo đức của Tôn sư, cho nên mọi Phật sự của tông phong đều do Ni trưởng quyết định. Ngoài ra năm 1990 Ni trưởng đứng ra tổ chức hội nghị môn phong hằng niên, cũng là hội nghị chư Tăng Ni, Phật tử lần thứ ba để góp ý cho bản thảo nội quy tông phong (lần thứ nhất năm 1967, lần thứ hai năm 1989) thành lập Hội đồng tông phong.

Địa điểm Tổ đình Linh Sơn là nơi Đức tôn sư khai sơn môn phong, Hội đồng tông phong gồm có 50 thành viên Tăng Ni, 20 thành viên nam nữ Phật tử gồm có quý vị Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư đạo cao đức cả, tu hành thâm niên, quý vị giáo sư, bác sĩ, trí thức, quý vị cư sĩ tu hành đạo hạnh nghiêm túc... là một tập thể ưu tú của Tịnh độ Non Bồng.

Hội đồng tông phong là một tập thể, khi Ni trưởng tông phong muốn làm một Phật sự lớn như trùng tu tổ đình, thành lập cơ sở chùa mới, thành lập Ban nông thiện ở địa phương mới...v.v..đều có đưa ra tham khảo ý kiến Hội đồng, cuối cùng Ni trưởng tiếp nhận ý kiến và quyết định thực hiện.

Bạch Sư! Còn tổ chức và sinh hoạt tu hành ở Quan Âm Tu Viện?

Quan âm Tu viện là trung tâm giáo hóa Tăng Ni, Phật tử tu hành theo pháp môn niệm Phật thuộc Tịnh độ tông, nơi đào tạo Tăng Ni, Phật tử trở thành những tu sĩ ưu tú của nhà Phật, một tổ chức trong đó có Ban Quản trị, Viện chủ, Trụ trì, Phó Trụ trì và các Tiểu ban Tăng sự, Giáo dục Tăng Ni, Hoằng pháp, Từ thiện xã hội, Trang nghiêm trùng tu Tu viện, Nông thiện và các Phật sự chuyên môn khác. Tu viện do Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Giác làm Viện chủ kiêm Trụ trì (có quyết định bổ nhiệm của Ban Trị Sự THPG Đồng Nai). Từ năm 1982 có quý Hòa thượng Thích Giác Châu, làm Phó Trụ trì 1, Hòa Thượng Thích Thiện Thành làm Phó Trụ trì 2, Hòa thượng Thích Giác Quang làm Chánh Thư ký.

Năm 2003 Hòa thượng Thích Giác Châu viên tịch, Hòa thượng Thích Thiện Thành được tông phong cử làm Trụ trì chùa Long Phước Thọ vào năm 2008. Hiện nay Hòa thượng Thích Giác Quang làm Phó Trụ trì, thay mặt Ni trưởng Trụ trì trong những lúc vắng mặt, đi du hành xa lâu ngày, bệnh yếu, chịu trách nhiệm về mặt đối ngoại với Cơ quan Chính quyền và Giáo hội, hướng dẫn Tăng Ni Phật tử tu hành và hoằng truyền pháp môn niệm Phật của Tịnh độ tông và Tịnh độ Non Bồng.

Bạch Sư! Quan Âm Tu Viện rộng lớn quá, khi vào Tu viện chúng con không biết làm sao gặp được Ni trưởng Trụ trì để gọi là đi chùa lễ Phật và xin học Phật pháp, xin Sư giải bày cho chúng con?

Như đã nói ở trên, Quan Âm Tu viện là ngôi Tam bảo, có đông Tăng Ni tu hành, sống tập thể, nếu là tập thể thì phải có tổ chức, có nền nếp, có lề lối định

hướng; Ban Quản trị chính là tổ chức đó; đồng thời nơi đây truyền bá xương minh pháp môn niệm Phật, các Phật tử muốn học đạo hay có việc cần về Phật pháp thì gặp Ni trưởng Trụ trì là người Thầy dạy đạo cho các vị, trường hợp không có Ni trưởng thì gặp Hòa thượng Phó trụ trì, nếu không có Hòa thượng thì gặp những vị Sư có hiểu biết và nắm vững về Phật pháp, giáo lý, đạo lý nhà Phật, pháp môn tu, chỉ dẫn tu như thế nào cho đúng, cách thức đi đứng, nằm, ngồi niệm Phật, tụng kinh, nói đúng chủ trương, những giáo pháp liên quan đến môn phong Tịnh độ Non Bồng.

Nói về pháp tu khác, ở Quan Âm Tu viện không có pháp tu khác. Sinh tiền Đức tôn sư không giáo hóa mà cũng không cho phép Tăng Ni, Phật tử hành nghề mê tín dị đoan, như: hành nghề vẽ vôi và cho bùa chú, ếm đối, xem sao xui quẻ, tiên tri bốc phệ, soi căn, ông xuất bà nhập, cho phép làm ăn... các pháp này không phải là pháp tu, không phải là đạo lý nhà Phật.

Có người đến xin Ni trưởng hộ trì cho: “ăn nên làm ra, sinh con tốt, dạy con ngoan, xây nhà cửa...” Ni trưởng chỉ đến bàn Phật lễ Phật, xin Phật hộ trì cho... chỉ có thế!

Vì sao Tịnh độ Non Bồng có tu hạnh Khất sĩ, tu Tịnh độ sao mặc pháp phục Khất sĩ?

Khất sĩ là của ba đời chư Phật, không phải chỉ có một đời của Đức Phật Thích Ca hoằng truyền Khất sĩ, hay chỉ có ở thế kỷ hai mươi này mà thôi, ai phát nguyện chí tâm giữ hạnh tu thì đạt cứu cánh. Nên dù tu theo giáo pháp nào đi nữa, cũng đều có viếng mỗi, phải có thì có chung, có Tổ có Thầy.

Nguyên nhân thứ nhất: Vào năm 1955 Đức tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước là người cầu pháp Đức Sư Ông Bửu Đức, học đạo tám tháng, Sư Ông dạy về miền đông lập đạo. Còn Đức giáo tổ Minh Đăng Quang thì gặp Đức Sư ông Bửu Đức vào năm 1943, tại cầu số 1 Rạch Giá, lúc bảy giờ Sư ông dạy là”khi hành đạo Ngài đừng nhắc đến tôi nữa, tôi chỉ là ông già thất nghiệp”, hộ trì vô vi cho Ngài đi hành đạo mà thôi. Qua sự việc cầu pháp trên, chúng ta thấy Đức giáo tổ Minh Đăng Quang và Đức tôn sư có cùng chung một “Thầy”, hoặc cùng được trợ duyên hóa đạo.

Nguyên nhân thứ hai: Năm 1967, Hội Phật giáo Tịnh Độ Tông Việt Nam, tổ chức Đại hội vào ngày 16/4 âm, nhằm để tập trung các nhà sư Khất sĩ quá đông trong cả nước mà không được tổ chức Giáo hội đỡ đầu, không có nơi nương tựa cư trú theo luật pháp hiện hành, quý vị lãnh đạo trong Ban chấp sự Trung ương quyết định thành lập Tăng Đoàn Khất Sĩ Trung Ương thuộc Hội Tịnh độ tông; được chư Sư, chư tôn đức Tăng hưởng ứng nhất trí cao và suy cử Thượng Tọa Thích Giác Hải (Bửu Long) là Tăng Trưởng.

Ngày 6/7 âm, năm 1967, Đạo Phật Non Bồng tổ chức Đại hội lần thứ nhất thành lập Liên tông Tịnh độ Non Bồng và Đoàn Du Tăng Khất Sĩ Non Bồng, hoạt động theo giấy phép của Hội Phật giáo Tịnh Độ Tông Việt Nam.

Nguyên nhân thứ ba: Tại tổ đình Linh Sơn, ngôi cổ tự trên 200 năm, sau khi Đức tôn sư được giao nhiệm vụ Trụ trì, Tôn sư liền khai sơn ra "Đạo Phật Non Bồng", tiền thân của Liên tông Tịnh độ Non Bồng và Khất sĩ Non Bồng, Đức tôn sư chỉ giáo Nhà Sư Huệ Minh tạc long vị bằng gỗ giáng hương thờ Đức giáo tổ Minh Đăng Quang tại Tổ đường, từ năm 1960 cho đến năm 1965 Tổ đình Linh Sơn bị chiến tranh tàn phá, tất cả Phật đồng, cốt cement đều hư hoại, riêng chỉ có long vị Đức giáo tổ là còn nguyên vẹn thờ tại Tịnh xá Khất sĩ, bên cạnh Chính điện Tổ đình cho đến ngày nay 2010 vẫn còn được Ni Trưởng Huệ Giác phụng thờ long vị đó.

Những nhân hạnh lành nhỏ: Năm 1960, khi mới về núi xuất gia, Sư Giác Quang được Đức tôn sư trao cho tượng Đức giáo tổ Minh Đăng Quang, tôn sư dạy lễ phụng thờ, sau này hộ trì cho Đạo Phật Khất Sĩ. Hồi năm Sư Giác Quang mới 11 tuổi (1958) đi cùng với Ba từ Mỹ Tho về Chợ Gạo, gặp một Đoàn Du Tăng Khất Sĩ đi trì bình Khất thực thật trang nghiêm nghi vệ, Ba dạy "lạy Phật đi con", Sư Giác Quang liền quỳ gieo năm vóc sụp lạy quý Sư ba lạy...

Những mẫu chuyện nhỏ này là gì? Chính là nhân hạnh căn nguyên, căn lành mà Sư Giác Quang cho đến nay được làm Hòa Thượng hồng truyền Tịnh độ vừa giữ hạnh Khất sĩ.

Với những nhân hạnh của các bậc Tổ Thầy, các bậc Tôn túc hồng hóa như trên mà Tăng Ni Quan Âm Tu Viện, tức Tịnh độ Non Bồng có tu thêm pháp hạnh Khất sĩ là vậy.

Từ năm 1951 đến nay có nhiều tổ chức giáo phái Phật giáo cùng đứng trong một tổ chức, tức là mỗi tổ chức Giáo hội có nhiều môn phong pháp phái, ý tưởng hạnh tu cùng đứng chung, nhưng chư Tăng Ni vẫn an nhiên tự tại tu hành. Đạo Phật trên đất nước Việt Nam chúng ta, chư Trưởng lão tôn túc hồng truyền rất phong phú đa dạng, như:

* Giáo Hội Tăng già toàn quốc tổng hợp Phật giáo ba miền Bắc Trung Nam thành lập ngày 7/9/1951 do Hòa Thượng Tuệ Tạng làm thượng thủ; Tổng Hội Phật giáo Việt Nam thành lập vào thời kỳ chấn hưng Phật giáo ngày 9/5/1951 (4/4/Tân Mão) do Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết được suy tôn làm Hội chủ, quy tụ 3 tập đoàn Tăng già, ba tập đoàn Cư sĩ cả nước (50 năm chấn hưng Phật giáo của HT Thiện Hoa, trang 82).

* Năm 1964 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thống nhất thành lập, tổ chức đại hội từ ngày 30/12/1963 đến ngày 01/01/1964 tại chùa Xá Lợi có cả 11 hệ phái, đứng chung trong một Giáo hội, trong đó có Phật giáo Nam tông, Phật giáo Khất sĩ? (50 năm chấn hưng Phật giáo của HT Thiện Hoa, trang 127).

*** Năm 1967 Giáo hội Phật giáo cổ truyền thống nhất hai phái Lục hòa tăng và Lục hòa Phật tử?**

Chư Tăng Ni Non Bồng nhận thấy Pháp tu niệm Phật và tu pháp hạnh Khất sĩ rất gần gũi; trong pháp tu của Khất sĩ, quyền nghi thức tụng niệm dành cho thiện

nam tín nữ Khất sĩ thọ trì, tuy được chư Sư chế tác thành văn vần, nhưng cũng có nghi thức tụng kinh A Di Đà (Nghi thức tụng niệm, trang 117). Kinh A Di Đà là bộ kinh chính yếu trong tam kinh phái Tịnh độ.

Trong bộ Chơn lý Đại đồng, Bài học Khất sĩ, trang 283, có giảng bài cầu nguyện cầu sanh Tây phương Cực Lạc như sau:

** Phước cúng dường này của tín chủ
Tam nghiệp thanh tịnh định huệ tu
Tánh cũ tự mình gồm chứa đủ
Tây phương an dưỡng hưởng thiên thu.*

** Phước cúng dường này của chư linh
Dứt tiêu tội chướng thoát vô minh
Sám hối ăn năn tâm niệm Phật
Tây phương cực lạc đắc siêu sinh*

** Phước cúng dường này của bá tánh
Cầu an tai nạn đặng muôn lành
Phát nguyện tu hành thành chánh giác
Tây phương Tịnh độ chỗ vãng sanh*

Hay như bài văn vần, nhan đề "Nhẫn" trang 296, câu 33, 34 khuyên niệm Phật

*Có nên dẹp lửa cho xa
Có nên nhẫn nhục cho qua tháng ngày
Có nên lấp mắt ngơ tai
Có nên niệm Phật hoài hoài hay chẳng?*

Dẫn chứng qua các tổ chức Giáo hội hoằng truyền giáo pháp Đức Phật trên, cho thấy chư Tăng Ni, Phật tử Quan Âm Tu Viện tu Tịnh độ niệm Phật, có tu thêm pháp hạnh Khất sĩ thật rất gần gũi không có gì phải nghĩ suy.

Tịnh độ và Khất sĩ là những pháp môn trong tám muôn bốn ngàn pháp môn của Phật. Pháp niệm Phật của Tịnh độ là tông chỉ, quý Phật tử tu đúng tông chỉ tất sẽ thành tựu Phật đạo, dứt nghi, đây là pháp tu của Tịnh độ Non Bồng.

Xin lưu lại nơi đây những ý niệm lành của đức tôn sư với đạo Phật Khất Sĩ:

*"Bài xung tán công đức y bát"
Đêm khuya lẳng lặng trăng rằm
Canh ba điểm bút thậm thâm diệu huyền.
Ôn cố nghìn thu lưu tạc dạ
Tâm tư suy gắm ánh từ quang,
Của quý muôn thu tích đạo tràng
Bửu pháp nan lương y vô thượng*

Phước điền y chánh hiệu Thế Tôn.
Bát chánh đạo thiên thu lưu tạc dạ
Giải thoát muôn loài đạo Thích Ca
Tam y thất chứng hiệu Ta Bà.
Kim nhật tôn tâm xưng tán niệm
Thích tử tán dương công đức hải
Pháp y vô thượng thắng Như Lai
Bát chánh đạo hồng khai vô lượng kiếp,
Tướng lười tam thiên ca tụng tán
Tam giới pháp vương vô thượng sư
Thích tử hậu lai tán dương công đức Phật.
Báo y chánh pháp thiên thu thọ
Đạo bát chánh xuất nhơn gian.
Nầy Thích tử lắng lặng tâm minh,
Các con hãy lắng lặng mà làm thinh
Cái chi vui cho bằng đạo Mâu Ni Thích bửu
Cái chi vui cho bằng kẻ giải thoát triền miên,
Thân tâm chánh hạnh chẳng đảo điên
Kẻ xuất gia lòng dạ chẳng chinh nghiêng
Nầy Thích tử giáo lý Như Lai thật diệu huyền
Cũng bởi chiếc y vô thượng phước điền tâm
Bát chánh đạo vạn năm bất hoại
Lắng lặng làm thinh trong lắng lặng
Pháp tướng tâm y diệu diệu lành
Bát chánh đạo niệm niệm chẳng sanh
Đêm thanh gió mát ánh trăng tròn
Niệm niệm Như Lai điểm điểm son.
Ngũ trược nhơn gian hề mộng ảo
Pháp y tối thượng đó nghe con
Nầy Thích tử vắng lặng lòng son tâm an ổn
Thầy hằng ca tụng bốn oai nghi
Bốn thế nguyện tu trì vô lượng kiếp
Như Lai pháp bửu thiệt Thế Tôn.
Bốn tướng thinh thinh nhịp nhàng máy độ
Oai nghi thắng thượng đạo chơn truyền
Phước báo nhơn thiên đời đời bất diệt
Chúng sanh sáu cửa đặng yên tâm
Như Lai xuất hiện ánh trăng rằm
Nầy Thích tử hà sa vô lượng kiếp.
Công năng tối thượng phục bái Như Lai

Kim nhật đại hạnh nguyện thế hoàng khai
Thích tử thủ trì y bát.
Đạo Như Lai tối thượng nhơn gian
Muôn loài thoát khổ cảnh làm than
Thiện tâm giác ngộ ban vui cho trần thế
Xuất gia phạm hạnh giải đường mê.
Khai mở tứ diệu đề y vô thượng
Thoát ly sanh tử độ trần gian.
Như Lai tướng hảo bởi tâm ngài đại hảo
Thầy hằng khen con thúc liễm oai nghi
Phạm hạnh đầu đà vi tối thượng
Tấn đạo nghiêm thân thoát bụi trần
Lẳng lặng trầm tư tâm vô tận
Tịnh tọa công phu giải thoát tâm
Như Lai xuất hiện ánh trăng rằm
Quang minh phô tả tận tam thiên
Pháp vũ ban truyền thông tam giới
Này Thích tử buổi bình minh tỏ rạng,
Xa xa trông thấy dạng Sa Môn
Tướng hảo Tỳ Kheo tăng phẩm hạnh
Oai nghi đạo hạnh thật trang nghiêm
Đường hoang lộ chơn đi nhẹ gót
Bồng trực nhìn biệt hiệu của Sa Môn
Tướng hảo quang minh khắp tiếng đồn.
Đạo Như Lai phổ tế trần lao
Chúng sanh sáu nẻo phát lòng từ vô lượng
Khai tâm nhơn thế xả bỏ tham sân
Gieo duyên trong thế hệ phước điền nhơn gian
Khổ hạnh thiên thu đạo Thích Ca
Oai nghi bốn tướng hiệu đầu đà
Đạo khắp nhơn trần trong bá tánh.
Thoát ly tam giới Sĩ Đạt Ta
Tiếng dội hằng sa trong thế giới
Gô Ta Ma giải thoát hạnh đầu đà
Lẳng lặng tham thiền trong lẳng lặng
Xóa đi những ảo mộng trần lao
Muôn ngàn danh lợi chẳng xuyên xao
Trăm vui muôn đẹp nhơn gian huyền ảnh
Rửa sạch tâm như thoát bụi hồng
Sáu căn chẳng chút ó lem

Cửu khiêu tịnh thiền tâm giải thoát
Xa lìa thập ác xóa lợi danh.
Nầy Thích tử đạo Mâu Ni kiên cử vọng tâm
Trang nghiêm bốn hạnh chẳng thì thâm
Lục tự nam mô chẳng loạn tâm
Tịnh thiền niệm Phật duyên minh tịnh
Công phu lục tự tịnh tọa an cư
Rửa tâm thuốc quý đạo Di Đà
Lục tự ma ha tịnh tọa thiền
Bốn tướng oai nghi chơn pháp tánh
Kiết già tịnh tọa niệm hồng danh
Oai nghi bốn hạnh đạo cao thâm
Vô thượng y vương hiệu pháp trâm
Bát chánh đạo mùi thơm lưu vạn thuở
Kim nhật Thích tử tín thọ phụng hành
Bốn hạnh trang nghiêm thành tịnh độ
Lãng nghiêm pháp bửu giải tâm phàm
Rửa sạch tâm như nghiêm trì giới luật
Giác ngộ chơn tâm bốn tánh Như Lai.
Nầy Thích tử tín thọ phụng hành:
Như Lai tướng đại hảo bởi tâm ngài đại hảo,
Như Lai tướng đại thanh tịnh,
bởi tâm Ngài đại thanh tịnh,
Như Lai tướng đại quang minh,
bởi tâm Ngài đại quang minh,
Như Lai tướng đại kiết tường,
bởi tâm ngài đại kiết tường,
Như Lai tướng đại trang nghiêm,
bởi tâm ngài đại trang nghiêm.
Nầy Thích tử, y là y vô thượng bát chánh đạo
Thiện tại, thiện tại, thế gian hy hữu
Thiện tại, thiện tại, thế gian hy hữu!
Ngày Rằm tháng Tư năm Quý Sửu (27/5/1973).
Đức Tôn Sư thượng Thiện hạ Phước

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại
Tứ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

Ngày Thứ Bốn Mười Bảy: Mười tám (sáu) vị A La Hán

Bạch Sư! Chúng con nghe Sư Bà kể thì trong mười chùa có một vài chùa có thờ Thập bát La Hán, tức là các vị Thỉnh văn đệ tử Đức Phật Thích Ca, nhưng các tượng ấy thường là tượng vẽ, hay tượng gỗ mít điêu khắc thủ công thô sơ ngày xưa, chúng con được nghe giảng nhiều thuyết. Xin Sư từ bi giảng giải cho chúng con hiểu về Thập bát La Hán thuyết nào cho đúng?

Nói về Thập bát La Hán (18), thật ra chỉ có Thập lục La Hán (16), mười sáu vị A la hán thì đúng hơn, chuẩn hơn. Sau ngày hòa bình Tăng Ni, Phật tử miền Nam thường nghe nhắc đến tượng Thập bát La Hán chùa Tây Phương, thôn Yên, xã Thạch xá, huyện Thạch thất, Hà nội mỗi tượng cao trung bình 3 mét, tượng nổi tiếng khắp Bắc Trung Nam.

Về sau có mười tám tượng La Hán, mỗi tượng cao 1,6 mét được tạc tại chùa Giác Hải, Quận sáu, Tp.Hồ Chí Minh; năm 1979 dự kiến đem về phụng thờ tại các chùa miền Bắc, nhưng sau đó được chuyển về tại Tổ đình Linh Sơn, núi Dinh, ấp Phước Thành, xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Rồi từ đó đến nay, nhiều nơi các chùa đặt tượng thờ mười tám vị A la hán, hoặc bằng tượng gỗ, hoặc bằng tượng cement, đất nung, gốm sứ Hồng Kông, Đài Loan, Nhật Bản... Riêng tượng đất nung nổi tiếng ở Bình Dương, do ông Tăng Minh Phụng, Giám đốc Cty May Minh Phụng cúng dường, hiện vẫn còn phụng thờ tại Quan Âm Tu Viện...

Tượng La Hán được phụng thờ nhiều nơi, đều là mười tám vị, nhưng thật sự chỉ có mười sáu vị. Mười sáu vị La Hán có mặt ở thế gian để hộ trì chánh pháp. Mười sáu vị này là những vị được sinh ra trong thế gian này, đi tu trở thành Sa môn chính thức đệ tử của Đức Phật, hay môn đệ của Nhà Phật tu đắc đạo, chớ không phải như truyện tích Trung Hoa cổ cho là mười tám tên ăn cướp thành mười tám vị La Hán, truyện này hoang đường lắm các bạn ạ.

Các vị A la hán là những Đại sa môn, Sa môn là những bậc ứng cúng xứng đáng nhận được sự cúng dường và là thầy của của nhơn thiên, nên còn gọi là Thập Bát ứng cúng.

Trong quyển từ điển Phật học Tịnh độ của Đoàn Trung Còn có nói về thập lục La Hán, chứ không có thập bát La Hán, đồng thời có nêu danh sách mười sáu vị A la hán âm từ tiếng Pali sang tiếng Việt như sau:

- 01/ Tân độ la bạt ra đọa xà
- 02/ Ca nặc ca phạt sa
- 03/ Ca nặc ca bạt lý đọa xà
- 04/ Tô tần đà
- 05/ Nakura
- 06/ Bạt đà la
- 07/ Ca ri ca
- 08/ Phạt xà la phát đa la

- 09/ Thú bát ca
- 10/ Bán thác ca
- 11/ La hầu la
- 12/ Na ca tê na (Na Tiên)
- 13/ Nhơn yết đà
- 14/ Phạt na bà tư
- 15/ A sí ta
- 16/ Chú đồ bán thác ca.

Chỉ có 16 vị A la hán, không có 18 vị A la hán. Người đầu tiên vẽ tượng 18 vị A la hán là ngài Trương Huyền và Quán Hưu sống vào thế kỷ thứ 10. về sau Sa môn Giác Phạm và văn hào tô Đông Pha có làm thơ tán dương thập bát La Hán. Ngoài 16 vị La Hán thì ngài Khánh Hữu tôn giả là vị La Hán thứ 17, Tân đầu lư phả là vị La Hán thứ 18. tuy nhiên trên thực tế Khánh Hữu chính là Nan đề mật đa la, tác giả quyển Pháp Trụ ký; Tân đầu lư phả chính là vị đầu tiên trong 16 vị A la hán. Vì không thông kinh điển, không thông tiếng Phạn mà lập thêm như thế, nhưng cũng từ đó mà 16 vị A la hán thành 18 vị A la hán. Từ đời nhà Nguyên về sau, trong chính điện của các Tự Viện đều có thờ 16 vị A la hán, việc vẽ và điêu khắc tượng A la hán thông thường cũng lấy 18 vị A la hán làm chính.

Ngoài ra còn có thêm Ca Diếp tôn giả, Quân Đồ Bác Thán Ca tôn giả thành 18 vị. Các vùng ở Tây tạng có nơi thêm Ngài Đạt-ma-đa-la, Bồ Đại Hòa thượng, hoặc thêm hai tôn giả Hàng long, Phục hổ, hoặc thêm hai vị Ma Sa phu nhân và Di Lạc (theo Phật tổ thống kỷ 33).

Dù là 16 hay 18 vị La Hán, thì cũng do các bậc vãng bối của nhà Phật thêm thắt, bớt ra mà thôi, chúng ta Phật tử hậu sanh thừa kế tu hành giữ gìn đạo mạch đều đánh lễ, thờ phụng 18 hay 16 vị cũng đều là các vị Sa môn đắc đạo, chúng ta vẫn kính lễ tôn thờ.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

Ngày Thứ Bốn Mươi Tám: Luân hồi và Số mệnh

Bạch Sư! Xin Sư từ bi giảng giải về Luân hồi và Số mệnh, chúng con xin được học tập?

Sư sẽ vì quý Phật tử mà giảng giải về luân hồi và số mệnh; bài này Sư đã

giảng vào năm thứ hai, khóa Tu (niên khóa 2000-2004) tại Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai.

Luân hồi:

Không bao giờ Phật giáo chủ trương sự đầu thai với ý nghĩa: “Linh hồn bỏ xác thân này để chui vào một xác thân khác”. Thuyết tái sinh của Phật giáo, thật ra, không gì khác hơn là Thuyết nhân quả nghiệp báo mở rộng đến phạm vi tinh thần và đạo đức.

Nó không có một điểm nào gọi là đồng với Thuyết đầu thai của Bà La Môn giáo, giữa hai nền giáo lý này có một sự sai biệt, không từng cái xác thân, sau khi chết, linh hồn ấy bỏ cái vỏ hư hoại để chui vào một cái xác thân mới như ta vứt một chiếc áo cũ để khoát vào một chiếc áo mới.

Thuyết “Luân hồi” của nhà Phật không có một mả mai nào giống với thuyết luân hồi đó của Bà La Môn giáo. Phật giáo không nhìn nhận có một hình thức sinh tồn nào độc lập đối với vật chất trên thế gian này. Tất cả những hiện tượng này cũng như hiện tượng vật lý đều bị thay đổi luôn luôn muốn không cũng không được. Vậy không có một phần tử nào thật sự bất biến để có thể gọi là ngã là linh hồn. Thế làm sao nói có “Thay hồn đổi xác” làm sao nói có “Luân hồi”, trong khi không có cái “ngã” cũng như khi không có cái gọi là “linh hồn”. Ở đây, nên ghi rằng danh từ “tái sinh” không hoàn toàn đúng, vì danh từ ấy chỉ diễn đạt một sự tưng niệm mà thôi.

Chân chính mà nói, giáo lý của Nhà Phật về vấn đề này là Luật nhân quả trong phạm vi luân lý. Vì bất luận một trạng thái vật chất nào hiện ra cũng là kết quả của một trạng thái trước và trạng thái này hiện ra làm nguyên nhân cho một trạng thái sau nữa. Cũng vậy đời sống vật chất và tình cảm hiện nay vừa là kết quả của sự tham sống ích kỷ của những đời sống tiếp dẫn sau khi ta chết. Vì từ giây phút tâm thức này đến giây phút tâm thức khác, không có cái gì gọi là bất biến.

Cái lịch trình tạo và bị tạo có thể ví với sự di động của một đợt sóng ngoài biển cả, trong trường hợp này, quả thật không có một phần nước nào thật sự lướt trên mặt biển để lướt từ đợt sóng này sang đợt sóng khác.

Cũng thế, theo Phật Giáo, không có một cái ngã hay một linh hồn chạy lướt trên mặt biển luân hồi, mà chỉ có từng đợt sóng, tùy tâm tánh và nghiệp lực của nó mà hiện ra, ở đây thì như là người, ở chỗ kia thì như là thú, ở chỗ khác nữa là chúng sanh vô hình. Do đó chúng ta gọi là đời sống, thật ra chỉ là một dòng diễn tiến của hiện tượng vật chất (sắc) và tinh thần (tâm), dòng ấy chảy mãi không ngừng, từ rất xa xưa, trước khi chúng ta sanh ra trong đời này, và nó sẽ kế tiếp chảy sau khi chúng ta nhắm mắt theo dòng thời gian vô tận.

Cái nhóm năm uẩn mà người ta thường nhận lầm là con người, không thể nào là một cái ngã chân thật được, và không khác gì một ảo tưởng.

Đức Phật dạy: “Nhu Lai đã giải thoát mọi lý thuyết, ví Nhu Lai đã biết thế nào là hiện tượng hữu vi (sắc), thế nào là sự sanh thành hoại diệt của nó.

Như Lai đã biết thế nào là những hành động của tâm (hành), thế nào là sự sanh thành và sự hoại diệt của chúng.

Như Lai đã biết thế nào là biết (thức), thế nào là sự sanh thành và sự hoại diệt của nó.

Số mệnh:

Phật nói: “Đừng tin ở lời người nào đã nghe thấy lời nói lại với chúng ta. Đừng tin ở sự truyền tụng, ở những nghị luận hợp lý, ở những bóng dáng bề ngoài, ở những quan điểm được đời ái mộ, ở những ước đoán thuận lý, và cũng đừng tin ở nơi ta, bởi lẽ ta là Thầy của người.

Bởi vậy, người đệ tử chân chính của Đức Phật rất xa tối nhắm mắt cúi đầu tin liêu. Đó là một nhà tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng theo cái nghĩa cao cả nhất của danh từ này. Người đệ tử chân chính của Đức Phật không lạc bước trong rừng tín điều tiêu cực lẫn tích cực, vì họ biết rằng những quan niệm mà gốc rễ nằm trong tình trạng mù quáng và trong sự tự mình dối gạt lấy mình mà thôi.

Số phận của chúng ta - Đức Phật đã dạy rành như thế - không phải do sự may rủi mù quáng định đoạt, cũng không phải tùy sự hành động độc đoán của một đấng tạo hóa hay tùy sự ban thưởng hoặc hình phạt của một vị thần linh nào, mà chắc chắn là do những hành động “nghiệp” của chúng ta đã gây ra trong những đời trước.

Đức Phật nhìn những người bệnh hoạn, cùi phong, đau khổ.

Đức Phật thấy rằng sự khốn khổ và đau đớn của họ chỉ là kết quả của nghiệp mà họ đã gây ra từ những đời trước. Đức Phật xem xét kẻ giàu, người nghèo, người sùng, kẻ khổ và bất luận chỗ nào Đức Phật cũng đều tìm thấy dấu vết của Luật vay trả, của Luật nhơn quả, Luật báo ứng và của Pháp, Pháp ấy cái đạo lý bao trùm vũ trụ ấy, và do Đức Phật tìm ra, được tóm tắt trong bốn chân lý cao cả như sau:

1. Chân lý về sự thống ngự của đau khổ
2. Chân lý về nguồn gốc của đau khổ
3. Chân lý về sự diệt khổ
4. Chân lý về con đường dẫn dắt đến sự diệt khổ.

Nói đến Bát chánh đạo là nói đến trung đạo mà Đức Phật đã giảng dạy như sau:

Con người mà mắc trong lưới mù quáng rồi, thì đừng lấy sự học đọc bề ngoài các Thánh kinh, đừng lấy sự cúng tế thần linh, cũng như đừng lấy sự nhịn đói sự ngủ dưới đất, thức khuya mệt nhọc, hay lấy sự đọc đi đọc lại lời cầu nguyện mà trở thành trong sạch được. Và cũng không phải lấy sự cúng chư Tăng, sự hành phạt thể xác, sự lễ bái tụng niệm bề ngoài mà làm cho con người trở nên thanh tịnh được, nếu trong tâm còn những ham muốn ích kỷ.

Cũng chẳng phải vì ăn thịt, ăn cá mà con người trở nên bất tịnh mà vì bởi say đắm, thèm thuồng, tự hào, khinh bỉ người khác với những ý muốn bất chánh, ác độc cho nên con người mới trở thành không trong sạch.

Có hai cách thái quá, một đàng là đắm mình trong dục lạc, một đàng khác là đắm mình trong lối tu ép xác. Như Lai đã gạt bỏ hai cái thái quá ấy và tìm ra con đường trung đạo, con đường làm sáng mắt kẻ mù, rồi đưa họ đến chỗ an lạc, huyền diệu, giác ngộ và giải thoát.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bốn Mười Chín: Nghiệp báo

Sư sẽ tiếp tục giảng về giáo lý nghiệp báo?

Nguồn gốc của nghiệp:

Vấn đề khởi thủy của con người, của vạn vật hay của sự sống nói chung là một vấn đề mà tôn giáo và khoa học từ xưa tới nay, chưa giải quyết dứt khoát với những lý lẽ hay những chứng minh cụ thể khả dĩ thỏa mãn tánh hiếu kỳ của chúng ta. Trong cuộc phiêu lưu vô tận mà ta cùng vô lượng chúng sanh đang lang thang cơ cực đây, ta phải làm thế nào cho phiền muộn này biến thành an vui và bước lần đến siêu thoát.

Đức Phật dạy: “Này các tỳ kheo: Như Lai nói tất ý là nghiệp” tất ý bắt nguồn sâu xa trong vô minh và ái dục. Còn vô minh, còn ái dục, còn ham muốn, thì mọi hành động, lời nói, tư tưởng đều là nghiệp.

Tuy nhiên, Phật giáo không lấy sự giải thích hay giải quyết vấn đề siêu thực như là vấn đề khai tịch và căn nguyên của vũ trụ làm trọng tâm, cũng không đòi hỏi hoặc bắt buộc những người theo giáo lý của Đức Phật phải hiểu như thế nào? Về nguồn gốc của nghiệp. Giáo lý nhà Phật là một giáo lý thực dụng, căn cứ trên mục tiêu thực tế. Nhận định nhân sinh hữu khổ, thì Phật chỉ dẫn cho con đường đi đến sự diệt khổ.

Khổ là thực tại, phương châm diệt khổ phải là thực tế, thoát ly khổ cũng là cứu cánh thực tiễn. ngoài ra, chỉ là những câu chuyện vui trí mà thôi, không bổ ích chi cho đời sống đạo hạnh cả. Theo giáo lý của Đức Phật, thì mọi vật trong vũ trụ đều thuộc vào trong bốn loại sau đây:

1. *Loại hữu thì hữu chung*: Như khi ta đóng xong một cái bàn là bắt đầu có cái bàn, và hai là cái bàn hư nát có sự chấm dứt cái bàn.

2. *Loại hữu thì vô chung*: Như con số 1 là bắt đầu của những con số, sau con số 1 ta có thể đếm mãi mãi không cùng tột bao giờ cũng như khi ta chia con số 10 cho 3, ta chia mãi không cùng tột bao giờ.

3. *Loại vô thì hữu chung*: Nghĩa là không có chỗ bắt đầu mà lại có chỗ chấm dứt như hột xoài chẳng hạn. Hột xoài là do cây xoài sanh ra, cây xoài này là do cây

xoài trước sanh ra. Cây xoài trước này là do cây xoài trước sanh ra nữa, cứ như thế phăng lần lên mãi không cùng tức là vô thi. Nhưng nếu ta đập nát hạt xoài đi thì sẽ không còn cây xoài nữa, như vậy là hữu chung.

4. *Loại vô thi vô chung*: Không chỗ bắt nguồn mà cũng không có chỗ cùng cùng tận như là không gian, thời gian ấy là Niết Bàn.

Trong vũ trụ, mọi vật đều thuộc về một trong bốn loại kể trên, vậy ta không lạ gì nếu cái nghiệp thuộc về loại vô thi hữu chung.

Nghiệp báo là gì?

Nghiệp báo là lý nhân quả - Nghiệp báo và tái sinh là hai giáo lý căn bản của Phật giáo.

Nếu phải giải thích rộng rãi thì nghiệp là hành động mà trước hết và là điều quan trọng, nghiệp là do tâm, tức là ý muốn tốt hay xấu, thiện hay ác, trong hay đục, chính tâm tạo ra nghiệp, nếu không có tâm trong việc làm thì không có nghiệp. Nghiệp của ta ngày nay là tổng hợp nghiệp quá khứ với hiện tại mà ta đã và đang tạo ra trong kiếp này nữa. Cái tiền nghiệp từ bao kiếp trước đưa lại cho ta ta phải lãnh trọn, dù muốn, dù không lãnh như một di sản bắt buộc để cộng vào với gia tài hiện nghiệp.

Nhưng cái hiện nghiệp trong kiếp người của ta, ngày nay khác hơn là cái tiền nghiệp là ở chỗ ta hoàn toàn làm chủ nó, nghĩa là ta có trọn quyền chuyển nó về đâu tùy ý muốn của ta tùy tâm ta.

Cái mà ta gọi là Ngã, chắc chắn không phải chỉ là cái thân xác cao, thấp, mập, ốm, này thôi, mà bên trong lại còn có cái tâm. Vậy ta là sắc và tâm kết thành, bị chi phối bởi lực kích thích nội giới và bị ảnh hưởng ngoại cảnh. Phần làm chỗ tác động cho kích thích tức là đã thọ cảm rồi. Thì do đó cái vô minh bao bọc làm cho chúng ta không thể nhận chân sự vật được. Đó là miếng đất dọn sẵn để cho nghiệp thức mỗi ngày mỗi mọc rậm thêm. Dĩ nhiên, có thức là có phân biệt đúng hay sai, tốt hay xấu, cao hay thấp...v.v thế là thức biến thành vô lượng hiện tượng. Vậy vô minh là điều kiện đầu tiên cho sự gia tăng chông chất nghiệp chướng.

Bao giờ chúng ta còn quanh quẩn trong vô minh tức là không nhận thức được chân tướng của cái ngã, của sự vật, thì hẳn là chúng ta còn gây giống cho nghiệp.

Nói đến nghiệp, chúng ta có thể đặt câu hỏi: Nghiệp chướng trú ngụ ở đâu? Không thể nói: Nghiệp chướng được lưu trữ ở một nơi nào trong cái thức biến dịch hay trong nội bộ phận nào của thể xác. Tùy thuộc tâm và sắc, cái nghiệp chướng phát hiện khi DUYÊN đến, cũng như những trái xoài kia không thể nói là chúng được chứa đựng ở một chỗ nào nhứt định trong thân cây xoài, mà phải nói là chúng tùy thuộc cây xoài, khi mùa đến là chúng hiện ra.

Định luật của nghiệp báo:

Trong “Đôi Pháp Luận” có phân biệt 5 định luật chi phối sự tiến triển của vật chất và tâm linh.

1. Định luật liên quan đến sự tiến triển của vật chất không có cơ thể, như là hiện tượng gió mưa, thời tiết.

2. Định luật chi phối sự tiến triển của vật chất hữu cơ như là cây cỏ và của những vật chất có tế bào tức là những luật về âm dương, trồng mái.

3. Định luật của quý phạm như là hấp dẫn lực, di chất phản ứng...

4. Định luật tâm lý như là lịch trình diễn tiến của tâm thức sự sanh, sự diệt của tâm niệm, những cơ cấu tác động của tâm linh.

5. Định luật hành và quả, hay là định luật nhân quả, nhân gieo thì quả trở, nhân lành đem lại quả tốt, nhân ác đem lại quả xấu. Đó là sự tự nhiên phải như vậy chứ không phải là do một vị thần linh nào thưởng hay phạt. Định luật nhân quả tự nhiên tác động không cần đến sự kích thích muốn hay không muốn ở bên ngoài, đó là luật chung của vạn vật trong vũ trụ. Cũng như bốn định luật trên, định luật nhân quả không phải là một định luật không thể cưỡng lại được bởi vì chúng ta có thể chuyển nhiều hướng cho nó tùy theo ý muốn của chúng ta.

Cũng như đối với định luật nói trên và trái với định luật này. Có hạng người nhờ công phu luyện tập, họ có thể tắm nước sôi hay vùi mình trong tuyết hoặc chôn đầu, chôn thân dưới đất hàng tuần, hàng tháng.

Trên thế gian này, cũng như trong ta bà thế giới, không có một nơi nào mà chúng ta tránh khỏi tác động của nghiệp báo. Nhưng mặc dù vậy, chúng ta không phải thọ lãnh trọn vẹn những cái gì mà chúng ta có thể mang theo trong nghiệp chương của chúng ta. Nhờ sự luyện tập, tu tâm dưỡng tánh mà một người trước kia là đê hèn, độc ác nay có thể trở thành một người đạo hạnh thanh cao.

Luôn luôn ta đang trở thành một hiện thể nào đó và hiện thể này như thế nào là tùy tư tưởng và hành động của ta.

Tóm lại, luật nhân quả hay luật nghiệp báo có tự nhiên nó có và tác động của nó cũng tự nhiên theo luật tuần hoàn tác động của nhân và quả. Điều mà ta cần nhấn mạnh là: Ta có thể chuyển chiều hướng cho nó tùy hành động và tư tưởng của ta. Đó là điểm chính. Là điểm mà ở đó ta hoàn toàn tự do, tức là ta làm chủ hành động và tư tưởng của ta vậy.

Thuyết định mệnh và nhân quả:

Phật ngôn có ghi: “Trong sạch hay không trong sạch đều do nơi ta cả”. Khi ta đau ốm ta phải uống thuốc để lành bệnh, chứ ta không thể nói: Nếu cái nghiệp của tôi là mạnh thì tôi sẽ mạnh, nếu cái nghiệp của tôi phải bệnh là tôi phải bệnh, bác sĩ không làm gì được. Nếu nói như vậy tức là tin nơi tiền định.

Phật giáo nói: “Nghiệp không phải là định mạng cũng không phải tiền định, nghiệp là hành động, báo là cái quả, là cái phản ứng của hành động ấy không có định mạng do một thần linh nào đã phán ra rằng: “Phải như vậy, phải như vậy”, và

bắt buộc chúng ta phải thọ lãnh mạng lệnh đó, đau khổ hay an vui. Chính hành động của ta đã gây ra phản ứng đó, và đó là một định luật tự nhiên: Luật nhân quả. Như vậy, giáo điều, nghiệp báo của Nhà Phật khác hẳn với “Thuyết định mạng”, Thuyết này cho rằng trên đời mọi việc đều đã được định đoạt trước ở đâu đâu số mạng của mỗi người đều được ghi sẵn rồi, tuyệt đối không ai sửa đổi được. Thuyết tự do ngược lại, cho rằng trên đời, mọi việc ta được tự do hoàn toàn thao túng, làm hay không làm đều tùy nơi ta cả.

Phật giáo không chủ trương một ý niệm tiền định tuyệt đối, mà cũng không tin có tự do hoàn toàn, nghĩa là Phật giáo cho rằng: Ta vừa được tự do vừa bị chi phối nhưng không hoàn toàn bị chi phối cũng như không hoàn toàn được tự do. Vậy chỗ chủ yếu vẫn là: Cái tự do mà ta được tuyệt đối sử dụng thì nằm trong vấn đề gây nhân tạo nghiệp, và dứt nghiệp tránh nhân.

Còn cái định luật diễn ra ngoài sự tự do định đoạt của nó lại là cái quả phải trở ra đúng thì giờ của nó ngoài ý muốn của ta. Quả tốt cũng như quả xấu, đều do nhân tốt hay xấu mà ta đã tự do gieo ra, nhân quả là lý nhứt định chi phối nghiệp ấy.

Sự chênh lệch giữa những cá nhân:

Phật giáo giải thích sự chênh lệch, sự sai biệt giữa người với người trong xã hội về thể xác, tính tình, trí huệ, nét na, địa vị... là đều do chỗ sai khác trong nghiệp tập của mọi người. Tuy nhiên, Phật giáo nói rằng nghiệp chướng là một trong những nguyên do chính của sự sai biệt chênh lệch ấy, chớ Phật giáo không nói nghiệp là do duy nhứt, do đó tất cả cái gì cũng do nghiệp mà ra.

Bao nhiêu khuynh hướng tích trữ trong cái nghiệp mà chúng sanh đã gây ra từ bao kiếp trước sẽ đóng một vai tuồng tối quan trọng về đặc tính thể chất và tinh thần của Bào Thai (Chánh Báo). ngoài ra, còn có những yếu tố khác (Y Báo) tạo ra sự chênh lệch nói trên như là: Đất đai, nơi sanh, nơi sống, hoàn cảnh gia đình, học đường, xã hội v.v...

Tóm lại, lý nghiệp báo, cũng như định luật vật lý, là một định luật tự nhiên, Cũng như điện lực sẵn có trong vũ trụ, nếu có đủ điều kiện thì nó phát sanh liền. Từ kiếp xa xưa trong quá khứ, điện lực vẫn âm thầm chuyển vận tự nhiên, khi ta đã tạo ra nó, tùy ý người sử dụng, muốn thêm độ lên hay bớt độ xuống, muốn cho nó đi về đâu, muốn dùng nó vào công việc gì hoặc dứt hẳn luồng chảy của nó, thay thay đều tùy người sử dụng.

Ngược lại cũng có thể ví với một dòng sông trường lưu bất túc, mỗi hành động, mỗi tư tưởng của ta, dù muốn, dù không, đều như những phần tử nước mà ta rót vào sông ấy.

Lý nhân quả, Phật đã vạch rõ ràng: Dòng nghiệp nằm trong nhân quả. Phật là người chỉ đường cho ta. Đi cùng không đi, tiến cùng không thoái, bước ra cũng

không bước ra khỏi chỗ âm u, đau khổ để đi đến chỗ sáng sủa, chỗ thoát ly tất cả những điều này là chuyện riêng của mỗi người vậy.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thế Hoàng Thân, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Năm Mười: Quả vị tu chứng của Cư sĩ

Bạch Sư! Chúng con đọc trong sách “Phật giáo Nam tông”, có bài viết: “...người cư sĩ chỉ tu chứng quả đến bậc An na hàm là cùng...”. (Phật lý căn bản Bắc tông, Thừa và lịch trình tu chứng, HT Thích Huyền Vi biên soạn, trang 111). Chẳng lẽ không có sự tiến hóa nào cho chúng con hay sao? Chúng con tụng đọc trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa thì biết được một vị nữ nhân như Long Nữ mới Tám tuổi cũng tu thành Phật như mọi người, thậm chí nhanh hơn sự nghĩ suy của ngài Tôn giả Xá Lợi Phất... Chúng con nghĩ người trẻ trung như Long Nữ mà còn tu thành Phật, hà huống chúng con lại tu không thành Phật hay sao? Xin Sư giảng giải cho chúng con được thông suốt về chủ trương của Đạo Phật?

Theo giáo nghĩa Thượng Tọa bộ (Nam tông) Sách Phật dạy: “...người cư sĩ chỉ tu hành đắc đạo đến A na hàm...”, đây là theo ý chỉ của Phật Thích Ca... khi sinh tiền, chính Ngài cũng phải xuất gia mới thành Phật, chứng tam minh dưới gốc cây Tất Bát La, ở Gaya cách đây 2634 năm. Đức Phật Thích Ca là vị Phật đắc đạo giữa cuộc đời, là vị Giáo chủ của thế giới ta bà, còn lại chư vị Sa môn đệ tử đức Phật thì đắc đạo ở mức độ Thinh văn A La Hán, không tính kể đến chư vị cỗ Phật và hàng Bồ tát đại thừa ngoại hộ. Quả A na hàm thì cũng là quả vị đắc đạo đó, nhưng còn dư nghiệp tham sân si, mang thân tứ đại, khi nào xả bỏ không còn thân tứ đại tham sân si thì chứng quả A la hán, nhưng cũng không dễ tu đâu các bạn ạ! Dù là Phật, hay Thinh văn A la hán, hay A na hàm thì người tu đắc đạo cũng phải là người giác ngộ cụ thể, nghiệp dứt tình không, lửa lòng tham sân si tắt hẳn, phá vỡ vô minh mà bước ra khỏi nẻo sanh tử luân hồi, người ấy là Phật hay Thinh văn A La Hán, hay A na hàm. Người cư sĩ còn gia duyên bận buộc nên việc tu hành bê trễ, còn phải lo cho gia đình ông bà cha mẹ, chồng vợ con cái nên việc đắc đạo ở trình độ cao cấp như Phật hay A la hán thì chưa được chớ không phải không được, nên sách dạy “người cư sĩ tu đến A na hàm...” là vậy. Nếu người cư sĩ muốn tu hành giải thoát thành Phật hay vị A la hán thì phải tu tĩnh không tham sân si, lìa bỏ sự nghiệp gia đình thân bằng quyến thuộc, gia can tài sản... thì được như ý nguyện.

Theo chủ trương của Đại chúng bộ (Bắc tông) Đức Phật thấu suốt sự việc hoằng hóa đương nhiên lúc nào cũng ảnh hưởng đến từng thời kỳ con người tiến

bộ dân trí cao, nên hai mươi năm đầu Phật hoàng hóa thuyết pháp dạy tu pháp Tiểu thừa cho người mới nhập môn tu từ thấp lên cao; ở thời kỳ mọi người theo Phật đông, Phật dạy pháp tu Trung thừa phương quảng; cho đến thời kỳ dân trí tiến bộ, trình độ văn hóa cao thì Phật dạy pháp Đại thừa phương quảng, Ngài thông suốt như thế nên đã sớm đem bức thông điệp đại thừa giáo, tuyên bố giữa loài người: "...tất cả chúng sanh đều có đủ Phật tánh, có đủ khả năng giác ngộ, khả năng đào tạo cho mình và người khác một nhân cách siêu việt...". Theo sự tiến hóa, thật sự thì khả năng giác ngộ ấy có sẵn trong tất cả mọi loài và nhân cách siêu việt ấy vẫn căn cứ nơi nhân sinh mà thực hiện, đi đến quả vị giác ngộ hoàn toàn, đó là mục đích cứu cánh của nhân sinh, trong luân lý gọi là chí thiện. Đi đến chỗ chí thiện, đó là nghĩa sống của con người.

Những thuyết minh về mục đích cứu cánh của phái Đại chúng bộ và Thượng tọa bộ có khác nhau. Thượng tọa bộ để thành lập thuyết cứu cánh, đã đứng trên phương diện tiêu cực, trong khi Đại chúng bộ hoàn toàn đứng về phương diện tích cực.

Mới nghiên cứu ta thấy hình như có sự tương phản và cũng do đó mà có người cho rằng Phật giáo chủ trương yếm thế. Thực ra, không có sự tương phản. Tiêu cực khác với tích cực. Nhưng tiêu cực mà đến cùng cực thì lại là tích cực cũng như bi quan mà đến cùng cực thì lại là lạc quan. Đạo Phật chủ trương "Giá tình biểu đức" nghĩa là ngăn ngừa vọng tình mà phát triển tánh đức. Tích cực tức là ngăn ngừa vọng tình, mà tích cực là phát triển tánh đức vậy. Do tiêu cực mới biết dục vọng là khó đi đến chỗ giải thoát dục vọng, ấy là ngăn ngừa vọng tình. Do giải quyết đi đến chỗ hóa độ và làm lợi ích cho xã hội, nhân sinh, ấy là phát triển tánh đức. Nghĩa lý đại thừa và tiểu thừa được dung hòa ở điểm này.

Đứng trên phương diện Thượng tọa bộ, chúng ta phải công nhận Phật giáo có thể gần như một chủ nghĩa yếm thế. Thực vậy, Thượng tọa bộ giáo chủ trương yếm thế, phải nói thẳng như thế để khỏi bị người ta cho là nói thêm, nói bớt. Nhưng điều cần thiết là phải tìm hiểu cho rõ ràng tính cách yếm thế đó.

Vật chất là những gì phải tan rã biến hoại, lục dục chỉ gây nên đau khổ, vạn hữu luôn luôn biến dịch. Tìm trong cảnh đời những sung sướng giả tạm, những đau khổ trá hình, đó là do trí óc vô minh, cố chấp. Kinh Pháp Hoa có dạy: "Ba cõi giống như nhà lửa, bao nhiêu là khổ não thật đáng sợ hãi, các kinh điển tiểu thừa lại đề cập đến chuyện khổ nhiều hơn. Dù con người tu hơn tích đức được quả báo sanh lên các cõi trời nhưng cũng chưa được giải thoát vì vẫn còn ở trong vòng đau khổ.

Nhưng làm sao diệt khổ đặng được an vui? Chỉ có một cách là nhập vào Niết Bàn tịch diệt, đó là đại khái của tinh thần bi quan tiêu cực của Phật giáo tiểu thừa. Nghe như thế mà ai chẳng bảo là Phật giáo chủ trương xa lánh cuộc đời thực tại, vì muốn hết khổ phải nhập Niết Bàn. Niết Bàn của tiểu thừa giáo có nghĩa là trạng thái diệt độ, không còn cái gì nữa. Kinh Pháp cú có câu: "Vì ham vui mà lo, vì ham

vui mà sợ, không ham vui thì còn gì mà lo, còn gì mà sợ? Vì tham dục mà sợ, không tham dục thì còn gì mà lo, còn gì mà sợ? Chỉ có Niết Bàn là nơi giải thoát, nhập Niết Bàn là đi đến chỗ cứu cánh”.

Người theo chủ nghĩa tư lợi vì không có năng lực lợi tha. Quan niệm về khổ và Niết Bàn của Đại chúng bộ thì nhằm chán dục vọng không phải là chán đời, chỉ có dục vọng mới đáng chán vì chúng gây ra đau khổ muôn loài. Đời không đáng chán, đời đáng yêu chuộng, thế nhân đáng thương xót. Không nhằm chán dục vọng, cứ mãi quay cuồng trong hạnh phúc giả ảo thì làm thế nào tự gỡ ra khỏi đau khổ để tiến đến chỗ an lạc của chính riêng mình chớ đừng nói chi đến sự xây dựng hạnh phúc cho muôn loài? Niết Bàn không phải là chỗ an nghỉ vĩnh viễn, đó mới chỉ là trạng thái giải thoát cá nhân, sự giải thoát ấy chưa hoàn toàn, cần phải tiếp tục tiến thêm lên.

Con người vì đã trải qua những đau khổ, dục lạc và tham vọng gây ra. Nên đem tâm nhằm chán đời sống dục lạc. Con người lúc ấy nhìn chúng sanh lăn lộn trong tham dục bằng cặp mắt bi quan, thương xót. Do bi quan khởi tâm hoài nghi, do hoài nghi nên mới đến chỗ giải thoát. Được giải thoát, con người sẽ thấy sự sanh tử chỉ là những hình thức giả hữu của vũ trụ. Tham cứu đến bản thể vạn vật, thấu rõ chân lý của vạn hữu, con người sẽ không thấy có sanh tử, có biến đi, và biết rằng tất cả đều là thường trụ. Thấu được chân lý ấy thì phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết Bàn, thiện ác không phải là hai tà và chánh đều là một, chân lý hiển hiện ngay ở sự thật, đạo thấy rõ ở muôn ngàn hiện tượng minh tức là vô minh, vô minh tức là minh, đây mới thật là cảnh giới chân thực viên minh.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tánh của tất cả pháp, tướng của tất cả pháp, có Phật hay không có Phật, tất cả đều là thường trú...”

Kinh Viên Giác dạy: “Tất cả các phiền não chướng ngại đều là tri giác cứu cánh.

Kinh Pháp Hoa dạy: Hai môn chân như Sinh và Diệt không rời nhau, nếu đứng về chân như thì tuy thanh tịnh bất biến mà vẫn tùy duyên hữu biến còn đứng về sinh diệt thì tùy duyên sai biệt mà vẫn như bất biến”.

Tinh thần nhập thế có tính cách triệt để xã hội ấy, tinh thần tích cực hoàn toàn ấy, thật khác xa với tinh thần bi quan tiêu cực vậy.

Tóm lại, cứu cánh tích cực của Phật giáo là tự giác rồi giác tha cũng như hoa sen sanh trong bùn, nở trên bùn mà vẫn không dính bùn. Cảnh giới giác ngộ không rời cảnh giới đau khổ và những phiền não thực tại, vọng tưởng điên đảo.

Người cư sĩ, nữ giới tu thành Phật không?

Phật dạy: “...Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Đức Phật là Phật đã thành, chúng sanh là bậc sẽ thành Phật...” Ai khéo tu thì được, ai vụng tu thì sa đọa. Bỏ tất muốn tu thành Phật phải trải qua ba vô số kiếp, bước qua năm mươi hai lớp nhơn quả tướng tu hành, nên chúng sanh nào dù cư sĩ hay nữ giới phát tâm tu hành tinh

tấn, giữ giới tinh nghiêm, một lòng cứu giúp chúng sanh, không còn phân biệt thân sơ quen lạ, lo cho chúng sanh chung, không còn lo cho gia đình, vượt bến tử sanh một lòng vì chúng sanh mà tìm chân lý giải thoát những khổ đau đói nghèo, nô lệ trong cuộc đời cho họ thì đắc đạo tại thế như Phật Thích Ca. Sự đắc đạo thành Phật là do sự giác ngộ cao độ của người tu; những ai giác ngộ cao độ thì thành Phật, ai không giác ngộ cao độ thì không thành Phật; nên không còn phân biệt các tướng nam tướng nữ già trẻ có tu thành Phật hay không nữa!

Theo giáo nghĩa đại thừa chỉ thì sự tu hành đắc đạo căn cứ vào sự giác ngộ của từng cá nhân, việc thành Phật không có cấp bậc như thế gian, người xuất gia tu thành Phật theo thứ bậc xuất gia; người cư sĩ tu hành thành Phật theo thứ bậc cư sĩ; chớ không phải người cư sĩ tu hành lên cấp bậc xuất gia rồi mới tu thành Phật. Người tu Phật, khi đã được giác ngộ có trí tuệ, học hiểu pháp môn “tứ tất đàn” thế giới tất đàn, các vị nhơn tất đàn, đối trị tất đàn, đệ nhất nghĩa tất đàn... khéo biết tâm tưởng của chúng sanh là giả hợp, có thịnh suy, sanh trụ dị diệt, duyên hợp huyễn có, vô thường khổ không vô ngã các pháp vốn không tự tánh... rồi mới tùy theo căn cơ của họ mà giáo hóa cho được giác ngộ thành Phật, đó là từ diệu dụng giác ngộ đi đến diệu dụng giác tha độ đời chung cho Đại chúng bộ, Thượng tọa bộ trong giáo pháp nhà Phật là vậy.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

TẬP 2

LỜI NÓI ĐẦU

Quyển sách “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp -Tập I” đã xuất bản và phát hành vào mùa thu, năm Canh Dần (2010), và tái bản vào đầu năm Tân Mão (2011). Trong đó có 50 bài pháp ít nhiều làm hài lòng giới Phật học và giới chân tu thực đức. Làm vui lòng chư liên hữu Liên tông Tịnh độ Non Bồng, các vị vốn đã biết được tông chỉ tu hành của mình đang tu rồi, nhưng lại được thông thái hơn những nội dung Phật Pháp xưa nay mình ít biết đến; hóa giải những nghi ngờ về pháp môn tu có tính cách biệt truyền của Tịnh độ Non Bồng.

Ở phần nói đầu của Quyển “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp -Tập II” xin được nói về hành trạng của “Tịnh độ Non Bồng”.

“Liên tông Tịnh độ Non Bồng” xuất phát từ thành ngữ “Đạo Phật Non Bồng”, môn phong có truyền thống tu hành Pháp môn niệm Phật từ năm 1920, tức là khoảng 91 năm qua. Năm 1957 Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ

Phước khai sơn môn phong, cho đến ngày 23 tháng 7 năm Đinh mùi (1967) tổ chức đại hội lần thứ nhất tại Tây viện Quan Âm Tu Viện, lúc bấy giờ có thành lập thêm Giáo đoàn Du Tăng Khất sĩ Non Bồng sinh hoạt trong tổ chức Hội Phật giáo Tịnh Độ Tông Việt Nam.

Tịnh độ Non Bồng quản lý 140 Tự Viện, 623 Tăng Ni 832.000 Phật tử. Tổ chức Đoàn Du Tăng Khất sĩ Non Bồng sinh hoạt cho đến ngày 6-7/10/1981, môn phong tự giải thể và đăng ký sinh hoạt theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1986, Đức tôn sư viên tịch, năm 1989 Ni trưởng Huệ Giác và chư Tăng Ni trong Tông phong đứng ra tổ chức đại hội lần thứ hai tại Hội trường Hội đồng Tông phong (cũ, đang xây dựng). Về danh hiệu được thay đổi thành Liên tông Tịnh độ Non Bồng; lúc bấy giờ Hội đồng chỉ đạo HT Giác Quang biên soạn nội quy làm việc trong nội bộ Hội đồng Tông phong, quy định hằng năm vào ngày mùng 9 tháng giêng họp mặt Tông phong tại Tổ đình Linh Sơn, núi Bồng Lai (núi Dinh, Bà Rịa).

Năm 2001 bước sang thế kỷ 21, HT Giác Quang thành lập “Tủ sách Non Bồng”, tủ sách hiện có 68 đầu sách do Tăng Ni, Phật tử trong môn phong Non Bồng soạn dịch, trên 500 đề tài bằng, đĩa thuyết giảng Tịnh độ, hằng trăm bài viết về Tịnh độ...

Như đã phát nguyện, vào mùa thu năm Tân mão (2011) sẽ xuất bản và phát hành quyển sách “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp -Tập II” từ chương thứ IX đến chương thứ XXI, có 50 bài thuyết giảng, nhằm tiếp tục cống hiến cho quý độc giả những tinh hoa giáo lý Đức Phật, giáo lý cơ bản Tịnh độ, tông chỉ Tịnh độ Non Bồng giúp cho chư Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài tông môn được thông suốt, hóa giải những nghi vấn xưa nay, giúp cho mọi người hữu duyên tu hành công viên quả mãn.

Xin chân thành cảm ơn quý Nam Nữ Phật tử, những vị tìm đọc và trân quý quyển sách, Nam Nữ Phật tử, các nhà mạnh thường quân, nhà hảo tâm có danh sách ở các trang cuối phát tâm ủng hộ cúng dường tịnh tài để in quyển I năm 2010, sách dày 300 trang tái bản vào cuối năm 2011. Quyển II, sách dày trên 600 trang sẽ xuất bản phát hành vào tháng 8 năm 2011.

Khấp nguyện thiên hạ thái bình, vạn dân an lạc ấm no hạnh phúc, phát tâm tu hành quy y Tam bảo, bồ đề tâm kiên cố, ý chí vững bền, tu hành hiệu quả thành công; hiện tiền cũng như tương lai được diện kiến Phật A Di Đà phóng quang thọ ký.

NAM MÔ THƯỜNG TINH TÁN BỒ TÁT MA HA TÁT.

Quan Âm Tu Viện - Biên Hòa, mùa thu năm Tân mão (2011)

Hòa Thượng Thích Giác Quang

Cẩn bút

PHẦN IX. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TU TỊNH ĐỘ

Ngày Thứ Năm Mười Một: Tông chỉ Liên tông Tịnh độ Non Bồng

Vấn: - Xin Sư khai thị về Pháp tu Tịnh độ niệm Phật của Liên tông Tịnh độ Non Bồng?

Chúng con xin lãnh thọ tu hành?

Đáp: - Tịnh Độ Non Bồng được Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước sáng lập tu theo tông chỉ Tịnh Độ niệm Phật “Phát nguyện niệm Phật”, “Lễ bái niệm Phật”.

Ngoài ra còn có pháp “Bá Nhứt Trì Danh” được Đức Tôn Sư truyền trì giáo hóa cho chư Tăng Ni, Phật Tử Non Bồng tu hành. Đến năm 1969, pháp tu “lễ bi kinh Diệu Pháp Lin Hoa, lễ bái Ngũ bách danh Quán Thế Âm” là một trong những hạnh tu chủ chánh của liên hữu Tịnh Độ Non Bồng:

1/ Pháp môn phát nguyện niệm Phật:

Là tông chỉ thứ nhất của Tịnh Độ Non Bồng. Liên hữu Tịnh Độ Non Bồng kính tin Tam Bảo, hộ trì chánh pháp Phật Bổn Sư Thích Ca, kính tôn Phật A Di Đà là từ phụ, Đức Quán Thế Âm là hạnh lành cao cả của người tu cần phải học và thực hành “từ bi cứu khổ ban vui”.

Khi làm Phật sự nào cũng phát nguyện nghiêm túc, nguyện tu, nguyện hộ trì, nguyện làm lành bất thối chuyển, nguyện làm con Phật bất thối chuyển, nguyện xuất gia bất thối chuyển. Khi hứa giúp ai một việc gì, dù tán thân mất mạng cũng vẫn thực hiện cho kỳ được, không thất hứa.

Thời điểm tu “phát nguyện niệm Phật” trong các chùa của Tịnh Độ Non Bồng được quy định vào lúc 23 giờ mỗi ngày, mỗi liên hữu khi tham dự pháp tu niệm từ 15 phút đến 30 phút, tại các chùa thì niệm 60 phút mới hồi hướng. Trong thời gian niệm, tất cả chư Tăng Ni, Phật tử có mặt đều phải tham dự pháp tu, không một ai được ngủ nghỉ trong giờ “phát nguyện niệm Phật” Tông chỉ phát nguyện tu Tịnh độ:

Bài số 1 - Lời phát nguyện đi tu

Nam Mô Nhứt Tâm Đánh Lễ A Di Đà Phật.

Nam Mô Nhứt Tâm Đánh Lễ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Nhứt Tâm Đánh Lễ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Ngày nay con là Phật tử tên họ.... Pháp danh.....tuổi....

Ngày nay con đại phát nguyện tu hành theo đạo Phật đời đời kiếp kiếp con không nhàm chán, không thối chuyển.

Ngày nay con biết tu, con nguyện cho bá tánh muôn dân cũng được biết tu như con vậy.

Ngày nay con bỏ dữ về lành, bỏ ác về thiện, con cũng nguyện cho muôn loài vạn vật cũng đồng tu Đạo Phật giống như con vậy.

Ngày nay con quy y Tam Bảo, con xuất gia tu Phật con nguyện vô lượng chúng sanh trong cõi đời cũng đồng đồng đẳng như con vậy.

Ngày nay con theo chơn Tiên gốc Phật, con cầu vãng sanh Tịnh Độ, con cũng nguyện cho tất cả chúng sanh trong cõi đời hoặc hữu tình hoặc vô tình cũng đồng đẳng như con vậy.

Ngày nay con nguyện theo chơn Phật cầu đạo giải thoát, tu cho thành Thánh, thành Tiên, thành Phật, con đồng nguyện cho tứ sanh, lục đạo, tất cả chúng sanh cũng đồng được giác ngộ như con vậy.

Ngày nay con nguyện xuất gia đi tu, xa lánh ba đường dữ, tu theo đạo chánh đấng, chánh giác của Như Lai, con cũng đồng nguyện khắp trong tứ Thánh lục phàm cũng đồng đẳng như con vậy.

Ngày nay con là Phật tử tên họ Pháp danh.....

Thân tâm con cầu vãng sanh Tịnh Độ, con thành tâm đại nguyện nhìn nhận đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát là mẹ chơn thật của con muôn đời vạn kiếp bất thối chuyển. Ngày nay thân tâm con phát nguyện Tây Phương Phật, đức Giáo chủ A Di Đà Phật là cha của con trải qua vô lượng kiếp bất thối chuyển, lời con nguyện chơn thật như vậy, như vậy.

Con nguyện Cha Mẹ Tổ Thầy vi chứng minh cho các con được đắc kỳ hạnh nguyện.

Thân tâm con nguyện xuất gia đi tu đạo Phật được kết quả lành thành đạo, được làm vui cho trăm họ, được sưởi ấm cho bá gia, được an ủi cho muôn loài, lợi lạc cho nhơn thiên đời đời kiếp kiếp bất thối chuyển.

Con nguyện như vậy, con làm như vậy đời đời kiếp kiếp bất thối chuyển.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ A Di Đà Phật.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ Tam Bảo cảm ứng chứng minh.

Nam Mô Nhứt Tâm Đảnh Lễ Tám Bộ Chư Thiên chứng minh.

Bài số 2 - Lời phát nguyện giữ Đạo

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nhứt nguyện ngày nay con đại phát nguyện trước Tam Bảo mười phương chư Phật, bá vạn chư Thiên cảm ứng chứng minh.

Con nguyện trường chay vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Các con nguyện trì chú Đại Bi tụng kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh bất thối chuyển.

Các con nguyện niệm hồng danh chư Phật, niệm danh hiệu A Di Đà Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Các con nguyện thủ trì tam đề ngũ quán vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.
Nay con phát nguyện cả xác lẫn hồn trước Tam Bảo mười phương chư Phật bá vạn
chư Thiên.

Kể từ nay nhứt đến bá thiên vạn kiếp vô lượng ức kiếp vị lai bất thối
chuyển.

Con chẳng trái bốn nguyện! Con chẳng trái bốn nguyện.

Các con nguyện thủ trì thần chú Đại Bi vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Con chẳng trái bốn nguyện trước Tam Bảo Phật Pháp Tăng chư Thiên Hộ
Pháp cảm ứng chứng minh.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát (3lần)

Bài số 3 - Lời phát nguyện tu thân

Các con nguyện trước Tam Bảo mười phương chư Phật bá vạn chư Thiên
cảm ứng chứng minh.

Mắt các con nguyện đời đời kiếp kiếp nhìn đức Phật mãi mãi không nhàm
chán không thối chuyển.

Tai các con nguyện đời đời kiếp kiếp nghe tiếng niệm Phật và nghe pháp
lành mãi mãi không nhàm chán không thối chuyển.

Mũi các con nguyện được ngửi mùi trầm hương thơm vi diệu của chư Phật
mãi mãi đời đời kiếp kiếp không nhàm chán không thối chuyển.

Miệng các con nguyện niệm hồng danh chư Phật và nói pháp lành mãi mãi
của Phật đời đời không nhàm chán không thối chuyển.

Tâm ý các con nguyện tưởng nhớ đức Phật mãi mãi và trọn tin đức Phật đời
đời kiếp kiếp không nhàm chán không thối chuyển.

Thân tâm các con nguyện cúng dường ngôi Tam Bảo, làm tó cho Tam Bảo,
làm con cho Tam Bảo phụng sự cho ngôi Tam Bảo mãi mãi đời đời kiếp kiếp
không nhàm chán không thối chuyển.

Từ nay nhứt đến nghìn thu Phật chẳng trái lời thệ nguyện.

Kể từ nay nhứt đến bá thiên vạn ức vô lượng nghìn thu Phật chẳng trái Bốn
thệ nguyện bất thối chuyển.

Khi nào con có quên bốn nguyện xin mười phương chư Phật, Long Thiên
Hộ Pháp đồng nhắc nhở và hộ niệm cho các con được làm tròn bốn nguyện.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát (3 lần)

Bài số 4 - Lời phát nguyện hộ Đạo

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm các con là Phật tử đồng phát nguyện thệ.

Kể từ nay đến vô lượng đời vị lai các con an trụ trong cõi lành của Như Lai
bất thối chuyển.

Các con an trụ trong pháp lành của Như Lai bất thối chuyển.
Các con an trụ trong hành thiện của thập phương Bồ Tát bất thối chuyển.
Trải qua vô lượng kiếp các con đồng phát nguyện thế như vậy.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm các con là Phật tử đồng phát nguyện thế.

Từ nay đến vô lượng đời vị lai không xa lìa Thiện tri thức. Các con đồng phát nguyện thế như vậy bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm các con là Phật tử đồng phát nguyện thế.

Trải qua vô lượng ức kiếp đời vị lai, hiện tại kiếp, quá khứ kiếp.

Các con lễ bái Như Lai, cúng dường Như Lai, xưng tán Như Lai, hộ niệm Như Lai, tôn kính Như Lai.

Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề tâm vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Tam Bảo Phật Pháp Tăng Chư Thiên Hộ Pháp cảm ứng chứng minh. (3 lần)

Nam Mô A Di Đà Phật.

Bài số 5 - Lời phát nguyện thọ trì y bát

Con là Phật tử tên.....tuổi...pháp danh....

Ngày nay con lập hạnh nguyện xuất gia thọ trì Y Bát của Phật.

Con nguyện trước Tam Bảo Phật Pháp Tăng, mười phương chư Phật, tám bộ chư Thiên cảm ứng chứng minh.

Ngày nay thân tâm con nguyện xuất gia thọ giới của Phật.

Con nguyện thọ trì y vô thượng bát chánh đạo của Như Lai vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Ngày nay thân tâm con tên.....pháp danh.....

Con nguyện chấp hành giới luật của Phật đời đời kiếp kiếp bất thối chuyển.

Ngày nay con nguyện làm con của chư Phật, Bồ Tát

Con nguyện làm trò của chư Phật, Bồ Tát.

Con nguyện làm Sứ Giả của Như Lai.

Con nguyện làm Trưởng tử của chư Phật, Bồ Tát.

Con nguyện làm Thích tử của Như Lai.

Con nguyện hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

Con nguyện giữ vùa hương bát nước của chư Phật.

Con nguyện lễ bái cúng dường Phật Pháp Tăng. Ngày nay thân tâm con nguyện chung thủy, quy y Đức Bồ Tát Quán Thế Âm Phật Mẹ, chung Thủy trái vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Ngày nay con phát nguyện làm con của Đức Đại Từ, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Con xin phát nguyện mười hai hạnh nguyện của Phật Mẹ, con tín thọ phụng hành một hạnh nguyện được viên mãn.

Thân tâm con thiên bá úc bái, đầu đội vai mang, đấng Đại Từ, Đại Bi, Phật Mẹ chứng lòng thành khẩn phát nguyện.

Ngày nay thân tâm con thiên bá úc bái đảnh lễ Tam Bảo Phật Pháp Tăng, thập phương Bồ Tát chư Phật cảm ứng chứng minh.

Hồn xác con phát nguyện phụng thỉnh và cầu xin tám bộ chư Thiên hộ trì cho con được toại nguyện

Nhứt tâm đảnh lễ tám bộ chư thiên bá bái.

Nhứt tâm đảnh lễ Phật Mẹ Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm bá bái.

Nhứt tâm đảnh lễ Tam Bảo thập phương chư Phật bá bái.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngày nay con nguyện tấn đạo nghiêm thân, thủ trì Y Bát của Như Lai vô lượng úc kiếp bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật

Bài số 6 - Bốn thệ nguyện người tu Phật

Phật tử nam nữ Non Đông phát đại hạnh nguyện:

- Nhứt nguyện ngày nay con đại phát nguyện trước Tam Bảo mười phương chư Phật, bá vạn chư thiên cảm ứng chứng minh.

Con nguyện trường chay vô lượng úc kiếp bất thối chuyển

Con nguyện thủ trì chú Đại Bi tụng kinh đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa bất bất thối chuyển.

Con nguyện niệm hồng danh chư Phật, niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ vô lượng úc kiếp bất thối chuyển.

Con nguyện thủ trì Tam Đà Ngũ Quán vô lượng úc kiếp bất thối chuyển.

Nay con phát nguyện cả xác lẫn hồn trước Tam Bảo mười phương chư Phật, bà vạn chư Thiên kể từ nay nhẫn đến bá thiên vạn úc, vô lượng úc kiếp vị lai bất thối chuyển, con chẳng trái bốn nguyện, con chẳng trái bốn nguyện.

Con nguyện thủ trì thân chú Đại Bi vô lượng úc kiếp bất thối chuyển, con chẳng trái bốn nguyện trước Tam Bảo Phật Pháp Tăng chư Thiên, Hộ Pháp cảm ứng chứng minh.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát (ba lần)

Quan Âm Tu Viện, Mùa Vu Lan năm Ất Mão, 1975

Bài số 7 - Bốn thệ tín hạnh nguyện

Nam Mô A Di Đà Phật

Ngày nay hồn xác con Phật tử TỶ Kheo (Sa Di) đồng phát nguyện thệ, kể từ đời này đến vô lượng đời vị lai bất thối chuyển.

Các con an trụ trong cội lành của Như Lai bất thối chuyển
Các con an trụ trong Pháp lành của Như Lai bất thối chuyển.
Các con an trụ trong hành thiện của thập phương Bồ Tát.
Trải qua vô lượng ức kiếp các con nguyện thế như vậy.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm con Phật tử Tỳ Kheo (Sa Di) đồng phát nguyện thế.

Từ ngày nay đến vô lượng kiếp vị lai không xa lìa thiện tri thức, các con đồng nguyện thế như vậy bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Tam Bảo Phật Pháp Tăng cảm ứng chứng minh.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày nay thân tâm con Phật tử Tỳ Kheo (Sa Di) đồng phát nguyện trải qua vô lượng ức kiếp đời vị lai, hiện tại kiếp, quá khứ kiếp các con lễ bái Như Lai, cúng dường Như Lai, xưng tán Như Lai, hộ niệm Như Lai, tôn kính Như Lai, qui y Tam Bảo phát Bồ Đề tâm vô lượng ức kiếp bất thối chuyển.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Tam Bảo Phật Pháp Tăng cảm ứng chứng minh.

Nam Mô Hộ Pháp Chư Thiên cảm ứng chứng minh

Long Phước, năm Đinh Ty, 1977

Bài số 8 - Sám hối

Một lạy con nhớ tội lỗi đã qua, con gây tạo quá nhiều, vô biên, vô lượng, nay con xin sám hối ăn năn cho tội chướng tiêu trừ đoạn dứt.

Hai lạy con thành tâm cảm tạ những ai là người lân cận hoặc trong đạo ngoài đời, hằng nhắc nhở các tội lỗi của con, hoặc bằng thân khẩu ý, hoặc vô tình hay cố ý con đều sửa đổi và sám hối.

Ba lạy con đau khổ và xót thương tình nhơn loại, cả thế đời hoặc ở xa ở gần con cũng là huyết mạch mà hôm nay chưa hồi tâm trở về đường thiện duyên và con hằng cầu nguyện cho tất cả người người hữu duyên lành đồng tu niệm như con.

Bốn lạy con hằng ngày, hằng đêm, hằng giờ, con không quên xét lấy thân tâm của con để ngăn lòng sửa tánh trọn đời chẳng dám quên và con nguyện thành thật tha thứ hỷ xả lỗi lầm cho những kẻ làm nghịch ý con hằng ngày.

Năm lạy con hằng tinh tấn cả thân tâm vì đạo trọn đời, để khỏi phụ lòng Thầy Tổ giáo dạy như khuyên rất cực nhọc, con nguyện chí tâm hành đạo quên mình chung thí.

Sáu lạy con nguyện xét tội mình hữu tội quấy mà ăn năn, con quyết không đổ lỗi tội cho người thứ hai mà che dấu cái thói hư tật xấu của con hoặc là thân khẩu ý tạo ra, mà con lo vun bồi đức hạnh trọn đời chẳng quên, con xin hứa rằng chẳng tự dối lòng mình là dối gian với Phật.

Bảy lạy con nguyện chừa bỏ cái tham giận buồn vui, khi người, mà trọng cái riêng tư tánh ý của con, mà quên tình đồng loại, tình đồng đạo, tình bằng hữu xa gần để phụ lòng người lân cận chẳng mát tâm sanh ra phiền não.

Tám lạy con chẳng tiếc thân mạng của con, trọn đời phụng sự cho sự lợi ích của đạo Phật, chẳng hề than trách hay là kể công lao ít nhiều, con chỉ muốn cho chánh pháp Như Lai Phật Đạo trường tồn mãi mãi đời đời bất hoại.

Chín lạy con xin vâng chịu trọn đời thân tâm hồn xác, để làm người phật tử chân tu của nhơn thế, trọn đời chẳng so hơn tính quấy phân biệt với tất cả nhơn tâm cõi đời, con chẳng hề quên.

Mười lạy con xin giữ trọn đời xa lánh tất cả các điều ác chẳng phạm hoặc bằng thân khẩu ý xin chừa, con xin giữ trọn chung thi viên mãn các điều thiện chẳng hề quên và con thương xót muôn loài vạn vật hữu thân cũng là hữu khổ như con vậy.

Mười một lạy con xin trọn đời giữ đạo hạnh trang nghiêm, kính bậc bề trên niên cao kỹ trưởng và quý mến người còn thơ ấu không phân nam nữ trẻ già đời hay đạo, con xin nhớ trọn đời như vậy chẳng hề bạc đãi với tất cả tình nhơn loại, không phân biệt ai là oán thù hờn giận mà thương mến chung như huyết mạch của con thành thật như vậy.

Mười hai lạy con hằng nhớ đến cứu huyền thất tổ của con, còn tội lỗi chưa siêu sanh Tịnh Độ, chưa về Tây Phương Phật mà con xót thương hằng ngày và con quyết chí tu hành cho đạo quả viên thành, mà cứu vớt cho Ông Bà Cha Mẹ của con và con nhớ bao nhiêu người khác chưa tu chưa siêu, muôn loài vạn vật chưa tu, con không bao giờ bỏ qua việc đạo đức là con quyết cứu vớt tất cả giống nòi, âm dương đồng siêu thoát như con vậy.

Mười ba lạy con còn nhớ nay con được hữu duyên hữu phước tu hành, có bao nhiêu tình đồng đẳng đồng loại như con còn bị đau khổ việc đời hoặc bị tù đày bị đói khát, bị cô thân và nhiều tai ách mà con chưa đủ đức hạnh cứu vớt kẻ tâm hồn thân xác như con, hằng ngày con nhớ mãi những hạng người ấy mà cảm động xót thương và con nguyện cầu Tam Bảo chư Phật chứng minh, con quyết tu thành đạo để rồi thượng báo tứ trọng ân hạ tế tam đồ khổ, đặng vậy con mới đắc kỳ hạnh nguyện tu của con.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Con nhứt tâm đánh lễ tam cõi Phật Trời Thánh Tiên Thần, Cha Mẹ Ông Bà cảm ứng chứng minh, con sám hối mười ba lạy Tam Bảo đạo tràng, trọn đời thân tâm hồn xác chẳng quên chung thi của con trong cuộc đời tu hành viên mãn.

Nguyện thân tâm của con là.....pháp danh..... thành tâm cầu nguyện đạo đời an lạc trường tồn phước hạnh nhơn trần toàn thiện, đồng tu Phật siêu sanh tịnh độ, trang nghiêm Phật quốc, Phật địa nhơn nhơn Phật.

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát cảm ứng chứng minh

(những năm hành đạo nơi trần thế)

Những bài phát nguyện trên xuất phát từ kim ngôn của Đức tôn sư trong những năm còn hành đạo tại núi Bồng Lai, trung tâm thành lập Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng và những năm tại trần thế. Những bài phát nguyện tụng đọc ở non núi, lời văn mộc mạc, không sắp sắn không soạn đi soạn lại như các nhà văn, chỉ có ý tứ là dồi dào, cho những người muốn học đạo giải thoát, không còn phân vân, khi người tụng đọc không nghi ngờ, mà còn thêm phát tâm tinh tấn kỷ gởi trọn niềm tin nơi lời nguyện và cảm thấy được gần gũi Đức tôn sư. Xin mời gọi các bạn thử tụng đọc và nghiên cứu.

Trong sách văn Phát bồ đề tâm của Đại sư Thiệt Hiền, hiệu Tư Tề, đệ Thập tổ của Tịnh Độ Tông, ngài có trứ thuật lại lời kinh dạy:

"Yếu môn nhập đạo

Phật tâm làm trước

Yếu vụ tu hành,

Lập nguyện làm đầu

(Đường về Cực Lạc, Lin tông chư tổ, trang 185)

2/ Pháp môn lễ bái niệm Phật:

Là tông chỉ thứ hai của người tu ở non núi; vì tu ở non núi nên lễ Phật, lễ Pháp, lễ Tăng, lễ các vị giáo chủ, lễ những người có công với nước non, quốc vương, khai quốc công thần, lễ cầu nguyện lục châu thế giới hòa bình, lễ cầu quốc thái dân an, nước nhà thái bình thịnh trị. Trong những năm 1959 đến 1965, chư Tăng Ni, Phật Tử Non Bồng thường xuyên thực tập "lễ bái niệm Phật".

Lễ bái theo phong cách Tịnh Độ Non Bồng, là gieo năm vóc thành tâm kính lễ; có khi đứng lạy, quỳ lạy, người già yếu thì ngồi lạy. Chư liên hữu khi lạy xuống thì niệm câu: "Nam mô A Di Đà Phật", khi đứng lên cũng niệm câu: "Nam mô A Di Đà Phật". Người tu phát nguyện lạy như thế từ 3 lạy (lạy Tam Bảo) đến 12 lạy (12 câu nguyện Nam mô An Dưỡng Quốc, 12 câu nguyện Quán Thế Âm...), 48 lạy (lạy 48 lời nguyện của Phật A Di Đà), 108 lạy (vừa lạy vừa niệm Phật).

Khi thực hành khóa tu lạy Phật, thì có vị duy na điềm chuông gia trì thật chậm cho liên hữu lạy Phật. Tư thế "đứng lạy" của Liên hữu Tịnh Độ Non Bồng như sau: hai bàn chân phải khếp sát vào nhau, không đứng hình chữ "bát", hai bàn tay chắp vào nhau, hai ngón tay cái xếp lên nhau. Đôi bàn chân đứng theo hình chữ "nhất" biểu hiện cho nội lực vững vàng, không ngã nghiêng, ngã ngựa, dễ dàng đưa hành giả đạt đến chỗ nhất tâm, nghiêm túc giữ gìn giới pháp Phật, hai ngón tay cái xếp lên nhau biểu hiện cho sự tinh tấn, kiên tâm trì chí, tâm chí vững bền, tu hành bất thoái chuyển.

Liên hữu Tịnh Độ Non Bồng, thường xuyên lễ sám Kinh Dược Sư, lạy Vạn Phật, lễ Pháp Hoa, lễ Tam Thiên Phật, lễ sám Ngũ Bách Danh Quán Âm Bồ Tát,

lạy Thù Ân, lễ bái Tôn Sư, Thầy Tổ, lễ bái quý Sư Lớn, lễ bái những người già cả (trong ngày lễ Vu Lan)...lễ xong xá ba xá, lui ba bước rồi mới đi ra ngoài.

Thời gian tại Non Bồng, trong một ngày Tăng Ni, Phật Tử lễ bái hai lần, buổi sáng và buổi chiều, thường là lễ bái tập thể, từ một trăm đến năm trăm người trở lên, đứng lạy, không quỳ hay ngồi mà lễ lạy. Hoặc từng cá nhân chư Tăng Ni, tín đồ Phật tử lập hạnh: sáng, trưa, chiều đều mặc áo tràng lễ bái Phật, Bồ tát, lễ bái Tổ Sư. Ngày nay, đã trên năm mươi năm rồi nhưng chư Tăng Ni, Phật tử kể cả tác giả biên soạn quyển sách này vẫn còn thực hành “lễ bái niệm Phật” hằng đêm như xưa, hoặc kiết thất 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày hay 3 tháng 10 ngày mà lễ bái niệm Phật.

Lễ bái Kinh Diệu Pháp Liên Hoa:

Tại Việt Nam có rất ít người tu lạy (lễ bái) Kinh Pháp Hoa, những nơi có chư Tăng Ni phát tâm lạy kinh Pháp Hoa, như ở Chùa Vạn Đức, Vạn Hạnh (Thủ Đức). Một vài vị Tăng Ni xưa ở miền Tây Nam phần Việt Nam cũng từng tu hạnh lành lễ kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Năm 1964, Cụ Bà Diệu Âm, liên hữu Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, quản lý các Tăng Ni sinh tại Tổ Đình Linh Sơn phát tâm lạy từng chữ kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong thời gian ba tháng, Cụ Bà lạy xong bộ kinh Pháp Hoa.

Pháp tu lạy Pháp Hoa, tức là hành giả nhứt tâm cung kính lạy từng chữ trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, từ chữ đầu tiên của tựa Kinh đến chữ cuối cùng của "Phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện".

Năm 1962 khi vào Phật Học Đường tu học, được Đức tôn sư ban cho quyển kinh Diệu Pháp Liên Hoa có phần Am-Nghĩa bản dịch năm 1947 của HT Thích Trí Tịnh, in vào năm 1961 để hộ thân. Ngày mùng 10 tháng bảy năm Đinh Mùi (1966) đến Liên Tông Tự, đường Đề Thám, Quận Nhì, Saigon (nay là Tp.Hồ Chí Minh) phát nguyện thọ giới Tỳ kheo, nhìn thấy bản song ngữ Hán-Việt do Cụ Đoàn Trung Còn biên dịch vào năm 1937 nằm trong tủ sách lớn của Hội sở Trung Ương Tịnh Độ Tông Việt Nam nhưng chưa được đủ duyên để cầm đến đọc tụng. Cuối năm 1969, có nhơn duyên xem được bản dịch Kinh Diệu Pháp Liên Hoa của Hòa Thượng Trương Văn Đốc, in trên giấy vàng (dịch giả không xưng pháp danh, pháp hiệu) trú xứ Kiên giang, Rạch giá. Năm 1971 học “Pháp Hoa huyền nghĩa” của Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền; năm 1972 đọc “Pháp Hoa giảng diễn lục” của ngài Thái Hư Đại sư, do Hòa thượng Thích Trí Nghiêm biên dịch. Gần đây nghiên cứu Pháp Hoa thông nghĩa của Đại sư Đức Thanh, bản dịch và giảng giải Hạ Thượng Thích Trí Tịnh, nhà xuất bản tôn giáo ấn hành năm 2007.

Đầu tháng Tư, năm Kỷ Dậu (1969), tại Quan Âm Tu Viện dưới sự hộ trì của Đức Tôn Sư, Sư Bà Thích Nữ Huệ Giác và Sư huynh Hạ Thượng Trụ trì Thích Thiện Chơn, Hòa thượng Thích Giác Quang phát nguyện nhập thất lạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại Tịnh thất Bảo Tịnh.

Nội dung trong kinh tụng có giảng "hơn sáu muôn lời thành bảy cuốn", tức là kinh có trên 60.000 chữ (trn thực tế cỡ không 76.460 chữ). Muốn lay được kinh Pháp Hoa, hành giả phải thực hiện nhập thất 100 ngày trong năm; trong 100 ngày đó, mỗi ngày thực hiện su thời lay, mỗi thời lay 125 lay và lay đứng.

Điều cần thiết là trong thời khóa tu phải có hai người hộ trì chính yếu: một là Thầy Bôn sư hay một tu sĩ có phước đức trí tuệ cao viễn hơn hành giả để cân nhắc đến giờ lễ bái; cầu thỉnh long thiên hộ pháp bát bộ Kim Cang lai hộ trì gia hộ giữ gìn lực nội tại; hai là vị Thị giả thân tín, phục vụ ăn mặc ở bệnh, canh giữ bên ngoài không cho người lạ ngoài trú xứ xâm phạm nội giới (số lượng 160 lay như thế, ngày bốn thời, trong quá trình tu tập sẽ có dư thời giờ trong ngày và dư thời gian cả khóa tu). Thời gian lễ bái mỗi ngày bốn thời, ngoài bốn thời chính thức đó, cần gia hạnh thêm chương trình tu niệm Phật, niệm chú Đại bi, chú Vãng sanh... nghiên cứu, đọc học một vài bộ kinh đại thừa phương quảng.

Ngày khai kinh, hành giả mặc y áo tề chỉnh trang nghiêm, thật chậm rãi đến trước bàn Phật đánh lễ Tam Bảo, đọc bài Chiên đàn hải ngạn..., tụng chú Đại bi..., niệm khai kinh kệ..., rồi đứng chấp tay, tiếp tục đọc câu:

“Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “DIỆU”, điểm chuông rồi lay 1 lay”.

“Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “PHÁP”, điểm 1 tiếng chuông rồi lay 1 lay”

“Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “LIÊN”, điểm 1 tiếng chuông rồi lay 1 lay”

“Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, nhứt tự “HOA”, điểm 1 tiếng chuông rồi lay 1 lay”...cứ như thế tiếp tục lay từng chữ trong Kinh...

Trong 100 ngày lay kinh Diệu Pháp Liên Hoa sức khỏe phải đầy đủ, chỉ trừ tắm rửa, vệ sinh, các việc còn lại tuyệt đối cắt đứt muôn duyên, không công tác Phật sự, không thuyết pháp, không còn tiếp xúc với ngoại nhân, nếu còn tiếp xúc thì không lay, không lay thì không còn gọi là lay kinh Diệu Pháp Liên Hoa nữa!

Trong thời khóa tu, ở nơi am thất phải thông thoáng, đóng kín cửa thất chính, mở cửa sổ phía không bóng người lai vãng; không sắm vật chất nhiều trong am thất, các vật dụng như radio, tivi, cassette, tập sách, chén bát, ly tách (chỉ để lại một cái), thức ăn vật. Thu dọn đem những giấy mực, những tranh ảnh dán trên tường (trừ ảnh Phật), vứt đi những bao nylon và các vật dụng không cần thiết.

Năm Canh dần (2010), Sư Minh Chiêu, Tu sĩ Quan Âm Tu Viện nhập thất tại Lộc ninh phát tâm lay Kinh Pháp Hoa từ ngày mùng 01/11 đến 25/11/Canh dần, mỗi ngày lay 6 thời: sáng, trưa, chiều, tối, nửa đêm và công phu khuya (một đôi khi Sư lay cả mười lần trong ngày). Với trên 60.000 chữ, từ khi khai kinh, Sư phát tâm lay chỉ có 25 ngày là hoàn mãn hồi hương. Đây cũng là kỷ lục tu hành tinh tấn trong các Tự Viện Tịnh độ Non Bồng tại Việt Nam.

Lễ bái Ngũ bách danh Quán Thế Âm

Trong những năm 1967, chư Tăng Quan Âm Tu Viện, chư Ni tại Tịnh xá Thăng Liên Hoa là những tập thể tu tịnh độ niệm Phật, được đức Tôn Sư và Sư bà Huệ Giác hướng dẫn lạy Ngũ bách danh Quán Thế Âm. Cách lạy, liên hữu sử dụng theo nghi thức phổ thông; khi bước vào lạy danh hiệu Đức Bồ tát, liên hữu niệm danh hiệu đức Bồ tát, điểm một tiếng chuông, đứng lạy, hai tay hiệp chưởng đưa lên trán thành tâm gieo năm vóc mà đánh lễ. Lạy Ngũ bách danh Quán Thế Âm mang lạy hiệu quả làm cho liên hữu sau khi thực tập tam nghiệp nhẹ nhàng, hóa giải hôn trầm, chấm dứt những thụy miên, tâm chí bản thân đã dục, tăng trưởng sự tinh tấn, trí tuệ phát sanh, lòng từ xuất hiện.

Nhìn chung, lễ bái của Nhà Phật có nhiều cách: lạy theo hạnh lành Bồ tát Thường Bất Khinh (diệt ngã, thọ ký cho chúng sanh), lạy theo hạnh Nhà Sư Bắc tông (khi lạy, một tay để ngực, một tay lạy, khi quỳ đến sát đất, hai tay mới đồng lạy, hai bàn tay ngửa lên, đầu chám sát đất), lạy theo hạnh Tịnh Độ, lạy theo hạnh Mật tông (kết chú ấn), lạy theo Luật tông (xá ba xá lui ra ba bước rồi mới đi ra), lạy theo hạnh Đạo Phật Khất sĩ, và các giáo phái Khất sĩ tại Việt Nam (như hạnh Luật tông) lạy theo hạnh Tịnh Độ Non Bồng (đứng lạy)...Nhưng tất cả đều hướng về đạo lý giải thoát, mỗi mỗi pháp môn tu đều có phong cách riêng, nhằm để giúp cho đại chúng của môn phái mình lập hạnh tu tập.

3/ Pháp môn Bá Nhựt Trì Danh hiệu Phật, cầu sanh Tịnh Độ:

Là hạnh tu thứ ba của Tăng Ni, Phật tử Tịnh Độ Non Bồng. Pháp môn này, đầu tiên được Đức Pháp Chủ Đại lão Hòa Thượng Thích Khánh Anh khai sơn tại Phật Học Đường Lương Xuyên, Trà Ôn, Việt Nam. Về sau, năm 1960 Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước tiếp tục mở khóa tu dành cho Tăng Ni, Phật tử nam nữ trẻ già cả nước tinh chuyên tu hành cho đến hôm nay.

Về pháp tu này có phổ biến tại Việt Nam; tuy nhiên trong những thập niên năm mươi, sáu mươi ít có các Tự Viện tiếp nhận cho tứ chúng tu hành. Năm 1960, Hòa Thượng Thích Hành Trụ cũng mở khóa tu tại chùa Chánh Giác, Gia Định dành cho chư Tăng và Phật tử tu hành cho đến khi ngài hành đạo về tại chùa Đông Hưng, Thủ Thâm.

Gần đây tại huyện Củ chi, Tp.Hồ Chí Minh, chùa Hoằng Pháp, Thượng tọa Thích Chân Tín thường xuyên mở khóa tu niệm Phật trong một ngày, một tuần lễ, một tháng hay mở khóa tu mùa hè thật thích hợp cho giới trẻ tham dự tu niệm Phật. Kể từ khi hoằng hóa pháp tu cho đến nay chỉ có tông phong Liên tông Tịnh Độ Non Bồng của Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước vẫn còn được truyền đăng và hành trì. Ngoài hạnh phát nguyện niệm danh hiệu Phật A Di Đà, lễ bái niệm Phật là tông chỉ chính yếu, Đức Tôn Sư còn tiếp nhận thêm pháp tu Bá Nhựt Trì Danh này làm tông chỉ chính yếu trong Tịnh Độ Non Bồng.

Kinh hành niệm Phật trong pháp Bá Nhứt Trì Danh theo kinh Bát Chu Tam Muội, “bát chu” là đi vòng quanh, đi chậm chậm, bước đi chầm chậm vững vàng, nhẹ nhàng thanh thản, khoan thay mà mạnh mẽ theo hướng tay phải, đầu hành giả chỉ hơi hơi cúi xuống, mắt ngó ngay chóp mũi, rồi tập trung ngay đầu ngón tay giữa đang hiệp chưởng (2 ngón tay cái chồng lên nhau), vừa bước đi xung quanh bàn thờ Phật.

Ngày xưa chư Thánh văn, Sa môn, đệ tử Phật khi muốn thừa thỉnh một việc Phật sự hay thỉnh Phật giảng một bài pháp, thì người ấy đứng lên trích áo bày vai hữu, bước đi xung quanh Phật ba vòng rồi mới đến trước Phật quỳ gieo năm vóc thừa thỉnh sự việc; cung cách đi như thế gọi là “đi hữu nhiều”. “Đi hữu nhiều” trở thành một trong những nền tảng của pháp tu đi kinh hành... Đi kinh hành cũng là nền nếp có từ thời Đức Phật, chính ngài đã từng thực hiện; sau mỗi buổi “thọ thực nhứt thời trung”, thường là đức Phật đi kinh hành niệm Phật ba vòng rồi mới chỉ tịnh và thuyết pháp cho đệ tử thọ học. Các chùa lớn của các hệ phái xưa, có tập thể Tăng Ni tu hành, các Trường Hạ; nhất là trong các Tự Viện của Liên tông Tịnh độ Non Bồng, ngày nay dù có tổ chức an cư kiết hạ hay không, sau mỗi buổi thọ thực trưa vẫn có đi kinh hành vòng quanh chính điện, tổ đường niệm Phật.

Đi kinh hành niệm Phật có nhiều cách đi niệm Phật:

Cách một:

Liên hữu nhập chúng, đi theo người hướng dẫn chúng, do Hòa Thượng hay một vị Thượng tọa, Đại đức, Ni sư, Sư cô, hoặc một vị Phật tử “đứng tuổi” hiểu biết pháp tu hướng dẫn. Khi đi kinh hành phải đi theo nhịp kiểng, nhịp mõ nhỏ để giữ nền nếp cho đại chúng bước đi tham dự niệm Phật. Liên hữu niệm NAM MÔ chân trái...A chân phải...DI ĐÀ chân trái...PHẬT...chân phải...và cứ như thế mà bước đi chầm chậm...theo tiếng kiểng, tiếng mõ.

Cách hai:

Đi kinh hành theo phong cách của Tịnh độ Non Bồng là mỗi bước chân trái niệm NAM...bước chân phải niệm MÔ...bước chân trái niệm A...bước chân phải niệm DI...bước chân trái niệm ĐÀ...bước chân phải niệm PHẬT...Cứ như thế mọi người chậm rãi hòa nhịp từng bước đi...Đến ba mươi phút kế tiếp các liên hữu cùng đứng lại theo thứ lớp niệm Phật, những tiếng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”. Khóa tu bá nhứt trì danh, thường là chú trọng đến pháp đi kinh hành niệm Phật. Ở Nhứt Nguyên Bửu Tự được sắp xếp có đi kinh hành, có đứng, ngồi, quỳ niệm Phật. Mỗi liên hữu, mỗi chúng tham dự vào khóa niệm, mỗi thời 120 phút, trong đó có 30 phút đi kinh hành, 30 phút quỳ niệm Phật (người lớn tuổi thì ngồi cũng không sao), 30 phút ngồi niệm Phật và 30 phút sau cùng, trong đó 15 phút tiếp tục ngồi niệm Phật, còn 15 phút cuối chuẩn bị thay đổi người niệm Phật trong hai giờ kế tiếp...Theo phép niệm Phật thì dù đi kinh hành hay đứng, quỳ, ngồi niệm Phật đều niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mọi người đồng niệm, âm thanh thật hòa điệu,

phong cách thật uy nghiêm với những chiếc áo giải thoát, tạo nên dáng vẻ oai vệ như “voi chúa” trong mỗi tâm niệm người con Phật đang tham dự khóa tu.

Người dự niệm Phật bao giờ cũng phải chấp tay, gọi là “hiệp chương”, “hiệp chương” là phong cách chính của người Phật Tử, cũng là tính cách đặc biệt của người Phật giáo. Theo phong cách hiệp chương của Tịnh Độ Non Bồng thì “hai ngón tay cái xếp lên nhau” ngón ci phải hay ngón ci trái xếp lên nhau đều được; đây là phong cách riêng của người Phật Tử Non Bồng biểu hiện: “một niềm tin vững vàng, không lùi bước”, trước những trở ngại khó khăn gian khổ.

Suốt thời gian ba tháng mười ngày chư Tăng Ni, Phật tử tề tựu luân phiên niệm Phật ngày đêm “hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn giờ”. Khóa tu “Bá nhật trì danh hiệu Phật” của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng thường thì được khai mạc vào lúc 21 giờ ngày mùng 8 tháng 8 âm lịch hằng năm, đến 21 giờ, ngày 17 tháng 11 âm lịch lễ vía Phật A Di Đà thì mãn khóa tu, tức là đúng 100 ngày, nên gọi “Bá nhật Trì Danh niệm Phật”.

Trong thập niên 1970, 1980 mỗi lần khóa niệm Phật được khai mở, tại Nhứt Nguyên Bửu Tự có một vị Hòa thượng người Trung Hoa đến dự niệm Phật, hướng dẫn nhiều Phật tử Trung Hoa đi kinh hành niệm Phật. Các vị đi kinh hành có lúc chậm khoan thay, có lúc nhanh, có lúc vừa gỏ mõ, vừa gỏ kiếng vừa đi nhanh, vừa niệm Phật, không tính đến việc bước đi theo tiếng mõ nữa. Mới nhìn vào thì tưởng là các vị vừa chạy vừa niệm Phật; phương pháp này làm cho liên hữu tham dự dễ vào chánh niệm.

“Bá Nhật Trì Danh niệm Phật” là phương pháp niệm thể theo lời Phật dạy cho Ngài Bồ Tát Hiền Hộ, trong Kinh Bát Chu Tam Muội. Phật dạy như sau: “Này Hiền Hộ! Có bốn pháp thành tựu niệm Phật Tam Muội Hiện Tiền: một là không có tư tưởng chúng sanh dù trong khoảnh khắc – hai là thức trọn ba tháng không ngủ, dù là tạm thời đôi chút – ba là kinh hành niệm Phật trọn ba tháng – bốn là trong lúc ăn, bố thí pháp không mong danh lợi, không mong đáp ơn...”. Bốn pháp này nếu người tu thành tựu, sẽ đắc Tam Muội Hiện Tiền (kinh Bát Chu Tam Muội, quyển 2, phẩm 3, Tam Muội Hành, trang 113, bản dịch Minh Lễ, phát hành năm 1968 - HT Giác Quang thuyết giảng tại Quan Âm Tu Viện năm 2003).

Phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà, kinh hành niệm Phật là pháp dẫn tâm hành giả đến “nhất tâm bất loạn”, người phước mỏng nghiệp dày, chương sâu tội nặng, nếu tinh chuyên thì cũng có thể chứng được, bất niệm tự niệm, vãng sanh Tây phương Cực lạc.

Xin trích dẫn trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Đại chính 2, trang 532, lời Phật dạy cho chư Tôn giả: ”

Hãy tu hành một pháp

Hãy quảng bá một pháp

Đã tu hành một pháp rồi

Liên có danh dự

*Thành tựu quả báo lớn
Các điều thiện đủ cả
Được vị cam lồ
Đến chỗ vô vi
Liên được thần thông
Trừ các loạn tướng
Được quả Sa môn
Tử đến Niết bàn
Một pháp ấy là gì:
“Đó là niệm Phật”*

(Đại chính 2, trang 532, bản dịch Thích Nguyên Hùng)

Phật dạy tiếp: ”Nếu có Tỳ kheo nào chánh thân chánh ý, ngồi bắt chéo chân, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tướng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. Trong khi mắt không rời, niệm tướng công đức Như Lai” (sdd, tr 554).

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN X. HÓA GIẢI NHỮNG NGHI NGỜ

Ngày Thứ Năm Mười Hai: Nhị thừa, căn thiếu và nữ căn cầu sanh Tịnh Độ?

Vấn: - Chúng con nghe chư giảng sư pháp môn niệm Phật Tịnh độ giảng: “cõi tịnh độ không có nhị thừa, căn thiếu và nữ căn? Nhị thừa tu pháp tứ đế, lánh xa cõi thế, tìm chốn an lạc; căn thiếu thì không đủ yếu tố học đạo giải thoát, khó tu chứng đạo; nữ căn thì chướng sâu tội nặng...như vậy thì không có lối thoát cho những chúng sanh trên hay sao?

Đáp: - “Nhị thừa” thì tịch diệt, tu tự lợi, chán bỏ cõi khổ tìm chỗ an lạc riêng mình, không phát bồ đề tâm để độ sanh, tức là không đạt cứu cánh rốt ráo.

“Thiếu căn” chúng sanh thiếu căn lành, không phải là pháp khí của Phật pháp, không có trí tuệ để tìm cầu giải thoát, khinh mạn đại thừa, chướng sâu tội nặng, chệch bại giáo pháp Đức Phật, không đủ yếu tố căn thân để gánh vác đạo đức.

“Nữ căn” theo xưa trong giáo pháp Đức Phật dùng ngôn từ “nữ căn” để chỉ cho chúng tánh chúng sanh không có tướng trượng phu, nhiều tính dục ái, ý tứ Phật nói chúng sanh nhiều dục ái. Theo quan niệm của Thượng tọa bộ thì người nữ nhiều ái dục, chướng sâu tội nặng khó tìm cầu học đạo giải thoát. Theo Đại chúng bộ thì nói chúng sanh nhiều ái dục, không riêng gì người nữ. Công đức tu thành

Phật, học đạo giải thoát, cầu vãng sanh Tịnh độ, thành Phật thì không phân biệt tướng nam tướng nữ tướng trẻ tướng già, đủ căn hay thiếu căn. Tất cả chúng sanh trong thế giới ta bà đều có thể tu đạt hiệu quả vãng sanh tịnh độ, thành Phật, chỉ có sự giác ngộ mới thành Phật và nói lên chơn lý đại thừa rốt ráo của Đạo Phật. Trong sách “Những lời dạy của Đức Tôn sư: “...tánh Tỳ kheo không phân biệt tướng nam tướng nữ, tướng trẻ, tướng già...”

Vã lại, trong Vãng Sanh Tịnh Độ luận của Thiên Thân Bồ tát dạy: “...chúng sanh đã sanh về thế giới Cực Lạc tây phương không có tướng người nữ, căn thiếu và nhị thừa”. Có người không hiểu nghĩa này giải sai nói nhị thừa, căn thiếu, các người nữ không được vãng sanh tây phương, nghĩ suy như thế, chẳng lẽ giáo pháp Đức Phật hữu biên hay sao? quan niệm này sai lầm!

Vãng sanh Tịnh độ luận nói: “Người tu Phật nhất là phát tâm đại thừa cầu sanh đến thế giới Cực Lạc tây phương là người có tâm tốt, tâm tốt là tâm có đủ 32 tướng của bậc Bồ Tát cầu đạo nên không có tướng người nữ, căn thiếu và nhị thừa không đủ phước báu; chứ không phải nói người nữ, căn thiếu và nhị thừa ở cõi này hoặc ở phương khác không được vãng sanh về Cực Lạc! Đã sanh về Cực Lạc tuy cõi phàm phu, nhị thừa, căn thiếu khác nhau, nhưng tất cả đều tiến vào Đại thừa rốt ráo thành Phật. Vì thế, Thế giới Cực Lạc đều do vô lậu thiện căn Đại thừa mà thành tựu, vì đây là cảnh giới thiện căn của Đại Thừa, nên không thể có thể tính người nữ, căn thiếu và nhị thừa, mà danh xưng người nữ, căn thiếu, nhị thừa cũng không có, chỉ có danh xưng của Bồ Tát, thượng thiện hơn mà thôi...”

Trong kinh Diệu Pháp Liên hoa, quyển IV, phẩm Đề Bà Đạt Đa, trang 327, 328 – bản dịch của HT Thích Trí Tịnh. Lúc bảy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi vừa đi thuyết giảng từ cung rồng Ta Kiệt La về và có đến trước đại chúng nói: “Tôi du thuyết ở biên thường tuyên nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho chúng sanh trong cõi ấy nghe và có nhiều người nghe rồi đắc đạo không thể kể xiết.

Ngài Bồ tát Trí Tích hỏi Văn Thù Sư Lợi: “Kinh này rất sâu vi diệu là quý báu trong các kinh, trong đời rất ít có, vậy khi Ngài thuyết giảng có chúng sanh nào nghe rồi siêng năng tinh tấn tu hành, đọc tụng kinh này mau thành Phật chăng? Xin Ngài giới thiệu người tiêu biểu?

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: “Có con gái của vua rồng Ta Kiệt La mới tám tuổi mà căn tánh lanh lẹ, có trí tuệ, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, đặng pháp tổng trì,, các tạng pháp kín rất sâu của các Phật nói đều có thể thọ trì, sâu vào thiên định, rõ thấu các pháp. Trong khoảng sát na phát tâm Bồ đề đặng bậc bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sanh như con đờ, công đức đầy đủ, lòng nghĩ miệng nói pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi hơn đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, năng ấy có thể đến Bồ đề. Trí Tích Bồ tát nói rằng: “Tôi thấy Đức Thích Ca Như Lai ở trong vô lượng kiếp làm những hạnh khổ khó làm, chứa nhiều công đức để cầu đạo Bồ đề chưa từng có lúc thôi dứt; tôi xem trong cõi tam thiên đại thiên thế giới hẳn đến không có chỗ nhỏ bằng hộ cải, mà không phải

là chỗ của Bồ tát bỏ thân mạng để vì lợi ích chúng sanh, vậy sau mới đặng thành đạo Bồ đề. Chúng tôi chẳng tin Long nữ đó ở trong khoảng giây lát chúng thành bậc chánh giác”.

Nói luận chưa xong, lúc đó con gái của Long vương thị hiện thân thông, bỗng hiện ra nơi trước, gieo năm vóc kính lễ Phật rồi đứng một bên nói: “...sự đắc đạo của người nữ chúng con chỉ có Phật mới biết đặng, hiện nay mọi người đều tôn kính con, con có khả năng nói pháp đại thừa, độ tất cả chúng sanh được giải thoát...”.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất nói với Long nữ rằng: “Người nói không bao lâu chúng đặng đạo vô thượng, việc đó khó tin. Vì sao? Vì thân nữ như ướm chẳng phải là pháp khí, thế nào có thể đặng thành đạo vô thượng chánh giác? Đạo Phật sâu rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ chứa nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái có năm điều chướng: một, chẳng đặng làm Phạm thiên vương, hai chẳng đặng làm Đế Thích, ba chẳng đặng làm Ma vương, bốn chẳng đặng là Chuyển luân Thánh vương, năm chẳng đặng làm Phật. Thế nào thân gái đặng mau thành Phật?”

Lúc đó, Long nữ có một hột châu báu, giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dâng lên Đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ tát cùng tôn giả Xá Lợi Phất: “Tôi cúng dường châu báu, đức Thế tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?” – Rất mau! – Long nữ nói: “Lấy sức thần của các ngài xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó...”

Qua bài kinh, cho chúng ta thấy việc tu thành Phật, đắc đạo theo giáo nghĩa Đại chúng bộ không còn phân biệt các tướng nữa.

Long nữ là đại diện cho các tầng lớp chúng sanh tu Phật, cũng là đại diện cho “phái nữ” tu hành; việc Long nữ thành Phật mau trong một niệm giác ngộ, một hành động dâng ngọc ngà châu báu, một phong cách gieo năm vóc đánh lễ đức Thế tôn...tất cả đều là hạnh lành mà mọi người đều có thể làm được. Tuy nhiên cần có sự giác ngộ như Long nữ; chúng ta sanh trong thế giới ta bà không nên tự ti mặc cảm “tự nghĩ là khó thành Phật” rồi không tu hoặc tu cầm chừng cho có lệ; ngược lại cần có sự quyết chí thì sở cầu như ý nguyện. Hoặc chúng sanh “xem nhẹ” Phật pháp cho Phật pháp là một môn triết học như các môn học khác, ví như người không biết sử dụng “ngọc quý”, cho “ngọc quý” là “đá cuội” rồi không tin tưởng hoặc mất niềm tin.

Tính đặc biệt của giáo pháp đức Phật là: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đồng thể tánh không phân biệt các tướng, tất cả chúng sanh đều có thể tu thành Phật như đức Phật Thích Ca, nếu chúng sanh đó có ý thức tiến hóa giác ngộ...”. Tất cả chúng sanh tu hành đều đặng giải thoát, nếu chúng sanh ấy cầu học đạo giải thoát.

Theo Tịnh độ tông, “cõi Tây phương Cực lạc không có nhị thừa, thiếu căn, nữ căn...” cũng chính là bốn nguyện trong 48 lời đại nguyện của Đức Phật A Di

Đà và chư Phật trong mười phương an lập Tịnh độ; cũng là pháp giáo rất ráo trong quá trình Đức Giáo chủ Phật Thích Ca Mau Ni hoàng hóa chúng sanh trong thế giới ta bà.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Năm Mười Ba - Giới thiệu sơ lược tiểu sử Chư Đại sư Tịnh Độ tông truyền đăng bên Trung Hoa

Vấn: - Nghe Sư giảng, chúng con hiểu được Tịnh độ tông du nhập Việt Nam chậm nhất vào thế kỷ thứ 11, pháp môn mà chúng con đang tu hành đã có mặt sớm tại qu hương này rồi. Tuy nhiên có lần nghe Sư thuyết giảng về chư Đại sư Trung Hoa thừa kế Tịnh độ tông từ thế kỷ thứ sáu đến cận đại, nhưng chúng con chưa biết về lai lịch của Ngài, nay xin Sư từ bi thuyết giảng về mười ba vị Đại sư Trung Hoa truyền đăng tục diệm Pháp môn niệm Phật, Tịnh độ tông?

Đáp: - Mười ba vị đại sư Trung Hoa truyền đăng tục diệm pháp môn tu niệm Phật Tịnh độ tông. Nói là truyền đăng tức là đèn của người sau tiếp nối lửa của đèn người trước, người sau hiểu được, thấu suốt thâm ý lời giáo nghĩa về pháp môn tu do người trước truyền bá. Người trước dù có truyền lại cho vị kế tục hay không, không là vấn đề; vấn đề quan trọng ở chỗ người sau tiếp nhận, công nhận phương pháp tu học hành đạo theo ý tưởng người trước, giữ gìn quy cũ v phật triển môn phong pháp phi của người trước...đây chính là điểm chính yếu trong sự hoằng truyền pháp môn niệm Phật tịnh độ tông.

Cách thức truyền đạo này không còn: “Một người truyền y bát cho một người, mà có thể một người truyền đăng cho nhiều người...”, như bên Thiên tông, Đức Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, Đức Lục tổ Huệ Năng không còn truyền y bát cho một vị như sự truyền thừa của chư lịch đại Tổ sư Tây thiên, Đông độ, từ Tổ sư Ca Diếp đến Tổ sư Hoàng Nhẫn trước đó nữa, mà truyền đăng pháp ấn cho nhiều người hành đạo...

Trong sách Zen của Thượng tọa Thiên Ân Đoàn Văn An, nhà xuất bản Đông Phương phát hành năm 1964, trang 17, 19, 20 nói: “Sau Lục tổ Huệ Năng, môn hạ của ngài có đến 50 người, tất cả đều là những bậc đức hạnh viên toàn, trí đức cao minh. Trong số 50 người ấy có ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng và ngài Thanh Nguyên Hành Tư là người được liệt vào những bậc ưu tú nhất”. Xét trong lịch sử chúng ta thấy: Phái Zen chia thành hai dòng pháp năm tôn phái; trong đó năm tôn phái bắt đầu từ các ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng, ngài Thanh

Nguyên Hành Tư. Ngài Nam Nhạc và ngài Mã Tổ Đạo Nhất phát triển sanh ra hai giáo phái Lâm Tế Nghĩa Huyền, Qui sơn Linh Hựu, Ngưỡng sơn Huệ Tịch.

Về sau theo chủ trương của các ngài Thanh Nguyên Hành Tư chủ trương “tất cả những động tác trong nhật dụng hằng ngày như ăn cơm, uống nước, mặc áo... đều là Phật sự”; ngài Thạch Đầu Hy Thiên khởi xướng công cuộc thống nhất giữa giáo phái “Nam Năng” và “Bắc Tú”, đề cao thuyết lý hỗ tương quan hệ giữa linh nguyên và chi phái. Linh nguyên tức là chỉ cho căn nguyên linh diệu của vạn pháp; chi phái tức là chỉ cho các tướng trạng sai biệt của vạn pháp... cũng do chủ trương này về sau sanh ra nhiều tôn phái như: Vân môn, Tào động, Pháp nhãn.

Xem qua, Đức Lục Tổ Huệ Năng có 50 vị đệ tử thì không có lý gì mà Tổ sư truyền cho một người, mà chắc chắn sẽ “truyền đặng” cho nhiều người... Qua các chủ trương truyền đạo trên, chúng ta thấy chư lịch đại Tổ sư rất linh động trong sự truyền bá giáo pháp Phật; các ngài chỉ vì muốn cho pháp Phật mở rộng mà canh tân cách truyền đạo.

Sách Liên tông tam thập tổ, trang 13, 14 của soạn giả Thích Thiên Tâm, nói: “Kể từ ngài Lô Sơn Huệ Viễn Đại sư thừa vâng theo Kinh văn và Phật ý mà khai sáng ra tông môn Tịnh độ, cho đến nay lịch đại “ghi nhận” và “suy tôn” lên được tất cả là 13 vị Tổ sư của Liên tông...”

“...Tịnh độ tông không có sự truyền thừa như chư vị Tổ sư bên thiên tông. Sở dĩ có chư Tổ sư Tịnh độ là do chư Tăng Ni và Phật tử tu môn niệm Phật đời sau họp lại suy tôn những vị tu hành siêu xuất....(Liên tông tam thập tổ, trang 27).

Như ngài Ấn Quang Đại sư sau khi viên tịch, chư vị Cao tăng thật đức, chư Liên hữu bên Trung Hoa xét thấy đức hạnh ngài trang nghiêm, có công lớn với Tịnh độ, mới họp nhau lại, đồng suy tôn ngài vào ngôi vị Tổ thứ mười ba tịnh độ tông....(Liên tông tam thập tổ, trang 29).

Do đó chúng ta thấy rằng Thiên tông truyền pháp từ “một người đặc đạo” cho “một người đệ tử tâm đặc”, “tâm ấn tâm” chúng ta thường nghe từ ngữ “tổ ấn trùng quang”, hay “tổ tổ tương truyền sư sư tương thọ”, gọi là “đặc pháp”.

Tịnh độ tông truyền đạo từ “một người đặc đạo” cho “nhiều người đệ tử ưu tú”, gọi là “đặc đạo”; trong lịch sử Tịnh độ tông ít có việc truyền đạo từ “một người” cho “một người” là vậy.

Sau đây là lịch trình chư đại sư truyền thừa pháp môn niệm Phật Tịnh Độ tông, xin trích sơ lược về lai lịch các Ngài để chúng ta có ý thức về các thế hệ trước hồng truyền Tịnh độ tông ở Trung Hoa.

Nhất tâm đánh lễ chư Tôn giả, chư Đại sư hồng giáo Tịnh độ tông:

1 - Huệ Viễn Đại sư

Đại sư Huệ Viễn (334-416) người Nhạn Môn, Sơn Tây. Thuở nhỏ tinh thông Nho, Lão cùng Bách gia chư tử. Trưởng thành xuất gia với Pháp sư Đạo An, chùa Nghiệp Trung, Hằng Sơn.

Năm Thái Nguyên thứ 6 (nhà Tấn) Đại sư du hóa đến Tầm Dương, Giang Tây, thấy cảnh Lô Sơn rộng rãi đến lập tịnh xá tu trì. Sau ngài đến phía Đông Lô Sơn lập chùa tên Đông Lâm Thần Vận tự.

Tại chùa Đông Lâm, Đại sư Huệ Viễn đã lập Bạch Liên xã, xiển dương pháp môn niệm Phật, trước tác kinh luận hoằng dương Phật pháp như các bộ: Đại trí luận yếu lược, Pháp tách luận, Sa môn bất bái vương giả luận... cho đến ngày vãng sanh.

2 - Thiện Đạo Đại sư

Đại sư Thiện Đạo (613-681), người đời Đường. Năm Trinh Quán, nhân đọc Tịnh độ Cửu phẩm đạo tràng của Thiên sư Đạo Xước, ngài nhận ra:

“Đây mới thật là cửa mầu đi vào cảnh Phật”.

Từ đó ngài tinh cần niệm Phật và truyền bá pháp môn

3 - Thừa Viễn Đại sư

Đại sư Thừa Viễn (712-802), người đời Đường. Lúc mới xuất gia, Đại sư theo học với Đường thiên sư ở Thành Đô, sau đến Kinh Châu tham học với Chân thiên sư ở chùa Ngọc Tuyền.

Sau khi ngộ đạo, Đại sư Thừa Viễn đến Hoành Sơn hoằng hóa. Ngài lập nguyện khổ hạnh, tùy theo căn cơ chúng sanh mà chỉ dạy Thiên hoặc Tịnh. Về sau ngài dựng chùa Di Đà, khuyến hóa mọi người niệm Phật đông đến hàng vạn tín đồ. Hơn ba mươi năm, Đại sư vừa hóa đạo, vừa chuyên tu, chưa từng ngủ nghỉ. Có đến hàng vạn người theo ngài tu tập niệm Phật.

4 - Pháp Chiếu Đại sư

Đại sư Pháp Chiếu (747-821) người đời Đường, tu tập ở chùa Văn Phong tại Hồng Chu.

Năm Đại Lịch thứ năm, Đại sư đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Tại đây, Đại sư được Bồ tát Văn Thù khai thị pháp môn niệm Phật, cầu vãng sanh Tây phương.

Từ đó về sau, Đại sư chuyên tâm niệm Phật và mở nhiều đạo tràng niệm Phật từ dân gian cho đến hoàng cung, hóa độ cho vô số người.

5 - Thiều Khang Đại sư

Đại sư Thiều Khang (?-805) họ Châu, người đời Đường. Tuổi nhỏ đã xuất gia, căn tánh lanh lợi, 15 tuổi đã thông suốt được năm bộ kinh.

Sau Đại sư đến viếng cha Bạch Mã ở Lạc Dương. Nhân đọc Tây Phương Hóa Đạo của Đại sư Thiện Đạo nên phát nguyện hoằng truyền pháp môn niệm Phật.

Về sau, Đại sư thành lập Tịnh độ đạo tràng ở Ô Long Sơn. Tín chúng phát tâm niệm Phật rất đông.

6 - Diên Thọ Đại sư

Đại sư Diên Thọ (904-975), tự Xung Huyền, người đời Tống. Lúc thiếu thời, thích tụng kinh Pháp Hoa. Sau xuất gia với Thiên sư Thúc Nham, tham học với

Thiền Quốc sư ở Thiên Thai, tỏ ngộ tâm yếu. Năm Kiến Long thứ hai, trụ trì chùa Vĩnh Minh, trước tác Tông cảnh lục, Vạn thiện đồng quy... mỗi ngày đêm tụng một bộ kinh Pháp Hoa, niệm 10.000 câu Phật hiệu. Người đương thời tôn xưng Diên Thọ Đại sư là Phật A Di Đà ứng hóa.

7 - Tỉnh Thường Đại sư

Đại sư Tỉnh Thường (959-1020), tự Thửu Vi, người đời Tống. Bảy tuổi xuất gia, sau trụ trì chùa Chiêu Khánh, thành lập Liên xã. Nhân việc trích máu chép phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm nên đổi tên Liên xã thành Tịnh Hạnh xã. Đại sư hóa độ hàng vạn người đều tu tập theo pháp môn niệm Phật.

8 - Châu Hoằng Đại sư

Đại sư Châu Hoằng (1532-1612), hiệu Liên Trì, người đời Minh. Tuổi trẻ thông minh học rộng, có căn duyên với pháp môn Niệm Phật. Năm 32 tuổi, Đại sư xuất gia, học đạo với Tiểu Nham thiền sư, tham cứu câu “Niệm Phật là ai?” đạt ngộ. Niên hiệu Long Khánh thứ năm, Đại sư trú tại núi Vân Thê, trước tác bộ Phật thuyết A Di Đà kinh số sao, tận lực xiển dương pháp môn Tịnh độ.

9 - Trí Húc Đại sư

Đại sư Trí Húc (1599-1655), tự Ngẫu Ích, người đời Thanh. Thuở niên thiếu học Nho, sau nhân xem bộ Trúc song tùy bút của Đại sư Liên Trì vừa đọc kinh Địa Tạng phát ý xuất trần, phát tâm niệm Phật.

Về sau, Đại sư trụ trì trải qua các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thánh Khê, Trường Thủy và Tân An, rộng truyền giáo pháp Thiên Thai và pháp môn niệm Phật.

10- Hành Sách Đại sư

Đại sư Hành Sách (1628-1682), tự là Triệt Lưu, người đời nhà Thanh. Năm 23 tuổi, xuất gia với Hòa thượng Nhưặc Am ở chùa Lý An.

Niên hiệu Khang Hy thứ hai, Đại sư cát am ở núi Pháp Hoa, tại Hàng Châu, chuyên tu Tịnh độ. Sau Đại sư trụ trì chùa Phổ Nhân ở Ngự Sơn, đề xướng thành lập Liên xã. Học giả các nơi hưởng ứng tu tập niệm Phật rất đông.

11- Thập Hiền Đại sư

Đại sư Thập Hiền (1686-1734), hiệu Tĩnh Am, người đời Thanh. Khi xuất gia, tham cứu câu “Niệm Phật là ai?” được tỏ ngộ. Kế tiếp, Đại sư nhập thất ba năm ở chùa Chân Tịch, ngày đọc kinh, đêm chuyên trì danh hiệu Phật

Đại sư lập Liên xã, soạn văn “Khuyên phát lòng Bồ đề” để khuyến khích tứ chúng, trọn đời tinh tấn tu tịnh nghiệp.

12- Tế Tĩnh Đại sư

Đại sư Tế Tĩnh (1741-1810), tự Triệt Ngộ, hiệu Nạp Đường, người đời Thanh.

Thuở bé ngài đã thông thuộc kinh sử. Sau khi xuất gia, tham học với Tụy Như Thuần thiền sư ở Quảng Thông, tỏ ngộ thấu suốt, được truyền tâm ấn.

Đại sư trụ trì chùa Giác Sanh, kể đến là chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn. Tăng chúng về nương ngày càng đông, khiến nơi đây trở thành đại tông lâm. Đại sư chuyên tu tịnh nghiệp, chủ trương Liên tông, hàng ngày chuyên tâm lễ sám, niệm Phật. Vì pháp lợi sanh, Đại sư hoằng hóa không mệt mỏi, tất cả đều dùng Tịnh độ làm chỗ quy thọ.

13- Ấn Quang Đại sư

Đại sư Ấn Quang (1862-1940), hiệu Thường Tàm. Thuở bé Ngài học Nho, 21 tuổi xuất gia với Hòa thượng Đạo Thuận tại chùa Liên Hoa Động ở núi Chung Nam. Nhờ xem bộ Long Thơ Tịnh Độ, biết rõ công đức niệm Phật, nên quy hướng Tịnh độ, và khuyên người niệm Phật. Từ đó, Đại sư tiến bước trên đường tu học trải qua các danh lam như chùa Từ Phước, Long Tuyền, Viên Quang và sau cùng đến chùa Pháp Vân ở Phổ Đà Sơn.

Đại sư khuyến hóa đồ chúng giữ trọn luân thường, tin chắc nhân quả, lánh dữ làm lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây phương.

Sau Đại sư thành lập Tịnh Độ đạo tràng tại chùa Linh Nham, rộng truyền pháp môn niệm Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Năm Mười Bốn: Ảnh hưởng giáo lý Tịnh độ niệm Phật sau Phật nhập diệt (7 ngày)

Vấn: - Chúng con nghe nhiều thời giảng về Tịnh Độ niệm Phật, thì Tịnh độ tông thuộc đại thừa giáo, nếu là đại thừa giáo Bồ tát tạng thì được chư tôn giả kết tập vào lúc nào; trong khi kết tập về Thỉnh văn tạng thì có, có đến sáu lần kết tập kể từ sau Phật nhập diệt...xin Sư hoan hỷ chỉ giáo cho chúng con được học?

Đáp: - Sau Phật nhập diệt bảy ngày, chư tôn giả đứng đầu là ngài Ca Diếp tổ chức kết tập lần thứ nhất, trùng tuyên lại lời của Phật thuyết giảng trong 49 năm hoằng hóa Nhơn Thiên.

Thời điểm bấy giờ trong Tăng đoàn chỉ có ngài A Nan đà là vị tôn giả từng là thị giả hầu cận một bên Đức Phật, A Nan đà đa văn bậc nhất lão thông kinh điển, nhớ tất cả lời Phật dạy, tuy nhiên vì chưa đắc đạo; nên vì muốn giáo pháp Đức Phật tồn tại lâu bền, giữa đại chúng chư tôn giả, ngài Ca Diếp có ý kiến với ngài A Nan đà: "...ngài A Nan đà phải trở về vị trí tu hành cho đến khi nào đắc đạo, trở lại đây trùng tuyên lời Phật...".

Ngài A Nan đà buồn lắm, một mặt Phật vừa tịch diệt, nhưng cũng vì Phật và vì muốn cho chánh pháp lưu thông trong đời có hiệu quả, nên nghe lời chỉ giáo của

ngài Ca Diếp, trở lại am thất tu hành (đắc hay không đắc không là vấn đề. Vấn đề là ngài A Nan đã có nghe lời ngài Ca Diếp hay không? Cuối cùng Ngài A Nan đã có nghe!)

Sau khi ngộ được pháp giáo đại thừa, tâm cởi mở, ngài A Nan đã sanh lòng hoan hỉ trở lại dự đại hội kết tập lần thứ nhất, để trùng tuyên lời Phật.

Ngài Ca Diếp rất vui mừng vì thấy ngài A Nan đã tiến bộ, nên mời ngài vào trùng tuyên lời Phật, đó là lần kiết tập thứ nhất thuộc Thịnh văn tạng, địa điểm bên trong hang Thất La Phiệt, kinh thành Vương Xá. Lần kiết tập này có thời gian là bảy tháng.

Lúc bấy giờ ở ngoài hang, chư vị Bồ tát Văn thù Sư lợi Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát, Di Lạc Bồ tát... hướng dẫn Tôn giả An Nan đã đến núi thiết vi để kết tập đại thừa tam tạng, tức gọi là Bồ tát tạng (Di Đà Sớ sao, trang 8, bản dịch HT Thích Hành Trụ).

Trong Di Đà Sớ sao, Tổ sư Vân Thê Châu Hoằng chú thích kinh A Di Đà thuộc Bồ tát tạng, được kết tập ngay sau Phật nhập diệt bảy ngày.

Kinh A Di Đà là một trong ba bộ kinh, mà phái Tịnh Độ tông lấy làm tông chỉ thứ hướng. Căn cứ vào sự xác định của ngài Vân Thê, chúng ta có thể khẳng định Tịnh Độ tông thuộc Đại thừa Bồ tát tạng.

Về phần kết tập Thịnh văn tạng lần thứ hai có 700 vị Tỳ kheo họp tại kinh thành Tỳ xá lý, do ngài Trưởng lão Da Xá vận động, sau Phật nhập diệt 100 năm. Lần kiết tập này còn gọi là “thất bách kiết tập”, nội dung lần kiết tập thứ hai gồm có: Kinh tạng, Luật tạng, Đại pháp tạng, Tạp tạng và Bồ tát tạng.

Lần kiết tập thứ ba, tại kinh thành Hoa Thi, sau Phật nhập diệt năm trăm năm do nhà vua A Dục bảo hộ, ngài Mục Liên Đế Tu chủ trì, có 1000 Tăng chúng tham dự, lần kiết tập này thời gian chín tháng thì hoàn thành. (có thuyết nói chỉ một trăm năm), thuyết này ít thuyết phục.

Ngoài các lần kiết tập trên, chư vị Đại bồ tát còn tổ chức kiết tập với Mật Tạng, nhưng không thấy nói năm nào và kiết tập ở nơi đâu?

Về Thịnh văn tạng được kiết tập tất cả bốn lần trong nội bộ các Vương quốc thuộc Ấn Độ ngày nay. Lần kiết tập thứ tư tại nước Kasmitra được nhà vua Kaniska bảo hộ, ngài Hiệp tôn giả chủ trì (Lịch sử Phật giáo Ấn Độ, HT Thích Thanh Kiểm biên soạn, NXB Quê Hương xuất bản năm 1965, trang 159). Riêng phần kiết tập lần thứ năm, lần thứ sáu, thì được chư tôn giả hiện đại kiết tập tại Tích Lan, Miền Điện (Lịch sử Phật giáo Ấn Độ).

Kiết tập tức là chư Tăng tổ chức hội nghị (đại hội) trùng tuyên lời Phật dạy, mỗi lần như vậy được Hội nghị tăng già giáo nghiệm thật kỹ lưỡng lời đức Phật dạy từ ngàn xưa, sắp xếp lại những kinh, luật, luận cho có thứ lớp, hoặc in lại, hoặc đưa vào tam tạng kinh điển những bộ luận giải giá trị của chư tôn giả biên soạn, thuyết giảng, nhưng kinh khắc trên bản gỗ, bản đá, trên lá bói, hay in trên giấy...

Mỗi lần kiết tập, là chư tăng Trưởng lão, đại đức, những vị tu hành đắc đạo câu hội thật đông để cử người có uy tín, đạo hạnh khiêm cung trùng tuyên và nghe người trùng tuyên và giải chính lại cho đúng...

Từ ngữ Phật học tổ chức kiết tập, đồng nghĩa với các tổ chức đại hội của Phật giáo, hội nghị chư Tăng già ngày nay nhằm đề cử cố lại tổ chức, thu thập những dữ liệu, kinh nghiệm hay, trên đường hoằng pháp lợi sanh mà đưa vào những luận giải, những bài pháp bổ sung cho tam tạng giáo điển của Đức Phật mỗi ngày thêm phong phú.

Mô Phật, chúng con hân hạnh được học hiểu, xin thành tâm kính lễ Sư!
Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Năm Mười Lăm: Các kinh nói về Tịnh Độ

Vấn: - Pháp môn niệm Phật là pháp môn tối thắng, lưu thông cả ba căn; trên thì chư Phật rời pháp môn này thì không thể độ sanh, dưới chúng sanh rời pháp môn này không thể tu thành Phật. Vậy mà ở thế kỷ 21 có những người cũng là tu sĩ lại chê pháp môn niệm Phật là quyền giáo, xin Sư từ bi khai thị cho chúng con được học tu, đây cũng là phước đức vô lượng của chúng con?

Đáp: - Pháp môn niệm Phật là pháp tu “cực tác tối thắng” ở giữa thế kỷ 21 này, đây cũng chính là lời huyền ký của Đức Phật trong thời mạt pháp, pháp nhược ma cường, các pháp tu cao viển đối với chúng sanh đã từng làm cho họ không thể nghĩ suy đến, với tay không tới, không có phương tiện để tu tập; chỉ có pháp niệm Phật là phong phú, phổ cập rộng rãi, trong chốn thiền môn. Thế nên cho dù anh đi đâu, chị đi về đâu, thì cũng không quên vào lúc 19 giờ là có thời Tịnh độ được các nhà thiền thực hiện, đồng thời dành riêng cho nam nữ Phật tử gần xa đều có thể đến tham dự tu được dễ dàng và thông thoáng.

Trong đời có câu:

Người khéo tu dù nặng như đá qua sông vẫn được (tu Tịnh độ, hoặc tu thiền mà có thêm tịnh độ).

Người vụng tu (tu mà hay chê bay phái này phái nọ, do vậy mà sanh ra ngã mạn, nên gọi là vụng tu) dù nhẹ như hạt cát cũng vẫn chìm (chê trách Tịnh độ, mà chỉ phát tâm tu thiền, bày xích tu Tịnh độ)

Lẽ ra thì cũng không nên đem Phật pháp dẫn chứng cho Phật pháp, những đã hơn nghìn năm rồi giữa “Thiền và Giáo”, bên “Hữu tông”, bên “Không tông” bao giờ cũng có những trở trở ban đầu đối với những người Phật tử tập tu; nên chúng tôi xin mạo muội giải bày, trích những lời kinh nói về Tịnh độ để lần lượt xóa đi những nghi ngờ trong tâm tưởng của người Phật tử về giáo pháp Đức Phật.

* Kinh Đại bản A Di Đà, Phật dạy: “Vào đời đương lai, khi kinh đạo diệt hết, Ta dùng lòng từ bi thương xót, riêng lưu trụ kinh này trong khoảng một trăm năm. Nếu có chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được đắc độ”.

* Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh, Phật dạy: “Trong đời mạt pháp, tuy có úu úc người tu hành, song ít có người nào được đắc đạo, duy chỉ có nương theo pháp môn niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi”.

* Kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy: “Bồ tát Phổ Hiền khích lệ Thiện Tài đồng tử và đại chúng trong hải hội nên phát mười điều nguyện lớn; đến khi lâm chung, tất cả các căn đều tan rã, tất cả oai thế đều tiêu mất, chỉ có mười nguyện lớn này theo mãi không rời mà thôi. Trong tất cả thời, nguyện lớn này dẫn đường đi trước.

Khoảng một giây phút liền được vãng sanh về thế giới Cực lạc. Người ấy tự thấy mình hóa sinh trong hoa sen được Phật thọ ký. Khi được thọ ký rồi, trải qua vô số kiếp độ khắp chúng sanh ở mười phương thế giới nhiều đến không kể xiết, tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà vận dụng trí tuệ để làm lợi ích cho đến có thể dẫn thân vào biển lớn phiền não thông khổ để cứu vớt chúng sanh, đưa họ thoát khỏi sanh tử và được sanh về thế giới Cực Lạc”. Lại nữa, Trưởng giả Giải Thoát nói rằng: “Nếu ta muốn thấy thế giới An Lạc của Vô Lượng Thọ Như Lai thì tùy ý liền thấy. Tất cả thế giới trong mười phương như thế đều có Như Lai, nếu ta muốn thấy thì tùy ý liền thấy. Ta có thể biết rõ các việc thần thông, cõi nước trang nghiêm của Như Lai không đến cũng không đi, không có hành xứ cũng không có trụ xứ, cũng như thân ta cũng không đến cũng không đi, không có hành xứ cũng không có trụ xứ...”

* Kinh Pháp Hoa, Phật dạy: “...Người nghe kinh điển này tu tập đúng như lời Phật, đến khi viên mãn mạng căn, người ấy lập tức sinh về thế giới An Lạc của Phật A Di Đà, nơi đó có các vị Bồ tát bao quanh. Người ấy sinh trong hoa sen, ngồi trên tòa báu, chứng vô sanh nhẫn, thần thông của Bồ tát...”

* Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy: “Bồ tát Đại Thế Chí bạch với Phật rằng: Con nhớ thuở xa xưa, số kiếp như cát sông Hằng, có Phật Vô Lượng Quang ra đời. Thuở ấy có mười hai Đức Như Lai kế tiếp nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng là Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai dạy con tu pháp niệm Phật tam muội, ví như một người chuyên nhớ, một người hay quên. Hai người ấy hoặc có gặp nhau cũng như không gặp, hoặc có thấy nhau cũng như không thấy. Nếu cả hai người đều nhớ nhau, cứ nhớ mãi sâu vào tâm niệm cũng như hình với bóng thì từ đời này đến đời khác không bao giờ cách xa nhau. Như Lai khắp cả mười phương thương tưởng chúng sanh như mẹ hiền thương nhớ con thơ. Nếu con thơ cương quyết trốn tránh mẹ thì mẹ hiền có thương nhớ đến cũng vô ích mà thôi. Nếu con thơ nhớ tưởng đến mẹ hiền cũng như mẹ hiền nhớ nghĩ đến con thì đời đời mẹ con không cách xa. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại hay vị lai nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, không nhờ phương tiện nào khác mà đóa hoa của tâm linh tự bùng nở, như người xúc nước hoa thì thân có mùi thơm, đây gọi là

Hương Quang trang nghiêm. Bản thân con là vận dụng tâm niệm Phật để chứng nhập vô sanh nhẫn...Hiện nay con ở cõi này tiếp dẫn người tu niệm Phật về Tịnh độ. Phật hỏi về viên thông, con thu nhiếp sáu căn, không có lực chọn, tịnh niệm nối tiếp không ngừng, vào tam ma địa đây là hơn cả...”.

Kinh Bảo Tích, Phật dạy: “Phật bảo Phụ Vương:

- Tất cả chúng sanh đều là Phật. Bây giờ, phụ vương nên niệm Phật A Di Đà ở thế giới phương Tây, siêng năng tinh tiến sẽ đắc đạo.

Vua hỏi:

- Tất cả chúng sanh tại sao là Phật?

Phật đáp:

- Tất cả pháp không có sinh, không có lay động, không có nắm lấy, xả bỏ, không có hình tướng, không có tự tánh, phải an trụ tâm ấy trong Phật pháp, Phụ vương chớ nên tin tưởng vào các pháp khác.

Khi ấy, Phụ vương và bảy vạn người họ Thích nghe nói pháp này thì tin hiểu, vui mừng, tỏ ngộ vô sinh nhẫn. Phật mỉm cười, nói kệ:

Họ Thích trí quyết định

Nên đối với Phật pháp

Tâm an trụ đức tin

Sau khi bỏ thân này

Sinh về nước An Lạc

Diện kiến Phật A Di Đà

Chứng nhập vô sở úy

Thành tựu đạo giác ngộ

Lại nữa, Phật còn dạy Di Lạc phát mười tâm sẽ được vãng sanh về Cực Lạc. Mười tâm là:

1/Đối với chúng sanh khởi lòng đại từ không làm tổn hại

2/ Đối với chúng sanh khởi tâm bi rộng lớn không làm bức não

3/ Đối với chánh pháp của Phật không tiếc thân mạng, vui vẻ giữ gìn.

4/ Đối với tất cả pháp phát tâm thẳng nhẫn, tâm không dính mắc.

5/ Không tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, cho nên tâm ý thanh tịnh an vui.

6/ Vì cầu Phật trí nên không quên mất chánh niệm trong bất cứ lúc nào.

7/ Đối với tất cả chúng sanh tôn trọng, cung kính, không hề khinh khi.

8/ Không dính mắc vào thế luận, đối với thành phần tuệ giớlc sanh tâm quyết định.

9/ Vun trồng căn lành, tâm tư thanh tịnh, không có tạp nhiễm.

10/Đối với các Đức Như Lai xa lìa các tướng, khởi tâm niệm Phật...

(Tây phương Hiệp luận, của Viên Hoành Đạo, bản dịch Thích Trí Thông trang 70, 71, 72, NXB Tổng Hợp Tp.Hồ Chí Minh, xuất bản năm 1999)

* Ngài Thiên Như Duy Tác Thiên Sư dạy: “Mạt pháp về sau, các kinh diệt hết, chỉ còn lưu lại bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu kẻ nào không tin, tất sẽ bị đọa vào địa ngục...”

Kinh sách nói về Tịnh độ, xương minh Tịnh độ, dẫn chứng pháp môn tu hành, phù hợp và lợi ích ba căn đối với thể nhân trong thế kỷ hai mươi mốt thì vô lượng lời Phật Thích Ca giáo hóa. Nay chỉ trích dẫn một ít lời Phật, Tổ sư dạy, trong các kinh sách Phật nói về Tịnh độ để khắp khuyên tứ chúng đồng tu hành tinh chuyên niệm Phật bất thối chuyển, không còn nghi ngờ về pháp tu niệm Phật. Phổ nguyện chư liên hữu tinh tiến niệm hồng danh A Di Đà Phật không lùi bước, hứa hẹn sen hồng khai hoa nở nhụy nơi ao liên trì xanh ngát, khách hồng trần niệm Phật vững chãi, nương thuyền từ đến bên Tây Phương Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hồng Tâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN XI. GIÁO NGHĨA ĐẠI THỪA CỦA PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Ngày Thứ Năm Mười Sáu : Pháp ngữ Tịnh độ

Vấn: - Pháp môn niệm Phật là pháp môn tu tối thắng, tối phương tiện là kim chỉ nam cho chúng sanh cõi ta bà tìm cầu nương dựa mà tu học. Chính giới chúng sanh rời pháp môn này thì không thể tu thành Phật; mười phương chư Phật rời pháp môn này thì không thể độ chúng sanh.

Chủ yếu các pháp môn tu là phương tiện, làm cho chúng sanh lìa ái (chỉ mặt vô minh) dứt vô minh (cội gốc) như pháp môn niệm Phật là phương tiện lớn của chư Phật ba đời, giúp cho chúng sanh trong cõi ta bà dễ tiếp nhận pháp tu, phát nguyện tinh chuyên niệm Phật để chuyển hóa ta bà thành Tịnh độ; xin Sư từ bi hoan hỷ khai thị cho chúng con về pháp môn niệm Phật Tịnh độ tông?

Đáp: - Ngài Đại sư U Khê dạy: Tất cả pháp môn tu hành đều là tên thuốc để trị bệnh mà Như Lai giả lập ra. Do vì bệnh nhiều nên thuốc cũng lắm. Muốn tìm cầu con đường thẳng tắt nhưng lại chính yếu nhất, thì không gì hơn pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Có thể nói đây là bí quyết để mau thành tựu Phật đạo. Bởi vì muốn thoát ly sanh tử, cần phải nhờ vào ba lực, đó là tự lực, tha lực và công đức lực.

Nếu chỉ cốt mong khai mở được tâm địa, xé thủng lưới vô minh, ra khỏi sông ái dục mà làm Phật làm Tổ thì gọi là tự lực. Đây là những bậc long tượng của tông môn, đại trượng phu trong Phật pháp. Những người đó, là những bậc đại Bồ-tát, Thanh văn, bậc đại Tổ sư trong thời Phật tại thế hay thời kỳ chánh pháp. Trong thời tượng pháp, mật pháp, căn khí chúng sanh ngày càng hạ liệt, có người tu nhưng không liễu ngộ, hoặc có liễu ngộ nhưng không sâu xa. Quán chiếu tự tâm tựa hồ giải thoát, nhưng khi đối cảnh lại vẫn hoàn mê. Dẫu có không mê thì cũng chẳng khác nào đồ gốm chưa nung. Bồ-tát còn mê khi cách âm, Sơ quả còn muội

lúc thập thai, thì bác địa phàm phu hèn gì không trôi theo dòng nghiệp. Đó là tự lực nhưng nào có ích chi, xuất trần nhưng làm gì có xuất. Một sai lầm thì muôn ngàn sai lầm, thật là ớn lạnh!

Thế nên, chư Phật, Bồ-tát mới lập bày phương tiện, thi thiết ra pháp môn nương nhờ tha lực. Đối với pháp môn này, kinh luận diễn thuyết cũng nhiều, bao phen dặn đi dặn lại, hết lời tán thán ngợi khen. Tổ tổ hoằng dương, người người sùng phụng. Chỉ có một môn niệm Phật cầu sanh Tây phương mới là cứu cánh. Mỗi lời mỗi lời đều xiển dương duy tâm Tịnh độ, từng câu từng câu đều diễn thuyết bốn tánh Di-đà. Kể ngộ thì liễu ngộ tâm chúng sanh, tâm Phật hoàn toàn bình đẳng; tâm độ Phật đạo nào có khác đâu. Người tu thì đạt được diệu quán và diệu cảnh khế nhau, tự lực và tha lực cùng có. Huống gì là công đức tự lực vốn có. Tánh cụ từ vô thi nhân đây mà rõ ràng, công đức từ muôn đời nhờ đây mà đôn phát. Cho nên mãn báo ta-bà thì Tịnh độ hiện tiền, hóa sanh trong hoa sen mà không mê trong sanh ám. Một nhập thì vĩnh viễn nhập, chẳng bao giờ còn thối chuyển. Vì vậy mà những người vãng sanh đều là a-bệ-bạt-trí đông không kể xiết. So với sự nhập đạo ở ta-bà, thì trong cõi này cảnh trần thô thô trực, ác đảo hiểm nạn ở đâu cũng có, nên cố nhiên không như cõi Cực lạc. Thế nhưng, nói không khó, thực hành mới khó. Đây chính là chỗ người xưa chỉ dạy, người nay nên theo. Dương Thứ Công nói rằng: “Ái không nặng thì không sanh ta bà, niệm không nhất thì không sanh Cực lạc”.

Phàm niệm Phật chính là làm cho cái tâm của mình chuyên nhất. Cần phải khẩn thiết trì danh, chuyên tâm bất loạn. Còn như có chí nguyện mà không thường niệm, niệm nhưng không chuyên nhất, thì chẳng khác nào bị tình ái dẫn đi. Hễ làm cho tâm ái nhẹ đi tức là loại trừ được vọng tưởng, chặt đứt được tình căn, thoát ra khỏi lưới ái. Còn như niệm không nhưng không thể quên, quên nhưng không quên hết, thì chẳng khác nào tâm không được chuyên nhất. Ta-bà còn một niệm ái nặng, thì khi lâm chung bị niệm ái này dẫn dắt, huống gì là nhiều tâm ái ư? Cực lạc còn một niệm không chuyên nhất, thì khi lâm chung bị niệm này lừa chuyển, huống gì còn nhiều niệm ư?

Ái có nhẹ, có nặng, có mỏng, có dày, có chánh báo, có y báo. Đơn cử trước mắt như: Cha mẹ, vợ con, anh em bè bạn, công danh phú quý, văn chương thi phú, đạo thuật nghề nghiệp, ăn uống, áo quần, nhà cửa vườn ruộng, suối rừng hoa cỏ, của cải bạc vàng, nhiều không kể xiết. Hễ còn nhớ nghĩ một vật tức là còn tâm ái tức niệm không chuyên nhất. Hễ còn một niệm không chuyên nhất thì không được vãng sanh. Ôi! Hai câu “Ái không nặng thì không sanh ta-bà, niệm không nhất thì không sanh Cực lạc” thật là kim vàng chữa bệnh mờ mắt, là Thánh dược trị bệnh nan y. Nhưng người có chí nguyện cầu sanh Cực lạc, nên viết trên vách, khắc trong xương, ngày ngày cung kính đọc tụng, niệm niệm cần phải khắc ghi. Ái của ta-bà ngày càng nhẹ, niệm của Cực lạc ngày một chuyên, thì đó lại đã nhẹ lại càng nhẹ hơn để đạt đến vô niệm; đã chuyên nhất lại càng chuyên nhất để đạt đến chỗ

cùng tốt. Dù chưa ra khỏi uế độ nhưng không phải là khách ở mãi trong ta-bà, tuy chưa sanh trong bảo sở nhưng đã là tân khách ở Cực lạc. Lâm chung chánh niệm hiện tiền thì chắc chắn vãng sanh Cực lạc.

Có người hỏi rằng: phải chăng là làm cho ái được nhẹ?

- * Làm cho ái được nhẹ đâu bằng làm cho niệm chuyên nhất.
- * Vậy thì làm cho niệm chuyên nhất là đúng ư?
- * Làm cho niệm chuyên nhất đâu bằng làm cho ái được nhẹ.

Có người mĩa mai rằng: Sư nói kiêu chuột có hai đầu, người học không biết phải theo đầu nào mới đúng đây.

Sư đáp: Đó không phải là hai đầu, mà muốn nói đến nhất niệm. Bởi vì, sở dĩ niệm không chuyên nhất là do tán tâm chạy theo duyên mà ra. Tán tâm chạy theo duyên là do loạn tưởng chạy theo cảnh mà có. Ta-bà có một cảnh thì chúng sanh có một tâm, chúng sanh có một tâm thì ta-bà có một cảnh. Muôn duyên náo động bên trong nên rong ruổi tìm cầu ở bên ngoài. Tâm và cảnh theo nhau, thì ái giống như trần sa. Cho nên muốn làm nhẹ tâm ái đó thì gì bằng đoạn cái tâm duyên theo cảnh đó. Muôn cảnh đều định, vạn duyên đều tịnh thì nhất niệm tự thành. Nhất niệm mà thành thì ái duyên đều dứt. Cho nên nói: “Muốn làm chuyên nhất cái niệm của mình thì không gì hơn làm nhẹ cái tâm ái của mình. Muôn làm nhẹ tâm ái của mình thì không gì hơn làm chuyên nhất cái niệm. Cái thể của ái và niệm không cùng tồn tại, giống như tương sáng và tối đối nghịch nhau”.

Có người hỏi: Bít lấp muôn cảnh có đúng chăng?

Ta nói bít lấp muôn cảnh là không phải ngăn trừ vạn hữu, cũng không phải là nhắm mắt không nhìn, mà chính là gặp cảnh thì phải liễu tri rằng nó rỗng không, gặp góc thì phải thấu triệt được ngọn.

Vạn pháp vốn chẳng tự có, sở dĩ có là do tình chấp. Cho nên tình có thì vật có, tình không thì vật không. Một khi vạn pháp rỗng không thì bản tánh hiện tiền. Bản tánh hiện tiền thì tình niệm liền dứt. Nó vốn tự nhiên như vậy chứ không hề miễn cưỡng. Kinh Lăng nghiêm gọi đó là cái thấy và cảnh bị thất đều là tướng vọng tưởng, như hoa đôm giữa hư không, vốn không thật có. Cái thấy và cảnh bị thất này nguyên là thể giác ngộ nhiệm màu thanh tịnh sáng suốt. Như vậy thì tại sao trong đó lại có phải có quấy? Do đó, muốn bít lấp cảnh này thì không gì hơn liễu đạt được vật vốn rỗng không thì tình chấp tự dứt. Tình chấp mà dứt thì ái chấp không sanh, mà đó chỉ là do tâm hiện, và niệm chuyên nhất được thành tựu.

Trong Kinh Viên Giác chép: “Biết huyền liền lìa, chẳng bày phương tiện, lìa huyền tức giác, vốn chẳng thứ lớp. Cái này mất đi, cái kia tồn tại, không thể suy lường, hiệu nghiệm mau chóng, giống như đánh trống”. Vì vậy người học cần nên dốc tâm nghiên cứu.

Lại hỏi: Làm nhẹ tâm Ái và làm cho niệm chuyên nhất giống nhau hay khác nhau?

* Có thể làm nhẹ tâm ái cõi ta-bà nhưng chưa chắc đã có thể làm chuyên nhất niệm ở Cực lạc. Có thể làm chuyên nhất niệm ở Cực lạc tất có thể làm nhẹ tâm ái ở ta-bà. Đây là đứng giữa có chí nguyện và không chí nguyện mà nói như vậy. Chứ thật ra tâm ái nếu không phải nhất niệm thì không thể quên. Niệm nếu chẳng phải quên ái thì không chuyên nhất. Vì vậy phương pháp hành trì hỗ trợ cho nhau không hề gián đoạn.

Lại hỏi: Như làm nhẹ tâm ái thì được rồi, còn làm cho niệm chuyên nhất thì sao?

* Phương pháp làm cho niệm chuyên nhất có ba, đó là Tín, Hạnh và Nguyện. Không nghi ngờ gọi là Tín. Nếu còn một nghi ngờ thì tâm không thể nào chuyên nhất được. Do đó khi cầu sanh Tịnh độ, thì tâm thuần tín đứng đầu. Thế nên hành giả cần phải tụng khắp Kinh điển Đại thừa, học rộng giáo môn chư Tổ. Hễ gặp những kinh sách luận về Tịnh độ, đều phải nghiên cứu kỹ lưỡng. Liều đạt được Cực lạc nguyên là Tịnh độ duy tâm của chính mình chứ không phải ở cõi khác. Thấu triệt được Di-đà nguyên là chân thân Phật của chính bản tánh chúng ta chứ không phải Đức Phật nào khác. Tóm lại có hai ý, một là liễu ngộ được diệu hữu châu biến cùng khắp để làm cội gốc cho việc ưa thích cõi Tịnh; hai là liễu ngộ được chơn không lìa xa tất cả để làm nền tảng cho việc xả bỏ cõi Uế.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Năm Mười Bảy : Pháp chánh hạnh và trợ hạnh

Sư sẽ giảng tiếp về hạnh môn, trong đó có chánh hạnh và trợ hạnh để trợ duyên cho các liên hữu.

Tu hành đến khi tâm tánh thuần thực thì gọi là thuần tính, thuần tính giống như con mắt để nhìn, tu hành giống như đôi chân để đi. Tín mà không hạnh, cũng như có mắt mà không có chân. Hạnh mà không có Tín, cũng như có chân mà không có mắt. Cho nên khi có Tín giải đầy đủ, cần phải niệm Phật tu hành, giống như có đủ mắt và chân thì mới có thể đến được Cực lạc. Hạnh môn có hai, đó là Chánh hạnh và Trợ hạnh.

Chánh hạnh lại có hai:

1. *Xung danh*: Như trong Kinh A Di-đà nói đến thất nhật trì danh, Nhất tâm bất loạn, có cả Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Nếu miệng xưng niệm danh hiệu Phật, buộc tâm phải bất loạn, giả sử tâm duyên theo ngoại cảnh, thì phải nhiếp tâm về lại

với câu niệm Phật. Chỗ này cần phát sinh tâm quyết định mới thành. Dứt trừ niệm vọng đời sau, vứt bỏ hết việc đời, buông bỏ các tâm duyên, khiến cho tâm niệm dần dần tăng trưởng. Từ dần dần cho đến lâu ngày, từ ít mà trở thành nhiều, từ một ngày hai ngày cho đến bảy ngày, đến khi nào Nhất tâm bất loạn mới thôi. Đây chính là sự nhất tâm.

Nếu được như vậy rồi, tức là Tịnh nhân của Cực Lạc đã thành tựu. Lúc sắp mạng chung nhất định có chánh niệm, thân không có bệnh khổ, không bị ác nghiệp trói buộc, biết trước giờ chết, thân tâm hoan hỷ, an nhiên mà đi, ngồi thẳng mà mất. Lại đích thân thấy Phật A Di-đà phóng quang tiếp dẫn, tắt sanh về Tịnh độ.

Lý nhất tâm cũng chẳng có gì khác cả, chỉ có điều trong Sự nhất tâm, niệm niệm đều liễu đạt được Tâm năng niệm, Phật sở niệm, ba đời đều bình đẳng, mười phương đều tương đồng, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tự, chẳng phải tha, không đến không đi, không sanh không diệt. Tâm của một niệm hiện tiền chính là Tịnh độ của vị lai. Niệm mà chẳng niệm, chẳng là niệm mà niệm. Vô sanh nhưng mà sanh, sanh nhưng mà vô sanh. Ngay trong chỗ không thể niệm đó nhưng dừng mãnh cầu sanh. Đó là trong Sự nhất tâm lại hiện bày Lý nhất tâm.

2. *Quán tượng*: Như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói rất đầy đủ mười sáu cảnh Sở quán. Quan trọng nhất trong pháp quán Phật đó chính là quán Phật Di-đà thân cao một trượng sáu, toàn thân có màu Tử mà kim bao phủ, đứng trên hoa sen duỗi tay để tiếp dẫn. Thân ngài có ba mươi hai tướng của đại nhân, mỗi tướng có tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Quán tượng như vậy cũng có tợng và có Lý. Sự quán thì buộc tâm theo Phật. Trước tiên quán dưới chân Phật bằng phẳng như đáy chậu, kế đến quán tướng ngàn hoa dưới lòng bàn chân. Như vậy mà lần lượt quán ngược lên đến tướng nhục kế trên đỉnh đầu. Lại từ tướng nhục kế mà quán xuống đến tướng bằng phẳng dưới lòng bàn chân. Trong lúc quán phải phân minh rõ ràng không được tán tâm.

Còn như Lý quán, trong kinh chép: Chư Phật Như Lai là pháp giới thân, thể nhập trong tâm tướng của tất cả chúng sanh. Cho nên lúc tâm tướng đến Phật, thì tâm tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Khi tâm tác quán Phật thì tâm ấy là Phật. Nghĩa lý này có nói rõ trong “Vi Diệu Tam Quán”. Như trong Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao nói rằng: Hai thứ chánh hạnh này phải ngay trên tướng mà tiến tu. Trong lúc đi đứng nằm ngồi phải nhất tâm xung niệm danh hiệu. Trong lúc ngồi kiết già phải tâm tâm tác quán. Đi mệt thì ngồi kiết già mà quán Phật, ngồi xong lại đi kinh hành mà xung niệm. Nếu trong bốn oai nghi tu hành không gián đoạn, thì nhất định được vãng sanh.

Trợ hạnh cũng có hai:

1. *Hạnh của thế gian*: Như hiếu thuận với cha mẹ, làm những việc nhân từ, tâm từ không sát hại, giữ gìn các giới cấm, tất cả các việc làm lợi ích đó, nếu đem hồi hướng về Tây phương Tịnh Độ, thì đó đều là nhân hạnh trợ giúp cho đạo quả.

2. *Hạnh xuất thế gian*: Như lục độ vạn hạnh, vô số các công đức khác, đọc tụng kinh Đại thừa, tu tập các sám pháp, cũng cần phải dùng tâm hồi hướng để trợ tu, thì đó đều là nhân hạnh của Tịnh độ.

Lại có một thứ trợ hạnh vi diệu nữa, đó là: Ngay trong lúc phan duyên theo ngoại cảnh, ở bất cứ nơi nào cũng phải dụng tâm. Như gặp quyến thuộc, phải tác quán đó là pháp quyến của Tây phương, dùng pháp môn Tịnh độ mà khai hóa, dẫn dắt họ, khiến cho tâm Ái nhẹ đi, niệm được chuyên nhất. Họ mãi mãi là quyến thuộc Vô sanh trong tương lai

Nếu lúc khởi tâm ân ái, thì phải nhớ nghĩ rằng quyến thuộc của Tịnh độ không có tình ái, đâu phải đến lúc vãng sanh Tịnh độ mới xa lìa ân ái này?

Nếu lúc khởi tâm sân hận, thì phải nhớ nghĩ rằng quyến thuộc của Tịnh độ không có chỗ nào, đâu phải đến lúc vãng sanh Tịnh độ mới lìa tâm sân hận này?

Nếu lúc chịu khổ, phải nhớ nghĩ rằng Tịnh độ không có các thứ khổ, chỉ có an vui; khi được an vui phải nhớ nghĩ rằng sự an ủi trong cõi Tịnh độ không thể tính kể, không có đối đãi.

Lúc phan duyên theo ngoại cảnh đều dùng những tâm niệm tương trợ như vậy tùy cảnh mà tác quán, thì bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu cũng đều là trợ hạnh của Tịnh độ.

Thứ ba là Nguyên. Con thuyền Tịnh độ cần phải dùng Tín làm bánh lái, Hạnh làm cột buồm mái chèo, Nguyên làm cánh buồm đón gió. Nếu không có bánh lái thì không thể điều khiển con thuyền đi đúng hướng. Nếu không có cột buồm mái chèo, thì thuyền không thể chuyển động. Nếu không có cánh buồm đón gió thì thuyền không thể cỡi sóng lướt tới. Cho nên sau Hạnh phải nói đến Nguyên.

Nguyên có chung, riêng, rộng, hẹp, có cùng khắp, có hạn cuộc. Chung, chẳng hạn như Cổ đức lập ra lời văn nguyện riêng. Rộng, như bốn hoàng thế nguyện, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Hẹp, như mỗi người tự lượng sức mình mà quyết chí vãng sanh. Hạn cuộc, như tụng theo thời khóa, theo chúng mà phát nguyện. Cùng khắp, thì lúc nào cũng phát nguyện, ở đâu cũng phát tâm, nhưng cần phải tương ứng với bốn hoàng thế nguyện, không được tự ý tự chuyên mà vọng lập ra. Nhìn chung các nguyện được phát ra, thì riêng thù thắng hơn chung. Bởi vì phát nguyện của người khác. Còn phát nguyện riêng thì tự mình phát tâm. Thế nhưng còn tùy theo lời văn phát nguyện chung đó mà sanh quyết chí, thì tuy chung nhưng lại mà riêng. Nếu trong lời văn phát nguyện riêng mà được nhiều người phát nguyện giống như vậy thì riêng đã trở thành chung. Lại nữa, phát nguyện rộng thì thù thắng hơn phát nguyện hẹp. Rộng từ phát tâm từ lớn được quả cao, hẹp thì phát Bi nguyện cạn cho nên được quả thấp. Lại phát nguyện cùng khắp thì thù thắng hơn phát nguyện hạn cuộc. Vì hạn cuộc thì thường bị gián đoạn, cùng khắp thì niệm niệm đều viên thành.

Ba cách phát nguyện như vậy, đủ để kỳ vọng sanh Tịnh độ, mau được thấy Phật A Di Đà. Tất cả pháp môn Tịnh độ đều không ngoài mà ở tại nơi đây.

Những năm tu ở non núi Đức tôn sư thường dạy chư Tăng Ni, Phật tử phát nguyện: nguyện tu cho đến ngày thành đạo, nguyện sống cũng ở non, chết cũng ở non tu hành cho đến công viên quả mãn. Nếu phải duyên trần thế đón đưa thì các ông các bà cũng phải phát nguyện một lòng không xa rời chánh pháp mà độ sanh. Mang Phật pháp đi vào đời phải có hạnh lành như “dầu với nước” dầu và nước tuy ở chung nhưng dầu thì lúc nào cũng nổi trên mặt nước một cách bình lặng an nhiên tự tại. Được như vậy các ông các bà mới hóa độ tha nhân. Tâm mình có rảnh rang mới có cơ hội độ đời, tâm không rảnh rang thì độ mình không xong làm gì có chuyện độ sanh.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Năm Mười Tám : Đức Phật & Pháp môn niệm Phật

Vấn: - Chúng con nhận thấy Đức Thích Ca Mâu Ni sau khi nhập diệt, giáo pháp được truyền đặng đến ngày Ca diếp là Sơ Tổ Thiên tông bên Tây thiên; Hôm nay chúng con được Đức Thầy và Sư giáo hóa tu tập pháp môn niệm Phật, không phải tu thiền theo Phật Tổ, như vậy có sai lạc lời huyền ký của Phật hay không, xin Sư từ bi chỉ giáo về Đức Phật Thích Ca với pháp môn niệm Phật Tịnh độ tông?

Đáp: - Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ nơi pháp thân mà thị hiện tám tướng thành đạo ở cõi Ta bà, thuyết pháp trong bốn mươi chín năm chỉ nhằm mục đích muốn cho hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, viên thành Phật đạo.

Đúng như trong kinh đã nói: “Đức Như Lai dùng tâm vô tận đại bi thương xót chúng sanh trong ba cõi mà xuất hiện nơi đời, xiển dương giáo pháp vì muốn cứu vớt quần mê, đem lại lợi ích chân thật cho chúng sanh”. Lợi ích chân thật cứu kính mà đức Thế Tôn đem lại cho chúng sanh là dứt trừ cội gốc sanh tử luân hồi từ vô lượng kiếp, đưa chúng sanh đến Niết Bàn rốt ráo, nhanh chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhưng chúng sanh ở cõi Ta bà cấu nhiễm sâu nặng mê thất bản tâm, tham đắm vui chơi ở trong nhà lửa mà ngăn chướng thánh đạo. Đức Thế Tôn sau khi thành đạo dưới cội Bồ đề, trong khoảng hai mươi một ngày vì bốn mươi một vị pháp thân Đại sĩ và hàng thiên long bát bộ có thiện căn thuần thực mà tuyên thuyết kinh Hoa Nghiêm, các bậc đại Bồ tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v... đều lãnh hội mà được lợi ích giải thoát, còn các hàng Thanh văn và Bồ tát sơ phát tâm thì không nghe, không thấy.

Khi ấy đức Thế Tôn suy nghĩ rằng: “Giáo pháp của ta thậm thâm vi diệu khó hiểu khó biết, hết thảy chúng sanh bị trói buộc ở pháp thế gian, tham đắm năm dục

cho nên không sao hiểu nổi, chẳng bằng cứ an nhiên nhập Niết Bàn là hơn cả”. Phạm Vương và Đế Thích cung kính thỉnh đức Thế Tôn trụ thế, vì chúng sanh cõi Ta bà mà chuyển bánh xe pháp. Sau ba lần cầu thỉnh, đức Phật im lặng hứa khả. Ngài liền nhập định để quán xét căn cơ của chúng sanh xem ai có thể tiếp thụ được giáo pháp thì sẽ độ cho. Ngài liền đến vườn Lộc Uyển xứ Ba La Nại, vì năm anh em ông Kiều Trần Như mà chuyển đại Pháp luân, thuyết giảng giáo pháp Tứ đế.

Đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp là tùy theo căn tính cao thấp khác nhau của chúng sanh, tùy bệnh mà cho thuốc, phương tiện lập ra năm thừa để mà tiếp dẫn. Thời A hàm, trước vì chúng sanh căn tánh thấp kém mà giảng pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên, Lục độ v.v... đó là quyền giáo Tam thừa. Đến thời kỳ Phương đẳng, thời Bát nhã thì loại bỏ chấp ngã (ngã pháp đều không) trải hơn bốn mươi năm đến hội Pháp Hoa mới khai quyền hiển thực, hội quy Tam thừa về Nhất Phật thừa. Một đời giáo hóa của đức Phật được chia thành năm thời tám giáo, nên nói: "tùy theo tâm của chúng sanh mà đáp ứng những sự hiểu biết cần thiết, thích hợp.

Đức Thế Tôn trong quá trình giáo hóa, điều phục những chúng sanh có duyên với Phật pháp, Ngài quán sát thấy căn tính của chúng sanh đã thuần thực, có thể gánh vác được đại pháp xuất thế, Ngài liền tuyên dương bản hoài đó là giảng thuyết pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Kinh A Di Đà là pháp vô vân tự thuyết, chỉ thẳng Tây phương Tịnh độ, được hưởng tới bậc trí tuệ đệ nhất Xá Lợi Phất để giới thiệu, điều này ngầm chỉ đương cơ của pháp môn Tịnh độ phải là bậc thượng căn lợi trí, người có trí tuệ nông cạn khó có thể đảm đương, tin sâu mà không nghi ngờ.

Vậy pháp môn Tịnh độ chiếm vị trí nào trong giáo pháp của đức Phật? Như mọi người đều biết kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa là Nhất thừa viên giáo. Kinh Hoa Nghiêm được công nhận là vua của các kinh, song điều cốt lõi của thấu tóm toàn bộ kinh Hoa Nghiêm là sản phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện; điều cốt lõi của phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện là ở chỗ Bồ tát Phổ Hiền dùng mười đại nguyện dẫn quy về thế giới Tây phương Cực lạc.

Có thể nhận thấy Hoa Nghiêm và Tịnh độ là hết sức vi diệu. Trong kinh Pháp Hoa, Phật dạy: chỉ cần xưng một câu Nam mô Phật đều tạo nhân duyên thành Phật đạo. Tịnh độ là chỉ cho phương pháp chuyên trì danh niệm Phật vãng sanh Cực Lạc ắt sẽ thành Phật. Đại Sư Ngẫu Ích tán thán rằng: “Hoa Nghiêm áo tàng, Pháp Hoa bí tủy, hết thảy tâm yếu của chư Phật, kim chỉ nam của Bồ tát vạn hạnh, đều xuất phát từ đó”.

Hoa Nghiêm là toàn viên, Pháp Hoa là thuần viên, áo tàng và bí tủy của nó đều không ra ngoài pháp môn Tịnh độ, điều đó chứng tỏ Tịnh độ tông là pháp môn viên đốn. Và lại Hoa Nghiêm và Pháp Hoa tuy viên đốn lại phương tiện, chỉ cần trì danh niệm Phật, liền có thể viên thành đạo nghiệp. Như ngài Liên Trì Đại sư nói: "Viết tam kỳ vu nhất niệm, tề chư Thánh vu phiến ngôn", nghĩa là một niệm tịnh

tín thể nhập vào bể đại nguyện của Phật Di Đà có thể siêu việt công hạnh tu tập trong ba A Tăng kỳ kiếp; chấp trì sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật liền có thể công đức trí tuệ ngang bằng với chư đại Bồ tát Quán âm, Thế chí, Văn thù, Phổ Hiền...

Như vậy, pháp môn Tịnh độ vừa phương tiện vừa cứu cánh, có thể nói là pháp liễu nghĩa bậc nhất trong các pháp liễu nghĩa, là pháp cực kỳ viên đốn trong các pháp viên đốn.

Tịnh độ tông thu nhiếp và siêu việt một cách viên mãn hết thảy các pháp môn. Một câu A Di Đà Phật gồm đủ cả 4 câu tông chỉ:

1. Lấy duy tâm làm Tông (toàn tâm tức Phật)
2. Lấy duy vật làm Tông (toàn Phật tức tâm).
3. Lấy tuyệt đãi viên dung làm Tông (ngoài tâm không có cảnh là tuyệt đãi, dứt bất đối đãi tâm chúng sanh và tâm Phật dung nhiếp lẫn nhau là viên dung).
4. Siêu tình ly kiến làm Tông (vượt bỏ phàm tình, lìa bỏ kiến chấp).

Phật pháp có vô lượng pháp môn, nhưng chúng quy không ngoài bốn môn đó là: Hữu môn, Không môn, Diệc hữu diệc không môn và Phi hữu phi không môn. Điều này chứng tỏ Tịnh độ tông thu nhiếp hết thảy các pháp môn một cách viên mãn. Lại thấy Tông duy tâm viên siêu hữu môn; Tông duy Phật viên siêu không môn; Tông tuyệt đãi viên siêu diệc hữu diệc không môn; Tông siêu tình ly kiến viên siêu phi hữu phi không môn. Điều đó chứng tỏ Tông tịnh độ siêu việt một cách viên mãn. Một câu A Di Đà Phật thu nhiếp, siêu việt hết thảy các pháp môn một cách viên mãn, là pháp môn đại tổng trì của mười hai bộ kinh, cao sâu khó tin chẳng thể nghĩ bàn.

Đại sư Thiện Đạo với đầy đủ tuệ nhãn đã từng chỉ dạy: "Đức Như Lai sở dĩ xuất hiện nơi đời chỉ vì thuyết minh bốn nguyện rộng sâu của đức Phật A Di Đà". Câu nói ấy khai thông cho kẻ điếc, mở mắt cho kẻ mù lòa, phát khởi; những điều chưa từng được phát khởi, tất cả nhằm chỉ rõ: Đức Thích Ca Như Lai (cho đến mười phương ba đời hết thảy chư Phật) thị hiện ở thế gian chỉ nhằm một mục đích duy nhất là tuyên thuyết pháp môn niệm Phật.

Câu nói đó không phải người tầm thường có thể chỉ ra được. Trong Tây Phương lược truyện tôn xưng ngài Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di Đà, Đại sư Liên Trì thì nhận định: "Đại sư Thiện Đạo được mọi người tôn xưng là hóa thân của Phật Di Đà, nếu chẳng phải là hóa thân của Phật Di Đà thì cũng là hóa thân của các Đại Bồ tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v..."

Đại sư Ngẫu Ích cũng từng nói: "Một câu A Di Đà Phật chính là pháp Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà đức Thích Ca chứng đắc ở nơi đời năm ác trước này, nay lấy quả giác ấy trao lại toàn thể chúng sanh đời ác trước. Còn như cảnh giới của chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu thấu cùng tận, chẳng phải sức của chúng sanh trong chín cõi có thể hiểu được". Trong lời khai thị của Đại sư Ngẫu Ích với lời minh thị của Đại sư Thiện Đạo là không hai không khác, cái thấy

biết của bậc thánh nhân tuy ở thời khác nhau nhưng cũng rất trùng hợp, thật đáng để chúng ta cung kính đánh lễ.

Thường thì chúng ta chỉ nghiêm cứu và tu hành Pháp môn niệm Phật theo các kinh sách Bắc truyền, ít ai để ý đến kinh sách Nguyên thủy, hay quan tâm đến việc các nhà truyền giáo Phật giáo Nam truyền nói về Pháp môn niệm Phật, tuy nhiên trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, cho chúng ta thấy pháp môn niệm Phật đã được Đức Thế tôn chỉ dạy lúc ngài còn tại thế, là một trong các pháp Tam niệm, Lục niệm, Thập niệm. Bấy giờ Phật đang ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Đà, nước Xá Vệ, nói với các Thầy Tỳ Kheo: “Hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa môn, tự đến Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm Phật...” (Đại chính 2, tr 532).

Đức Phật dạy tiếp: “...nếu có Tỳ kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, tinh chuyên niệm Phật, không có niệm tướng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. Trong khi mắt không rời, niệm tướng công đức Như Lai (Đại chính 2, tr 554).

Trong kinh tạng Pali, kinh Tăng Chi Bộ, phẩm Một Pháp, thứ 16, bản HT Minh Châu dịch cũng có ghi lại lời dạy của đức Phật nói về pháp môn niệm Phật như sau: “Có một pháp, này các Tỳ kheo, được tu tập, được làm sung mãn, đưa đến nhất hướng nhằm chán ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật. Chính là một pháp này, này các Tỳ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn...”

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN XII. PHÁP KHÍ THIÊN MÔN

Ngày Thứ Năm Mười Chín: Ý nghĩa Tích trượng

(cây gậy của các bậc Trưởng lão thời xưa)

Vấn: - Chúng con đi dự lễ, trong những cuộc lễ quan trọng của Giáo Hội Phật giáo, ban tổ chức rước chư đại lão Hòa thượng có cầm theo hai cây tích trượng, hai cây bê, hai cây lọng để cung nghinh. Trong những năm quý Sư còn đi khát thực, như Tăng đoàn chùa Linh Quang thuộc môn phái khát sĩ Đại sư Huệ Nhựt ở gần chợ Bà chiều quý Sư đi trì bình khát thực, đi đến từng nhà, có

cầm theo tích trượng lắc kêu nghe len ken, cho đến khi vị tín chủ bước ra cúng dường xong thì quý Sư bước đi chậm chậm nơi khác... và cứ như thế? Nơi nào có thờ ngài Bồ tát Địa Tạng thì có thờ cây tích trượng trong tay ngài Địa Tạng, xin Sư từ bi giảng giải cho chúng con thọ học về ý nghĩa cây tích trượng của nhà Phật?

Đáp: - Chiếc gậy của các bậc Sa môn, đạo nhân, trưởng lão cao niên, đức độ dùng để chống đỡ lúc bước đến những nơi có đường sá khó khăn, như: leo núi, đường gồ ghề, quanh co khúc khuỷu...

Chống gậy nhìn đời ôi huyên não

Quên đi một giấc mộng nam kha?

(Giác Quang thi tập)

Trong Đạo Phật, tích trượng chỉ là cây gậy thông thường, là cây gậy của vị Tỳ kheo bên Thiên Trúc, hay xứ Trung Hoa; ngày xưa chư vị Tỳ kheo lớn tuổi thường có sắm cây gậy riêng để chống chọi lúc đi đường hay lên núi học đạo. Gậy xưa hay nay cũng gọi là tích trượng, nhưng ngày nay ở Việt Nam khi nói đến tích trượng thì chỉ quan trọng để dùng cho quý Hòa Thượng sử dụng đi thuyết pháp, trì bình khát thực, phụng thờ trước bàn Tổ sư, hoặc dùng làm Phật sự “dẫn vong” trong các lễ tang, hoặc giả là cung nghinh Đại Hòa Thượng, Đại lão Hòa Thượng mà thôi.

Theo triết lý của Tịnh độ Non Bồng có câu: “...yếu chơn mượn gậy của A Di...”, tức là những bước đi trầm thống trong cõi sanh tử luân hồi của chúng sanh thật lắm yếu đuối, ngày nay giác ngộ phát tâm niệm Phật nương câu danh hiệu Phật A Di Đà (gậy A Di) mà giữ chánh niệm, để vượt qua biển khổ trầm thống mà về cõi quán.

Tên gọi là Khí đa la, Khiết khí la, cũng gọi Thanh trượng, Hữu thanh trượng, Trí trượng, Đức trượng, Minh trượng, Kim tích...

Chỉ là chiếc gậy thô sơ mà vị Tỳ kheo mang theo khi đi đường. Vốn là vật để dùng xoa đuôi rắn rít độc, trùng độc, hoặc rung lên khi đi khát thực, khiến cho thú chủ nghe biết. Đời sau tích trượng trở thành một trong các pháp khí thiền lâm.

Sách đại Tỳ kheo Tam thiên Oai nghi quyển Hạ có nêu ba nguyên nhân phải cầm tích trượng: một để xoa đuôi trùng, rắn; hai là vì tuổi già; ba là lúc đi khát thực.

Khi cầm tích trượng có hai mươi lăm việc hạn chế như khi gặp tượng Phật, không được để đầu tích trượng phát ra tiếng kêu “leng leng”, cho đến không được dùng tích trượng để chỉ vào người khác, vẽ viết dưới đất.

Tích trượng gồm có ba phần: phần thứ nhất là “tích”, phần thứ hai là “cán gỗ”, phần thứ ba là “thuần” (tức là phần được bịt đồng ở trên đầu cán gỗ). Tích là đầu gậy, hình tháp có gắn vòng lớn, trên đó treo nhiều vòng nhỏ, khi rung phát ra tiếng “leng leng”, nên tích trượng còn gọi là Thanh trượng.

Vị Tỳ kheo cầm tích trượng du hóa khắp nơi, gọi là Phi trượng, Tuân trượng. Dụng trụ ở một nơi nào thì gọi là Lưu tích, Quải tích.

Tông Thiên Thai và tông Chân ngôn ở Nhật Bản, khi có Pháp hội thì dùng tích trượng cán ngắn, rung lên để xướng Phạm bái vì thế Phạm bái cũng gọi là tích trượng, là một trong bốn pháp yếu. Tích trượng (Phạm bái) có hai loại: là chín điều và ba điều khác nhau. Tích trượng chín điều có chín tiết tán tụng còn gọi là Trường tích trượng. Tích trượng ba điều thì tụng hai điều: đầu tiên và một điều sau cuối, trong chín điều tán tụng (Luật thập tụng, Căn bản tát bà la Bộ luật nhiếp 10, Sắc tu bách trượng Thanh quy).

Quyển luật Sa di và Sa di ni, bản dịch Hòa Thượng Thích Trí Quang năm 1973, trang 991, 992 có bài Xuất tích trượng (lấy tích trượng), hay cầm tích trượng.

Chấp trì tích trượng

Đương nguyện chúng sanh

Thiết đại thí hội

Thi như thật đạo

Án na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật thế, na dạ bát nãnh hồng phần tra.

Nghĩa:

Tay cầm tích trượng

Nên nguyện chúng sanh

Thiết hội đại thí

Chí đạo như thật

Án na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật thế, na dạ bát nãnh hồng phần tra.

Ngày nay trong các lễ tang lớn nhỏ, trường hợp tang chủ có thỉnh chư Trưởng lão Hòa Thượng chứng minh, Hòa Thượng sám chủ thuyết minh sanh, đề phang (nói lại lịch sử, lai lịch của người đã qui tây), tổng táng đưa linh, quý Ngài có sử dụng tích trượng để “dẫn vong” trước khi động quan. Đây là thuộc pháp sự đạo tràng, rất có ý nghĩa cao quý trong ngành Nghi lễ Phật giáo; đồng thời cũng giúp cho tang chủ có niềm tin Phật pháp mà vào đạo, quy y Tam bảo (nếu gia đình đó chưa quy y). Hình ảnh vị sám chủ cầm tích trượng “dẫn vong” tiếp dẫn vong hồn siêu sanh lạc quốc, khiến trở thành truyền thống “xã hội tiên bộ không thể thiếu vắng Phật giáo” và nói gì thì nói, nhưng “Phật giáo rất gần gũi với xã hội xưa cũng như nay...”.

Trong những năm còn đi học ở Saigon, khi nào rỗi rảnh chúng tôi vẫn có đi khát thực trên các đường phố của Saigon xưa, thỉnh thoảng gặp quý Ngài Du tăng Khất sĩ của phái Đại sư Huệ Nhựt, Hòa Thượng Thích Phổ Thượng, Tăng chủ chùa Linh Quang hướng dẫn chư Tăng đi khát thực; khi đến trước nhà của tín chủ, Hòa thượng Trưởng đoàn động tích trượng kêu “leng keng” ba lần, trường hợp này nếu có tín chủ ở nhà thì chuẩn bị thức ăn tinh khiết ra quý lạy rồi hiến cúng dường trai phạn, trường hợp không có tín chủ, hoặc người trong nhà không phát tâm cúng dường, thì chỉ trong vòng ba phút đoàn Du tăng lần lượt nhẹ nhàng bước đi nơi khác.

Việc khát thực trên là hình ảnh đẹp, hình ảnh văn hóa của Phật giáo được truyền đạt đi khắp nhân gian. Khát thực là phận sự của Đức Phật, của ba đời chư Phật, phận sự của chư Tăng già, mỗi buổi sáng vào lúc 8 giờ phải đi trì bình khát thực tức là làm việc Phật, nói gót Đức Như Lai, xiển dương truyền thống tu hành trong Tăng đoàn Đức Phật trong thời Ngài sinh tiền cũng như hôm nay.

Ngày nay chư Tăng Ni không còn đi Khát thực nữa, lý do để Giáo Hội Phật giáo Việt Nam các cấp “thanh lọc” những “nhà sư giả”, từng làm nhức nhối các Tăng đoàn Đạo Phật Tăng già Khất sĩ, Khất sĩ Tịnh độ Non Bông, Khất sĩ Đại sư Huệ Nhựt, cũng như Tăng đoàn Phật giáo Nam tông Việt Nam.

Tuy nhiên, nếu chư Tăng Ni không còn đi khát thực nữa (không có luật nào cấm Phật sự đi khát thực, chỉ có những văn bản nhất thời của Giáo Hội PGVN thanh lọc những người giả dạng nhà sư đi trì bình khát thực mà thôi) cũng là làm mất mát đi một phần giáo pháp Đức Phật để lại trong đời..! Chỉ có pháp môn khát thực là đủ yếu tố mang lại sự bình đẳng giữa con người và con người trong cuộc sống và đó là hạnh Phật trong nhiều hạnh lành của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cách đây trên 2.500 năm.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười: Chuông

Vấn: - Hầu hết các chùa Phật giáo ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam, những chùa thuộc hệ thống Bắc truyền, các môn phong pháp phái Cổ truyền, Thống nhất, cũng như các chùa Phật giáo Việt Nam và các chùa trong Liên tông tịnh độ Non Bông đều có tôn trí và sử dụng một số dụng cụ nhà Phật, gọi là pháp khí như chuông, mõ, trống, bảng, kiền chùy, kiển... được dùng để trang nghiêm đạo tràng, hoặc thêm phần sắc thái lễ nhạc trong lúc tụng kinh, lễ sám, thuyết pháp... những loại này xuất hiện từ hồi nào? Nhằm mục đích gì? Xin Sư giảng giải cho chúng con được thọ học?

Đáp: - Làm Nhà sư xuất gia hay cư sĩ tại gia, nói chung người tu Phật không ai có thể nói không hiểu biết ít nhiều gì về chuông, trống, mõ trong chốn thiền môn. Những nhà tu thiền, học phái Khất sĩ tuy không sử dụng âm thanh sắc tướng, trống phách, mõ chuông, nhưng không thể nói là không hiểu biết gì về chuông trống mõ là dụng cụ pháp khí có từ ngàn xưa. Làm Nhà sư Tăng Khất sĩ, du Tăng hóa đạo, thuyết pháp giảng kinh, tế Tăng độ chúng, ở tịnh xá không bao giờ có những pháp cụ này, nhưng cũng không xa rời sự hiểu biết về chuông, trống, mõ và một đôi khi vẫn có sử dụng, trong một số nghi lễ phổ thông...

Pháp khí có nhiều loại: loại để trang nghiêm, loại để cúng Phật, loại để báo thời. Khí cụ dùng để báo thời gian trong tự viện gọi là kiền chùy. Theo các bản Kinh, Luật (Hán tạng) đã được dịch, kiền chùy là từ chỉ chung cho các loại: chuông, trống...

Chuông:

* Chuông được phát hiện tại Trường An (khoảng 1000 năm trước tây lịch, thời Châu Chiêu Vương) thuộc loại sớm nhất tại Trung Quốc. Phật giáo Trung Hoa đã đưa chuông vào các tự viện lúc nào, hiện nay chưa tìm ra tài liệu khẳng định. Tuy nhiên, để tạm truy nguyên nguồn gốc của chúng có thể dựa vào một số tài liệu. Cuốn Quảng Hoằng Minh tập trong Đại Chánh tân tu Đại Tạng kinh ghi rằng vào đời Lục Triều (420-479) đã có nhiều lầu chuông. Năm Thiên Hòa thứ năm (566) đời Bắc Châu, bài Nhị giáo chung minh được khắc trên ba đại hồng chung lớn nhất thời bấy giờ. Hai trong ba cái này được đúc vào năm 579 và 665 tây lịch. Tục Cao Tăng truyện ghi năm thứ năm đời Tùy Đại Nghiệp (609), ngài Trí Hưng nhận lo việc chuông tại chùa Thiên Định ở kinh đô Trường An. Trong khoảng thời gian này trở về sau, Bắc Châu không ngừng đúc hồng chung để an trí trong các tự viện.

* Thời xưa có hai loại chuông được sử dụng trong các Tự Viện:

* Phạn chung (chuông phạn): cũng gọi là "đại chung", "hồng chung", "hoa chung" hoặc "cự chung". Chuông này được đúc bằng đồng xanh pha ít sắt. Thông thường chuông cao khoảng 1.5m, đường kính khoảng sáu tấc. Loại này treo trong lầu

* Chuông, mục đích thỉnh chuông là để chiêu tập đại chúng hoặc báo thời sớm tối. Người Việt Nam thường dùng từ "đại hồng chung" chỉ cho loại chuông thật to, gần như không còn có quy định cụ thể là lớn nhỏ bao nhiêu nữa. Chuông này còn gọi là chuông U minh.

Kệ khai chung:

Bài 1:

*Nguyện thử chung thỉnh siêu pháp giới
Thiết vi u ám tất giai văn
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông
Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác
Văn cung thỉnh phiến não khinh
Trí huệ trưởng bờ đề sanh
Ly địa ngục xuất hỏa khanh
Nguyện thành Phật độ chúng sanh
An Đà Ra Đế Dạ Ta Bà Ha*
(Kinh Tam Bảo – Hồng Tại Đoàn Trung Còn)

Bài 2:

Hồng chung vang vọng tiến ban đầu

Địa ngục A tỳ thăm thăm sâu
Thiên đường hữu danh ngân vang khắp
Trước Phật mười phương con cúi đầu
Cha Mẹ sanh thành Thầy bạn tốt
Quốc dân thủy thổ dám quên đâu
Thú cảm thoát khỏi tay săn bắn
Địa Tạng Quan Âm con nguyện cầu
Ân oán nhiều đời tợ biển sâu
Lễ đạo huyền vi rất nhiệm màu
Tẩy sạch long trần lên giải thoát
Nghe chuông nhớ Phật hết u sầu
Nam mô Định tâm vương Bồ tát ma ha tát
An dà ra để dạ ta bà ha

Kệ thu chung:

Bài 1:

Chuông chùa vang vọng khắp muôn nơi
Cảnh tỉnh trần ai giấc mộng đời
Sức kiệt hơi tàn buông tất cả
Nhớ câu niệm Phật thoát luân hồi

Bài 2:

Nghe chuông thức tỉnh giấc ta bà
Danh lợi buộc ràng nguyện thoát ra
Nếu mắt thân người thôi khó gặp
Cần lo giải thoát niệm Di đà

Bài 3:

Nghe chuông phiền não tận tiêu tan
Giác tánh mở mang trí huệ tràn
Địa ngục xa lìa ham lửa khổ
Nguyện thành Phật đạo độ trần gian

(HT Thích Trí Quảng)

Bán chung (chuông nhỏ):

Vì chiều kích chỉ lớn bằng một phần hai chuông phạn, nên gọi là bán chung, còn được gọi là "tiểu chung". Chuông này thường được đúc bằng đồng, cao khoảng 6 đến 8 tấc, thường để tại một góc trong chánh điện và được sử dụng trong các buổi pháp hội, nên còn có tên khác là "hành lễ chung". Người Việt Nam cũng như các nước khác ngày nay linh động chế tạo nhiều loại chuông dạng "bán chung" này, nhưng cũng không có kích thước cố định.

Ngoài ra, trong thời cực thịnh của Thiên tông, chuông an trí tại Thiên đường, gọi là "chuông Tăng đường", "chuông trai"; chuông để tại chánh điện gọi là "chuông điện"... Những vị lo việc chuông này gọi là "chung đầu".

Về thỉnh chuông, xưa ở Trung Quốc tùy mỗi tông phái, từng địa phương mà quy định có khác nhau, nhưng tổng quát khi bắt đầu thỉnh ba tiếng và kết thúc đánh nhanh hai tiếng hoặc ba hồi chín tiếng cho các loại chuông nhỏ khi tụng kinh. Số lượng tiếng thường là 18; cũng có khi thỉnh ba mươi sáu tiếng, một trăm linh tám tiếng. Thỉnh một trăm linh tám tiếng biểu thị hành giả nỗ lực làm voi cạn đi một trăm linh tám phiền não nội tâm. Mười tám tiếng là biểu thị sự thanh lọc sáu căn, sáu trần và sáu thức.

Động chuông:

Tiếng ra gọi là “động”, do người ta làm “chuông” là rỗng không, trong không chứa nhiều hơi, nên tiếng to... Trong Tỳ Ni Hương Nhũ ghi: "Sách Lễ khảo ký nói họ Phù làm chuông - sách Ngũ kinh thông nghĩa nói: chuông là tiếng mùa thu, vạn vật đến mùa thu mà thành, mùa đông mà âm, nên đúc vàng làm chuông, nói mãi chẳng diệt vậy".

Sách Tây kinh ký nói: "lấy cá Kinh khua chuông Hoa", nghĩa như vậy: trong biển lớn có cá to, nên gọi là Kinh, hòn đảo giữa biển có con thú ký dị tên là Bồ Lao, tiếng kêu rất to. Dựa theo thuyết này mà đúc chuông (đại hồng chung). Nên làm chuông muốn tiếng chuông ngân vang xa, thì phải làm con Bồ Lao ở trên (quay chuông), dùi chuông động vào chuông thì chạm trở hình cá Kinh vậy.

Truyện Thông tải nói: Đức Phật Câu Lưu Tôn, nơi Thư viện Kiên Trúc, có làm cái chuông bằng đá xanh, khi mặt trời mọc có các vị hóa Phật, cùng mặt trời hiện ra diễn thuyết 12 bộ kinh, người nghe pháp chứng Thánh không thể nói hết. Cho nên sớm tối người phát tâm động chuông là có cái công nhắc nhở người khác siêng tu hành.

Người động chuông, trước phải trì niệm đề tựa kinh Hoa Nghiêm, tiếp niệm bài kệ:

*Nhược nhơn dục liễu tri tam thế nhứt thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh nhứt thiết duy tâm tạo
An dà ra để dạ ta bà ha.*

Người động chuông vừa đọc vừa động chuông đệm theo tiếng niệm câu kinh trên, thành ba mươi lăm tiếng chuông, tức là một đoạn: "một đoạn nhật, một đoạn hướn làm thành một hồi (35 tiếng)"; ba hồi cộng lại thành một trăm linh năm tiếng chuông, sau cuối động thêm ba tiếng, tổng cộng thành một trăm linh tám tiếng chuông.

Sở dĩ như vậy là do pháp sự, nương lý mà hiển bài, nên sự hay hiển lý. Do đó mà một trăm linh tám phần vô minh mê muội của chúng sanh được tỉnh thức thành một trăm linh tám phần tam muội.

Sách Phật Tỳ Ni Hương Nhũ, bản dịch Đại Đức Thích Thiện Chơn có bài kệ:

*"Bảy tiếng huân đầu, tám nhịp sau
Trung gian hai mươi phải đều đều
Ba hồi vừa dứt thêm ba tiếng,
Chư Phật Long thiên chú ý vào".*

Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: "Nếu khi động chuông, nên nguyện trong tất cả các đường dữ, khổ hình đều dứt. Nếu nghe tiếng chuông mà nói kệ khen, được trừ tội nặng trong năm trăm ức kiếp sanh tử, huống chi là phát tâm động chuông niệm Phật, niệm chú vãng sanh".

Tổ sư Bách Trượng dạy: "Tòng lâm động chuông, động buổi sớm là phá hôn trầm đêm dài vô tận; động buổi tối là nhổ tối khổ u minh. Dang chày cho huân, kéo tiếng cho dài"

Xưa Hòa Thượng Chí Công giúp Lương Võ Đế thấy tướng địa ngục, Võ Đế hỏi, lấy chi dứt được? – Hòa Thượng Chí Công dạy: nghe động chuông, thì khổ ấy tạm dứt, Võ Đế liền hạ chiếu Chùa Am trong thiên hạ, phàm động chuông, phải động cho thật chậm rãi, để tâm thần tĩnh thức và mọi người cũng thức tỉnh theo. Chỉ có nghe tiếng chuông mà dứt khổ, huống chi chúng ta phát tâm động chuông.

Nghe chuông:

Nhĩ căn phát thức là nghe. Phàm nghe tiếng chuông thầm niệm bài kệ. Thầm niệm là tiếng trong tâm. Tâm có tiếng hay tâm không tiếng?

Tiếng mà không tiếng, chỉ có thể tự mình nghe được, người khác không nghe được. Nên trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật dạy: "Trở lại nghe nghe tự tánh, sao chẳng tự nghe nghe" là nói tiếng trong tâm vậy.

Nghe tiếng chuông phiền não nhẹ

Trí huệ lớn, bỏ đề sanh

Lìa địa ngục, ra hầm lửa

Nguyện thành Phật độ chúng sanh

An dà ra để dạ ta bà ha. (7 lần)

Phiền não có hai thứ: căn bản phiền não và tùy phiền não. Làm tâm quấy rầy, khiến tâm bồi rối. Nên trong Bộ chỉ quán nói: "Pháp mù rối, khuấy loạn tâm thân" vậy. Nếu nghe tiếng chuông mà trì kệ chú này, dù có phiền não rất nặng, cũng hóa ra nhẹ thanh đi. Xét lý gọi là trí, phân biệt gọi là huệ, tức hai trí: căn bản trí và hậu đắc trí. Như Quán Thế Âm từ nghe, nghĩ, tu (văn, tư, tu) mà vào chánh định, tự nhiên phiền não nhẹ, trí huệ lớn vậy. Bồ đề là quả của trí, một lần nghe tiếng chuông, hoa long trí huệ rộng nở, quả đạo Bồ đề mau nên. Nay là nói vắng lặng hiện bày, bỏ đề tự sinh vậy.

Nói địa ngục nghĩa là ở dưới đất. Tiếng Phạm gọi nê-lê, dịch là khổ cụ, cũng dịch là khổ khí, cũng dịch là không thể ưa muốn, nghĩa là ngày đêm nung bức người tội.

Lại địa là đáy, trong muôn vật thì đất ở dưới rớt, nên gọi đáy, ngục là cuộc, là giam buộc người tội không được an vui, nên gọi cuộc. Lại có nghĩa là không có, nghĩa là trong ngục không có lợi ích chi cả. Như trong luận Tỳ Bà Sa nói: chỗ không tự tại. Nghĩa là người tội ấy bị ngục tốt A bằng câu chế, không được tự tại. Dưới châu Nam Thiên Bộ cách năm trăm do tuần thì có ngục ấy. Nay nghe tiếng chuông nếu vượt thoát được đời ra khỏi đời, thì tự nhiên lìa địa ngục, ra khỏi ham lửa vậy.

Mười phương tròn sáng, gọi là thành Phật, được hai món thù thắng nên có thể độ chúng sanh. Nếu một khi nghe tiếng chuông mà liền sanh chánh niệm, cho nên phiền não nhẹ ít, mà trí huệ thêm lớn, tức là chuyển chướng mê làm thành thiện tri thức, nên gọi là Bồ đề sanh.

Lìa là giải, ra là thoát. Tức là chuyển khổ chướng của địa ngục ham lửa mà thành đức giải thoát, nên gọi là: "lìa ra". Phát nguyện thành Phật tức là chuyển nghiệp chướng mà thành đức pháp thân.

Xưa nay chưa có người nào chẳng phát nguyện độ chúng sanh. Cũng chưa có Đức Phật nào chẳng phát nguyện độ chúng sanh. Nếu chúng sanh không tự độ, mà trước nguyện độ sanh, tâm ấy là tâm Phật, phải biết tâm và nguyện ấy, đều từ chỗ nghe tiếng chuông mà phát khởi, một lúc vô biên phiền não từ đó cắt đứt.

Kệ chú nghe chuông hiển mật lần dùng, lý sự đều bày cả. Chú tức là chân ngôn phá địa ngục, bí mật nên không dịch. Tự nhiên tụng niệm thì tự khiến hết khổ được vui, dứt tội chứng quả vậy.

Nghe chuông năm chẳng dậy, thiện thần hộ pháp giận, đương đòi kếm phước đức, sau đọa làm thân rắn. Người đời lười biếng tu tập thiện tụng, cảm báo rõ ràng như trong Đại luật đã dạy như vậy.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười Một: Trống

Trống là một trong những loại nhạc khí, thường làm bằng đất đá, cây, đồng. Tài liệu văn học liên quan đến "trống" ở Trung Quốc rất phong phú. Theo sách Lễ ký phần Minh đường, từ năm 2300 năm trước tây lịch về trước, nước họ đã có loại trống do cỏ kết lại thành. Trung Quốc thời xưa dùng trống trong các dịp lễ lộc, vũ hội... Loại hình có to, nhỏ, treo hoặc để trên giá... Trống to gọi là trống tâu, nhỏ gọi là trống ứng, treo để đánh gọi là trống treo... Trong đó, một số loại chính do các bậc hiền triết sáng tạo ra, còn số nữa do từ Tây Vực truyền đến. Trong tự viện, trống cùng với chuông được đặt ở hai bên chánh điện theo vị trí "tả chung hữu cổ".

Trong Phật giáo, kinh Lăng Nghiêm ghi lại thuở Đức Phật còn tại thế, trống được dùng để báo hiệu giờ cơm (thực biện kích cổ), bố tát. Luật Ngũ Phần nói chư Tỳ kheo đến lúc tụng giới nhưng tập hợp không đúng giờ, Đức Phật dạy nên đánh kiền chùy, đánh trống v.v... với mục đích chính là không ngoài việc tập hợp chúng Tăng. Từ đời Đường về sau, theo thanh quy của thiền môn, trống là một trong những loại pháp khí dùng làm hiệu lệnh báo thời sớm khuya, tối đến. Sau này Phật giáo Trung Quốc tiến thêm bước nữa phối hợp nhịp điệu, âm thanh tiếng trống hòa cùng những lời tán tụng, phổ thành khúc điệu, biểu hiện "kỹ nhạc cúng dường, trang nghiêm đạo tràng", dùng âm thanh làm Phật sự, trợ giúp đại chúng phát tâm thành kính đối với Tam bảo.

Kệ khai trống (HT Thích Trí Quảng)

Bài 1:

*Pháp cổ minh thời Ngọc Kệ tuyên
Hạ thông địa phủ thượng chư Thiên
Văn thanh đồng niệm Di Đà hiệu
Ngộ tánh chơn thường lạc vô biên
Nam Mô Oai Âm Vương Bồ Tát Ma Ha Tát*

Bài 2:

*Pháp luân thường chuyển huệ tâm khai
Các đoạn tử sanh tọa liên đài
Ngã kim đánh lễ y vương vị
Thân tâm thanh tịnh kiến Như Lai
Nam mô Chuyển Luân Vương Bồ Tát Ma Ha Tát*

Bài 3:

*Đại cổ thường minh diệu pháp tuyên
Tứ sanh lục đạo diệt ưu phiền Bạch liên dũng xuất u trần thế
Liễu ngộ Pháp Hoa chứng đạo thiên
Nam mô Pháp Hoa Hội thượng Phật Bồ tát Ma tát*

Bài 4: (Long Sơn Cổ Tự – Tân Ba)

*Cổ đình hương xứ biến hà sa,
Thiên long bát bộ tiểu a a.
Tam luân cứu chuyển sanh tử đoạn
Khổ hải chi trung xuất ái hà
Nam mô Cổ Lô Âm Vương Bồ Tát ma ha tát*

Bài 5: (Đức Tôn Sư HT thượng Thiện hạ Phước)

*Trống bát nhã tiên đồ phóng xả
Điểm điểm thất tinh như càn long mã
Hỗn độn sơ khai Đẩu xuất tam cung
Lấy bát quái lập làm tứ trụ*

An dà ra đế, dạ ta bà ha

Bài 6: (HT Giác Quang sưu tầm)

Bát nhã trống khai hướng Phật tiên
Thượng thông hạ triệt lạc vô biên
Lục đạo chúng sanh mau thoát khổ
Cửu ưu thập loại xuất khinh nhiên.

Bài 7: (HT Giác Quang sưu tầm)

Trống vang bủa đức kiết tường
Mười phương tụ hội cúng dường Như Lai
Trí minh bát nhã liên đài
Phá tan u ám Như Lai hiện tiền
Nam mô Cổ Lô Âm vương Bồ tát ma ha tát

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng,
Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại
Tứ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười Hai: Mỡ gia tri

Mỡ có 2 loại:

1/Loại hình con cá thẳng dài treo ở nhà kho, nhà ăn đến lúc dùng cơm cháo
gõ nó để báo hiệu.

2/ Loại hình con cá có vảy cuộn tròn, khi tụng kinh thì đại chúng Tăng Ni gõ
lên mình nó.

Theo sách Tham Thiên đài Ngũ Đài Sơn ký (quyển 3, Tống Thần Tông Hy
Ninh năm thứ 5 ngày mùng 8 tháng 8) ghi: Trong chùa Thanh Thái có thờ tượng
ngài Phó Đại sĩ, vị Trưởng lão viện chủ đánh mỡ chiêu tập các vị tu hành, vị ấy
chính là ngài Phó Đại sĩ... Thời đó, ngài muốn gặp các vị tu đầu đà nơi cao sơn, chỉ
gõ mỡ, chư vị nghe xong tiếng mỡ ấy liền đến. Sau đó, các tự viện lớn nhỏ dưới
chân núi đều dùng mỡ để tập hợp đại chúng. Lại có người cho rằng mỡ là do Sa
môn Chí Lâm đời Đường tạo ra, nhưng do sự hạn chế của sử liệu chứng minh, điều
này khó thuyết phục mọi người. ngoài ra, sách Tăng tu giáo uyển thanh quy (quyển
hạ, phần Pháp khí) ghi lại truyền thuyết rằng có một vị Tăng do phản thầy, hủy
pháp mà bị đọa làm thân con cá, trên lưng nó lại mọc một cái cây, mỗi khi sóng gió
thổi đến, khiến thân ra máu, thật thống khổ vô cùng. Một lần nọ, thầy bôn sư qua
biển, nhân đó nó muốn gây nợ liền nói rằng thầy không dạy để nó phải mang chịu
làm thân cá thế này, do đó nên nay nó muốn báo oán. Thầy hỏi nó tên gì, liền được
trả lời tên là Mỡ Giáp... Thế rồi, Thầy bảo sám hối cùng vì nó bạt độ. Ngay đêm
ấy nó thoát thân cá, đồng thời đem cây ấy bỏ trong chùa, Thầy lấy đũa thành hình
con cá và treo lên để cảnh thức đại chúng.

Loại mõ tròn mà ngày nay dùng có thể là sản vật có từ đời Minh (Trung Quốc). Theo sách Tam tài đồ hội của tác giả Vương Tích đời Minh có đoạn: "Mõ là loại mà dùng cây khắc thành hình con cá, rỗng bên trong, gõ sẽ phát ra tiếng, các hàng Phật tử khi tán tụng đều dùng đến nó". Theo sách Thích thị yếu lãm, chuông, khánh, bản đá, bản gỗ, mõ, cái thớt đều có khả năng phát ra âm thanh một khi gõ vào và nhờ đó mà đại chúng được tập hợp, nên các loại đó đều gọi là kiền chùy. Sách Sắc tu Bách Trượng thanh quy chương Pháp khí nói khi dùng cơm, khi phổ thỉnh Tăng chúng... đều gõ nó. Từ đây có thể hiểu lúc đầu mõ dài được dùng để tập hợp Tăng chúng. Nhưng vì sao cả hai loại mõ đều lấy hình dáng con cá? Sách Sắc tu Bách Trượng thanh quy nói rằng tương truyền loài cá suốt ngày đêm đều tỉnh, nên khắc hình con cá để mỗi khi gõ vào nó nhắc nhở mình tỉnh thức, chớ có hôn trầm, giải đãi. Lại nữa, tiếng mõ với mục đích chính là giữ trường canh cho đại chúng lúc tụng kinh được nhịp nhàng.

Bài khai mõ nhỏ:

*Mộc ngư cao hứng đã tam thanh
Văn pháp Như Lai hộ hộ kinh
Tam chuyển động am thông tam giới
Quán bất quán bồ đề tối thượng tâm
An Yết Đế, Yết Đế Ta Bà Ha*

Bài khai mõ lớn:

*Gia trì mật niệm tẩy trần tâm
Một ngư khuyết hướng chuyển tam luân
Thánh chúng lục hòa kim bối diệp
Tứ sanh cứu hữu tận triêm ân
Án Phạ Nhựt Ra Da, Tá Ha (Kinh Nhựt tụng – niệm Phật)*

Vài ý tưởng khác:

Thời xưa, không những Trung Quốc mà Ấn Độ và một số nước khác cũng đã sử dụng chuông, trống... Tại Ấn Độ dùng chuông, trống để báo thời gian, cảnh báo. Khi Đức Phật còn tại thế, dùng nó để tập hợp chúng Tăng bố tát, nghe pháp...

Do đó luật Ngũ Phần ghi: "Chư Tỳ kheo bố tát, chúng bất thời tập, Phật ngôn: nhược đã kiền chùy, nhược đã cổ...". Chuông treo lơ lửng tượng trưng cho sự huyền bí của trời đất. Ấn Độ đã biết sử dụng chuông trên hai ngàn năm về trước. Có lẽ chuông được sử dụng rộng rãi trong cung đình, đặc biệt trong các chùa chiền. Các hình thức nghệ thuật như điêu khắc chùy chuông xuất hiện vào thời kỳ đầu của Phật giáo được tìm thấy trên các bức phù điêu tại các trụ đá của vua A Dục và các tháp tôn trí xá lợi Đức Phật. Không riêng tại Ấn Độ mà ngay cả các nước lân cận chịu ảnh hưởng lớn từ nền văn hóa Ấn Độ như Tích lan, Miến điện, Thái lan cũng sử dụng chuông và sau này cả trống nữa, để biểu hiện lòng thành của người cầu nguyện, đặc biệt dùng khi chấm dứt một khóa lễ.

Trong các dịp tưởng niệm Đức Phật, các chuông được sử dụng với một số nhạc khí khác như trống, sáo để biểu hiện lòng tôn kính Đức Phật.

Tác phẩm Saddharmlankra (một tác phẩm văn học tôn giáo thời trung đại của người Sri Lanka) ghi rằng: chuông được sử dụng đầu tiên ở Sri Lanka vào những dịp đặc biệt như triệu tập Tăng chúng. Sau này dần dần nó trở thành một phần của nghi lễ cúng dường Đức Phật.

Tín đồ Phật Giáo Tây Tạng tin rằng khi họ niệm chú, nhờ sức quay chuông của họ mà các câu thần chú sẽ đi muôn nơi vạn hướng, làm vui bớt nỗi khổ đau của cuộc đời. Cho nên Phật giáo Tây Tạng chế nhiều cỡ chuông cầm tay cho tín đồ trì niệm và cả chuông lẫn lớn để tín đồ quay.

Dĩ nhiên, các loại chuông trống ở Ấn Độ thuở ban đầu không giống với các loại chuông trống ngày nay ở Trung Quốc hay Việt Nam. Trung Quốc thuở xưa, trống chỉ được sử dụng để thúc quân ra trận. Chuông (một hình thức của chiêng) được sử dụng như dấu hiệu của rút quân. Trống phần lớn cũng để triệu tập ba quân tướng sĩ hoặc kêu oan ở cửa quan. Loại trống này được sử dụng rộng rãi về sau trong giới quan lại để hành quyết tội nhân ở pháp đường.

Chôn thiền môn thường có câu:

"Chuông thức tỉnh đưa người về bến giác,

Mõ giác lòng thôi bỏ mộng nam kha".

Chuông trống từ thời xưa đã được dùng trong lễ hội cung đình và giữ vai trò trọng yếu trong âm nhạc. Qua đây, nó là một trong những loại công cụ nhạc khí dùng để diễn đạt, giao lưu tư tưởng, tình cảm, dùng trong chiến đấu, cúng tế, trong lĩnh vực tôn giáo v.v... Chuông, trống được đưa vào PG từ khi Đức Phật còn sanh tiền với mục đích tập hợp chúng Tăng. Về sau, chuông, trống, mõ được dùng trong các nghi lễ để trang nghiêm đạo tràng, làm hiệu lệnh báo thời sớm tối. Sau đó, tiến thêm bước nữa, phối hợp tiếng chuông, trống, mõ, hòa cùng những lời tán tụng để trợ giúp đại chúng trong việc tu học, làm Phật sự lợi lạc quần sanh, hướng họ đến bến bờ giác ngộ.

Chuông, trống mõ, kiền chùy... là pháp khí nhà Phật (nghi lễ của nhà Phật), cũng là pháp khí Phật sự không thể thiếu trong chôn thiền môn. Làm Tăng Ni, không ai có thể không biết các Phật sự trên, một đời tu hành và làm Phật sự mà không biết ý nghĩa pháp khí ấy thì thật là mất nhân duyên Phật Pháp. Vì các pháp khí đó luôn luôn gần gũi với chúng ta. Chư Tăng Ni Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng cần học hỏi để vừa hiểu biết, vừa để dành sự hiểu biết đó mà sử dụng và truyền đạt cho mọi người sau chúng ta trong tương lai.

Bài khai chuỗi tràng (108 hạt):

Âm:

Thủ trì nhứt bá bát

Diệt tội đặng hà sa

Viễn ly tam đồ khổ
Xuất sắc biến liên hoa

Nghĩa:

Tay cầm trăm tám bò đê
Tiêu mòn các tội đặng về Tây phương
Khỏi nơi chốn khổ ba đường
Thoát ra liền thấy bửu tòa liên hoa.

An Phê Lô Giá Na, Ma Lạ, Ma Lạ, Ta Bà Ha (đọc 7 lần)

Bài khai chuỗi (18 hột)

Bài 1:

*Diệu quả bò đê ly chướng chướng
Thủ khai thiên tỏa vạn trùng trùng
Thập bát chuyển luân Lá Hán tướng
Thiên quan giáng phước hiện vô cùng
Nam Mô Định Tâm Vương Bồ Tát Ma Ha Sát*

Bài 2:

*Vạn chuyển càn khôn tóm một râu
Ba ngàn thế giới trọn tay râu
Bồ đê mười tám thiên tâm định
Sáu chữ Di Đà báu tợ châu
Nam Mô Định Tâm Vương Bồ Tát Ma Ha Sát*

Bài 3:

*Cúi đầu đánh lễ Phật phương Tây
Đạo sư tiếp dẫn chúng sanh này
Con nay phát nguyện về Lạc quốc
Xin Phật thương con độ vãng sanh*

Nam mô tây phương cực lạc thế giới đại từ Đại bi đại nguyện đại lực tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật. (Kinh Nhứt Tụng Thích Thiện Huệ)

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN XIII. SỰ THỊ HIỆN CỦA BỒ TÁT

Ngày Thứ Sáu Mười Ba: Thân tướng Quan âm bồ tát

Vấn: - Xin Sư từ bi hoan hỷ giảng giải về 32 thân Đức bồ Tát Quan âm?

Đáp: - Nói là 32 thân, nhưng thật ra Đức Bồ tát thị hiện trong đời độ sanh, theo sách Phật tượng Đồ vưng thì Đức Bồ tát có 33 thân (Phật học từ điển, HT Minh Cảnh chủ biên, NXB tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh ấn hành)

Ba mươi ba thân là:

1/ Đường chỉ Quan Âm: Đức Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi trên núi, tay phải cầm nhánh dương liễu cứu độ chúng sanh.

2/ Long đầu Quan Âm: Đức Quan Âm thị hiện hóa thân cỡi rồng trên mây để cứu độ chúng sanh.

3/ Trì bình Quan Âm: Đức Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi trên núi, cầm quyền kinh tụng để cứu khổ chúng sanh.

4/ Viên quang Quan Âm: Đức Quan Âm thị hiện hóa thân phóng ánh sáng, cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh thoát khỏi cảnh khói lửa binh đao

5/ Di hí Quan Âm: Đức Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi trên mây, xủ mùi cứu khổ chúng sanh.

6/ Bạch y Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân trải cỏ để ngồi trên sườn núi để cứu khổ chúng sanh.

7/ Liên ngọa Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân chấp tay hướng về bên trái, ngồi trên hoa sen, thị hiện làm vua mà đỡ đàng mọi người, cứu khổ chúng sanh.

8/ Lũng kiến Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân dựa lưng vào vách núi, mắt nhìn về bên phải, cứu khổ chúng sanh ra khỏi hầm lửa.

9/ Thi dục Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi bên cạnh ao sen, cứu người bị xô xuống núi.

10/ Ngư lam Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện ngồi trên cá lớn, cứu người và chúng sanh không bị nạn rồng.

11/ Đức vương Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi kiết già, thị hiện thân Phạm vương Đế Thích có oai thế để cứu khổ chúng sanh.

12/ Thủy nguyệt Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân đứng trong cánh sen nổi trên mặt nước, thị hiện thân Bích Chi Phật (gặp lúc Phật có ra đời hay Phật không ra đời mà vẫn tu hành đắc đạo) để cứu độ chúng sanh.

13/ Nhất điệp Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi trên cánh sen, thị hiện thân làm quan có thế lực để cứu độ chúng sanh.

14/ Thanh cảnh Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi dựa sườn núi, thị hiện thân Phật cứu chúng sanh.

15/ Oai đức Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi cầm hoa sen, thị hiện thân thiên đại tướng quân cứu chúng sanh.

16/ Diên mạng Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện hóa thân ngồi dựa sườn núi, trên mặt nước, giải độc dục chú trớ cho chúng sanh.

17/ Chúng bảo Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân ngồi bình thản nhìn về trái, thị hiện thân trưởng giả cứu độ chúng sanh.

18/ Nham hộ Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân ngồi ngay thẳng, hiện thân cứu chúng sanh không bị rắn độc bò cạp làm nhiễm độc.

19/ Năng tĩnh Quan Âm: Đức Bồ tát Quan Âm thị hiện ngồi giữa vách núi, hiện thân cứu chúng sanh thoát khỏi nạn la sát.

20/ A nậu Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân ngồi trên núi nhìn ra biển, hiện thân cứu chúng sanh không bị chết chìm.

21/ A nậu đề Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân ngồi trên núi, hiện thân Tỳ sa môn thiên vương cứu chúng sanh.

22/ Diệp y Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân trái cỏ ngồi trên sườn núi, hiện thân Đế thích cứu chúng sanh.

23/ Lưu ly Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân đứng trên cánh sen nổi trên mặt nước, hiện thân trời đại tự tại cứu chúng sanh.

24/ Đa la tôn Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân đứng trên mây, hiện thân cứu người bị đánh đập.

25/ Cáp lợi Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân con sò để dùng nhiều phương tiện cứu độ chúng sanh.

26/ Lục thời Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân đứng tay cầm kinh, hiện thân cư sĩ giúp đỡ chúng sanh.

27/ Phó bi Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân đứng, hiện thân trời đại tự tại cứu chúng sanh.

28/ Mã lang phụ Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân phụ nữ giúp đỡ chúng sanh.

29/ Hiệp chương Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân Bà la môn, đứng chấp tay giúp đỡ chúng sanh.

30/ Nhất như Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân bay đi trong mây, cứu chúng sanh khỏi bị mưa giông sấm sét.

31/ Bất nhị Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân hai tay chéo nhau, hiện thân thần Kim Cang cứu chúng sanh.

32/ Trì liên Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân tay cầm cành sen, hiện thân đồng nam đồng nữ giúp chúng sanh.

33/ Sái thủy Quan Âm: Đức Bồ tát thị hiện hóa thân đứng, một tay cầm bát, một tay cầm nhánh dương liễu cứu chúng sanh bị trôi giạt.

Trong 33 thân trên, ngoài thân Bạch y, thanh cảnh, Đa la tôn, Diệp y và A Nậu đề, còn lại 28 thân đều là hình tượng Quan Âm được lưu truyền, phụng thờ trong dân gian, trong các chùa ở Trung Quốc, Triều tiên, Nhật Bản, Việt Nam từ đời Đường Lý thái Vân về sau.

Trong 33 thân trên còn có 13 thân được Phật dạy trong phẩm Phổ môn, thuộc kinh Pháp Hoa; còn lại trích trong sách Phật tượng Đồ vụng.

Dù thân nào đi nữa, thì cũng là thân Bồ tát Quan Âm thị hiện cứu chúng sanh, cứu đời. Nhìn hình ảnh Quan Âm, chúng ta được biết thâm ý của chư Phật,

của Phật Thích Ca có đủ lòng từ bi chí cả như thế nào. Giáo pháp của Phật là vô biên; sự hiện thân đó nói lên giáo pháp Phật phù hợp với từng thời đại, thời điểm nào làm Phật sự gì, thị hiện thân nào để độ sanh cho thích hợp.

Đạo Phật tồn tại và phát triển trong đời sống con người là tất yếu.

Xin giới thiệu 33 thân Đức Bồ tát Quan Âm trong phẩm Phổ môn, kinh Pháp Hoa và các kinh khác là:

- 01/ Thân Phật
- 02/ Thân Bích chi
- 03/ Thân Thịnh văn.
- 04/ Thân Phạm vương
- 05/ Thân Đế thích
- 06/ Thân Trời Tự tại
- 07/ Thân Trời Đại Tự tại
- 08/ Thân Trời Đại tướng quân
- 09/ Thân Trời Tỳ sa môn
- 10/ Thân Tiểu vương
- 11/ Thân Trưởng giả
- 12/ Thân Cư sĩ
- 13/ Thân Tể quan
- 14/ Thân Bà la môn
- 15/ Thân Tỳ kheo
- 16/ Thân Tỳ kheo ni
- 17/ Thân Ưu bà tác
- 18/ Thân Ưu bà di
- 19/ Thân vợ của Trưởng giả
- 20/ Thân vợ của Cư sĩ
- 21/ Thân vợ của Tể quan
- 22/ Thân vợ của Bà la môn
- 23/ Thân đồng nam
- 24/ Thân đồng nữ
- 25/ Thân trời
- 26/ Thân rồng
- 27/ Thân dạ xoa
- 28/ Thân Càn thất bà
- 29/ Thân A tu la
- 30/ Thân Ca lâu la
- 31/ Thân Khẩn na la
- 32/ Thân Ma hầu la già
- 33/ Thân Chấp kim cương

Trong kinh Pháp Hoa tiếng Phạn và tiếng Tây tạng có 16 thân, phẩm Diệu Âm trong kinh Pháp Hoa nói Bồ Tát Diệu Âm có 36 ứng thân, bản tiếng Phạn và tiếng Tây tạng chỉ nói 33 thân.

Theo hành trạng về đức Quán Thế Âm của Thích Phước Sơn, thì trong kinh Pháp Hoa nói Quán Thế Âm có 33 thân, kinh Lăng Nghiêm nói có 32 thân.

Dù 33 hay 32 cũng đều là ứng thân đức Bồ tát cứu khổ chúng sanh. Thân thì thấy có nhiều nhưng chỉ là một; một mà là tất cả. Phật tùy căn cơ trình độ chúng sanh mà thị hiện ứng thân có khác, tùy phương hướng xứ sở mà mang thân chúng sanh nhiều hình hảo, tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà ứng hiện, tùy theo nghiệp lực của chúng sanh mà giáo hóa dưới mọi hình thức thân tướng Quán Thế Âm Bồ tát.

Trong sách “Trọn một niềm tin”, nói: “Tín ngưỡng Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát hay Quan Âm Bồ Tát cũng là danh hiệu của đại sĩ, một công hạnh vĩ đại của bậc Bồ tát đẳng giác. Là pháp thân đại sĩ, hình bóng của Đức Thế Tôn trải qua nhiều công hạnh độ đời lợi tha. Bồ tát Quan Âm thị hiện nhiều thân, như trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ môn Bồ Tát tùy theo nghiệp lực cơ cảm của chúng sanh mà phân thân ứng hiện.

Đức Phật có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân, trong đó thường thì thân tướng của Đức Bồ Tát Quan Âm được hiểu theo nghĩa Ứng hóa thân nhiều hơn... Ứng hóa thân nói đủ là ứng hóa sanh thân, thân ứng hóa là thân có thể tùy cơ cảm của chúng sanh mà thị hiện. Như Đức Phật muốn độ chúng hữu tình thì Ngài thị hiện vào thế giới chúng hữu tình, độ loài vô tình không hình bóng thì thị hiện vào loài vô tình không hình bóng để độ tha. Nơi đây Ngài thị hiện độ loài người; do đó Ngài thị hiện làm người có tình thương vô biên để tế khổ độ mê, đến đi tự tại vô ngại, có trí thức tuyệt vời, thức tỉnh con người quay về nẻo giác ngộ chấm dứt luân hồi.

Thị hiện trong cuộc đời, Đức Bồ Tát mang rất nhiều thân, không phải chỉ có thân tướng “Đức Bồ Tát Quan Âm” như trong các kinh đại thừa thường nói đến, nơi đây không có nói đến tướng nam tướng nữ nào cả. Tuy nhiên căn cứ vào công hạnh độ tha đó mà Bồ Tát cơ cảm hiện thân, như: “Phật Bà Quan Âm”, “Phật Mẹ Quan Âm”, “Mẹ Hiền Quan Âm”, “Đức Mẹ Từ Bi” như hầu hết chúng sanh trong thế giới ta bà nói chung, các quốc gia Trung Quốc, Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, Singapore và các quốc gia Tây phương, mọi người trên hành tinh trái đất nói riêng đang tín ngưỡng phụng thờ...

Chúng ta có thể tìm hiểu vài nét về thân tướng thật của Bồ tát, thân ứng hiện cơ cảm và các thân khác...!

1/ Thân tướng thật của Bồ Tát: Theo kinh Quán Vô Lượng Thọ thì thân của Bồ tát cao tám mươi muôn ức na do tha do tuần, da màu vàng tử kim. Trên đỉnh đầu có nhục kế, có vàng sáng tròn, mỗi phía rộng trăm nghìn do tuần, trong

vàng sáng tròn xuất hiện 500 vị hóa Phật, mỗi vị hóa Phật tương tốt như Phật Thích Ca Mâu Ni và có 500 vị Bồ tát hầu cận.

Toàn thân ánh sáng chiếu suốt 10 phương hình tướng của tất cả chúng sanh trong lục đạo đều hiện rõ bóng trong ánh sáng ấy. Trên đầu Bồ tát có thiên quan. Trong thiên quan có một vị hóa Phật cao 25 do tuần. Mặt Bồ tát sắc vàng diêm phù đàn. Lòng trắng giữa đôi mày đủ bảy màu báu đẹp, chiếu tám muôn bốn ngàn thứ tia sáng xuyên suốt khắp 10 phương. Trong mỗi tia sáng có vô số vị Hóa Phật và vô số hóa Bồ tát.

Cánh tay của Bồ tát màu như hoa sen hồng, tám mươi ức tia sáng đẹp kết thành chuỗi ngọc. Bàn tay năm trăm ức màu hoa sen hồng. Đầu ngón tay có tám muôn bốn nghìn lần chỉ. Mỗi lần chỉ có tám muôn bốn nghìn màu, mỗi màu có tám muôn bốn nghìn tia sáng. Tia sáng dịu dàng chiếu sáng khắp mười phương. Quán Thế Âm dùng tay báu tiếp dẫn chúng sanh về Cực lạc (*Đường Về Cực Lạc của HT Thích Trí Tịnh biên soạn*). Giúp chúng sanh ra khỏi mê lầm giải thoát từ sanh.

2/ Thân ứng hiện cơ cảm của Bồ tát: Chúng sanh trong thế giới ta bà luôn được đón nhận tấm lòng từ sâu rộng như biển cả, vô biên như trời xanh của Đức Phật. Lòng từ của Ngài đến với chúng sanh như tấm lòng bà mẹ thương con, lòng bi của Ngài luôn nghĩ suy đến chúng sanh như “mẹ hiền che chở cho con”... Lòng từ bi đó là hạnh nguyện của chư Phật, của Đức Phật Thích Ca qua biểu tượng “Phật Bà Quan Âm”, “Phật Mẹ Quan Âm” mà mọi người có được duyên lành tín ngưỡng. (*sách Linh ứng Quán Thế Âm, trang 8 của Thích Tịnh Từ, Tu viện Kim Sơn ấn hành*)

Khi nói đến Đức Bồ Tát Quan Âm, thì mọi người theo Phật giáo hay không theo Phật giáo đều cảm niệm đây là “Phật Bà Quan Âm”, “Phật Mẹ Quan Âm”, “Mẹ hiền Quan Âm”. Thánh tượng “Phật Bà Quan Âm”, cũng chính là biểu tượng được tôn trí thờ phượng tại các Chùa lớn trong cả nước cũng như tại Quan Âm Tu Viện – Biên Hòa.

3/ Thân hạnh nguyện: Dựa trên cơ sở 12 danh hiệu của Đức Bồ Tát Quan Âm (*có trong kinh Nhứt Tụng dành cho Tăng Ni Phật tử tụng đọc hằng đêm*) chúng ta thấy mỗi danh hiệu là một hạnh nguyện hải, hạnh nguyện nào cũng nói lên nguyện lực của Bồ Tát Quan Âm hướng về cứu khổ chúng sanh trong thế giới Ta Bà đang lâm khổ nạn. Đây cũng chính là hạnh nguyện cao cả của Phật qua thâm ý Bồ Tát Quan Âm phát nguyện vì khắp muôn loài mà thị hiện thuyết pháp.

Đức Bồ Tát Quan Âm còn có những thân tướng pháp thân đại sĩ khác, như: Phật mẫu chuẩn đề, Tiêu diện đại sĩ, Lục độ mẫu...nhất là biểu tượng thị hiện thân ngàn tay ngàn mắt, nói thần chú “Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại bi tâm Đà ra ni”, tức là chú Đại Bi (*trích Kinh Quán Âm Đại Bi Tâm Đà ra ni*). Trong 84 câu thần chú đại bi, mỗi câu là một biểu tượng đáng vẽ hiện từ, trang nghiêm nhưng

đầy uy lực và dũng mãnh dùng làm phương tiện cứu khổ độ sanh: ”không muốn thấy chúng sanh đau khổ, muốn thấy chúng sanh đều được giải thoát.

Trong kinh quán Vô Lượng Thọ, kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ môn, Đức Phật có nói đến hạnh nguyện của của Bồ Tát Quan Âm “Quan Âm vị Cổ Phật Chánh Pháp Minh Như Lai Hạnh nguyện sâu rộng lớn

Cứu độ khắp muôn loài

Nghe tiếng kêu liền đến

Lợi ích chúng hằng sa

Nếu ai thương xưng niệm

Cảm ứng bất tư nghi”

Với bài kệ trên chúng ta thấy: Đức Bồ Tát Quan Âm là vị Phật cổ có đức hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai.

Chúng ta còn có thể hiểu thêm một danh hiệu khác của Đức Bồ Tát Quan Âm là “Quán Tự Tại Bồ Tát” trong kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên nói: ” Quán khứ Chánh Pháp Minh, hiện tiền Quán Tự Tại” là vậy.

Có bài kệ xưng tán Đức Bồ tát Quan Âm:

Trí tuệ hoằng khai đại biện tài

Doan cư ba thượng tuyệt trần ai

Tường quang thuốc phá thiên sanh bệnh

Cam lộ năng khuynh vạn kiếp tai

Thúy liêu phát khai kim thể giới

Hồng liên dũng xuất ngọc liên đài

Ngã kim khể thủ phân hương tán

Nguyện hướng nhân gian ứng hiện lai

Chư Phật tử nên nhất tâm niệm danh hiệu ngài thật chí thành: “Nam mô Hiền Thánh Viên Thông Tầm Thinh Cứu Khổ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát”.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười Bốn: Ứng hóa sanh thân trong thơ nôm Quan Âm Thị Kính

Vấn: Xin Sư hoan hỷ tiếp tục giảng giải thêm về thân ứng hóa Đức Quan Thế Âm khi ngài thị hiện trong đời nhiều thân để cứu khổ độ sanh? Nhất là thân ứng hóa thật tuyệt vời trong thơ nôm Quan Âm Thị Kính, khi ngài giả trai đi tu có tên là Kính Tâm, chịu nhiều nỗi oan ức cho đến khi bị đánh tuyệt mạng?

Đáp: Đức Bồ tát Quan âm luôn thị hiện trong thế giới khổ đau để giúp cho chúng sanh tiến hóa ra khỏi khổ đau, tế khổ độ mê; ngài có hạnh nguyện thị hiện ngàn tay ngàn mắt, thị hiện nhiều thân, thân nào cũng được chúng sanh trong thế giới ta bà rất cảm kích tín ngưỡng tôn kính ngài. Thường là đức Bồ tát hay thị hiện thân nữ lưu, đức hạnh song toàn nên chúng sanh trong thế giới ta bà gọi ngài là Phật mẹ, Phật mẫu, bậc Mẹ Hiền tối tôn tối thượng. Vì chỉ có ngài mới đủ lực từ bi cứu khổ chúng sanh; qua ngài mọi người mọi loài nhận chân được giá trị hành đạo của Đức Phật Thích Ca, vị Giáo chủ cõi ta bà.

Thị hiện trong đời, ngài cũng có rất nhiều cơ cảm tùy duyên hóa độ, có khi thị hiện làm Quan Âm tướng hảo quang minh, có khi thị hiện hình tướng xấu xí như Tiêu Diện đại sĩ; nhất là như trên đã nói, thường hiện thân phụ nữ ở Triều Tiên, Trung Hoa, Nhật Bản rồi Việt Nam.

Đức Quan âm Bồ tát, xưa là một nam nhân tuấn tú, hảo tâm xuất gia, tâm không còn dính bụi trần, trải qua chín kiếp tu như thế và được làm Sa môn tu hành đắc đạo.

Một ngày nọ Đức Phật Thích Ca Mâu ni thị hiện hóa thân một vị nữ lưu đức hạnh vẹn toàn, đẹp như tiên nga Non Bồng giáng thế để thử lòng vị Sa môn.

Đức Mâu ni xuống thử lòng

Hiện ra một ả tư dung mỹ miều

Lần khăn ép dấu nài yêu

Nhưng vị Sa môn từ chối vì đã trót tu hành, đang thọ giới pháp của Phật, kiếp này không thể thương yêu được, có thể xin hẹn lại kiếp khác!

Người rằng: "vốn đã lánh điều nguyệt hoa"

Có chẳng kiếp khác họa là

Kiếp này sợi chỉ trót đã buộc tay

Không ngờ do lời hứa hẹn bâng quơ đó mà phải vướng vào vòng lao lý, bị đọa đày trong sanh tử luân hồi ở kiếp thứ mười.

Nào ngờ pháp Phật nhiệm thay

Lỡ lời mà đã vin ngay lấy lời

Chờ cho kiếp nữa đủ mười

Thử cho đày đọa suốt đời xem sao?

Là người tu, họa phước đều xuất phát từ miệng, một lời nói không cẩn ngôn cẩn hạnh phải chịu nhiều khổ đau trong cuộc đời ở kiếp lai sinh; miệng xuất phát từ ý niệm nghĩ suy. Từ đó mà quả báo thay nhau ẩn hình đóng vai trò “ân đền nghĩa trả” trong thế gian và cứ như thế mà trầm luân khổ đé.

Câu chuyện cổ tích thơ nôm Quan Âm Thị Kính, tác giả là người tu Phật cũng cho chúng ta thấy được cái lý nhân quả trong nhà Phật mà Đức Phật từng thuyết cho mọi người nghe. Gieo nhân thì hái quả, không có quả nào sai trái với mầm nhân đã gieo.

Bạch Sư! Trong thế gian có lắm điều phi lý: "khi người làm ác mà đời sống của họ vẫn sung túc giàu sang quý phái?"

Sự việc có nguyên nhân của nó: "theo giáo pháp nhà Phật chắc chắn người làm ác (hạt nhân) thì phải gặp ác (quả báo), nhưng vì cái hạt nhân của việc làm ác ấy chưa chín mùi, chưa đủ yếu tố để tác thành quả...vì vậy mà người làm việc ác vẫn thấy được sung sướng, hạnh phúc...Tuy nhiên đến khi "hạt nhân ác "chín mùi, đủ yếu tố tác thành quả không ai tài nào tránh khỏi họa hại đến nhà.

Chúng sanh thường"theo nghiệp lực mà tái sinh vào thân sau". Tái sinh vào cõi Thánh, tái sinh vào cõi phàm trần, tái sinh vào cõi A tu la, địa ngục, ngã quỷ, súc sanh...chỉ trừ Đức Phật là bậc giải thoát toàn chân thiện mỹ ra khỏi sanh tử luân hồi, không tái sinh vào đâu cả, mà thị hiện vào đời cứu khổ, độ chúng sanh. Bồ tát thì vào đời bằng hạnh nguyện, nhưng vẫn còn một chút trở ngại khi mang "ám thân". Bậc Thanh văn tái sinh vào đời lại càng trở ngại hơn nữa khi vào bào thai mẹ, nơi huyền thân nhiều ô uế, nên phải chịu kiếp si mê rồi mới giác ngộ tu hành; trong giáo pháp nhà Phật có câu: "Thanh văn còn muội lúc ra thai, Bồ tát còn mê khi cách ám..."

Thân tướng Bồ tát Quan âm là thân ứng hóa sanh thân, Ngài luôn có trách nhiệm đi vào thế giới ta bà, làm công việc bỏ thân trước, mượn thân sau, nên nói Bồ tát còn mê khi cách ám...

Tại Việt Nam thân nổi bật là thân Quan Âm áo trắng, tay cầm nhánh dương liễu và tay cầm bình tịnh thủy rưới mát chúng sanh vạn loại, Quan Âm phục long, Quan Âm hiện trong mây, Quan Âm Diệu Thiện, Quan Âm đứng trên một hải đảo biển cả cứu người bị nạn, biển cả tượng trưng cho luân hồi, lực của ngài như một bà Mẹ hiền bao dung và từ ái.

Tại Trung Quốc, thế kỷ thứ mười, Quan Âm còn được giữ dưới dạng nam giới, thậm chí trong hang động ở Đôn hoàng, người ta thấy tượng Quan Âm để râu, sau đó hình ảnh Quan Âm được vẽ mặc áo trắng có dạng nữ nhân. Có lẽ điều này cho thấy có sự pha trộn giữa đạo Phật và đạo Lão. Một cách giải thích khác là ảnh hưởng của Mật tông, trong thời kỳ này đó là hai yếu tố từ bi và trí tuệ được thể hiện thành hai dạng nam nữ; mỗi vị Phật hay Bồ tát theo Mật tông đều có người hầu cận thuộc nữ nhân. Vị quyền thuộc của Quan Thế Âm được xem là vị nữ thân áo trắng, và Bạch Y Quan Âm là tên dịch nghĩa của danh từ đó. Kể từ thế kỷ thứ mười quần chúng Phật tử Trung Quốc tín ngưỡng Đức Quan Âm áo trắng và kính tôn ngài là vị bồ tát có dạng phụ nữ.

Thường thì người Phật tử Đông Bắc Á còn tín ngưỡng Phật bà "Quan Âm Nam Hải", vì họ luôn cầu nguyện cho được bình an trong các chuyến đi về phương Nam đánh cá.

Gia đình tôi, các chị em được giáo dục từ thuở nhỏ; lúc lên sáu, bảy vừa biết chữ là phải thực tập tụng kinh niệm Phật, ăn chay, mỗi tối ai không tụng kinh phải bị Ba (Bố) phạt quỳ hương, hoặc đứng khoanh tay quay vào vách cho đến 23 giờ

Ba mới tha cho đi ngủ. Trong khóa lễ tụng kinh niệm Phật gồm có tụng bài Tán Dương chi, tụng bài Chú Đại bi, tụng bài kinh Cứu khổ, tụng A Di Đà Phật thân kim sắc, niệm 108 câu danh hiệu Phật A Di Đà, hồi hướng, tụng quy y...về sau bắt đầu từ tháng giêng năm Kỷ Hợi (1959) có tụng bài Pháp kệ Phổ Đà Sơn, trung bình một khóa lễ như thế chừng 25 phút đến 30 phút là cùng, do vậy mà các chị em tôi ít có ai chán ngán khi đến thời giờ tụng kinh niệm Phật, ngược lại còn rất phấn khởi (tinh tấn).

Trong các bài tụng tôi đều tâm đắc, nhưng tâm đắc đặc biệt là bài: “kinh Quan Âm cứu khổ”

Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quảng đại Linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát.

Đất chỉ đa,

Án, dà liệt phạt đa, dà liệt phạt đa

Liệp dà phạt đa, liệt dà phạt đa, ta ha

Thiên la thân, Địa la thân

Nhơn li nạn, Nạn li thân

Nhứt thiết tai uơn hóa vi trần

Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quảng đại Linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát.

Trên bàn thờ Phật, Ba thờ bức tượng giấy lớn gọi là tượng Hội đồng chư Phật (tam thế là ba đời chư Phật: Di đà tam tôn biểu tượng Phật quá khứ, hiện tại Phật Thích Ca, vị lai Phật Di lặc), phía dưới ở giữa thờ tượng Phật Thích Ca ngồi thành đạo dưới cội bồ đề có ma vương, ma nữ trêu ghẹo không cho ngài thành Phật, nhưng cuối cùng thì ngài chiến thắng ma vương để thành Phật, bên phải là thờ ba ông Quan công, Quan bình, Châu xương, bên trái thờ Phật Bà Quan Âm (tượng giấy lớn xưa), trong tượng có Phật Bà Quan Âm, Thị Mầu bông con, chim vẹt ngậm chuỗi bay trên cao, phía sau là khóm trúc xanh tươi; cũng có Thiện Tài, Long Nữ đứng hầu trước đức Bồ tát Quan Âm, hai bên hình ảnh Phật Bà có đôi liễn:

Tử trước lâm trung Quán tự tại

Bạch liên đài thượng hiện Như Lai

Cả nhà tôi tín ngưỡng Phật Bà tuyệt đối và thuộc bài kinh Quan Âm cứu khổ, lúc nào gặp sự cố như bệnh, nhất là công cuộc chiến tranh Việt Pháp, hai bên thường bắn nhau lúc bấy giờ cũng đều tụng bài kinh Quan Âm Cứu khổ.

Sự linh ứng

Chiến tranh Việt Pháp là một thảm họa chung của dân tộc; vào năm 1953 nhà Ba tôi ở chợ quận, mỗi lần hai bên đánh nhau, Ba tôi dạy các con phải chun dưới bàn thờ Phật mà trốn, các con niệm danh hiệu Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quảng đại Linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát cầu Phật mẹ gia hộ, bom đạn sẽ không quấy nhiễu; thời ấy tôi không hiểu gì cả, nhưng nghe theo lời Ba dạy nên

tin, tin lắm! Mà thật sự như thế, nhà tôi được thoát qua nhiều cơn hoạn nạn do lính Tây và Việt minh bắn nhau trước đường lộ cách nhà 800 mét, mỗi lần hai bên “đụng trận” súng bắn liên hồi, mọi người cứ tưởng là phải chết!

Cạnh nhà tôi có hai nhà hàng xóm ở cùng một bên đường nhưng cách xa nhà tôi 500 mét nếu tính từ đường lộ lớn đi Mỹ Tho- Gò Công nhìn vào bên phải thì có nhà Ông Cả (chủ trại hòm), nhìn bên trái là nhà lớn của Duy bạn học, các nhà này có làm “trăng-sê” hoặc “sô hào gần giống như công sự” để trốn tránh bom đạn.

Một ngày nọ, bên quận đường “lính quận cũng là lính Tây” đi ruồng (hành quân), khi đi vào đầu đường làng tôi lúc 18 giờ 30, hai bên Tây và Việt Minh gặp nhau, lính Tây bắn xối xả, bắn ôi là bắn, bắn thẳng thì đạn lạc vào nhà tôi, bắn bên phải thì đạn lạc vào nhà Ông Cả, bắn bên trái thì đạn lạc vào nhà Duy bạn tôi... Lúc bấy giờ Ba tôi bảo các chị em chúng tôi chun dưới bàn Phật nằm “sát-rạc dưới đất”, đồng niệm danh hiệu Bồ tát Quan Âm cứu khổ cứu nạn cho đến khi chấm dứt trận đánh; vậy mà sau khi ngưng bắn nghe bên nhà Ông Cả có người nhà khóc hu hu, thì ra khi lính quận bắn phía bên nhà Ông Cả, Ông và mọi người chạy đôn chạy đáo ra “trăng-sê” ngoài vườn trốn đạn, nên bị lạc đạn “thương vong”; nhà tôi, Ba tôi thoát nạn, Ba bảo: “Nhờ chun dưới bàn thờ và niệm Bồ tát Quan Thế Âm” nên đạn bom biến thành cát bụi (nhứt thiết tai ương hóa vi trần).

Sự việc cho đến năm 1966, tôi mới nghĩ ra: “Nơi bàn thờ Phật là nơi tôn nghiêm, nhà trên nhà trước, ban ngày ban mặt, bộ đội “Việt Minh” đi đánh Tây đâu có ai mà núp ở nơi không có “trăng-sê công sự”, nên “lính quận” không bắn vào hướng đó, mà bắn vào nơi đối phương có thể vừa “phục kích đánh Tây” vừa “trốn núp đạn” tức là nơi công sự trăng-sê; vì vậy mà Ông Cả bị “lạc đạn” qua đời, gia đình tôi do núp dưới bàn thờ Phật, niệm Bồ tát Quan Âm nên không ra sao cả.

Chín tháng sau, sau ngày mẹ tôi qua đời, tức là vào ngày 01/7/1954, Ba tôi suy nghĩ phải làm trăng-sê cho các con tránh lạc đạn. Công việc đắp trăng-sê của Ba đến ngày 19/7/1954 mới xong, nhưng ngày hôm sau thì “đình chiến”.

Tâm niệm đến Đức Bồ tát Quan Âm tôi nhớ lại hồi năm 1955 cũng là năm tiệm buôn Tạp hóa của Ba buôn bán rất thịnh vượng, ăn nên làm ra, nhà tôi là “nhà kê”, tức là nhà số “1” trong làng xã, mọi người rất quý mến Ba, vì Ba là người tu Phật rất điềm đạm từ tốn với mọi người, Ba cũng thường nói với những bà con bạn hàng nên siêng niệm Phật Bồ tát Quan Âm để chấm dứt chiến tranh được tai qua nạn khỏi. Cũng trong năm ấy, Ba có sắm 1 tủ lớn bán sách giáo khoa cung cấp cho các nhà trí thức xưa và học trò trường Tiểu học Chợ Gạo, trong tủ sách có một ngăn trưng bày các loại truyện xưa tích cũ, như truyện Vua Nghiêu Vua Thuấn, Bích câu Kỳ ngộ, Nhị thập Tứ hiếu, Phạm công Cúc hoa, Thoại khanh Châu tuấn, Thạch sanh Lý thông, trong đó có sách truyện Quan Âm Thị Kính, lúc nào tôi cũng mãi mê đọc truyện Quan Âm Thị Kính, đọc tới đọc lui đến nỗi gần như thuộc lòng, vào những ngày giáp tết Ba thường mua tranh tứ quý về bán chợ tết, trong đó

có tranh Quan Âm Thị Kính là nổi bật, tôi vừa nhìn là biết ngay Phật Bà Quan Âm Thị Kính và tỏ lòng ngưỡng mộ Phật Bà trước hơn hết.

Theo tôi biết, tập thơ nôm Quan Âm Thị Kính rất ít được phổ biến trong quảng đại quần chúng, ai có duyên thì gặp không duyên lành thì chịu! Ba tôi, gia đình tôi thì không xem thường cho đến khi quy y Phật vào cuối năm 1957 tại chùa Long Khánh, Thuộc Nhiêu, Cai Lậy với Bồn sư là Hòa Thượng thượng Quảng hạ Đức. Rồi đến năm Canh Tý (1960) xuất gia đầu Phật với Bồn sư là Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bông Lai tại núi Bông Lai (Bà Rịa Vũng Tàu), thì đức Quan Thế Âm lúc nào cũng ảnh hiện trong đầu của tôi, thỉnh thoảng ngài biến hóa thành đức Bồ tát Di Lạc độ trì tôi đi xuất gia.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười Lăm: Giới thiệu thơ nôm Quan Âm Thị kính

Sư linh ứng

Năm 1967, sau khi đại hội thành lập Đoàn Du tăng Khất sĩ Non Bông diễn ra vào ngày 23/7 tại Tây viện Quan Âm Tu Viện, tôi đến tôi mở một quyển sách đọc một câu chuyện thời chiến tranh đệ nhị thế chiến (1945). Lúc bảy giờ trực phát xít Đức – Ý – Nhật chia nhau thôn tính hoàn cầu, Nhật Bản đánh chiếm toàn bộ các quốc gia Đông Nam Á, Đông Bắc Á...tại Myanmar có một Viện Bảo Tàng Phật giáo ở giữa rừng, thờ nhiều phiến đá trong đó có điêu khắc Tam Tạng kinh điển, khi chiến tranh lan đến đây nhưng các bên không đánh nhau nơi có thờ Tam Tạng thánh điển, do vậy mà các gia đình trong vùng có chiến tranh di tản đến nơi thờ kinh điển để tị nạn và trú ngụ an toàn cho đến khi chấm dứt chiến tranh.

Tại Quan Âm Tu viện, pháp tháp Huyền Diệu Quan Thế Âm thờ thánh tượng Quan Âm cao 7,2 mét được xây dựng vào năm 1970, đến ngày 19/6 năm Tân hợi (1971) tổ chức lễ khánh thành, dưới sự chứng minh của Đức Hòa Thượng Tôn Sư Mẫu Trầu, có khoảng 20.000 Tăng Ni, Tín đồ Phật tử các Tự Viện trong tông phong, từ các nơi về tham dự đông đủ. Thánh tượng là một tượng đài Đức Phật mẹ Quan Âm mặc áo màu trắng, tay cầm bình tịnh thủy, tay cầm nhành dương liễu đứng sừng sững giữa pháp tháp, nơi đây là biểu tượng của Quan Âm Tu Viện, cũng là sự tín ngưỡng tôn quý đức Bồ tát Quan Âm rất linh hiển, giúp nhiều bà con thoát qua nạn tai trong chiến tranh Việt Mỹ.

Ngày 19 tháng 2 năm Giáp dần (1974), chiến tranh Việt-Mỹ gần kết thúc, Đức tôn sư và chúng tôi thường xuyên đi núi Sập, thăm viếng Đức Sư Ông, vì lúc bấy giờ huyền thân ngài yếu, có thể đi về với Tổ Phật không biết lúc nào. Một

duyên lành khác tiếp đến, tôi được Sư Giác Nguyên tặng quyển Việt Nam Thi văn Hợp tuyển của Giáo sư Dương Quảng Hàm (Trung tâm học liệu xuất bản lần thứ 9, Saigon 1968) để tôi đọc học, trong đó có mục Quan Âm Thị Kính, thơ văn có 786 câu, tác giả Vô Danh, truyện chia ra làm 5 hồi như sau: Thị Kính mắc tiếng oan giết chồng – Thị Kính đi tu – Thị Kính mắc tiếng oan với Thị Mầu – Thị Kính nuôi con Thị Mầu – Thị Kính rửa sạch tiếng oan và thành Phật. Tuy sách giới thiệu đủ năm hồi, nhưng trên thực tế chỉ trích giảng từ câu thứ 123 đến câu 344 mà thôi.

Sách có nhắc đến việc Kinh Tâm trước khi chết có viết thơ để lại cho mọi người, sau khi xem thư tuyệt mệnh, người nhà mới biết tội mưu giết chồng là oan. Khi liệm thi hài, Sư Vãi trong chùa mới rõ Kinh Tâm là phụ nữ (nhưng sách không trích bài thư tuyệt mệnh của Kinh Tâm). Vậy là cả hai nỗi oan đều được tháo gỡ.

Bức thơ tuyệt mệnh:

Thị Kính, pháp danh Kinh Tâm gởi cho cha mẹ:

On sơn-hải một chút chi chưa báo, ở sao đành dù đi có sao đành. Phận liễu-bồ mười đầy cũng là không, Sống đã tui dù thác đi cũng tui. Trăm hơn dậm bổng xảy ra muôn kiếp,

Một tấm lòng xin gửi lại mười hàng.

Thị Kính nay:

Hồ Phận nữ-nhi,

Nhờ nền phúc-ấm,

Từ kết tóc sớm trao giây tú-mạc, ba thu vừa mới ắm chặn loan.

Vì cắt râu nên nổi sóng Ngân-hà, một khắc nào ngờ tan dịp thước.

Tòa Ngưu-Nữ đôi bên cách trở,

Khóm thung-huyền đòi-đoạn bồi-hồi.

Chón phấn-hương then với nước-non,

Đặt gánh hiếu phải sa rời dậm khách

Miền Bát-Nhã tìm vào mây khói,

Nương bè Từ cho vượt khỏi sông mê.

Đuốc quang-minh đốt cháy thành sào,

Bể khô-hạnh bổng nảy lên bãi giác.

Cảnh Văn-Tụ mừng vui miền thúu-lĩnh,

Ráy càn dương chẳng bợn chút trần-ai.

Á Thị-Mầu đơm đặt chuyện Vu-sơn,

Gây vóc liễu đã cam lòng giả sở.

Thửa làm vợ để chồng ngờ thất tiết,

Lúc làm trai cho gái đổ oan tình.

Đoái nghĩ, on chín chữ cù-lao, xa-xôi chốc đã sáu thu, khoái-khoắc bận lòng khi đản-mộ.

Tưởng đến nỗi đôi bờ ly-biệt, nuôi-nấng gọi là một chút, viếng thăm thay mặt buổi thân-hôn,

*Muôn phần bội bạc đã cam rồi,
Trăm lạy nghiêm từ xin ở lại.*

Đạo Phật là thế đấy, oan ức không cần biện bạch, biện bạch là hèn nhác; Kinh Tâm đến khi bỏ xác thân tứ đại mới nói nên lời. Sinh tiền Đức tôn sư Mẫu Trần cũng như thế, trong quá trình hành đạo, ngài thường xuyên bị dư luận mạ lỵ khinh chê ngài, nhưng lúc nào ngài cũng lặng thinh mà niệm Phật hay thuyết giảng nhằm giữ vững tinh thần cho môn nhơn đệ tử an tâm tu học. Trải suốt trên năm mươi năm trường cho đến khi viên tịch, được Hội đồng Chứng Minh Trung ương Giáo hội PGVN đến tán phong lên hàng giáo phẩm Hòa Thượng!

Sinh tiền Đức tôn sư dạy:

Ngàn năm công khó không người biết

Một kỷ siêu thăng thiên hạ hay

Ngày 25/4/1975 bộ đội Mặt trận giải phóng miền Nam tiến chiếm đến Trảng Bom, đến ngày 28/4/1975 thì đến sân bay Biên Hòa, tại Quan Âm Tu viện có trên 600 người gồm Tăng Ni, Tăng Ni sinh, cô nhi đang cư trú, ngày đêm tụng kinh Phổ Môn cầu nguyện hòa bình, cầu tai qua nạn khỏi cho đến ngày 29/4/1975 Ban Giám đốc Quan Âm Tu viện quyết định đưa một số cô nhi đến nhà Ông Mười Điều tại ngã ba Vườn Mít lánh nạn, vì bấy giờ thị xã Biên Hòa do Quân Giải phóng kiểm soát rồi. Tuy nhiên tại Quan Âm Tu Viện còn rất căng thẳng: "...Quân Giải phóng ở phía trước Tu viện, Ngụy quân đã "đầu hàng" rồi, nhưng muốn có thêm trận đánh nữa, nên trốn ở phía ngoài sau Tu viện, bên Giải phóng ở phía trước Tu viện bắt loa kêu gọi "Ngụy quân đầu hàng", Ngụy quân thì dàn trái chiến xa M113 từ phía núi Châu Thới chia mũi súng thẳng về bên hông Tu viện, hai bên chuẩn bị đánh nhau một trận cuối cùng; trong khi đó hàng trăm tu sĩ Tăng Ni, cô nhi ở trong Tu viện tụng kinh niệm Phật, treo nhiều lá cờ Chử Thập Đỏ lớn bằng chiếc đệm kê kêu gọi không đánh nhau. Cuối cùng vào lúc 14 giờ ngày 29/4/1975 có một Ông Sư Khất sĩ xuất hiện cầm súng AK đứng trước cổng Tu viện giữ trật tự, thỉnh thoảng đi vào pháp tháp Quan Âm, rồi lại đi ra cổng, đi đi lại lại "ông Sư cầm súng đứng trước cổng Tu viện như là một thiên thần cứu thế", tin hiệu về chuyện đánh nhau sẽ không thành việc nữa rồi; cho đến 19 giờ cùng ngày giông bão đến, trời trút một cơn mưa cực lớn đến 23 giờ mới tạnh...thế là chuyện đánh nhau giữa đôi bên sẽ không có, cho đến 11 giờ 30 hôm sau, ngày giờ hòa bình đã đến: 30/4/1975. Việc tụng kinh Phổ Môn, treo cờ Chử Thập Đỏ, hình ảnh Ông Sư cầm súng AK và Trời đổ một trận mưa to kéo dài...có bốn sự duyên, phải chăng đây là những pháp lực Quan Âm Bồ tát hộ trì cho Tu viện và Tăng Ni, cô nhi tụng kinh Phổ Môn cầu nguyện tại Quan Âm Tu Viện.

Đến năm 1988, gặp được quyển sách Quan Âm Thị Kính cũng của tác giả Khuyết Danh, đọc tiếp cho đến ngày 19/2/Tân Mão (2011), lại tiếp tục được gặp áng thơ nôm Quan Âm Thị Kính...

Với nhiều nhơn duyên với ngài như vậy, tôi viết lời giới thiệu thơ nôm Quan Âm Thị Kính”, trở thành bài pháp đưa vào sách “Một trăm ngày niệm Phật & Một trăm bài pháp tập II” giới thiệu một hiện thân vi diệu, một siêu nhân vĩ đại với đức hiệu Quan Âm Thị Kính trong văn học Việt Nam, văn học Phật giáo Việt Nam, trong các sách viết về Phật Bà Quan Âm, Mẹ hiền Quan Âm.

Tập thơ nôm Quan Âm Thị Kính, sở dĩ gọi tên tác giả là Khuyết Danh vì có hai giả thuyết như sau:

1/ Theo nhà nghiên cứu văn học Hoa Bằng (1902-1977) thì tác giả của tập thơ nôm này là Nguyễn Cáp, một nhà văn sống vào nửa đầu thế kỷ thứ 19. Ông là người ở thôn Thượng, xã Nguyên Khiết, huyện Thọ Xương, thuộc Tp. Hà Nội. Sau khi đỗ Giải Nguyên năm Quý Dậu (1912), ông được bổ chức quan, lần lượt trải đến chức Tri phủ Thiên Trường (1929). Sau vì một chuyện lỗi thời trong kiện tụng mà vợ ông có dính líu, ông bị bắt giam, nhưng trốn được. Nhờ Nguyễn Công Trứ bảy giờ làm quan Tham tán quân vụ ở Lạng Giang che chở, nên ông đến ẩn tu hành ở tại đây. Tác phẩm Quan Âm Thị Kính được ông sáng tác vào lúc cuối đời, đã thể hiện phần nào tâm sự u uất của ông.

2/ Theo gia phả nhà họ Đỗ ở Bắc Ninh do Dương Xuân Thự cung cấp, thì truyện thơ Quan Âm Thị Kính do Đỗ Trọng Dư (1786-1868) sáng tác. Ông là người xã Đại Mão, huyện Siêu Loại, xứ Kinh Bắc, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Đỗ Hương công năm 1819, ông được bổ chức quan, lần lượt trải đến chức Tri phủ Quốc Oai. Ở chức này ông bị kiện là thu tiền của dân không hợp lệ nên bị bãi chức (có một nho sinh muốn xin ông một chức vị trong phủ nhưng ông không cho, nên làm đơn kiện ông), về nhà dạy học. Chán nản với thế sự, ông đã viết thơ Quan Âm Thị Kính đề gởi tâm lòng mình. Năm 1876, con ông là Cử nhân Đỗ Trọng Vĩ chép lại, đến năm 1948, thì tác phẩm in bằng chữ quốc ngữ, trên bản in đề rõ là của Đỗ Trọng Dư.

Trong khi chờ đợi xác định ai là tác giả của tập thơ nôm Quan Âm Thị Kính, các sách Văn học Việt Nam vẫn tạm ghi là Khuyết Danh.

Như vậy, một tác phẩm của Khuyết Danh, một tác phẩm của Đỗ Trọng Dư, một của Nguyễn Cáp; theo tôi thì Khuyết Danh cũng là một tác giả, tức là ba tác giả và theo Giáo sư Nguyễn Huệ Chi còn có một tác phẩm có bản in sớm nhất hiện còn là vào năm Tự Đức thứ 21 (1868) cùng một nội dung. Dù là của ai tôi vẫn tôn quý trọng thì biết ơn người xưa, các tác giả đã dày công tu hành, nghiên cứu kinh Phật, hiểu biết giáo lý Phật mà biên soạn tập thơ nôm Quan Âm Thị Kính là một công trình vĩ đại trong văn học Việt Nam.

Thơ nôm Quan Âm Thị Kính là tập thơ thuộc văn học Việt Nam, nhưng nội dung diễn tả câu chuyện của các nhân vật, quê hương của các nhân vật chính là nước Cao Ly?

Phải chăng tác phẩm ra đời vào triều đại vua Tự Đức trị vì và những triều đại kế tiếp gần như bị Tây hóa, lòng người chạy theo cuộc sống giàu sang sung túc,

quyền thế, mua quan bán chức, giữa một xã hội loạn ly, những người tốt, người yêu nước, người ngay thẳng thường bị hại; các tác giả là người “làm quan trung trực bị hại”, gặp nhiều nỗi oan ức, nên biên soạn tác phẩm Quan Âm Thị Kính nêu lên những nỗi oan ức của Thị Kính để gởi nỗi khổ niềm đau, nỗi oan ức của mình vào tập truyện mà hóa giải bằng con đường tâm linh, có lẽ vì vậy mà tác giả lập luận câu chuyện ở xa tít tận Cao Ly để cho quan quân triều đình, xã hội không để ý, không còn ám hại nữa?

Một ý nghĩ khác, có thể tác giả là một bậc tu hành đắc đạo, biết được hạnh lợi tha của Bồ tát là vô biên “không phân biệt Việt Nam hay Cao Ly”. Nhưng nếu cốt truyện Quan Âm Thị Kính là thơ nôm Việt Nam, mà nhân vật chính cũng là người Việt Nam thì hay biết mấy! Và lại xứ sở Việt Nam là xứ Phật giáo, nếu tác giả diễn tả Phật bà Quan Âm thị hiện ở Việt Nam như nhân vật Thị Kính- Kính Tâm thì cũng xứng đáng lắm vậy!

Ở Việt Nam còn có thơ nôm Quan Âm Diệu Thiện cũng ít phổ biến trong quần chúng. Một câu chuyện Quan Âm khác nữa, ở vào triều đại nhà Lý, nhà vua Lý Thánh Tông có người phi là Ý Lan, mẹ sinh ra Lý Nhân Tông. Khi vua Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, Ý Lan phu nhân ở nhà, thay vua trị nước rất giỏi, nhân dân rất mến phục, tôn vinh Bà là Quan Âm nữ (Phật bà Quan Âm). Theo Đại Việt sử ký toàn thư, thì năm 1096, phu nhân có bày cỗ chay ở chùa Khai Quốc, (hiện nay gọi là chùa Trấn Quốc) cúng dường các vị Sư và cùng các vị Sư bàn về lịch sử truyền bá Đạo Phật vào Việt Nam. Nội dung cuộc đàm luận này được ghi lại trong cuốn “Thuyền Uyển Tập Anh ngữ lục” đời Trần (Phật học từ điển, trang 811, của Thích Minh Châu, Minh Chi, NXB Khoa học Xã hội, Hà nội năm 1991).

Thơ nôm Quan Âm Thị Kính gồm có 786 câu chính, 2 câu kết luận thành 788 câu, và bức thơ riêng của Thị Kính gởi cho cha mẹ trước khi ngài liễu đạo thành Phật Bà Quan Âm; trong Việt Nam Thi văn Hợp Tuyển của Giáo sư Dương Quảng Hàm chỉ thấy nói 786 câu, tức là Giáo sư không nói đến 2 câu kết luận, e rằng có thiếu sót chăng?

Trong sách Một trăm ngày niệm Phật & Một trăm bài pháp tập II này, nhắc đến áng thơ nôm Việt Nam Quan Âm Thị Kính để quý Phật tử, đọc giả cùng tìm học đọc vừa là cổ xúy thơ nôm Việt, vừa hiểu biết tận tường về sự thị hiện của đức Bồ tát Quan Âm, đức Bồ tát thể hiện hạnh lành “Thiện hiện hạnh”, trong tam hiền, hay “Pháp Vân địa” trong thập thánh; nêu cao ý chí nhẫn nhục từ bi của người Phật giáo nói chung, người con Phật tại Việt Nam nói riêng và góp phần làm tăng trưởng mức độ tín ngưỡng Bồ tát Quan Âm trong cộng đồng Phật tử Việt Nam và thế giới.

Phản kết:

Nói về Quan Âm Thị Kính, người xưa cũng muốn nói đến chỗ tu hành thành Phật đắc đạo là không dễ dàng. Quá trình tu hành cần có sự dày công tu tập, thực tập thiền tụng, công phu công quả, thực hành khổ hạnh, nêu cao chí khí nhẫn nhục, học tập và phát huy đức tính từ bi của Đức Phật, giới luật tròn đầy thì quả vị mới cao. Lời Đức Tôn sư thường dạy: “Phật dụng tâm (sự quyết chí), không dụng nhiều mâm nhiều quả; chịu khổ hạnh tu hành mới giỏi, công cho dày quả vị mới cao...” Người phát huy được nội lực tu hành, dù ở trong chốn thâm sơn cùng cốc, Đức Phật cũng thân hành giảng lâm chứng minh. Người tu hành nhờ công phu tu tập khó khổ trong một đời dù người thế gian không hay biết, nhưng đức Phật biết, Thánh biết, sự quan tâm của Ngài làm cho giáo pháp Đức Phật ngày càng trong sáng thêm lên, hội nhập phù hợp từng thế kỷ từng thời đại.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoảng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười Sáu: Thân tướng Đức Di Lặc

Vấn: - Đức Di Lặc là vị Bồ tát gần gũi chúng con như đức Quán Thế Âm, mỗi lần đi chùa bất cứ nơi đâu ở Việt Nam chúng con cũng nhìn thấy dung nhan của Ngài và đánh lễ nghiêm túc. Trong pháp môn tu niệm Phật Tịnh độ cũng nói đến hạnh lành của Ngài, chúng con chưa biết nhiều về hành trạng của Bồ tát Di Lặc nhiều, kính mong Sư hoan hỷ giảng giải cho chúng con được sáng tỏ để tu hành?

Đáp: - Chư Tăng Ni Phật tử Việt Nam cũng như chư Tăng Ni, Phật tử các nước Đông Bắc Á đều tín ngưỡng Đức Bồ tát Di Lặc; mỗi lần đánh lễ tôn tượng, mọi người thường niệm Nam mô Đương Lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật, trong dân gian thường gọi Phật Di Lặc, hơn là gọi Bồ tát Di Lặc, Ông Phật cười, Ông Phật bụng bự, Hòa thượng mang túi vải v.v... chẳng biết gọi các nào cho đúng. Thật ra thì sự hiện thân của ngài quá nhiều, được sử sách nói nhiều, nhưng chỉ toàn là hạnh lành của Bồ tát, truyền thuyết, dã sử...ngay như tiểu sử ngài Bồ đại Hòa thượng (Hòa thượng có mang túi vải) trong sách Từ Bi Âm cũng chỉ nói hiện thân của ngài là Bồ đại Hòa thượng? Vậy thì tượng thờ tại chính điện của các chùa có phải là Bồ đại Hòa thượng? Vì thánh tượng ngài “thì tay lằn chuỗi, tay cầm một túi vải”? Sư sẽ nghiên cứu thật kỹ để giảng giải cho các vị tu hành, mà không còn nghi ngờ nữa!

Trong kinh Phật có câu:

Nhất thế Phật bồ tát, hằng dĩ bi tâm cố, Tùy nhơn tùy thế giới, tùy thời tùy duyên hiện. Thực thực bát vô dư, thế gian vô tận cố...

Nghĩa:

Chư Phật và bồ tát, vì lòng từ bi thương xót chúng sanh cứ chìm đắm mãi trong vòng sanh tử, nên các ngài tùy theo trình độ của mỗi người mỗi thế giới, tùy theo thời tiết nhơn duyên, mà hiện thân giáo hóa chúng sanh được thành thực.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thể theo bốn nguyện hiện thân cõi ta bà, trong khoảng 49 năm tùy cơ thuyết giáo. Do nhơn duyên có hạn, cơ cảm có thời, bấy giờ ngài trở về Ta la song thọ là nhập Niết bàn. Nói sau Phật Thích Ca có ngài Di Lặc là một vị Phật bồ xứ, sẽ hiện thân thế giới ta bà giáo hóa chúng sanh.

Di Lặc là tiếng Phạn, Tàu dịch là Từ Thị hay Từ Tôn. Người tu tâm đại từ, ấy là hiệu của Ngài. Tiếng Phạn gọi là A Dật Đa, Tàu dịch Vô Năng Thắng, không ai hơn ai đó là tôn hiệu của Ngài (kinh Di Lặc hạ sanh, trang 46).

Nói đến Di Lặc, thấy lòng ta vui vẻ, vì tâm ta tưởng tượng đến hình bóng của Ngài to mập, ngời chiễm chệ, hai tay chống ngửa về phía sau, bụng lớn phình về phía trước, khuôn mặt nở nang đầy đặn, miệng tươi cười mở rộng, má lúm đồng tiền, tỏ vẻ khoan hòa thương yêu hết thảy muôn loài.

Trong bộ “Song Lâm Phó đại Sĩ ngữ lục hành thế” nói: “Về đời Ngũ Quý bên Trung Hoa, ở đất Minh Ba, huyện Phụng Hóa (Châu Minh) có một vị Hòa Thượng lùn béo, bụng to da đen, vẻ mặt nhơn từ, thường dùng một cây gậy quay một túi vải, trong đựng bình bát, hành cước từ thôn quê đến thành thị, khát thực, ai cho bất kỳ vật thực, đồ vật gì cũng đều đưa vào trong túi vải, thấy vậy người đời thường gọi là “Bồ Đại Hòa Thượng”.

“Bồ Đại Hòa Thượng” còn làm nhiều điều lạ thường, người nào được Ông nhận quà cúng dường. Thì người ấy làm ăn phát đạt, may mắn. Gia đình nào được Ông quang lâm đến thì gia đình ấy là ăn thịnh vượng, trên thuận dưới hòa. Ông hay nằm đất nhưng mình không nhơ, hoặc có khi ngồi ngoài mưa, sương tuyết mà không hề ướt áo, khi đương nắng gay gắt mà Ngài bỏ dép guốc thì trời đổ mưa, khi đang mưa mà bỏ dép guốc thì trời sắp nắng. Các vị Tăng khác ai có duyên gặp Ngài hỏi đạo, thì Ngài dạy giúp được tỏ ngộ. Đến niên hiệu Trinh Minh, mừng Ba tháng Ba, Ngài ngồi trên một tảng đá lớn sau chùa Nhạc Lâm thuyết bài kệ:

Di lặc chơn Di Lặc

Hóa thân thiên bách ức

Thời thời thị thời nhơn

Thời nhơn giai bất thức

Nghĩa:

Ta đây thật Di Lặc

Hóa ra ngàn vạn thân

Thường đứng trước mặt người

Mà người chẳng ai biết

Nói xong bài kệ này ngài liền thị tịch. Từ đó trở về sau người đời cảm động cùng nhau đúc tượng “Bồ Đại Hòa Thượng” để thờ, gọi là tượng Phật Di Lặc

Trong kinh “Bất Thực Nhục” chép rằng: “Về đời quá khứ, có Phật ra đời hiệu là Phật Di Lặc, thường thể hiện lòng từ bi mà giáo hóa chúng sanh. Một hôm Ngài nói Kinh Từ tam muội quảng đại bi hải vân, lúc bấy giờ trong nước có Ông Tiên tên là Nhứt Thế Chí Quang Minh, sau khi nghe nói kinh này rồi thì ngài luôn luôn thọ trì và phát nguyện rằng:

Nhờ công đức này, đời sau tôi

Thành Phật cũng hiệu là Di Lặc

Phát nguyện xong Tiên Nhơn bỏ nhà vào núi tu hành, ít lâu sau gặp năm mất mùa, nhân dân đói thiếu, Ông khát thực không được. Lúc ấy trong rừng có hai mẹ con con thỏ, thấy Ông bảy ngày không có gì để ăn cả, sợ Ông chết, mà giáo pháp không có ai truyền bá, nên mẹ con thỏ kia liền xả thân nhảy vào đồng lửa tự thui mình cúng dường. Thọ thần thấy vậy liền đến trước Tiên Nhơn bạch rằng:

“Hai mẹ con con thỏ, thấy Ngài không có món ăn, nên đã thiêu mình cúng dường, nay thịt thỏ đã chín, xin ngài nhận cho...”

Tiên Nhơn nghe Thọ thần nói như vậy, hết sức buồn thảm thương xót, Ông liền mang bốn kinh mình thường đọc tụng viết vào lá cây gòn dầy và viết thêm bài kệ rằng:

Ninh đản hiện thân phá nhĩn nhục

Bất nhĩn hành sát thực chúng sanh

Chư Phật sở thuyết Từ Bi kinh

Bi kinh năng thuyết hành từ già

Ninh phá cốt thể xuất đầu não

Bất nhĩn đạ nhục, thực chúng sanh

Thử nhơn hành Từ bất mãn túc

Đương thọ đả bệnh đoàn mạng thân

Mê một sanh tử bất thành Phật

Nghĩa là: Thà tự đốt mình, đâm thủng mắt, Chăng nở giết hại chúng sanh mà ăn thịt. Chư Phật đã nói kinh Từ Bi

Kinh dạy: Những người hay ăn thịt là người tu đức từ không đầy đủ, thà tự bỏ đầu moi óc ra, chứ chằng nở ăn thịt chúng sanh.

Nói kệ xong, Ông phát nguyện:

“Tôi nguyện đời đời không nghĩ tương sát sanh, không ăn thịt chúng sanh, cho đến khi thành Phật, sẽ chế giới đoạn nhục”.

Nguyện xong, Tiên Nhơn cũng chui vào trong đồng lửa theo cùng hai mẹ con con thỏ! Bỗng hào quang từ trong đồng lửa chiếu khắp một phía trời, người đời thấy vậy theo hào quang ấy tiến đến xem thì chỉ thấy một thân người và hai con thỏ đã chết nằm trong lửa; trông xung quanh thấy trên lá cây có viết một quyển kinh và một bài kệ, họ liền bảo nhau đem về dâng cho nhà vua và tâu hết công chuyện họ vừa thấy. Vua bèn truyền một vị Đại thần đem ra tuyên đọc cho mọi người nghe. Ai nấy đều phát đạo tâm vô thượng chính đẳng, chính giác.

Khi giảng đến đây, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Ông Thức Can rằng: “Bạch thờ vương trước kia tức là ta ngày nay, còn thờ con khi đó, nay là La Hầu La, vị tiên non lúc ấy nay là Di Lặc Bồ tát vậy...” (kinh Di Lặc hạ sanh thành Phật, trang 50)

Đức Di Lặc có nhiều hiện thân hóa độ chúng sanh, trong đó có hai thân, một là thân ở Song Lâm thì có tên là Phó Đại Sĩ; một ở Nhạc Lâm thì có tên là “Bồ Đại Hòa Thượng”. Tôn tượng thờ Đức Di Lặc Từ Tôn được người đời sau trong Đạo Phật tưởng nhớ công hạnh, tấm lòng từ cao cả, điêu khắc thờ theo hình dáng Ngài “Bồ Đại Hòa Thượng”.

Còn ngày giờ lễ vía theo kinh “Di Lặc thượng sanh”, trang 51 Đức Phật Thích Ca nói kinh này đến 12 năm, nhằm ngày rằm tháng hai thì Ngài Di Lặc Bồ tát về nước Ba la nại là chỗ bôn sanh, ngôi nhập diệt. Nhưng ngày giờ đản sinh thì chưa có. Có phải còn 16.800 năm nữa Ngài mới đản sinh chăng? Nếu chưa đản sinh thì làm gì có nhập diệt?

Tuy nhiên sử Phật, Bồ tát, Thịnh văn thật là mênh mông, việc Phật sự cũng có đôi khi phải tùy theo tiền lệ mà làm. Theo lời huyền ký trong kinh Di Lặc hạ sanh thành Phật, nói về Đức Di Lặc và Hội Long Hoa như sau:

“...đến khi Phật Thích Ca ra đời, thì ngài Di Lặc Bồ tát lại giáng sanh trong nhà của một vị Bà la môn, tên là Ba Bà Lợi, ở Nam Thiên Trúc vào ngày mùng Một tháng Giêng. Họ ngài là A Đạt Đa (không ai hơn). Tên của ngài là Di Lặc (Từ Thi). Tên họ này tiêu biểu lòng từ bi, hỷ xả vô lượng vô biên của ngài. Từ bao nhiêu kiếp cho đến thành Phật, ngài cũng vẫn có danh hiệu là Di Lặc.

Về sau nhờ Đức Thích tôn dạy tu Duy thức quán, ngài quán sát các pháp đều do thức tâm biến hiện, không có một vật nào chơn thật, thấu rõ được lý “tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Vì ngài nhận thấy cảnh giàu sang, phú quý danh vọng quyền tước v.v... đều như bóng trong gương, như trăng dưới nước, do thức tâm biến hiện, nên ngài dẹp trừ được vọng tưởng si mê về giả cảnh, chuyển tánh “biến kế sở chấp” trên “y tha khởi”, trở lại làm tánh “viên thành thật”. Vì thế nên đức Phật thọ ký cho ngài về sau sẽ làm Phật hiệu là Di Lặc và được bổ xứ giáo hóa ở thế giới ta bà này...”

Một thuyết khác, nói về Đức Di Lặc giáng sanh: “...Ngài Di Lặc Bồ tát, hiện nay ở nội viện Thiên cung cõi trời Đâu Suất, đợi đến thế giới này hết kiếp giảm thứ chín, qua kiếp tăng thứ mười, trong lúc non loại hưởng thọ được trên tám vạn tuổi. Khi bảy giờ thời cơ đã đến, non duyên hóa độ đầy đủ, ngài Di Lặc từ nội viện thiên cung trời Đâu suất, giáng sanh xuống cõi diêm phù đề này, tại nước Ba la nại, trong nhà của một vị Ba la môn, tên là Tu phạm ma, thân mẫu là Bà Phạm ma bạt đề, nhằm đời vua Chuyển luân Thánh vương. Thân phụ ngài thật trí tuệ thông minh bậc nhất, được vua Chuyển luân Thánh vương phong cho chức Quốc sư. Còn thân mẫu ngài là dòng sát đế lợi, nhan sắc tuyệt vời, tánh tình hòa nhã, đức độ hiền từ. Từ khi ngài giáng sinh rồi, trải qua một thời gian đến lúc trưởng thành.

Ngài quán sát thấy tất cả chúng sanh trong tam giới, đều bị cảnh ngũ dục lôi kéo, nên bị đắm chìm trong biển sanh tử, rất đáng thương xót! Ngài liền phát đại nguyện tìm phương pháp cứu vớt hết thảy chúng sanh thoát vòng khổ não.

Ngài liền xin phép song thân đi xuất gia tu hành. Rồi ngài đến ngồi dưới gốc cây Long Hoa. Cây này cành lá sum sê và cao lớn, che phủ tứ phía như cây Bồ đề của đức Phật Thích Ca. Ngài ngồi thiền định, biết hết thảy các pháp đều sanh diệt vô thường. Ngài dùng Kim Cang trí, trừ sạch hết vi tế vô minh chúng đạo vô thượng bồ đề. Lúc bấy giờ ngài đến núi Kê Túc để nhận lãnh y bát của Đức Phật Thích Ca, do ngài Ma ha Ca diếp cất giữ để truyền lại.

Lãnh y bát xong, đức Di Lặc tán thán Phật Thích Ca ở đời ngũ trước ác thế, mà đã từng giáo hóa độ vô số chúng sanh. Ngài lại tán thán ông Ma ha Ca diếp là bậc tinh tấn tu hành thứ nhất và đã cảm hóa rất nhiều chúng sanh phát tâm bồ đề.

Đức Di Lặc thuyết pháp độ sanh dưới cây Long Hoa chia làm ba hội: hội thứ nhất độ được chín mươi sáu ức người thành a la hán, hội thứ hai độ được chín mươi bốn ức người thành A la hán, hội thứ ba độ được chín mươi hai ức người thành A la hán, thế nên gọi là “Long hoa tam hội”.

Sau khi ngài Di Lặc nhập diệt, chư thiên và các vị chuyển luân thánh vương thỉnh xá lợi ngài xây 81.000 bảo tháp cùng khắp trong thiên hạ để thờ (kinh Di Lặc hạ sanh thành Phật, nói về Đức Di Lặc và Hội Long Hoa, của Tâm Chính, trang 56)

Do vậy, trong giới thiên lâm xưa nay chư Tôn đức Tăng Ni Trụ trì thường cử hành lễ vía Ngài Di Lặc Tôn Phật vào ngày mùng Một tháng Giêng theo thuyết trên.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN XIV. PHÁP THẾ GIAN ẢNH HƯỞNG PHẬT PHÁP

Ngày Thứ Sáu Mười Bảy: Những tập tục tế lễ

Vấn: Bạch Sư Việt Nam là xứ sở có nhiều tập tục tế lễ, hàng năm có đến hàng trăm hàng ngàn lễ lượt; từ lễ có truyền thống đạo đức hiền hòa từ tốn, lễ kỷ niệm cúng ông bà, cúng kính nhớ tưởng những người đã qua, đến những lễ lượt mà sự tín ngưỡng xem ra thật tàn nhẫn, như “lễ đâm trâu”, “lễ chặt đầu các loại thú để tế thần”

Là người Phật tử, khi quy y chúng con được quý Sư dạy những phương pháp tu hành chánh kiến, tu học có lễ nghi khuôn thước, có phương pháp, có tông chỉ, truyền đạt cho nhau bằng chánh ngữ, không tham dự những tập tục lễ

ngghi lỗi thời, những lễ nghi lạc hậu có tính cách mê tín dị đoan, tác động nhiều đến sự nghi ngờ về việc cúng bái, tụng kinh niệm Phật của chúng con...nhất là hiện nay những tập tục cũ lại được phục hồi có tính cách mê tín dị đoan, mà không có sự ngăn cản nào của xã hội, thậm chí họ còn vui theo những “ông đồng bà cốt”, “ông lên bà xuống”, “ông ra bà vào”, xưng hô toàn là thần thánh, đội lốt tôn giáo, lái người Phật tử từ chỗ tín ngưỡng sai lầm đến sai lầm bắt mọi người phải quỳ mọp bái lạy để thỏa mãn công việc làm ăn cho gia đình...những ai bái lạy họ thì “ăn nên làm ra”? không tín ngưỡng họ thì phải chịu nghèo?

Quê hương Việt Nam hiện nay mọi tập tục phù hợp với xã hội được phục hồi. Ngoài lễ vía Di Lặc, đêm giao thừa, ngày nguyên đán...chúng con muốn được nghe Sư giảng giảng giải một số tập tục lễ nghi phù hợp, không rườm rà; đồng thời người Phật tử phải cúng kính mà không vướng mắc vào chỗ mê tín dị đoan?

Đáp: Việt Nam là quốc gia có nhiều tổ chức tín ngưỡng, tập tục, phong tục tập quán nhiều trong khu vực và thế giới. Là quốc gia có nhiều dân tộc anh em sống chung một xã hội, một ý chí, mỗi một dân tộc sinh ra nhiều tín ngưỡng lễ nghi đa dạng phong phú, sự tín ngưỡng lễ nghi đó là một măng văn hóa dân tộc góp phần tăng trưởng ý thức hệ yêu quê hương xứ sở, cũng là động lực xác định truyền thống tông tộc, dòng họ, bảo vệ giữ gìn môn phong vọng tộc và xa hơn nữa là bảo vệ tổ quốc thân yêu.

Nói đến tập tục tế lễ, thường thì bắt đầu từ đêm trừ tịch giao thừa, ngày tết hay ngày Nguyên Đán, tức là ngày đầu năm, biết bao nhiêu câu chuyện của ngày xuân, chuyện vui, chuyện cúng kiến, chuyện tín ngưỡng... mà người ta muốn nói để giúp vui cửa vui nhà, vui xóm làng thôn lân bè bạn!

Trong đạo Phật, những người học đạo giải thoát không liên quan gì đến những tục lệ, tập tục có tính cách mê tín dị đoan... Tuy nhiên cũng có những tập tục tế lễ mà nhà Phật chấp nhận tổ chức, hướng dẫn tổ chức góp phần làm phong phú đời sống người dân, sinh hoạt xã hội sinh động, làm cho vui cửa vui nhà, làm vui cho mọi người, như lễ “cúng ông Tiên sư”, tức là lễ lạy người Thầy dạy học đầu tiên trong làng quê “cúng Bà ngũ hành, Bà chúa xứ” giúp cho vui cửa vui nhà, người người ăn nên làm ra, mề cốc đầy kho, nhà nhà an cư lạc nghiệp.

Sau đây, Sư sẽ tìm chuyện xa chuyện gần, kể những câu chuyện truyền thống mà chúng ta cần thực hiện, tạo cho mọi người cùng vui xuân, cũng vừa là nhắc lại những chuyện thời xưa, những việc ít ai để ý, hoặc có quan tâm thực hiện, nhưng cũng chỉ biết “xưa bầy nay vễ”, mà cúng bái, không biết việc cúng bái đó vì sao mà cúng, xuất phát từ đâu mà cúng bái, cúng bái có ích gì!

Nay xin kể cho các Phật tử nghe về một vài chuyện xưa tích cũ, nhưng vui “về tục lệ tế tự, tế các thần vào những ngày đầu xuân”.

Lễ tế tự (cúng ông bà)

Việc tế tự tổ tiên không phải là chỉ cốt cho linh hồn tổ tiên khỏi khổ, mà còn có một ý nghĩa sâu xa hơn nữa, là nhớ ơn sinh thành của tổ tiên (phục bản phần thủy) và lưu truyền nòi giống mãi mãi về sau (vĩnh truyền tôn thống), cho nên ta có thể cho rằng tế tự tổ tiên là lấy sự duy trì chủng tộc làm mục đích (Việt Nam Văn hóa sử cương của Đào Duy Anh, trang 205,206)

Người chủ trì việc tế tự tổ tiên là gia trưởng ở trong gia đình và tộc trưởng ở trong gia tộc. Những ngày phải làm việc tế tự là ngày giỗ chạp, kỵ giỗ ngày tết. Ngày tết Nguyên đán từ ngày 30 tháng chạp, thường là vào lúc 11, 12 giờ trưa, trong lúc mọi nhà, mọi giới đều ngưng công việc ngoài xã hội, trở về nhà chuẩn bị vui xuân, mà việc trước nhất là người ta thường làm lễ “rước ông bà”. Rồi tiếp đến trong ba ngày mùng một, mùng hai, mùng ba thì suốt đêm ngày lúc nào cũng có hương đèn và lễ vật để cúng tổ tiên. Đến chiều mùng 3 hay sáng mùng 4 thì làm lễ “đưa ông bà” và đốt vàng bạc và đốt quần áo giấy đã cúng trong ba ngày tết (việc đốt vàng mã thấy có ở nông thôn, theo tục lệ xưa của dân gian, ngày nay ít thấy. Người Phật tử Việt Nam, vẫn còn thực hiện việc tế lễ ông bà, nhưng không có đốt vàng mã...)

Lễ tế thần đất (động thổ):

Thông thường, xưa nay người dân ở vùng Đông Bắc Á và Đông Nam Á, trong những ngày đầu xuân, từ làng trên đến xóm dưới mỗi nhà, hoặc những người làm ăn mua bán tại các cửa hiệu thường xin ngày, hoặc chọn giờ tốt để làm lễ động thổ (lễ tế thần đất). Vậy động thổ có nghĩa là gì?

Động thổ có nghĩa là động đến đất. Trong khi động đất phải có lễ cúng Thổ Thần, để xin được động đến đất trong năm mới. Lễ tế động đất bắt đầu từ năm thứ 113 trước Tây lịch, đời vua Hán Vũ Đế của Trung Hoa, khi lên ngôi vua, nhận thấy các triều đại trước chỉ có làm lễ tế Trời mà không có tế Đất, mới bàn bạc cùng quần thần, chế tác nghi lễ tế Thần Đất.

Nghi lễ tế thần đất bên Trung Hoa ngày xưa như sau: người ta đào một cái ao, ở giữa có một nền tròn, trên nền tròn có 5 bệ, trên mỗi bệ đều có lễ tam sinh (tam sên), gồm thịt bò, heo, dê. Lễ phục của quý vị chủ tế và bồi bái đều nâu vàng. Lễ động thổ đầu tiên được tổ chức tại đất Hoài Khuru, thuộc đất Tấn. Lễ tế thần đất, thường được tổ chức nhiều nhất trong những năm mất mùa, hạn hán, thiên tai địch họa gieo rắc trong dân gian (chuyện lạ bốn phương, số đặc biệt Xuân Giáp Tuất, trang 53)

Ngày xưa, ở Việt Nam lễ động thổ cũng được tổ chức từ triều đình đến dân gian, nhưng về sau chỉ tồn tại trong dân chúng. Tại triều đình An Nam (nước Việt) Thần Đất được tế tại đàn Nam Giao (tế trời đất). Lễ được tổ chức hằng năm vào ngày mùng 3 tết, giúp cho dân làng có thể động đến đất và cuộc xới được. Lễ Động Thổ không nhất định là ngày nào, nhưng để giúp dân chúng tiện việc làm ăn, nhiều người trong làng thường cử hành lễ này sau ba ngày tết, tức là ngày mùng 3. Lễ vật

cũng gồm hương đăng, trầu rượu, y phục, kim ngân, đồ mã. Trong buổi lễ, ông chủ tế mặc áo thụng xanh dùng cuốc, cuốc mấy nhát xuống đất, rồi lấy một cục đất đặt lên bàn thờ, tường trình với “Ngài Thổ Thần” xin cho dân làng được Động Thổ.

Trong ba ngày tết, khi chưa làm lễ Động Thổ (nhà quê nhà vườn còn gọi là tết vườn), không ai được phép đụng chạm đến đất, nếu đụng chạm đến đất đến vườn tược sẽ bị ông bà quở phạt, bệnh hoạn, làm ăn không khấm khá! Thậm chí trong những ngày tết nếu có người chết, mà chưa làm lễ tế Động Thổ cũng phải chờ qua hết 3 ngày tết rồi mới chôn cất an táng (*chuyện lạ bốn phương, số đặc biệt Xuân Giáp Tuất, trang 53*)

Người Việt Nam chọn đất chôn cất rất kỹ, mồ mã ông bà phải hợp với phong thổ, nhất là tin tưởng vào việc xem phong thủy, phải chôn cất thế nào để con cháu trong tương lai phát triển kinh tế, phát triển môn phong. Nhìn chung người Việt Nam rất quan trọng việc sanh cũng như việc tử “sống cũng lo mà chết lại lo càng nhiều”. Việc đào ao, kênh rạch, đắp nền nhà, dỡ nhà xây cất lại cũng phải chọn ngày lành tháng tốt, chọn phương hướng chuẩn xác rồi mới khởi công.

Đối với dân gian, nhất là người Việt ta xem vị Thổ Thần là vị thần linh có mặt khắp nơi trên vườn tược, ruộng đồng, nhà cửa...vào những ngày Sóc (mùng 01), ngày vọng (rằm) dù cúng kiến gì thì cúng, nhưng cũng không quên cúng “thần hoàng thổ địa đất đai viên trạch”, gọi chung là “cúng đất đai”.

Lễ tế thần nông

Lễ tế thần nông cũng được coi là một đại lễ – thần nông là thủy tổ của nghề nông – là vị Hoàng đế Trung Hoa đầu tiên đã dạy dân làm nghề nông, chế ra những dụng cụ như cái cày, cái bừa, cái trục, tế thần nông thường được cử hành vào ngày đầu xuân: ”ngày lập xuân” còn gọi là Tế Xuân.

Lễ tịch điền (tế điền)

Cũng chính được vua Thần Nông đặt ra. Ngày xưa ở Trung Quốc, mỗi lần xuân đến, nhà vua tự tay cày mấy luống để làm gương cho dân chúng. Lễ được cử hành trong ngày hội đầu xuân. Nhà vua ngự trên một cỗ xe, đem theo cày bừa đi thẳng tới ruộng, có văn võ bá quan theo hầu, quân lính và dân chúng theo sau. Rồi nhà vua xuống ruộng cày ba luống, các công khác đại phu cày bảy luống, sĩ phu cày chín luống. Sau đến lượt dân chúng cũng vào miếng ruộng này cày bừa, hoa màu trong phần đất này khi thu hoạch thì để dùng vào việc tế lễ.

Lễ cúng Thổ Công

Vào ngày 23 tháng Chạp dân gian có nhắc đến một vị thần tuy giữ một địa vị rất khiêm nhường, nhưng cũng không kém phần quan trọng, gắn bó với mọi người, được thờ trong nhà, theo người Trung Hoa thì chính xác gọi là Thần Đất (Ngũ phương ngũ thổ).

Lễ cúng giao thừa đối với người Phật tử Việt Nam hiện nay thì thường là làm lễ rước vía Đức Di Lặc, nhưng cũng không quên tục lệ cúng rước ông bà, rước thánh thần tiên, trong đó có thần Thổ Công, vị thần cai quản trong nhà. Người Trung Hoa coi thần Thổ công như Thần Đất, lập bàn thờ sát đất để thờ phượng.

Lễ đưa ông Táo (Thổ công)

Ở Việt Nam ông Thổ Công không lo việc đất đai mà lo việc trong nhà, biến thành thần bếp núc, lo việc bếp núc cho dân tình, tức là Táo Quân.

Táo Quân cũng được quần chúng Việt Nam bảo ban cho một điển tích khác với điển tích của người Trung Hoa, bởi câu chuyện thương tâm, mỗi tình tay ba, hai ông một bà. Lễ cúng Táo quân (Thổ Công) cũng là ngày 23 tháng chạp được người Việt Nam và Trung Hoa tổ chức cúng kiến trọng thể. Theo tín ngưỡng xưa thì ngày 23 cúng Ông Táo (Thổ Công) đưa ông (thậm chí còn có thể tin là có cả bà Táo) lên châu Ngọc Hoàng để báo cáo về những diễn biến thế gian, những điều tai nghe mắt thấy ở trần gian.

Người ở trần gian sợ lắm, sợ ông bà Táo về Trời tâu không đúng, hoặc báo cáo thêm bớt, nên xem việc cúng tiễn đưa ông Táo, bà Táo rất trọng thị. ngoài việc cúng chè xôi, hương đăng trà quả, còn phải cúng dâng đôi cá chép để tặng ông Táo cưỡi đi về trời cho nhanh. Mua một gói kẹo cúng ông Táo, bà Táo để Ông Bà về trời tâu rồi những lời dịu ngọt che giấu bớt những điều tội lỗi của thế gian mà những người cúng đã làm trong năm qua. (*Việt Nam Văn hóa sử cương, của Đào Duy Anh, trang 207*)

Lễ đưa ông bà,

Chưa biết lễ “đưa ông bà” do ai bài vẽ, có từ thời nào?; tuy nhiên tại Việt Nam hằng năm đến ngày 25 tháng chạp thì các chùa theo phong tục tập quán xưa, nhà nhà ngoài đời đều có lễ cúng “đưa ông bà”.

Các chùa thì úp chuông mõ, úp các ghế ngòai lên bàn, khách đến cũng không tiếp hoặc tiếp cầm chùng, thậm chí khách không có chỗ ngòai, không có Phật để lạy...xem như là dẹp hẳn. Quý Thầy Cô thì lo việc lau chùi lư đồng, lau bàn Phật, lau chính điện, tổ đường, hậu đường; có Thầy Cô được phép Bỏ sư cho về nhà thăm gia đình, họ hàng quyến thuộc...tất cả tất cả xem như nhà chùa ngưng hoạt động.

Ngoài đời thì nhà nào cũng thế, theo xưa thì họ không còn cúng lễ chi cả vì họ quan niệm trên bàn thờ “Phật Thánh” đã được họ cúng đưa đi hết rồi, đâu còn ai ngòai trên đó mà cúng kính, nên chỉ có việc quét dọn lau chùi lư đồng, chén bát, đĩa xưa, đồ đạc trong nhà mà thôi.

Lễ rước ông bà,

Thường là vào buổi trưa (từ 11 đến 12 giờ) ngày 30 tháng chạp, tháng thiếu 29, giờ này thì trong từng nhà của người Việt Nam đều có tổ chức lễ cúng “rước ông bà”. Lễ “rước ông bà” cúng lớn lắm, nhà nhà bài biện bánh mứt, bánh in, dưa hấu, dưa giá, dưa cải, củ kiệu thịt cá ê hề, một lễ lớn được coi là chuẩn bị cho lễ “đón giao thừa” vào lúc 24 giờ đến 0 giờ; giao thừa giữa ngày “30 năm cũ” và ngày “mùng 1 năm mới”. Riêng nhà chùa thì vào lúc 17 giờ ngày 30 tháng chạp, tháng thiếu thì 29, vị Hòa thượng lớn, làm “lễ rước Phật” khai chuông mõ, khai đại hồng chung... đến giờ này thì ghé đặng đều được sắp xếp kê lại, nên khách đến có chỗ ngồi, có nước uống, trên bàn thờ có Phật để lạy, được Hòa thượng Trụ trì hay chư Tăng Ni tiếp đãi niềm nở, thường là nhà chùa đón nhận những lẵng hoa tươi, bánh mứt, tịnh tài tịnh vật do các Phật tử cúng kính Thầy Tổ, chư Tăng Ni để các vị ở chùa có quà “ăn tết” vui “ba ngày xuân” cùng với đệ tử.

Bạch Sư, mỗi năm có nên cúng sao giải hạn không?

Cúng sao giải hạn là tập quán của người Trung Hoa, người Việt Nam chỉ ảnh hưởng, tập tục này không phù hợp với nhà Phật, đức Phật không cho phép người đệ tử làm việc cúng sao giải hạn (kinh Di giáo, chương 1), có tính cách mê tín dị đoan.

Quan điểm của nhà Phật: “Việc giàu hay nghèo, sung túc hay bần hàn, thành công hay thất bại trong công ăn việc làm đều do chính bản thân trí tuệ người đó định đoạt, không có thần thánh tiên hay tinh vân, các vì sao nào xen vào, hoặc định đoạt việc làm ăn cho người Phật tử cả”. Và lại, hiện nay trong quá trình hoằng pháp, các chùa, các Tu Viện lớn không có tổ chức “cúng sao giải hạn” mà cúng “cầu an” cho các gia đình Phật tử. Việc “cúng sao” hiện nay không còn phù hợp với các cộng đồng dân cư tiến bộ trên hành tinh này.

Qua những tế lễ long trọng kể trên, tuy gần như là dã sử, hay chuyện cổ tích đặt điều của dân tình ngày xưa, nhưng người ta thấy “đất” là một cái gì thiêng liêng nhất đối với người nông dân, cũng như ngay cả đến hàng vua chúa xưa kia cũng như ngày nay. Sự ràng buộc linh thiêng giữa đất (đất cũng chính là Mẹ) và người (đứa con được sinh ra từ lòng đất Mẹ) trở thành một mãng văn hóa lớn của tình yêu thương (nơi chôn nhau cắt rún), một thứ tình yêu tha thiết: yêu quê hương, yêu quê Mẹ, yêu nước non nơi ta được sinh ra...

Vâng “quê hương mỗi người chỉ một, như là chỉ một Mẹ thôi”.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười Tám: Hiện tượng ngoại cảm

Vấn: Nhiều thông tin về các nhà ngoại cảm, gia công tìm hài cốt liệt sĩ hiệu quả góp phần làm giảm bớt đau thương cho nhiều gia đình liệt sĩ. Tuy nhiên gần đây, theo thông tin có một vài vị phán đoán những việc đại sự như hú gió đuổi mây, di dời thiên nhiên mưa bão đi nơi khác nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội...rất nhiều việc mà chúng con có quá trình gần gũi quý Sư tu hành, chưa từng nghe, chưa từng biết, chưa từng nghĩ suy. Xin Sư từ bi chỉ giáo?

Đáp: - Sư sẽ nương vào kinh nghiệm tu học hành đạo của mình từ trên năm mươi năm qua mà nhận định để giúp Phật tử không còn nghi ngờ! Đồng thời có lời khuyên đầu tiên đến với Phật tử: "... là đệ tử Phật có thọ giới pháp; quá trình tu học Phật, chúng ta không học những pháp nào không thuộc của nhà Phật. Tuy nhiên, chúng ta có quyền tìm hiểu các pháp đúng thì học, không đúng thì không học, nhưng đừng bao giờ phê phán, đánh giá, xem nhẹ, chê bai... chỉ vì việc làm đó của các nhà ngoại cảm..."

Năm 1973, Sư đứng lớp giảng dạy về luật học cho Lớp giáo lý Phật học phổ thông (niên khóa 1970-1973) "môn luật học" tại Long Sơn cô tự, xã Thái Hòa, Tân Uyên, xưa là Biên Hòa, nay là Bình Dương, có giảng bài Pháp tỳ ni Xuất sanh. Người đệ tử Đức Phật trước khi thọ thực, phải làm việc thí thực, đọc chú, biến 7 hạt cơm thành thật nhiều hạt cơm trong khắp mười phương. Theo sách Tỳ Ni Hương Nhũ, trang 253, Thích Thiện Chơn soạn dịch ngày 10 tháng 7 (nhuận), năm Mậu Thân (1968), sở dĩ, trước lúc thọ thực của chư Tăng Ni có làm việc "thí thực" là do các nguyên nhân sau:

1 ...lúc bấy giờ có nhiều phụ nữ đã làm mẹ, nhưng rất khổ đau vì mất con, con của họ bị quỷ tử mẫu Khoáng Dã bắt uống máu, ăn thịt, trong quá trình các con còn bị nhốt, các bà mẹ đến xin Phật cứu con của mình. Vì muốn cứu con của dân làng, đức Phật dùng thần thông bắt con của quỷ tử mẫu Khoáng Dã nhốt vào bát của Phật, quỷ mẹ Khoáng Dã khóc lóc quá, xin Phật thả con. Phật nói: nhà người mất con đau khổ như thế, tại sao lại ăn thịt con của người khác. Quỷ trả lời do nghiệp lực của con phải ăn như thế, nay gặp Phật, con nguyện xin quy y và xin hứa từ nay không ăn thịt trẻ con nữa. Nhưng nếu không thịt trẻ con làm sao đảm bảo mạng sống chúng con?

Phật nói: "...các Sa môn đệ tử ta trước khi thọ thực sẽ thí cơm cho các người..."

2..một xứ nọ, có loài chim đại bàng, khi cất cánh làm mát cả một vùng thế gian, thường ra biển tìm loài rồng ăn thịt, mỗi lần rồng nổi lên trên mặt biển, bị đại bàng gấp đem về tổ để ăn. Nhà rồng khổ sở lắm, đến bạch Phật sự tình như thế, Phật bèn lấy những cọng chỉ trong chiếc Y thất điều ban cho quyền thuộc rồng, mỗi nhà rồng một cọng chỉ của Y quấn trên đầu; kể từ đó chim đại bàng không còn ăn thịt rồng được nữa! Đại bàng đói, khổ quá đến bạch Phật: "...rồng là thức ăn

nuôi sống quyến thuộc chúng con, nay Phật làm như thế, chúng con phải chịu đói!”.

Phật dạy từ đây, trước mỗi buổi cơm trưa, Sa môn đệ tử của ta sẽ bỏ thí cơm cho các người hết đói!

Từ đó, trong chốn thiên lâm, trước giờ thọ thực buổi trưa, chư Tăng Ni có gắp 7 hạt cơm để vào chén nước nhỏ, làm phép biến thực từ 7 hạt thành nhiều hạt cơm khắp trong mười phương cho loài quý tử mẫu Khoáng Dã và thần Kim Sứ Điều thọ dụng, nên có bài kệ chú:

Pháp lực bất tư nghi

Từ bi vô chướng ngại

Thất liệp biến thập phương

Phổ thí châu sa giới.

Quý tử mẫu Khoáng Dã

Thần Kim Sứ điều vương

Tất linh giai bảo mãn

Án độ lợi ích tá ha (3 lần)

Chúng sanh có hai loại chính: một là chúng sanh có mang thân được sinh ra trong hành tinh trái đất, hai là chúng sanh không mang thân trong thế giới ta bà.

Đức Phật thì có ba thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân. Thân Ứng hóa là thân diệu dụng tùy cơ ứng hiện, đức Phật có định lực sung mãn, tiếp độ chúng sanh ở thế giới khác, thị hiện thân người, thân thú cầm, thân chư thiên (không hình tướng, không thân tứ đại) như hiện nay Phật hiện thân người (vào cung vua làm thái tử sau đó đi tu) để độ sanh, Phật còn hiện thân thiên thân giúp cho chúng thiên thân tiến hóa làm lành lánh dữ; xa hơn nữa Ngài còn tiếp độ chúng sanh thượng cầm hạ thú giúp cho chúng đắc phục nhân thân, có cuộc sống vượt ra khỏi nghiệp lực của chúng. Đức Phật là bậc toàn tri, nhưt thiết trí, chánh biến tri, nên sự tiếp độ đó là phương tiện hóa giải nghiệp lực, điều phục chúng sanh, giúp chúng vượt ra ngoài nghiệp chướng của chúng mà giải thoát sanh tử luân hồi.

Việc của Phật thì rất mầu nhiệm, bất khả thuyết bất khả tư nghi, không phải ở thế gian mà suy lường hay đo lường tính đếm được, các ngài là bậc đặc đạo, cao hạ, thân thông diệu dụng,ĩ có đẳng cấp tu hành, nhưng rất khiêm cung từ tôn với thế gian.

Trong kinh Địa Tạng, bản kinh tụng năm 1969, nói: “...cũng có đôi khi đức Phật nhập thiên đến cung trời Đạo Lợi, thăm thánh mẫu Maya là mẹ của ngài, rồi thuyết pháp cho mẹ nghe, chư thiên chúng, chúng sanh cung trời ấy cũng đồng nghe...”

Năm 1973 dự học khóa giáo lý Tịnh độ, Sư được học về tiểu sử các bậc Đại sư của Liên tông Tịnh độ trong đó có đại sư Vân Thê Châu Hoàng, tổ sư thứ tám Tịnh độ tông: Đại sư tự là Phật Huệ, hiệu Liên Trì, người đời Minh, con nhà họ Trầm, ở xứ Nhân hòa tại Hàng châu. Năm mười bảy tuổi được bổ làm giáo thọ, nổi

tiếng là người học hạnh kiêm toàn. Năm ba mươi hai tuổi xuất gia, rồi đi tham học Phật pháp với các bậc danh đức. Sau cùng đến học đạo với Tiểu Nham Nguyệt Tâm thiền sư, tham cứu câu “Niệm Phật là ai?”. Năm Long Khánh thứ năm, đại sư đi khát thực ngang qua đỉnh núi Vân Thê, thấy cảnh nước non cực kỳ u nhã, quyết ý cất am ở tu. trong núi ấy có nhiều cọp, ngài hành phép Du già (Yoga) thí thực, từ đó các loài thú dữ không còn quấy hại nữa. Mấy năm sau, gặp lúc nắng hạn lâu, cư dân quanh vùng đến am cầu xin đảo võ. Ngài đáp: “Tôi chỉ biết niệm Phật, không có tài chi khác!”. Mọi người vẫn nài nỉ cô thỉnh. Đại sư cảm lòng thành của dân chúng, ra khỏi thảo am gõ mõ đi dọc theo bờ ruộng mà niệm Phật. Bước chân của ngài đi đến đâu, mưa lớn rơi theo đến đó. Nhân dân vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp xây cất điện chùa. Tăng chúng các nơi lần lượt nương về, không bao lâu chỗ ấy thành đại già lam trang nghiêm thanh tịnh.

Trên thế giới hiện nay có nhiều quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, các quốc gia ở vùng Trung cận đông, Tây Á, thậm chí đến các quốc gia Âu Mỹ cũng có nhiều hiện tượng ngoại cảm xuất hiện. Ở Việt Nam hiện tượng ngoại cảm hiện đang phát triển. Theo nhà Phật, mọi sự việc diễn ra trên thế gian thuộc về hữu vi pháp, hữu vi là hiện tượng, thường gọi là hiện tượng vật lý, sinh lý; hiện tượng thiên thể, thiên nhiên; mà hiện tượng thì lúc nào cũng thay đổi, đổi mới trong từng giờ, từng phút, từng niệm hơi thở, những yếu tố quá khứ kết duyên những yếu tố tương lai... thành mới rồi lại trở thành quá khứ, khiến cho chúng sanh trong cõi ta bà nếu không là người tu Phật có đẳng cấp thì không thể tìm được những giây phút hiện tại; nên gọi hiện tượng ngoại cảm là mới, là lạ; thế thường gọi là hiện tượng lạ. Hiện tượng thì có lúc: tan hợp, có không, thật giả, tốt xấu, phải quấy, mất còn, không thật của vũ trụ và nhân sinh, cuối cùng chỉ là sự giả hợp, không thật! Là hiện tượng thì có cái gì là thật? Chẳng có pháp nào thật cả; chẳng qua cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không, vạn hữu không có tự tánh, không thật hữu...

Vậy ngoại cảm là gì? Là người có sự cảm niệm nghe, thấy, hiểu biết về thế giới bên ngoài của con người, hay bên ngoài của người đó chẳng?

Theo tư liệu của Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Tp.Hồ Chí Minh, nói về hiện tượng ngoại cảm, thần bí khoa học trong tác phẩm “Đời sống sau này” của Bác sĩ Raymond A Moody đã dày công nghiên cứu 150 người trên thế giới, đã từng chết lâm sàng. Người sắp chết, đến phút cuối cùng nghe thấy Bác sĩ, hoặc những người xung quanh tuyên bố rằng mình đã chết nghe thấy những tiếng ồn khó chịu, thấy bản thân mình bị lưu động rất nhanh qua một đường hầm đen tối....

Hiện tượng này có được vì người ấy chết, nhưng còn ở gần bên sự sống, nên họ có thấy biết nhưng sự sống rất mong manh. Còn nhà ngoại cảm thì có sự thấy biết cõi âm nên gọi linh hiển, có sự sống lâu dài. Những người chết đi rồi sống lại còn gọi là hồi dương:

* Hồi dương là chết rồi, có khi sống lại rồi chết liền.

* Có người hồi dương sống lại với thời gian dài, như những nhà ngoại cảm hiện nay, thường là các vị có bệnh gần như chết rồi và sống lại bình thường như mọi người khác, nhưng đặc biệt có những hiện tượng lạ đến với nội tâm của họ, như: mắt thấy cõi âm, tai nghe tiếng nói của người cõi âm, thân đi vào cõi âm... các vị làm được việc tiên đoán, phán đoán, nghe, thấy, nói tiếng âm...

Tại Việt Nam cũng có những nhà ngoại cảm không do chết đi sống lại mà phán đoán cũng rất đúng, trường hợp này thì hiếm.

* Có những trường hợp người tu Phật, giữ được chánh niệm, có đẳng cấp cao, đắc đạo, xuất thân nhập hóa, du hí thân thông...

Năm 2004 tại Quan Âm Tu Viện, Biên Hòa, hai vị Phật tử Hữu Từ và Tâm Hảo phiên dịch quyển sách Tây phương Du ký, Ni Trưởng Thích Nữ Huệ Giác, Viện chủ Quan Âm Tu Viện viết lời giới thiệu, nội dung: Ngài Đại lão Hòa Thượng Khoan Tịnh tu Tịnh độ, nhưng bỗng nhiên vào ngày 25/10 âm (1967) Ngài mất tích. Nhà cầm quyền Trung Quốc và các đội cứu hộ trên bờ dưới sông của địa phương, mọi người thân thiết, đệ tử quyết tâm tìm kiếm, nhưng không gặp. Cho đến ngày 8/4 âm (1973) Hòa Thượng xuất hiện trong hang Di Lạc, núi Cửu Tiên, tỉnh Phước Kiến, mọi người đến thỉnh ngài về lại chùa, thời gian ngài mất tích là sáu năm, năm tháng. Từ đó về sau, ngài thường đi du thuyết các nước Malaysia, Singapore... thuật lại cảnh giới Tây phương Cực lạc mà ngài đã từng gặp trong thời gian mọi người cho rằng ngài đã chết. Những thời thuyết pháp của Hòa thượng được Phật tử Lưu Thiệu Hoa đúc kết ghi lại thành sách, nhan đề Tây phương du ký khuyến mọi người tinh tấn tu niệm Phật nhiều hơn nữa sẽ được vãng sanh thật sự về cõi nước Tây phương Cực lạc của Phật A Di Đà.

Trường hợp này nhà Phật không gọi là ngoại cảm nữa, mà là do sự dày công tu tập thiền định, niệm Phật, phát nguyện tu hành đắc đạo của người đệ tử Phật có đẳng cấp cao nên có niệm lực, định lực, huệ lực, thấy biết được những thế giới Phật ở ngoài thế giới phàm phu.

* Có những trường hợp hồi dương sống lại rồi kể những chuyện ở âm phủ như là chuyện ở thế gian, hoặc giả là kể chuyện đạo đức khuyến người trần tục làm lành lánh dữ để hưởng quả lành trong tương lai, khi chết khỏi phải bị đọa địa ngục, quỷ sứ hành hình...

* Đời nhà Đường ở Ung châu, thuộc huyện Trường an có Ông Cao Pháp Nhãn đi thi, lúc cưỡi ngựa về nhà, gần chùa Hóa Độ, giữa đường gặp bọn xấu cưỡi ngựa rượt bắt, Ông vội vàng chạy về nhà té mê ngất rồi chết giả; người nhà truy hô đem về nhà tưởng chết thật dự định làm tang chay, nhưng đến sáng hôm sau ông sống lại, kể: "...Ta bị bắt đến địa ngục bị vua Diêm La xử tội do đến chùa ăn trái cây của thường trụ, bắt ta nuốt 400 hòn sắt nóng, nhưng rồi lưỡi không cháy, ta vẫn sống - tiếp đến có bọn quỷ sứ dắt ta đến cho Diêm Vương xử tiếp lỗi khác, vì ta có nói lỗi xấu của chư Tăng nên bị tội phải cày lưỡi, cày lưỡi nhưng ta vẫn sống - tiếp đến xử tội ta nói việc hay dở Tam bảo, Diêm Vương bảo lấy cày sắt cày lưỡi ta,

nhưng không đứt; bảo đem búa lớn chặt lưỡi, cũng không đứt; bảo lấy búa theo nhỏ bỏ vào nồi nước sôi nấu cho tiêu, nhưng nấu mãi không rã...”. Diêm Vương lấy làm lạ hỏi, ở thế gian ông còn làm việc gì nữa? Ông Cao Pháp Nhân thưa: “Tôi từng đọc kinh Pháp Hoa một bộ”. Diêm Vương không tin, vội lấy sổ bộ đời của ông ra tra kỹ, thấy trong án có ghi: Cao Pháp Nhân đọc một bộ Kinh Pháp Hoa.

Diêm Vương hốt hoảng, liền thả cho về trần gian, ông sống lại và kể cho mọi người nghe như thế! Từ đó ông và mọi người trong gia đình tu hành niệm Phật tinh tấn...

Trường hợp tại tỉnh Tiền Giang, thuộc miền tây Nam phần Việt Nam thì Hòa Thượng Pháp sư Thích Nhật Long, Viện chủ chùa Long Hòa, Cai Lậy là Giảng sư tốt nghiệp khóa Như Lai Sư giả đầu tiên tại Saigon, do Giáo Hội Tăng Già Nam Việt tổ chức; trong thời gian Hòa Thượng còn đi thuyết giảng khắp nơi, gặp Cô Ba cháo gà là người chuyên giết gà, bán cháo gà. Đến tuổi già, Bà đi thiếp, tức là xuất hồn đi vào cõi âm, thường gọi là âm phủ, sau đó trở lại thế gian; đi thiếp cũng là hiện tượng chết, nhưng chết rồi sống lại. Bà kể cho mọi người nghe, trong đó Bà có kể mọi việc ở âm phủ, những việc người làm ác ở nhân gian khi chết linh hồn họ bị âm phủ hành phạt; nhưng cõi âm phủ đối đãi tốt với người hành thiện... cho Hòa Thượng Pháp Sư nghe, Hòa Thượng ghi lại thành quyển sách “Địa ngục ký” phổ biến trong nhân gian. Đây cũng là hiện tượng ngoại cảm thân tiếp xúc với cõi âm biết được chuyện ở ngoài thế gian. Cuối cùng Bà nghe lời dạy của Hòa thượng phát tâm tu hành, quy y Tam bảo, giữ giới cấm, sám hối tội lỗi sát sanh, tu niệm Phật tinh tấn cho đến khi quy Tây trước ngày hòa bình 30/4/1975.

Câu chuyện Rashomon (Lã Sinh Môn), do nhà văn Nhật Bản Akutagawa Kyunosuke viết vào năm 1915, vào khoảng 35 năm sau Kuro Kawa Akira thực hiện thành phim, nội dung: Tòa án tối cao Nhật Bản cho phép ngồi đồng để cho linh hồn vị võ sĩ hoàng gia bị giết chết nhập đồng chỉ mặt ai là người giết võ sĩ, do Võ sĩ tự sát? do tướng cướp giết? hay do vợ Võ sĩ đam mê đi theo tình nhân mà giết Võ sĩ? Trong đó còn có lão tiêu phu là người chứng kiến vụ giết Võ sĩ, nhưng không khai báo vì lão tham lam, lấy trộm gươm báu của Võ sĩ và muốn vật báu này thuộc về mình...nhưng cuối cùng rồi cũng vạch mặt đúng tội nhân. Những tình tiết trong lời khai của mỗi người, trong đó có người ngồi đồng và mọi người khai báo không ăn khớp với nhau...(theo truyền thống văn hóa Nhật, thì các nhà văn thường viết những câu chuyện, trong đó các nhân vật của cốt truyện ít khi nào đổ lỗi cho nhau, thường là dành cho độc giả suy nghĩ)...Ngồi đồng thuộc về: ý thức tiếp xúc với cõi âm nên cũng gọi là ngoại cảm.

Ở miền Nam Việt Nam, thiêng liêng cũng là hiện tượng mang tên khác của ngoại cảm cũng lắm hiển linh, nhưng đa số người Phật giáo thì ít tin tưởng. Trường hợp của cư sĩ Pháp Đoan, Đạo tràng Tịnh Độ, Quận Nhứt, Tp.Hồ Chí Minh là cư sĩ nhà Phật có cảm tính thiêng liêng có làm việc tiên đoán giúp người cứu người, nhưng cư sĩ có thọ trì ngũ giới cấm, lúc nào cũng lập hạnh tu hành tinh chuyên

niệm Phật, gia trì thần chú Đại bi; cư sĩ giúp người bằng cách khuyên người làm lành thì được hưởng quả báo lành, trước khi muốn giúp cho một người thoát nạn, cư sĩ nhập thất niệm Phật và gia trì chú Đại bi, nhiều là một tuần lễ, ít là một đêm rồi giúp cho người thoát khổ, nên việc làm của cư sĩ Pháp Đao cuối cùng rất có hiệu quả và giúp cho người kia được thoát nạn quy y Phật pháp, ăn chay niệm Phật, làm lành lánh dữ. Vì có tu hành theo chánh pháp nên cư sĩ giữ được cảm tính hiển linh giúp người cho đến khi từ trần.

Còn nhiều sách nói về việc người chết rồi sống lại, kể chuyện âm phủ, như sách Hồi Dương nhân quả, do quý sứ bắt nhầm người phạm có đạo đức Lâm Tự Kỳ, thay vì bắt hồn tội nhân Lâm Sĩ Kỳ do ở thế gian làm việc ác, đem xuống âm phủ để hành hình. Sau đó Lâm Tự Kỳ được trả trở lại thế gian, có kể lại những chuyện âm phủ, quý sứ hành hình tội nhân, rồi khuyên người đời làm việc thiện tránh ác, gọi là sách Hồi dương Nhơn quả.

Trường hợp của Bà Phan Thị Bích Hằng, Ông Nguyễn Văn Liên...một số nhà ngoại cảm thì ra sao thưa Sư?

Trường hợp của Bà Phan Thị Bích Hằng, khi còn trẻ đi đường cùng với bạn, cả hai bị chó dại cắn: bạn chết, Bà không chết vì bệnh dại nhưng cũng rất xây xát vật vã; Thầy Liên bị bệnh, té gãy tay, Đỗ Bá Hiệp bị bệnh nặng thập tử nhất sinh, Đỗ Văn Chiêu bị điện giật, Tôn nữ Hoàng Hương bị chết lâm sàng, Blaga Dimitrva bị bệnh nặng...các vị thay vì chết, nhưng không chết, nên có hiện tượng lạ: thấu thị cõi âm, nghe tiếng nói người cõi âm, thân tiếp xúc cõi âm, làm việc với cõi âm...đến với các vị.

Các vị có quyền sống ở một thế giới khác, thế giới sau khi chết rồi sống lại, “mắt, tai, ý thức các vị đã xả bỏ những kiếp sống cũ nặng nề, phạm trọc của cha mẹ sinh”. Kiếp lai sinh của họ là kiếp sống được tái sinh từ thiên nhiên đất trời (mắt, tai của các vị...không còn là cơ thể của cha mẹ sinh nữa!), từ đó mà có cảm tính hiển linh, hay ý thức mới vụt bùng sáng.

Trường hợp như nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Nhã ở Tp.Hồ Chí Minh? - Ông Nhã ở Tp.Hồ Chí Minh là người làm cách mạng, nhưng cũng là người tu Phật, Ông và gia đình lúc nào cũng niệm Phật, nên việc hiển linh đến với Ông là chuyện bình thường, do chính niệm mà tiếp xúc với người bên kia thế giới!

Ở Việt Nam, các nhà ngoại cảm họ có lý, khi các vị có công giúp cho Chính phủ, Bộ, Sở Lao động Thương binh, các gia đình người thân của các anh hùng liệt sĩ, tìm mộ anh em liệt sĩ, đem về quê hương, hay đem vào các nghĩa trang liệt sĩ địa phương chôn cất, góp phần làm giảm đau thương của các gia đình cha, mẹ, vợ, con, người thân của những người hy sinh vì đại nghĩa, cho tổ quốc được thống nhất độc lập tự do.

- Thưa Sư! Việc làm có nghĩa, nhưng vì sao có vị đoán đúng 80 %, có vị phán đoán không kết quả, chỉ đúng 30 %, trong đó còn có nhà khoa học Nguyễn Vũ Tuấn

Anh, ông nói sẽ giúp đuổi gió đuổi mây, ngăn không cho mưa bão, trong 7 ngày diễn ra đại lễ 1000 năm Thăng Long-Hà Nội, cuối cùng thì không kết quả?

Những vị tìm mộ liệt sĩ đúng 80% do giữ được trạng thái chính niệm cao; mức độ chính niệm của các vị tuy không phải và không bằng nhà tu Phật, nhưng có chính niệm. Những vị phán đoán sai do không có chính niệm.

Trường hợp của Ông Nguyễn Vũ Tuấn Anh, theo nhà Phật, có thể do tự ngã hơi cao nên mất chính niệm; cảm tính tự cao ấy che án sự siêu xuất mất rồi!

Đứng về góc độ khoa học tâm linh, vì là tâm linh nên nhà ngoại cảm chỉ có thể biết được có mưa bão hay không để giúp cho tổ chức đại lễ tránh mưa bão; vì là tâm linh nên con người không thể ngăn mưa bão, giữa cái hữu cơ hữu hình và tâm linh vô hình lúc nào cũng một mất một còn, thì không bao giờ gặp nhau, làm sao giải quyết ngăn mưa bão. Muốn ngăn mưa bão cần phải đủ yếu tố “trí tuệ” hài hòa cùng sự tiến bộ của khoa học “vật chất” mới thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên khoa học cũng chỉ thực hiện việc ngăn mưa bão giới hạn trong một không gian và thời gian cố định nào đó mà thôi. Tuyên bố ngăn mưa bão của Ông Nguyễn Vũ Tuấn Anh do bản ngã cao, đã lỡ tuyên bố..., nên khi trở về với thực tại để rút lại lời nói không kịp với báo chí!

Nếu thật sự các vị hiển linh siêu xuất thì chắc chắn các vị đã không từ chối làm cho không có mưa bão, không còn người chết đuối, không hư hại mùa màng hằng năm; nhất là thiên tai bão lụt đã và đang đến từ tỉnh Nghệ an, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, từ Phú Yên đến Bình Thuận trong tháng 9, 10/2010 vừa qua.

Theo nhà Phật thì các pháp, dù là thần thông diệu dụng cũng chỉ là phương tiện, kể cả pháp có đẳng cấp cao, siêu xuất nhất của Phật cũng là phương tiện giáo hóa cho người đệ tử Phật đạt đến cứu cánh: chính niệm, an tâm, định lực cao, tu hành đạt hiệu quả và đắc đạo. Hành trình đi đến đắc đạo của người đệ tử nhà Phật là do tu Giới, Định, Tuệ, chính là đỉnh cao trong suốt thời gian tu hành; hơn giữ Giới sanh Định, hơn Định phát Tuệ. Tuệ giác chính là sức mạnh đưa chúng sanh đến chỗ tự làm chủ được chính mình. Không pháp thần thông cao viển nào bằng, tự mình có khả năng đưa mình ra khỏi bờ vực sanh tử luân hồi. Các pháp của Phật là phương tiện, mà phương tiện tức là “không thật” (qua sông bỏ thuyền), hướng chỉ là những hiện tượng hữu vi pháp ở thế gian.

Các nhà ngoại cảm như Ông Nguyễn Văn Liên, Bà Phan Thị Bích Hằng một số các nhà ngoại cảm có tiếng tăm, đã và đang làm chấn động quần chúng trong vấn đề tìm mộ liệt sĩ, tiên đoán, phán đoán sự việc, sự kiện... Tuy nhiên, không làm chấn động các nhà “Phật học cấp cao”, các nhà “học Phật có đẳng cấp”; vì các vị hiểu rất rõ các hiện tượng “linh hiển” là phương tiện giúp đời ở một chừng mực nào đó, nhà Phật gọi là phép ngữ thần thông. Tuy nhiên các phép thần thông ấy, các phương tiện hữu vi ấy vốn “không thật”, không tồn tại, tự sanh tự diệt.

Trong Đại luật, sinh thời Đức Phật đã không cho phép các môn đệ sử dụng thần thông để thu bát. Bát là pháp khí quan trọng trong đời người tu của Sa môn đệ tử Đức Phật, dùng làm đi khát thực, khát thực là Phật sự của Phật Thích Ca và ba đời chư Phật...Chuyện kể: ...có một vị ngoại đạo treo cái bát trên cao ra điều kiện, nếu ai hiện thần thông lấy được thì bát ấy thuộc về mình. Có một vị Tỳ kheo dùng thần thông bay lên lấy bát về và bị Phật quở. Từ đó Ngài kiết giới cấm hiện thần thông làm việc giống như thế...(Cương yếu giới luật, NXB Tôn giáo, 2002, trang 80, HT Thích Thiện Siêu biên soạn)

Như trong kinh Kim Cang Bát nhã (trích trong sách Phật học Phổ thông quyển thứ 12, trang 180 bản dịch và chú giải của Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Hoa), Phật dạy: “Tất cả pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt bóng, sương mai, điện chớp...”. Tất cả các pháp trong vũ trụ đều hư giả, như chiêm bao, như huyễn thuật, như bọt nước, như bóng tối, như sương mai và như điện chớp...đều “không thật”. Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Sáu Mười Chín: Pháp kệ Phổ Đà sơn

Vấn: - Trên ba mươi năm tu cư gia cùng với Liên tông Tịnh độ Non Bồng, khi vào nghi thức khai kinh chúng con lúc nào cũng tụng kinh Phổ Đà. Tuy nhiên, chúng con chưa biết nguồn gốc của kinh Phổ Đà xuất phát từ đâu, xin Sư từ bi hoan hỷ giảng giải cho Phật tử chúng con được biết để tụng đọc?

Đáp: - Kinh Phổ Đà, chúng ta không gọi “Kinh”, chỉ có những lời dạy của Đức Phật mới gọi “Kinh”; nói cho đúng hơn là bài kệ pháp, thi văn nói về cảnh trí Phổ Đà sơn, nơi Đức Quán Thế Âm tu hành hiển thánh, bài thơ diễn tả cảnh trí an lành thật sâu xa mâu nhiệm, dù cú pháp có ít, nhưng khi người gia tâm tụng niệm có cảm giác khinh an, mát mẻ, phiền não vụt tắt khi tâm và miệng niệm từng chữ từng câu một. Tuy nhiên, theo cảm niệm của Sư, pháp kệ này cũng không phù hợp mấy đối với các nhà học Phật chốn thị thành; pháp kệ chỉ phù hợp với nhà học Phật ở non núi, nơi non xanh cảnh tú với hồn thiêng, Non Bồng nước nhược.

Sư vốn nhà tu núi, tụng pháp kệ Phổ Đà này trên năm mươi năm rồi, đến nay nhiều người góp ý bỏ đi, thì Sư xin thưa vì pháp kệ đã làm cho mình tu hành tinh tấn “không bỏ Phật, bỏ đạo” từ trên năm mươi năm qua rồi, mỗi khi đọc lên cảm thấy mình đang ở thế giới thật gần gũi với Đức Bồ tát nơi Phổ Đà sơn!

Đến nay thì nhiều người thưa thỉnh nói về pháp kệ và nguồn gốc bài pháp kệ, nên Sư sẽ vì các Phật tử mà thuyết giảng một số việc có ảnh hưởng đến pháp kệ.

Pháp kệ thứ nhất: trong những năm 1960 đến 1963, tại tổ đình Linh Sơn núi Dinh, Sư thường nghe quý Trưởng lão Đại Đức Thích Từ Ân, Trụ trì Trường Sanh Phật tự, Thành phố Mỹ Tho, Trưởng lão Thượng Trang Thanh, núi Thị Vải (tu sĩ Cao đài nương về tu Phật với Tôn sư), cư sĩ Hùng Dũng, Hốc Môn, cư sĩ Bạch Thủy, cư sĩ Nhứt Thiện và đạo tràng ở Gò Công...trước khi về cầu pháp với Tôn sư, các vị tu hành theo giáo phái đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Giáo chủ Ngọc Thanh, ở vùng núi Tượng Văn liên Bảy núi.

Ngoài ra, theo lời quý Sư Thiện Thành, Sư Thiện Nhân ở Bắc Mỹ Thuận xưa ở miền Tây thuật lại thì chùa Thành Hoa, cù lao Ven, An Giang của Đức Phật Nằm (nơi đây rất quý trọng quý Sư chư Tôn Đức giáo phẩm Tăng Ni, khi quý sư đến phát nguyện nhập thất tu hành thì chùa sẽ cung cấp vật chất, am thất và thị giả để hộ trì trong quá trình nhập thất), quý tu sĩ xuất gia cũng như tại gia cũng có tụng pháp kệ Phổ Đà. Có một lần, vào năm 1970 khi cầm được quyển kinh “Linh sơn Hội thượng” của Đức Bổn Sư núi Tượng, xuất bản lần thứ nhất, trong đó cũng có in bài tụng pháp kệ Phổ Đà.

Cuối năm 1963 Sư cùng với giáo đoàn Khất sĩ Non Bồng về Am Đại Quang Minh, núi Trà sư thăm viếng Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức, cũng nghe quý vị tu sĩ bên Phật giáo Tứ Ân, Đức Cô Hai Diệu Nguyệt, Bà Cô Mười Hương, huynh đệ ở gần Sư Ông; sau này còn có Ông Tư Tăng đạo hiệu Bửu Tường, đệ tử Bà Cô Mười Hương, thuộc tịnh xá Ngọc Hồng tụng niệm bài pháp kệ Phổ Đà, nay xin lưu lại bài pháp kệ Phổ Đà thứ nhất, các tu sĩ ở miền Tây nam phần Việt Nam thường tụng như sau:

Nam mô Đại đế phụng vương tây trước

Phổ Đà đạt đạo ngự non châu.

Cửu khúc trùng trùng thủy vang tân.

Cúc nở nhị bông ve véo vắt.

Đờn ngâm suối đá

Trên Quán Âm Phật ngự long cung giá.

Dưới Phổ Đà cảnh hảo vô biên.

Trên thông reo gió thổi tự nhiên.

Dưới rông châu phụng múa.

Mây áng hồng lồ lộ.

Mấy thứ lá nhụy nở hây hây.

Đào đơm bông cúc nở thơm cây.

Nghe vắng vẻ tiếng người gìn giữ.

Trên Đức Phật Từ Bi quảng đại.

Dưới rông châu phụng múa tiêu tiêu.

Cảnh Thiên Thai vàng chuông báu yêu.

Cõi Tây trước văn ly châu-chực.

Nam mô lấy san hô làm cột.

Lấy hổ phách làm sườn.
Lược đồi mồi làm ngói che sương.
Bông sen nở làm thuyền Bát Nhã.
Bình tịnh thủy rười qua Tây Hôn.
Nước cam lồ dành để cứu dân.
Mây thiên địa có giao lân.
Trời có sanh có diệt.
Chuông Nam tào khởi động thành tây.
Trống Bắc đầu tiên đồ phóng xả.
Điểm điểm thất tinh như càn long mã.
Hồn độn sơ khai Đẩu xuất tam cung.
Lấy bát quái lập làm tứ trụ.
Án đà ra để dạ bà ha.
Thỉnh Quán Âm Phật thông tra.
Án hồng rị hồng rị thông hồng tá ha.
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.

Pháp kệ Phổ Đà (bài thứ hai): là bài pháp kệ do Trang website diễn đàn Văn hóa phương Đông, tác giả ký hiệu phoquang đăng tải, nhưng không nói xuất xứ bài pháp kệ, mà chỉ nói đến những ý nghĩa của xứ sở, môi trường Phổ Đà sơn (núi Phổ Đà lạc ca). Tác giả có công tìm kiếm, giảng giải các từ Phật học trong bài pháp kệ, nói chung tác giả đã làm một việc hữu ích đạo đời, biến hóa bài pháp kệ thành một tác phẩm văn học, trong văn đàn “Văn hóa Phương Đông”, bài thứ hai như sau:

Nam mô Đại đế phụng vương tây trước
Phổ Đà Lạc đạo ngự non châu.
Cửu khúc trùng trùng thủy vạn tận.
Cúc nở nhị bông ve véo-vắt.
Đờn ngâm suối đá
Trên Quán Âm Phật ngự long cung giá.
Dưới Phổ Đà cảnh hảo vô-biên.
Trên thông reo gió thổi tự nhiên.
Dưới rông châu phụng múa.
Mây áng hồng lồ lộ.
Mấy thứ lá nhụy nở hây hây.
Đào đơm bông cúc nở thơm cây.
Nghe vắng vẻ tiếng người gìn giữ.
Trên Đức Phật Từ Bi quảng đại.
Dưới rông châu phụng múa tiêu tiêu.
Cảnh Thiên Thai vàng chuông báu yêu.
Cõi Tây Trước vang ly châu-chực.
Nam mô lấy san hô làm cột.

*Lấy hồ phách làm sườn.
 Lược đồi môi làm ngói che sương.
 Bông sen nở làm thuyền Bát Nhã.
 Bình tịnh thủy rười qua Tây Hôn.
 Nước cam lồ dành để cứu dân.
 Máy thiên địa có giao lân.
 Trời có sanh có dưỡng (tiếng chuông).
 Chuông Nam tào khởi động thành tây.
 Trống Bắc đầu tiên đồ phóng xả.
 Điềm thất tin như cày long mã.
 Hồn-độn sơ khai Đầu xuất tam cung.
 Lấy bát quái lập làm tứ trụ.
 Ấn đà ra để dạ bà ha.
 Thịnh Quán Âm Phật ngự thông tra.
 Ấn hồng rị hồng rị thông hồng tá ha.
 Nam mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Uy Quán Thế Âm Bồ Tát.
 Nam mô Phổ Đà Sơn Lưu Ly Thế Giới, Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.
 Nam mô Nhất Niệm Tâm Vô Quái Ngại, Quán Âm Như Lai, Thường Cư Nam Hải
 Nguyễn.*

Tháng giêng năm 1958, khi còn là Phật tử thì Sư cũng đã tụng bài pháp kệ Phổ Đà, do Cô Ba Diệu Hòa vâng lệnh Đức Tôn sư đem về Mỹ Tho đến nhà của Sư khuyên tụng pháp kệ này; Sư tu được một phần cũng nhờ bài pháp kệ đã từng làm cho lòng mình “thanh tâm mát dạ”. Cho đến ngày 30 tháng 7 năm Canh Tý (1960) về núi xuất gia, tiếp tục đọc tụng bài pháp kệ Phổ Đà (thứ ba) là bài được Đức Tôn sư tiếp nhận từ Thầy Tổ bên miền Tây nam phần Việt Nam đem về miền Đông núi Dinh cho Tăng Ni, Phật tử tụng niệm. Theo nghi thức tụng niệm của Đạo Phật Non Bông thì khi hành giả tụng kinh Tịnh độ, vào chuông mõ xong, tụng bài tán Dương chi, tiếp đến tụng pháp kệ Phổ Đà rồi mới tụng chú Đại bi, Khai kinh ...bài pháp kệ Phổ Đà thứ ba như sau:

*Nam mô Đại đế phụng vương tây trước
 Phổ Đà Lạc đạo ngự non châu.
 Cửu khúc trùng trùng thủy vang tân.
 Cúc nở nhị bông ve véo-vắt.
 Đờn ngâm suối đá
 Trên Quan Âm Phật ngự long cung giá.
 Dưới Phổ Đà cảnh hảo vô biên.
 Trên thông reo gió thổi tự nhiên.
 Dưới rông châu phụng múa.
 Mây áng hồng lồ lộ.
 Máy thứ lá nhị nở hay hay.*

*Đào đơm bông cúc nở thơm cây.
Nghe vắng vẻ tiếng người gìn giữ.
Trên Đức Phật Từ bi quảng đại.
Dưới rồng châu phụng múa tiêu thiêu.
Cảnh Thiên thai vàng chuộng báu yêu.
Cõi Tây trước văn ly châu chực.
Nam mô lấy san hô làm cột.
Lấy hổ phách làm sườn.
Lược đôi môi làm ngói che sương.
Bông sen nở làm thuyền Bát nhã.
Bình tịnh thủy rưới hoa Tây hớn.
Nước cam lồ dành để cứu dân.
Máy thiên địa có giao lân.
Trời có sanh có dưỡng.
Chuông Nam tào khởi động thành tây.
Trống Bắc đầu tiên đồ phóng xả.
Điểm điểm thất tinh như càn long mã.
Hỗn độn sơ khai Đẩu xuất tam cung.
Lấy bát quái lập làm tứ trụ.
Án đà ra để dạ bà ha.
Thỉnh Quán Âm Phật ngự thông tra.
Án hồng rị hồng rị thông hồng tá ha.
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (ba lần)*

Tiếp đến hành giả tu Tịnh độ Non Bồng tụng chú đại bi. Bài thứ ba là bài pháp kệ mà Đức Tôn sư phổ biến cho chư Tăng Ni, Phật tử trong tông phong Non Bồng tụng đọc từ trên 50 năm qua, hiện nay thì 150 chùa của môn phong trên toàn quốc đều tụng niệm như vậy.

Sư đưa ra ba bài pháp kệ đề Phật tử tiện đối chiếu:

- Bài thứ nhất là bài pháp kệ chính, những người tu ở chùa Thành Hoa (cù lao Ven), các chùa thuộc hệ thống đức Bổn Sư núi Tượng miền Tây Nam phần Việt Nam tụng niệm.

- Bài thứ hai là bài pháp kệ được tác giả pho quang, đăng trên trang website Văn hóa phương đông, có nhiều câu không giống bài pháp kệ chính, ví dụ câu: "...điểm thất tinh như càn long mã...", đọc lại: "...điểm điểm thất tinh nhà càn long mã..."

- Bài thứ ba, tụng niệm thường xuyên tại Tịnh độ Non Bồng, Đức tôn sư có sửa chữa một số từ ngữ Phật học, so với bài pháp kệ chính, ví dụ câu: "...trời có danh có diệt...", đọc lại: "...trời có sanh có dưỡng..." "...điểm điểm thất tinh như càn long mã...", đọc lại: "... điểm điểm thất tinh như càn long mã..." "...thỉnh Quan âm Phật thông tra...", đọc lại: "...thỉnh quan âm Phật ngự thông tra..." Phổ Đà sơn, Phổ Đà Lạc già, Phổ Đà Lạc ca, tức núi Phổ Đà, dịch là Quang Minh sơn tên

một tòa núi hình bát giác là một danh sơn ném về hải đảo phía nam xứ Ấn Độ. Phổ Đà sơn còn là một trong “tứ đại danh sơn” (Phổ Đà ở tỉnh Triết Giang, Ngũ Đài ở Sơn Tây, Nga Mi ở Tứ Xuyên và Cửu Hoa ở An Huy). Được mệnh danh là Hải Thiên Phật Quốc (Nước Phật Biển Trời), nằm cạnh biển Đông, là một đạo tràng Phật Giáo được khai sáng từ đời Đường, cách đây hơn 1000 năm trước, thuộc huyện Định Hải, thành phố Đan Sơn tỉnh Chiết Giang Trung Quốc, là nơi đức Quán Thế Âm hiển thánh tùy cơ ứng hiện độ đời:

Ngàn chỗ cầu xin, ngàn chỗ hiện

Biển khổ thường làm người đưa đò.

Núi cao nằm ở giữa hải đảo, rừng núi thanh u cô tịch, thật là thánh cảnh nước reo pháp Phật, gió khua nhạc trời; rất xứng đáng với danh xưng, cũng là nơi để cho người lánh xa thế giới phàm phu, thiên định bát nhã giai không, lánh tục tầm tiên học đạo.

Xưa chư vị Tổ sư Thiên tông, Tịnh độ tông của Phật giáo, như ngài Ấn Quang đại sư, ngài Hoằng Nhứt đại sư, ngài Hư Vân đại lão Hòa thượng, ngài Pháp sư Khoan Tịnh thường vắng lai hành đạo. Đặc biệt nơi đây còn có nhiều cảnh trí thiên thai, Non Bồng, a luyện nhĩ, nhiều chùa chiền dành cho chư Tăng Ni đến tĩnh tu. Có bài thơ:

Trong núi Phổ Đà thường nhập định

Tùy duyên cứu độ khắp hằng sa

Nghe tiếng kêu cầu liền ứng hiện

Sáng cả hồng danh Quán Thế Âm

Núi Phổ Đà lớn nhỏ hơn ba trăm ngôi chùa, mười hai tháp Phật. Trong số ấy thì chùa Phổ Tế, chùa Pháp Vũ, Tuệ Tế Thiên Viện là trú danh hơn cả. Những Am Viện lợp tranh kết cỏ khác thì phân biệt do chùa Phổ Tế núi trước, chùa Pháp Vũ núi sau, Tuệ Tế Thiên Viện núi Phật Đỉnh quản hạt, đó đây liền nhau mạch lạc, trông nom tương trợ, hợp lực trong phạm vi phòng bị, trật tự rành mạch. Du khách quyền góp, hiến dâng được thông nhất phân phối, tuyệt không có ý tranh nhau.

Mỗi năm thuyền khách hành hương đông đúc vào tháng Hai âm lịch, khí trời lúc ấy tạnh ráo ôn hòa, du khách kéo đến như vậy, thật là nước triều dâng tràn núi, các chùa đều phải gặp nạn đầy khách. Người đi Nam Hải dâng hương, hơn một nửa là từ Thượng Hải hoặc Ninh Ba thuyền đi qua Thảm Gia Môn, từ đây đi về phía Đông đến thẳng Phổ Đà, ở trên thuyền đã có thể trông thấy từ xa núi xanh chập chùng trùng điệp, hơi biếc vây quanh như giải lụa xanh điểm hồng, núi báu lập rừng chùa viện.

Phổ Đà sơn, tiếng Trung Hoa gọi là Tiểu Bạch hoa. Vì trên núi có nở một loài hoa Tiểu Bạch. Trong vùng này có một điện thờ được kiến tạo trong hang đá gọi là điện Từ Ái, tôn thờ Đức Quán Thế Âm hiển thánh, bên trong giống như Thiên cung của Diệu Trang Nghiêm vậy, được làm bằng thất bảo, người phàm mắt thịt rất khó đến được nơi này.

Năm 1958, khi trùng tu di tích Tổ đình Linh Sơn, Đức Tôn sư tạo cảnh trí Đại hùng bửu điện, đặt danh hiệu là Đạo tràng Tây phương Bồng Đảo, núi Bồng Lai, suối Bồng Lai hay Non Bồng, đức hiệu này đến nay đã nói lên tâm niệm Đức tôn sư vừa kết hợp với thiên nhiên, tạo dựng cảnh trí núi Bồng Lai Tây phương bồng đảo, vừa song đối với cảnh trí nên thơ của núi Thiên thai Thiên bửu tháp, đến nay đã trên năm mươi năm rồi, cảnh trí vẫn còn nguyên vẹn, vang vọng trong hàng triệu tấm lòng ngưỡng mộ của Tăng Ni, Phật tử. Sau đó Đức tôn sư dùng đức hiệu của núi non mà lập thành môn phái “Liên tông Tịnh độ Non Bồng” cho Tăng Ni, Phật tử tâm niệm tu hành.

Người Phật tử Tây phương Bồng đảo xưa tu pháp “lễ bái niệm Phật”, thường hay hướng về cảnh núi non thanh lãnh, thắng tích non xanh hùng vĩ, thiêng liêng mâu nhiệm, siêu xuất trần gian vừa đánh lễ đức Bồ tát vừa đánh lễ biệt hiệu Đức tôn sư, các vị niệm: “...chí tâm đánh lễ Nam mô Phổ Đà Sơn Nam Hải (Bồ tát Quan Âm) Mẫu Trầu (Đức Tôn sư) tác đại chứng minh...”

Núi Phổ Đà cũng là nơi ứng tích Thiện Tài Đồng Tử nghe Đức Quán Âm thuyết pháp. Cũng gọi là rừng Chiên Đàn trúc tía ở phía Tây biển Đông; hiện nay cảnh trí thiên nhiên là sự thật có ở phía đông huyện Định Hải và cách huyện lỵ hơn một trăm dặm, sừng sững giữa biển trời bao la.

Lời ca tụng cảnh trí núi Phổ Đà bên Tây trước (Án Độ), cảnh trí núi Phổ Đà bên Đông Độ (Trung Quốc) trở thành bài pháp kệ Phổ Đà; chư Tăng Ni, Phật tử trân trọng dùng làm bài pháp kệ tụng. Khi tụng pháp kệ làm cho tâm hành giả mát mẻ, nhẹ nhàng khinh xuất, tự tánh tâm linh ảnh hiện, mọi phiền trần tiêu vong, cấu nhiễm không còn, nội lực đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh, tịnh chúng nghiêm trang tĩnh lự. Tuy nhiên, chúng ta còn phải tìm hiểu nhiều về xuất xứ bài kinh, tác giả là vị ẩn sĩ hay tu sĩ sáng tác?

Tại Việt Nam hiện nay chỉ có chùa Thành Hoa (cù lao Ven) miền Tây; các Tự Viện, chư Tăng Ni, Phật tử Liên tông Tịnh độ Non Bồng miền Đông, nhất là tại Tổ đình Linh Sơn, Quan âm Tu viện, ở miền Trung như Bình thuận, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Lâm Đồng và trên 150 Tự Viện của tông phong tụng niệm pháp kệ này trên năm mươi năm rồi. Những người tu trên non núi, những vùng năm non bảy núi, núi Văn Liên, núi Sập...rất trân trọng và vẫn còn tụng niệm.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

PHẦN XV. PHẬT PHÁP

Ngày Thứ Bảy Mười: Phát lòng Bồ đề

Vấn: - Trong các bài thuyết pháp, chúng con thường nghe quý sư giảng về sự phát tâm của người Phật tử, như: phát tâm tu hành, phát tâm cúng dường, phát tâm làm việc từ thiện, phát tâm làm lành lánh dữ, phát tâm hộ trì Tam bảo, thậm chí đến việc phát tâm học đạo giải thoát, phát tâm tu hành giải thoát sanh tử...tất cả những việc Phật sự của chúng con đều gắn liền với chữ phát tâm, những việc phát tâm làm Phật sự thì chúng con đều làm được; việc phát tâm tu cầu giải thoát thì khó quá xin Sư hoan hỷ giảng giải về sự phát tâm tu cầu giải thoát sanh tử luân hồi. Hạnh lành nào là cơ sở cho chúng con tu giải thoát cực tấc?

Đáp: - Việc phát tâm tu hành, phát tâm cúng dường, phát tâm làm việc từ thiện, phát tâm làm lành lánh dữ, phát tâm hộ trì Tam bảo, thậm chí đến việc phát tâm học đạo giải thoát, phát tâm tu hành giải thoát sanh tử đều là những hạnh lành của những người tu Phật. Phát tâm làm Phật sự, cho đến cầu giải thoát cũng là Phật sự đối với chúng sanh. Thành tựu đỉnh cao của Phật sự chính là đạt chí nguyện, cũng là thành quả tu hành của Bồ tát, cũng chính là kết quả tu hành của Phật tử, của những người con Phật.

Phát là sanh khởi, Tâm là tâm lòng, Bồ đề là trí giác thanh tịnh, tức là giác ngộ, khởi tâm làm Phật, học làm Phật.

Phát tâm bồ đề là khởi tâm thanh tịnh, sự thanh tịnh này là một định lực phát sanh trí tuệ tuyệt vời sau thời gian công phu tu hành hiệu quả, trí tuệ tức là đỉnh cao của sự giải thoát luân hồi bên trong tâm trí người con Phật. Sự khởi tâm thanh tịnh tạo cho thân khẩu ý của Phật tử hướng về đức Phật một cách hoan hỷ, dù người đó còn ở trong thế giới phàm phu, nhưng tâm trí người ấy đã giải thoát tự bao giờ.

Người khởi tâm thanh tịnh thì làm việc gì cũng thanh tịnh, Phật sự thành tựu, kết quả cao, giúp được cho nhiều người, cho quần chúng xã hội nhen luân; ngược lại thì người đó lo cho mình không xong, làm sao có cơ sở tế khổ cho chúng sanh. Kinh Viên Giác, Phật dạy: “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh, tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh”; ví như Phật tử muốn làm việc bố thí cho “người nghèo”, thì chí ít các vị phải có số dư trong gia đình, rồi mới trích phần dư ấy giúp cho “người nghèo”. Người học đạo giải thoát thì siêng năng cần mẫn, thường tu tập các pháp lành, thường xuyên thính pháp, tinh chuyên tụng kinh niệm Phật; tâm khởi lành, miệng nói lời lành, làm việc lành...người thường xuyên làm việc lành có ích cho mọi người nên đi đến đâu mọi người đều mến thích, từ đó ta mới có cơ sở khuyến khích người khác làm lành, những hạnh lành được nhân lên từ chỗ ít oi đến trở thành vô số người làm lành sẽ tạo thành một thế giới Tịnh độ ở nhân gian, mà gần nhất là bản thân và gia đình chúng ta.

Đó là sự phát tâm làm Phật sự của người tu Phật hay Phật tử. Riêng về người Phật tử phát tâm cầu tu giải thoát là việc đáng trân trọng, xưa nay không ít, nhiều gương lành trong các sách Tịnh độ, như “Đường về Cực lạc của HT Thích Trí Tịnh”, “Hương quê Cực lạc của HT Thích Thiên Tâm”, “Long thơ Tịnh độ”, hay “Vạn Thiện Đồng quy Tập”; trong Liên tông Tịnh độ Non Bồng có sách “Còn mãi những hoa sen của HT Thích Giác Quang”, v.v... để lại cho chúng ta những bài học đáng giá ngàn vàng.

Nay Sư sẽ vì các Phật tử phát bồ đề tâm tu cầu giải thoát sanh tử luân hồi mà giới thiệu cho quý vị pháp tu để lập thành nhân hạnh, trở thành tài sản vô giá cho từng liên hữu Tịnh độ.

Tông Tịnh độ Trung Hoa có 13 vị Đại sư hoằng truyền pháp tu Tịnh độ, trong đó có Ngài Tĩnh Am, húy Thiệt Hiền là vị Đại sư thứ mười có giảng về sự phát bồ đề tâm, nay Sư xin trích giảng giúp Phật tử tu học.

Nói về tâm nguyện: Tâm nguyện của mỗi người tu có nhiều biểu hiện tương trạng khác nhau, có tám biểu hiện đó là: Tà, Chánh, Chân, Ngụy, Đại, Tiểu, Thiên, Viên.

1/ Có người trước tu, nhưng sau khi vào chùa chẳng tu hành chi cả, chẳng biết xét tâm mình, gội rửa thân tâm, chuyên lo tạp vụ, tạo nên nhiều ngoại cảnh chi phối. Hoặc cầu cho sướng thân, hoặc ham nổi tiếng, ý cậy quyền thế, thế lực thế gian, ưa thích đục lặc, hoặc cầu mong quả vị mai hậu. Phát tâm tu như thế gọi là TÀ.

2/ Người tu Phật danh lợi không ham, quả vui chẳng thiết, chỉ mong cầu giải thoát, đạt đến đạo quả Bồ đề. Phát tâm như thế gọi là CHÁNH.

3/ Người tu Phật, tinh chuyên niệm niệm liên tục, ngược lên thì cầu Phật đạo, cúi xuống thì độ chúng sanh. Hướng về Phật đạo cao siêu, không sanh lòng bi quan thối chuyển; độ chúng sanh khó độ, chẳng sanh mệt mỏi yếu lòng. Người gia công hành trì niệm Phật như người trèo lên đỉnh núi cao vút, phải quyết tâm leo lên cho tột đỉnh, như leo tháp chín tầng, phải quyết lòng lên đến nóc tháp. Người phát tâm như thế gọi là CHÂN.

4/ Người tu không biết lay sấm hối, không biết cải sửa lỗi lầm, không hồi tâm lánh xa tội chướng. Bên ngoài làm như là bậc thiên gia chân chánh, áo bả gai sòng, nhưng bên trong tấm lòng không chân thật, như nhuốc, toan tính điều sái quấy vùi đạo đức, khi mới tu siêng năng, tu lâu lần lần biếng nhác bê trễ. Tấm lòng tuy có tốt, nhưng đa phần chuốc lấy những đường danh nẻo lợi, nói pháp tuy hay, nhưng còn đi theo những oan trái ái dục bần nhược, lúc nào cũng vọng niệm làm phủ mờ chơn tánh. Phát tâm như thế gọi là NGUY.

5/ Cõi chúng sanh hết, nguyện của ta mới hết, đạo bồ đề mới thành, nguyện ta mới thành. Phát tâm như thế gọi là ĐẠI.

6/ Người tu phát khởi học hạnh nguyện Phổ Hiền vương Bồ tát, khi nào nghiệp chúng sanh cùng tận, hạnh nguyện của người tu mới cùng tận, khi nào

chúng sanh không còn trong thê giới ta bà, thì mới an vui vị trí niết bàn giải thoát. Ngược lại người tu chỉ muốn lo cho mình an lạc, không lo cho chúng sanh, không có tâm báo ân Phật Tổ, báo hiếu tổ Thầy, vượt qua đạo lý của Phật giáo hóa, không phát huy giáo lý Phật thừa. Phát tâm như thế gọi là TIÊU.

7/ Người tu Phật khởi tâm ý tiêu thừa, hạn hẹp, cố chấp thấy có chúng sanh cần phải độ, thấy có Phật đạo phải đắc thành, mê lầm trong các tướng tu tướng độ để củng cố danh vọng địa vị trong giáo pháp của Phật, không lo gội rửa nghiệp dĩ chúng sanh, mà lo độ chúng sanh, rốt rồi như người không biết lái đò mà cứ tìm cách đưa người qua sông, không biết lội nước mà đòi đưa người qua bên. Phát tâm như thế gọi là THIÊN.

8/ Người tu khi biết rõ nghiệp chúng sanh nổi lên là do tự mình sanh khởi, liền niệm tự tánh Phật để vượt qua; biết rõ tự tánh thanh tịnh là chơn tâm; chơn tâm chính là Phật, từ đó phát nguyện tu cầu Phật đạo. Hiểu rõ chân lý đại thừa. Pháp giới xuất phát từ tự tánh thanh tịnh, không thấy có pháp nào ngoài tâm để tu; không thấy có chúng sanh nào để độ; không thấy có phiền não nào để diệt; không thấy có niết bàn nào để chứng đắc, rốt ráo chứng quả chơn không; cũng không còn có tướng chơn không để tu cầu chứng quả. Phát tâm như thế gọi là VIÊN.

Người tu khi đã tu thấu lý đạt tình, biết được tâm tướng khác nhau như trên mà thực hành tu tĩnh thì mới gọi là bậc chân tu thật đức, hiện tiền cũng như tương lai quyết định thấy Phật. Sự phát tâm như thế hiếm có trong đời; trường hợp như có người phát Bồ đề tâm trên thì được Chư Bồ tát, Hiền thánh Tăng trong khắp pháp giới mười phương, chư Thiên, thiện thần lai hộ trì, hộ pháp già lam ủng hộ thánh chúng nương về giúp cho người đó hoàn thành sứ mạng “tác Như Lai sứ hành Như Lai sự”, giữ gìn chánh pháp và pháp môn tu thiên thu bất hoại.

Như trên đã hướng dẫn, nói rõ về tám cách phát tâm, tâm nào lớn, tâm nào nhỏ, phát tâm nào đúng, phát tâm nào sai. Nay nói về các pháp để làm nhơn hạnh, duyên tu cho hành giả (xuất gia và tại gia) tiến bước.

Mười nhơn hạnh duyên tu là:

1/ Người tu Phật nghĩ đến ơn của Phật?

Đức Phật của chúng ta khi mới phát tâm, vì tất cả chúng ta mà tu hành đạo Bồ tát, trải qua muôn vạn kiếp nếm đủ mùi cay đắng gian lao. Khi ta gây nghiệp, Ngài rất xót xa, tìm cách giáo hóa, như ta u mê ám chướng, chẳng chịu tin nghe. Ta đọa địa ngục, Ngài càng xót đau hơn, muốn thay ta chịu khổ, nhưng nghiệp ta quá nặng nên việc cứu vớt thật vô phương. Ta sanh cõi người, Ngài dùng phương tiện giúp ta trồng gieo căn lành. Đòi đòi kiếp kiếp, Ngài theo dõi ta, không lúc nào bỏ, khi Ngài xuất thế, ta còn đắm chìm, nay được làm người, thì Phật đã diệt. Tội lỗi gì khiến ta sanh vào đời mạt pháp, phước đức nào đưa ta vào hàng ngũ làm người con Phật? Nghiệp chướng gì khiến ta không được thấy thân vàng của Phật, may mắn nào xui ta được cung chiêm xá lợi của Ngài? Suy nghĩ như thế rồi mới rõ

lẽ. Giả sử quá khứ ta không trồng thiện căn, thì sao hôm nay lại được nghe Phật Pháp? Không nghe Phật Pháp, thì làm sao biết mình thường thọ ân Phật? Ân đức ấy, non cao khó sánh. Trừ phi tự mình phát tâm rộng lớn, hành đạo Bồ tát, xây dựng pháp tràng, cứu độ chúng sanh, dù cho có bị thịt nát xương tan, cũng khó mà đền đáp cho xứng. Đó là nhân duyên thứ nhất của sự phát tâm Bồ đề.

2/ Nghĩ đến công ơn cha mẹ?

Thương thay cha mẹ, sanh ta ngọc nhân, mười tháng cưu mang, ba năm bông ẵm, cho con bú mớm, bên ướt mẹ nằm bên ráo con lăn. Ngậm đắng nuốt cay, ngọt bùi chẳng tưởng. Khổ công nhường ấy, cho ta thành người, trưởng thượng khôn ngoan. Hy vọng về sau, tiếp nối gia phong, lo phần tế tự. Vây mà nay ta lại xuất gia (đi tu), lạm xưng Thích tử, nhục hiệu Sa môn, ngọt bùi không cung cấp, giỗ chạp chẳng thừa đương. Lúc còn sống, ta đã không chu toàn được miếng cơm manh áo; khi chết rồi ta cũng không đủ sức tiếp dẫn giác linh. Đối với thế gian, ta là kẻ ăn hại, về mặt xuất thế cũng chẳng được lợi ích chi. Hai đường đều mất, tội nặng khó thoát. Suy nghĩ như thế mới thấy còn một cách, là thường hành Phật đạo trong trăm kiếp ngàn đời, độ khắp chúng sanh trong mười phương ba cõi. Như vậy không những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều kiếp đều được siêu thăng. Không những cha mẹ một người, mà cha mẹ của tất cả đều được cứu vớt. Đó là nhân duyên thứ hai của sự phát tâm Bồ đề.

3/ Nhớ nghĩ đến công ơn Sư Trưởng (Hòa thượng, Ni trưởng)?

Cha mẹ ta tuy sanh ta ra, và nuôi ta khôn lớn, nhưng nếu có Giáo thọ thế gian thì chữ nghĩa, lễ nghĩa không biết; không có Sư trưởng (Hòa thượng, Ni trưởng) xuất thế thì Phật pháp không hay. Không biết lễ nghĩa, khác gì cầm thú, không tinh Phật pháp, tương đồng người phàm. Chúng ta ngày nay, Phật pháp có hiểu sơ qua, lễ nghĩa có biết tạm đủ. Thân mặc chiếc áo ca sa đượm nhuần giới phẩm, tâm tính hoan hỷ giới thể sanh khởi không phạm lỗi lầm, công ơn ấy chính nhờ Sư trưởng (Hòa thượng, Ni trưởng) mà có. Nếu cầu quả nhỏ thì được lợi mình. Nay theo đại thừa, nguyện đem lợi lạc đến khắp quần sanh, thì bậc Thầy thế gian (Thầy dạy chữ, dạy lễ nghĩa), Sư trưởng (Hòa thượng, Ni trưởng) cả hai đều được lợi ích, do ta phát tâm mà làm cho các Ngài rạng rỡ. Đó là nhân duyên thứ ba của sự phát tâm Bồ đề.

4/ Nghĩ đến công ơn thí chủ (đàn na, xã hội)?

Chúng ta ngày nay, sử dụng các nhu cầu hằng ngày chẳng phải do ta tự cấp, cháo cơm ba buổi, quần áo bốn mùa. Thuốc men trị bệnh, chi phí linh tinh. Hết thầy đều so sức lực kẻ khác làm ra, mang đến cho ta chi dùng. Người nông phu dốc sức cấy cày, mà đói khổ chẳng đủ ăn, còn ta thì ngồi không mà an hưởng, vậy mà lòng không thỏa mãn. Người thợ dệt, thợ may không ngưng tay mà suốt đời gian khổ, ta thì may mặc đến thừa mứa mà lòng dạ chẳng tiếc thương. Người người thì nhà tranh cửa lá, ta thì sân rộng nhà dài, thông thả quanh năm. Đem sức lao nhọc khó khổ ủa người để cung cấp cho sự sống an nhàn của ta, lòng sao yên được. Đem

cái lợi lộc của người khác để bồi dưỡng cho thân ta sung sướng, lý có thuận chăng? Nếu chẳng phải tự mình vận dụng tu hành bi trí, trang nghiêm hai quả phước huệ, để đàn na tín thí xã hội nhờ ơn, mọi người cùng thọ hưởng thì dù gạo chỉ một hạt, vải chỉ một ô, mà mình đã nhận thọ cúng trước kia, đến nay đều phải trả đủ, không thì ác báo khó trốn. Đó là nhơn duyên tứ tu của sự phát bồ đề tâm.

5/ Nhớ nghĩ công ơn chúng sanh?

Ta với chúng sanh từ bao kiếp trước, hết đời nọ qua đời kia, từng làm cha mẹ của nhau. Ôn qua nghĩa lại, nhiều lớp nhiều tầng. Nay vì cách xa nhiều đời, cho nên không còn nhận ra nhau. Cứ lý mà suy, há không đền đáp. Như các loài vật nay trở thành loài mang lông đội sừng, biết đâu muôn đời trước lại là cha mẹ ta? Thường thấy bao kẻ, trẻ lìa gia đình, lúc lớn trở về, dung mạo đổi khác, không thể nhận ra, huống chi là cha mẹ cửu huyền nhiều đời trước, ngày nay kẻ thì sanh ra họ này họ khác, làm sao nhớ được? Có khi người đang gào thét trong chốn địa ngục a tỳ, hoặc đang đắm chìm trong chốn ngạ quỷ, khổ đau không ai hay biết, đói khát không biết kêu ai? Ta tuy không thấy không nghe, những lời cầu xin cứu vớt, nhưng chắc chắn không phải là không có. Nếu người không tu, chỉ mang tâm ý tà vạy làm sao biết cái nỗi khổ luân trầm của chúng sanh. Cho nên chỉ có tầm nhìn của người có tấm lòng Bồ tát mới thấu suốt, mới có đủ sức thấy chúng sanh quá khứ toàn là cha mẹ và nguyện tu thành Phật trong tương lai, vũ hành phương tiện, tìm cách giúp đỡ để báo đền ơn chúng sanh. Đó là nhơn duyên thứ năm của sự phát bồ đề tâm.

6/ Nghĩ đến sự khổ đau sanh tử?

Ta cùng chúng sanh từ bao kiếp trước, sanh tử luân hồi, không bao giờ thoát khỏi. Khi ở cõi trời, lúc sanh cõi người, nơi kia chốn nọ ra vào muồn mối, lên xuống nữa giây. Khi thì làm trời, khi thì làm người, khi thì chui vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh. Sáng ra chiều vào những nơi đen tối, hang sắt mới khép đã mở. Leo lên núi đao thì toàn thân không còn mảnh da nguyên vẹn, vịn vào cây kiếm thì các thớ thịt rách bươm. Hoàn sắt nóng không trừ được đói, nuốt vào rồi gan duột nát tan, nước đồng sôi không giải được cơn khát, uống vào rồi thịt xương như ngấu. Cưa bén xẻ thây, đứt xong liền nối; gió nghiệp thổi mặt, chết rồi lại sanh. Trong thành rực lửa, thảm thê tiếng hét rú lên; trên bàn ngà nướng, tê tái tiếng gào vang vọng. Băng giá đông lại, thì thân hình xanh như sen kết nhụy, máu thịt rữa ra, thì mình mây đỏ trợ sen hồng trở hoa. Trong chốn địa ngục, một đêm chết sống, kể cả vạn lần, so với nhân gian, một buổi thọ hình, lâu tròn thế kỷ. Bao phen lính ngục ra tay nhọc mệt, nào ai chịu tin lời Diêm chúa răn khuyên. Lúc thọ báo mới kêu van khổ, nhưng dù hối cũng chẳng kịp nào, khi thoát rồi liền vội quên ngay, vẫn nghiệp cũ như gây như trước. đánh lừa vàng máu, đầu hay chính mẹ mình đương khóc thảm; xua heo vào lò, nào ngờ chính cha mình sắp rả thây. Aên thịt con mà không biết, Văn vương còn như thế; ăn thịt cha mà chẳng hay, phàm phu cũng thế thôi.

Năm xưa ân ái nay thành oan gia; hôm qua oán cừ, nay thành ruột thịt. Đời

trước là mẹ nay là vợ, thuở xưa là cha, nay lại là chồng. Lấy trí tức mạng mà soi thì đáng hổ thẹn biết mây; lấy mắt thiên nhãn mà nhìn thì đáng chán, đáng cười biết bao! Trong bụng đầy phẫn, mười tháng rúc chui, hết còn chịu nổi; qua đường ngập máu, một phen chúi xuống, thương thật là thương! Nhỏ dại biết chi, trước sau chẳng rõ, lớn khôn dần hiểu, tham dục bèn sanh. Lóang thoang mới đó, mà già đau đã đến kiếp, thành linh xuất hiện, gã vô thường lại hỏi thăm. Gió lửa trong lúc giao tranh, thần thức toi bời rối loạn. Khí huyết bên trong vơi cạn; xương thịt bên ngoài teo khô. Không một kẻ chân lông nào không bị kim đâm; không một nơi khiếu huyết nào không bị dao cắt. Rùa già đem nấu, lột được võ ra, tướng e còn dễ, thần thức sắp đi, phải lìa khỏi xác, khó gặp bội phần. Tâm là ông chủ vô thường, giống chú lái buôn khắp nơi bôn tâu, thân là cái hình vô định, khác nào phòng ốc, rày đổi mai thay. Chỉ như mây bụi như cổi ba ngàn, thân nọ quay cuông qua lại vô tận vô cùng, nhấp nhô như sóng trên khắp bốn biển, nước mắt ly biệt trào tuôn, kể sao cho xiết! Cao quá núi cao, chát ngát xương chồng; dày hơn đất dày, rậm rịt thân sắp rã. Giả sử, không được nghe lời Phật, việc ấy ai thấy phải nghe, không được xem kinh Phật, lý đó ai hay biết? Vậy mà lắm kẻ vẫn tham luyến như xưa, si mê không bỏ. Chín e, ngàn đời muôn kiếp mới được làm người, một làm hai lỗ dây dưa trăm kiếp. Thân người khó được mà dễ mất; vận may dễ qua mà khó tìm. Đường đời mờ mịt, ly biệt dài lâu. Ác báo ba đường, rồi phải tự thọ. Khổ hết chỗ nói, ai chịu thay đây? Nhân hứng mà nói dông dài, đến đây không thể không thấy lòng mình giá buốt. Cho nên phải dứt dòng sanh tử, vượt nẻo ái hà, mình người cùng thoát, bờ giác cùng lên. Công lao muôn kiếp, chính được bắt đầu, từ buổi hôm nay. Đó là nhân duyên thứ sáu của sự phát tâm bồ đề.

7/ Tôn trọng tánh linh của mình?

Tâm của chúng ta trong hiện tiền, so với Đức Thế tôn Thích Ca, không hai không khác. Thế thì vì sao, Thế tôn đã thành chánh giác, từ vô lượng kiếp; còn chúng ta thì điên đảo hôn mê vẫn làm phàm phu? Lại nữa, Thế tôn thì đủ vô lượng thần thông trí tuệ, công đức trang nghiêm; còn chúng ta thì chỉ có vô lượng phiền não, nghiệp chướng, sanh tử buột chặt. Tâm tánh chỉ một, mà mê ngộ trời vực cách xa. Cứ im lặng mà suy, há chẳng đáng xấu hổ sao? Ví như ngọc báu vô giá, rơi xuống bùn nhơ, xem đồng ngói gạch, chẳng được quý yêu. Cho nên phải dùng vô lượng thiện pháp, mà đối trị vô lượng phiền não. Có gia công tu đức, thì tánh đức mới sáng ra. Như ngọc báu được lau chùi, treo trên phướn cao, ánh sáng rực chiếu, che lấp tất cả. Thế mới đáng gọi là không phụ sự giáo hóa của Phật, chẳng phụ tánh linh của mình. Đó là nhân duyên thứ bảy của sự phát tâm bồ đề.

8/ Sát hối nghiệp chướng?

Kinh dạy, phạm đột kiết la, như bốn thiên vương, năm trăm tuổi thọ, mà rơi vào địa ngục. Đột kiết la tội nhỏ mà còn như thế, huống nữa tội nặng, báo lớn đến đâu? Chúng ta ngày nay, trong nếp sống hàng ngày, nhứt cử nhứt động, thường trái luật Phật! Khi ăn lúc uống phạm giới bao phen. Kể các vi phạm trong một ngày,

cũng đã vô lượng, huống nữa trọn đời nhiều kiếp, tội lỗi gây ra, khó mà nói hết. Chỉ lấy riêng ngũ giới, cứ mười người giữ, đã có chín người phạm. Phát lộ thì ít, dấu diếm thì rất nhiều. ngũ giới là giới tại gia, mà còn không giữ nổi, huống nữa các giới Sa di, Tỳ kheo, Bồ tát, thôi khỏi bàn chi! Hỏi đến danh nghĩa, thì rằng ta đây Tỳ kheo; hỏi về thực chất, thì chưa xứng để làm một tại gia đệ tử. Há chẳng đáng hổ thẹn sau? Nên biết rằng giới Phật, không thọ thì thôi, đã thọ thì không được hủy phạm, không phạm thì thôi, đã phạm thì khó tránh đọa sa. Nếu không thì xót mình thương người, mà miệng van lơn, thân quý lại, khóc lóc bi thiết, cùng với chúng sanh, cầu xin sám hối, thì dù ngàn đời muôn kiếp, ác báo khó bề tránh khỏi. Đó là nhân duyên thứ tám của sự phát tâm bồ đề.

9/ Cầu sanh tịnh độ?

Tu ở cõi này sự tiên tu quá khó, nhưng vãng sanh cõi kia, việc thành Phật cũng dễ thôi. Để cho nên một đời có thể đạt được; khó cho nên muôn kiếp chưa chắc tựu thành. Vì vậy mà thánh hiền đời trước, ai ai cũng thú hướng về đây; ngàn kinh muôn luận, đâu đâu cũng giải bày nghĩa này. Việc tu hành trong đời mạt pháp, không pháp nào hơn được pháp ấy. song kinh còn dạy thêm, điều lành nhỏ khó khiến sanh lên; phước đức dày mới đưa đến đó. Nói phước đức dày, thì không chi bằng chấp trì danh hiệu; nói điều lành nhiều thì phát tâm rộng lớn chiếm ưu tiên. Cho nên chấp trì danh hiệu trong chốc lát, hơn hẳn công đức bố thí cả trăm năm; phát được tâm bồ đề rộng lớn, vượt trội công đức tu hành trong nhiều kiếp. Bởi vậy niệm Phật là mong được làm Phật, nếu tâm lớn không phát, thì dù niệm cũng chẳng ích chi; phát tâm là nhằm mục đích tu, nếu tịnh độ không sanh, thì tuy có phát nhưng cũng dễ thôi. Thế thì gieo giống bồ đề, phải cày bừa bằng cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng trưởng; cõi thuyề đại nguyện. Vào được biển lớn tịnh độ. Tây phương quyết định vãng sanh.

10/ Chánh pháp tồn tại lâu dài?

Đức Thế tôn chúng ta từ vô lượng kiếp, vì tất cả chúng ta, mà tu đạo bồ đề. Ngài làm được việc khó làm; nhẫn được việc khó nhẫn. Cho nên khi nhân tròn quả đủ, ngài mới thành Phật. Sau khi thành Phật, giáo hóa hoàn tất, ngài vào Niết bàn. Nay thì chánh pháp tượng pháp đã qua. Chúng ta đang ở trong đời mạt pháp. Phật pháp còn đó, mà không người tu hành. Tà chánh lộn xộn, phải trái khó phân. Ganh đua nhân ngã, toàn là lợi danh. Ngược mắt nhìn quanh, mọi người đều vậy, chẳng ai thoát khỏi. Mịt mù chẳng biết Phật là ông nào, pháp nghĩa ra sao, tăng là cái gì? Suy tầm đến thế, nói ra bất nhẫn. Nhưng mỗi khi nghĩ đến bất giác lệ tuôn. Ta là con Phật, mà không thể đến đáp ân Phật? Trong không ích cho mình, ngoài chẳng ích cho người. Sống không ích cho đương thời; chết chẳng ích cho hậu thế. Trời tuy cao, không che nổi ta, đất tuy dày, không chở nổi ta. Cái đũa cực ác, không ta thì ai? Do đó lòng đau không thể chịu nổi, mà toan tính thì cũng chẳng đề xuất được kế gì. Bỗng nhiên vụt quên rằng mình quê mùa, vụt phát tâm chí rộng lớn. Tuy chưa thể vãn hồi mạt vận ngay trong lúc này, nhưng quyết định phải hộ trì

được chánh pháp mai sau. Cho nên cùng các liên hữu dắt nhau đến đạo tràng, soạn thuật sám pháp, lập pháp hội này. Phát bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng nhằm hóa độ chúng sanh, cầu trăm nghìn kiếp thâm tâm, tâm nào cũng hướng cứu cánh làm Phật. kể từ hôm nay, cho đến cùng tận đời vị lai, phải thanh toán cho xong cái hình hài này, thề quyết phải sanh về an dưỡng. Sau khi lên chín phẩm sen vàng, phát nguyện trở lại cõi ta bà. Mặt trời Phật pháp sẽ được sáng lại, cửa vào chánh pháp lại được mở toan. Biển lòng tăng giới lặng trong cõi này; nhân dân đông độ được tiến hóa ngay tại chỗ. Vận hội nhờ đó mà kéo dài ra thêm; chánh pháp nhờ đó mà tồn tại lâu dài. Đây là tâm nguyện chân thành, từng được thiết tha ấp ủ. Đó là nhân duyên thứ mười của phát tâm bồ đề.

Đây là mười hạnh lành duyên tu của Đại sư Thiệt Hiền – Tế Tĩnh, các liên hữu phát tâm học thuộc mà tu hành đến bờ đến bến. Trên “thế gian” này dù ai có tài năng lỗi lạc bao nhiêu cũng chỉ gọi là “tài trí”, nhưng nếu không vượt khỏi “khoảng cách” sanh tử luân hồi thì không gọi là “thượng trí”.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bảy Mười Một: Sự thành tựu của Phật Thích Ca

Vấn: - Xin Sư từ bi khai thị cho chúng con về sự thành tựu và hạnh nguyện của Đức Phật Thích Ca?

Đáp: - Khi còn học ở nhà trường Đạo thuộc Phật Học Đường Tây Phương Bồng Đảo, có lần học chân lý đại đồng, Sư còn nhớ rõ lời Thầy dạy: “Vì sao Đức Phật thị hiện vào thế giới ta bà?”. Vì thế giới ta bà là một thế giới mà trong đó cuộc sống đầy đầy những nỗi khổ niềm đau, những khổ đau thăng trầm vinh nhục, vui buồn lẫn lộn... nơi mà nước mắt muôn loài luôn “đẫm lệ” nhiều hơn nước biển.

Chính nơi đây còn có “dòng sông sanh tử” luôn thủy triều và bất tận, bất cứ lúc nào cũng có thể nhấn chìm muôn vạn sanh linh trong từng thế hệ chết đuối nơi dòng sông đó.

Theo giáo pháp Đức Phật, quan điểm Thiên tông thì Đức Phật là thường trụ, nên không xa rời chúng sanh, thậm chí chúng ta còn nghe những đệ tử ưu tú của Ngài cũng đều phát nguyện như vậy mà còn thỉnh cầu Ngài trụ thế trường cửu để chứng minh cho các vị phát nguyện vào đời để cứu khổ chúng sanh: “...Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh - Ngũ trược ác thế thế tiên nhập – Như nhứt chúng sanh vị thành Phật – Chung bất ư thử thủ nê hoàn...” (trích kinh Thủ Lăng Nghiêm)

Còn bên Tịnh Độ thì Đức Phật muốn giúp cho chúng sanh thoát khổ, nhưng chờ mãi mà không thấy có người tỉnh ngộ phát tâm tu cầu giải thoát mê lầm, ra khỏi bốn bức tường sanh, lão, bệnh, tử, do không ai có trí năng hiểu biết để đến

thỉnh cầu Đức Phật tuyên dương chánh pháp, nên Ngài phải tự tuyên thuyết hiển bày lý lẽ chơn thường, giúp cho chúng sanh dễ tiếp nhận giáo pháp tu hành. Bài kinh không ai hỏi mà Đức Phật tự nói thật đơn giản là “Kinh A Di Đà”.

Lúc bấy giờ nhân thời điểm có các vị Tỳ Kheo 1250 vị, chư vị Bồ Tát 10 phương, chư vị Đại A La Hán, nhân dân những vị nhân sĩ trí thức, thiên long bát bộ, Hộ pháp Thần vương, chư Thiên Vương khắp 10 phương và dân chúng của các vị đến thăm Đức Phật... nhân đây nên Đức Phật có gọi Ngài Xá Lợi Phất là vị thiện tri thức của đại chúng cõi Người và kẻ cả cõi Trời để bảo ban giới thiệu về Đức Phật A Di Đà và thế giới Cực lạc của Ngài...

Thế giới của Đức Phật A di Đà là thế giới không có khổ, mà chỉ có những sự việc vui, nhân đến vượt qua cả sống và chết, thế giới của Đức Phật A Di Đà không có cơ sở cho các vị Thập điện Diêm vương, ngục tốt, si mê hắc ám sinh hoạt, không có ma si mê, quỷ vô thường làm khổ chúng sanh.

Những công hạnh phát nguyện vào đời cứu vớt chúng sanh - Thỉnh đức Phật thị hiện thế giới ta bà chứng minh – Cứu vớt chúng sanh ra khỏi thế giới sanh tử (đói nghèo, nô lệ, chém giết lẫn nhau, tàn sát lẫn nhau mà sống...) là những ý nguyện mà Đức Phật tự đứng ra tuyên thuyết, là những việc làm nói lên tính từ bi vô biên giới, một tình thương cao cả thật sinh động và vô bờ bến của Đức Phật đến với muôn loài.

Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật dạy: “Phật thị hiện vì một nguyên nhân lớn là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến...”. Phật tri kiến dành cho chúng sanh nghiệp dứt tình không, trí tuệ siêu quần bạt tụy. Ai là người nghiệp dứt tình không, trí tuệ siêu quần bạt tụy thì bước vào Phật đạo. Ai bước vào Phật đạo thì người đó là người “nghiệp dứt tình không trí tuệ siêu quần bạt tụy”

Cho thấy đại nguyện của ba đời chư Phật, chí nguyện cao cả của Bồ tát Sĩ Đạt Ta đã mở toan cánh cửa Niết Bàn, hiển bày Đạo Bát Chánh giúp cho muôn loài phát huy trí năng biết cách tự hóa giải khổ đau

Mỗi năm vào ngày mùng 08/chạp là ngày mà chư Tăng Ni, Phật tử chúng ta nhớ lại cách đây 2597 năm, vào ngày trăng tròn bên chân núi Hy Mã Lạp Sơn, một siêu nhân vĩ đại, đã sáng thế và vượt cung điện Ca Tỳ La Vệ để vào rừng sâu núi thẳm, tìm phương cách cứu giúp muôn loài. Với 6 năm năm tu khổ hạnh tại “Khổ Hạnh Lâm”, năm 35 tuổi đã không thấy có hiệu quả cao, lại thêm không còn sức khỏe, mà trí tuệ thì biệt tăm, không còn nghị lực để thực hiện chí nguyện đến với người đang khổ đau oằn oại. Cuối cùng phải chỗi gót đến tận địa phương khác, xa rời lối sống cực đoan quá khổ như ngoại đạo, rồi được người phụ nữ tín tâm Su-Già-Ta dâng bát sữa cúng dường trợ duyên phục hồi sức khỏe cho Ngài và cuối cùng Bồ Tát Sĩ-Đạt-Ta thoát ngộ:

Trí tuệ, thấy biết được những đời trước của người và mình luân chuyển trong ba cõi thế nào để tự hóa giải.

Trí tuệ thấy biết việc của mình và người tái sinh theo nghiệp lực thế nào để tự chuyển hóa.

Trí tuệ, thấy biết những cảnh khổ trong đời hiện tại của mình và tự biết tìm phương giải thoát các phiền não thế gian.

Bồ tát Sĩ-Đạt-Ta thành Phật năm 35 tuổi, cách đây đúng 2597 năm.

Giáo lý của Đức Phật không phủ định giáo lý Phệ đà, nhưng có một điều là đức Phật tuyên bố: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, tức là mọi người đều có tri thức trí tuệ ngang nhau, cuộc sống kinh tế bình đẳng ngang nhau, nếu người đó biết phát huy tri thức trí năng của mình. Con người có quyền tự quyết định cho chính mình và cộng đồng của mình, không có thần linh tối cao nào xen vào định đoạt đời sống cho con người và cộng đồng của con người.

Vì mọi người đều có quyền sống bình đẳng, không có giai cấp trong chúng sanh, khi chúng sanh đó có dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn.

Sự đắc đạo của Đức Phật Thích Ca vào ngày trăng tròn mùng 08 tháng thứ mười hai bên chân núi Hy Mã Lạp Sơn năm ấy là một hiện tượng chuyển hóa thế giới Ta bà, khiến cho người khổ được vui, người mù tối được sáng, vượt ra ngoài vòng cương tỏa cơ chế khắc khe của đạo Bà La môn bên Ấn Độ, thoát khỏi tam đồ bát nạn câu ly khổ luôn đè đầu cỡi cổ chúng sanh.

Ngày nay, người Thích tử học Đạo Phật, chúng ta cần có thời gian suy gẫm về Đức Phật nhiều hơn nữa, tiếp thu những tinh hoa Phật pháp cho sâu, thực hành cho đúng, nhằm giúp cho đời sống tâm linh ngày càng sáng tỏ, mang lại hạnh phúc cho Nhơn thiên và loài người...

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bảy Mười Hai: Chủ trương của Phật giáo

Vấn: - Khi đọc lịch sử Phật giáo Ấn Độ, chúng con thấy sau Phật nhập diệt một trăm năm thì chư Trưởng lão đã có nhiều ý tưởng khác nhau, từ đó mà thành nhiều bộ phái, mỗi bộ phái hiểu Đức Phật theo tiêu chí của mình mà lập bộ phái: có Trưởng lão thì vào rừng sâu tu hành giữ đạo, có Trưởng lão truyền bá giáo pháp Đức Phật; xa hơn nữa có vị đem giáo pháp Đức Phật vượt biên thùy Ấn Độ sang các nước lân bang mà truyền giáo; có Trưởng lão lập ra những bộ phái mới, phù hợp với dân trí hiện tại, có Trưởng lão giữ gìn tính chất nguyên thủy của giáo pháp Đức Phật...nguyên nhân này mà chúng con hậu tấn thật khó hiểu biết, hoặc khó hiểu về tính cách tu hành của chư Trưởng lão, các Ngài có sai sót không, các Ngài tích cực hay tiêu cực, tự lợi lợi tha ra sao, pháp

nào đúng pháp nào không đúng, đại thừa hay tiểu thừa? Tại sao phải phân ra đại thừa tiểu thừa. Xin Sư từ bi chỉ giáo?

Đáp: - Chư Trưởng lão vào rừng sâu tu hành là vì muốn giữ giáo pháp tịnh hạnh, phạm hạnh của Đức Phật.

* Chư Trưởng lão truyền bá giáo pháp Đức Phật là do theo lời huyền ký của Ngài, thì giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni trụ thế 16.800 năm (Phật học tinh yếu của Thích Thiên Tâm)

* Chư Trưởng lão truyền bá giáo pháp Đức Phật ra ngoài biên thùy Ấn Độ, là nhiệm vụ của sứ giả Như Lai.

* Chư Trưởng lão lập ra bộ phái mới là vì dân trí tiến bộ.

* Chư Trưởng lão giữ gìn giáo pháp đức Phật như xưa, là vì muốn cho giới pháp Phật tồn tại ở đời...

Nhìn chung thì giáo pháp đức Phật là chơn lý tất yếu luôn phù hợp trong mọi tình huống của thời đại, chúng ta là hậu sinh không nên có ý tưởng phê phán đúng hay sai. Sau khi Phật nhập diệt, thật sự có nhiều bộ phái được phát sinh và tự chia tách khỏi tăng đoàn để độ sanh; mỗi bộ phái đều có chủ trương riêng của mình và bảo thủ theo ý kiến biệt truyền của mình để truyền giáo, chung quy đều là diễn dương vi diệu pháp của Đức Phật.

Tuy nhiên theo Phật tử muốn biết đúng chủ trương của Đạo Phật, lời dạy của Phật khi sinh tiền, ý tứ của Đức Phật giáo hóa chư đệ tử khi Ngài sinh tiền, hoặc cả mấy ngàn năm sau sẽ ra sao? Sư sẽ vì các Phật tử mà không nói riêng từng bộ phái, mà sẽ minh lý chủ trương chung về đại thừa, tiểu thừa giáo đại biểu của các bộ phái trong Đạo Phật.

Theo nhà Phật, thì tất cả chúng sanh đều có đủ Phật tánh, nghĩa là có đủ khả năng giác ngộ, khả năng đào tạo cho mình và người khác một nhân cách siêu việt. Khả năng giác ngộ ấy có sẵn trong tất cả mọi loài và nhân cách siêu việt ấy vẫn căn cứ nơi nhân sinh mà thực hiện, đi đến quả vị giác ngộ hoàn toàn, đó là mục đích cứu cánh của nhân sinh, trong luân lý gọi là chí thiện. Đi đến chỗ chí thiện, đó là lẽ sống của con người.

Những thuyết minh về mục đích cứu cánh của phái Đại Thừa và Tiểu Thừa có khác nhau. Tiểu thừa giáo để thành lập thuyết cứu cánh, đã đứng trên phương diện tiêu cực, trong khi Đại thừa giáo hoàn toàn đứng về phương diện tích cực.

Mới nghiên cứu ta thấy hình như có sự tương phản và cũng do đó mà có người cho rằng Phật giáo chủ trương yếm thế. Thực ra, không có sự tương phản. Tiêu cực khác với tích cực. Nhưng tiêu cực mà đến cùng cực thì lại là tích cực cũng như bi quan mà đến cùng cực thì lại là lạc quan.

Đạo Phật chủ trương “Giá tình biểu đức” nghĩa là ngăn ngừa vọng tình mà phát triển tánh đức. Tích cực tức là ngăn ngừa vọng tình, mà tích cực là phát triển tánh đức vậy. Do tiêu cực mới biết dục vọng là khó đi đến chỗ giải thoát dục vọng, ấy là ngăn ngừa vọng tình. Do giải quyết đi đến chỗ hóa độ và làm lợi ích cho xã

hội, nhân sinh, ấy là phát triển tánh đức. Nghĩa lý đại thừa và tiểu thừa được dung hòa ở điểm này.

Đứng trên phương diện tiểu thừa, ta phải công nhận Phật giáo có thể gần như một chủ nghĩa yếm thế. Thực vậy, tiểu thừa giáo chủ trương yếm thế, phải nói thẳng như thế để khỏi bị người ta cho là nói thêm, nói bớt. Nhưng điều cần thiết là phải tìm hiểu cho rõ ràng tính cách yếm thế đó.

Vật chất là những gì phải tan rã biến hoại, lục dục chỉ gây nên đau khổ, vạn hữu luôn luôn biến dịch. Tìm trong cảnh đời những sung sướng giả tạm, những đau khổ trá hình, đó là do trí óc vô minh, cố chấp. Kinh Pháp Hoa có dạy: “Ba cõi giống như nhà lửa, bao nhiêu là khổ não thật đáng sợ hãi, các kinh điển tiểu thừa lại đề cập đến chuyện khổ nhiều hơn. Dù con người tu nhơn tích đức được quả báo sanh lên các cõi trời nhưng cũng chưa được giải thoát vì vẫn còn ở trong vòng đau khổ.

Nhưng làm sao diệt khổ đặng được an vui? Chỉ có một cách là nhập vào Niết bàn tịch diệt, đó là đại khái của tinh thần bi quan tiêu cực của Phật giáo tiểu thừa. Nghe như thế mà ai chẳng bảo là Phật giáo chủ trương xa lánh cuộc đời thực tại, vì muốn hết khổ phải nhập Niết bàn. Niết bàn của tiểu thừa giáo có nghĩa là trạng thái diệt độ, không còn cái gì nữa. Kinh pháp cú có câu: “Vì ham vui mà lo, vì ham vui mà sợ, không ham vui thì còn gì mà lo, còn gì mà sợ? Vì tham dục mà sợ, không tham dục thì còn gì mà lo, còn gì mà sợ? Chỉ có Niết bàn là nơi giải thoát, nhập Niết bàn là đi đến chỗ cứu cánh”.

Người theo chủ nghĩa tư lợi vì không có năng lực lợi tha. Quan niệm về khổ và Niết bàn của Đại thừa. Nhàm chán dục vọng không phải là chán đời. Chỉ có dục vọng mới đáng chán vì chúng gây ra đau khổ muôn loài. Đời không đáng chán, đời đáng yêu chuộng, thế nhân đáng thương xót. Không nhàm chán dục vọng, cứ mãi quay cuồng trong hạnh phúc giả ảo thì làm thế nào tự gỡ ra khỏi đau khổ để tiến đến chỗ an lạc của chính riêng mình chớ đừng nói chi đến sự xây dựng hạnh phúc cho muôn loài? Niết bàn không phải là chỗ an nghỉ vĩnh viễn, đó mới chỉ là trạng thái giải thoát cá nhân, sự giải thoát ấy chưa hoàn toàn, cần phải tiếp tục tiến thêm lên.

Con người vì đã trải qua những đau khổ, dục lạc và tham vọng gây ra. Nên đem tâm nhàm chán đời sống dục lạc. Con người lúc ấy nhìn chúng sanh lăn lộn trong tham dục bằng cặp mắt bi quan, thương xót. Do bi quan khởi tâm hoài nghi, do hoài nghi nên mới đến chỗ giải thoát. Được giải thoát, con người sẽ thấy sự sanh tử chỉ là những hình thức giả hữu của vũ trụ. Tham cứu đến bản thể vạn vật, thấu rõ chân lý của vạn hữu, con người sẽ không thấy có sanh tử, có biến đi, và biết rằng tất cả đều là thường trụ. Thấu được chân lý ấy thì phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn, thiện ác không phải là hai tà và chánh đều là một, chân lý hiển hiện ngay ở sự thật, đạo thấy rõ ở muôn ngàn hiện tượng minh tức là vô minh, vô minh tức là minh, đây mới thật là cảnh giới chân thực viên minh.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tánh của tất cả pháp, tướng của tất cả pháp, có Phật hay không có Phật, tất cả đều là thường trú...”

Kinh Viên Giác dạy: “Tất cả các phiền não chướng ngại đều là tri giác cứu cánh.

Kinh Pháp Hoa dạy: Hai môn chân như Sinh và Diệt không rời nhau, nếu đứng về chân như thì tuy thanh tịnh bất biến mà vẫn tùy duyên hữu biến còn đứng về sinh diệt thì tùy duyên sai biệt mà vẫn như bất biến”.

Tinh thần nhập thế có tính cách triệt để xã hội ấy, tinh thần tích cực hoàn toàn ấy, thật khác xa với tinh thần bi quan tiêu cực vậy.

Tóm lại, cứu cánh tích cực của Phật giáo là tự giác rồi giác tha cũng như hoa sen sanh trong bùn, nở trên bùn mà vẫn không dính bùn. Cảnh giới giác ngộ không rời cảnh giới đau khổ và những phiền não thực tại, vọng tưởng điên đảo. Khi đã được giác ngộ trí tuệ ấy thì có thể khéo biết tâm tưởng của chúng sanh và tùy theo căn cơ của mọi người mà giáo hóa cho được giác ngộ, đó là từ diệu dụng tự giác đi đến diệu dụng giác tha vậy.

Từ những ý nghĩa thật thông thoáng trên, chúng ta có thể nhận định: ”dù là tu theo giáo lý tiểu thừa hay đại thừa cũng là giáo pháp của Phật, nếu là giáo pháp của Phật sẽ đưa chúng ta đến cứu cánh giải thoát.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN XVI. ĐẠO PHẬT VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM

Ngày Thứ Bảy Mười Ba: Tính cách của Đạo Phật

Vấn: Xin Sư khai thị cho chúng con về tính cách của Đạo Phật?

Đáp: Tư tưởng Phật giáo như là một hệ thống không gian vô tận phong phú, đa dạng, thấm nhuần trong cốt tủy chúng sinh nơi đó có người, một khi có sự tiếp nhận đúng đắn về giáo pháp Đức Phật, thì chính đạo Phật là trái tim, là sự sống theo lý tưởng “bất sanh bất diệt” xuất hiện trong thế giới loài người.

Đứng trên phương diện không gian thì đạo Phật vốn có từ vô thủy, trải hằng sa vô lượng kiếp qua các tiền thân Phật, Bồ Tát, nhân thân của Chư Phật, Chư vị Bồ tát, Chư vị Thánh Tăng kế tục giáo hóa.

Kể từ khi con người tiến bộ, sáng chế những thể thức mới, đáp ứng nhu cầu cho cuộc sống theo thứ lớp, luôn luôn có sự hoài vọng về quá khứ, truy tìm những cái hay cái đẹp của người xưa, rút kinh nghiệm để làm chỉ nam cho người sau, điều tất yếu phải có một hệ thống kết toán bằng thời gian, niên biểu của sự việc, để sắp xếp sự thành tựu cho từng thời đại.

Cũng như thế sự xuất hiện của Phật giáo trên thế gian, tuy mang tư tưởng giải thoát Niết bàn, nhưng không tách rời xã hội và con người, mang lại niềm tin yêu cho thế giới và nhân loại, cho pháp giới và chúng sanh, đó chính là yếu chỉ giải thoát thật sự, mà toàn bộ những người đệ tử Phật đã và đang kế thừa di sản, mà toàn bộ những người đệ tử Phật đã và đang kế thừa di sản vô giá... kết tinh thành một hệ thống lịch sử vô vàn bất tận.

Chúng ta có thể nói, tính cách nhân bản thực tiễn của đạo Phật đã thể hiện rõ nét nhất trong kinh điển Đại thừa “Chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật”, nếu chưa thấy tánh tức chưa thành Phật, nghĩa là chưa thức tỉnh toàn triệt, thì vĩnh viễn làm kẻ lạc loài giữa muôn trùng ảo ảnh vô minh, lúc ấy mọi hạnh phúc lạc thú đều trở thành suối nguồn đau khổ. Từ con người bằng xương bằng thịt. Biết tâm niệm mình như thật, không bị ngoại cảnh lôi cuốn chi phối, là giác ngộ hiện tiền. Trong khoảng khắc niệm Cực Lạc Tây phương xa xăm được kết thành ngay nơi tự tánh thanh tịnh, là thực hiện trọn vẹn nơi mỗi con người một cuộc sống dồi dào vật chất và phong phú về tinh thần bình đẳng tinh khôi. Nói cách khác, chỉ với con người muôn vàn hệ lụy, nếu biết làm hiển lộ hạt nhân năng động từ bi và trí huệ, lẫm liệt chuyển hóa những thăng trầm trở thành chân thiện mỹ, ngõ hầu xây dựng cõi Niết Bàn siêu việt giữa trần gian.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bảy Mười Bốn: Người Việt Nam và Đạo lý nhà Phật

Vấn: - Xin Sư giảng giải về nguồn gốc người Việt Nam có liên quan đến Đạo Phật?

Đáp: - Người Việt Nam, người Việt ở phương Nam là một dân tộc thông minh, lanh lợi, hiếu hòa, mến khách, đạo đức; nhất là đạo đức đạo Phật. Sư sẽ giảng về nguồn gốc người Việt và đạo lý nhà Phật.

Nước Việt Nam về đời Hồng Bàng (2897-258 Tr công nguyên) gọi là nước Văn Lang.

Đến đời Thục Phán An Dương Vương (257-207 Tr công nguyên) gọi là Âu Lạc

Từ triều đại nhà Tần bên Trung Hoa, (246-206 Tr công nguyên) nước ta chỉ được gọi là Tượng Quận.

Sau nhà Hán (202 Tr công nguyên – 220 sau công nguyên) có 3 Châu, gọi là Giao Chỉ hay Giao Châu, Châu Cửu Chân và Châu Nhật Nam.

Đến đời nhà Đông Hán 3 Châu trên thống nhất lại gọi là Giao Châu.

Đời nhà Đường (618-907) gọi là An Nam đô hộ phủ

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, xưng đế lên ngôi lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đóng đô ở Hoa Lư (Tràng An, Ninh Bình ngày nay). Đất nước lúc bấy giờ hùng mạnh, được tự chủ, nhà Vua đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt (968-980).

Đến đời nhà Lý, vua Lý Thánh Tông, đặt tên nước là Đại Việt, một nước Việt lớn mạnh, độc lập tự chủ chớ không phải nước Việt Thường ở biên cương của Trung Hoa

Đến đời vua Gia Long, sau khi thống nhất sơn hà, đặt quốc hiệu là Việt Nam. người dân Việt hùng mạnh độc lập tự chủ ở phương Nam.

Ở vào thời đại Hồ Chí Minh, đất nước văn minh tiến bộ, nhưng luôn luôn phải chống giặc ngoại xâm Pháp, Nhứt rồi Mỹ cho đến ngày 30.04.1975 mang lại hòa bình, thống nhất đất nước. Đây là lần thống nhất trọn vẹn lãnh thổ, cương giới lục địa, bờ biển, biển khơi rõ ràng, đặt tên nước là Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Theo các nhà nhân chủng học người Pháp, khi đến Việt Nam nghiên cứu từng giống dân trên địa cầu thì người Việt Nam và người Thái là những di dân tìm cuộc sống xuất xứ từ cao nguyên Tây Tạng. Người Việt Nam thì men theo dòng bằng sông Hồng Hà ra biển khơi, xuống phía Đông Nam, lập ra đất nước Việt Nam. còn người Thái thì đi sâu vào đại lục lập ra các nước Siam, Campuchia, Laos, Phù Nam...

Người Việt Nam xưa có 2 ngón chân cái giao lại với nhau, cho nên những cư dân ở phương Bắc gọi cư dân ở phương Nam (nước ta) là người Giao chỉ (người có hai bàn chân bẹt ra và hai ngón chân cái giao chập vào nhau).

Từ nay chúng ta biết được người Việt Nam không phải là giống dân Tam Miêu theo quan niệm người Tàu. Như sách Việt Nam sử yếu của Trần Trọng Kim đã dẫn, người Việt Nam là giống người có nguồn gốc đạo đức thiêng liêng cổ kính và huyền bí, tức là có đạo đức thoát trần, thông minh siêu phàm, ham thích thoát ly thế gian vững vàng từ trên nóc nhà thế giới (dòng giống Tibet).

Năm 1960, Đức Tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, cứ mỗi lần giảng đạo, thì thường cân nhắc về dòng giống Lạc Hồng, dòng giống Tiên Rồng, giống nòi Bàn Cổ. Thật vậy, chúng tôi được tận mắt nhìn Ông Năm Gò Thâm, tức cụ Trưởng lão Thích Từ Quang, Ông Tư Hùng Dũng, một ít vị ở Tân Trụ, Long An, người Phật Giáo Tứ Ân và một số vị nữa tu tại đỉnh thiêng Non Bồng có hai ngón chân cái “bẹt công vào” và giao nhau. Khi bước đi lúc nào cũng gần như đụng vào nhau, đi rất vững vàng, xem như là họ có võ nghệ cao cường lắm, mà thật ra thì họ không có võ nghệ chi cả.

Đức Tôn sư thường gọi những người này là thuộc dòng giống Lạc Hồng còn sót lại (như chim Lạc luôn bay xa về phương Nam tìm môi sinh, và định cư tại đồng bằng sông Hồng, tức là người xưa của Việt Nam ta là như vậy). Dòng giống con Rồng con Tiên, Tiên thì lên núi, Rồng thì xuống biển là thủy tổ của người Việt

Nam và đó là điểm đặc thù của Việt Nam, có một không hai trên hành tinh trái đất.

Từ đó mà chúng ta biết người Việt Nam không phải là dòng dõi xuất phát từ Trung Hoa, cái gen của Người Việt Nam, đã muôn đời không phải bị đồng hóa bởi người Trung Hoa, dù đã nhiều lần bị các dân tộc lớn của Trung Hoa, như Hán, Mông Cổ, Mãn Thanh đô hộ suốt 1000 năm lịch sử, mà cái gen của người Việt Nam là gen truyền thống Phật giáo, gen của vấn đề tâm linh, thật phù hợp với đạo tự giác tự ngộ của Đức Phật Thích Ca.

Người Việt Nam luôn có đạo đức riêng của người Việt Nam, chỉ trừ sự tiếp cận tiếp thu nền văn minh của đại lục Hoa Ấn thì lúc bấy giờ có tiếp thu nền đạo đức của Tây trước hay Thiên trước, tức là Đạo Phật. Do đó mà các sư gia Phật giáo như: ngài Mật Thể, Mãn Giác, Nguyễn Lang, Vân Thanh, Duy Lực đều nói “Phật giáo du nhập Việt Nam tại Trung Tâm Luy Lâu vừa là kinh đô tự chủ, vừa là kinh đô Phật giáo. Phật giáo từ Tây trước mà trực tuyến truyền sang Luy Lâu, chớ không phải truyền sang Trung Hoa rồi mới đến Việt Nam là vậy...”

Việc của ngài Ma Ha Kỳ Vực, Khuru Đà La đưa Đạo Phật vào Việt Nam chỉ là thời gian sau công nguyên (năm 188). Sách Tôn giáo và Lịch sử văn minh nhân loại (trang 12) nhận định thật phóng khoáng “Đạo Phật du nhập Việt Nam năm 240 trước công nguyên, hoặc có thể Đạo Phật du nhập Việt Nam vào đời vua Hùng Vương thứ 3 (trước công nguyên 2879-258). Câu chuyện Đồng Tử, Tiên Dung con gái thứ 3 của vua Hùng gặp Nhà Sư và biết đến việc quy y Đạo Phật, đã làm cho chúng ta suy niệm đến sự có mặt của Phật Giáo thời bấy giờ là tiền đề Phật giáo đồng hành cùng dân tộc Việt Nam thời tiền sử.

Sách “Tôn giáo và văn minh nhân loại” có nhắc đến việc các nhà truyền giáo Phật giáo, các vị được sự tín ngưỡng của những nhà làm thương buôn, cóc vị hộ trì, độ hộ cho họ được tai qua nạn khỏi theo tâm nguyện, để được:

Bằng đồng giao lưu mua bán từ đông bán cầu sang Tây trước và xa hơn nữa, mua bán tơ lụa, hàng hóa nhu yếu, sự giao lưu mua bán rất phồn thịnh. Một con đường khác nữa là đường Hồ Tiêu (đường biển, ngày xưa thương buôn tải hồ tiêu bằng đường biển). Biển sâu, sóng to, mưa bão, mà đường thì xa xôi nguy hiểm, nên các vị thường xuyên thỉnh Sư đi theo tổ chức lễ cầu nguyện đi đường xa tai qua nạn khỏi, mua mai bán đác, không gặp trộm cướp...nay là phương tiện hành đạo của các Sư ở Tây Trước truyền giáo về phương Đông, rồi Đông Nam, trên đồng bằng sông Hồng của Việt Nam.

Cho thấy ngay từ đầu về tình cảm tín ngưỡng của con người Việt Nam đến với Phật giáo luôn đầy thiện cảm, sự giao lưu của người Phật giáo đến với mọi người là điềm lành, điều thánh thiện, họ biết nghe lời các Sư lánh xa đường ác, không tưởng ác, không nghi ác, không làm điều ác, giúp cho mọi người sở cầu như ý nguyện, chính là tiền đề tạo nên một môi trường an lạc an sinh, tạo cho mọi người được an cư lạc nghiệp.

Sự giao lưu của Phật giáo, giáo lý Phật giáo, con người Phật giáo trải suốt trên hai nghìn năm mà bản sắc thoát tục, siêu thoát những khổ đau phiền não, siêu phóng niết bàn, Cực lạc Tây phương không hề thay đổi.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bảy Mười Lăm: Khởi nguồn Phật giáo Việt Nam

Vấn: - Xin Sư giảng tiếp tục về khởi nguyên của Phật giáo Việt Nam, Phật giáo đến với người Việt Nam, sự tín ngưỡng của người Việt Nam với Phật giáo?

Đáp: - Vâng, sự truyền giáo của Phật giáo Việt Nam thật phong phú và đa dạng trong nhiều tư cách hành đạo; cho đến hôm nay các Nhà làm công tác Phật Học, các nhà nghiên cứu sử học Phật Giáo Việt Nam chưa tìm ra đâu là lý lẽ thật sự chính xác về khởi nguyên tổ chức Tăng đoàn Phật giáo Việt Nam.

Phật Giáo Việt Nam là một thực thể được du nhập từ đất nước Ấn Độ vĩ đại và huyền bí linh thiêng. Chư Tăng sống trong các Tu Viện, cũng như trì bình khất thực, du tăng hành đạo từ ngàn xưa cho đến hôm nay đều có một ý thức độc lập, tiêu cực với đời sống tổ chức theo nguyên tắc, đi ngược lại với tổ chức tín điều xơ cứng của từng thế hệ, hơn là chịu khó sống trong sự quản lý của Tăng Đoàn.

Nhìn lại một số ít bản văn thuộc sử liệu Phật Giáo, về cách thức truyền Đạo của Tổ tông tiền bối ta vào năm 240 (trước Tây lịch), tức là khoảng trên 2 thế kỷ trước của các Ngài Mahola, Khuru Đà La, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Chi Câu La Sám... đến Huệ Thắng Đại sư... Các Ngài có bao giờ truyền giáo bằng tổ chức giáo đoàn đâu? Một vài suy niệm như sau, ta có thể thấy là đúng:

* Kinh tế Văn hóa Xã hội lạc hậu

* Con người nghèo nàn, đời sống buổi sơ khai thật nghèo nàn, chỉ cần lo cái ăn chưa đủ no, cái mặc chưa đủ ấm, là đã hết ngày giờ!

* Sự truyền giáo bằng cách đi theo con đường làm ăn mua bán của các vị khách trú. Chư Tổ sư được các nhà thương buôn thỉnh mời đi theo bằng con đường biển hay, băng qua sa mạc từ đông sang tây hay ngược lại. Nhằm để đọc kinh cầu nguyện Phật Trời gia hộ cho việc mua bán của họ được suông sẻ, tai qua nạn khỏi, được làm giàu. Nhân đó mà có cơ sở truyền đạo; thì làm gì có việc rảnh rang mà truyền bá sự nghiệp đạo pháp một cách rộng rãi. Cho nên nguyên tắc tổ chức rất là hiếm, gần như không có.

Thử ghi lại một vài địa điểm chứng nhân lịch sử buổi sơ nguyên của Phật giáo Việt Nam:

Theo Giáo sư Ngô Đăng lợi, người cư trú Hải Phòng viết:

* ...những dấu ấn của thành Nê Lê là chứng tích vào buổi hồng quang có Nhà sư hiệu là Mahola con Vua A Dục đưa Đạo Phật vào Việt Nam vào khoảng năm 240 (trước tây lịch) bằng đường biển, lúc bấy giờ còn là Kinh đô Luy Lâu. Hiện nay Bảo Tháp Ngài Mahola vẫn còn tại Đồ Sơn (Bắc Ninh).

Tuy nhiên, theo sách Thuyền Uyên Tập Anh ghi nhận cuộc đàm thoại giữa thiền sư Thông Biện và Bà ỷ Lan Thái Phi (Phù thánh Linh Nhân), thời nhà Đinh. Bà hỏi về nguồn gốc Phật giáo Việt Nam nhân một buổi hội nghị tại chùa Khai Quốc (trần Quốc), như sau: “Luy Lâu có 20 ngôi chùa, 40 Tăng Sĩ, dịch 15 quyển Kinh. Vào lúc ấy có Nhà sư Khuru Đà La, Ma Ha Kỳ Vực (188), Mâu Tử (165-170), Nhà sư Khương Tăng Hội (200-247).

Đạo Phật cũng được truyền bá vào Việt Nam bằng một ngã khác, lịch sử Phật Giáo gọi là “đường băng đồng, đường đồng cỏ” tức đi ngang qua các sa mạc, ốc đảo rộng mênh mông từ Đông Bắc Á đến các nước vùng Trung Á – con đường buôn bán tơ lụa, vàng bạc, trầm hương, quế, tiêu, ngà voi... từ Lạc Dương đến Trung Á, Âu Châu – từ Tây Tạng, thượng nguồn sông Mê Kông đến Sông Hồng, Sông Đà (miền Bắc Việt Nam) – từ Ấn Độ sang đất nước Lào vượt Trường Sơn đến Thanh Hóa, Nghệ An...

Trên đây chỉ là một chứng tích truyền đạo của các Nhà sư được các nhà thương buôn thỉnh mời đi theo cầu nguyện cho họ được “mua may bán đắt, tai qua nạn khỏi”. Nhưng cũng là cơ hội để Sư đem truyền bá tư tưởng giáo lý Đạo Phật vào Việt Nam.

1/ Đời sống tăng đoàn PGVN ở thời kỳ đầu:

Vào đầu thế kỷ thứ hai, có các Nhà sư như: Khuru Đà La, Ma Ha Kỳ, Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, theo sử liệu thì các Ngài từ các Vương quốc nằm ven biên thùy thuộc Đông Bắc Ấn Độ, đem Đạo Phật đến với Việt Nam vào được Kinh Đô Luy Lâu. Thời bấy giờ trải trên một vùng bình nguyên rộng lớn từ vùng đất phương Bắc đến phương Nam, chiếm gần hết Châu Á, mà chỉ có Trung Tâm Luy Lâu của Việt Nam là có Phật Pháp, có tổ chức Tăng đoàn sớm nhất; còn lại là Kinh đô Lạc Dương và Bành Thành, thuộc đất đai nhà Hán thì chưa có ai mang Đạo Phật đến với họ (Trung Quốc).

Trong các Nhà sư kể trên, thì Nhà sư Khang Tăng Hội có gốc tích tuy cha mẹ người nước Khương Cư, nhưng gần như là sinh trưởng tại Việt Nam và cha mẹ mất lúc Ông 10 tuổi, Ông đi tu xuất gia tại Giao Châu, Ngài rất thông minh trí tuệ tuyệt vời, có viết lời tựa trong quyển An Ban Thủ Ý, như sau: “Tôi sinh ra như dấu tích cuối cùng, vừa mới đủ sức vác củi thì mẹ cha đều mất, bậc tam sư cũng viên tịch, nhìn lên mây trời buồn thấy mình thiếu người chỉ dạy...”.

Nhà sư Khang Tăng Hội, lúc đi tu thọ giới theo phép “Thập Nhân Thọ”, có đầy đủ tam sư, thất chứng. Cho thấy ở vào buổi bình minh của Phật Giáo Việt Nam đã có tổ chức Tăng Đoàn nghiêm túc đến bậc nào

Trong sách Lý Hoặc Luận của Mâu Bác viết về những tệ trạng của Tăng sĩ Giao Châu vào hạ bán thế kỷ thứ hai: “Sa Môn ngày nay có kẻ lại thích uống rượu ngon, có khi có vợ con, biết cất giữ tiền bạc, của quý, lại chuyên môn lừa dối...”. Như vậy ta biết rằng tổ chức Tăng đoàn Giao Châu thời đó đã khá đông đảo, vì chỉ có khi nào quá đông đảo mới có tệ nạn phức tạp xảy ra (Việt Nam Phật Giáo Sử Luận – Nguyễn Lang, trang 27)

Chư Tăng sống trong Tăng Đoàn của Đạo Phật dù sống bất cứ nơi đâu, hành đạo ở cương vị nào cũng dựa vào giới luật của Đức Phật quy định mà tổ chức, sắp xếp thành các điều khoản quy chế, nội quy, hiến chế, hiến chương, những quy ước về hành chánh giấy tờ, quy định chức việc Tăng Cang, Tăng Lục, Tăng Thống. Những hành trạng trên cho chúng ta thấy Phật Giáo Việt Nam ở thời kỳ đầu cũng đã có tổ chức Tăng Đoàn và thật nghiêm minh, tu học hành đạo thống nhất cùng một chiều hướng theo giới luật Phật, lấy giới luật Phật làm cương lĩnh tổ chức Tăng Đoàn.

Cho đến ngày nay, các hệ phái môn phong vẫn còn áp dụng triệt để giới luật Phật để làm quy tắc nếp sống tông lâm, để thống lý đại chúng, quản chúng sống trong tổ chức Nhà Phật.

2/ Thống nhất tổ chức tăng đoàn:

Theo sách Thuyền Uyển Tập Anh, thì vào thế kỷ thứ 6 Thiên Sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi, nghe lời Tam tổ Tăng Xán xuống phương Nam hành đạo và do đó đã dịch các kinh Tượng Đầu và Nghiệp Báo Sai Biệt tại Chùa Chế Chỉ ở Quảng Châu và sau khi tới chùa Pháp Vân ở làng Cổ Châu, Long biên, mới bắt đầu dịch kinh Tổng Trì.

Thiên Sư đến chùa Pháp Vân vào tháng 3 năm Canh Tý (580) và ở lại đây giáo hóa đồ chúng cho đến năm Giáp Dần (594) thì viên tịch. Thời gian Thiên Sư hóa đạo tại Việt Nam là 14 năm.

Sự truyền thừa học phái thiên Tỳ Ni Đa Lưu Chi cũng chính là tổ chức Phật Giáo thời bấy giờ của Phật Giáo Việt Nam.

19 thế hệ của thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi:

01/ Thiên sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi (tịch 594)

02/ Thiên sư Pháp Hiền (tịch năm 626)

03/ Thiên sư Huệ Nghiêm

04/ Thiên sư Thanh Biện (tịch năm 686)

05/ Thất truyền

06/ Thất truyền

07/ Thiên sư Long Tuyên, chùa Nam Dương

08/ Thiên sư Định Không (tịch năm 808)

09/ Thiên sư Thông Biện.

10/ Thiên sư La quý An (tịch năm 936) – Pháp thuận (tịch năm 991) – Mahamaya (tịch năm 1029) và thiên sư Vô Ngại.

11/ Thiền sư Thiên Ông (tịch năm 979) – Thiền sư Sùng Phạm (tịch năm 1087)
12/ Thiền sư Vạn Hạnh (tịch năm 1018) – Thiền sư Định Tuệ – Thiền sư Đạo Hạnh (tịch năm 1112) – Thiền sư Trì Bát (tịch năm 1117) – Thiền sư Thuần Chân (tịch năm 1101).

13/ Thiền sư Huệ Sinh (tịch năm 1063) – Thiền sư Thiên Nham (tịch năm 1163) – Thiền sư Minh không (tịch năm 1141) – Thiền sư Bản Tịch (tịch năm 1140)

14/ Thiền sư Khánh Hỷ (tịch năm 1142)

15/ Thiền sư Giới Không – Thiền sư Pháp Dung (tịch năm 1174)

16/ Thiền sư Trí – thiền sư Chân Không (tịch năm 1100) – Thiền sư Đạo Lâm (tịch năm 1203)

17/ Thiền sư Diệu Nhân (tịch năm 1113) – Thiền sư Viên Học (tịch năm 1136) – Thiền sư Tĩnh thiền (tịch năm 1193).

18/ Thiền sư Viên Thông (tịch năm 1151) – Thiền sư Định Hương

19/ Thiền sư Y Sơn (tịch năm 1213) ngoài ra còn có những Thiền phái khác như:

Thiền phái Vô Ngôn Thông, chùa Kiến Sơ (Hà Bắc) vào năm 780, truyền thừa 17 thế hệ.

Thiền phái Thảo Đường, chùa Khai Quốc – Thăng Long (năm 1069), truyền được 6 thế hệ.

Qua sự truyền thừa trên, cho chúng ta thấy tổ chức Tăng đoàn của chư vị Thiền sư, là một thực thể lãnh đạo PGVN chúng ta thời xa xưa rất có nguyên tắc và chặt chẽ. Học phái thiền Tổ sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi cũng chính là tổ chức Tăng đoàn, được thống nhất công việc tu học hành đạo trong tổ chức Tăng đoàn vào thế kỷ thứ VI (562-594).

Vào đầu thế kỷ thứ 13, các thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường được thống nhất thành một tổ chức trong thiền phái Trúc Lâm, núi Yên Tử (1299). Do ảnh hưởng của Thiền sư Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng Sĩ, nên vào thời đại này có thể gọi là thời kỳ Phật Giáo được thống nhất trong một tổ chức, được thừa kế như sau:

01/ Thiền sư Hiện Quang

02/ Thiền sư Đạo Viên – Trần Thái Tông

03/ Thiền sư Đại Đăng – Trần Thánh Tông

04/ Thiền sư Tiêu Diêu – Tuệ Trung Thượng Sĩ – Trúc Lâm (Nhân Tông)

05/ Thiền sư Huệ Tuệ

06/ Thiền sư Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, 1258-1368) – Bảo Phác

07/ Thiền sư Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, 1258-1368) – Thiền sư Bảo Phác - Thiền sư Pháp Loa

08/ Thiền sư Huyền Quang

09/ Thiền sư An Tâm

10/ Thiền sư Tĩnh Lự Phù Vân

11/ Thiền sư Vô trước

- 12/ Thiền sư Quốc Nhất
- 13/ Thiền sư Viên Minh
- 14/ Thiền sư Đạo Ngộ
- 15/ Thiền sư Viên Tuệ
- 16/ Thiền sư Tông Trì
- 17/ Thiền sư Khuê Tham
- 18/ Thiền sư Sơn Đăng
- 19/ Thiền sư Hương Sơn
- 20/ Thiền sư Trí Dung
- 21/ Thiền sư Tuệ Quang
- 22/ Thiền sư Chân Trú
- 23/ Thiền sư Vô Phiền

Theo sách Thuyền Uyển Tập Anh, Thiền sư Hiện Quang khai sơn núi Yên Tử mở đầu cho Phật giáo Trúc Lâm (tịch năm 1220), mở đường cho nền Phật giáo thống nhất đời Trần.

Thiền sư Thường Chiếu có thể được gọi là người khởi đầu cho sự tổng hợp giữa ba thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường cũng là gạch nối giữa Phật Giáo đời Lý và Phật Giáo đời Trần thống nhất thành một tổ chức tu hành.

Công cuộc truyền thừa trong giới thiền gia, lúc bấy giờ được xem như là một tổ chức có quy củ. Danh từ truyền tâm ấn, hay tâm ấn tâm có nghĩa là cung cách làm việc với một đối tượng, cũng chính là sự trao truyền trực tiếp từ Thầy sang Trò.

Sự trao truyền bằng sự giác ngộ được thực hiện bằng tâm, được thực hiện giữa tâm với tâm, không cần đi qua bất cứ một không gian nào, đó gọi là tâm ấn.

Ấn còn có nghĩa là quyết định hay là khuôn dấu tượng trưng cho sự chân truyền và chính thống. (theo dẫn giải trong Quyển Việt Nam Phật Giáo Sử Luận – Nguyễn Lang)

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoằng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Mười Sáu: Thời điểm cực thịnh của Phật giáo

Vấn: Khi còn học ở nhà trường Phổ thông, chúng con được nghe Thầy giáo giảng về một thời Phật giáo cực thịnh của các triều đại nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần trên cả 600 năm. Tuy nhiên lúc bấy giờ chỉ được học những nét đại cương trong sử học Việt Nam. Nay trở thành những Phật tử thuần thành, chúng

con muốn được nghe Sư giảng giải tỉ mỉ chi tiết về một thời cực thịnh của Phật giáo Việt Nam?

Đáp: Phật giáo Việt Nam là đạo của dân tộc Việt Nam, trên thế giới, người Việt Nam vừa sinh ra đời là đã có tín ngưỡng, lớn lên trước nhất là biết tín ngưỡng, tín ngưỡng Thần Thánh, tín ngưỡng Ông Bà, tín ngưỡng Thần Phật, tín ngưỡng Trời Phật, tín ngưỡng đức Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Bồ tát Quan Âm... Ở Việt Nam dù người không có Đạo, hoặc theo Đạo khác, nhưng họ vẫn biết Đạo Phật có nguồn gốc sâu xa ngay từ thời kỳ đầu lập quốc Việt Nam; nên dù không theo đạo Phật, nhưng họ cũng không dám xem thường Đạo Phật, hay tin vào những chuyện xưa tích cũ theo Đạo lý nhà Phật.

Nói đến nhà Phật là mọi người mọi giới liền nghĩ đến hình ảnh hoa sen; trong giáo lý nhà Phật hoa sen là biểu tượng giải thoát của chư Phật, của các bậc Bồ tát. Hoa sen là biểu tượng của nhà Phật, đạo lý nhà Phật, nơi tôn nghiêm, nơi thờ Phật, chùa chiền, Tu viện, Thiền viện... Hoa sen cũng là hình ảnh của nhà Phật tồn tại trải suốt trên 2555 năm nay trên đất nước Ấn Độ, các nước theo Phật giáo Nam truyền, các nước theo Phật giáo Bắc truyền và các cộng đồng cư dân Phật tử trên thế giới.

Tại Việt Nam nói đến Phật giáo là hình dung đến hoa sen, nhìn hoa sen người ta nghĩ ngay đến Phật giáo. Logo Air Việt Nam là hình ảnh “cánh bằng, hạt bay qua ánh trăng” được chuyển đổi thành logo hoa sen, theo lời của vị lãnh đạo Cty Air VN thì đến Việt Nam trước nhất người nước ngoài sẽ được các Cty du lịch hướng dẫn giới thiệu viếng Chùa lạy Phật; viếng Chùa lạy Phật là chương trình chính của người nước ngoài khi du lịch Việt Nam, Việt Nam là Phật giáo, Phật giáo là Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng yêu chuộng hình thái hoa sen, luôn dành những đóa sen cao quý dâng lên Bác Hồ vĩ đại, Bác Hồ Chí Minh đứng trên hoa sen, biểu hiện vị lãnh tụ lớn, một thiên tài, một vĩ nhân trên thế giới, hoa sen là Bác hồ, Bác Hồ là hoa sen. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam biểu hiện cho ý chí cao đẹp của các đoàn thể yêu nước cùng sống chung trong đại gia đình tổ quốc Việt Nam lại có huy hiệu hoa sen nhiều cánh.

Phật giáo Việt Nam có năm thời kỳ phát triển cực thịnh từ chất lẫn lượng: - thời kỳ thứ nhất thuộc triều nhà Đinh - thời kỳ thứ hai thuộc triều đại nhà tiền Lê - thời kỳ thứ ba thuộc triều đại nhà Lý - thời kỳ thứ tư thuộc triều đại nhà Trần - thời kỳ thứ năm thuộc thời đại Hồ Chí Minh.

Quý Phật tử sẽ được nghe giảng về một thời cực thịnh của Phật giáo Việt Nam vào triều đại nhà Lý. Nhưng trước nhất sẽ nói về sáng tổ đại nghiệp nhà Lý, triều đại phong kiến nhà Lý.

Nói đến cuộc đời của Lý Công Uẩn, sáng tổ nhà Lý, tức là chúng ta sẽ nhắc lại về một đế đô xa xưa đã được tạo dựng và vị thế đời đời bền vững với thời gian, ngày nay trở thành thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trái tim của tổ quốc thân yêu hình cong chữ S trải dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Đấy là những nét chấm phá thật hào hùng của cha ông đã dày công bồi đắp cho giang sơn gấm vóc Việt Nam và đi vào lịch sử, mà trong đó có những nét văn hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo, những lịch sử dã sử, chân phương, hiện thực, cụ thể hóa nền văn học Việt, trở thành đề tài nghiên cứu cho nhiều sử gia trong nước và thế giới.

1/ Thân thế:

Vào triều đại nhà Đinh, trong hương Cổ Pháp, làng Dương Lôi (Tiên Sơn, Bắc Ninh) có bà Phạm Thị Ngà, hằng ngày đi làm công quả ở chùa Ứng Thiên. Mỗi ngày, Bà quét dọn chùa, gánh nước tưới cây, giữ vườn. Bà làm việc suốt ngày đến đêm khuya cho quên sự đời cô độc, nghèo khó của mình, mà không bao giờ dám cất lời than van với ai. Bà cũng rất siêng niệm Phật tự an ủi: Được làm công quả cho chùa, cho Phật Pháp là phước đức ba đời ông cha để lại, đây cũng là hạnh lành tu nhân tích đức. Lúc nào cũng gần Phật, khi tuổi già về ở chùa với Phật, lúc trăm tuổi cũng được thấy Phật, Bà nghĩ như thế!

Một đêm mùa hạ tối trời, bà Phạm Thị đun bếp xong, mệt quá, nằm ngủ luôn bên bếp. Thần báo mộng điềm lành chấp nhận ý nguyện của Bà, từ đó đến sau về nhà tự nhiên Bà thụ thai.

Một hôm trời đã tối sẫm, Bà không còm dám đến công quả chùa Ứng Thiên nữa, nên cô bách bộ đến chùa Qui Châu cùng làng xin ở nhờ qua đêm. Được nhà chùa cho phép, bà yên tâm, nghỉ ngơi ở phòng Ni cô. Đêm khuya bà trở dạ, bỗng trời nổi mưa to gió lớn, có ba bà mụ hiện đến ban thuốc thang và đỡ đẻ cho Bà. Bà sinh một cậu con trai khôi ngô tuấn tú, lúc bảy giờ vào ngày 12 tháng 02 năm Giáp Tuất (974) (Nhân vật lịch sử Đinh Lê, của Trương Đình Tường, NXB Văn Hóa Dân Tộc, trang 25 và Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, NXB Tân Việt, 1964, trang 95). Đời sống quá vất vả, sinh con mà không có gì để ăn, phải đi xin từ hạt gạo chén cơm ăn cho đỡ đói qua ngày. Được bảy ngày sau, không còn gì để ăn, bà liền đem con trở lại chùa Cổ Pháp.

Sư Lý Khánh Vân Trụ trì hỏi sự tình, biết đứa trẻ vừa sinh ở chùa Qui Châu, bèn xin đứa trẻ làm con nuôi. Bà Phạm Thị Ngà nghĩ phận mình quá khó khăn, không thể nuôi con, lại gởi được con ở gần Phật, sẽ có ngày trở lại đón con về.

Một thuyết khác nói thân sinh ra Lý Công Uẩn nhà nghèo đi làm ruộng thuê ở chùa Tiên Sơn (An Phong, Bắc Ninh) phải lòng một thiếu nữ và làm nàng có mang. Nhà chùa thấy thế đuổi đi nơi khác. Hai vợ chồng dẫn nhau đến khu rừng bàng, mệt mỏi dừng lại nghỉ, chồng khát nước đến chỗ giếng nước giữa rừng uống, chẳng may sẩy chân chết đuối. Vợ chờ lâu không thấy, nhưng khi đi tìm đến nơi thì đất mới đùn lên thành ngôi mộ táng chồng lâu rồi. Sau đó đến xin ở nhờ vào chùa Ứng Tâm, cho đến ngày nở nhụy khai hoa.

Một đêm khu tam quan chùa bỗng có hào quang sáng choang, thấy người đàn bà hạ sinh một trai, hai bàn tay có bốn chữ “son hà xã tắc”. Sau khi sinh, mẹ

cũng qua đời, nhà chùa đem chú bé vào nuôi cho đến tám tuổi, chín tuổi nhà sư chùa Ứng Tâm đem giao cho Nhà Sư Vạn Hạnh, được Sư đặt tên là Lý Công Uẩn.

2/ Tuổi trẻ ở Chùa:

Sư Lý Khánh Vân nuôi trẻ tận tình và đặt tên là Lý Công Uẩn. Khi Lý Công Uẩn lên 6 tuổi, Lý Khánh Vân đưa đến gửi Sư huynh là Sư Vạn Hạnh, Trụ trì chùa Lục Tổ để làm chú Tiểu học đạo, lúc bấy giờ Sư Vạn Hạnh đương kim Quốc Sư triều vua Lê Đại Hành.

Năm Lý Công Uẩn được 17 tuổi, được Sư Vạn Hạnh (có thuyết nói là cha ruột của Lý Công Uẩn, còn Lý Khánh Vân là chú) quan tâm nuôi dạy giáo lý Phật, nghề văn nghiệp võ kỹ lưỡng trở thành người Phật tử thuần thành, tinh thông Phật Pháp, luôn tỏ rõ là một người thông minh, có khí lượng, tài kiêm văn võ, Sư Vạn Hạnh vào cung Hoa Lư tiến cử với vua Lê Đại Hành, nhờ có học nên được cử làm Tứ Sương Quân (chỉ huy lính coi bốn cửa thành) về sau thăng đến chức Tả Thân Vệ Tướng Quân Điện Tiền Chỉ Huy Sứ (Truyền thuyết Đinh Lê, của Trương Đình Tường, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, trang 196).

Điều cần lưu ý ở đây là từ khi sinh ra, Lý Công Uẩn là người con tinh thần của Phật Giáo được nuôi dưỡng vào đào tạo tại chùa Lục Tổ- Cổ Pháp, một trung tâm Phật giáo nằm giữa hai trung tâm lớn nhất là Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh và Kiến Sơ, Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội). Thời bấy giờ giáo dục và thi cử chưa được triều đình tổ chức, nên nhà chùa không chỉ là trung tâm văn hóa-tôn giáo địa phương mà còn là trung tâm giáo dục, nơi truyền bá kiến thức, học vấn và tầng lớp là tầng lớp trí thức, lực lượng sáng tác văn học của xã hội.

Từ đó chúng ta có thể thấy Lý Công Uẩn hoàn toàn được giáo dục bằng ý thức hệ Phật Giáo để lập lên một triều đại trị quốc chấn dân lâu dài nhất trong các triều đại vua chúa Việt Nam. Phật giáo lại trở thành Quốc giáo và đóng vai trò chính: “Hộ quốc an dân”.

3/ Làm quan nhà Tiền Lê:

Lý Công Uẩn là một nhà Sư chuyên sang nghiệp làm quan nhà Tiền Lê (vào thời Lê Trung Tông tức Hoàng tử Lê Long Việt 1005). Lê Trung Tông làm vua mới 3 ngày bị em là Thái tử Lê Long Đinh giết cướp ngôi. Các quan trong triều sợ bỏ chạy, riêng Lý Công Uẩn ôm xác Lê Long Việt đang đầm đìa máu chảy mà khóc. Lê Long Đinh tức giận toan giết Lý Công Uẩn, có cận thần là Lê Nhân Nghĩa (bạn của Lý Công Uẩn) can gián, Long Đinh nghe theo, sau khen Lý Công Uẩn là người nghĩa trung hiếu đạo. (Nhân vật lịch sử thời Đinh Lê của Trương Đình Tường, NXB Văn Hóa Dân Tộc, trang 26)

Lê Long Đinh, sinh năm 985, làm vua được 5 năm, tức là từ năm 1005 đến 1009, vua có bệnh trĩ nên khi lâm triều chỉ nằm mà nghe đình thần tâu rồi mà phán xét việc nước, nên gọi vua là Lê Ngọa Triều.

Sư Vạn Hạnh và thần dân nhận thấy nhà Tiền Lê tuy có công với nước, nhưng vua Lê Long Đinh, lại quá bạo ngược, độc ác, vô đạo, lại hoang dâm vô độ,

là điềm báo nhà Tiền Lê suy vi, đây là thời cơ có thể đưa Lý Công Uẩn lên ngôi. Lúc này triều thần là Đào Cam Mộc (bạn thân của Lý Công Uẩn) cũng bàn bạc với Sư Vạn Hạnh, khuyên Lý Công Uẩn hãy sẵn sàng thay thế triều đại nhà Tiền Lê.

4/ Lập nên triều đại nhà Lý:

Ngày Tân Hợi, tháng Mười, năm Kỷ Dậu (1009) vua Lê Ngọa Triều băng hà, lúc này Lý Công Uẩn cùng với Hữu Thân Vệ Điện Tiền Chi huy Sứ Nguyễn Độ đem 500 quân lính vào kinh thành Hoa Lư trấn giữ. Có cận thần là Đào Cam Mộc, và Lê Thái Hậu (mẹ của vua Lê Ngọa Triều) khuyên Lý Công Uẩn lên ngôi theo nguyện vọng của thần dân, cùng với sự ủng hộ của bạn bè, sự hộ trì của Phật giáo cụ thể là Quốc Sư Vạn Hạnh, ứng với lời sấm ký: “Nhà Lê sẽ mất, nhà Lý lên thay”.

Ngày Quý Sửu, tháng mười, năm Kỷ Dậu (1009) sau hai ngày Lê Ngọa Triều băng hà, các quan trong triều tung hô tôn Lý Công Uẩn lên ngôi thiên tử, với tôn hiệu:

“Phụng Thiên Chi Lý Ứng Vận Tự Tại Thánh Minh Long Hiệu Duệ Văn Anh Vũ Sùng Nhân Quảng Hiếu Thiên Hạ. Thái Bình Khâm Minh Quang Thạch. Chương Minh Vạn Ban Hiển Ứng Phù Cảm Uy Chân Phiên Man Duệ Muu Thần Trợ Thánh Trị Tắc Thiên Đạo Chính Hoàng Đế”.

Đây là vị Hoàng Đế có danh hiệu dài nhất trong lịch sử Nhà nước phong kiến Việt Nam, lúc bấy giờ Ngài vừa tròn ba mươi lăm tuổi (Nhân vật lịch sử thời Đinh Lê của Trương Đình Tường, NXB Văn Hóa Dân Tộc, trang 27)

5/ Những năm ở ngôi báu:

Lý Công Uẩn lên ngôi lấy niên hiệu là Thuận Thiên, sắc chỉ mời Thiền sư Vạn Hạnh làm Quốc Sư trực tiếp tham gia chính sự giúp ý kiến cho Vua. Vào tháng 7 năm 1010, nhận thấy kinh đô Hoa Lư là một quân thành vững chắc nhưng quá chật hẹp, có ngõ vào mà không lối ra, đất đai ẩm thấp, thường hay lụt lội, núi đá chiếm hết đồng bằng, nhân dân đói khổ, kinh tế không phát triển, nhà vua Lý Thái Tổ quyết định dời đô ra thành Đại La.

Việc dời đô, nhà Vua có tham kiến với Quốc Sư Vạn Hạnh để làm bài Chiếu Dời Đô, một áng văn chương xuất sắc, có tầm nhìn địa hình kinh tế, chính trị, văn hóa, địa hình quân sự xứng đáng để lại cho con cháu muôn đời sau nghiên cứu về đất Thăng Long:

CHIẾU DỜI ĐÔ: Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải đâu các vua thời Tam đại theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại

không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.

Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương ở vào nơi trung tâm của trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đứng ngôi Nam Bắc Đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời”

(Trích Văn Thơ Lý Trần, NXB Khoa Học Xã Hội – Hà Nội năm 1977, trang 229, 230 - Nguyễn Đức Vân phiên dịch)

Cuộc dời đô của Lý Thái Tổ được thực hiện vào thời gian tốt nhất, tức là vào tháng 7 âm lịch, đầu mùa thu năm Canh Tuất (1010). Tháng 7 là tháng nước dâng, lên cao thuận tiện cho việc chuyên chở bằng thuyền. Để vận chuyển nhiều cung điện nguy nga, nhiều đồ vật quý hiếm, cùng các quan lại, cung tần, mỹ nữ, người hầu hạ phải dùng thuyền để đi bằng đường thủy là chắc chắn. Đoàn thuyền của nhà Vua Lý Thái Tổ khi dời đô có nhiều loại khác nhau và đi lại trên 6 tuyến sông: sông Sào Khê, sông Hoàng Long, sông Đáy, sông Châu, sông Nhuệ, sông Tô Lịch, những sông này ngày nay vẫn còn, riêng sông Tô Lịch và sông Nhuệ một số đoạn đã bị san lấp.

Khi dời đô, đoàn thuyền của nhà Vua tới ngã ba sông Tô Lịch - Nhị Thủy, dưới chân thành, rồng vàng hiện lên rẽ sóng tới gần thuyền Vua, rồi bay vút lên trời xanh, từ đó thành Đại La đổi tên là Thăng Long, tức thủ đô Hà Nội ngày nay. Đất nước ta lúc bấy giờ có tên là Đại Việt (Cổ đô Hoa Lư của Lã Đăng Bật, NXB Văn Hóa Dân Tộc, trang 25, 26).

Việc Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long là một công trình thuyên chuyển vĩ đại được các thần dân, nhân sĩ Phật giáo, nho sĩ đương thời và các thời đại sau này, kể cả chúng ta ngày nay đánh giá đúng là một thiên tài thao lược, quyết định đúng đắn, hoàn toàn vì lợi ích chung của dân tộc, là sáng kiến độc đáo nhất vào thời quân chủ phong kiến.

Ngoài việc dời đô, Lý Thái Tổ còn chỉnh đốn việc cai trị và hành chính, như chia nước ra làm 24 bộ, đổi Hoa Lư thành phủ Tràng An, làng Cổ Pháp quê hương của Ngài thành phủ Thiên Đức, cho xây dựng kinh thành Thăng Long, lập cung điện quy mô, phong Mẹ là Phạm Thị Ngà là Minh Đức Thái Hậu, thân sinh Ngài được tôn phong là Hiền Khánh Vương, cho xứng với tầm vóc đất nước.

Vốn sinh ra và lớn lên từ nhà chùa, được các nhà sư lừng danh dạy dỗ, nên Lý Thái Tổ là vị vua trọng đãi tăng sĩ và sư sãi, chú trọng việc đắp tượng Phật, đúc chuông, cho xây nhiều chùa, đưa đạo Phật lên thành Quốc giáo, dựng chùa Hưng Thiên Tự nội Thành, chùa Vạn Tuế ngoại thành, chùa Thắng Nghiêm, chùa Thiên Vương, chùa Cẩm Y, chùa Long Hưng, chùa Thành Thọ, chùa Thiên Quang, chùa Thiên Đức. Ngài sắc chỉ khắp nơi trong nước nơi nào có chùa hư phải tu bổ lại.

Năm 1019 Lý Thái Tổ sai sứ giả Phạm Hạc, Nguyễn Đạo Thành sang Trung Hoa thỉnh Đại Tạng Kinh. Cũng trong năm này nhà vua sắc chỉ Thiền sư Phi Trí sang Quảng Tây thỉnh thật nhiều kinh sách đem về tàng trữ tại kinh thành.

Năm 1020, nhà vua sắc chỉ lập đại giảng đường thuyết giảng Phật pháp, cho phép Tăng sĩ đi khắp nơi trong nước giảng đạo truyền bá chánh pháp, sắc chỉ đúc chuông to để tại chùa Hưng Thiên, chùa Đại Giáo, chùa Thắng Nghiêm.

Năm 1024 lập chùa Chân Giáo trong nội thành, sắc phong các Tăng già, Pháp Sư để giảng Phật pháp cho vua nghe. Riêng Quốc Sư Vạn Hạnh trở thành một vị Thầy của hai vua Lê và vua Lý. Đến khi vua Lý Thái Tổ ở ngôi được 9 năm thì Quốc Sư Vạn Hạnh viên tịch tức là vào năm 1018 (Lược Khảo Phật giáo Sử Việt Nam, của Vân Thanh, XB tháng 3 - năm 1975, trang 93, 94, 95)

Về sau nhà Vua Lý Nhân Tông có bài truy tán Quốc Sư như sau:

Vạn Hạnh dung Tam thế

Châu phù hữu sám thi

Hương quan danh Cổ Pháp

Trụ tích trên Vương Kỳ

Dịch:

Vạn Hạnh thông ba học

Rành rành có sám thi

Quê nhà tên Cổ Pháp

Gây Phật, đất Vương Kỳ

(Nhân vật lịch sử thời Đinh Lê, của Trương Đình Tường, NXB Văn Hóa Dân Tộc, trang 65)

Lý Thái Tổ là vị vua có nhiều chiến công hiển hách, nhà Vua từng thân chinh đánh dẹp nhiều nơi như ở Tuyên Quang, Nghệ An. Tài ngoại giao của nhà vua cũng xuất sắc, vua nhà Tống rất nể vì, tôn trọng phong Vương. Các nước phía Nam như Chiêm Thành, Thủy Chân Lạp đều thần phục và triều cống. Nhà vua giảm sưu cao, thuế nặng cho dân tình, nên đất nước Đại Việt lúc bấy giờ thật cường thịnh.

Phương ngôn có câu:

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông

Ngô, lúa đầy đồng, trâu chổng buồm ăn.

Ngày 2 tháng 3 năm Mậu Thìn (31.3.1028), nhà vua băng hà ở điện Long An, hưởng thọ 54 tuổi, ở ngôi 19 năm. (Nhân vật lịch sử thời Đinh Lê, của Trương Đình Tường, NXB Văn Hóa Dân Tộc, trang 30).

Hiện nay công trình nhà bia tưởng niệm Vua Lý Thái Tổ được Ủy ban Nhân dân Tp.Hà Nội và Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình xây dựng ở khu di tích cố đô Hoa Lư thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Ngày 29 tháng 9 năm 2000, nhân kỷ niệm 990 năm vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long (1010-2000) Nhà bia được khánh thành.

Trong Nhà bia, giáo sư anh hùng lao động Vũ Khiêu có làm đôi liên ca ngợi sự nghiệp của Lý Thái Tổ như sau:

“Xây Thăng Long Văn hiến, với tinh thần Âu Lạc Văn Lang

“Dựng Đại Việt cơ đồ, với khí thế Sơn Tinh, Phù Đổng

(Cổ đô hoa Lư, tác giả Lê Đăng Bật, NXB Văn Hóa Dân Tộc, trang 37, 38)

6/ Nhận định về nhà vua Lý Thái Tổ:

Nhà vua Lý Thái Tổ từ khi sinh ra được ở chùa gần Phật, nhỏ tuổi mà đã có khi tiết, khảng khái, biết thân phận, đến khi làm quan nhà Tiền Lê cũng gần Quốc Sư, đến khi làm vua cũng tạo điều kiện cho mình gần Tam Bảo cho xây nhiều chùa. Vua Lý Thái Tổ lên ngôi vào năm 1009 đến 1028 thì băng hà. Nhà Vua là một Phật tử thuần thành trong đạo Phật thời phong kiến, có đầy đủ đạo đức, có hiếu với mẹ, nghĩa với bạn, trung với nước, là con nuôi của nhà chùa thành Vua thiên hạ.

Chịu khó học đạo, học đời, biết theo Thầy lành (Sư Vạn Hạnh) bạn sáng (Đào Cam Mộc, Nguyễn Đệ, Lê Nhân Nghĩa); được tiến cử làm quan triều Lê Trung Tôn. Tin Thầy, tin Bạn lập nên sự nghiệp nhà Lý nối truyền nhau trị quốc chấn dân gần 300 năm.

Gìn giữ giang sơn gấm vóc biết phát huy vị thế, dè dặt, biết cách làm cho phát triển giang sơn, đưa đất nước đến chỗ hùng mạnh cho con cháu muôn đời sau. Ngoại giao giỏi, Vua nhà Tống nể phục, phong vương cho Vua. Các lân bang Chiêm Thành, Thủy Chân Lạp không dám quấy nhiễu, phủ phục triều cống.

Tin Phật trọn vẹn, nương vào vị thế đưa Đạo Phật thành Quốc giáo để hộ quốc an dân và hưng thịnh. Cho phép các Thiền sư tham gia quốc chính, khiến cho thiên hạ thái bình thịnh trị suốt 19 năm nhà vua cai trị và báo hiệu cả một triều đại sẽ kéo dài gần 300 năm hưng quốc.

Lý Thái Tổ là một ông vua yêu nước, thương dân, một lòng vì đại nghĩa, là một công dân ưu tú trong suốt 2000 năm dựng xây đất nước. Vua là một Phật tử tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam trong quá trình đồng hành cùng dân tộc; nên chính Phật giáo ở vào một thời điểm vừa là phát triển cực thịnh, vừa nắm thế chủ động ủng hộ triều đình giữ vẹn giang sơn gấm vóc tổ quốc Việt Nam.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

Ngày Thứ Bảy Mười Bảy: Thời kỳ chấn hưng Phật giáo

Vấn: Chúng con xin được học về thời kỳ chấn hưng Phật giáo Việt Nam; những tông môn pháp phái như: Thiền tông, Tịnh độ tông, Thiên thai tông,

Nam tông, các hiệp hội lớn nhỏ góp phần công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam; các đạo giáo dân tộc mang đậm ý tưởng Phật giáo?

Đáp: Sau triều đại nhà Trần, đến triều đại nhà hậu Lê Phật giáo phải chịu nhiều ảnh hưởng chiến tranh, tương tàn tương sát, người trong nước chia gang sơn thiên hạ, dành quyền trị quốc chần dân, sát phạt lẫn nhau, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt tôn giáo, trong đó nhất là Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo cũng từ đây mà phân hóa. Thêm vào đó người Tây Dương đến lần chiếm đất đai đòi khai hóa dân Việt, đem đạo Kitô vào đất Việt, truyền giáo bằng con đường chiến tranh, hủy diệt Phật giáo và các Tôn giáo dân tộc yêu nước. Phật giáo Việt Nam phải bị lu mờ trải trên một thế kỷ.

Đến đầu thế kỷ 20, từ những năm 1920 – 1930 các bậc tôn túc, trưởng lão, các nhà trí thức Phật giáo, những nhà Phật học cao cấp, các bậc tu hành có đẳng cấp, các cư sĩ có học thức, các bậc siêu nhân kiệt xuất mới bắt đầu gầy dựng lại các tổ chức Phật giáo trong nước theo chiều hướng phát triển của Phật giáo các quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Myanmar và Tích Lan.

Nương theo tinh thần này, Phật Giáo Việt Nam từ thành thị đến nông thôn, đến những nơi rừng núi, thâm sơn cùng cốc các tổ chức phong trào chấn hưng, báo chí Phật, chùa chiền lớn, các tổ chức giáo hội, tổ chức môn phong pháp phái được thành lập.

1/ Tại miền Bắc:

Năm 1934 thành lập “Bắc kỳ Phật giáo Tổng hội”, tại Hà Nội - Trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ – Hội xuất bản Báo Phật Giáo cổ xúy phong trào chấn hưng, phát hành Tạp chí Đuốc Tuệ (10.12.1935), Báo Bồ Đề Tân Thanh và Tiếng Chuông Sớm để hoằng dương chánh pháp. Hội mở Trường Phật Học tiếp nhận chư Tăng tham vấn học đạo tại chùa Quán Sứ, Trường Phật Học dành cho Ni tại chùa Bồ Đề và chùa Bút Tháp.

Hội “Bắc Kỳ Phật Giáo Tổng Hội” do Tổ Vĩnh Nghiêm được suy tôn làm Pháp Chủ.

Tổ Tuệ Tạng được cử làm Thượng Thủ Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc nhiệm kỳ thứ nhất.

Đại lão Hòa Thượng Mật Ứng, được suy tôn làm Pháp Chủ Phật Giáo Bắc Việt.

Những vị hữu công trong thời kỳ chấn hưng, thống nhất một số các tập đoàn Phật Giáo tại miền Bắc lúc bấy giờ là:

Hòa Thượng Thanh Át, Trụ trì chùa Trung Hậu, Phúc Yên – HT Trung Thứ, Trụ trì chùa Bằng Sở, Hà Đông – HT Doãn Hà, Trụ trì chùa Tế Cát, Hà Nam – HT Trụ trì chùa Hương Tích, Hà Đông – HT Quang Nghiêm, Trụ trì chùa Phú Ninh, Nam Định – HT Trụ trì chùa Quê Phương, Nam Định – HT Trụ trì chùa Bộ La, Thái Bình – HT Thanh Thiệu, Trụ trì chùa Đồng Đắc, Ninh Bình – TT Tố Liên,

Chủ tịch Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt – TT Trí Hải – TT Giải Ngạn – TT Tuệ Chiếu.

Những vị Cư sĩ trí thức Phật Giáo:

Cụ Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Năng Quốc, Thiều Chửu, Cụ Bùi Kỳ, Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim, Phan Kế Bính, Văn Quang Thùy, tức Tuệ Nhuận làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tờ báo Tạp Chí Bồ Đề.

2/ Tại miền Trung:

Cũng trong năm 1932, quý Cụ Tổ thành lập Hội An Nam Phật học, Trụ sở đặt tại Chùa Từ Đàm (do Tổ Minh Hoàng – Tử Dung sáng lập năm 1683, vào đời nhà Lê, năm Quý Vi) – xuất bản Tạp chí Viên Âm (1934), do Tổ Giác Tiên, Viện chủ chùa Trúc Lâm và Cụ Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút.

Hậu thân của Hội An Nam Phật Học, cũng chính là Hội Phật Học Trung Việt.

Hội còn khai mở Phật Học Đường Báo Quốc (1935), năm 1945 dời về Tông Lâm Tu Viện Kim Sơn, chính nơi đây đào tạo những vị lãnh tụ Phật Giáo như: HT Thiện Minh, HT Trí Quang, HT Thiện Siêu, HT Trí Tịnh, TT Trí Thành...

Hội An Nam Phật Học thành lập thêm Gia Đình Phật Hóa Phổ, chính là tiền thân của Gia Đình Phật tử ngày nay, Đoàn Thanh Niên Phật học Đức Dục, Đồng Ấu Phật Tử, nơi đây đào tạo những vị sau này lãnh đạo Phật Giáo như: HT Thích Minh Châu, Giáo sư Võ Đình Cường... Trường Bồ Đề đầu tiên cũng do Hội sáng lập tại Huế.

Phật Học Đường Trúc Lâm, Tây Thiên: Tổ Phước Huệ, Tổ Phổ Huệ hàng năm được quý Sư cụ vào chùa Thập Tháp – Bình Định thỉnh ra Huế giảng Phật Pháp, Tổ Phước Huệ thường vào Hoàng cung giảng Phật Pháp cho vua Thành Thái, vua Bảo Đại nên được suy tôn là Quốc sư (quý Cụ HT Thiện Hoa, HT Thiện Hòa, Cụ Lê Đình Thám, Pháp Sư Trí Độ đều là học trò Tổ Phước Huệ).

Nhờ những công đức cao cả trên mà quý Sư Cụ ở Huế hợp nhau mở Trường Trung học Phật Giáo tại Chùa Trúc Lâm, sau dời về chùa Tây Thiên. Còn Trường của Ni thì mở tại chùa Diệu Đức.

Những vị có công chấn hưng Phật Giáo Miền Trung, tập hợp thành một tổ chức duy nhất như Quốc sư Phước Huệ, Pháp sư Phổ Huệ, HT Thích Tịnh Khiết, HT Thiện Tôn, Trúc Lâm, Tây Thiên, Từ Hiếu, Tra Am. Quý HT Mật Khê, Quy Thiện, Đôn Hậu, Mật Nguyên, Mật Hiền, Trí Thủ, Mật Thê.

Phật giáo Bình Định và Đà Nẵng: Tại tỉnh Bình Định có Hội Phật Học Tỉnh Bình Định (1932-1945), có Quốc sư Phước Huệ (1920-1945) Pháp sư Phổ Huệ (1920-1935) Pháp sư Bích Liên, Liên Tôn, Trí Độ (1930-1950).

Tại Đà Nẵng có Hội Phật Học Đà Thành, xuất bản Tạp chí Tam Bảo do HT Bích Liên làm Chủ nhiệm.

3/ Tại miền Nam:

Năm 1920, quý cụ Tổ Khánh Hòa, Tổ Chí Thiên vận động thành lập Hội Lục Hòa, xuất bản tờ báo Phật Giáo hiệu “Pháp Âm” – Sư Thiện Chiếu cho xuất bản Tờ “Phật Hóa Tân Thanh Niên”, “Phật Học Tông Thơ”.

Ông Comis Chấn thành lập Hội Linh Sơn Nghiên Cứu Phật Học, Trụ sở đặt tại Chùa Linh Sơn, đường Cô Bắc – Cô Giang, Quận I, Saigon – Xuất bản Tờ Tạp Chí “Từ Bi Âm”, rất có giá trị trong làng Phật học.

Năm 1931, Tổ Huệ Đăng thành lập Thiên Thai Giáo Quán Tông – Chủ xưởng thành lập và xuất bản tờ “Bát Nhã Âm”.

Năm 1933, Liên Đoàn Học Xã ra đời, do Tổ Khánh Hòa, Tổ Huệ Quang, Tổ Khánh Anh (là vị Tổ có những đệ tử vào năm 1960 có về tại Tổ Đình Linh Sơn nơi HT Thiện Phước khai Đạo, truyền bá pháp môn Niệm Phật, giảng dạy giáo lý Phật Học tại Phật Học Đường Tây Phương Bồng Đảo, nơi xuất thân của HT Giác Quang), Tổ Pháp Hải giảng dạy.

Năm 1934, Quý cụ Tổ Khánh Hòa, Tổ Huệ Quang, Tổ Khánh Anh kết hợp quý Cụ Giác Hải, Liên Trì, Viên Giác, Kim Huệ, Vạn An, Bửu Chung thành lập Hội Lương Xuyên Phật Học, xuất bản tạp chí Duy Tâm Phật Học, những vị xuất thân từ trường này hiện nay như: HT Thiện Hòa, HT Thiện Hoa, HT Huyền Quang, HT Hành Trụ, HT Quảng Liên...

Cũng trong thời gian này tại Saigon, có nhà trí thức Phật Giáo Sư Cụ Hồng Tại Đoàn Trung Còn, thành lập Phật Học Tông Thơ, chủ trương phiên dịch kinh sách Phật, thành lập Phật Học Thư Xã xuất bản sách Tịnh Độ, sách Lão giáo và Khổng giáo, có khoảng trên 100 đầu sách được Sư Cụ phiên dịch cho chư Tăng Ni, Phật tử nghiên cứu tu học. (Trang 42, sách 50 chân hưng Phật giáo của HT Thích Thiện Hoa)

Năm 1951 thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, gồm có 6 tập đoàn: 03 Tập đoàn Tăng Già và 03 Tập đoàn Cư sĩ do HT Thích Tịnh Khiết làm Hội Chủ – chủ trương xuất bản tờ “Phật giáo Việt Nam”.

4/ Tổ chức hội Phật giáo Tịnh độ tông:

Năm 1955, Hội Phật Giáo Tịnh Độ Tông thành lập do Sư Cụ Hồng Tại Đoàn Trung Còn làm Hội Trưởng – Trụ sở đặt tại Liên Tông Tự, đường Đề Thám, quận Nhất, Saigon.

Hội Phật Giáo Tịnh Độ Tông Việt Nam, mới đầu nghe ai cũng suy nghĩ là một Hội hữu tu hành của giới Cư sĩ. Tuy nhiên Hội Phật Giáo Tịnh Độ Tông Việt Nam của Sư Cụ Hồng Tại Đoàn Trung Còn, (không phải Hội Tịnh Độ Cư Sĩ của Ngài Minh Trí) là một Giáo Hội có quy chế tổ chức nhân sự Ban Chấp Sự Trung Ương, có quy chế lãnh đạo hai giới Xuất gia và Cư sĩ. Tại mỗi Tỉnh, Quận, Thị xã, Phường Xã đều có tổ chức nhân sự Ban Chấp hành Giáo hội của từng cấp lãnh đạo Tăng Ni, Phật Tử tại địa phương.

Năm 1957, môn phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng của Hòa Thượng Thích Thiện Phước hoạt động trong tổ chức này. Hòa Thượng Thích Thiện Phước khai

son môn phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, thành lập Phật Giáo Từ Thiện miền Đông Cô nhi viện Phước Lộc Thọ, Cô nhi viện Từ Ái, Phật học Đường Tây Phương Bồng Đảo, Trường Gia giáo Phật học tại Long Sơn cổ tự, Trường Trung Tiểu Học núi Dinh và Lâm Tỳ Ni, Bửu hòa.

Hiện nay nói riêng cho hệ phái Tịnh Độ Tông tại tỉnh Đồng Nai (Liên tông Tịnh độ Non Bồng) có 33 cơ sở Tự Viện, Tịnh Xá, Tịnh Thất, Niệm Phật Đường... sinh hoạt trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam; cơ sở chính đặt tại Quan Âm Tu Viện và một Ban Quản trị để điều hành hệ phái thuộc khu phố 3, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa.

5/ Tổ chức Phật giáo Nam tông:

Phật Giáo Nam Tông Việt Nam có hai phái:

1/ Một phái người Việt gốc Miên. Phái này đã có từ lâu đời, nhưng không rõ du nhập Việt Nam vào năm nào? Và bắt nguồn từ đâu? Có lẽ đồng thời với Phật Giáo Việt Nam và bắt nguồn từ Camboge. Phái này gọi là Theravada, ngày nay gọi là Phật Giáo Nam Tông Khmer. (Trích 50 năm chân hưng Phật Giáo của HT Thiện Hoa)

Phật Giáo Nam Tông Khmer có Tăng Tín đồ rất đông, không có Nữ giới xuất gia. Chư Tăng có 17.661 vị, gồm Tỳ kheo 11.964, Sa di 5.697 vị. Tín đồ Phật Giáo chiếm 99%, toàn là người Miên (Việt gốc Miên). Chùa rất nhiều và chỉ ở miền Nam, nhất là miền lục tỉnh, như ở các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Vĩnh Bình...

Theo thống kê trước ngày hòa bình thì dân số người Việt gốc Miên là 2 triệu người, đều theo Phật Giáo. Chư Tăng được 20 ngàn vị, 500 ngôi chùa có mặt ở khắp 12 Tỉnh, Thành ở miền Nam.

Phật Giáo Nam Tông Khmer hành đạo rất ít tại Tỉnh Đồng Nai, chỉ có 01 ngôi Chùa hiệu là Hoa Sơn do giới Cư sĩ người Việt gốc Miên hoạt động tín ngưỡng tại Thị xã Long Khánh.

2/ Một phái nữa thuộc về người Việt Nam, do Đức Tăng Thống Thiện Luật và Đức Tăng Thống Hộ Tông sáng lập.

Đức Tăng Thống Thiện Luật và Hộ Tông du học giáo lý Nam tông Phật giáo tại Camboge. Sau thời gian tu học đạo ở xứ người, quý Ngài trở về Việt Nam vào khoảng năm 1940 thành lập Giáo Hội, với danh xưng Giáo Hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam, niên khóa đầu tiên do Đại Đức Bửu Chơn làm Tăng Thống, Trụ sở đặt tại Chùa Kỳ Viên, Bàn Cờ, Saigon – Riêng về Phật Học Viện đặt tại chùa Pháp Quang, cầu Băng Ky, Gia Định (1958) do Đại Đức Hộ Giác làm Giám Đốc. Giáo Hội này có công đức kiến thiết Thích Ca Phật Đài ở Thành phố Vũng Tàu vào năm 1962.

Về bên cư sĩ hữu công với Giáo Hội này có các Ông Nguyễn Văn Hiếu, Ông Hồ Đắc Thắng, Bà Lưu Giang Hà.

Pháp nạn năm 1963, Phật giáo Việt Nam bị chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm bắt bớ tù đày, dự định hủy diệt Phật Giáo, đưa Thiên Chúa giáo trở thành Tôn giáo của Nhà Nước, nên gọi danh xưng là Công giáo. Đồng thời Ông Diệm còn liên lạc với Vatican đề nghị tôn vinh Ông (Đức Cha) Nguyễn Đình Thục làm Đức Hồng Y Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, để có cơ sở hủy diệt Phật giáo. Trong khoảng thời gian này, Phật giáo Nam Tông Việt Nam rất tích cực đấu tranh chống áp bức của gia đình Ông Ngô Đình Diệm, Ông Ngô Đình Nhu và Bà Trần Lệ Xuân... Chư Tăng cùng đứng lên đòi trả tự do cho các Nhà Sư bị bắt, yêu cầu cho tự do hoạt động Phật Giáo, được treo cờ Phật giáo Quốc tế trong các ngày lễ Phật Giáo...

6/ Các giáo phái khác tại Đồng nai:

1/ THIÊN TÔNG:

Do HT Thiên sư Thích Thanh Từ sáng lập, hiện nay xiển dương pháp phái thiên Trúc Lâm Yên Tử của Tổ Sư Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn. Thiên tông tại Đồng Nai rất phát triển tại Tổ đình Thiên Viện Thường Chiếu; hiện nay có đến 33 ngôi Thiên Viện, Thiên Tự, Thiên Thất trực thuộc Thiên Viện Thường Chiếu dành cho các Thiên Sinh thực tập tu hành. Tông phái Thiên Trúc Lâm có mặt khắp 3 miền Bắc Trung Nam.

2/ TỈNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỘI:

Người sáng lập là thiên sư Minh Trí, thế danh Nguyễn Văn Bồng, sinh năm 1885 tại ấp Mương Điều, xã Tân Mỹ, huyện Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp ngày nay).

Năm 33 tuổi vân du tìm thuốc cứu dân độ thế; đến năm 48 tuổi (1933) thành lập Hội Tỉnh Độ Cư Sĩ, Trụ sở đặt tại Tân Hưng Long Tự, Phú định, Chợ Lớn. Hội này có xuất bản tạp chí “Pháp Âm”, ra khoảng 14 số rồi đình bản. Hiện nay Hội được phép hoạt động trên diện rộng toàn quốc, mỗi tỉnh đều có Tỉnh hội, có huyện hội, chi hội.

3/ PHẬT GIÁO HÒA HẢO:

Phật giáo Hòa Hảo do Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ sáng lập, chủ trương tu tại gia, phụng thờ tứ trọng ân, yêu nước.

Đức Huỳnh Phú Sổ, sinh năm 1919, tại thôn Hòa Hảo (gần Vàm Nao), quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Con của Cụ Huỳnh Công Bộ và Bà Lê Thị Nhậm. Trong cuộc đời hành đạo của Đức Huỳnh Phú Sổ có thuyết giảng 6 tác phẩm chủ yếu khuyên người đời tu hành, không tranh danh đoạt lợi, kêu gọi tín đồ phải có lòng yêu nước, yêu dân tộc, bảo vệ tổ quốc và dân tộc.

Người tín đồ của Phật Giáo Hòa Hảo tôn vinh Đức Thầy của mình lên ngôi Giáo Chủ. Ở các Tỉnh miền Tây Nam Bộ thường gọi là Huỳnh Giáo Chủ, không gọi tên tộc ngoài đời của Người.

Phật Giáo Hòa Hảo tôn thờ ngôi Tam Bảo bằng tấm vải sắc “màu nâu”; biểu hiện cho việc “không chạy theo hình thức thờ phượng, thờ tượng cốt”.

Hiện nay tín đồ Phật giáo Hòa Hảo có khoảng 2.000.000 người có mặt trên khắp các Tỉnh miền Tây Nam Bộ và một ít ở miền Đông. Tại tỉnh Đồng Nai mới vừa được UBND Tỉnh Đồng Nai cho phép thành lập Ban Trị sự Tỉnh Hội PG Hòa Hảo, đã tổ chức Đại hội lần thứ nhất, làm lễ ra mắt Ban Trị sự Tỉnh Hội tại một căn nhà tạm mượn của 01 tín đồ ở Thị trấn Định Quán.

4/ HỘI PHẬT HỌC NAM VIỆT:

Hội Phật Học Nam Việt có trụ sở chính tại chùa Xá Lợi, đường Bà huyện Thanh Quan, Sư Thiện Chiếu. Hội là một hệ phái trong chín hệ phái thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

5/ PHẬT GIÁO BỬU SƠN KỲ HƯƠNG: của Đức Phật Thầy Tây An, Tổ đình Trung ương chùa Tây An, núi Sam, Châu đốc. Các chùa của Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương không thờ Phật mà thờ tám Trần Điều. Các tín đồ đều là cư sĩ học Phật tu nhơn. Trong đạo, có ý hướng tôn vinh Đức Phật Thầy Tây An là hậu thân của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

6/ PHẬT GIÁO TỨ ÂN HIẾU NGHĨA: Là một tôn giáo dân tộc yêu nước, phát triển mạnh hiện có khoảng trên 2.000.000 tín đồ, được Nhà nước cấp phép hoạt động, có trụ sở Trung ương, đặt tại chùa lớn Tam Bảo Phi Lai, địa chỉ thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyên Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biến Pháp Giới Tam Bảo.

---o0o---

PHẦN XVII. NHỮNG NGÔI CHÙA CỖ (ÍT ĐƯỢC NÓI ĐẾN)

Ngày Thứ Bảy Mười Tám: Tổ đình Quốc Ân Kim Cang

Vấn: Hôm nay là chủ nhật ngày niệm Phật thứ bảy mươi một, trước khi tham dự thánh chúng niệm Phật, chúng con đi nghe thuyết pháp giảng kinh, tại buổi giảng này Giảng sư có giảng về “Phật giáo Đàng Trong, Phật giáo miền Đông là chiếc nôi của Phật giáo miền Nam, tức là Phật giáo từ Đàng Ngoài truyền bá vào Đàng Trong đến Trấn Biên, đến Phiên Trấn rồi mới đến vùng đất Thủy Chân Lạp, trước khi các chúa Nguyễn cùng nhân dân hình thành bờ cõi trên vùng đất phương nam”. Tại Trấn Biên chư Tổ sư dựng chân thuyết pháp giảng kinh, lập đạo, khai sơn Tổ đình Quốc Ân Kim Cang ; về sau còn khai sơn nhiều chùa cho chư Tăng tu hành, trong đó tại Phiên trấn Tổ sư còn khai sơn Tổ đình Quốc Ân Khải Tường... Xin Sư hoan hỷ giảng cho chúng con nghe về hành trạng của Phật giáo miền Đông và một vài ngôi Tổ đình tiêu biểu của Phật giáo xưa?

Đáp: Chúng ta thường nghe nói đến xứ Đàng Ngoài, xứ Đàng Trong, tức là vào khoảng thế kỷ thứ 18, các Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn phân ranh giới đánh nhau, chia đôi đất nước: Từ Sông Gianh (Quảng Bình) trở ra miền Bắc Việt Nam thì do Chúa Trịnh vừa phò tá Vương triều nhà Lê vừa cai quản; từ sông Gianh vào đất Thuận hóa (Huế) do Chúa Nguyễn cai quản. Từ đó gọi đất của Chúa Trịnh là Đàng Ngoài, đất của Chúa Nguyễn là Đàng Trong; Phật giáo được truyền bá lúc bấy giờ cũng theo lãnh thổ mà gọi tên.

Chúng ta sẽ tìm hiểu về sự truyền bá Đạo Phật vào Đàng Trong? truyền vào Nam từ năm nào? do Tổ sư nào truyền? truyền bằng cách nào? khi truyền, Tổ sư đến trú xứ nào trước tiên?

Nay Sư sẽ giúp Phật tử hiểu rõ hơn nữa về nguyên nhân, hành trạng, thời gian và công cuộc truyền đạo của Cha Ông từ thuở xa xưa đã vào Đàng Trong (vào Nam) và ở đâu.

Theo sách “Thiền sư Việt Nam của HT Thích Thanh Từ”, sách “Phật giáo Đàng trong của Nguyễn Hiền Đức”; sách “Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam của Sa môn Vân Thanh”; sách “Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang”; sách Biên niên sử Phật giáo Tp.Hồ Chí Minh của Ban Văn hóa THPG Tp.Hồ Chí Minh ấn hành”; “Tư liệu nghiên cứu Tổ sư Nguyên Thiều, Sách Tổ đình Quốc ân Kim Cang của HT Thích Giác Quang biên soạn”; sách “Cao sơn lưu thủy ngộ tri âm, của Trần Đình sơn, NXB Văn Hóa”... nói về công cuộc truyền đạo của chư Tổ sư thì rất nhiều và đa dạng. Tuy nhiên, công lao nổi bật nhất là Ngài Nguyên Thiều-Siêu Bạch, hiệu Hoán Bích là vị Tổ sư hoàng truyền giáo lý Đức Phật vào Đàng Trong rõ ràng hơn cả. Khi dùng chân hóa đạo, Tổ sư đã tạo nên một đại tông lâm thắng tích tại rừng Bửu Lâm xưa, hiệu “Tổ đình Quốc Ân Kim Cang ” để tế tăng độ chúng, thuộc trú xứ ấp Bình Thảo (Bình Lục), xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Ngày nay còn lưu lại những dấu ấn xa xưa của Tổ sư, vắng vắng đâu đây còn âm vang những bài pháp “Tịnh độ Thiên tông” của Tổ sư, chư vị Hòa thượng làm Phật sự đại trùng tu ngôi Tổ đình.

Tổ đình Quốc ân Kim Cang hay chùa Tháp:

Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang đã có từ trên 300 năm trên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Vào thế kỷ thứ 17, năm Chánh Hòa thứ 19 (1698) Nhà Chúa Hiền Tông Nguyễn Phúc Chu sai Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh khai hoang phục hóa, đặt dinh cơ hành chánh đất Đông Phố, tên cũ gọi chung đất Biên Hòa, Gia Định. Lấy xứ Đồng Nai làm Huyện Phước Long, lập Dinh Trấn Biên (Biên Hòa) lấy xứ Saigon (Sài côn) làm Huyện Tân Bình, lập Dinh Phiên Trấn (Gia Định).

Xưa gọi là “Chùa Kim Cang hay Chùa Tháp ở Đồng Nai” tọa lạc Ấp Bình Thảo, xã Bình Phước, Huyện Phước Long, Dinh Trấn Biên. Ngày nay thuộc Ấp Bình Lục, Xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

Theo lời kể của Thầy Trụ trì chùa Cửu Thiên - Thủ Đức (là đệ tử của vị Trụ Trì Tổ đình Quốc Ân Kim Cang, dân địa phương gọi là “Thầy Chín” trong những năm 1946, 1950) và các bô lão, nhân dân ở địa phương ấp Bình Thảo kể lại... thì Chùa bị đốt cháy vào năm 1946, trong thời kháng chiến chống Pháp, nhưng nhân dân địa phương vẫn thường nhắc đến địa điểm danh hiệu “Chùa Tháp” là vì Chùa này có ngôi Tháp cổ của vị Tổ Sư khai sơn Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang.

Hiện nay chỉ còn lại nền Chùa, hai Tháp cổ, một của Tổ Sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch, hai là Tháp Phổ Đồng (có thể là tháp của Công chúa Ngọc Vạn?) và Long vị của Đại Lão Hòa Thượng Minh Vật - Nhất Tri (thờ tại chùa Ông, tức Kim Long Cổ Tự).

Tương truyền, Chùa có một Đại hồng chung và một Cổ trống rất lớn, Đại hồng chung bị quân Pháp tịch thu, Cổ trống làm bằng nguyên thân cây sao, đường kính 1 mét - 1,2 mét, dài hơn 2 mét, dày khoảng 7-8 cm, Khi trống hư, Ông Bồng ở gần Chùa, lấy trống đựng lúa được (23 giạ lúa) có thể từ 2 đến 3 giạ lúa đúng hơn? Hiện Chùa còn có các vật cổ như sau: - Tượng Phật Chuẩn Đề bằng đồng - Long vị Đại Lão Hòa Thượng Minh Vật - Nhất Tri, Tiểu Hồng chung, trên có khắc chữ “KIM CANG TỰ”, chung cao 0,6 mét, kính 0,4 mét - Tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát cõi Đế Thích bằng gỗ.

Tháp Tổ:

Toàn cảnh, khi đến gần chúng ta sẽ nhìn thấy các mặt của ngôi Bảo Tháp như sau: - Tám bình phong - mộ bia - Tháp Tổ rất uy nghi và đồ sộ - nền Tháp - vôi vữa, gạch, vòng rào bị hư sứt, mục rữa.

Mộ bia bằng đá xanh: Phía sau tám bình phong khoảng 1 mét là nền Tháp hình chữ nhật (3m x 4m), ở trên nền Tháp, phía trước là mộ bia bằng đá xanh. Trên mặt bia có khắc 4 hàng chữ nhỏ như sau:

- Phổ Quang Tự Yết Ma Chủ hương.
- Hội Khánh Tự Giáo Thọ Thiển Chủ lập thạch.
- Sắc Tứ Từ Ân Tự Hòa Thượng Pháp Sư.

Chứng minh lịnh

- Quốc Ân Kim Cang Đường Thượng, Tam thập, Tam thế, húy Siêu Bạch Quán Bích Hòa Thượng Tổ Sư chi tháp.

- Long Thạnh Tự Hòa Thượng.
- Đức Sơn Tự Hòa Thượng.
- Hưng Long Tự Hòa Thượng.

Chư Sơn đồng tạo.

Tháp Tổ hình lục giác cao ba tầng, chiều cao từ mặt đất lên đến đỉnh Tháp là 5,20 mét, phía dưới lớn, lên cao nhỏ dần. Tháp dựng trên nền xây đá xanh hình chữ nhật, ngang 3 mét, dài 4 mét, cao 0,80 mét.

Đỉnh Tháp là một bầu hồ lô bằng ô dước, hình theo sáu cạnh của Tháp, cao 0,4 mét - 0,5 mét, đường kính đáy hồ lô khoảng 0,50 mét.

Tầng trên cùng (thứ ba) có 06 mặt, tô ô dước, mỗi mặt hình chữ nhật ngang 0,40 mét, cao 0,80 mét, có 6 chữ cổ: “Nam mô A Di Đà Phật”, mặt trước là chữ Nam, tiếp đến....

Ở giữa hồ lô và tầng này có mấy ngói hình ống, gồm 5 ống tròn xây bằng ô dước.

Tầng giữa (tầng thứ hai) Sáu mặt hình chữ nhật, ngang 0,80 mét, cao 01 mét, có khắc nổi trên nền ô dước các hình:

- Mặt trước hình Bồ Tát Địa Tạng cõi Đề Thỉnh.
- Mặt sau là hình Tổ Bồ Đề Đạt Ma đứng trên cành cây vượt sóng.
- Còn lại bốn mặt hình bị lu mờ, gần như không còn hình dáng.
- Giữa tầng 2 và tầng 3 có mái hình ống, gồm 6 hàng ống.

Tầng dưới đất (tầng một).

Có 6 ô hình chữ nhật, ngang 1,20 mét, cao 1,40 mét, Sáu mặt có 6 khung hình tô ô dước.

Mặt trước là bia Tháp, khắc nổi trên ô dước, gồm 3 hàng chữ nho:

- Hàng giữa ghi “Quốc Ân Kim Cang đường thượng, tam thập tam thế, huý Siêu Bạch Quán Bích Tổ sư chi Tháp”
- Hồng bên mặt ghi: “Tuế tại Kỷ Dậu niên, mạnh Thu, Cát nhật, hiệp chư Sơn Thiên Đức đồng tái tạo”
- Hồng bên trái ghi: “Thập ngoạt, Thập Cửu nhật viên tịch (viên tịch ngày 19/10)
- Mặt thứ hai và thứ ba khắc hình trái đào phía đuôi của cành đào là hình đầu rồng.
- Mặt thứ tư khắc năm hàng chữ nho với 55 chữ (thiếu 1 chữ). Đó là bài thơ thất ngôn bát cú phiên âm như sau:

**“Tây phương phú quý (thắng) vương hầu
Chủng chủng trang nghiêm sự sự châu
Đẳng biện khảng tâm cầu bỉ quốc
Luân hồi ác đạo nhứt tự hưu
Tây phương mãn nhãn thị liên hoa
Bá bảo trang nghiêm phú khả khoa
Chư thượng thiện nhơn câu nhứt xứ**

Bất tri kỳ số, bội hằng sa”

- Mặt thứ năm khắc hình 3 hoa sen trên lưng một con rùa.
- Mặt thứ sáu khắc hình hai trái lựu, đuôi cành lựu là đầu chim phượng hoàng...
- Mái ngói ở giữa tầng thứ nhứt và thứ hai gồm bảy hàng ngói ống và 6 góc, đuôi mái ngói là hình 6 đầu rồng bằng ô dước, rất đẹp.

Chân Tháp khắc hình chân quỳ cao 0,40 mét. Tháp xây trên nền cao bằng đá xanh, phía dưới móng là 7 lớp gạch thẻ. Tháp do lâu ngày không ai trông coi, bảo quản nên hơi nghiêng theo năm tháng .

Tháp phổ đồng:

Tháp ở phía trước sân chùa, góc bên mặt, cách Chính điện khoảng 10 mét . Hình dạng Tháp là một bầu hồ lô tròn, đắp bằng một khối ô dước, cao 2 mét, đáy hình tròn, kính 2 mét.

Bầu hồ lô dựng trên một nền vuông xây gạch thẻ nung, phía ngoài tô ô dước. Trên có khắc hoa văn. Tháp bị hư sập, chỉ còn phần dưới bầu hồ lô và nền Tháp. Theo truyền thuyết thì Tháp được xây thờ Bà Công chúa, phải chăng đây là Tháp thờ Công Chúa Ngọc Vạn? (Theo tư liệu viết tay. Tuy nhiên dù là Tháp của ai đi nữa, nhưng hiện có một đường nước rất nhỏ của nhà dân nuôi heo, gà vịt, nước phân chảy ngang qua Tháp để tuôn xuống công trình thủy lợi địa phương, thật đau lòng!) con của Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên cũng là vợ của Vua Chân Lạp là Chey Chetta II? Tương truyền, Bà có công can thiệp với triều đình Chân Lạp, ngăn cản sự bành trướng của Hồi giáo ở Chân Lạp, đồng thời hộ trì Phật Pháp tại nước này. Nếu thật nơi đây là tháp của Công Chúa Ngọc Vạn, thì có thể Công Chúa có liên hệ đến việc ủng hộ xây dựng Tổ đình Quốc Ân Kim Cang .

Tiểu sử Tổ sư:

Ngài họ Tạ, quê ở Trình Hương, phủ Triều Châu, Tỉnh Quảng Đông, sanh ngày 18 tháng 05 năm Mậu Tý 1648 (Theo tài liệu ở chùa Quốc Ân, Huế và quyển lịch sử Phật giáo Việt Nam - tài liệu ở chùa Thập Tháp Di Đà lại ghi Ngài sinh năm Bính Tý 1636 - theo sách Thiền Sư Việt Nam của HT. Thích Thanh Từ thì Ngài sinh năm 1649). Ngài xuất gia ở Chùa Báo Tư vào năm 1667 (19 tuổi) và học đạo với Đại lão Hòa Thượng Bổn Khao - Khoán Viên, chuyên cần đạo hạnh.

Theo sách Đại Nam liệt truyện tiền biên vào năm Tự Đức thứ 5 (1852) thì vào niên hiệu Cảnh Trị, năm thứ 3, đời vua Lê Huyền Tôn (tức năm Ất Tỵ, thứ 17, đời Chúa Thái Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Tần, 1665) Ngài theo đoàn tàu buôn qua Quảng Nam, trú ở phủ Qui Ninh (Bình Định) lập chùa Thập Tháp Di Đà, mở Trường dạy học (Việt Nam Phật Giáo sử lược của TT. Mật Khê). Sau Ngài ra đất Phú Xuân, tỉnh Thuận Hóa lập Hà Trung, thuộc huyện Phú Lộc, nay hãy còn; rồi lên Xuân Kinh, Huế lập Chùa Vĩnh Ân và xây Tháp Phổ Đồng. Đến năm Chính Hòa thứ 10 (ngày 27/05 năm Kỷ Tỵ, 1689) chúa Ngãi Vương Anh Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Trấn (1687-1691) đổi hiệu chùa là Quốc Ân Tự, tên chùa Quốc Ân có từ đây.

Ngài phụng mạng Chúa Anh Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Trấn trở về Trung Quốc mời các danh Tăng và thỉnh pháp tượng, pháp khí. Ngài trở về Quảng Đông cung thỉnh Ngài Thạch Liêm (Thích Đại Sán) và một số danh Tăng đương thời, như Hòa Thượng Minh Hoàng Tử Dung (có ghi rõ tại bia chùa Quốc Ân). Ngày 27/02/1695 Hòa Thượng Thạch Liêm sang Đại Việt. Hòa Thượng đến vào đêm 15 tháng giêng năm Ất Hợi (theo tài liệu ký sự hải ngoại của HT. Thạch

Liên). Khi Hòa Thượng Thạch Liên đến Đại Việt, Chúa Nguyễn sắc mở Đại giới đàn truyền giới long trọng tại Chùa Thiên Mụ (Huế).

Tổ Sư Nguyên Thiều tịch vào ngày 19/10 âm niên hiệu Bảo Thái thứ 10 nhà Lê ngày 19/10 âm Mậu Thân (Tức 20/11/1728).

Theo Văn bia Bảo tháp của Tổ Sư, thì ngài có đền hoằng dương chính pháp trên vùng đất Đồng Nai xưa.

Khi sắp thị tịch Ngài có xuất ý bài kệ:

Tịch tịch kính vô ảnh

Minh minh châu bất dung

Đường đường vật phi vật

Liêu liêu không vật không

Nghĩa:

Lặng lặng gương không ảnh

Sáng sáng châu không hình

Rõ ràng vật không vật

Vắng lặng không vật không

Đại ý bài kệ như sau: Ngài dạy chúng, pháp thân thanh tịnh trùm khắp như gương sáng lặng lẽ chiếu soi, không vướng mắc bất cứ hình bóng nào như ngọc báu rạng ngời trong suốt, không chút bụi nhơ tí vết .

Rõ rõ vật mà chẳng phải vật, thên thang không mà chẳng không. Ngài ngồi an nhiên mà thị tịch .

Sau Hiến Tông Hoàng Đế ban thụy hiệu: Hạnh Đoan Thiên Sư và có làm bài minh khắc bia đề tán thán công đức của Ngài:

Ưu ưu bát nhã - Đường đường phạm thất

Thủy nguyệt ưu du - Giới trì chiến lạt

Trạm dịch cô kiên - Trác lập khả tất

Quán thân bốn không - Hoằng pháp lợi vật

Biển phú từ vân - Phổ chiếu huệ nhật

Chiêm chi nghiêm chi - Thái sơn ngật ngật

Đại ý bài này là Hoàng Đế ca tụng đạo phong trí tuệ cũng như công hạnh giáo hóa lợi sanh của Ngài, tất cả đều hoàn bị tốt đẹp (tư liệu của Sư Giác Quang lưu trữ từ năm 1999).

Về tông tịch:

Tổ sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch, Ngài còn có pháp hiệu là “Hoán Bích” hay húy “Nguyên Thiều Thọ Tôn” thụy “Hạnh Đoan Lão Hòa Thượng”. Ngài là vị Thiền sư thuộc Thiền phái Lâm Tế, thế hệ thứ 33, được các bậc Tôn Túc xa xưa kính tôn là vị Tổ Sư khai sơn Phật Giáo Đàng Trong; pháp môn Thiền Tịnh song tu từ Tổ Đình Thập Tháp Di Đà đã có mặt sớm nhất trên vùng đất Biên Hòa Đồng Nai. Thời điểm này các Chúa Nguyễn giúp Phật giáo Việt Nam phục hưng, phát

triển và còn truyền thừa cho đến ngày nay, đại đa số các vị chức sắc trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đều thuộc truyền thừa của Tổ Sư.

Các dòng kệ khi lưu truyền vào miền Nam, phái Lâm tế, chia thành nhiều chi phái. Nhưng với Tổ Sư Nguyên Thiệu nối truyền kế thế từ miền Trung đến miền Nam đến đời thứ 31 là Ngài Đạo Mân ở chùa Thiên Khai (Trung Hoa) mới biệt xuất thêm bài kệ:

Đạo bốn nguyên thành Phật Tổ tiên
Minh Như Hồng nhật lệ trung thiên
Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ
Chiếu thể chơn đang vạn cổ huyền

Bài kệ trên đây trên đây mới đúng là dòng pháp được lưu truyền sâu rộng nhất khắp Trung Nam Việt Nam. Hầu hết chư Tăng Ni miền Nam xuất gia đầu Phật với các vị Bôn sư, đại đa số là thuộc dòng kệ trên, (Lược khảo Phật Giáo Sử của Vân Thanh, trang 150,151,155,156).

Từ đó chúng ta và mọi người đều biết, Tổ sư Nguyên Thiệu thuộc dòng kệ pháp trên. Ngài là vị Tổ sư đời thứ 33 là chữ “Nguyên”. Các Chùa thuộc thiền phái Lâm Tế đời thứ 34, theo dòng kệ của Tổ Sư tại Đồng Nai thuộc chữ “Thành”, như:

- Tổ Đình Long Thiên có Tổ sư Ứng Sơn - Thành Nhạc
- Chùa Bửu Phong có Tổ sư ? - Thành Chí
- Chùa Đại Giác có Tổ sư Minh Yên - Thành Đăng (Đời kế kiếp có Tổ Phật Ý ở Đại Giác Cổ Tự, đến tại Saigon kiến tạo nên Phật Pháp: Dựng Chùa Giác Lâm, Chùa Giác Viên...)

Tổ đình Quốc Ân Kim Cang hay gọi Chùa Kim Cang , Kim Cang Tự, Chùa Tháp đã bị thiêu hủy trong cuộc kháng chiến chống Pháp (Năm 1946), nhưng trước nền Chùa cũ vẫn còn hai ngôi Tháp Cổ trải qua hai thời kháng chiến, nơi đó rất hoang vắng, ít người lai vãng nên bị lu mờ!

Vào ngày 18/11 âm, năm Mậu Thìn (26/12/1988), Thượng Tọa và Tăng chúng phát hoang làm vườn, thấy đây là Tháp thờ Tổ Sư, nhưng chưa rõ là Tháp Tổ Sư nào, Thượng Tọa cho người cạo bỏ những phần đất ở môi xung quanh Tháp, cạo sạch rong rêu đất cát từng nét chữ ... làm lại cho trang nghiêm.

Sau có nhà sử học Nguyễn Hiền Đức tìm đến, nhờ các cụ già đọc chữ nhỏ; từ đó nhận ra được là Tháp của Tổ Sư Nguyên Thiệu - Siêu Bạch. Trên Bia Tháp của Tổ Sư có ghi rõ: “Quốc Ân Kim Cang Đường Thượng Tam Tháp Tam Thế húy Siêu Bạch hiệu Hóan Bích Hòa Thượng Tổ Sư chi tháp”.

Thế là TT. Minh Lượng tiếp tục công việc xin phép Chính quyền địa phương, thương lượng với bà con nhân dân xung quanh để được trùng tu sửa chữa nền Tháp và xây vòng rào tạm thời để bảo vệ Tháp Tổ Sư. Công trình được thực hiện từ ngày 11/12 âm, năm Kỷ Tỵ (1988).

Đồng thời Thượng Tọa Thích Minh Lượng có trình báo về Tỉnh Hội và cung thỉnh Đức Đại Lão Hòa Thượng Phó Pháp Chủ thượng HUỆ hạ THÀNH quang lâm Chứng minh, nguyện hương cho công cuộc trùng tu.

Long vị của Đại lão Hòa thượng Minh Vật - Nhất Tri

Làm bằng đá cẩm thạch, xanh dợt, chạm trổ hoa văn và chữ khắc đẹp, sắc xảo - Long vị hình chữ nhật, cao 26 cm, ngang 15 cm, dày 3 cm, ở giữa khắc dòng chữ: “Kim Cang Đường Thượng, Tam Thập Tứ Thế, Húy Minh Vật Nhất Tri Hòa Thượng Giác Linh Chi Vị”

Xung quanh là hoa văn hình lá cây phía trên đầu hoa là hai đầu rồng châu trái châu rực lửa.

Đế long vị là khối đá hình chữ nhật, bốn mặt có chạm hoa văn hình chữ S hoặc chữ T ngược nhau và chân đế khắc kiểu chân quỳ.

Phía mặt sau long vị có khắc các hàng chữ: - Thập ngoạt, sơ thập nhật viên tịch - Tuế thứ Đinh Mùi niên, trọng xuân ngoạt, cát nhật, cẩn tạo.

Qua hai hàng chữ trên, chúng ta được biết Đại lão Hòa Thượng Minh Vật - Nhất Tri, Trụ Trì Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang, viên tịch ngày 10 tháng 10 năm Bính Ngọ (1786) còn long vị thì được lập vào ngày tốt tháng Giêng, năm Đinh Mùi (1787).

Trùng tu Tổ đình Quốc Ân Kim Cang :

Ngày 26/12/1988 (18/11 âm, năm Mậu Thìn) Thượng Tọa Thích Minh Lượng, Trụ trì Kim Long Cổ Tự được nhân dân báo tin cho biết có Tháp mộ xưa của Chùa và Thượng Tọa hướng dẫn chư Tăng đến phát hoang dọn dẹp cạo bỏ ổ mối, đất cát xung quanh Tháp và rào giậu bảo vệ 2 ngôi Bảo Tháp và báo tin (không bằng văn bản) cho Ban Trị Sự Tỉnh Hội được biết.

Tiếp theo Ông Nguyễn Hiền Đức, nhà viết sử “Phật Giáo Đàng Trong” đến sưu tầm và mời các Cụ đồ nho giúp đọc văn bia, phát hiện là Tháp mộ của Tổ Sư Nguyên Thiệu - Siêu Bạch. TT. Thích Minh Lượng bắt tay vào việc trùng tu Tháp Tổ.

Ngày 16/9/1999 Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Đồng Nai có bằng tường trình gửi Hội Đồng Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam - Ban Văn Hóa Trung Ương GHPGVN - Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai - Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Tỉnh Đồng Nai - Ban Tôn Giáo Chính Quyền Tỉnh Đồng Nai - Sở Văn Hóa Thông Tin Tỉnh Đồng Nai giúp đỡ được phục hồi xây dựng trùng tu và xin công nhận xếp hạng vào hàng di tích lịch sử...đáp ứng lòng mong mỏi của chư Tăng Ni, Phật Tử Đồng Nai.

Năm 2001 do công việc trùng tu bị đình trệ quá lâu, nên quý Hòa Thượng Thích Tuệ Hải (Chùa Từ Quang), Hòa Thượng Thích Minh Chánh (Chùa Giác Minh), Thượng Tọa Thích Minh Lượng (Kim Long Cổ Tự) phát nguyện đứng ra

tiếp tục trùng tu Tháp Tổ và cử người đi khắp các chùa thuộc phủ hệ tìm hiểu về tông tích của Tổ Sư.

Ngày 27/7/2004, Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Đồng Nai có bản tường trình về thánh tích và ngôi Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang , ấp Bình Lục, xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu. Xin đề nghị Chính phủ công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia - kèm dự án trùng tu - bảng tường trình nguồn gốc Tổ Đình - 06 ảnh lễ đặt đá trùng tu.

Ngày 25/8/2004, Ban Trị Sự Tỉnh Hội nhận được công văn của Hội Đồng Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam số 322/CV/HĐTS của Hội Đồng Trị Sự chấp thuận cho Ban Trị Sự đứng ra trùng tu ngôi Tổ Đình, do Hòa Thượng Thích Hiền Pháp, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư Ký Hội Đồng Trị Sự ấn ký - kèm công văn số 661/TGCP/V2, ngày 22/09/2004 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ chấp thuận cho trùng tu.

Ngày 04/11/2004, Ban Trị Sự Tỉnh Hội có tờ trình xin cấp chủ quyền sử dụng đất cho Tổ Đình Kim Cang - kèm biên bản ngày 20/10/2004 - sơ đồ xây dựng ngôi Tổ Đình, do Tỉnh Hội phát họa - bản sao trích lục địa bộ ngày 21/12/1971, số địa bộ cũ 137, địa bộ mới 28, số bản đồ 28 - sơ đồ phát họa cấu trúc quần thể Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang do Tỉnh Hội phát họa.

Ngày 12/6/2007, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai có công văn số 4352/UBND-VX chấp thuận cho Ban Trị Sự Tỉnh Hội trùng tu Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang , xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu.

Ngày 2/10/2007 Ủy Ban Nhân Dân Huyện Vĩnh Cửu tổ chức phiên họp giải quyết v/v di dời hai hộ dân ra khỏi khu vực đất đang xin trùng tu Tổ Đình Kim Cang . Cuộc họp gồm có: Về phía Ban Tôn Giáo Tỉnh có Ông Lê Minh Sơn, Trưởng Ban Tôn giáo, Bà Võ Thị Mộng Thu, Phó Văn phòng Ban Tôn Giáo Tỉnh - Về phía Tỉnh Hội có: HT. Thích Minh Chánh, TT. Thích Phước Tú, ĐĐ. Thích Huệ Ninh - Cấp Huyện có: Bà Nguyễn Thị Tư, Ông Trương Văn Nhân, Ông Đoàn Văn chiến, Ông Nguyễn Văn Hòa, Ông Nguyễn Thanh Sáng, Ông Nguyễn Giang Châu - Về phía xã: Có Ông Tạ Quốc Sỹ, Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân xã Tân Bình.

Ngày 7/3/2008, Chính quyền các cấp tại Huyện Vĩnh Cửu và xã Tân Bình, tổ chức phiên họp tại Văn phòng Ủy Ban Nhân Dân xã Tân Bình để giải quyết đền bù cho hai hộ dân, như sau: Đề nghị Ban Trị Sự Tỉnh Hội chi trả cho hộ Ông Thanh là 942 triệu, kèm 1000 m2 đất hoán đổi - hộ Ông Đáng 705 triệu và 750 m2 đất hoán đổi. Với giá cả này quá cao, HT. Trưởng Ban Trị sự không chấp nhận.

Ngày 21 tháng 6 năm Mậu Tý tổ chức chẵn tế, trai đàn, tại địa điểm Tổ Đình Kim Cang - Chuẩn bị cho công tác trùng tu.

Trong quá trình phát hiện ngôi chùa Tháp, có Giáo hội Trung ương, tỉnh Đồng Nai, huyện Vĩnh Cửu chư vị đại lão Hòa thượng, chư Thượng tọa, chư vị Tăng Ni, Phật tử, các nhà mạnh thường quân, nhà hảo tâm đến hộ trì. Nhân dân địa phương, Chính quyền các cấp hỗ trợ cho đến ngày thi công.

Đại Lão Hòa Thượng Thích Huệ Thành, Phó Pháp Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, nguyên Trưởng Ban Trị sự Tỉnh Hội Phật Giáo Đồng Nai khóa I, Chứng minh Chỉ đạo Ban Trị sự Tỉnh Hội Phật Giáo Đồng Nai từ khóa II đến khóa V, nguyên Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Cổ Truyền Việt Nam, Tông chủ Lâm Tế Tông, thuộc dòng Lâm Tế thứ 40, Viện Chủ Tổ Đình Long Thiên đến chứng minh niệ m hương.

Được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, huyện Vĩnh cữu cho phép, Hòa Thượng Thích Minh Chánh, Thành viên Hội Đồng Chứng Minh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Ủy viên Hội Đồng Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Trưởng Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Đồng Nai, Trụ Trì Chùa Giác Minh, phát nguyện đứng ra tái thiết trùng tu Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang . Ông Bà Phật Tử Trương Hữu Quyên, Phật Tử Chùa Giác Minh cúng dường hộ trì công tác trùng tu.

---o0o---

Ngày Thứ Bảy Mười Chín: Chùa Quốc Ân Khải Tường

- Chúng ta tiếp tục tìm hiểu về chùa Quốc Ân Khải Tường, một trong những ngôi chùa có bề dày lịch sử ở miền Nam, Biên Trấn (Saigon xưa), kiến tạo sau ngôi Tổ đình Quốc Ân Kim Cang , nhưng có liên quan nhiều với Tổ đình Kim Cang , Trấn Biên (Biên Hòa xưa)!

- Chùa Quốc Ân Khải Tường là ngôi cổ tự có từ thời chúa Võ Vương Nguyễn Phước Khoát trị vì đất nước Việt Nam, (Tại địa điểm Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh ngày nay) đã bị phát hủy và mai một có đến 150 năm.

Nay Thượng Tọa Thích Lệ Trang được đạo hữu Huỳnh Văn Mạnh và Lê Thị Ánh Tuyết phát tâm hiến cúng dường đất và tài chính để tái thiết trùng tu ngôi chùa Quốc Ân Khải Tường tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi Hòa thượng Thích Giác Quang đại diện Văn phòng Tỉnh Hội Phật Giáo Đồng Nai tìm hiểu và trích ghi lại đôi dòng lịch sử về ngôi cổ tự.

Theo sách Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Saigon, Tp.Hồ Chí Minh 1600-1992 NXB Tp.HCM ấn hành năm 2001, thì vào năm 1677 (Định Ty) Tổ sư Nguyên Thiều (1648-1728) người tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) sang Qui Nhơn lập chùa Thập Tháp-Di Đà truyền bá thiền Lâm Tế (Dòng Vạn Phong: Tổ Đạo Giới Định Tông...và dòng Đạo Môn: Đạo Bản Nguyên Thành Phật tổ Tiên...).

Đến năm 1679 có khoảng 3.000 người Minh không thần phục nhà Thanh bỏ sang Đàng Trong, nhóm Trần Thượng Xuyên được chúa Nguyễn Phước Tần cho định cư ở Biên Hòa, nhóm Dương Ngạn Địch định cư ở Mỹ Tho.

Năm 1683 (Quý Hợi), Tổ Sư Nguyên Thiều được chúa Hiền thỉnh ra Thuận Hóa truyền bá Phật Pháp thay cho Thiền sư Hương Hải. Tổ Sư lập chùa Phổ Thành (Chùa Hà Trung). Chùa Vĩnh Ân (Chùa Quốc Ân). Năm 1687, chúa Nguyễn

Phước Tần (Chúa Hiền) mất, con là Nguyễn Phước Trăn (Chúa Ngãi) lên thay (1687-1691).

Năm 1867 (Đinh Mão) Chúa Ngãi cử Thiền sư Nguyên Thiều về Trung Hoa thỉnh thêm nhiều danh Tăng sang Đàng Trong hoằng hóa, nhờ đó Phật Giáo ngày càng hưng thịnh. Năm 1691 (Tân Mùi) Chúa Ngãi mất, con là Nguyễn Phước Châu (Chúa Minh) lên nối ngôi.

Năm 1694 (Giáp Tuất) Chưởng cơ Nguyễn Phước Huệ và Nguyễn Phước Thông âm mưu nổi loạn. Chưởng cơ Nguyễn Phước Nhuận tố giác, Huệ và Thông cùng bảy người đồng mưu bị bắt giết. Cùng thời gian một lái buôn tên là Linh nổi loạn ở Quảng Ngãi, xưng là Linh Vương, đóng chiến thuyền, đúc khí giới, Linh Vương hợp cùng một người tên Quảng Phú, một ở phủ Qui Ninh (Qui Nhơn) đánh phá vùng đất Qui Nhơn - Quảng Ngãi. Chúa Nguyễn Phước Châu (Chúa Minh) phải sai quân dinh Quảng Nam hợp cùng phủ Quảng Ngãi và Qui Ninh đem quân đánh dẹp (1695).

Rằm tháng Giêng (27/2/1695) theo lời mời của chúa Nguyễn Phước Châu (Chúa Minh), Hòa Thượng Thạch Liêm cùng các đệ tử xuống thuyền ở cảng Hoàng Phố để sang Đàng Trong (Đại Việt). Ngày 28/01/ âl, Hòa Thượng đến Cù Lao Chàm (Hội An), ngày 29/01 âl chúa Minh rước Hòa Thượng về Phú Xuân, ngụ tại chùa Thiên Lâm. Ngày mùng 08/04 chúa Minh cho mở Đại giới đàn tại chùa Thiên Lâm, do Hòa Thượng Thạch Liêm làm Hòa Thượng Đàn Đầu, lúc bấy giờ chúa Minh quy y thọ giới Bồ Tát, được ban pháp danh là Hưng Long, hiệu Thiên Túng Đạo Nhơn. Ngày mùng 07/07 âl Hòa Thượng Thạch Liêm tiếp tục mở đàn truyền giới tại chùa Thập Tháp-Di Đà (Hội An). Hòa Thượng Thạch Liêm trở về Trung Quốc vào ngày 15/10 âl năm Bính Tý (1696).

Năm 1698 (Mậu Dần) chúa Minh Nguyễn Phước Châu sai Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược đất Đồng Nai-Saigon, lập phủ Gia Định gồm huyện Phước Long với dinh Trấn Biên (Biên Hòa) và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn (Gia Định), trang 20, Biên niên sử Phật giáo Gia định-Saigon-Tp.Hồ Chí Minh (1600-1802).

Quá trình này, tức là 4 năm sau biến cố (1694 Giáp Tuất, do người Minh Hương sang nước Nam tạm trú làm ăn và tạo loạn), Tổ Sư Nguyên Thiều tìm cách lánh xa thế cuộc, vào Nam, góp phần cùng chúa Nguyễn, Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh và nhân dân mở rộng bờ cõi đất phương Nam vừa hành đạo giáo hóa muôn dân. Ngài thành lập Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang , tại ấp Bình Thảo, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chùa đã bị mai một do trải qua nhiều cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn, chiến tranh giữa Nguyễn Huệ và các chúa Nguyễn. Ngày 19/10 âl, năm Mậu Thân (1728) Tổ sư Nguyên Thiều viên tịch tại Tổ Đình Quốc Ân Kim Cang , đồ chúng lập Pháp Tháp thờ phượng còn tồn tại đến hôm nay.

Đến năm 2007, Hòa Thượng Thích Minh Chánh, Thành viên Hội Đồng Chứng Minh Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Ủy viên Hội Đồng Trị

Sự, Trưởng Ban Trị Sự THPG Đồng Nai, Trưởng Ban Tăng Sự THPG Đồng Nai, Viện Chủ chùa Giác Minh được ủy nhiệm của Ban Trị Sự Tỉnh Hội phát nguyện đứng ra trùng tu ngôi Tổ Đình và do chính Hòa Thượng làm Trụ trì.

Năm 1729 (Kỷ Dậu), tức là sau một năm Tổ sư Nguyên Thiều viên tịch, chúa Nguyễn Phước Trú (1725-1738) được gọi là chúa Ninh Vương, quy y Phật hiệu là Vân Tuyên đạo nhân. Năm 1734 (Giáp Dần) nhà Chúa sắc tứ và ban biển ngạch cho chùa Hộ Quốc Quan (Chùa được xây dựng nằm ven bờ sông Đồng Nai, tại phường Tân Vạn, Thành phố Biên Hòa ngày nay, năm 1967 đến 1973 trở về trước do Đại Đức Thích Huệ Tấn làm Trụ trì, năm 1982 do Sư cô Thích Nữ Diệu Thủy làm Trụ trì, từ năm 1984 đến nay do Thượng tọa Thích Thiện Hòa làm Trụ trì), do Thông suất Nguyễn Cửu Vân sáng lập, trang 21, Biên niên sử Phật giáo Gia định-Saigon-Tp.Hồ Chính Minh (1600-1802).

Năm 1738 (Mậu Ngọ), chúa Nguyễn Phước Trú mất, con là Nguyễn Phước Khoát lên thay, được gọi là chúa Võ Vương, là một vị Phật tử thuần thành, hiệu là Từ Tế đạo nhơn, hay cư sĩ Phật Tâm.

Năm 1744 (Giáp Tý), chúa Võ Vương chính thức xưng là Quốc Vương (Vua một nước độc lập). Lúc bấy giờ có Thiền sư Phật Ý - Linh Nhạc đến Tân Lộc (Thuộc khu chợ Đủ, Quận 3, Tp.HCM ngày nay) lập thảo am tu hành, sau đó thành lập ngôi Tam Bảo cho mọi người chiêm bái tu hành, nay là chùa Từ Ân. Về sau có cư sĩ Lý Thoại Long (Người Minh Hương) xây dựng chùa Giác Lâm ở Gò Cẩm Sơn (Nay là quận Tân Bình, Tp.HCM). Ngoài ra nơi đây còn có một ngôi Am tranh khác gần chùa Từ Ân, do vị Thiền sư bạn đạo của Thiền sư Phật Ý - Linh Nhạc lập Am tranh tu tịnh nghiệp, Am đó sau trở thành chùa Khải Tường (Nay thuộc khu vực trường Lê Quý Đôn và Bảo tàng chứng tích chiến tranh). Năm 1755 (Ất Hợi) Thiền sư Đạt Bản, từ Qui Nhơn vào Đàng Trong lập chùa Kim Chương, sau gọi là sắc tứ Phổ Quang-Thiên Trường (Trang 23, Sách biên niên sử Phật Giáo, NXB Tp.Hồ Chí Minh ấn hành).

Năm 1765 (Ất Dậu) nhà chúa Võ Vương mất, con là Nguyễn Phước Thuần mới 12 tuổi được đưa lên thay. Trương Phúc Loan (Cậu của Nguyễn Phước Thuần) giữ chức Quốc Phó, nắm toàn quyền triều đình Đàng Trong.

Năm 1778 (Mậu Tuất) chiến tranh Trịnh Nguyễn xảy ra liên miên, tạo nên cảnh chết chóc, người người ly tán, làm cho dân tình đói khổ, nhân dân dờn thán. Tại An Khê, Bình Định có nhà Anh Em Tây Sơn, gồm Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ xưng vương và đứng lên với danh nghĩa “Phò Lê diệt Trịnh”, đánh đuổi quân ngoại xâm nhà Mãn Thanh mang lại thanh bình cho đất nước. Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế đóng đô ở thành Đồ Bàn, Qui Nhơn.

Ở Gia Định thì Nguyễn Phước Ánh được suy tôn làm Đại nguyên soái, nhiếp chính vương để lãnh đạo chống lại nhà Tây Sơn. Năm Canh Tý (1780) bà Chiêm Thị Mai xây dựng chùa Huệ Lâm (Nay ở đường Tùng Thiện Vương, Quận 8). Năm

1789 (Kỷ Dậu) Vua Quang Trung - Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, chiếm lại thành Thăng Long.

Năm 1790 (Canh Tuất), trong khi chờ xây thành, Nguyễn Vương (Nguyễn Phúc Ánh) tạm trú tại chùa Từ Ân, đặt nội cung ở tại chùa Khải Tường, thuộc xã Tân Lộc, huyện Tân Bình (Nay thuộc quận 3, Tp.HCM), chùa Khải Tường do Thiền sư Thiệt Thành-Liễu Đạt làm Trụ trì. Năm 1791 (Tân Hợi) vào tháng 4 Vương phi họ Trần hạ sanh Hoàng tử Nguyễn Phước Đảm (Sau này là vua Minh Mạng) tại nội cung chùa Khải Tường.

Năm 1802 (Nhâm Tuất) Vua Gia Long cho trùng tu chùa Từ Ân và chùa Khải Tường ở Gia Định. Năm 1803 (Quý Hợi) lần đầu tiên đại giới đàn được tổ chức tại chùa Kim Chương (Gia Định). Năm 1804 (Giáp Tý) nhà Vua đặt tên nước là Việt Nam, lập kinh đô ở Phú Xuân (Huế) và thỉnh Thiền sư Tổ Ân-Mật Hoằng ở Biên Hòa ra kinh đô làm Tăng cang chùa Thiên Mụ.

Năm 1817 (Đinh Sửu) Vua Gia Long triệu thỉnh Thiền sư Thiệt Thành- Liễu Đạt Trụ trì chùa Khải Tường ra Huế làm Tăng Cang chùa Thiên Mụ thay Thiền sư Tổ Ân-Mật Hoằng viên tịch. Ngày mùng 07/10 âm Hòa Thượng Thiệt Thoại-Tánh Tường khai sơn chùa Huệ Nghiêm ở Thủ Đức viên tịch. Thiền sư Tiên Huệ-Tịnh Nhãn từ Huế về khai sơn chùa Thiên Phước, Thủ Đức. Về sau đệ tử của Ngài là cao tăng nhiều Tự Viện vùng Đồng Nai.

Năm 1819 (Kỷ Mão) Thái tử Đảm lên ngôi, hiệu là Minh Mạng (1820-1840). Năm 1821 (Tân Ty) Nhà Vua sắc tứ cho hai chùa: “Quốc Ân Khải Tường” (Nơi vua sanh ra) và “Sắc Tứ Từ Ân”. Năm 1383, nhà vua đổi tên nước Việt Nam thành Đại Nam. Ngày 28/12 âm (Canh Tý), nhà vua băng hà, con là Thái tử Miên Tông lên nối ngôi tức vua Thiệu Trị. Năm 1841 (Tân Sửu), nhân lễ Vu Lan, nhà vua mở trai đàn ở chùa Thiên Mụ, chùa Giác Hoàng ở kinh đô và chùa Quốc Ân Khải Tường ở Gia Định.

Năm 1845 (Ất Ty), cư sĩ Đoàn Văn Huyên (1807-1856) truyền bá đạo Bửu Sơn Kỳ Hương bị nghi là “Gian đạo sĩ”, nên phải vào chùa Giác Lâm quy y với ngài Hải Tịnh, với pháp danh là Minh Huyên, tự Pháp Tạng. Sau ngài về chùa Tây An hành đạo, đồng bào thường gọi là cư sĩ Tây An, hay Phật Thầy Tây An.

Năm 1847 (Đinh Mùi), vua Thiệu Trị băng hà, hoàng tử Hồng Nhậm lên ngôi, lấy niên hiệu là Tự Đức vào ngày Kỷ Sửu, tháng 10. năm 1851 (Tân hợi), Bộ Lễ in 13.069 sắc thần để cấp cho các đình làng trong nước thờ cúng. Năm 1854 (Giáp Dần) vua Tự Đức là một thi sĩ, tâm tính yếu mềm, có hiếu đạo với mẹ, yêu chuộng đạo Khổng, cấm đạo ngoại, bắt bớ giết chóc các giáo sĩ Kitô giáo ngoại quốc; kể cả không cho lập Chùa mới, trai đàn, đúc chuông...chỉ cho sửa chữa hư. Năm 1862 (Nhâm Tuất) chùa Sắc Tứ Từ Ân bị giặc Pháp gây chiến tranh làm cho chùa bị suy sụp, cuối thế kỷ XIX dời về đường Tân Hòa (Quận 11 ngày nay). Chùa Quốc Ân Khải Tường bị phá hủy năm 1860.

(Sách Biên niên sử Phật giáo Gia Định-Saigon, Tp.Hồ Chí minh 1600-1992 NXB Tp.HCM ấn hành năm 2001).

Thành lập từ năm 1738 cho đến năm 1860, do giặc Pháp đốt phá chùa Quốc Ân Khải Tường, chùa tồn tại được 122 năm. Nếu tính từ năm thành lập đến nay, thì chùa Quốc Ân Khải Tường có 271 năm.

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười : chùa quốc ân khai tường (phần 2)

Tại khu vực trung tâm thành phố Saigon có những ngôi giáo đường đồ sộ được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; tồn tại đến nay hơn trăm năm tuổi. Chùa chiền lớn như Xá Lợi, Ấn Quang, Vĩnh Nghiêm...mới có trong khoảng 40, 50 năm nay. Thế những ngôi chùa cổ nổi tiếng một thời của đất Gia Định như Kim Chương, Từ Ân, Khải Tường...vì sao mất dấu?

Gần 150 năm trôi qua, may mắn thay “Chứng nhân” giai đoạn lịch sử đen tối, đau thương của dân tộc Việt vẫn còn có mặt tại thành phố này. Căn cứ sử sách ghi chép được biết:

Tháng 8 năm Mậu Thân (1788), Chúa Nguyễn Phước Ánh đánh lui quân Tây Sơn thu phục đất Gia Định. Tháng 9, chúa sai Nguyễn Văn Nhơn, Trương Phước Giáo ra đảo Phú Quốc rước mẹ, vợ con về sum họp.

Tháng 3 năm Canh tuất (1790), Nguyễn Vương cho đắp thành Gia Định theo kiểu bát quái. Trong thành kiến thiết miếu điện, cung thất, kho tàng...gọi là Kinh Thành Gia Định. Từ đó cơ nghiệp họ Nguyễn Phước hưng thịnh dần cho đến ngày thống nhất đất nước (1802).

Ngày 23 tháng 4 năm Tân Hợi (25/5/1791), thứ phi của chúa, bà Trần Thị Đang sinh ra vương tử thứ tư Nguyễn Phước Đảm tại tư dinh của bà Quốc công Tổng Phước Khuông (Tổng Phước Khuông, dòng dõi công thần nhiều đời, theo phò chúa Nguyễn từ lúc bôn đào. Năm 1780, đi công cán, chết tại thành Nam Vang. Ông có gái là Tổng Thị Lan, vợ chính của Nguyễn Phước Ánh. Sau khi lên ngôi, năm 1806 Gia Long tấn phong bà làm Thuận Nguyên hoàng hậu. Ông được truy phong Tổng Quốc Công, triều Minh Mạng cải phong Quy Quốc Công)

Lịch sử cấu trúc chùa Quốc Ân Khải Tường

Tháng giêng năm Canh Thìn (1820), Hoàng tử Đảm lên nối ngôi chọn niên hiệu Minh Mạng (1820-1840). Tháng 9 năm Nhâm Thìn (1832), vua nhớ đến nơi mình sinh ra nên truyền lệnh cho các quan ở Gia Định dò tìm lại dấu tích. Xác minh được di chỉ ở xóm Tân Lộc bên hữu thành Gia Định, vẽ bản đồ dâng về Huế. Vua hạ lệnh xuất 300 lượng bạc trong khi nội phủ giao cho tỉnh Gia Định tổ chức việc xây dựng một ngôi chùa tại địa điểm trên theo đúng bản vẽ của bộ Công. Quy mô từ ngoài vào trong gồm có lầu chuông trống ba gian hai chái; tiếp đến điện Phật

ba gian; hai bên có hai hành lang dài nối với Tăng xá và nhà ăn đều ba gian hai chái. Chùa làm xong, thỉnh hai mươi nhà sư đến cư trú, ban cấp ruộng đất lấy hoa lợi lo việc thờ cúng hằng năm.. vua đặt tên chùa “Quốc Ân Khải Tường Tự” (Khải Tường là mở bày đều tốt lành). Âm chỉ nơi chốn vua sinh ra là vùng đất quý, phát phúc lâu dài, rộng rãi.

Dịp lễ khánh thành, triều đình Huế gửi vào một pho tượng Phật Thích Ca ngồi kiết già trên tòa sen. Tượng tạc bằng gỗ mít, sơn son thếp vàng, cao gần 2 m. Đây là pho tượng Phật lớn nhất miền Nam đương thời, nên dân gian còn gọi chùa Khải Tường là “Chùa Phật Lớn” hay “Chùa Ông Phúc” (Chùa này ở góc đường Trần Quý Cáp (Testart cũ) và Lê Quý Đôn (Barbé cũ), trích sách dẫn chỉ nam Viện Bảo Tàng Quốc Gia Việt Nam tại Saigon - Thái Văn Kiểm - Trương Bá Phát, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh niên Saigon năm 1974, trang 201).

Quốc Tự Khải Tường có các vị Cao Tăng Trụ trì hoàng dương đạo pháp, được triều đình bảo hộ nên trở thành ngôi chùa tiêu biểu, ảnh hưởng rộng lớn đến quần chúng đạo Phật khắp Nam kỳ lục tỉnh, cho đến ngày...

Từ Bến Thành trải qua chợ Sỏi, mùi tinh chiên xí xỏ biết bao nhiêu
Nơi Chợ Lớn trải tới Cầu Thương, quân mọi rợ lầy lùng nên quá lắm!
Cầu Bà Nghè cùng nơi Chợ Quán, lũ tham tàn đặc ý vênh râu,
Chùa Cẩm Thảo trải tới Cây Mai, Phật Bồ Tát chịu nghèo ôm bụng...”

(Phủ Gia Định thất thủ - khuyết tên)

Sách Hội Thảo Khoa Học 300 năm PG Gia định-Saigon-Tp.HCM trang 30,31 nói: “...con gái thứ ba của Vua Gia Long đã cúng hiến biển hoành ba chữ “Đại Giác Tự” sơn son thếp vàng vào năm Minh Mạng nguyên niên để kỷ niệm. Chùa Từ Ân ở thôn Bình Dương, Hòa Hưng, được Hiếu Khương Hoàng Hậu sắc cho làm chùa công. Năm Minh mạng thứ 20 (1821) vua cho đổi tên “Sắc Tứ Từ Ân Tự”. Đặc biệt là chùa Khải Tường, năm Minh Mạng nguyên niên có chỉ dụ nói “Năm Tân Hợi (1791) vua sinh ở đây, vậy là đất lành, nên lập chùa để ghi nhớ”. Chùa ở Thôn Hoạt Lộ, huyện Bình Dương. Ngoài ra còn nhiều chùa do các du tăng trốn loạn Tây sơn, bỏ Thuận Hóa vào miền Nam để ẩn tu.

Sách Lược Khảo Phật giáo sử Việt Nam của Vân Thanh, xuất bản tháng 03 năm 1975, nói: “...dưới triều đại Gia Long Phật Giáo đã truyền khắp nước Việt Nam, nay còn nhiều chứng tích lịch sử như các chùa kiến tạo từ Trung Việt vô Nam Việt rất nhiều như sắc tứ, tu tạo lược kể như sau:

“.....Chùa Khải Tường, Thôn Hoạt Lộ, huyện Bình Dương, xây cất năm Tân Hợi (1701), hiện nay nền chùa là Trường Đại Học Y Khoa cũ, đường Trần Quý Cáp, do Nguyễn Vương Phúc Ánh kiến tạo để kỷ niệm nơi sinh Hoàng tử Đờm (hay Đầm, tên vua Minh Mạng) - sách Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam của Vân Thanh, trang 177, PL 2518.

Chùa Khải Tường chính là nơi làm nội cung của Nguyễn Vương Phúc Ánh trên bước đường vừa mở rộng bờ cõi phương Nam, vừa trốn nhà Tây Sơn. chùa

Khải Tường thuộc nội cung (Nơi chính cung Hoàng hậu ở?), chùa Từ Ân thuộc ngoại cung của chúa Nguyễn thời bấy giờ. Đến triều đại vua Minh Mạng (Nguyễn Phúc Đảm), chi 300 lạng bạc gửi vào Nam để trùng tu nơi sinh ra nhà vua và sắc tứ thành chùa Quốc Ân Khải Tường.

Năm 1863 đến 1867, quân Pháp đánh chiếm Gia Định (Phiên Trấn), phá hủy Chùa Quốc Ân Khải Tường, tôn tượng Phật Thích Ca (được nhà Chúa đặt đúc tại Nhật Bản, có ảnh bên trên) đem về Viện Bảo Tàng, Saigon cất giữ nơi đó “Không có vẽ tôn kính” cho đến hôm nay....”

Thật là đau buồn cho Phật Giáo lúc bấy giờ bị hủy hoại triệt tiêu, triều đình Huế bắt lực, cấm đạo chúa Kitô, chính là động lực làm cho người Pháp càng hung hãn đánh dẹp Đạo Phật thêm hơn, phát huy Đạo Kitô của người Tây dương, đạo Phật phải nhường lại cho sức mạnh ngoại bang xâm lấn và phát triển Kitô giáo. Thế là bản sắc văn hóa Phật giáo, cũng là văn hóa Dân tộc không còn được tôn trọng! (Lời của người biên soạn sách này...)

Quốc ân Khải tường bị phá hủy:

Ngày 18 tháng 12 năm 1859, thiếu tướng Hải quân Rigault De Genouilly chỉ huy liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh chiếm thành Gia Định. Nhằm nhanh chóng ổn định tình thế, trấn áp dân bản xứ, thiết lập quyền lực cai trị, quân xâm lược phá hủy toàn bộ thành trì, công thự của Nam Triều; chúng chiếm đóng chùa Khải Tường và các ngôi chùa lớn khác như Từ Ân, Kim Chương, Kiểng Phước, Mai Sơn...thiết lập phòng tuyến quân sự. Năm 1880, chính quyền thực dân triệt hạ chùa, đem chiến lợi phẩm là pho tượng Phật chùa Khải Tường về cất giữ ở kho phủ Toàn quyền.

Năm mươi năm sau, ngày 01 tháng 01 năm 1929, Viện Bảo Tàng Blanchard De La Bross (Lấy tên của Viên Thống Đốc Nam Kỳ đã ký nghị định thành lập Viện Bảo Tàng) khánh thành, mở cửa triển lãm cổ vật. Tượng Phật chùa Khải Tường được di chuyển về đặt tại phòng bát giác, trung tâm Viện Bảo Tàng để thiên hạ quan chiêm. Sau năm 1975, tượng dời ra trưng bày ở phòng phía sau cho đến nay.

Ngày nay du khách trong, ngoài nước có dịp tham quan Viện Bảo Tàng lịch sử thành phố, chiêm ngưỡng tư thế tự tại, nụ cười an nhiên “Tùy sở trú xứ thường an lạc” (Thuận theo nơi chốn mình đang ở mà giữ cái tâm luôn luôn yên vui).

Mấy ai tưởng tận việc nổi trôi theo vận nước của ông Phật chùa Khải Tường. Mấy ai suy nghĩ sâu sắc như nhà văn Sơn Nam: “Giặc có ý thức chính trị, có lẽ do bọn Việt gian xúi giục nên hầu hết chùa miếu thờ Quan Công, thờ Mã hậu đều còn nguyên vẹn, trong khi chùa Phật và thành lũy lớn nhỏ của người Việt đều bị phá hủy không nương tay” (Đất Gia Định xưa - Sơn Nam (NXB TPHCM - 1984, trang 112)

May thay ông Phật lớn chùa Khải Tường vẫn còn...để người dân Việt thấy rõ vận mệnh của Đạo Phật gắn liền với dân tộc. Ngày xuân, ngâm lại bài thơ cảm tác trước cảnh nước mất chùa tan của cử nhân Phan Văn Trị (1830-1910) càng thấm thía thêm sự thật đó:

*Nam mô hai chữ biết về đâu?
Cám nỗi chùa hư Phật phải rầu!
Nắng rọi mõ chuông khô nứt mặt,
Mưa sa kinh kệ ướt men đầu
Rằm ngươn vắng kẻ dâng vùa nếp
Hôm sớm không ai cung phụng dầu
Đức cả từ bi xin sớm liệu
Ngôi chờ Lương Võ Đế còn lâu*

(Lương Võ Đế tên Tiêu Diễn, làm vua Trung Quốc từ năm 502-549. Ông rất sùng mộ Phật giáo, được đời tôn xưng là Phật tâm Thiên tử).

Ngày 15/10/2009 Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai có ý kiến nhất trí cho Thượng Tọa Thích Lệ Trang, Trụ trì chùa Định Thành, Tp. Hồ Chí Minh đứng ra tổ chức tái thiết trùng tu chùa Quốc Ân Khải Tường, tại ấp Bà Ký, xã Long Phước, huyện Long Thành, trên phần đất 20 ha do Phật tử Huỳnh Văn Mạnh và gia đình hiến cúng. Công đức thật lớn lao với công trình thế kỷ của quý vị đối với Phật giáo miền Đông.

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười Một : Tứ ân với người con Phật

Vấn: Bạch Sư, tại Việt Nam trong các giới Phật giáo chúng con thường nghe phổ biến giáo hóa về giáo pháp Tứ Ân của nhiều pháp phái. Nay xin Sư khai thị về Tứ ân của Phật giáo?

Đáp: Trong đời giáo hóa của Đức thế tôn, Ngài là người con hiếu đạo tiêu biểu có nhiều hạnh lành trong giáo pháp của chư Phật và trong quảng đại quần chúng Ấn Độ thời bấy giờ. Có bài kệ tán thán về Ngài như sau:

*Phật xưa hiếu thảo kẻ hà sa
Đến kiếp hiện nay cũng đậm đà
Dao lợi thiên cung về viếng mẹ
Ca tỳ La vệ đến tìm cha
Khom lưng đánh lễ đòi xương trắng
Đưa mặt cho hôn một mẫu già
Đến thác kim quan còn bật nắp
Soi cùng hiếu tử ai dám qua!*

Người xuất thế của Đạo Phật, theo giới pháp tu hành tuy có nói việc “Cắt ái từ thân”, song đứng về gốc độ đạo đức thì người tu không hẳn lìa bỏ cha mẹ, ông

bà, cứu huyền thất tổ của mình; ngược lại Đạo Phật còn giáo hóa người con Phật phải quan tâm nhiều hơn đối với cứu huyền thất tổ ông bà cha mẹ trong quá thế nhiều đời cũng như hôm nay. Người Phật tử luôn được cân nhắc bốn phạm báo ân báo hiếu là việc trọng đại trong đời người tu! Nhất là người Phật tử Việt Nam, luôn là những người Phật tử tiêu biểu trong các hàng Phật tử trên thế giới trong vấn đề trải thân báo hiếu mẹ cha!

1/. Người Việt Nam đối với đạo Phật:

Người Việt Nam đối với Đạo Phật hay người Phật Tử Việt Nam. Từ ngữ Phật Tử không chỉ đơn thuần là người con Phật trong tâm khảm của con người và thanh thiếu niên Phật Giáo Việt Nam, mà nó còn là dòng suối mát thanh lương đượm thấm tình người trong một cộng đồng đạo đức nhân bản của người Việt. Hơn thế nữa người con Phật còn gợi cảm một tình yêu thấm thiết với quê hương, với bầu trời Việt Nam, với sự tươi đẹp trong lòng của xứ sở bốn ngàn năm văn hiến, ven bờ Thái Bình Dương bao la xanh thẳm.

Phật Giáo du nhập Việt Nam, được lịch sử chính thức xác nhận năm 240 trước Tây lịch - Mahoda, con Vua Asoka đưa Đạo Phật vào Việt Nam - Theo Giáo sư Ngô Đăng Lợi nhà nghiên cứu khoa học Hải Phòng viết: “Vùng Đồ Sơn có thành Nê Lê, có Bảo tháp Vua Asoka”. Nếu quả vậy, Đạo Phật sớm được đưa vào Việt Nam khoảng thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch (Tôn Giáo và lịch sử văn minh nhân loại - trang 12).

Pháp sư Đàm Thiên (542 - 607) dẫn chứng trong Thiên Uyển Tập Anh: “Một Phường Giao Châu, đường qua Thiên Trúc, Phật pháp lúc mới tới thì Giang Đông (Trung Quốc) chưa có, mà Trung tâm Luy Lâu lại dựng Chùa hơn 20 ngôi, độ Tăng hơn 40 người, dịch Kinh được 15 quyển vì nó có trước vậy, vào lúc ấy thì đã có Khâu Đà La, Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mâu Bác...” (Tôn giáo và lịch sử văn minh nhân loại, trang 12).

Thêm một dẫn chứng khác, Phật giáo được du nhập sớm nhất vào Việt Nam không thông qua Trung Hoa, mà hành trình bởi 2 con Đường Đổng Cỏ và Đường Gia Vị, nên người Phật tử xưa có những cung cách riêng học Đạo trực tiếp giữa chư vị Tổ Sư và Phật tử thời bấy giờ. (Tôn Giáo và lịch sử văn minh nhân loại, trang 13).

Nhận thức từ một số nét về truyền thừa Phật Pháp từ những buổi ban đầu ở thời kỳ chưa lập quốc và thời kỳ lập quốc, kiến quốc, người Phật Tử Việt Nam lúc nào cũng có một lòng thành tín thật chính kiến, chuẩn mực, biết tiếp thu những kiến thức mới, tùy hoàn cảnh, môi trường đời sống cư dân, thích tập hợp thành cộng đồng với đầy đủ niềm tin yêu, hỗ tương lẫn nhau từ tinh thần lẫn thể chất. Họ lúc nào cũng muốn có sự tiến bộ để sánh vai với các dân tộc lân bang, ngăn chặn sự áp bức bóc lột con người, đánh tan những nô dịch văn hóa ngoại lai, họ không thủ cựu, nhưng với tinh thần người con Phật họ rất sẵn cảm tiếp nhận nhanh vùng

ý thức mới (Phải chăng đây là lý tưởng của Đạo tràng Phật Tử và Gia đình Phật tử?).

Họ là ai? Là người Việt Nam, cộng đồng Phật Tử Việt Nam, những người con Phật luôn sống dưới ánh hào quang khiêm cung từ tốn của Đức Phật. Cũng là một vinh dự lớn trong đời khi họ được quy y Tam bảo thọ trì ngũ giới cấm làm người con Phật, trong thể thống pháp giới vĩ mô mà mỗi người đều có Phật và làm Phật.

Thật vậy, Đạo Phật từ lâu đã thấm nhuần từ trong tim tủy của cộng đồng Phật Tử, không những thế mà còn được phổ cập sâu sắc trong các xóm làng nông thôn, vùng sâu vùng xa đối với người không có Đạo hoặc Đạo khác cũng có thiện cảm với người Phật Giáo từ tâm linh đến hình thức như: Cúng rảy, tập tục dâng hương, thờ cúng, lễ nghi tại các Đình, Đền, Miếu mạo...

2/. Người Phật tử đối với Dân tộc:

Người Phật Tử Việt Nam, ngoài tính cách mẫn tiệp, lịch thiệp, thông minh trên bước đường học Phật, họ còn rất nhạy cảm với môi trường Xã hội, trong Gia đình, thân bằng quyến thuộc không những một đời mà nhiều đời, họ tiếp cận rất nhanh với môi trường Xã hội mới, tiến bộ thông qua sở học về Phật Học. Đức Phật từng ban truyền 3 đức tính: “Thiện cảm thương người (Bi), thương người và mở hướng cho người thoát khổ (Trí), nghèo không than, giàu không kiêu, không sợ vũ lực (Dũng)...”

Bi - Trí - Dũng là hành trang vào đời của người Phật Tử Việt Nam kinh qua quá trình vừa học Phật vừa tu hành vừa có trách nhiệm nặng nề với Tổ Quốc và Dân tộc, nên họ đã từng tham gia chống giặc ngoại xâm. Trong tay không có tác sát, họ cũng rất ít tham gia chiến chinh, tham chính, nhưng với tâm lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu dân tộc lại là nam châm thu hút nhân tâm, biến thù thành bạn, xa lạ thành thân quen, vũ lực kẻ thù trở thành tấm lòng nhân ái thân thương, bởi tính đạo đức của người Việt Nam, Phật tử Việt Nam.

Tính bất bạo động, bất hợp tác của Phật tử Việt Nam đối với những người đi theo đường tà kiến, bán rẻ quê hương và đồng bào của mình năm xưa (1955 - 1975) đã làm cho Ngô Triều, Nguyễn Triều sụp đổ mà không tha oán một Phật tử nào. Chẳng những thế người đời còn phải tôn thờ họ, như: Tiên sinh Tâm Minh Lê Đình Thám, Gia trưởng Hoàng Thuyết, Huỳnh trưởng Phan Duy Trinh, Phan Gia Ly, Quách Thị Trang, Nhất Chi Mai, Nguyễn Thị Vân và còn nhiều Anh, Chị, Em Phật Tử có những sự hy sinh đầy ý nghĩa cho Đạo, cho Đời, cho lý tưởng cao đẹp... Bởi vì họ có sự nhất quán trong tinh thần “Đạo Phật Việt Nam trong lòng Dân Tộc Việt Nam”.

3/. Đạo đức của người Phật tử Việt Nam:

Trong Kinh Tâm Địa Quán Phẩm Báo Ân, Đức Phật dạy cho nhóm Phật tử Diêu Đức, Dũng Mãnh, Thiện Pháp, Niệm Phật... những người này toàn là những vị giàu sang nên gọi là Trưởng giả. Đức Phật dạy cho họ học hạnh Bồ tát Đại thừa cao thâm, để đạt đến quả vị Niết bàn vô thượng, nhưng họ không tiếp thu được lời dạy của Phật, nên các vị bèn bạch Phật, xin Ngài dạy cho những pháp tu thực tiễn, phù hợp với thời điểm để được giải thoát sinh tử cho chính mình và mọi người...

Những vị này có hạnh nguyện, vì còn thấy nhiều chúng sanh đau khổ trong vòng sanh tử luân hồi, thường là thiếu đạo đức, nên các vị thỉnh cầu Đức Phật nói Pháp Tứ Ân, nhằm giúp cho chúng sanh thấm nhuần ân thâm nghĩa trọng của mọi người trong các tầng lớp Xã Hội.

Vấn đề Tứ Ân trong Phật Giáo rất trọng đại, nhưng nó cũng rất rộng rãi, đa dạng bởi chất liệu thơm tho ngọt ngào đối với con người, nhất là trong cộng đồng Phật Tử Việt Nam. Nhìn chung cả một dân tộc Việt Nam với đạo đức tứ ân mang đậm bản sắc văn hóa Dân Tộc và chỉ có Dân Tộc Việt Nam, Phật Giáo Việt Nam mới có tư tưởng tứ ân và đạo đức này tồn tại mãi mãi trong lòng người Việt Nam.

Tứ ân theo Phật Giáo:

1. Ân cha mẹ:

Cha có từ ân, Mẹ có từ bi ân, đối với ân này trong một kiếp người không thể trả hết được thâm ân. Bởi công sanh thành dưỡng dục, chín tháng cru mang của Cha Mẹ thật vĩ đại vô cùng. Người Phật Tử Việt Nam rất trọng thâm ân này, nên trong bài học vỡ lòng của người dân Việt có câu:

*“Công Cha như núi Thái sơn
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ Mẹ kính Cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.*

Hay là:

*“Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp bột như đường mía lau”.*

Tuy nhiên với người Phật tử, vị trí Cha và Mẹ còn cao quý hơn nữa; ở trong nhà của người Phật tử luôn có hai ông Phật: Nhà trên có Phật Thích Ca là vị Phật thứ nhất, phía nhà dưới thì “Mẹ Cha” là ông Phật thứ hai của họ. Trong lúc tu nhân, người Phật tử được giáo hóa phải xem tất cả chúng sanh nhân quần xã hội, đang còn đắm chìm trong bể khổ sanh tử luân hồi cũng chính là Cha Mẹ, là ân nhân, những người đem đến cho họ sự an lạc, những người đưa họ ra khỏi phiền não của cuộc sống cũng chính là Cha Mẹ.

Do vậy, người Phật Tử ngoài bản tánh tự nhiên, mang chí lớn cao đẹp tự thân trong sáng, bảo vệ gia đình, nòi giống, danh giá gia phong, khí tiết, nội bộ anh chị em hòa thuận lẫn nhau, họ còn thể hiện tâm từ, đức bi đến với mọi người mang

niềm tin yêu bình đẳng, mong muốn mọi người giải thoát khổ đau, dốt nát, đói nghèo, bình đẳng trong sự tiến bộ của xã hội.

2. Ân Sư trưởng:

Với Đời là ân Thầy, với Tăng Ni là Ân Sư Trưởng, với Phật tử là ân Tam Bảo. Tuy nhiên với người Phật tử trên đôi vai gánh nặng Đạo Đời gọi chung là ân Sư Trưởng. Thầy luôn luôn là những bậc hay làm vui cho đời, mang lại sự trong sáng hiểu biết sự nhận thức cho con người; Thầy là những bậc có khả năng chuyển hóa đời sống đen tối của loài người trở thành những bậc sáng danh trong thiên hạ, Thầy còn có những công năng thật trong sáng, nhẹ nhàng thanh thoát và siêu phóng:

Cuộc sống cần vui xin nguyện làm chim hót

Sỏi đá khô cần xin chuyển hóa màu xanh

Nguyện làm hoa khi vườn lá trở cành

Làm đuốc sáng khi đêm dài trăng lặng

Có khi Thầy còn hiện thân như một “Ông lái đò thật vĩ đại”; với Đạo thì đưa người trầm溺 bên mê sang bên kia bờ giác”, với Đời thì đưa người lỡ bước, đưa khách sang sông, được tôn vinh trong ngày 20/10 hằng năm:

Đón đưa bao kẻ sang sông

Dù quên dù nhớ cũng ông chèo đò

Người khai sáng, mở mang trí năng cho mình, dù với hình thức nào, thế giới nào, quốc độ nào thì người Phật tử vẫn tôn thờ người Thầy của mình, phong cách “Tôn Sư trọng Đạo”, canh cánh bên lòng với câu “Tiên học lễ hậu học văn”. Đối với Đạo Phật thì trước học luật nghi sau học giáo lý. Luật nghi là khuôn thước lễ giáo đối với Tổ Thầy, giáo lý kho tàng khai thông trí tuệ và đưa người đến giải thoát.

Tài năng của một người được xuất phát từ yếu tố người Thầy “Không Thầy đổ mầy làm nên” sau những năm sách đèn họ sẽ đem tài năng của mình cống hiến cho xã hội cho con người - sự thành đạt và cống hiến chính là yếu tố, quyết định sự tồn tại đạo đức nhân bản tính Việt.

Đối với người Phật Tử vấn đề đáp ân Sư Trưởng cũng không khác mấy với đạo đức ngoài Đời. Nhưng đặc biệt, họ còn có sự cống hiến về tâm linh giải thoát cho chính mình và giải thoát cho mọi người chính là báo ân Sư Trưởng.

Người Phật tử hai vai gánh vác Đạo Đời, đừng bao giờ quên ơn Thầy, vì: “...chỉ một câu phẫn Sư bội Đạo như ngàn năm cá ở trong ao...”. Người phẫn Sư bội Đạo thì không làm gì nên thân trong cuộc đời!

Hơn thế nữa người Phật Tử Việt Nam còn mang trọng ân chư Bồ Tát. Thánh Hiền Tăng Ni, Phật Tử (Thuộc hàng Bồ Tát Tăng - Tăng là người Thầy) tử vì Đạo để bảo vệ Phật Giáo Việt Nam, góp phần làm sụp đổ chế độ gia đình trị Ngô Triều (cuối năm 1963) mang lại sự an lạc cho đồng bào.

Để báo đáp ân tình đó, hiện nay người Phật Tử Việt Nam đang hòa mình vào các cộng đồng xã hội, gánh vác những trọng trách Đạo Đời, với một ước nguyện duy nhất giữ gìn và phát huy chánh pháp cũng như truyền thống bảo vệ Đạo Pháp trong lòng Dân Tộc.

3. Ân Quốc vương:

Quốc Vương, Chủ Tịch Nước, Tổng Thống, Quốc Trưởng thể chế có khác, song cũng là vị lãnh đạo tối cao, một hợp thể trị quốc chấn dân mang lại sự thanh bình an cư lạc nghiệp cho Tổ Quốc và Dân tộc.

Những người hy sinh cuộc đời mình để bảo vệ sự an nguy của một dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc. Những phát minh mới, sáng kiến cải tiến kỹ thuật phục vụ xã hội, cống hiến cho loài người, những tổ chức môi trường xanh bảo vệ vùng trời, vùng biển, các loài động thực vật. Những tổ chức bảo vệ trật tự an toàn, an ninh xã hội... Để báo đáp những thâm ân này người con Phật ngoài việc tu hành, học Phật còn có trách nhiệm góp phần hộ quốc an dân, bảo vệ non sông gấm vóc, phát huy tài năng của mình để xây dựng xã hội, xóm làng gấp mười lần tốt đẹp hơn. Cùng với ý tưởng cao đẹp ấy, trong chón thiên lâm bao giờ cũng thế, sau khi tụng niệm xong thì chư Tăng Ni thường nguyện chư Phật gia hộ cho thiên hạ thái bình, vạn dân an cư lạc nghiệp, tổ quốc quê hương Việt Nam hòa bình trong miền viễn, người người tai qua nạn khỏi tật bệnh tiêu trừ.

Những việc làm của chư Tăng Ni, Phật tử từ đời này sang đời nọ, từ các bậc tiền nhân vãng bói đến hậu duệ không khác những lời hịch ngày xưa của vị Phật tử kiệt xuất Lý Thường Kiệt:

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khanh thủ bại hư.

Người Phật tử Việt Nam sinh hoạt gia đình rất lành mạnh (Đạo Tràn Phật Tử & Gia Đình Phật Tử) họ luôn đồng hành cùng một chánh kiến, gặp nhau trong tinh thần hòa hợp, hội nhập, làm việc đồng bộ, lúc nào cũng: “Nội lực tĩn, ngoại hình sáng”.

Người Phật Tử Việt Nam dù mang trong mình lý tưởng Đạo Phật nhưng với truyền thống từ trên hai nghìn năm và dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chư Tôn Túc Trưởng Lão lãnh đạo các cấp Phật Giáo Việt Nam, họ lúc nào cũng đứng sau lưng các Ngài, hướng về tương lai mang một niềm tin yêu làm cầu nối cho các thế hệ kế tiếp thật vững vàng về mạng mạch Phật Pháp, để bảo vệ lý tưởng cao đẹp, cùng nhau có một cuộc sống hạnh phúc bình đẳng, an cư lạc nghiệp.

4. Ân chúng sanh:

Đối với Đạo, Tăng Ni gọi là ân Đàn Việt, Đàn Na... đối với Phật Tử gọi là ân chúng sanh đồng bào đồng loại, xã hội, cộng đồng... Trong đời sống hằng ngày giữa con người và con người luôn có sự hỗ tương, nhấn đến tấm lòng tương thân

tương ái, đền ơn đáp nghĩa, những hình thức trao đổi cho nhau những cái hay trong xã hội... từ miếng cơm manh áo vật chất sử dụng hằng ngày, những kiến giải về tinh thần, giải quyết các vấn đề môi sinh môi trường, sự sáng tạo, sáng tác, sáng chế đáp ứng nhu cầu sinh hoạt bản thân, từ gia đình đến xã hội trong các khu phố xóm làng đến đại thể quốc gia, thiên nhiên cảnh trí. Tất cả bắt đầu từ con người, con người là vị trí độc nhất vô nhị kinh qua trí tuệ tuyệt vời của tự thân.

Người con Phật đã chẳng những không hủy hoại những công lao to lớn giữa con người, mà còn tự biết bổn phận không quên ơn phụ lòng xã hội và mọi người.

Đã chẳng những không quên ơn mà họ còn tự nguyện cống hiến tài năng của mình một cách vô tư kỷ, quên mình vì người, phát huy lòng từ thiện (từ) cứu giúp người cung khổ (bi). Từ sở học Phật pháp, người Phật tử nhận chân giá trị chúng sanh khổ nên họ rất biết thương người khổ, người đồng cảnh ngộ, họ sẵn sàng tha thứ kẻ nghịch lòng mình, hoặc khoan dung với những người chẳng giúp được gì cho họ. Với tâm chân chánh, lúc nào cũng xem mọi người là ân để đáp ân.

Của pháp đôi thì đều không sai khác

Phép đến bờ kia khảm đủ trọn rồi

Để kết thúc bài này, xin trích lời dạy của đức Phật trong kinh Tâm Địa Quán, Phạm Báo ân: "... Người đệ tử Phật muốn thành tựu hạnh báo ân, phải thực hành pháp nhị đế, thông suốt ngũ minh. Nhị đế là chân đế và tục đế, tức thượng báo tứ ân, hạ tế tam khổ - ngũ minh là thanh minh, nhân minh, công xảo minh, y phương minh và nội minh". Trách nhiệm của người con Phật hiện tại và tương lai vừa hành Đạo nhưng cũng vừa phụng sự xã hội "Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật", xa hản tính thụ động và cục bộ, năng động sáng tạo các ngành nghề, hội nhập tu học hành đạo theo phương châm hành động "Phụng sự Đạo pháp, phục vụ Dân tộc" của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười Hai: Tổ đình Bửu Quang (Thị trấn Ba Chúc)

Vấn: Bạch Sư chúng con đi học Phật pháp, nghe Sư thuyết giảng về lịch sử Tổ đình Bửu Quang và hành trạng Đức sư Ông thượng Bửu hạ Đức, vị đại sư chứng minh Liên tông Tịnh độ Non Bồng có quá trình tu hành nhiều chứng nghiệm, trải lòng từ hộ trì các đạo giáo khác, tiếp xúc các bậc Đại sư khai sáng Đạo ở vùng lục tỉnh, đồng bằng Sông Cửu long, ít nhất Đức Sư Ông cũng hộ trì bốn ánh đạo minh triết. Xin Sư từ bi hoan hỷ khai sáng cho hậu học chúng con?

Đáp: Việc hành đạo của Đức Sư Ông thật hy hữu trong đời, cả đời tu Ngài chuyên làm việc từ thiện, niệm Phật, ở non núi làm Sơn Tăng, tự xưng mình là "Ông Già thất nghiệp" để lánh xa thế cuộc, nhưng đệ tử của Ngài, những vị Đại sư

mà Ngài gặp thì thành tựu Phật đạo, đem ánh đạo của Ngài hoằng hóa khắp nhân gian.

1/ Khởi nguồn ánh Đạo:

Phật giáo đã truyền vào Việt Nam vào khoảng năm 240 trước Tây lịch bằng các con đường tơ lụa băng đồng từ tỉnh Thanh Hải, Trung Hoa đến miền Tây á, Âu châu và đường hồ tiêu vượt biên Ấn Độ dương. Một cơ hội truyền đạo thật sung thịnh lúc bấy giờ tại kinh đô Luy Lâu (miền Bắc Việt Nam). Kể từ đó đến nay chư lịch đại Tổ Sư tiền bối truyền đăng tục diệm, thừa kế chánh pháp Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni như các Ngài Mahula, Khuru Đà La, Khương Tăng Hội, Mâu Bác, Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Pháp sư Đổ Thuận, Quốc sư Khuông Việt Ngô Chân Lưu, Quốc sư Vạn Hạnh, dẫn đến nhiều vị Tổ sư là những bậc long tượng có công hoằng truyền giáo pháp Phật hoặc thiền hoặc tịnh, đã lèo lái con thuyền chánh pháp đi khắp nơi trên khắp nhân gian, phục hưng chánh pháp như: Tổ sư Vĩnh Nghiêm, Tổ sư Tuệ Tạng, Tổ sư Nguyên Thiều Siêu Bạch, Tổ sư Liễu Quán, Tổ sư Viên Thành, Tổ sư Huệ Quang, Tổ sư Khánh Hoà và Chư Sơn Thiền Đức cận đại như Đức Đại lão Hoà Thượng Pháp Chủ Khánh Anh, Ngài Hành Trụ, Đức Bồ Tát Quảng Đức, Ngài Thiện Hoa, Ngài Thiện Hoà, Ngài Trí Thủ, Ngài Trí Tịnh, Ngài Minh Nguyệt, Ngài Thiện Hào, Ngài Đôn Hậu, Ngài Huệ Hưng, các bậc Thiên gia chân chánh... từng trải nghiệm qua bao thăng trầm thử thách, khi ẩn, khi hiện, khi thì xử sĩ, lúc thì nhập thế tùy theo hạnh nguyện độ tha và tùy thời duyên vận nước thăng trầm mà an bày chánh pháp nơi dòng nghịch lưu sanh tử. Các Ngài luôn đem ánh sáng chơn lý đạo Phật vào cuộc đời, cũng có lúc đưa chánh pháp ẩn dật chốn cùng cốc thâm sơn, các Ngài đều có đủ phương tiện để duy trì chánh pháp. Từ đó đến nay trên 2.000 năm, Đạo Phật đã trở thành truyền thống đạo đức và được tôn vinh là “Hộ quốc an dân”, là “Cội nguồn của dân tộc Việt Nam”, công lao của các Ngài thật là vô tận !

Tuy nhiên, vì tùy theo công hạnh hoằng hóa, mỗi vị đều có một cơ đồ đạo nghiệp riêng, tạo thành một sắc thái biệt lập mà độ chúng. Vì vậy mỗi một môn phong, pháp phái đều có hệ thống quy cũ riêng, thuộc diện biệt truyền, làm phương tiện gieo duyên, cổ xúy ánh đạo Đức Thích Ca Mâu ni, làm an tâm cho người con Phật khi họ phát tâm đến với giáo lý giải thoát. Dù gặp khó khăn trên nhiều phương tiện độ tha, nhưng các Ngài cũng không chùn bước trước những chông gai nhiều thử thách, dù phải trải qua nhiều phân thân để hóa tha độ chúng, độ những phiền trược của chúng sanh, dù tán thân mất mạng nhưng các Ngài vẫn nhẹ nhàng lướt gió tung mây trên bước đường hoằng pháp lợi sinh, không hề mệt mỏi...

Với nhãn quan của các nhà học Phật cao cấp, các bậc tu hành có đẳng cấp, không phải chỉ có ở Âu châu, Mỹ châu, Trung Hoa, Triều tiên, Nhật Bản hay những Trung tâm học Phật lớn ở thành thị của Việt Nam mới có những bậc chân tu thật đức xuất hiện. Mà thế giới này còn có rất nhiều bậc chơn tu sống mai danh ẩn

tích, dùng phương tiện quyền thừa, làm tròn sứ mạng thiêng liêng mà liệt Tổ liệt Tông giao phó.

2/ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, “Di dân” và “Thổ dân”

Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa:

Chùa Bửu Quang là ngôi chùa Tịnh độ duy nhất tọa lạc trên thánh địa Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nên trước khi nói đến việc khai sơn ngôi chùa Tổ của Liên tông Tịnh độ Non Bồng, chúng tôi xin nói về Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Đức Bổn sư núi Tượng.

Thánh địa Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tọa lạc trên một vùng đồi núi bạt ngàn một màu xanh thăm thẳm, một dải núi trải dài từ Tri tôn, Tịnh biên, Nhà bàng, núi Sam, Châu đốc, đến vùng núi Ba thê núi Sập, An Giang; những sắc dân chân chất thật thà, như đoàn chim nương tựa đất lành tìm thức ăn xây tổ ấm.

Thật thế đó, có một địa danh từ thuở hồng quang của miền Nam là Ba Chúc, tựa chùng bên chân núi Dài; người dân Ba Chúc là người dân của đạo giáo, từ khắp bốn phương trời đến đây xây dựng một quê hương mới; một tổ ấm thứ hai, hiện nay cũng là nơi chôn nhau cắt rún của từng thế hệ, luôn bám lấy ruộng đồng mênh mông cò bay thẳng cánh, bên cạnh vườn tược, rẫy bãi nương khoai, rừng xanh tươi thắm đầy hoa thơm cỏ lạ, có những loài gỗ quý nghìn năm sừng sững từ cuối chân trời và kể cả sự linh thiêng huyền bí...giữ gìn từng tấc đất quê hương yêu dấu.

Song song với sự “Di dân” của người Việt, còn có một cư dân khác, có thể nói là một “Thổ dân”, đối với người Việt Nam thường gọi là bà con dân tộc thiểu số Khmer, là bạn bè ở nơi đây hòa nhịp cùng chung cuộc sống trên con nước từ thượng nguồn dòng Mékông cuộn cuộn đổ về mang phù sa vun bồi cho vùng đồng bằng sông Cửu long màu mỡ.

Trong giáo pháp Đức Phật, kinh Tâm Địa Quán, phẩm Báo ân, đức Phật dạy về tứ trọng ân đối với chư vị Bồ tát, chư Thánh vãng, chư Tăng Ni, chư Cư sĩ khi đã là đệ tử đức Phật, mang trong mình một dòng họ Thích đều phải tôn trọng và thực hành pháp tứ ân, tứ ân theo nhà Phật là ân Cha mẹ, ân Sư trưởng, ân Quốc vương và ân Đàn na, thực hành trọn tứ ân là Bồ tát cứu độ chúng sanh.

Trong chốn thiền lâm, các bậc Đại sư xưa cũng từng dạy chúng: “Vạn hạnh Bồ tát hiếu nghĩa vi tiên”; người phát nguyện tu Phật bao giờ cũng thấy mình có bổn phận với bốn ân trọng.

Đạo Phật du nhập Việt Nam trên 20 thế kỷ, giáo lý đức Phật trở thành những đạo đức nhân bản của người Việt, trong đó có đạo đức tứ ân. Tuy nhiên giáo pháp Phật thì quá mênh mông, nên thánh hiền xưa của Việt Nam biết cách tiếp nhận giáo pháp Đức Phật Thích Ca từ Ấn Độ truyền sang, rồi Phật giáo Việt Nam khéo giao lưu với các tư tưởng Phật giáo các nước vùng Đông Bắc á và giáo lý chính chân ấy đã dùng chân nơi bản địa và thực tế trong đời sống người Việt, theo từng vùng, từng miền, phân từng kỳ để lập Đạo, đạo đức của Đạo Phật lần lượt trở thành đạo đức của đất nước Việt Nam, của người Việt Nam, trong đó có nhiều môn nhiều

phái, như: Ở ngoài Bắc có phái Tào Động, phái Lâm Tế...miền Trung có phái Lâm Tế, phái Nguyên Thiều, phái Liễu Quán. Ở miền Nam thì có nhiều tông nhiều phái, nhiều hiệp hội hơn cả, như: Thiền tông, Tịnh độ tông, Thiên thai tông, ở miền Đông có phái Nguyên Thiều, Liên tông Tịnh độ xuất hiện, ở miền Tây Nam phần Việt Nam có phái Khất Sĩ, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Giáo Hòa Hảo...

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa khai sơn từ thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, do Đức Bồn sư Ngô Lợi sáng lập từ năm 1867 đến nay đã được 144 năm, từ nhu cầu đấu tranh nổi dậy chống thực dân Pháp. Vừa đánh giặc vừa gắn liền với việc khai khẩn đất hoang lập thôn, lập làng, khai sơn chùa Tam Bảo Phi Lai. Ngài Ngô Lợi là tên tự, tên thật của Ngài là Ngô Viện, ngoài ra Ngài còn có tên là Ngô Tự Lợi trong giới tu hành thường gọi là Ông Năm Thiếp (Ngài thường hay xuất hồn đi thiếp) hay đức Bồn sư núi Tượng.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã thu hút hàng chục ngàn tín đồ mở rộng phạm vi hoạt động ra 16 tỉnh, thành phía Nam. Tổ chức đạo được chia làm 24 gánh và 6 Ban giúp việc, có Trụ sở Trung ương tại chùa Tam Bửu Phi Lai (Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang), là di tích lịch sử cấp quốc gia.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là tôn giáo nội sinh, hoạt động đạo pháp, tu hành bốn ân: Ân cha mẹ, ân đất nước, ân Tam bảo, ân đồng bào... “Sống hiếu nghĩa - vì khối đại đoàn kết dân tộc” là sự tổng hợp của ba tôn giáo gồm Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo. Trong lịch sử, đây còn gọi là đạo tập hợp những sĩ phu yêu nước tích cực chống Pháp, chống Mỹ cứu nước tại vùng Bảy Núi.

Đức Bồn sư là người yêu nước, chống Tây, quá trình hành đạo Ngài có biên soạn kinh sách riêng để dạy đồ chúng đệ tử, trong đó có quyển Ba La Ni Kinh dài 223 chữ Hán, sách Ngọc Lịch Đồ Thơ Tập Chú. Sau này trở thành bộ kinh chính của đạo Tứ Ân. Đức Bồn sư viên tịch vào ngày 13 tháng 10 năm Canh dần (1890), thọ 59 tuổi.

Nói về việc di dân và thổ dân...

“Di dân” thì đi lập nghiệp, lánh Tây, tìm kế sách đánh đuổi người Tây, giữ gìn vùng mỗi đạo đức dân tộc Việt Nam. Từ những ý tưởng lớn đó mà Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa xuất hiện tại quê hương Ba Chúc, ngày nay cũng là thánh địa Trung ương của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, được Nhà nước cho phép thành lập tổ chức Giáo hội năm 2009.

Chùa Tam Bảo Phi Lai tọa lạc trong khuôn viên rộng 3 hecta, tuy gọi là chùa nhưng bên trong thờ phượng có khác với chùa Phật giáo, chùa không thờ Phật mà thờ “Tám Trần Điều”, Giường thờ, Ghế thờ, Gối thờ...; chùa hiện có khoảng 30 bàn thờ từ chánh điện ra tới tận cột phướn. Trong chánh điện thờ Quan Thánh Đế Quân, Hội Đồng Thượng Phật, Cửu huyền thất tổ bá tánh, Thập vương, Hộ pháp, Chánh tăng, Phật vương, Phật Thầy, Phật Trùm...

“Thỏ dân” thì theo đạo truyền thống của người Khmer (Thủy Chân Lạp) thờ cúng Phật, cúng Ông Bà, hằng năm gần đến mùa cấy người nông dân Khmer từ các phum sóc phát tâm đem cày, bò đến cày ruộng công quả cho chùa. Sau khi thu hoạch mùa màng xong thì từ ngày mùng 9 đến mùng 10 tháng 10 âm lịch tổ chức lễ hội “Đôn-ta” (Lễ cúng ông bà cũng là một trong các lễ đầu năm của người Khmer), trong lễ hội Đôn-ta có tổ chức hội thao đua bò để mừng công thu hoạch vụ mùa trong năm trước.

“Di dân người Việt” thường gọi là Đàng ngoài, Đàng trong và “Thỏ dân Khmer” gọi là Đàng thỏ cùng hài hòa trong cuộc sống cộng đồng trải hằng bao thế kỷ có chung một viêng môi đạo đức, biết phát huy đạo đức dân tộc yêu nước, đạo đức đạo Phật, đạo ông bà chính là bản sắc văn hóa độc đáo nhất của người Việt Nam trong cũng như ngoài nước, từ xa xưa cho đến hôm nay.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được người dân đồng bằng sông Cửu long tiếp nhận, các bậc tiên sinh tiên bối, trưởng lão thường truyền đạt cho nhau nguồn đạo đức đó để tỏ lòng hiếu đạo trung trinh với ông bà cha mẹ, với nước non, nơi mà người An nam và một ít sắc dân đến đây làm Cách mạng, tu hành hay sinh cơ lập nghiệp, trong đó có Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức.

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười Ba: Đức Sư ông Bửu Đức (Đức Ông Ba)

Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức, thế thường gọi Đức Ông Ba, là bậc vãng bối, đạo cao đức cả chứng minh của Liên Tông Tịnh Độ Non Bông. Đức Sư Ông được kính tôn bậc đạo sư đã khai sinh một viêng môi Tịnh độ Giáo môn, hội nhập cùng với các môn hệ. Liên tông tịnh độ Non Bông được khai sơn vừa kế thừa chánh pháp Thích Ca Mâu Ni, chư lịch đại Tổ sư, tiếp độ những người có non duyên căn lành Phật pháp, vừa trợ duyên cho công cuộc hoằng hóa của Phật Giáo Việt Nam.

Đã trên 90 năm, dù trải qua nhiều gian lao khó khổ nhưng các vị vẫn nhẹ nhàng lướt thuyền từ trên đại dương cuộc đời và đã thành công trong Phật sự hoằng pháp lợi sinh, tế tăng độ chúng...

Đức Sư Ông thượng Bửu hạ Đức tên thật là Phạm Văn Vị, sinh năm 1880, năm Canh thìn, nhằm cuối đời vua Tự Đức năm thứ 33. Tại làng Vĩnh Chánh, huyện Thoại sơn, tỉnh An Giang (Long xuyên), một nơi được coi là vựa lúa của miền Nam, là trung tâm của nhiều học phái lớn, đạo giáo xuất phát, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Đạo Phật Khất Sĩ, Phật giáo Nam tông Khmer, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo... quê hương của Tổ sư Nguyệt Chiếu, cũng là nơi xuất sanh các làn hơi, âm điệu, cung bậc cổ nhạc, nhạc lễ cổ truyền Nam bộ, miền Nam Việt Nam, những ngôn từ thi kệ, cú pháp mang nhiều sắc thái đậm đà bản sắc dân tộc, có nhiều âm thanh “Hồn Việt” chân chất thật thà, cũng là vùng châu thổ có nhiều

núi non hùng vĩ, huyền bí linh thiêng...nơi xuất thân nhiều vị Giáo chủ Cao tăng, Đạo gia của các nền đạo giáo dân tộc.

Thời điểm Đức Sư Ông ra đời có nhiều sự kiện diễn ra vào cuối triều vua Tự Đức, hoàn cảnh nước non bị đắm chìm trong thế dầu sôi lửa bỏng, triều đình Huế bất lực, vua tôi ngồi đó mà nhìn nước non bị người Pháp xâm lăng chia cắt từng mảnh để trị. Để cứu vãn tình thế lẽ ra thì triều đình phải huy động toàn lực lượng nhân dân đứng lên chống ngoại xâm, hoặc là chủ động mở cửa giao lưu làm ăn mua bán với người Tây dương, sẽ không có những trận chiến tranh không cân sức dẫn đến mất nước! Nhưng không, các Ngài lại cho người sang cầu viện nhà Mãn Thanh là một quốc gia luôn có ý đồ thôn tính đồng hóa Việt Nam! Oai lực của triều đình Huế, giang sơn gấm vóc gần như đi đến chỗ bế tắc đất nước bị chia cắt ra từng mảnh.

Năm 1883, là năm cuối cùng của vua Tự Đức, nội bộ bất ổn, bên ngoài thì giặc Pháp tìm cách chiếm nốt các tỉnh thành còn lại, nam kỳ lục tỉnh mất vào tay giặc Pháp, hàng loạt sĩ phu trong nước nổi lên chống giặc. Sau sự việc Nhà vua băng hà, dù có sẵn Khiêm lăng, nhưng đến cả năm trời mà không hoàn thành việc chôn cất thi thể Đức Vua; các quan phụ chính như Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Trần Tiễn Thành mỗi người một ý tưởng chuyên quyền, khuynh đảo triều đình, từ đó mà đất nước lại rơi vào tình cảnh nôi da xáo thịt, nội bộ cấu xé lẫn nhau. Tình cảnh phé hưng của vua chúa chốn hoàng cung diễn ra thật dễ dàng; vua Dục Đức (1856-1883) thì lên ngôi được ba ngày đã phải chết tức tưởi.

Từ năm 1883 đến năm 1889, chỉ có sáu năm thôi mà biết bao biến thiên dồn dập với những biến đổi của lòng người đã tạo nên những sự xáo trộn của Nam triều, các vua nối ngôi nhau liên tục: Vua Hiệp Hòa, vua Kiến Phúc, vua Hàm Nghi, vua Đồng Khánh bị đưa vào một lịch sử tủi nhục; chốn triều ca thay vua như thay áo, chưa đầy một năm mà ba vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc bị bức hại, phải đổi chủ ba lần. Lúc bấy giờ từ Bắc cho đến Nam đến đồng bằng sông Cửu long thường nghe những lời ví von, ẩn ý: “Nhất gian lưỡng quốc nan phân thuyết, tứ nguyệt tam vương triều bất tường...”. Việc của triều đình còn không ổn định làm gì có cơ sở để lo cho nước cho dân? Từ đó nhân dân địa phương thường xuyên tổ chức những cuộc nổi dậy chống giặc Pháp, trong đó có những vị giáo chủ các Đạo giáo.

Năm 1885, tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa kết hợp với nghĩa quân của Hoàng thân Sivôtha nổi dậy, bị quân Pháp kéo đến đàn áp, nghĩa quân tan rã, chỉ còn lại Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Lúc bấy giờ quân Pháp tiếp tục càn quét quy mô vào làng Ba Chúc (An định), đốt kinh sách chùa chiền, nhà cửa rồi giải tán dân làng. Đến năm 1896, sau cuộc kháng Pháp thất bại, Ông Cử Đa (Nguyễn Thành Đa) nhà yêu nước có truyền thống đạo giáo, xuất thân hành đạo khuyến thiện dân lành vùng Tà lon, Thiên Cẩm sơn, phổ biến kệ kinh, sám ký, trong đó có quyển Kim Cổ Kỳ Quan là những bài pháp ẩn ý đặc sắc nhất của Ngài.

Ngày 1 tháng 5 năm 1904 xảy ra trận bão lụt, người dân đồng bằng Sông Cửu long bị thiệt hại nặng nề. Cũng trong năm này nhà chí sĩ Phan Bội Châu có đến Bảy Núi tìm Đạo và tìm người cùng chí hướng chống Tây; ngoài ra còn có những vị Hòa thượng, Yết ma, Giáo thọ của Phật giáo, các bậc truyền giáo đạo cao đức cả cũng hướng dẫn Phật tử vùng lên chống ngoại xâm, như: Tổ Chí Thiện, Tổ Khánh Anh (Phật Học Đường Lương xuyên), Tổ Huệ Quang, Tổ Khánh Hòa (Bến Tre), HT. Trương Văn Đốc (Dịch giả kinh Pháp Hoa, Kiên giang) Sư Thiện Chiếu, Ông Ba Thới, Ông Sư Vãi Bán Khoai, Đức Phật Nắm, Đức Phật Trùm...

Lập thân hành đạo.

Đức Sư Ông lớn lên trong một gia đình nông dân gia giáo hiền đức tu Phật, thú hưởng tu học giáo lý Phật-đà, cũng là cư sĩ tu hành theo pháp Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nghiên cứu học các pháp tu “Tịnh độ niệm Phật”, “Kim Cổ Kỳ Quan”, “Giảng xưa”, “Tận thế và Hội Long Hoa”, “Bà La Ni Kinh” dạy cách “Học Phật tu nhơn” của Đức Bồn sư núi Tượng, thuộc pháp phái Bửu Sơn Kỳ Hương của Đức Phật Thầy Tây An. Quanh năm, ngoài công việc đồng áng, tuy còn ở thế gian nhưng Ngài đã phát tâm tu hành các pháp khổ hạnh, ăn uống tiết độ, nhịn ăn, cứu người bằng khoa bốc thuốc nam, chuyên trì danh hiệu Phật A Di Đà, ngày đi làm nông, đêm về nghiên tâm kinh sách dạy về Pháp môn niệm Phật để học hỏi và làm phương tiện giảng dạy trong hàng Phật tử đồng đạo đồng tu ở quê nhà. Ngoài ra Sư Ông cũng là một thành viên của Phật giáo Tứ Ân, luôn hợp tác cùng với nhân dân, vận động trong đồ chúng đứng về phía các sĩ phu yêu nước chống giặc ngoại xâm.

Năm 1906, những chí sĩ có học thức trong phong trào Đông Du, Duy Tân như: Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ, Võ Hoàng, Nguyễn Quyền, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh thường nương vào Đạo Phật để hoạt động, Cụ Phan Chu Trinh diễn thuyết trước công chúng, nói: “...nước Đại Nam chúng ta yếu là vì thiếu tinh thần tôn giáo. Tôn giáo luyện cho ta đức hi sinh coi nhẹ tánh mạng. Không có tinh thần tôn giáo, chúng ta không biết cương thường, xả thân vì nghĩa...chỉ bo bo giữ cái lối riêng của mình. Nay bà con thử xét, đời nhà Trần sao dân tộc ta hùng dũng như vậy: Quân Nguyên thắng cả Á, Âu, nuốt trọn Trung Hoa mà qua nước ta thì bại tẩu. Nào cướp sáo ở Chương dương độ, nào bị bắt trời ở Bạch đằng, như vậy chẳng phải là nhờ Đạo Phật ở nước ta thời đó thịnh ư, nhờ cái tinh thần tôn giáo của ta ư...?” Năm 1907, vua Thành Thái là ông vua yêu nước, tín ngưỡng đạo giáo Tứ Ân, ông làm vua mà bất lực, rất khổ đau trước cảnh nước mất nhà tan, không cứu vãn được dân được nước, có ý đồ chống lại người Tây, không muốn làm vua nước Nam mà do người Tây dựng lên, nên phải bị người Tây thoái vị (Biên niên sử Phật giáo, trang 68, 69 NXB Tp.Hồ Chí Minh ấn hành).

Năm 1920, tuy có nhiều phong trào như Cần vương, Đông du, Duy tân khởi nghĩa chống Tây, nhưng ít có hiệu quả do không tập hợp được các sĩ phu yêu nước, ít có đoàn kết, nên tại Nghệ an có Bác Hồ Chí Minh vào Nam xuất dương tìm

đường cứu nước cứu dân, đến năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kết nối lãnh đạo toàn dân chống thực dân Pháp (Biên niên sử Phật giáo, trang 84 NXB Tp.Hồ Chí Minh ấn hành). Ngày 24/3/1926, Cụ Phan Chu Trinh mất các nơi làm lễ tang biến thành những đoàn biểu tình chống Tây, trong đó có Sư Thiện Chiếu cũng tháp tùng đi biểu tình. Người Tây hỏi, Thầy chùa sao đi biểu tình? Sư trả lời: "...thuyết từ bi cứu khổ của Phật Tổ xui Phật tử tham gia những cuộc vận động yêu nước chứ không ai xui cả..."

(Biên niên sử Phật giáo, trang 76 NXB Tp.Hồ Chí Minh ấn hành).

Ngày 19/8/1945 Cách mạng thành công, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ chí minh đọc tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Năm 1947, hội Phật giáo Cứu quốc được thành lập do Hòa thượng Minh Nguyệt làm Hội trưởng, Hòa thượng Huệ Thành, ông Commis Hải làm Phó hội trưởng, Ông Lê Hoàng Minh làm Ủy viên tuyên huấn; cũng trong năm này Đức Tôn sư Thiện Phước, thế danh Lê Minh Ý, tự danh Lê Văn Mười (biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bồng Lai) tham gia Cách mạng kháng chiến chống Tây cho đến năm 1955 mới gặp Đức Sư Ông xuất thân hành đạo.

Cơ duyên Đức Sư Ông lập thân hành đạo.

Theo lời của Sư Thiện Huỳnh thì năm 1920. Lúc Đức Ông 40 tuổi, nhiều lần được Đức Bà (Hiện thân của Đức Ông là người phát tâm tu hành trước và hành nghề bốc thuốc nam cứu dân độ thế, cứu người trong cơn bức ngặt đói rách khó khổ tại cầu số 1, Rạch giá) kêu gọi Đức Ông xuất thân hành đạo noi gương hạnh người xưa báo tứ trọng ân giúp đời, nhưng vì thời điểm chưa đến, Sư Ông từ chối. Đến năm 1925 một ngày nọ, thời điểm giữa trưa đang đi cày, chợt nghe tiếng gọi của "Ông trên" phải vì mọi người, vì chúng sanh đang khổ đau mà buông tay việc thế: "Gương người chớ cầm, Ngựa người đừng cỡi, Việc người đừng biết, Thường tự biết quây đê sửa...". Đức Sư Ông noi theo ý tưởng của các bậc đạo sư mà phát đại nguyện "Tự tay thế phát" giữa trời phát đại nguyện xuất gia hành đạo nối gót các bậc tổ đức tiên sinh tiền bối.

Sau khi thế phát, Đức Ông đi về cầu số 1 Rạch giá cùng tu với Đức Bà tại Đạo tràng của người Phật tử, lập thân hành đạo, tiếp tay bốc thuốc nam chữa bệnh cho dân nghèo, vừa khuyên người đời tu niệm Phật, xả bỏ việc thế gian để có cơ sở không hợp tác với ngoại bang người Pháp, hồng quên đi cảnh nước non dân lành bị xâm lăng tàn phá. Tại cầu số 1, Rạch giá, Đức sư Ông độ được một số đệ tử thông suốt đạo giáo, tâm linh huyền bí, diễn dương vi diệu pháp, tiếp nhận "Ấn điển" từ các bậc thánh hiền khuyến thiện người đời tu hành, như: Đức Cô Đình Thị Hy, pháp danh Diệu Nguyệt...là người dạy công hầu cận Đức Sư Ông suốt cả cuộc đời tu niệm của mình, cho đến khi Đức Sư Ông viên tịch tại Tổ đình Thành An.

Thời điểm ấy vào năm 1921, Cụ Nguyễn Sinh Sắc thường xuyên lui tới vùng Tịnh biên, Tân châu hoạt động chống Tây cho đến năm 1927 thì Chi bộ Việt Nam

Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ra đời tại Chợ mới tuyên truyền thu phục nhân tâm vùng lên chống thực dân. Năm 1939 tiếp tục các phong trào yêu nước vận động người người đứng lên chống Tây, cũng trong năm này Đạo Phật giáo Hòa Hảo ra đời (Ngày 18 tháng 5 năm Kỷ mao).

Năm 1940 với ý tưởng không giao lưu tiếp xúc với người Tây, nhận thấy tình thế nước non dân lành mang nhiều họa hại, Đức Sư Ông đau lòng tìm nơi ẩn tu, vân du đến vùng núi Tà-lơn, một vùng núi non hiểm trở, thuộc địa danh Chot-xim, biên giới Việt Nam-Cambodge hành đạo nổi chí “Các bậc trên trước” (Theo lời kể của cư sĩ Thiện Phước, ngày mùng 7/ Chạp/ Canh dần).

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười Bốn: Các bậc siêu nhân kiệt xuất trong thời điểm Đức Sư Ông ra đời.

Ông Cử Đa:

Năm 1896, sau những cuộc tham gia kháng Pháp từ miền Trung đến miền Nam thất bại, tại miền Tây có Ông Cử Đa (Nguyễn Thành Đa) nhà yêu nước có truyền thống đạo giáo, xuất thân hành đạo khuyến thiện dân lành vùng Tà lon, Thiên Cẩm sơn, phổ biến kệ kinh, sám ký, trong đó có quyển “Lan Thiên” là những bài pháp ẩn ý đặc sắc nhất trong đời tu của Ông.

Trích câu nói về Ông lúc đi tu:

Lan thiên một cảnh chép chơi

Non cao đánh thượng thành thoi vô cùng

Ông Cử Đa sinh dưới thời vua Tự Đức, khoảng năm Canh Tuất (1850) thuộc làng Thuộc nhiều, Mỹ Tho đến năm Ất ty (1895) ông tầm sư học đạo, lưu lạc nhiều nơi trong tỉnh Châu đốc. Đến ngày 14/3/1896 (Bính thân), ông thí phát quy y hiệu là Ngọc Thanh, tu tại điện Bồ hồng (Đỉnh núi Cẩm), rồi được tôn sư đưa lên ở nơi Trung Tòa, động Cao vân (Sự tích ông Cử Đa đi tu của Trương Tấn Ngọc, ở Vĩnh kim, Long định). Trong bài văn Tà Lơn có câu:

Hắc y đổi lấy cà sa

Cái tên đặt lại hiệu là Ngọc Thanh

Tương truyền ông lúc thiếu thời ông có đến Bình Định học võ và thi đỗ Cử nhân võ thời vua Tự Đức, nên thế thường gọi là Ông Cử Đa, lúc bấy giờ sống ở tại làng Bình Khê, Phù Cát, Bình Định. Năm 1862 vua Hàm Nghi xuất bôn truyền hịch Cần vương, ông có tham gia cùng với triều đình Huế chống Tây, nhưng sau đó kinh thành Huế thất bại, Nhà Vua bị bắt và bị đày sang Algérie, ông trở lại

Nam kỳ, lúc bấy giờ có nhiều cuộc khởi nghĩa, như: Trương Định chết ở Gò Công, Phan Thanh Giản tuấn tiết ở Vĩnh Long, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực ẩn náu ở Kiên Giang, Trần Văn Thành, Thủ Khoa Huân bị lưu đày sang đảo Réunion...các nhóm chống Tây đều đã tan rã.

Ngài Cử Đa một lần nữa xác định con đường đi riêng của mình: "...không làm anh hùng thì làm Bò tát...". Kể từ đó có lúc ẩn danh vùng Thất Sơn, chờ thời cơ giúp nước, có lúc ông đi trong cô đơn từ Bến Tre, Cái Dầu (Châu Phú, An Giang), Giang Thành (Hà Tiên), rồi lần sang đến đất nước Cambodge, đến ở tại Kampôt, Kam-phong Trạch và cuối cùng đến núi Tà Lon (Bokor) tu hành.

Tương truyền năm Giáp Tuất (1934) nhà văn Phan Khôi có kỳ ngộ với ông Cử Đa ở chợ Bến Thành (Saigon), lúc bấy giờ thể thường đồn Ông đắc đạo thành tiên khi ẩn khi hiện rất linh hiển, có khi xuống bút thành thơ có đạo hiệu là Hư Không, Chơn Không. Ông có để lại cho đời bài Vãng Núi Tà lon bằng thơ lục bát có nhiều ẩn ý quan tâm đến việc đời.

Ngày 1 tháng 5 năm 1904 xảy ra trận bão lụt, người dân đồng bằng Sông Cửu long bị thiệt hại nặng nề. Cũng trong năm này nhà chí sĩ Phan Bội Châu có đến Bảy Núi tìm Đạo và tìm người cùng chí hướng chống Tây; ngoài ra còn có những vị Hòa thượng, Yết ma, Giáo thọ của Phật giáo, các bậc truyền giáo đạo cao đức cả cũng hướng dẫn Phật tử vùng lên chống ngoại xâm, như: Tổ Chí Thiên, Tổ Khánh Anh (Phật Học Đường Lương xuyên), Tổ Huệ Quang, Tổ Khánh Hòa (Bến Tre), HT. Trương Văn Đốc (Dịch giả kinh Pháp Hoa, Kiên giang) Sư Thiện Chiếu, Ông Ba Thới, Ông Sư Vãi Bán Khoai, Đức Phật Nằm, Đức Phật Trùm...

Ông Ba Thới:

Ông Nguyễn Văn Thới tức Ba Thới là một nông dân có học chữ Hán, sinh năm Bính Dần (1866) đời Tự Đức thứ 19 tại làng Mỹ Trà, ấp Long Hậu, tổng Phong-Thạnh quận Cao Lãnh (Sađec). Ông Ba tướng người cao lớn nước da trắng, râu tóc nhiều mỗi khi tóc buông ra thì chắm đất có dư, khi về già râu bạc và dài xuống tới rún. Tánh tình cương quyết, nóng nảy thích ngắm kiểng xem hoa, thường hút thuốc điếu và một đôi khi cũng có ăn trầu.

Mùa đông năm Bính ngọ (1906), ông Ba tìm đến ông Trần Văn Nhu là con của Quản cơ Trần Văn Thành, đại đệ tử của đức Phật Thầy Tây An và cũng là một nghĩa sĩ chống Pháp, xin quy y với ông Hai ở Láng Linh. Sau ông đem cả gia đình về ở nơi đây.

Trong thời gian này, ông Ba viết ba quyển: Vân-Tiên, Thiện-Từ, Cỏ Văng Kim Lai.

Vì có sự ghen ghét của Nguyễn-văn-Phẩm là cháu của ông Hai Nhu đưa đến việc Bửu-Hương Tự bị nhà cầm quyền Pháp bao vây (ngày 21 tháng 2 năm Quý-Sửu 1913). Ông Ba thoát, ông Hai thì phải trốn tránh, nhưng con trai của ông Ba là

Nguyễn Văn Tuấn lại bị bắt cùng một một lượt với 56 người đồng đạo đến cúng chùa.

Thấy tình đời đen bạc, đau buồn vì cảnh chùa tan nát, ba hôm sau (24/2/1913), vào giờ Ngọ, ông Ba dùng dao cạo cắt họng để tự sát. Vết thương đứt tới phân nửa cuống họng, nhưng ông không chết. Người nhà hết hoảng, chiều tối lại chở lên nhà thương Châu Đốc điều trị. Ông không chấp nhận việc chữa trị của người Pháp, ông cự tuyệt và gở bỏ hết. Độ vài tháng sau liệu bệnh-tình ông Ba không thể chữa được, nhà thương đem bỏ ông ra nhà xác. Ông trốn được ra ngoài rồi nhờ người nhà chở về.

Tháng bảy năm Giáp dần (1914) ông Ba dời nhà về doi Lộ Lở (làng Kiến An, tổng Định Hòa, Long Xuyên), giả dạng người thường, làm ruộng rẫy sinh sống cho qua ngày.

Trong chuỗi ngày tàn, ông ký thác lòng mình vào những quyển Ngòi Buồn, Kiêng Tiên, Kim Cổ Kỳ Quan, Cáo Thi, Tứ-Đại và Thừa Nhân.

Như chúng ta điều biết vào đầu thế kỷ hai mươi, tại miền Nam nổi lên một phong trào văn chương đại chúng. Văn chương này phát xuất từ những nông dân hoặc những hàn nho. Nội dung văn chương này có hai điểm chính: Văn chương yêu nước và văn chương tôn giáo.

Đây là lúc quân Pháp xâm chiếm Việt Nam mà Nguyễn Đình Chiểu phải chạy về Bến Tre và sáng tác các bài văn tế Trương Công Định, văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc. Đây cũng là lúc phát sinh các tác phẩm khác như Thơ Sáu Trọng, Thơ Năm Nhỏ, Thơ Năm Ty, Thơ Cậ Hai Miêng... thể hiện tinh thần yêu nước chống Pháp và sinh hoạt xã hội..

Trước đó không lâu, Bửu Sơn Kỳ Hương với Đức Phật Thầy ra đời (1849), truyền xuống đến các đệ tử như Phật Trùm, Đức Bồn Sư núi Tượng, Ông Sư Vãi Bán Khoai và Thầy Huỳnh Giáo Chủ.

Trong những tác phẩm tôn giáo xưa như Văn Núi Tà Lon của ông Cử Đa, Giảng Xưa của Đức Sư Vãi Bán Khoai, Sám Giảng của Huỳnh Giáo chủ thì tác phẩm Kim Cổ Kỳ Quan có vị trí khá quan trọng. Trong Kim Cổ Kỳ Quan, Ông tự giới thiệu như sau:

*Quê ngụ miền Cao Lãnh
Tôi nay Ba Thới xưng danh
Từ theo Thầy học đạo mình thanh
Cửu thu mãn thánh danh dư tuế (Kim cổ)
Tôi nay Ba Thới từng Quới Mỹ trà
Tên Thanh Phật bà chủ nhà Sa Đéc
Nhiều người ghen ghét mở bét bạc bôi
Nhiều việc thương Vôì thương ôi ong bướm
Việc đời lụy ướm như bướm gầy ong*

*Tên Thành là ông Quan-Công thuở trước
Phò vua giúp nước thuở trước rất miêng
Phật Thầy Trần Nguyên dạy yên lê thứ
Trần Nhu chiếm cứ nhị tứ Láng Linh
Hai Lãnh trung tinh độ tinh gò sắt
Hai Ngôn thậm ngặt oán giết (giặc) hỏa thiêu
Căm hờn quân yêu bao nhiêu chẳng cử
Chủ tư biện xử tích cử tòa chuong
Nhiều việc tử thương lưới vương Châu Đốc
Hai Nhon tử tốc vị bóc cáo trình
Nhiều việc bất bình thương tình chú bầy dăm bì (Cáo thi)*

Ông Ba Thới mất vào lúc năm giờ sáng (giờ Dần), ngày mùng Chín tháng Tư năm Bính dần (1927), thọ 61 tuổi. Ông để lại cho đời chín văn phẩm kiệt tác về đạo đức lẫn văn chương, và một tấm gương tiết tháo kiên trinh bất hoại.

Đức Phật Trùm:

Hiện thân của đức Phật Thầy Tây An, là người Việt gốc Khmer; ngài tên thật là Tà-Pênh, nói tiếng Việt không thông thạo lắm, có gia đình sinh được bốn người con gái. Năm 1866 sau những ngày lâm bệnh nặng hôn mê, bỗng dung tỉnh táo lại, tự nhận mình là hậu thân của Phật Thầy Tây An, là “hồn Trùm của Phật”, nên được tín đồ gọi là Đức Phật Trùm, qua những lời sám giảng còn lưu truyền:

*Ở đời hạ giới yêu ma
Phật cho Thầy xuống để mà giảng dân
Tuy là phần xác của Miên
Hồn Trùm của Phật xuống lên dạy đời*

Tuy là người Miên, nhưng ngài giảng giáo lý toàn là tiếng Việt, giống như Đức Phật Thầy Tây An, Đức Phật Trùm có phát lòng phái giữ Đạo, trở tài trị bệnh lạ thường. Mọi người đồn rằng: “Mỗi lần trị bệnh, ngài dùng đèn sáp đốt lên, bắt bệnh nhân ngửi khói sáp mà hết bệnh, nên người đương thời gọi ngài là Ông Đạo Đèn:

*Lâm san nghe tiếng Đạo Đèn
Gần xa thiên hạ ngợi khen vô cùng
Kẻ thời đến lãnh giấy thông
Người thời đến lãnh phù ông đem về*

Đương thời hành đạo rất thịnh, nên ngài bị vu cáo âm mưu tổ chức chống Tây, nên bị người Tây bắt nhốt kế án đưa đi tù đày. Về sau khi được thả, ngài đến tạm xứ Cambodge giảng đạo. Ngày 13 tháng 3 năm Ất Hợi (1875), ngài viên tịch. Mộ của ngài được xây trên lưng chừng núi Sàlon, một núi nhỏ thuộc ấp Sàlon, xã

Lương phi, huyện Tri tôn, tỉnh An Giang, mộ không nấm, theo chủ trương của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương.

Ông Sư Vãi Bán Khoai:

Tín đồ các giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Giáo Hòa Hảo đều tin rằng ngài Sư Vãi là hiện thân thứ ba của Phật Thầy Tây An tiếp tục làm việc giáo hóa người đời ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam.

Vào năm Tân sửu (1901,1902) có một người đàn ông hình dạng nhỏ bé ốm yếu, như người đàn bà, mặc quần áo có mang yếm trước ngực và trông giống như một ni cô đi bán khoai ở vùng Thất Sơn và kinh Vĩnh Tế để tùy cơ khuyến thiện người đời. Ông thường dùng vải áo, vải khăn của mình mà cho người bệnh, để chữa khỏi bệnh, người đời đặt cho ông biệt hiệu là Sư Vãi hay Sư Vãi Bán Khoai. Ngoài tài chữa bệnh, ông còn giỏi võ. Như lúc ở Vĩnh thông (Châu Đốc, An Giang), một hôm ông đi chặt bàng để dệt đệm, bỗng nghe có tiếng người lẫn tiếng cộp vang rân ở đó. Ông cầm mác chạy lại thì thấy ông Mạ, người cùng xóm đang hỗn chiến với cộp. Tức thì, ông nhảy đến tiếp tay và giết được mãnh thú.

Ngài Sư Vãi Bán Khoai có hành đạo đến Cù lao Ông Chưởng (Chợ Mới, An Giang) một lần và sau đó trở về Thiên Cẩm Sơn. Ngài vân du dầy đời hai năm (1901, 1902) rồi mất dạng.

Cuộc đời hành đạo của ngài có để lại một bộ “Sám giảng người đời” 11 quyển, 422 câu và ba bài kệ 128 câu, giảng theo thể văn lục bát với nội dung nhằm phác họa một thế giới quan đời hạ nguơn dầy đầy những tai uơn và chết chóc, khổ đau:

*Bấy lâu dạy chẳng nghe lời
Đề cho ác thú trên trời xuống ăn
Đoái nhìn lửa cháy tứ giăng
Trên non chín động binh chẵn kéo ra
Lao xao kẻ khóc người la*

...rồi khuyến thiện, dạy người làm lành lánh dữ và trung thành với tổ quốc giang sơn, để được sống một cuộc sống thánh thiện ở đời thượng nguơn:

*Ai mà lòng quý dạ yêu
Tham tiền, thích ác có siêu bao giờ
Sư đà có dạ đợi chờ
Rao cho bá tánh trên bờ dưới sông
Khuyên niệm Phật:
Niệm Phật thì phải chí tình
Ôn cha nghĩa mẹ giữ mình cân phân
Niệm Phật phải giữ tứ ân
Ôn nhà nợ nước xử phân trọn nghì*

Hay:

*Thảo cha ngay chúa xưa nay
Dầu mà có thác miếu sơn tạc thờ
Xem trong các truyện các thơ
Nịnh thần có thác, miếu thờ ở đâu*

...sách đến nay vẫn còn truyền tụng tại miền Tây nam phần Việt Nam. Trong tủ sách Non Bồng của Liên tông Tịnh độ cũng có lưu một bản quyền của ngài Sư Vãi.

Theo truyền thuyết thì ngài Ngài Sư Vãi Bán Khoai:

“...truyền đạo giáo hóa người đời hai năm thì mất dạng...”

Thuyết khác: “...năm 1902 sau khi truyền lại bộ “Sám giảng người đời” cho một gia đình người dân hiền đức ở địa phương. Cho đến khi người kia đọc được, cho người chạy đi tìm thì ông đã đi xa, và cũng từ đó mọi người không còn trông thấy bóng dáng ông ở đâu nữa...”

Thuyết khác: Ở Bến Tre có ngôi mộ của ông Sư Vãi Bán Khoai, có tên là Huỳnh Phú Minh, pháp danh Sư Vãi Bán Khoai, sinh năm 1898, mất lúc 21 giờ, ngày mùng 10 tháng hai, năm Đinh Dậu (1957), hưởng dương 59 tuổi. Khi an táng tại Cầu Móng, Bến Tre, sau cải táng tại xã Hương Mỹ, Mỏ Cày, Bến Tre. Tuy nhiên mọi người tin mộ phần này không phải là mộ của ông Sư Vãi Bán Khoai hành đạo ở đồng bằng sông Cửu Long.

Đức Phật Năm (Ông Đạo Năm):

Đức Phật Năm, theo sử liệu có quá ít văn ngôn nói về ngài, thường khi nhắc đến ngài thì gắn liền ngôi chùa Thành Hoa linh thiêng cổ kính đẹp, như: “...đến với Cù lao giêng, du khách Phật tử thường đến chùa Ông Đạo Năm linh thiêng...”. “...khách đến thăm Cù Lao Giêng vào các dịp ngày rằm, lễ lớn thăm viếng chùa Ông đạo Năm có tên là Thành Hoa Tự...”

Có một bài văn ngắn nói như sau về ngài Phật Năm: “... khoảng đầu thập niên 1850, có một ông ở vùng Xếp Cả kích bên Cao lãnh được dân chúng mệnh danh là ông Đạo Năm, trắng trẻo, trái tai dài lớn như tai Phật, tính tình hiền lành ai cũng quý mến. Người ta đồn ông là ông không bơi mà vẫn nổi trên mặt nước, bồng bênh trên giòng sông Tiền Giang, nước ròng trôi lên, nước lớn trôi xuống. Có kẻ nghĩ là ông trêu thiên hạ, nằm trên cái phao gì đó cho nổi, bèn bơi ra sông, lặn xuống nước, tò mò rờ xem ông có kê gì ở dưới lưng chẳng nhưng chẳng thấy gì cả. Dân Sai gon gom tiền góp của đem đến Cù lao Giêng (Ven) xây một ngôi chùa, đón ông về trông coi nhang khói.

Đúng ngày khánh thành, chùa đang đầy thiện nam tín nữ thì một toán lính Tây xông vào nổ súng. ông Đạo Năm và mấy người đệ tử nữa tử nạn, nhiều người bị thương. Bà Năm Mẫn, năm 1897 trên bảy mươi tuổi, hiện còn sống ở Cù lao Giêng cũng bị thương tật. Vụ việc ngài thọ nạn, trước đó ngài có báo cho chư đệ tử là “Không qua khỏi” vì vậy mà ngài không trốn, mà phải trả “Quả từ tiền kiếp”.

Năm 1966, chúng tôi Đoàn Du Tăng Khất Sĩ Non Bồng 125 vị, có thân hành đến Cù lao Ven, thăm viếng chùa Thành Hoa được người trong chùa tiếp đãi tử tế lịch sự, chùa cung cấp thị giả phục dịch chu đáo cho đến khi khách rời khỏi chùa. Chùa cũng thường phục vụ cho các Nhà Sư tu hành thật đức, khi Nhà Sư nhập thất thì chùa sẽ hộ trì cho nhập thất đến khi viên mãn thất.

Tại bản địa Cù Lao Ven, tuy là phần đất nhỏ nhưng có nhiều dấu ấn di tích lịch sử: Khu di tích lăng mộ “Ba quan thượng đẳng” có công với đất nước: Nguyễn Văn Thư, Nguyễn Văn Kinh, Nguyễn Văn Diên; di tích cách mạng năm 1930 với lá Cờ Đỏ Búa Liềm trên cột dây thép xã Long điền A, từng là căn cứ địa của Xứ Ủy Nam Kỳ, nơi đây cũng là quê hương của nữ anh hùng Huỳnh Thị Hương, một Võ Thị Sáu kiên cường của miền Tây.

Cù lao Ven (Giêng), dài 12 km, rộng 7 km, gồm 3 xã Tân mỹ, Mỹ hiệp, Bình Phước Xuân...thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang còn có các danh hiệu khác là Giêng, Giên, Diên, Riêng, Den...người Khmer gọi là Koh-teng. Người địa phương thường gọi tên Cù Lao Giêng là tiếng đọc trại ra từ chữ Doanh. Đất này vào thuở xa xưa gọi là Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu, cảnh trí thần tiên, nơi có tiên ở.

Ngoài ra còn có các cơ sở tôn giáo lớn, như Phật giáo có chùa: Thành Hoa của Đức Phật Năm linh thiêng, chùa Phước Thành, chùa Phước Minh (Chùa Bà Vú) cổ kính có tháp chín tầng, cổng tam quan lớn đi thẳng vào chùa; đền thờ ngài Quán cơ Trần Văn Thành, người có công dẹp giặc Xiêm, do con trai của ông là Trần Văn Nhu đứng ra xây dựng vào năm 1879; nhà thờ cổ của người Kitô giáo mang đậm nét kiến trúc Roman do linh mục Gaphignol xây dựng từ năm 1875 với tòa tháp chuông cao vút; có những ngôi nhà xưa, Phủ thờ Nguyễn tộc được xây dựng từ đầu thế kỷ 20, mang lối kiến trúc nhà rường gỗ ba gian hai chái, tường gạch bao tứ diện, ngôi nhà này có điểm đặc biệt theo kiến trúc nam bộ nên được giữ nguyên những cấu trúc “Chân quê” ngày xưa.

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười Lăm: Nơi Đức Sư Ông tu hành và khai sơn tạo tự An Sơn

Tự (Bồng Lai cổ tự)

Năm 1944 trở về Việt Nam du phương hành đạo đến an trú tại An Sơn Tự (Bồng Lai cổ tự), vùng núi Trượng, Ba Chúc, huyện Tri Tôn, Châu Đốc, An Giang cầu tu theo pháp Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tu hành với Ông Ba Khỏe là vị Trưởng Gánh thuộc môn phái của Đức Bổn Sư Núi Trượng; thời điểm bấy giờ thì Đức Bổn sư đã không còn nữa, Ngài đã ra đi về với Tổ Phật. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là nền đạo đức rất phù hợp với “Thổ dân” và “Di dân” lập nghiệp ở vùng biên giới Việt-Miên.

Năm 1851 Bồng Lai cổ tự là nơi Đức Phật Thầy Tây An chỉ giáo cho Quản cơ Trần Văn Thành và một số tùy tùng lên núi tìm gỗ “Lào táo” là loại gỗ chắc để làm trụ cột gọi là “Cây thẻ” hay “Ông thẻ” cắm vào lòng đất, vuốt hình búp sen, có khắc bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương, cây thẻ số ba, thuộc hướng Tây (Tây Phương Bạch đế), nằm Trần Biên giới Miên-Việt ở Bài Bài, bên kia bờ kinh Vĩnh Tế, thuộc xã Vĩnh Tế, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (Lộ núi Sam vô 4 km).

Cây thẻ số một (Đông phương Thanh đế) cắm ở làng Vĩnh Hanh; cây thẻ số hai (Bắc phương Hắc đế) cắm ở làng Vĩnh Thạnh Trung; cây thẻ số bốn (Nam phương Xích đế) cắm ở Giồng Cát, Rừng Tràm, Vĩnh Điều; cây thẻ số năm cắm ở Thiên Cẩm Sơn, gần hang Bác Vật Lang. Cả năm cây thẻ đều thể hiện niềm tự hào về đất nước thống nhất có chủ quyền như ý nghĩa bài thơ “Nam quốc Sơn hà” của Lý Thường Kiệt.

Trong quá trình bị nạn chiến tranh, quý Thầy trong chùa lên đèo “Ông thẻ” số 3 trị bệnh cho bà con, ông Thầy bị chết “Bất đắc kỳ tử”.

Thẻ hiện nay được bào chuốt lại kỹ lưỡng, đặt kính cẩn trên bàn thờ và được bà con khắp nơi chiêm ngưỡng lễ bái. An Sơn Tự phía trước thờ Phật Thích Ca, phía sau thờ Trăm quan thần cụ, bài vị thờ Phật Thầy Tây An, ông Đạo Lập và ông Cử Đa.

Việc ếm đôi là việc làm có tính cách riêng biệt “Biệt truyền” của các bậc khai sơn đạo giáo, các nhà làm tôn giáo dân tộc ở miền Tây nam phần Việt Nam, các pháp ấy không có trong giáo lý của Đức Phật Thích Ca, giáo pháp nhà Phật không có giáo hóa đệ tử thực hiện các việc làm như của “Các bậc Tổ Tiên Thánh Giáo”, không cho phép làm những việc có tính cách thần thông biến hóa, tiên tri bốc phệ... Tuy nhiên qua bài viết này chúng tôi giới thiệu một ít nét chấm phá như một đề tài văn học của Việt Nam về việc “Ếm đôi”, “Mở ếm” của các nhà phong thủy xưa, họ làm gì? để làm gì?

Như chúng ta đã biết không phải đợi tới năm 1849 Đức Phật Thầy Tây An, Đức Bồn sư núi Tượng, Ông Đạo Lập mới xuất hiện “Mở ếm” giải thoát những khổ đói cho dân nước Nam và cũng không phải đợi đến năm 1714 mới có Mạc Cửu ở Hà tiên, bày vẽ việc “Ếm đôi” long mạch làm tắt mạch nhân tài nước Nam.

Mà trước đó có một số nhà phong thủy nổi tiếng như: Cao Biền, tướng quân Hoàng Phúc đời Đường Trung Quốc đến Mạc Cửu được vua Nhà Thanh sai sang đất Việt ếm đôi để làm cho không còn nhân tài kiệt xuất của nước Nam xuất hiện. Tuy nhiên, ở thời kỳ lập quốc, nước Nam vẫn còn những nhân tài kiệt xuất như Nhà sư Chân Nhân (852-936), Thiên sư Định Không, chùa Quỳnh Lâm, Đinh Bộ Lĩnh biết công phá sự “Ếm đôi” của Cao Biền. Sư Vạn Hạnh đôn đốc vua Lý Công Uẩn dời đô về “Phá vỡ, mở toang” sự ếm đôi của người phương Bắc; ông Tả Ao Nguyễn Đức Hiền, người làng Tả Ao lưu truyền sách phong thủy, Cụ Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm tiên đoán về sự thịnh suy của nước Nam để mở đường ho dân Nam biết cách tránh sự ếm đôi của người Tàu; Đức Bồn sư núi Tượng thì “Mở ếm”

tại Thủy Đài Sơn, ông đạo Lập “Mở ếm” tại Bài bài giúp cho dân tình an cư lạc nghiệp. Đức Phật Tây An làm năm cây thẻ để “Phá trần ếm” của người Tàu mở đường cho dân Nam văn minh tiến bộ, vượt qua nhiều ách đô hộ lâu đời của ngoại bang, giữ yên bờ cõi trường tồn bất diệt. Chúng ta là những người hậu học khi tìm hiểu, không nên lấy sự hiểu biết hạn hẹp, suy tư đả đơ mà làm thước đo sự hiểu biết vô vi vô bờ bến đó!

An Sơn Tự là nơi Đức Sư Ông tu hành đúng một năm, rồi sau đó về tại Ngọa Long Sơn, xây dựng Tổ đình Bửu Quang.

Khai sơn chùa Bửu Quang.

Năm 1945, Đức Sư Ông hành đạo về tại Ngọa Long Sơn, đến địa điểm Ô Tam cấp, cạnh núi Văn Liên an trú. Trên lưng chừng núi non hiểm trở, xây dựng chùa Bửu Quang với tranh lá đơn sơ, nơi giữa rừng vắng hoang vu linh thiêng huyền bí tu hành khổ hạnh, ngày thì canh điền tác rầy, để có phương tiện nuôi thân, đêm về am thanh cảnh vắng, giữa chôn tịch dương sôi kinh nấu sữ, bái sám tịnh niệm và cứ như thế Ngài tấn tu tịnh nghiệp không hề nhàm trễ. Đức Sư Ông rất tiết độ về ăn uống, ngày chỉ ăn một bữa trưa, vì muốn cho thân xác được nhẹ nhàng, nên khi ăn, chỉ ăn lường một bát cơm, chầu rau đạm bạc để vừa đủ nuôi thân mà thôi.

Lúc bấy giờ còn có tu sĩ Nguyễn Thành Nam tìm non núi tu hành, cũng đến cùng ở tu với Đức Sư Ông, tu sĩ Thành Nam có hạnh tu đặc biệt: “Mỗi lần Đức Sư Ông kết khóa ngồi tịnh niệm Phật, tu sĩ cũng đến hành pháp ngồi đối diện với Sư Ông để niệm Phật, Sư Ông quay về hướng khác, tu sĩ cũng quay theo hướng khác, Sư Ông quay hướng nào tu sĩ cũng quay theo hướng đó để cùng tu cùng tịnh niệm...”. Tu sĩ Nguyễn Thành Nam sau về quê hương Bến Tre lập đạo Hòa Đồng Tôn giáo, đến năm 1967 lập thành Hòa Hiệp Tôn giáo, do chính tu sĩ làm Giáo trưởng.

Theo lịch sử địa danh Ba Chúc thì năm 1949, quân Pháp mở trận càn quét lớn vào vùng bảy núi, chùa Bửu Quang của Đức Sư Ông cùng một hoàn cảnh “Bị giặc Tây đốt cháy”, nhưng lúc bấy giờ Sư Ông không khuất phục trước những cách đối xử với người tu Phật của bọn Tây, nên cương quyết không xuống núi, mà xây dựng lại ngôi Tam bảo Bửu Quang để hành đạo.

Theo lời kể của cư sĩ Thiện Phước, người đứng ra trùng tu ngôi chùa Bửu Quang và Ông Trưởng Ấp An hòa B (Cháu của Sư Thiện Thới) hôm ngày mùng 9 tháng 12, năm Canh dần, 2011 như sau:

“...Cho đến năm 1959, chế độ cũ của Ông Ngô Đình Diệm lập khu trù mật, chính quyền ra lệnh bắt buộc chùa phải di dời xuống núi về tại lộ 30, tọa lạc dưới chân núi Dài (Ngọa Long Sơn). Thời kỳ chiến tranh Việt Mỹ, Đức Sư Ông và huynh đệ tu trong chùa tham gia hoạt động ủng hộ che dấu Cách mạng, do đó đến ngày 17/4/1963 chùa bị chế độ cũ bắn phá đốt cháy, có bốn vị tu sĩ cư trú tu hành

bị thương vong hiện nay vẫn còn chứng tích. Chùa Bửu Quang lại phải di dời về phía sau chợ Ba Chúc; lúc bấy giờ chùa được xây dựng lại khang trang cao ráo nhưng bằng gỗ lợp lá; chùa được Trung ương Giáo hội Phật giáo Tỉnh Độ tông Việt Nam đặt văn phòng trở thành Trụ sở Quận hội Phật giáo Tỉnh độ tông Việt Nam, do Hòa Thượng Thích Thiện Niệm làm Hội trưởng...”. Kể từ năm 1965, hằng năm vào ngày 19/ Giêng soạn giả cùng với chư Tăng thuộc Đoàn Du Tăng Khất Sĩ Non Bồng, Tịnh xá Thiện Chơn, Quan âm Tu viện, Tổ đình Linh Sơn đều có tổ chức thành đoàn đi về viếng Đức Sư Ông tại tịnh thất Đại Quang Minh, thăm Tu Vũ Tự và chùa Bửu Quang.

Chùa Bửu Quang là ngôi chùa duy nhất thuộc Hội Phật giáo Tỉnh Độ tông nằm trong lòng thánh địa Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Đến năm Mậu thân, 1968 thời kỳ chiến tranh Việt Mỹ, Tổ đình một lần nữa lại bị đốt cháy. Sau ngày hòa bình 30/4/1975 quý vị đệ tử Đức Sư Ông, như cư sĩ Thiện Huệ, cư sĩ Thiện Phước, cư sĩ Tiên Định và chư huynh đệ nam nữ Phật tử...trở lại trùng tu tạm ở tu hành, nhưng đến năm 1979 giặc Miên đến tàn phá thị trấn Ba Chúc, tàn sát dân lành đốt phá chùa một lần nữa, giết chết thật nhiều các đồng đạo Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, trong đó có đệ tử Đức Sư Ông là Cụ Sáu Muôn tử vì đạo, Cô Tám Phiến cũng bị giặc Miên bắt nhưng thoát nạn...thật đau lòng cho con cháu môn đệ của Đức Bổn sư cũng như của Đức Sư Ông.

Hành hương về nguồn lần thứ nhất:

Tịnh thất Đại Quang Minh.

Năm 1960, sau khi rời khỏi Ngọa Long Sơn, Ba Chúc Đức Sư Ông và Đức Cô Diệu Nguyệt, chư huynh đệ về hành đạo tại núi Trà sư, gần điện Sân Tiên, huyện Nhà Bàng. Nơi đây cũng được chư huynh đệ xa gần phát tâm dựng lên một tịnh thất cúng dường Đức Sư Ông, hiệu là Đại Quang Minh.

Trong những năm 1961,1962 vâng lệnh Đức Tôn sư, Ni trưởng Huệ Giác (Ông Sáu Lục) thường xuyên hướng dẫn chư huynh đệ ở miền Đông và Saigon đến thăm viếng Đức Sư Ông cầu học đạo, trong đó có nhiều nhà học giả trí thức, như Ông Huỳnh Hoài Lạc, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tờ báo Chuông Mai, anh em ký giả, các vị tuổi trẻ đầu xanh đến học Phật pháp.

Nơi đây còn có Sư Thiện Huỳnh (Cháu của Đức Huỳnh Giáo chủ), Sư Thiện Hương làm thị giả hầu cận Đức Sư Ông. Soạn giả và chư Tăng Ni thuộc Tăng đoàn Du Tăng Khất sĩ Non Bồng được sự chỉ giáo của Đức tôn sư, mỗi năm vào khoảng trung tuần tháng giêng âm lịch cũng thường tổ chức thành đoàn về tại tịnh thất Đại Quang Minh kính lễ Đức Sư Ông và thọ học pháp môn tu niệm Phật.

Tu Vũ Tự.

Theo lời của cư sĩ Thiện Phước kể lại: Có một ngôi chùa Bồng Lai nơi có thờ “Ông thờ” của Đức Bổn sư núi Tượng thiết lập để trấn giữ (Không phải Bồng

Lai cổ tự). Về sau chùa bị chiến tranh đốt cháy, đến năm 1964 Đức Sư Ông chủ trương muốn lập lại ngôi chùa xưa, nên cử Ông Út Hón chịu trách nhiệm trùng tu lại ngôi chùa Bồng Lai, núi Tượng, nhưng đổi danh hiệu chùa Bồng Lai thành Tu Vũ Tự. Trong quá trình xây dựng có nhiều tình tiết mà Ông Út Hón và chư huynh đệ không giải quyết được, như việc:

“...tại nên chùa cũ có thờ một “ông thờ” của Đức Bôn sư núi Tượng thờ phượng trấn giữ” cắm sâu trong lòng đất từ xưa; lại nằm trong nền chùa đến nay thì nhô không lên, Ông Út Hón và chư huynh đệ về Trà sư cầu Đức Sư Ông gia hộ, Sư Ông cử Sư Thiện Huỳnh, là cháu của Đức Thầy Huỳnh Giáo chủ đến tụng kinh cầu nguyện; sau đó Sư Thiện Huỳnh tự tay nhỏ “Ông thờ” lên một cách dễ dàng, để phụng thờ tại Tu Vũ Tự...”. Quá trình trùng tu xây dựng ngôi Tu Vũ Tự, Đức Tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước có cử Ông Tám chợ Đào, các huynh đệ của Tịnh độ Non Bồng từ Tổ đình Linh Sơn miền Đông đến làm công quả trực tiếp chịu trách nhiệm trùng tu công trình cho đến khi viên mãn. Hiện nay thì Ông Út Hón đã quy tây, ngôi chùa được con trai của Ông sửa sang lại thật khang trang và làm Trưởng Gánh của Phật giáo Tứ Ân vùng Ba Chúc.

Theo dấu chân Đức Sư Ông:

Thành An Tự.

Năm 1969, Đức Sư Ông chỉ giáo Sư Thiện Thới và các môn đệ tập trung về Núi Sập xây dựng ngôi Phật pháp Thành An Tự trên đỉnh núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Sau đó Đức Sư Ông được các môn đệ bái thỉnh về đây an cư hóa đạo cho đến ngày viên tịch.

Sư Thiện Thới hoàn tục, Phật sự chùa Thành An được giao lại cho quý thầy Thiện Tâm, Thiện Tánh, Thiện Chí, Ông Ba Bò Đề... Năm 1976 sau khi Đức Sư Ông viên tịch, Đức Tôn sư cử Tu sĩ Thích Thiện Tâm làm Trụ trì. Năm 2007, Ni trưởng Thích nữ Huệ Giác, Trưởng tông phong Liên tông Tịnh độ Non Bồng đứng ra trùng tu trở thành ngôi đại già lam quy mô khang trang để báo ân báo hiếu Phụ mẫu Tổ sư. Năm 2008, Ni trưởng cử Thầy Thích Huệ Thông thuộc con cháu trong tông phong làm Trụ trì.

Sở dĩ chúng tôi kính tôn hai ngôi chùa Bửu Quang và chùa Thành An vị thứ là Tổ đình vì hai ngôi chùa này là nơi xuất thân của Đức tôn sư Hòa thượng thượng Thiện hạ Phước người sáng lập Liên tông Tịnh độ Non Bồng, một môn phái có nhiều người dự tu Tịnh độ ở miền Đông Nam phần Việt Nam.

Hộ trì chánh pháp:

Năm 1942, Đức Sư Ông du hóa hành đạo về cầu số 1, Thị xã Rạch Giá, các môn đệ cũng được mời về đây tiếp tục làm việc từ thiện bốc thuốc Nam, cứu bệnh hướng dẫn người tu hành tế tăng độ chúng.

Có một Đạo nhân tướng hảo quang minh, diện mạo khôi ngô minh triết, vị thanh niên có trên 20 tuổi, mặc y phục cổ truyền (bộ đồ bà ba trắng) đến cùng tham vấn về nguồn đạo lý của ba đời chư Phật với Đức Sư Ông.

- Sư Ông nói: “Ông là người có sứ mạng cao cả với Phật pháp, nên xuất thân tu hành hóa đạo, chúng sanh đang chờ, lúc bấy giờ tôi hứa sẽ là người đầu tiên trợ duyên cho Ông...”

Vị Đạo nhân liền vái chào từ giả Sư Ông ra đi và làm theo lời khuyên tấn của Sư Ông. Đến năm 1943, vị Đạo Nhân đó trở lại thăm Sư Ông, lúc bấy giờ trên mình mang pháp phục “Đại y bá nạp”. Sư Ông liền bảo: “Từ đây đạo lành của ông rất tỏ rạng, nhưng trên đường hành đạo, Ông đừng bao giờ nhắc đến danh tánh của tôi, tôi và các môn đệ của tôi trong tương lai sẽ là người ẩn mình hỗ trợ cho Ông hóa đạo, riêng tôi chỉ là ông già thất nghiệp mà thôi...” (Nguyên văn của Đức Sư Ông thuật lại hồi năm 1962 khi Đoàn Du Tăng chúng tôi đến thăm Ngài tại Sân Tiên, núi Trà sư, Tịnh Biên).

Vị Đạo nhân tướng hảo khôi ngô minh triết đó sau này là Giáo tổ Minh Đăng Quang, người sáng lập Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam!

Hệ tri tôn giáo dân tộc:

Phật giáo Hòa Hảo thuộc Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, là một giềng mối Đạo Phật xuất hiện tại Việt Nam, hoàn toàn của dân tộc Việt Nam, phù hợp với vị trí, địa lý, phong thổ, tập quán của người dân đồng bằng Nam bộ, vị giáo chủ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo, quanh năm gắn bó với ruộng vườn, yêu nước yêu quê hương, giữ gìn thật chặt những cơ đồ mà mình đã tạo ra.

Vị đạo nhân sáng lập Phật giáo Hòa Hảo là người có truyền thống đạo đức, trí tuệ tuyệt vời, bản thân có “Ôn trên trước” gia hộ điển lành, xuất khẩu thành thơ, khuyến thiện, khuyên dân lành tu niệm, cứu dân độ thế, chủ trương vừa tu hành vừa hành pháp tứ ân hiếu nghĩa, trọn đạo bốn ân, chống ách thống trị của ngoại xâm.

Theo lời của Sư Thiện Huỳnh kể năm 1970: “Có lần Đức Sư Ông đang hành đạo tại chùa Bửu Quang, một vị đạo nhân dáng vẻ uy nghiêm, phong độ hiền triết ghé thăm Đức Sư Ông, hai bên có trao đổi với nhau về giáo lý Phật đà ảnh hưởng đến các mối đạo vô vi phát sanh tại Việt Nam”.

Vị đó chính là Đức Thầy Huỳnh giáo chủ, người sáng lập Phật giáo Hòa Hảo năm 1939 (18 tháng 5 năm Kỷ Mão).

Phật giáo Hòa Hảo là ánh đạo vô vi minh triết, tiếp nhận giáo lý Phật-đà triết lý thành thi văn để giáo hóa đồ chúng; thật phù hợp với nhơn luân đời sống đồng bào miền Tây nam phần Việt Nam. Chủ trương tu cư gia, học Phật tu nhơn, tu đầu tóc không cần phải cạo, miễn cho rồi cái đạo làm người. Tổ chức hành chánh thật nghiêm trong khâu quản lý tín đồ, Hội quán thờ tám “Vải Nâu” và “Di ảnh Đức Huỳnh” trang nghiêm, phổ biến giáo lý bằng kinh sám, lời chỉ dạy của đức Huỳnh

giáo chủ, mà người tín đồ miền Tây lục tỉnh tín ngưỡng, mối đạo của Ngài là hậu thân của Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Trong môn phong Liên tông Tịnh độ Non Bồng, có những người cháu và tín đồ của Đức Thầy Huỳnh phát tâm xuất gia đầu Phật, như: Đại Đức Thiện Huỳnh (Cháu của Đức Huỳnh), Hòa thượng Thiện Hương (Tín đồ của PGHH, phát tâm tu Tịnh độ làm thị giả Đức Sư Ông tại tịnh thất Đại Quang Minh).

Tại Quan âm Tu viện có Ông Minh Thế (Lê Văn Nuôi) hướng dẫn gia đình là Bà Võ Ngọc Lệ và con cháu quy y Tam bảo năm 1990. Ông thường xuyên tham dự thọ Bát Quan trai giới, hiện nay Ông đã xuất gia và thọ Tỳ kheo năm 1998. Bà Võ Ngọc Lệ là cháu của Đức Thầy Huỳnh Giáo chủ (Bà Lệ là con gái của Cụ Bà Huỳnh Thị Sớm). Xin trích một vài bài văn ngôn của Đức Huỳnh Giáo chủ:

---o0o---

Muôn đặng thánh thân với Phật tiên
Rán tu ân đức chớ tu tiền
Lợi danh chớp nháng như luồng gió
Thấy đó rồi đâu bỗng mất liền
Sớm thức tỉnh tâm tâm Đạo chánh
Sau này về Phật với ngôi Tiên
Lập thân giúp thế nên công quả
Muôn kiếp danh hiền sách vẫn biên.

Hòa hảo, năm Kỷ mao

---o0o---

Nhẫn năng xử thế thị nhơn hiền
Nhẫn giới kỳ tâm thận thủ tiên
Nhẫn giả hương lân hòa ý hỉ
Nhẫn hòa phu phụ thuận tình duyên
Nhẫn tâm nhựt nhựt thường an lạc
Nhẫn tánh niên niên đắc bảo truyền
Nhẫn đức bình an tiên vạn sự
Nhẫn thành phú quí vĩnh miên miên

Hòa hảo, năm Kỷ mao

Truyền đăng tục diệm pháp môn niệm Phật, Tịnh độ tông,

Vào cuối năm 1954 Đức Sư Ông có tiếp nhận thêm một người đệ tử, mà người này có tâm tính khác thường hơn các đệ tử lớn của Ngài. Suốt thời gian học đạo 8 tháng chưa bao giờ người được phép gặp Sư Ông để được dạy bảo học giáo lý gì cả, mà chỉ được các vị đệ tử lớn truyền đạt lại dạy niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà: “NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT”, mặc dù người văn hay chữ giỏi, thông thuộc nho học, kinh pháp lão thông, nhưng ngược lại người chỉ được các Sư huynh cho phép “Làm công quả, lao tác xung quanh các việc trong nhà trừ cũng như ở ngoài rừng...” nhưng vị Đạo nhân đó lúc nào cũng vui vẻ, sẵn sàng chấp nhận.

Một ngày nọ, vị Đạo nhân đó lên vào liêu phòng của Sư Ông để tham vấn học đạo. Khi gặp Sư Ông, mừng quá vị Đạo nhân nói: “Bạch Ông Ba, con muốn giống Ông Ba, mà phải tu thế nào cho giống?...”

Đức Sư Ông vui cười và bảo: - “Muôn Thì Được”! Nói rồi Đức Ông liền ban cho vị Đạo nhân đó một bát cơm của Sư Ông đang ăn...nhận lấy phần quả vinh dự đó, vị Đạo nhân xem như là thượng phẩm, lãnh sứ mệnh thiêng liêng cao quý của Sư Ông. Thế rồi chỉ có bấy nhiêu thôi, từ đó tình thân mật giữa thầy trò chỉ nhìn nhận nhau bằng tâm niệm. Huyền sử màu nhiệm về tình nghĩa Thầy trò suốt thời gian học đạo, Đạo nhân được Đức Sư Ông dạy đạo lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng để rồi phải xa nhau. Sư Ông dạy Đạo nhân đó phải đi về Miền Đông hành đạo thì được việc...

Năm 1956, vị Đạo nhân đi về miền Đông, kinh qua nhiều gian truân thử thách, thường trụ nhiều trú xứ, cầu pháp với Đại lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Châu, tại Long Sơn cổ tự, xã Tân ba, Quận Tân uyên và cuối cùng đăng sơn núi Dinh, Bà Rịa được Yết Ma Sen giao phó Tổ Đình Linh Sơn cho Đạo nhân làm Trụ trì vị đạo nhân đó tức là Đức tôn sư Hoà Thượng thượng THIÊN hạ PHƯỚC, biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bồng Lai người sáng lập môn phái Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, Chứng Minh Đạo Sư Quan Âm Tu Viện, lãnh đạo 150 ngôi Tự, Viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Đạo tràng thuộc môn phái trên cả nước, giáo hóa hàng ngàn Tăng Ni, hàng chục vạn tín đồ Phật tử quy y tu theo pháp môn.

Hộ trì cho Phật giáo Tịnh độ tông Việt Nam:

Năm 1959, chùa Bửu Quang được di dời xuống khỏi núi Ngọa Long Sơn, đến năm 1963, chùa được xây dựng khang trang phía sau chợ Ba Chúc; là ngôi chùa duy nhất được Đức Sư Ông cho phép đặt văn phòng Hội Phật giáo Tịnh Độ tông Việt Nam Quận hội Ba Chúc.

Nhằm để hộ trì cho Phật giáo Tịnh Độ tông hưng thịnh thêm lên, năm 1963, Đức Sư Ông về hành đạo tại Trường Sanh Phật tự, thị xã Mỹ Tho, Trụ sở của Phật giáo Tịnh Độ tông Việt Nam tỉnh Định Tường, chùa lúc bấy giờ do Trường lão Thích Từ Ân làm Trụ trì, đương kim Hội trưởng.

Trong năm đó, Trung Ương Hội có cấp bằng và cấp thẻ Nhà sư Tịnh Độ tông cho Đức Sư Ông. Hiện nay cấp bằng Nhà sư vẫn còn để kỷ niệm tôn thờ tại tổ đình Thành An.

Chùa Bửu Quang hiện nay là ngôi chùa duy nhất thuộc pháp phái niệm Phật Tịnh Độ tông nằm giữa lòng thánh địa Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Đức Sư Ông viên tịch.

Trong đời hành đạo của Đức Sư Ông, đệ tử của Ngài tuy đông, nhưng chỉ có Hoà Thượng Thiện Phước là người đệ tử tâm đắc.

Khi còn hành đạo tại tinh thất Đại Quang Minh núi Trà Sư, Đức Sư Ông thường lui tới về Miền Đông thăm Tổ Đình Linh Sơn để sách tấn Tăng, Ni, Phật tử tu học và chứng minh cho người đệ tử tâm đắc của Ngài đang hành đạo giáo chúng. Những năm tuổi cao sức yếu, Đức Sư Ông luôn có đủ trí tuệ tuyệt vời để giáo hóa môn đệ cháu con...khi có ai vấn nạn Phật Pháp, Đức sư Ông dạy: “Tôi là ông già thất nghiệp, các vị về miền Đông hỏi Mẹ Trầu...” - có ai hỏi về Phật Pháp xin xuất gia tu hành, Đức Sư Ông dạy về miền Đông hỏi “Ông Lục”, tức Ni trưởng Huệ Giác, hoặc mấy Ông Sư con của Mẹ Trầu...

Đức Sư Ông xả báo an tường đi về với Tổ Phật vào lúc 4 giờ sáng ngày 18 tháng Chạp năm Giáp Dần, tiết Đại Hàn, nhằm ngày 29/ 01/ 1975 trong khi đôi bàn tay của Ngài đang kiết ấn tam muội, từ giả huyền thân ra đi với một tư thế điềm đạm và an tịnh, hưởng thọ 95 tuổi đời, 55 năm tuổi hành đạo.

Hàng năm Ni Trưởng Huệ Giác, trưởng tông phong Liên tông Tịnh độ Non Bồng, chư Tăng Ni, Phật tử trong cả nước về tại Tổ đình Thành An tổ chức cúng lễ húy kỵ Đức Sư Ông.

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười Sáu: Chùa Ông Bác hay Tổ đình Bửu Quang

Hành hương về nguồn lần thứ ba.

Năm 1981 quý tu sĩ Thiện Huệ, cư sĩ Thiện Phước, cư sĩ Tiền Định, chư huynh đệ trên lại tập hợp một lần nữa về tại nền chùa cũ để tiếp tục xây dựng trùng tu lần thứ tư, chùa Bửu Quang lại có thêm danh hiệu khác nữa là “Chùa Ông Bác”, lần trùng tu này có thêm quý tu sĩ Thiện Cơ (con của cư sĩ Thiện Phước, phát tâm ở chùa tu hành, ăn chay trường đến nay đã 19 năm) quý cô đệ tử của Đức Sư Ông, Thầy Ngọc Huệ ở núi Dinh miền Đông, quý Phật tử ở Rạch giá, Long xuyên, Ba Chúc phát tâm về tại chân núi Ngọa Long Sơn để góp phần công sức, người góp của sản vật chất trùng tu lại những gì đã bị mai một trong thời gian qua, chùa hiện nay tọa lạc tại ấp An hòa B (ông Trưởng ấp là cháu của Sư Thiện Thối cũng là một người trẻ trung hiền lành, phát tâm hộ trì trong việc thi công trùng tu Tổ đình), thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, là một ngôi Đạo gia khang trang, trang nghiêm thanh

tịnh, thoáng mát, rất hợp với ý tưởng người xưa, người dân ở vùng Ba Chúc, nhất là những ai phát tâm ở non núi tu hành.

Ngày mùng 01, mùng 02 tháng 11 năm Canh Dần, quý vị cư sĩ Thiện Phước, cư sĩ Tiên Định, cư sĩ Thiện Cơ (miền Tây) tu sĩ Ngọc Huệ (miền Đông) có về Quan âm Tu viện trình báo về ngôi Tổ đình Bửu Quang đã được tái trùng tu. Ni trưởng Thích nữ Huệ Giác cúng dường một lục bình bằng đá non nước, xá lợi Đức Phật Thích Ca, trao cho quý cư sĩ Thiện Phước và phái đoàn mang về tôn thờ tại chính điện Tổ đình.

Ngoài ra, Ni trưởng còn dự định đi thăm Tổ đình, nhưng vì bận Phật sự đa đoan vào cuối năm và công tác từ thiện xã hội; nay nhân sắp đến ngày đại lễ húy kỵ Đức Sư Ông lần thứ 37, ngày mùng 8, 9 tháng chạp năm Canh dần (2011) Hòa thượng Thích Giác Quang thường trực tông phong, Phó Trụ trì Quan âm Tu viện thay mặt Ni trưởng hướng dẫn chư Đại Đức Tăng và quý vị Phật tử trong đạo tràng Bát Quan trai tổ chức chuyến đi về nguồn, thăm viếng Tổ đình và chư huynh đệ, an vị ngôi Tam bảo và Xá lợi Phật...

Đặng sơn về nguồn lần thứ ba này nhiều việc thật xúc động hoan hỷ, mỗi lần đối thoại với quý vị đệ tử của Đức Sư Ông, chúng tôi đề nghị làm một Phật sự mới nào có liên quan đến Tổ đình, như việc di dời chuông gia trì sang bên tay phải thay vì bố trí bên tay trái, điều chỉnh lại cho đúng vị trí theo quy tắc tông lâm quy chế thì cư sĩ Thiện Huệ nói “Khoan đã”, cư sĩ liền dạy qua chỗ khác “Đọc tiếng âm” hỏi lệnh “On trên” có đồng ý không, khi cư sĩ quay trở lại lâm râm trong miệng “Nói gì đó” mà chúng tôi không hiểu, nhưng cuối cùng cư sĩ trả lời: “On trên đồng ý”, cho chúng tôi di dời chuông gia trì từ trái sang phải, vì “On trên đồng ý”.

Chúng tôi phát nguyện trở về trình với Ni trưởng đề xin cốt tượng Tây phương tam thánh, tượng Di lặc, tượng Địa tạng Bồ tát, tượng Hộ pháp Vi đà, tượng Địa mẫu... đem cúng dường Tổ đình, cư sĩ nói “Khoan đã”, cư sĩ cũng liền dạy qua chỗ khác “Đọc tiếng âm” hỏi lệnh “On trên” có đồng ý không, khi cư sĩ quay lại bảo là: “On trên đồng ý” được, chấp nhận. Đến khi cúng dường tịnh tài tịnh vật, trong đó có phong bì chúng tôi cúng 2.000.000 đồng, quý Phật tử cúng 300.000 đồng, trước khi nhận quà cư sĩ Thiện Huệ cũng làm như thế rồi bảo là “On trên cho phép nhận tiền...”, chúng tôi trao tiền cho cư sĩ Thiện Phước, cư sĩ nhận của cúng dường. Nhấn đến việc treo tám bảng “Bửu Quang Tự”, chúng tôi dự định treo đối diện ngôi Tam bảo, cư sĩ cũng nói đề hỏi on trên rồi trả lời. Cuối cùng cư sĩ trả lời là “Được”, mọi người hoan hỷ, cười!

Chúng tôi suy ngẫm: Các vị là đệ tử Đức Sư Ông, tu hành theo đạo vô vi là như vậy đó quý vị ạ! Làm gì cũng phải hỏi “Vô vi”, “Trên trước” rồi mới làm...chúng tôi chấp nhận điều này, niềm tin của họ là thế đấy, làm việc gì cũng phải hỏi Tô Thầy rồi mới làm, nếu không còn Tô Thầy thì hỏi “Vô vi”, “On trên”, “Trên trước” rồi mới làm. Đây chính là một thế hệ tin vào vô vi, họ rất chân thật và vô tư!

Theo lời kể của cư sĩ Thiện Phước thì vào những năm 1962, 1963 Đức tôn sư Mẫu Trầu, tức Hòa thượng thượng Thiện hạ Phước, Ni trưởng Thích nữ Huệ Giác có về tại đây thăm lại Tô đình xưa và thuyết giảng khuyến thiện bà con Phật tử tu hành trường chay niệm Phật, Mỗi lần thuyết giảng Ni trưởng có biệt tài “Xuất khẩu thành thơ” lưu loát, nên uy tín rất cao trong giới Phật tử Tô đình và cả giới Phật tử miền Tây. Số người nghe pháp hiện nay vẫn còn theo Ni trưởng tu hành cư sĩ trường chay giữ giới, có người xuất gia; khi làm việc gì quan trọng trong Phật Pháp, họ thường về Quan âm Tu viện thưa thỉnh “Ni trưởng cho thì làm, không cho thì ngưng”.

Người miền Tây theo đạo Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa hảo, Đức Phật Nằm chùa Thành Hoa (Cù lao Ven), Phật giáo Tứ Ân...rất thích kệ ca ngâm vịnh, dùng sách kinh Phật tử văn xuôi chuyển thể sang văn vần để dễ học đọc và giúp phù hợp với người dân miền quê ở đồng bằng sông Cửu long, mau tiếp nhận ý tưởng của Đức Phật tu hành.

Có Đạo dùng tiếng nói “Lóng” để tránh những tiếng nói thực tế khi sử dụng đồ vật ở thế gian, như: “Cây cầu” bắt ngang sông thì gọi là “Cây kiêu”, khi cầm con dao xắt đồ ăn, thì gọi là “Con diêu”, không gọi ăn chè, mà gọi “Ăn ngọt”, không sử dụng đúng như thế thì gọi là không đúng đắn, người “Tu không kỹ lưỡng không có khuôn thước, đạo đức kém”.

Có Đạo giáo hóa người tu rất kỹ, từ lời ăn tiếng nói đều rất cẩn trọng và phong phú, như khi tiếp nhận bất kỳ một món đồ nào được cầm trên tay của mình hoặc khi ăn uống mà không “Xuất kỳ bất ý thành bài kệ ca ngâm vịnh” thì gọi là “Tu dỡ ít phước không có tuệ”. Về miền Tây đi vào trong xóm Đạo Phật giáo địa phương, khi được mời uống nước, cầm chén nước trong tay, thì phải “Xuất khẩu thành 4 câu thơ” đối đáp cho xong rồi mới uống; khi ăn cơm, cầm chén cơm trong tay, phải “Xuất khẩu thành 4 câu thơ” đối đáp rồi mới ăn; nếu không làm được như vậy thì sẽ nghe câu thơ của người ngồi đối diện gọi ý:

*“...đến đây không hát thì hò,
không phải con cò cầm cổ mà ăn...”*,

hoặc là:

*“...đến đây không hát thì hò
không phải con cò ngóng cổ mà nghe...”*

Khách sẽ ngưng ngưng khó nuốt trôi bữa cơm thịnh soạn do chủ nhà đãi đằng, khách ngậm miệng, nước uống còn không trôi qua khỏi miệng, làm gì ăn nổi một bữa cơm ngon!

Với phong cách tiếp khách trên, gần giống như những cuộc tiếp khách buổi chiều của những ngôi chùa Nhật Bản. Khi khách lỡ đường về chiều, không còn đi kịp đến nơi nữa, khách sẽ xin tá túc ở một ngôi chùa nào đó gần nhất, lúc bước vào được lễ tân nhà chùa tiếp rất nồng hậu, khách được mời dùng trà nước, phen chủ khách đâu đó tạm ổn định. Tiếp tục khách sẽ được mời dùng cơm chiều và hứa khả

sẽ cho khách nghỉ đêm tại chùa, nhưng trước khi vào bàn ăn, khách sẽ được đối thoại với vị trụ trì một bài về pháp giáo nhà Phật, một bài kệ tịnh độ, một công án thiền... đối đáp trôi chảy với Trụ trì; nếu đáp xong thì được vị Trụ trì trực tiếp đem cơm mời khách, được nghỉ ngơi trong liêu phòng đường hoàng, tránh được cơn lạnh lùng giá rét trong đêm; ngược lại khách sẽ được mời đi nơi khác với bụng đang đói meo đi giữa đêm sương giá buốt!

Đặc biệt, trước nhà của người miền Tây, trong đó có quê của tác giả bày viết này, những người có theo Đạo Phật giáo địa phương, nhà nào cũng có bể phía trước sân nhà, cạnh đường cái quan một lu nước nhỏ “Phía phải” lúc nào cũng có nước mát thật trong sạch, một cái gáo múc nước uống thật vệ sinh dùng để giúp cho người qua đường, lỡ bộ “Uống cho đỡ khát”; khi nước hết họ sẽ châm vào cho đầy trở lại cho mọi người sau đến uống, đặc biệt là sạch sẽ, vệ sinh, khi đem nước vào lu, họ dùng dải lọc nước để loại trừ lãng quãng, trứng lãng quãng, bụi bậm lá cây mục... trừ bệnh và cứ như thế với thời gian từ thế hệ này sang thế hệ khác, con cháu không bao giờ từ chối “Làm một việc phước thiện” có một không hai trên hành tinh thế giới này.

Những mối Đạo Phật giáo ở miền Tây xưa, người tín đồ chỉ lạy Phật Thích Ca, Phật vương (có nơi thì nói là Phật A Di Đà, có nơi thì nói Phật Di lặc), lạy Phật Thầy Tây An, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, Phật Trùm, Phật Năm, Đức Bốn sư núi Tượng, Long đình... lạy những vị “Trên trước”, thường gọi là “Ồn trên”, sống bằng “Ăn điển”, những vị mà họ xem là cao siêu, nhưng không có ở trên đời, những vị mà họ tôn vinh là Phật là Giáo chủ. Họ không thích lạy những vị Tăng như sinh tiền, dù cho vị đó là Đại lão Hòa thượng, Đại Hòa thượng, Hòa thượng...nói chung là không lạy “Người sống”, “Người thực” trong thế gian. Họ không thích hình thức tu hành như trong các cửa thiền, chùa chiền, không sử dụng chuông mõ, trống phách đánh inh-ỏi, tục đốt giấy tiền vàng mã, xem sao xú quẻ bói toán cầu kỳ họ cho là mê tín và dùng quá nhiều “Âm thịnh sắc tướng”, cản trở sự tu hành đắc đạo của các Tăng như.

Ngày nay, chúng tôi tuy là Hòa thượng đào tạo Tăng Ni, lãnh đạo chư Tăng Ni, Phật tử nhưng lòng tin của chúng tôi vẫn còn như thế đối với Tổ Thầy trong thời làm “Thiếu niên Tăng”.

Chư Tăng Ni, Phật tử đều biết “Chùa Ông Bác, tức là Tổ đình Bửu Quang” là chiếc nôi của Liên tông Tịnh độ Non Bồng nơi dấu chân xưa Đức Sư Ông lập thân hành đạo, nơi Đức Tôn sư của chúng ta cầu học đạo vào năm 1955, sau đó về miền Đông khai sơn Liên tông Tịnh độ Non Bồng, hoằng truyền Tịnh độ, tế tăng độ chúng, nêu gương lành cho hậu thế soi chung.

PHẦN VIII. ĐẠO LÝ CƠ BẢN CỦA NHÀ PHẬT

Ngày Thứ Tám Mười Bảy: Phật pháp bất ly thế gian giác

Hành hương về nguồn lần thứ ba.

Năm 1981 quý tu sĩ Thiện Huệ, cư sĩ Thiện Phước, cư sĩ Tiên Định, chư huynh đệ trên lại tập hợp một lần nữa về tại nền chùa cũ để tiếp tục xây dựng trùng tu lần thứ tư, chùa Bửu Quang lại có thêm danh hiệu khác nữa là “Chùa Ông Bác”, lần trùng tu này có thêm quý tu sĩ Thiện Cơ (con của cư sĩ Thiện Phước, phát tâm ở chùa tu hành, ăn chay trường đến nay đã 19 năm) quý cô đệ tử của Đức Sư Ông, Thầy Ngọc Huệ ở núi Dinh miền Đông, quý Phật tử ở Rạch Giá, Long Xuyên, Ba Chúc phát tâm về tại chân núi Ngọa Long Sơn kê góp phần công sức, người góp của sản vật chất trùng tu lại những gì đã bị mai một trong thời gian qua, chùa hiện nay tọa lạc tại ấp An Hòa B (ông Trưởng ấp là cháu của Sư Thiện Thối cũng là một người trẻ trung hiền lành, phát tâm hộ trì trong việc thi công trùng tu Tổ đình), thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, là một ngôi Đạo gia khang trang, trang nghiêm thanh tịnh, thoáng mát, rất hợp với ý tưởng người xưa, người dân ở vùng Ba Chúc, nhất là những ai phát tâm ở non núi tu hành.

Ngày mùng 01, mùng 02 tháng 11 năm Canh Dần, quý vị cư sĩ Thiện Phước, cư sĩ Tiên Định, cư sĩ Thiện Cơ (miền Tây) tu sĩ Ngọc Huệ (miền Đông) có về Quan âm Tu viện trình báo về ngôi Tổ đình Bửu Quang đã được tái trùng tu. Ni trưởng Thích nữ Huệ Giác cúng dường một lục bình bằng đá non nước, xá lợi Đức Phật Thích Ca, trao cho quý cư sĩ Thiện Phước và phái đoàn mang về tôn thờ tại chính điện Tổ đình.

Ngoài ra, Ni trưởng còn dự định đi thăm Tổ đình, nhưng vì bận Phật sự đa đoan vào cuối năm và công tác từ thiện xã hội; nay nhân sắp đến ngày đại lễ húy kỵ Đức Sư Ông lần thứ 37, ngày mùng 8, 9 tháng chạp năm Canh dần (2011) Hòa thượng Thích Giác Quang thường trực tông phong, Phó Trụ trì Quan âm Tu viện thay mặt Ni trưởng hướng dẫn chư Đại Đức Tăng và quý vị Phật tử trong đạo tràng Bát Quan trai tổ chức chuyến đi về nguồn, thăm viếng Tổ đình và chư huynh đệ, an vị ngôi Tam bảo và Xá lợi Phật...

Đặng sơn về nguồn lần thứ ba này nhiều việc thật xúc động hoan hỷ, mỗi lần đối thoại với quý vị đệ tử của Đức Sư Ông, chúng tôi đề nghị làm một Phật sự mới nào có liên quan đến Tổ đình, như việc di dời chuông gia trì sang bên tay phải thay vì bố trí bên tay trái, điều chỉnh lại cho đúng vị trí theo quy tắc tông lâm quy chế thì cư sĩ Thiện Huệ nói “Khoan đã”, cư sĩ liền dạy qua chỗ khác “Đọc tiếng âm” hỏi lệnh “Ồn trên” có đồng ý không, khi cư sĩ quay trở lại lâm râm trong miệng “Nói gì đó” mà chúng tôi không hiểu, nhưng cuối cùng cư sĩ trả lời: “Ồn trên đồng ý”, cho chúng tôi di dời chuông gia trì từ trái sang phải, vì “Ồn trên đồng ý”.

Chúng tôi phát nguyện trở về trình với Ni trưởng để xin cốt tượng Tây phương tam thánh, tượng Di lặc, tượng Địa tạng Bồ tát, tượng Hộ pháp Vi đà, tượng Địa mẫu... đem cúng dường Tổ đình, cư sĩ nói “Khoan đã”, cư sĩ cũng liền day qua chỗ khác “Đọc tiếng âm” hỏi lệnh “On trên” có đồng ý không, khi cư sĩ quay lại bảo là: “On trên đồng ý” được, chấp nhận. Đến khi cúng dường tịnh tài tịnh vật, trong đó có phong bì chúng tôi cúng 2.000.000 đồng, quý Phật tử cúng 300.000 đồng, trước khi nhận quà cư sĩ Thiện Huệ cũng làm như thế rồi bảo là “On trên cho phép nhận tiền...”, chúng tôi trao tiền cho cư sĩ Thiện Phước, cư sĩ nhận của cúng dường. Nhận đến việc treo tám bảng “Bửu Quang Tự”, chúng tôi dự định treo đối diện ngôi Tam bảo, cư sĩ cũng nói để hỏi on trên rồi trả lời. Cuối cùng cư sĩ trả lời là “Được”, mọi người hoan hỷ, cười!

Chúng tôi suy ngẫm: Các vị là đệ tử Đức Sư Ông, tu hành theo đạo vô vi là như vậy đó quý vị ạ! Làm gì cũng phải hỏi “Vô vi”, “trên trước” rồi mới làm...chúng tôi chấp nhận điều này, niềm tin của họ là thế đấy, làm việc gì cũng phải hỏi Tô Thầy rồi mới làm, nếu không còn Tô Thầy thì hỏi “Vô vi”, “On trên”, “Trên trước” rồi mới làm. Đây chính là một thế hệ tin vào vô vi, họ rất chân thật và vô tư!

Theo lời kể của cư sĩ Thiện Phước thì vào những năm 1962, 1963 Đức tôn sư Mẫu Trầu, tức Hòa thượng thượng Thiện hạ Phước, Ni trưởng Thích nữ Huệ Giác có về tại đây thăm lại Tổ đình xưa và thuyết giảng khuyến thiện bà con Phật tử tu hành trường chay niệm Phật, Mỗi lần thuyết giảng Ni trưởng có biệt tài “Xuất khẩu thành thơ” lưu loát, nên uy tín rất cao trong giới Phật tử Tổ đình và cả giới Phật tử miền Tây. Số người nghe pháp hiện nay vẫn còn theo Ni trưởng tu hành cư sĩ trường chay giữ giới, có người xuất gia; khi làm việc gì quan trọng trong Phật Pháp, họ thường về Quan âm Tu viện thưa thỉnh “Ni trưởng cho thì làm, không cho thì ngưng”.

Người miền Tây theo đạo Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa hảo, Đức Phật Nằm chùa Thành Hoa (Cù lao Ven), Phật giáo Tứ Ân...rất thích kệ ca ngâm vịnh, dùng sách kinh Phật từ văn xuôi chuyên thể sang văn vần để dễ học đọc và giúp phù hợp với người dân miền quê ở đồng bằng sông Cửu long, mau tiếp nhận ý tưởng của Đức Phật tu hành.

Có Đạo dùng tiếng nói “Lóng” để tránh những tiếng nói thực tế khi sử dụng đồ vật ở thế gian, như: “Cây cầu” bắt ngang sông thì gọi là “Cây kiêu”, khi cầm con dao xắt đồ ăn, thì gọi là “Con diêu”, không gọi ăn chè, mà gọi “Ăn ngọt”, không sử dụng đúng như thế thì gọi là không đúng đắn, người “Tu không kỹ lưỡng không có khuôn thước, đạo đức kém”.

Có Đạo giáo hóa người tu rất kỹ, từ lời ăn tiếng nói đều rất cẩn trọng và phong phú, như khi tiếp nhận bất kỳ một món đồ nào được cầm trên tay của mình hoặc khi ăn uống mà không “Xuất kỳ bất ý thành bài kệ ca ngâm vịnh” thì gọi là “Tu dờ ít phước không có tuệ”. Về miền Tây đi vào trong xóm Đạo Phật giáo địa

phương, khi được mời uống nước, cầm chén nước trong tay, thì phải “Xuất khẩu thành 4 câu thơ” đối đáp cho xong rồi mới uống; khi ăn cơm, cầm chén cơm trong tay, phải “Xuất khẩu thành 4 câu thơ” đối đáp rồi mới ăn; nếu không làm được như vậy thì sẽ nghe câu thơ của người ngồi đối diện gợi ý:

*“...đến đây không hát thì hò,
không phải con cò cầm cổ mà ăn...”*

hoặc là:

*“...đến đây không hát thì hò
không phải con cò ngóng cổ mà nghe...”*

Khách sẽ ngỡ ngàng khó nuốt trôi bữa cơm thịnh soạn do chủ nhà đãi đằng, khách ngậm miệng, nước uống còn không trôi qua khỏi miệng, làm gì ăn nổi một bữa cơm ngon!

Với phong cách tiếp khách trên, gần giống như những cuộc tiếp khách buổi chiều của những ngôi chùa Nhật Bản. Khi khách lỡ đường về chiều, không còn đi kịp đến nơi nữa, khách sẽ xin tá túc ở một ngôi chùa nào đó gần nhất, lúc bước vào được lễ tân nhà chùa tiếp rất nồng hậu, khách được mời dùng trà nước, phân chủ khách đâu đó tạm ổn định. Tiếp tục khách sẽ được mời dùng cơm chiều và hứa khả sẽ cho khách nghỉ đêm tại chùa, nhưng trước khi vào bàn ăn, khách sẽ được đối thoại với vị trụ trì một bài về pháp giáo nhà Phật, một bài kệ tịnh độ, một công án thiền... đối đáp trôi chảy với Trụ trì; nếu đáp xong thì được vị Trụ trì trực tiếp đem cơm mời khách, được nghỉ ngơi trong liêu phòng đường hoàng, tránh được cơn lạnh lùng giá rét trong đêm; ngược lại khách sẽ được mời đi nơi khác với bụng đang đói meo đi giữa đêm sương giá buốt!

Đặc biệt, trước nhà của người miền Tây, trong đó có quê của tác giả bày viết này, những người có theo Đạo Phật giáo địa phương, nhà nào cũng có bể phía trước sân nhà, cạnh đường cái quan một lu nước nhỏ “Phía phải” lúc nào cũng có nước mát thật trong sạch, một cái gáo múc nước uống thật vệ sinh dùng để giúp cho người qua đường, lỡ bộ “Uống cho đỡ khát”; khi nước hết họ sẽ châm vào cho đầy trở lại cho mọi người sau đến uống, đặc biệt là sạch sẽ, vệ sinh, khi đem nước vào lu, họ dùng dải lọc nước để loại trừ lắng quặng, trùng lắng quặng, bụi bậm lá cây mục... trừ bệnh và cứ như thế với thời gian từ thế hệ này sang thế hệ khác, con cháu không bao giờ từ chối “làm một việc phước thiện” có một không hai trên hành tinh thế giới này.

Những môi Đạo Phật giáo ở miền Tây xưa, người tín đồ chỉ lạy Phật Thích Ca, Phật vương (có nơi thì nói là Phật A Di Đà, có nơi thì nói Phật Di lặc), lạy Phật Thầy Tây An, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, Phật Trùm, Phật Nằm, Đức Bồn sư núi Tượng, Long đình... lạy những vị “Trên trước”, thường gọi là “On trên”, sống bằng “Ăn điền”, những vị mà họ xem là cao siêu, nhưng không có ở trên đời, những vị mà họ tôn vinh là Phật là Giáo chủ. Họ không thích lạy những vị Tăng như sinh tiền, dù cho vị đó là Đại lão Hòa thượng, Đại Hòa thượng, Hòa

thượng...nói chung là không lay “Người sống”, “Người thực” trong thế gian. Họ không thích hình thức tu hành như trong các cửa thiền, chùa chiền, không sử dụng chuông mõ, trống phách đánh inh-ôi, tục đốt giấy tiền vàng mã, xem sao xử quẻ bói toán cầu kỳ họ cho là mê tín và dùng quá nhiều “Âm thanh sắc tướng”, cản trở sự tu hành đặc đạo của các Tăng nơn.

Ngày nay, chúng tôi tuy là Hòa thượng đào tạo Tăng Ni, lãnh đạo chư Tăng Ni, Phật tử nhưng lòng tin của chúng tôi vẫn còn như thế đối với Tổ Thầy trong thời làm “Thiếu niên Tăng”.

Chư Tăng Ni, Phật tử đều biết “Chùa Ông Bác, tức là Tổ đình Bửu Quang” là chiếc nôi của Liên tông Tịnh độ Non Bồng nơi dấu chân xưa Đức Sư Ông lập thân hành đạo, nơi Đức Tôn sư của chúng ta cầu học đạo vào năm 1955, sau đó về miền Đông khai sơn Liên tông Tịnh độ Non Bồng, hoằng truyền Tịnh độ, tế tăng độ chúng, nêu gương lành cho hậu thế soi chung.

---o0o---

Ngày Thứ Tám Mười Tám: Chí hướng thượng

Vấn: Bạch Sư! Với người Phật tử, cần phải tu thế nào gọi là có chí hướng thượng? Chúng con muốn có pháp tu để truyền đạt lại cho con cháu, ngưỡng mong Sư hoan hỷ chỉ dạy?

Đáp: Người Phật tử tu chánh kiến rồi thì cần phải phát tâm nuôi chí hướng thượng. Nghĩa là phải un đức tâm chí kiên cố, dũng mãnh tiến lên để tu, để học, để làm lợi ích chúng sanh, không bao giờ có một niệm thoái chuyển. Muốn được như vậy, trước hết chúng ta phải phát tâm kính quý các bậc tôn đức để học hỏi rèn luyện theo đức hạnh các Ngài, sau đó mới có cơ sở ý giáo mà giáo hóa cho con cái hậu sanh.

Như trong kinh Trung A Hàm Đức Phật dạy các thầy Tỳ Kheo như vậy: “Nếu chư Tỳ Kheo thực hành cung kính, khéo quan sát kính trọng những bậc hạnh thanh tịnh là đã có đầy đủ oai nghi, đủ pháp học, đủ thân giới, đủ thân định, đủ thân huệ, đủ thân giải thoát tri kiến đủ niết bàn”.

Người xưa có câu: “Kính Thầy mới được làm Thầy” Đức cung kính đứng đầu trong các hạnh, nên chúng ta cần hâm mộ học tập theo đức hạnh, chúng ta không chịu gằn gũi người đức hạnh, thì không làm sao có đức hạnh được. Cũng như người thích học môn nào thì sớm muộn sẽ được chuyên nghiệp môn ấy.

“Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”

Vì thế về phương diện đạo đức, chúng ta muốn tiến lên, trước hết phải phát tâm cung kính, khen ngợi các bậc tôn đức có hạnh lành. Đối với các bậc thanh tịnh được ta khen ngợi cung kính, các Ngài không thấy thêm bớt gì, nhưng riêng phần chúng ta được ảnh hưởng cao đẹp lớn lao. Vì thế chúng ta phải nương về các Ngài để học hỏi đức hạnh, gieo sâu tâm niệm thuần nhã về đức lành, hạnh tốt, vừa un

đức tâm chí hướng thượng nhằm mục đích tiến lên của chúng ta, và phải nghĩ rằng đây là cội pháp lành, là bóng mát, là con thuyền thanh lương đưa chúng ta đến bến cao thượng an lành.

Cũng như có người hiểu lầm nói rằng: “Đức Phật đã quên thân, bỏ quyền thế, vương vị không quý tiếc để đi tu, tại sao khi sắp Niết Bàn Phật dặn chúng đệ tử nên thiêu lấy xá lợi xây tháp thờ?”

Đức Thế Tôn vì tâm lợi tha hiện tiền đã đem pháp lành giáo hóa đệ tử và các chúng sanh. Khi xa vắng môn đệ, con cháu Ngài cũng để lại di tích mớ xương tàn, để đồ chúng quý trọng xây tháp cúng dường, nương đây mà sanh lòng cung kính, nhớ thương, tưởng niệm, tinh tấn tu hành. Do đó, người đời sau phát tâm hâm mộ làm theo Phật. Tìm hiểu tu học, những phương pháp Phật đã tu “Bắt chước tu theo” Đây là phương hướng gián tiếp giáo hóa người đời sau.

Trong kinh Pháp Hoa nói: “Nếu có người đối trước hình tượng Phật, cho đến chấp tay cung kính, sau này cũng sẽ thành Phật” là vậy đó.

Nếu chúng ta thương quý cung kính các bậc nào, tức là ta đã gieo mầm giống ấy vào tàng thức của ta rồi. Cũng như bột hương không phải là trầm nhưng ướp trầm thì thơm hương trầm, trà không phải sen mà ướp sen thì trà thơm sen. Huống chi ta đã sẵn tâm Phật mà niệm Phật quyết định chúng ta sẽ thành Phật là điều hiển nhiên.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm có một đoạn Đức đại Thế Chí nói: “Nhu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại hoặc vị lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa, nếu tâm có niệm Phật tất có Phật độ, cảnh cực lạc cũng tại tâm, không cần phương tiện gì khác tâm vẫn khai sáng. Ví như gần hương, thích hương thì lâu ngày thân được mùi thơm như hương, tâm gần Phật luôn thương nhớ Phật, tất nhiên có ngày tâm thành Phật, vì tôi biết dùng pháp hương quang niệm Phật để trang nghiêm tâm địa, nên Pháp môn này được gọi là “Hương Quang Trang Nghiêm”

Cho nên người Phật tử đầu tiên qui hướng về Phật, Pháp, Tăng Tam bảo cần phải có chánh kiến để nương theo những vị có đức hạnh. Cái đáng tôn kính, cái đáng quý thì chúng ta theo về mới phát được tâm chí hướng thượng mới gieo được chủng tử tốt, gọi là nhân chánh, quả chánh, quy y Tam Bảo là bước đầu của người Phật tử.

1. Quy Y Phật: Nương về Phật. Phật là đáng giác ngộ: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, có phước túc và huệ túc đủ đầy (Quy y Phật lưỡng túc tôn) Phật là đáng đáng tôn kính.

2. Quy Y Pháp: Theo về học chánh pháp, bỏ hết những ham muốn xấu xa để tiến lên con người cao thượng giải thoát an vui (Quy y Pháp ly dục tôn) Pháp là nguồn ân đáng tôn kính.

3. Quy Y Tăng: Là nương về học với bậc Tăng đức là vị lìa bỏ nhà thế tục, học giáo lý cao siêu, rèn tu đức hạnh, rồi đem hạnh lành, đức tốt giáo hóa chúng

sanh tiến tu giải thoát dứt con đường sanh tử luân hồi (Quy y Tăng chúng Trung tôn). Công đức Tăng thật đáng tôn kính.

Đây là ba ngôi quý báu mà chúng ta là Phật tử đều tiên phải biết cung kính: Phật, Pháp, Thánh hiền tăng. Tuy nhiên, trong đời mạt pháp ít có bậc Hiền Thánh Tăng mà là phàm tăng cũng hay lợi dụng chiếc áo nhà tu để làm sinh kế vì vậy quý Phật tử phải có chánh kiến, khởi tâm cung kính, phải dè dặt, thận trọng, cân nhắc, phải thân cận học hỏi để biết điều chơn lẽ chánh rồi mới nương về tu học, để sau khỏi phải sanh tâm chán lờn, kính báng Phật pháp mà mất hết chủng tử tốt đẹp của ban đầu (tu như sơ tâm, hữu dư thành Phật).

Đó là lời Phật dạy người đi tu tâm lúc nào cũng giống như khi mới phát tâm thì dư sức thành Phật.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: “Nếu người ưa nghe Giáo Pháp mà chẳng nhàm chán thì giác ngộ được pháp bất khả tư nghì”.

Tóm lại, chúng ta cung kính các bậc đức hạnh để làm mục tiêu nhắm đến, khiến chúng ta đi không sai lạc. Kinh Đại Pháp Cú Đà La Ni nói: “Các Đức Phật ra đời duy có một việc này là: Vì muốn làm lợi ích cho thế gian, khiến thế gian sáng mắt. Để dứt tất cả tà đạo vậy. Thật vậy, nhắm đúng thì bắn đúng, như người đi biển đã trông thấy ngọn hải đăng, người đi trong rừng hoang, sa mạc mà có mang theo la bàn. Trong kinh Phật Bản có dạy: “Nếu ai gần gũi ác tri thức, đời này chẳng được tiếng tăm tốt, bởi vì gần gũi bạn bè xấu, đời sau sẽ đọa địa ngục, A tỳ, ai mà gần gũi thiện trí thức, hiện tại dầu chẳng được lợi thế gian nhưng đời sau sẽ được hết nhân khổ. Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: “Này thiện nam tử: Bỏ tất nhờ sự giúp đỡ của thiện trí thức mà chẳng sa đọa ác thú, nương nhờ sự thành tựu của thiện trí thức mà được tự tại thọ sanh, nương nhờ sức mạnh của thiện trí thức mà phá tan nghiệp báo, nhờ mặc áo giáp nhẫn nhục của thiện trí thức mà chẳng bị một lời nói xấu ác, và nương nhờ sự sanh trưởng của thiện trí thức mà tiêu diệt được các tội lỗi kiêu mạn vậy.

Lại nữa trong kinh Phật. Bản Hạnh đức Phật dạy Ngài Nan Đà như vậy: “Nếu ai gần gũi kẻ thiện trí thức, thường tự tùy thuận thấm nhuần đạo đức của các bậc ấy thì được tiếng tăm tốt đẹp vang khắp”.

Lại trong kinh Thiện Sanh cũng nói rằng: “Gần bậc Thầy đạo hạnh cao đức, hay chánh kiến, siêng năng đem về đạo lành, cho trò làm bạn với kẻ hiền hữu. Đó là năm điều mà Thầy đối với trò” và trong kinh Lễ bái Lục Phương, bậc Thầy đức hạnh dạy đệ tử có năm điều:

1. *Khiến trò mau hiểu*
2. *Dạy trò thật giỏi (hơn đệ tử kẻ khác)*
3. *Phải dạy trò biết rồi nhớ chẳng quên*
4. *Phải nói các điều nghi nan cho trò hiểu rõ*
5. *Muốn khiến trí tuệ của trò cao hơn mình.*

Thế nên hạnh cung kính là một trợ duyên đắc lực nhất cho chúng ta cho tuổi trẻ tu hành viên mãn, thành đạt tiến đến đích đức hạnh của bậc thiện nhân. Nó cần thiết như nước giúp cho cây cỏ được xanh tươi. Vì vậy chúng ta cần phải cung kính các bậc tôn túc đạo hạnh.

---o0o---

PHẦN XIX. HÀNH HƯƠNG VỀ NGUỒN

PHẦN XX. NGƯỜI TU TỊNH ĐỘ NIỆM CHÚ

Ngày Thứ Tám Mười Chín: Thần chú vãng sanh

Vấn: Chúng con Liên hữu Liên tông Tịnh độ Non Bồng, cư trú vùng đồng bằng sông Cửu long, thường xuyên thọ Bát Quan Trai, nghe pháp, học giáo lý, tu tập thiền tụng...Tuy nhiên từ trước đến nay khi tụng kinh ngang qua bài “Thần chú vãng sanh”, chúng con nhận thấy nhiều người phát tâm tụng công đức, tụng rất nhiều, cả nước tụng, nhưng chưa biết nguồn gốc “Thần chú vãng sanh”, sự ứng dụng của thần chú, ý nghĩa của thần chú, cách thức tụng thần chú, công dụng của thần chú ra sao? Ngưỡng mong Sư từ bi hướng dẫn chúng con tu tập? Tụng nhiều, thường tụng, nhưng ít nghe giảng về thần chú vãng sanh, chúng con muốn học về thần chú vãng sanh?

Đáp: Năm tuổi, Sư đã thuộc và tụng thần chú vãng sanh, cả nhà tụng chú, lớn tụng chú, nhỏ tụng chú, mỗi ngày tụng niệm từ mười chuỗi trường trở lên, tụng xong tinh thần nhẹ, sáng khoai...cầm chắc trong tay ngày hôm nay không bị nghiệp chướng đè nặng thân tâm, không bị hôn mê, không bị đọa địa ngục. Nếu có người cõi âm chưa siêu thoát, nghe thấy biết được chú lực này sẽ được siêu thoát cực lạc tây phương.

Thần lực chú vãng sanh

Thần chú có lực rất mạnh, nên người Phật tử Việt Nam hay thế giới đều tụng niệm thần chú vãng sanh; là người con Phật đều có niệm “Thần chú vãng sanh” Những năm còn ở tại gia đi học, vào buổi tối “Đi khóa lễ tụng kinh”, đến bài thần chú thì niệm 3 biến, có khi niệm đến 7 biến hay 21 biến, lúc bấy giờ niệm như vậy:

Vãng sanh quyết định chơn ngôn

Bạt nhứt thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh tịnh độ Đà ra ni

Nam mô A Di Đà bà đạ

Đa tha dà đạ đạ

Đa điệt đạ tha

A Di rị đô bà tỳ

A Di rị đạ tát đạ bà tỳ

A Di rị đa tỳ ca lan đế

A Di rị đa tỳ ca lan đa

Dà di nị, dà dà na

Chỉ đa ca lệ ta bà ha

Câu cuối có niệm:

Nam mô A Di đà Phật.

Tụng xong 21 biến, thân tâm nhẹ nhàng thư thái, không còn lo sợ cõi âm quấy nhiễu, sợ ma, vì họ đã siêu thoát theo lời cầu nguyện trong chú lục rồi.

Đến ngày 30 tháng 7 năm Canh tý (1960) về non núi ở tu hành, thời công phu khuya, Đức Tôn sư không cho tụng chú Thủ Lăng nghiêm, bảo là các chú tiểu không đủ phước lực để tụng thân chú Thủ Lăng nghiêm, mà chỉ tụng kinh Phổ môn, Thập chú...đến khi nào có thọ giới pháp, khôn lớn làm Thầy, mang pháp y rồi mới tụng thân chú Thủ Lăng nghiêm. Nhưng ở non tu hành thì khổ hạnh lắm, công quả nhiều, ăn uống đơn giản, ăn ít, ít thực phẩm, không ăn hàng vật. Mỗi ngày tụng kinh thật nhiều: - 6 giờ sáng có cả 600 Tăng Ni, Phật tử lạy Phật 30 phút - 8 giờ khóa lễ Vu Lan - 12 giờ khóa lễ tụng kinh Địa Mẫu, 16 giờ khóa lễ công phu chiều - 18 giờ có cả 600 Tăng Ni, Phật tử lạy Phật 30 phút - 19 giờ khóa lễ Tịnh độ tối - 24 giờ khóa lễ tụng kinh Địa Mẫu...

Mới 14 tuổi mà phải theo người lớn tụng niệm như thế, ai tụng đúng đủ thì được khen, ai trốn tụng kinh lạy Phật thì bị phạt, Đức tôn sư la rầy, đêm đến mà trốn tụng kinh thì vị Trưởng chúng cho đốt đèn măng-xông đi kiểm, cho nên nói việc tu ở núi là cầm chắc trong tay thuộc diện tu “Thiệt tình”, tu đúng, tu đủ, “Không ăn gian” với đàn việt, đàn na tín thí. Ngoài các giờ tụng niệm thì học Phật pháp, công quả vận thủy sài dầu, đi rừng hái măng, cưa củi, cưa cây làm chùa. Làm chú tiểu trên núi tại Non Bồng là đúng nghĩa, làm Sơn Tăng tại Tổ đình Linh Sơn Non Bồng là có chất lượng; xuất thân từ “Đạo tràng Tây phương Bồng đảo là “Ăn chắc mặc dày”; người làm nông gọi là “Lúa chắc, không lép”; người tu Phật ở Tổ đình Linh Sơn là “Tu sĩ thật”, là “Thiền gia chân chánh”; “Liên hữu chánh tông”.

Ngoài các việc trên, ai siêng thì tụng niệm chú Đại bi, chú vãng sanh, đóng đại hồng chung niệm Phật; lại còn thêm phát nguyện: “Nguyện tu bất thoái chuyển”, ở non núi “Sống gói nạc, thác gói xương”, nguyện không rời khỏi non núi.

Thuở thiếu niên Tăng, Sư được quý Thầy lớn dẫn tụng khóa lễ Tịnh độ tối, lúc tụng đến Thần chú vãng sanh thì tụng như sau:

Vãng sanh quyết định chơn ngôn

Bạt nhứt thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh tịnh độ Đà ra ni

Nam mô A Di Đà bà dạ

Đa tha dà đa dạ

Đa điệt dạ tha

*A Di rị đô bà tỳ
A Di rị đa tất đām bà tỳ
A Di rịa đa tỳ ca lan đế
A Di rị đa tỳ ca lan đa
Dà di nị, dà dà na
Chỉ đa ca lệ ta bà ha
Câu cuối có niệm:
Nam mô A Di đà Phật.*

Khi còn ở non núi tụng Thập chú đến bài chú vãng sanh tụng như sau:

Vãng sanh Tịnh độ thần chú

*Nam mô A Di Đa bà dạ
Đa tha dà đa dạ
Đa điệt dạ tha
A Di rị đô bà tỳ
A Di rị đa tất đām bà tỳ
A Di rịa đa tỳ ca lan đế
A Di rị đa tỳ ca lan đa
Dà di nị, dà dà na
Chỉ đa ca lệ ta bà ha*

Khi xuống núi tụng Thập chú đến bài chú vãng sanh tụng như sau:

*Nam mô A Di Đa bà dạ
Đa tha dà đa dạ
Đa điệt dạ tha
A Di rị đô bà tỳ
A Di rị đa tất đām bà tỳ
A Di rịa đa tỳ ca lan đế
A Di rị đa tỳ ca lan đa
Dà di nị, dà dà na
Chỉ đa ca lệ ta bà ha*

Lúc xuống non, đi học ở Saigon ở tại Việt Nam Quốc Tự, chùa Trần Quốc, chùa Thới Hòa, chùa Linh Sơn đi khóa lễ theo nhà thiền thì sau khi tụng kinh Bồ đề phẩm Bát nhã thì tụng thần chú vãng sanh như sau:

Vãng sanh Tịnh độ thần chú

*Nam mô A Di Đa bà dạ
Đa tha dà đa dạ
Đa điệt dạ tha
A Di rị đô bà tỳ
A Di rị đa tất đām bà tỳ
A Di rịa đa tỳ ca lan đế*

*A Di rị đa tỳ ca lan đa
Dà di nị, dà dà na
Chỉ đa ca lệ ta bà ha...*

Tiếp:

Nam mô A di đa bà dạ...

Năm 1968 khi về Quan Âm Tu Viện, dù có nhập thất hay không, thì ngày nào Sư cũng tụng 100 chuỗi tràng hạt “Thần chú vãng sanh”, tụng công cứ cho đến ngày hòa bình.

Khuyến tấn:

Ngày nay lớn tuổi làm Hòa thượng, vẫn tụng “Thần chú vãng sanh” nhưng thường xuyên khuyến giáo chư Tăng Ni, Phật tử niệm công cứ chú vãng sanh để hồi hướng cho cứu huyền thất tổ ông bà cha mẹ nhiều đời đã qua siêu sanh lạc quốc, cầu cho âm siêu dương thanh. Nhất là khuyến tấn những gia đình trước có sử dụng bùa phép, Lục Xiêm, Lục Miên, Lục Lèo, bình sanh lúc chưa tu Phật hay sên bùa ngãi ám hại người khác, cho phép người làm ăn, người làm nghề lỏ bang xây nhà cửa làm việc trần ếm; hoặc sinh tiền hay làm việc trần ếm các việc khác... nay khi phát nguyện tu Phật thì tụng “Thần chú vãng sanh” thật nhiều để hồi hướng cho âm binh chướng khí nhà cửa sáng sửa trở lại, hoặc tụng thần chú vãng sanh cầu cho nghiệp lực tiêu pha, nhẹ nhàng tâm thảnh, làm cho thanh tịnh pháp giới, chuyển hóa âm khí lạnh lùng đơn độc trở nên ấm áp nhà cửa ruộng vườn, âm dương phân tiết điều hòa, tam nghiệp ba đời được thoát hóa luân hồi.

---o0o---

Ngày Thứ Chín Mười: Thần chú vãng sanh (tiếp theo)

Vấn: *Xin Sư giảng giải về nguồn gốc thần chú vãng sanh?*

Đáp: Thần chú vãng sanh xuất phát từ trào lưu hành pháp Mật tông bên Thiên trước; đến cuối đời Lưu Tống niên hiệu Nguyên Gia, ngài Pháp sư Cầu Na Bạt Đà La từ nước Thiên trước hành đạo đến Đông độ và dịch Thần chú ra tiếng Trung Hoa.

Thần chú Vãng sanh Tịnh độ là một bài chú được trích trong kinh Bốn Mật Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà Ra Ni, nơi hàm chữ CHƠN trong Mật Tạng.

Theo kinh Niệm Phật Ba La Mật, bản dịch Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, phẩm thứ 7, có bài Khuyến phát niệm Phật và đọc tụng chơn ngôn thần chú: “Ngài Phổ Hiền Đại Bồ Tát vì thương tưởng chúng sanh thời mật pháp, khi ấy kiếp giảm, thọ mạng ngắn ngủi, phước đức kém thiếu, loạn trược tăng nhiều, kẻ chân thật tu hành ít. nên ngài đã ban thêm cho người niệm Phật bài thần chú vãng sanh, để thủ

hộ thân tâm người niệm Phật, nhỏ tận gốc rễ nghiệp chướng trừ sạch phiền não, được mau chóng về cực lạc...”

Người Phật tử hay các liên hữu tu Tịnh độ, người phàm phu muốn tiêu trừ nghiệp chướng thì trì thần chú vãng sanh; chú vãng sanh nói cho đủ là Bát Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà Ra Ni, bài chú tuy nằm trong sách Mật tạng. Tuy nhiên thần chú có duyên thật nhiều với người tu Tịnh độ, với các Tự Viện Triều tiên, Nhật Bản, Trung Hoa, Việt Nam xưa nay, với các thời công phu tu tập trong chốn thiền lâm trên thế giới, nên các bậc đại đạo sư có thích nghĩa để lưu lại như sau: Bát Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà Ra Ni, nghĩa là: nhỏ hết thảy các nghiệp chướng từ xưa đã thành gốc rễ; Căn là rễ, Bản là gốc. Có xưa tan tận gốc, tận rễ các nghiệp chướng trong ba đời thì mới sanh về cõi Cực lạc Tịnh độ. Đà Ra Ni (đà la ni) là thần chú, dịch là tổng trì, gọi tắt là “Thần chú Vãng sanh”.

Ý nghĩa chú vãng sanh

Nói cho đủ là: “Bát Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà Ra Ni (14 chữ)”. Thần chú vãng sanh có năng lực: “Nhỏ hết thảy nghiệp chướng tận gốc rễ để được vãng sanh cõi Tịnh độ”. Chúng ta cần nên biết thật chắc, là Thần chú vãng sanh có 59 chữ (Các bạn khi nào đếm thử thì thấy đúng 59 chữ).

Quý Phật tử tụng chú vãng sanh, nhưng chưa bao giờ chú ý đến ý nghĩa bài tựa của chú vãng sanh, nay Sư sẽ giúp các vị hiểu rõ về bài thần chú mà Phật tử từng đọc hằng đêm. Đọc tụng mà hiểu thì mau siêu thoát, đọc tụng mà không hiểu hoặc hiểu mù mờ thì thật là uổng công vô ích cho đời tu niệm.

Chúng ta có thể hiểu rõ chữ Vãng là đi, đi về, đã qua, cũng có thể gọi là chết.

Chữ Sanh là đến, sanh ra, sanh.

Vãng sanh là chết cõi trần này để sanh qua một thế giới khác. Hiểu một cách chính xác, vãng sanh là từ Phật học dùng cho nhà tu Phật pháp phái Tịnh độ dùng để nói đến việc thoát hóa luân hồi, niệm Phật tụng kinh hiệu quả được vãng sanh Tây phương Phật, Bỏ thế giới ác trược này mà qua cõi thế giới thanh tịnh yên vui của Đức Phật A Di Đà, gọi là vãng. Khi qua đó rồi thì sanh vào hoa sen, gọi là sanh.

Chẳng những chúng sanh ở cõi ta bà của Phật Thích Ca vãng sanh cõi Cực lạc của Phật A Di Đà, mà ở vô số cõi thế giới khác, những chúng sanh nào quyết vãng sanh về đó, thì lâm chung được vãng sanh ngay.

Trong Quyển Quán Vô Lượng thọ kinh, bản dịch của Sư cụ Hồng Tạng Đoàn Trung Còn, thì những nhà tu hành khi được vãng sanh thì phân nhau, tùy công đức mình, mà ở trong chín phẩm đài sen.

Thần là lực, là thiêng liêng huyền diệu, nhiệm màu.

Chú là câu chú, là niệm lực đặc biệt thuộc mật ngữ, có tác dụng huyền diệu về vô hình.

Vãng sanh thần chú là câu chú niệm bằng tiếng Phạn đặc biệt của Phật giáo để cầu nguyện với Đức Phật A Di Đà cứu độ hương linh người chết được sanh về cõi Cực lạc thế giới.

Theo sách Phật học từ điển của Cụ Hồng Tại Đoàn Trung Còn giải nghĩa bài Vãng Sanh Thần Chú bằng tiếng Phạn, gồm 59 chữ như sau:

Nam mô A Di Đà bà dạ: Tiếng Phạn là Namah Amitabhavyuha, nghĩa là: Con xin quy kính về với Đức Phật A Di Đà.

Đa tha đà đa dạ: Tiếng Phạn là Tathagata, nghĩa là: Như Lai (Như Lai là một trong 10 hiệu của Phật)

Đa diệt dạ tha: Dịch là tức thuyết chú viết, nghĩa là: Liên đọc bài chú dưới đây:

A Di rị đô bà tì, A di rị đa

Tất đàm bà tì, A di rị đa

Tì ca lan đế, A di rị đa

Tì ca lan đa, Đà di nị

Đà đà na, Chỉ đa ca lệ

10 câu trên đều là mật ngữ, đại ý có nghĩa là: Nhỏ bỏ tận gốc các nghiệp chướng trong ba đời.

Ta bà ha: tiếng Phạn là Swaha. Thường là các bài thần chú đều có ba chữ chót là Ta bà ha, có nghĩa là: Thành tựu, kiết tường, viên mãn, tiêu tai tăng phước, viên tịch, vô trụ, viên mãn bồ đề tâm, xin Phật chứng minh, kính Phật chứng minh. Hoặc bài:

Nam mô A Di Đà bà dạ

Đa tha già đa già

Đa diệt già tha

A Di rị đô bà tỳ

A Di rị đa tất đàm bà tỳ

A Di rị đa tỳ ca lan đế

A Di rị đa tỳ ca lan đa

Già di nị, già già na

Chỉ đa ca lệ ta bà ha

Vãng sanh thần chú còn được gọi là: Chú vãng sanh, Vãng sanh chơn ngôn, Vãng sanh quyết định chơn ngôn.

---o0o---

Ngày Thứ Chính Mười Một: Cách thức tụng niệm Thần chú vãng sanh.

Vấn: Xin Sư chỉ dạy cách thức trì tụng thần chú Vãng sanh?

Đáp: Tụng trì Chú vãng sanh có gì là khó, chỉ có đều hành giả có quyết tâm hay không? Tâm kiên quyết với chú lực, hay chỉ tụng cầm chừng gọi là có tụng, tụng công cứ thì hành giả cứ nghĩa là tụng nhiều, nhưng thật ra có khi bị vướng vào bệnh hình thức!. Nhưng nếu như vậy thì hành giả nặng nề lắm khó mà siêu thoát luân hồi. Đến chừng đó mình lo mình không xong làm gì lo cho thiện hạ đầu trên xóm dưới, thương cầm hay hạ thú, cứu huyền thất tổ bá gia bá tánh!

Theo sách bát tư nghì thần lực:

Khi trì Chú Vãng Sanh này, thì người tu phải ăn chay, giữ giới, nhẫn đến ăn chay trường, không sát sanh hại vật mà còn phải làm việc phóng sanh; thường xuyên tắm rửa và súc miệng cho sạch sẽ trước khi đăng lâm chính điện, hoặc đến với đạo tràng tại cư gia dâng hương, dâng lễ, gieo năm vóc chấp tay thành tâm chậm rãi lễ lạy đối trước tượng Phật mà phát nguyện trì chú.

Riêng Sư thì những năm trước ngày hòa bình, sau những giờ giấc làm việc Phật sự ban ngày, như: dạy học, làm việc văn phòng Giáo hội, đi công tác Phật sự... khi về đêm vào lúc 21 giờ (Thời gian trống) thì đến tại bàn Phật, lễ Phật, phát nguyện trì chú, dùng chuỗi tràng công cứ niệm chú vãng sanh, mỗi lần niệm ít nhất 10 chuỗi tràng hạt, 1.080 biến; nhiều nhất là 20 chuỗi, 2.160 biến; hoặc khi phát nguyện nhập thất thì tụng mỗi ngày 4 thời, 8.640 biến thần chú vãng sanh. Việc tu hành, các liên hữu có thực tập thì mới biết được tâm niệm của người tu lúc bấy giờ.

Đã phát nguyện lần tràng tụng chú vãng sanh, thì mỗi đêm phải đến bàn Phật tụng chú, khi nào không làm thì cảm giác nặng nề đến với thân tâm, như thiếu thốn như lỡ hẹn một điều gì mà chưa thực hiện, sự mất mát cứ canh cánh bên lòng; chính vì vậy mà người phát nguyện công cứ tụng thần chú khi đến giờ có người nhắc nhở, chớ thiên cân nhắc nên phải tụng niệm chú thôi! Nhưng khi niệm xong thân tâm hồn xác thật nhẹ nhàng thanh thản, tam nghiệp vong bật, tâm không chút bận nhơ, thế giới cực lạc ảnh hiện trong tâm lòng các bạn!

Giới thiệu một số thần chú Vãng sanh:

Tụng theo chữ Hán Việt:

Khi đã phát nguyện tu hành thì phải siêng năng tụng đủ chữ, đủ bài bản thì mới thanh tịnh tam nghiệp, không nên biếng nhác, tụng giảm chữ hay bỏ bớt bài thần chú theo ý riêng của mình, đọc bài:

Vãng sanh quyết định chơn ngôn

Bạt nhứt thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh tịnh độ Đà ra ni

Nam mô A Di Đà bà đà

Đa tha dà đa dạ

Đa điệt dạ tha

A Di rị đô bà tỳ

A Di rị đa tất đam bà tỳ

A Di rị đa tỳ ca lan đề

A Di rị đa tỳ ca lan đa

Dà di ni, dà dà na
Chỉ đa ca lệ, ta bà ha
Nam mô A Di đà Phật

Hoặc tụng bằng tiếng Phạm âm:

Có nhiều liên hữu, muốn đổi mới âm điệu tụng kinh, hoặc dùng phương tiện đổi mới pháp tụng, ăn món ăn mới, tụng bài mới, âm điệu mới để phá vỡ sự lười biếng giải đãi...thì tụng thần chú bằng tiếng Phạm âm, khi tụng không phải bị mắc lỗi lầm:

Nam mô A Mi Ta Phạ da
Ta tha ga ta da
Ta đi da tha
A mờ rệt tô đờ pha vê
A mờ rệt ta sam pha vê
A mờ rệt ta vi kờ rằm tê
A mờ rệt ta vi kờ rằm ta
Ga mi ni, Ga ga na
Kít ti ka tê, sờ va ha
Om A Mi Ta ba da, Hơ ri, Soa ha, Bơ rum.

Thần chú Vãng sanh âm điệu bằng tiếng Pali:

Namo amitābhāya
Tathāgatāya
Tadyathā
Amrtodbhave
Amrta siddhambhave
Amrta vikrānte
Amrta vikrānta
Gamīne gagana
Kīrta- kare Svāhā

Thường thì các liên hữu Tịnh độ chỉ tụng niệm những bài kinh nào làm cho thân tâm thanh tịnh, các vị cũng không thích mấy việc cầu kỳ, miễn làm sao cho câu nói câu, pháp nói pháp, tụng đúng tụng đủ, không cho sai sót hoặc bỏ sót chữ kinh...đấy là phong độ của những người tu Phật có quyết tâm phá bỏ nghiệp lực, có quyết tâm cầu siêu độ cho các âm hồn, cho mọi chúng sanh đã đi qua, cho mọi sự việc nặng nề lui dần về quá khứ, không còn có những tiếng nói vô hình than khóc khổ đau, tâm linh oằn oại trong đêm tối một đời, từ đời này sanh đời khác, không nơi nương tựa, tất cả được thoát hóa luân hồi.

Hiệu quả

Thần chú vãng sanh thật đơn giản, nhưng chú lực có thể giúp cho những người con Phật: Có phương tiện chung tu, hoặc bất cứ ở nơi nào cũng có thể tụng niệm, ở nơi buôn bán, tu cá nhân tại gia, hoặc làm việc trong công sở.

Trong quá trình tu hành, các liên hữu không đợi phải đến quý, mùa tu hành như phát nguyện tụng kinh Pháp Hoa, hay các kinh lớn; mà có thể phát nguyện tụng công cứ thần chú vào bất cứ thời gian nào rỗi rảnh, nhưng khi phát nguyện rồi thì không bỏ cuộc, không làm xê dịch thời gian mà mình đã phát nguyện; trường hợp lỡ quên, bỏ cuộc ngày hôm nay thì sau đó phải sám hối trước Tam bảo, hoặc tự lòng cảnh tỉnh chính mình rồi tiếp tục thực tập thiền tụng cho đủ số thần chú.

Tam nghiệp thanh tịnh, phiền não tiêu pha, hạnh lành sanh khởi, hiện tướng đạo hạnh khả phong; pháp giới, đạo tràng nhà cửa trang nghiêm thanh tịnh, những sự việc ồn ào trong nhà không còn, không còn thấy những âm hồn âm binh lai vãng trong nhà, không còn thấy linh hồn ông bà, những người đã qua thân vẫn thờ than khóc lóc, than đói thiếu thốn đòi hỏi cúng kiến, giúp thân tâm an lạc, tĩnh táo trong mọi việc làm ăn dẫn đến thành đạt.

---o0o---

Ngày Thứ Chín Mười Hai: Tín ngưỡng Phật Mẫu Chuẩn Đề

Vấn: *Chúng con được quý Sư dạy tụng thần chú Chuẩn Đề, thần chú có làm trở ngại đến pháp tu Tịnh độ không, lợi ích của thần chú Chuẩn đề?*

Đáp: Thần chú Phật Mẫu Chuẩn Đề có hai phần: Một là bài kệ tán thán Chuẩn đề Phật Mẫu của tổ sư Long thọ, hai là thần chú Phật Mẫu Chuẩn đề.

Là người tu theo pháp niệm Phật từ năm 1955 đến nay, pháp tu của Sư có truyền thống tu cư gia từ năm 1930 do Bà Nội hướng dẫn tu hành. Quá trình niệm Phật, Sư còn được cụ thân sinh dạy trì tụng thần chú Vãng sanh, thần chú Chuẩn Đề, Thất Phật Diệt tội chơn ngôn. Mỗi đêm theo thời khóa lễ tụng kinh cứu khổ, niệm Phật, tụng 21 biến Vãng sanh, 9 biến thần chú Chuẩn Đề. Cụ thân sinh thường nói: “Tụng thần chú Chuẩn Đề quý ma không quấy nhiễu, ám hại. Thật vậy, thuở nhỏ bản thân sợ ma, khi mọi người lên nhà trên, một mình Sư không dám xuống nhà dưới; khi mọi người xuống nhà dưới thì một mình Sư không dám lên nhà trên...nhưng khi tụng thần chú Chuẩn Đề tâm tính cảm nhận không còn “Ma cỏ” gì nữa. Sự việc sau này khi xuất gia đầu Phật, làm “Ông Sư” mới biết lực của thần chú Chuẩn Đề là oai linh huyền diệu. Cho đến giờ này cầm viết, nói về lợi ích, lực của thần chú Chuẩn Đề cũng tin như thế, nhưng có phần hiểu xuyên suốt sâu xa hơn: “Tụng thần chú Chuẩn Đề Phật Mẫu để giải vây những “Hình ma bóng uế” xung quanh mình không còn nữa, không còn âm ma nào đến quấy nhiễu người tu; đồng thời thần chú còn có công năng hóa giải những nghiệp chướng trần lao phiền não từ nội tâm, nên quyết tâm trì niệm thì tam nghiệp thanh tịnh, giải thoát luân

hồi, hóa giải nghiệp lực, chuyển nghiệp xấu lần đến chỗ hết xấu còn lại tốt, đạo hạnh oai phong...”

Năm 1961, sau khi xuất gia được một năm, Sư là chú tiểu được Trưởng lão Huệ Thông là vị Duy na của đạo tràng Tổ đình Linh Sơn chỉ dạy kết ấn Chuẩn Đề nội, như sau:

“Trước nhất chúng ta có: Hai ngón tay giữa áp vào nhau; hai ngón tay áp chéo vào nhau; hai ngón tay út áp vào nhau, hai ngón tay trở chéo phía sau hai ngón áp, còn lại hai ngón tay cái xếp úp vào hai ngón tay giữa... gọi là kết ấn “Chuẩn Đề ngoại”; còn kết ấn “Chuẩn Đề nội” thì ấn khuyết vẫn như trên, nhưng hai ngón tay út khép kín vào nhau, gọi chung là “Kết ấn Chuẩn Đề”.

Theo Tạp chí Từ Bi Âm, trang 69, tái bản năm Kỷ Dậu, Phật lịch 2513, dương lịch 1969, Giáo hội Linh sơn Phật hội ấn hành, in tại nhà in Sen Trắng, đường Cô Giang thì Phật Mẫu Chuẩn Đề (Trích ở kinh Chuẩn đề nơi hàm chư Mạc trong đại tạng) còn có một hiệu khác là Thất Câu Chi Phật Mẫu, hiện nay ngài đang thuyết kinh Đà La Ni, nguyện cầu cho tất cả trong thế gian và xuất thế gian đều thành tựu sự nghiệp an ôn tu hành. Vì tấm lòng từ bi vô hạn của ngài với chúng sanh như mẹ thương yêu đám con khờ, nên kêu là Phật mẫu. Ngài thường giáo hóa: “Chơn như thiết tướng và tánh chơn thường của tất cả chúng sanh xưa nay đều sẵn có trong bản giác chư Phật vậy, nên trong đó gồm đủ các đức dụng khắp cõi hà sa. Nhưng ngặt vì nổi chúng sanh hay hủy báng chánh pháp, chẳng tin lời Phật, tự mình làm tổn cho mình, nên phải trầm luân đọa lạc, dù có cả ngàn vị Phật ra đời cũng khó mà cứu chữa đặng. Do đó ngài phát nguyện lập pháp môn phương tiện mà điều phục các việc trần cấu của người sơ cơ nhập đạo, và muốn đồng với chư Phật một nguồn giác, để dứt chỗ “Vọng” mà quy về nơi “Chơn”.

Năm 1962, Sư được dự vào Tăng đoàn Khất sĩ Non Bông, thọ Sa di giới tại Trường Sanh Phật Tự, Mỹ tho, Tiền giang rồi cùng với chư Tăng đăng sơn an trú tại Quan Âm Phật Tự. Lúc bấy giờ ở chung với Sư Giác Hà, Sư Giác Cải, ba người ở chung một cốc; về sau chỉ còn hai người lý do Sư Giác Cải về quê tại Quảng nam lâm nạn viên tịch do chiến tranh Việt Mỹ gây ra. Còn lại Sư và Sư Giác Hà cùng tu tập, hằng ngày Sư công phu hai thời khóa: Một thời công phu khuya tụng Lăng Nghiêm, 4 giờ sáng, thời công phu tối tụng Tịnh độ 19 giờ và thời niệm Phật vào lúc 23 giờ. Sau thời niệm Phật là giờ Tý (24 giờ), thì ngồi tụng thần chú Chuẩn Đề Phật Mẫu cho đến 0 giờ mới nghỉ. Riêng Sư Hà thì ngồi thiền niệm, cũng có chương trình tu mỗi ngày ba thời, ngày thì học Luật tứ phân, Tỳ ni, Sa di, Oai nghi theo Luật Khất sĩ để chuẩn bị thọ Tỳ kheo giới. Sư Hà ngày nay cũng đã là Hòa Thượng từ năm 2007, hiện Sư là Trưởng giáo đoàn Năm, hệ phái Khất sĩ, Tịnh xá Trung Tâm ở Phú Lâm.

Thời khóa tụng thần chú Chuẩn Đề chỉ có một thời, nhưng mỗi thời niệm, không tính theo tràng hạt, mà tính bằng giờ, tụng niệm đúng 60 phút thì nghỉ. Trong lúc tụng chú, hai bàn tay kết ấn Chuẩn Đề Phật Mẫu, ngồi bán già thẳng

lung, có khi ngồi kiết già vẫn được, đèn lưu ly trên bàn Phật, bàn viết, bàn học đều tắt chỉ còn lại đóm nhang đang cháy là đủ. Do sự sách tấn của quý Trưởng lão tại đạo tràng Tây phương Bông đảo, Sư thực hành khóa tu được hai năm, từ năm 1962 đến năm 1963 thì chiến tranh ập đến; năm 1964 chư Tăng Ni đều phải tản cư khỏi núi non.

Chỉ có hai năm trì niệm thân chú Chuẩn Đề, nhưng trước khi tụng quán chiếu bửu tượng đầy vẻ uy nghiêm oai vệ, mặt này tướng hảo quang minh, ngài ngồi kiết già, trên thì đắp y, còn dưới thì mặc xiêm đều tròn một sắc trắng mà có bông, tiếp đến quán chiếu vòng cổ có đeo chuỗi anh lạc và trên ngực có hiện ra một chữ “Vạn”. Hai cườm tay có đeo hai chiếc vòng bằng ốc trắng, hai bên cánh tay trở có đeo xuyên thất châu xem rất xinh lịch, hai trái tai có đeo ngọc bửu dương, trên đầu thì đội hoa quang, trên mào có hóa hiện ra năm đức Như Lai và trong các ngón tay đều có đeo vòng nhỏ...quán tượng cho đến khi thuần thục rồi về đêm ngồi một mình vừa quán tưởng thánh tượng vừa trì niệm thân chú.

Nếu là trì tụng, thì tụng bài:

Phật mẫu Chuẩn Đề thân chú

I. Khể thủ quy y Tô tất đế

Đầu diện đánh lễ Thất câu chi

Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề

Duy nguyện từ bi thù gia hộ.

II . Nam mô tát đa nãm tam miệu tam bồ đề, câu chi nãm, đát điệt tha
Án chiết lệ, chủ lệ, Chuẩn Đề ta bà ha

Nếu là trì niệm:

I . Khể thủ quy y Tô tất đế

Đầu diện đánh lễ Thất câu chi

Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề

Duy nguyện từ bi thù gia hộ

II . Nam mô tát đa nãm tam miệu tam bồ đề, câu chi nãm, đát điệt tha
Án chiết lệ, chủ lệ, Chuẩn Đề ta bà ha

Ý nghĩa:

Âm: Khể thủ quy y Tô tất đế

Nghĩa: Cúi đầu lạy pháp Tổ tất đế (Ngôi Pháp)

Âm: Đầu diện đánh lễ thất câu chi

Nghĩa: Chân thành đánh lễ bảy ức Phật (Ngôi Phật)

Âm: Ngã kim xung tán Đại Chuẩn Đề

Nghĩa: *Con nay ca ngợi đức Đại Chuẩn Đề (Ngôi Tăng)*

Âm: Duy nguyện từ bi thù gia hộ

Nghĩa: *Xin dưới lòng từ bi gia hộ*

Bốn câu chữ trên là của đức Long Thọ Bồ tát làm bài kệ đề đọc mở đầu tụng thần chú này, tức là bài chú này được Đức Phật Thích Ca vì lòng từ thương tưởng chúng sanh nên nhập vào đại định “Chuẩn đề tâm muội” tại vườn cây của hai ông Kỳ đà, Tu Đạt, lúc bấy giờ có đủ bát bộ chư thiên đi nhiễu đức Thế Tôn, cho đến một trăm năm sau, tổ sư Long Thọ phát nguyện xung tán trì tụng.

Theo sách Nhị khóa hiệp giải, trang 85, 86 của Đức Pháp chủ Khánh Anh giảng giải như sau:

Su si dhi dịch ra chữ nho đọc là Tô tất địa, tô tất để đọc cho đủ là tô tất địa pháp, một trong ba pháp lớn của ba bộ Chơn ngôn tông. Tô tất để dịch là Thiện viên thành, Diệu thành tựu. Nghĩa là pháp tu này rất mau nhiệm, vì hay khéo trọn, mãi được lòng nguyện và cũng có thể khéo nên, trong nghĩa lý thế gian và xuất thế gian.

Chân thành đánh lễ là ngài Long Thọ đánh lễ bảy trăm ức Phật đã từng nói thần chú Chuẩn Đề Phật Mẫu.

Candi (Chuẩn Đề) hoặc đọc là Tôn Na, Tôn Di, dịch nghĩa “Ra Làm”, ý nói: Lòng nguyện rộng lớn, dùng đại trí để dứt vọng hoặc, vì đủ các nhân hạnh làm lợi lạc cho chúng sanh. Lại còn dịch là thành thực, nghĩa là từ nơi Pháp Không, quán tưởng Pháp Giả, để thành tựu cảnh trí tịch diệt.

Duy nguyện là ý nghiệp, Đầu diện đánh là thân nghiệp, xung tán là khẩu nghiệp. Nghĩa là người trì tụng thần chú này, đem toàn lực cả ba nghiệp thân khẩu ý, đồng thời tương ưng nhau, làm cho tâm thanh tịnh, trí và nguyện tương ưng nhau với trí nguyện của các bậc thánh, tâm từ bi của Phật mẫu Chuẩn Đề trọn thấu gồm thân tâm của chúng sanh, nên gọi là thù gia hộ, cúi xin Phật mẫu Chuẩn Đề giữ lòng từ bi cứu giúp chúng sanh và chúng con.

Mẫu: Là mẹ, Pháp là thầy học của chư Phật, thật-trí là Mẹ, quyền trí là cha của chư Phật; xin đánh lễ Thất Câu Chi Phật tức là nguyện học giáo pháp “Chuẩn đề tam muội” cầu chúng quả bồ đề. Chúng sanh thọ trì thần chú Phật mẫu (Pháp) chứng đắc tam muội tức quả vị Phật (Phật); vì Pháp kết thành quả Phật, nên gọi Phật mẫu (Nhị khóa hiệp giải, trang 86, HT. Thích Khánh Anh biên dịch, GHTGNV xuất bản).

Do các ý nghĩa trên, chư liên hữu trì tụng thần chú Chuẩn Đề Phật Mẫu không bị trở ngại trên đường tu Tịnh độ.

Ngày Thứ Chín Mười Ba: Cách thức trì tụng Thần Chú Vãng Sanh (tiếp theo)

Vấn: *Xin Sư chỉ giáo thêm về hiệu quả lực tụng niệm thần chú vãng sanh?*

Đáp: Từ xưa đến nay, trong chốn tông lâm tu Tịnh độ bên Trung Hoa hay Việt Nam các vị Đại sư, trong giới Cư sĩ trì tụng thần chú Vãng sanh không như tụng kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm, hay kinh Niết Bàn... nhất là không tụng giống âm điệu tụng sám. Mà phải đọc tụng thuần thực, nhuần nhuyễn như âm vang, tụng nhanh từng chữ như gió thổi cờ bay phần phật, âm điệu như làn nước phun nhẹ tẩm mát tinh thần, như mặt trời sưởi ấm giữa giá đông, như siêu độ các âm hồn siêu thoát, tĩnh lặng như hóa giải các nghiệp chướng trần lao, như cảm nhận sự linh nghiệm của thần chú. Có khi tụng vượt ra khỏi việc tính đếm công cứ, tụng hoài tụng mãi không biết bao nhiêu lần, thường là những người tu tụng thần chú thuần thực thì không còn tính theo công cứ đếm bao nhiêu biến nữa, mà tính bằng giờ phút. Hành giả vừa tụng vừa cầu cho pháp giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì pháp giới thanh tịnh, pháp giới thanh tịnh tức là cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà xuất hiện.

Kinh Viên Giác, Phật dạy: “Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh”, tâm hành giả thanh tịnh, thì pháp giới xung quanh thanh tịnh. Thế nên người tu dù tu lâu hay mới tu, mình cứ thực tập thiền tụng, thì pháp giới tu, không mời gọi họ vẫn tìm đến học Phật pháp để tu; mời gọi họ tu sẽ đi ngược lại lời giáo hóa của Phật: “Đạo Phật là đạo giác ngộ, tự mình giác ngộ lý chơn mà tu hành, Đạo Phật không phải là đạo thờ cúng, lạy bái theo hình thức rườm rà, hoặc giới thiệu rủ rê mọi người đến chùa đi cúng Phật, thờ phượng cho lấy có, có người hướng dẫn xin phép làm ăn, sử dụng bùa chú theo tà pháp, tác nghiệp lỗ bang nhờn nhờn trước cửa Phật, làm lung đoạn suy hoại chánh pháp, mượn đạo tạo đời...”, cũng không nên mượn Đức Phật để làm thần tượng thờ cúng bái lạy, trở thành tập tục mê tín dị đoan, tin mà không thành tựu theo ước nguyện thì niềm tin bị lung lay, bỏ đạo. Người tín đồ như thế gọi là không đủ phẩm chất, không chất lượng.

Người phát nguyện trì tụng thần chú vãng sanh, vì là thần chú ngắn ít chỉ có 59 chữ, nên ngoài việc tụng niệm công cứ ở trong thời điểm tập tu, các liên hữu tại gia nên tính đến thời gian, hoặc tính theo cây nhang đang đốt trên lư hương, có thể tụng thần chú tàn cả cây nhang thì không phải bị chăm chú theo dõi coi “Chùng nào xong” đây là một bệnh trầm kha của người tu.

Có thể khuyên trong giới cư sĩ mỗi ngày tụng 1 lần, mỗi lần tụng 30 phút; trường hợp nhập thất bảy ngày thì phát nguyện tụng thần chú mỗi ngày 4 thời khóa (sáng tối trưa chiều), mỗi thời khóa 1 tiếng đồng hồ; các liên hữu cao tuổi nhưng có sức khỏe, không bận rộn việc nhà, việc gia đình ổn định có thể nhập thất ba tuần lễ, nhập thất bảy tuần lễ, thọ trì đúng cách thì nghiệp chướng sâu nặng bao nhiêu nhất định cũng tiêu trừ. Làm đệ tử Phật phát nguyện tụng suốt đời thì rất quý báu.

Lực dụng

Người trì chú mà nhất tâm thì tự nhiên có sự linh ứng, trường hợp có những vị không thông suốt chữ nghĩa, có khi tụng sai sót đôi chút không tổn hại, Phật vẫn chứng minh. Thần chú vãng sanh không làm trở ngại các pháp môn tu chính của những người con Phật.

Thọ trì thần chú vãng sanh, không nên quan niệm chỉ riêng cầu cho người qua đời, mà người hiện tiền không trì chú vãng sanh thì không dứt nghiệp chướng, nghiệp lực tuy không hình bóng nhưng không nhẹ nhàng chút nào, nhưng nếu phát tâm trì tụng thần chú vãng sanh thì nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm thư thái, đừng mãi siêng tu các pháp môn khác, điều ngự các nghiệp chướng trong nhiều đời nầy sanh, chuyển hóa tâm hung ác thành thánh thiện, giúp người tu có cơ sở giải thoát những nghiệp lực hiện tiền.

Thần chú vãng sanh là chú lực của hành giả Mật tông, nhưng vẫn là pháp tu chánh của các liên hữu tu Tịnh độ, khi phát nguyện trì tụng không cần phải lập đàn, kiết giới, kiết ấn. Một cách khác, có thể tùy nghi đọc tụng mọi lúc mọi nơi, vừa hộ mình vừa hộ cho các âm hồn người đã khuất, xây dựng niềm tin Phật pháp cho mọi người, làm nầy sanh sinh khí trong đời sống thường nhật.

Nghi thức chính

Trước ngày hòa bình chư Tăng Ni ở Tổ đình Linh Sơn, Tịnh xá Thắng Liên Hoa, Quan Âm Tu Viện, Long Sơn cổ tự khi phát nguyện tụng niệm thần chú thì thực hiện nghi thức như sau: - Dâng hương - Phát nguyện - Tán Phật - Đánh lễ Tam bảo - Tụng Dương chi, Đại bi, Khai kinh kệ - Tiếp đọc bài thi kệ phát nguyện tụng chú Vãng sanh của Cửu Tổ Trí Húc Linh Phong. Đây là nghi thức tụng chú dành cho đại chúng cùng chung tu; nhưng nếu trì niệm cá nhân thì chỉ tụng bài kệ dưới đây rồi tiếp tụng thần chú vãng sanh:

Cúi lạy A Di Đà

Thần chú dứt gốc nghiệp

Cùng Quan Âm, Thế Chí

Hải chúng, Bồ tát Tăng

Con mê bôn trí quang

Vọng đọa luân hồi khổ

Nhiều kiếp không tạm ngừng

Không được cứu được nương

Nay được thân là người

Vẫn nhằm đời trước loạn

Dù lại dự Tăng luân

Mà chưa nhập Pháp lưu

Mục kích chánh pháp suy

Muốn chóng sức chưa đủ

Chỉ vì từ đời trước

Chẳng tu thẳng thiện căn

Nay tâm con quyết định
Cầu sanh Cực lạc quốc
Rời ngôi thuyền bốn nguyện
Vớt hết kẻ trầm luân
Nếu con không vãng sanh
Thời khó toại bốn nguyện
Vì vậy với ta bà
Quyết định phải thoát lìa
Cũng như người bị trôi
Trước cầu mau đến bờ
Sau rồi tìm phương thế
Ra vớt người giữa dòng
Nay con chí thành tâm
Thâm tâm, hồi hướng tâm
Đốt cánh tay ba liều
Kết tịnh đàn một thất
Chuyên trì chú vãng sanh
Chỉ trừ giờ ăn ngủ
Đem công đức tu này
Cầu quyết sanh Cực lạc
Nếu con thối bốn nguyện
Quên tưởng về Tây phương
Thì liền đọa địa ngục
Để mau biết ăn năn
Thề chẳng luyến hơn thiên
Cùng vô vi Niết bàn
Ngưỡng nguyện Phật oai thần
Lực vô úy bất cộng
Tam bảo đức vô biên
Gia bị cho đệ tử...
Chiết phục khiến bất thối
Nhiếp thọ cho tăng trưởng .

(Trích Liên tông chú Tổ trang 174,175,176 sách Đường về Cực lạc của HT.

Thích Trí Tịnh biên soạn)

Tụng 108 biến, tụng 10.800 biến, tụng 108.000 biến đều được.

Sau đó tụng Bát nhã, niệm Phật, Hồi hướng, Tự quy y.

Tuy có hướng dẫn tụng thần chú theo nghi thức trên, nhưng thường thì các liên hữu, nhất là ở tại Quan Âm Tu Viện chỉ tụng bài “Phát nguyện tụng chú vãng sanh” của Cửu Tổ rồi niệm thần chú vãng sanh mà thôi.

Sở dĩ có bài phát nguyện trên là do Tổ sư bị bệnh nặng, khi ngoạ bệnh, lia bỏ xác thân cả tuần lễ, do có lực sẵn nhất tâm cầu vãng sanh Tịnh độ nung nấu, khi hết bệnh, ngài phát nguyện kết đàn trì chú Vãng sanh, nên làm bài kệ phát nguyện; bài kệ rất thông dụng trong giới tu Tịnh độ.

Hiệu quả hành trì:

Người xưa tu hành, nơi thâm sơn cùng cốc, non núi, trong chốn thiên lâm hay sắp xếp chương trình tu “trú dạ lục thời”, tức là ngày đêm hành pháp tụng niệm sáu thời.

Trong cách thức trì chú vãng sanh, có nhiều nơi hướng dẫn cho cư sĩ ngày đêm tụng sáu thời, ngày ba thời: – 4 giờ – 8 giờ – 12 giờ; đêm ba thời: – 16 giờ – 20 giờ – 24 giờ, mỗi thời tụng 21 biến thân chú vãng sanh. Như vậy, diệt được các tội tứ trọng, giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật ra máu, thập ác, tội hủy báng chánh pháp (bài bác kinh đại thừa phương quảng) và tránh được sự nhiễu hại của chúng ma quỷ, ác thần. Chư Tăng Ni trong các Tự viện lớn thường lập đàn nhập thất trì chú, niệm công cứ lên đến hằng trăm ngàn, hằng triệu thân chú.

Trong những năm 1970-1984, tại Quan Âm Tu Viện Hòa thượng Tôn sư thường xuyên nói pháp sách tấn Tăng Ni tu hành; qua đó Thượng tọa Trụ Trì Thích Thiện Chơn, chư Tăng, chư Ni thường tìm những nơi tĩnh lặng, trong huê viên Tu viện để niệm công cứ trì chú đại bi, chú vãng sanh. Thường là các vị niệm được một chuỗi 108 thân chú thì dùng chun hương bẻ một đoạn làm công cứ, trong một ngày mỗi vị có rất nhiều chun hương để vào hộp công cứ; trình Thầy Tổ chứng minh, thời ấy các vị hành pháp rất có hiệu quả.

Quan Âm Tu Viện là nơi được Hòa Thượng Thích Huệ Thành, Phó Pháp Chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN, Hòa Thượng Thích Trí Tấn, thành viên Hội đồng Chứng minh, Trưởng ban Trị Sự Tỉnh hội Phật giáo Sông Bé, Hòa Thượng Thích Huệ Hưng, Trưởng ban Tăng sự Trung ương GHPGVN, Hòa Thượng Thích Thiện Hào, Phó Chủ tịch thường trực Hội Đồng Trị Sự Trung ương thân hành thăm viếng Quan Âm Tu Viện tỏ lời khen ngợi một tập thể tinh tiến chung tu.

Chư liên hữu tinh chuyên tu niệm Phật, nhưng có gia hạnh trì thân chú trọn đời hành pháp nhất tâm, ngày đêm tâm thanh tịnh thân trang nghiêm đạo hạnh thì thường được thấy Phật A Di Đà, chư thiên, thiện thần lai hộ trì, các cõi âm binh, thập loại chúng cô hồn, ác thần không đến quấy nhiễu. Hiện đời được phước lạc, đến khi lâm chung, được Phật A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí tiếp dẫn vãng sanh Cực lạc.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Giáo Chủ Thọ Quang Thế Tướng, Vô Lượng Vô Biên Từ Thệ Hoàng Thâm, Tứ Thập Bát Nguyện Độ Hàm Linh, Đại Từ, Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Như Lai Biên Pháp Giới Tam Bảo.a

Ngày Thứ Chín Mười Bốn: Công đức tụng niệm Phật Mẫu Chuẩn Đề (2)

Vấn: *Xin Sư hoan hỷ giảng về công đức trang nghiêm, lực dụng của thần chú Phật Mẫu Chuẩn Đề?*

Đáp: Năm 1968, quý Sư tập chúng về tu hành tại Quan Âm Tu Viện, trong giáo đoàn có Sư Thiện Giác (Nguyễn Ngọc Rạng) là tu sĩ ở Linh Sơn Tiên Thạch Tự (núi Bà, Tây Ninh), sau về trú tại Phổ Minh Bửu tự, quận Tám, rồi đến Linh Quang tịnh xá, Bà Chiêu. Tánh Sư rất tự nhiên, khí khái, cũng có đôi khi lộ diện tánh phàm phu sân si như mọi người. Nhưng đặc biệt mọi người rất thương mến, nên kể từ khi Sư về cùng chung tu tại Quan Âm Tu Viện, ngày từ đầu đã gia nhập Giáo đoàn tu Tịnh độ.

Bản tánh vốn hơi cao lý do là người tu núi, nhưng khi gặp Sư Giác Quang, Sư dừng chân lại, ngắm nhìn thật lâu có phần nghĩ suy về người tu núi của Non Bồng, tức là người tu núi Non Bồng không kém người tu núi ở các vùng núi non khác! Người tu núi thường gọi là “Sơn Tăng” thì khí sắc trong sáng, thần thức tịnh thanh, tinh anh rực rỡ, mắt sáng quắc tợ sao băng, luôn ảnh hiện hình bóng người tu núi đạo hạnh khả phong, bậc thiên gia chân chính. Kể từ đó Sư bắt đầu tu “Diệt ngã” và nhập chúng “Du Tăng Khất sĩ Non Bồng”

Nhớ lại trong những năm còn tu ở non, cứ mỗi tuần lễ vào lúc 21 giờ đến 22 giờ 30, Đức Tôn sư tập chúng tụng thần chú Chuẩn Đề Phật Mẫu để hóa giải những nghiệp chướng nặng nề làm cho Tăng Ni lười biếng, giải đãi, thụy miên, trốn tụng kinh, ngũ gục trong lúc tụng kinh...mỗi thời tụng thần chú Chuẩn Đề là một tiếng rười òng hồ, dưới sự hướng dẫn của vị Duy na là Trưởng lão Huệ Thông và vị Duyệt chúng là Sư Thiện Chơn, có khi là Sư Huệ Minh, Sư Cam Lộ Thủy...

Cách tụng:

Đại chúng khoảng 300 vị cùng đứng bàn chân hình chữ “Nhứt”. Chắp tay hai ngón cái chéo vào nhau tụng trì thần chú Chuẩn Đề Phật Mẫu; tụng chú lực không tính bằng chuỗi, không đếm là bao nhiêu biến, mà chỉ tính bằng giờ, tất cả đồng thanh tụng theo nhịp chuông, tiếng mõ gõ điều hòa “Tụng chậm...tụng vừa...rồi tụng nhanh...”, cho đến khi “Tụng thật nhanh” mọi người đều đổ mồ hôi nhễ nhại, ướt áo ướt y mà vẫn hoan hỷ trì tụng:

Khể thủ quy y Tô tất đế

Đâu diện danh lễ Thất câu chi

Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề

Duy nguyện từ bi thù gia hộ

Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đề, câu chi nẫm, đát điệt tha

Án chiết lệ, chủ lệ, Chuẩn Đề ta bà ha

Hiệu quả:

Tướng pháp, mặt mày quang minh sáng ngời, tâm không gợn chút bợn nhơ, vô tư trong sáng, siêng tu tịnh nghiệp, giải thoát hồng trần, lánh xa mùi tục lụy. Trì tụng thần chú Chuẩn Đề còn có rất nhiều lợi ích khác:

- Tai qua nạn khỏi tật bệnh tiêu trừ.
- Làm ăn mua bán ăn nên làm ra, gia đình hạnh phúc.
- Phiền não nghiệp chướng nặng nề đều tiêu pha.
- Trợ duyên cho lực tu bất thối chuyển.
- Giúp cho tam nghiệp thanh tịnh.
- Trừ ma chướng, ma lực nội tại, tâm an ổn, ma chướng ma lực ngoại tại không quấy nhiễu người tu.

Nếu tụng chú Chuẩn đề, ngôi đàn chú Chuẩn Đề còn có chỗ nghĩ suy (Vọng tâm) để trừ ma quỷ, thiên ma, trị quỷ ma ám hại trẻ con, trị con sát cho trẻ con, trị quỷ ma ám hại người khác, điều này sẽ dẫn đến dị đoan?

Tụng chú Chuẩn đề Phật Mẫu đạt đến chỗ thần thông mật nguyện, thì các vị Pháp sư sẽ khuyến tấn chúng sanh, mọi người cũng tinh tấn tụng chú lực Chuẩn Đề để được như ý nguyện thì Pháp sư ấy hành đạo có phần đúng chánh pháp.

Kinh Phật dạy tụng thần chú trừ ma quỷ, tức là trừ nghiệp chướng tham sân si bản thân, trì tụng để được giải thoát, không phải trì tụng chú Chuẩn Đề để trừ ma quỷ giùm cho người khác. Điều này chỉ có những người ngoại đạo, các ông thầy pháp, thầy lỗ bang... mới có ý tưởng đó.

Đức Phật không dạy chư Tăng Ni, Phật tử làm việc “Mê tín dị đoan” mất thời giờ tu tĩnh cho mọi người, mất công vô ích.

Trì niệm chú Chuẩn Đề (Sanh trí lực) trì tụng chú Chuẩn Đề (Sanh phước lực), chúng ta nên thường xuyên nương theo Tổ lực của ngài Long Thọ mà đánh lễ quy y Đức Phật Mẫu.

Trên là bốn câu kệ của Tổ sư Long Thọ (Khể thủ...) tán thán đánh lễ Phật Mẫu, dưới đây là nói về thần chú:

Nam mô Tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đà, Câu chi nẫm đất diệt tha.

Án, Chiết lệ chủ lệ chuẩn đề ta bà ha (*Trích Kinh Tam Bảo của Cụ Hồng Tại Đoàn Trung Còn*).

Lực dụng thần chú:

Người trì tụng thần chú đủ chín mươi muôn biến, có thể diệt được các tội thập ác, tứ trọng và ngũ nghịch. Nhẫn đến với nhà thế tục nào bất luận là tịnh hay uế, chỉ cần chí tâm tụng trì thần chú, liền được tiêu trừ nạn tai bệnh họa và tăng long phước thọ. Tụng đủ 49 ngày, liền được Phật Mẫu sai hai vị Thánh giả phù hộ người ấy trong những lúc đi đứng nằm ngồi (Nhị khóa hiệp giải, trang 87, HT. Thích Khánh Anh biên dịch, GHTGVN xuất bản).

Ở sự linh diệu khác, nếu hành giả siêng tu trì tụng chú này đến ngày lâm chung thác sanh vào chỗ thiện duyên và hưởng nhiều sự an lạc trong cuộc đời.

Đối với người Phật tử giữ đủ tam quy, trì năm giới, một lòng kiên cố, không thối chuyển, siêng trì tụng thân chú Chuẩn Đề, lâm chung sanh về cõi trời, hưởng phúc đức đời đời, hay là sanh trong cõi nhơn gian làm vị Quốc chủ trong thiên hạ, hoặc làm bậc công hầu, thường gần gũi các vị thánh hiền, chư thiên ái kính, ủng hộ gia trì, không đọa vào đường ác duyên, ác thú.

Đối với những người thích kinh doanh trên thương trường thế cuộc, thì gặp vận may, không có tai hại gì, cho đến nghi dung đoan chánh, lời nói ôn hòa, tâm không phiền não, an nhàn tự tại, lui tới thung dung, hưởng phước báo một đời rất nên mỹ mãn.

Lực dụng xuất thế gian.

Nói đến hiệu quả của người xuất gia, nếu gìn giữ giới cấm hoàn toàn, công hạnh thuần thực, mỗi ngày siêng tu ba thời tụng niệm, rồi y theo pháp của Đức Chuẩn đề mà tu hành và chí nguyện cầu đến chỗ tắt địa xuất thế gian của chư Phật, thì tự nhiên tâm không ái ngại, tánh lại viên minh, một màu thanh tịnh, không còn trước nhiệm nơi cảnh hữu vi, chỉ thấy định huệ hiện tiền, viên mãn quả địa Ba la mật, tương lai chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Chuẩn Đề Phật Mẫu là ngôi pháp thân Bồ tát ở cõi trang nghiêm thế giới, không có giảng sanh nơi cõi nhơn gian. Song giáo pháp của ngài rất bí mật mà nay được rõ biết đây, là do nơi Đức Phật Thích Ca giải rõ chỗ nhân địa và hình tướng, nên người sau mới biết công đức và họa tượng thờ ngài với mười tám tay, mỗi bên chín cánh, mỗi tay cầm một bửu báu là như vậy.

Danh hiệu, hình dạng Phật Mẫu Chuẩn Đề.

Danh hiệu Phật Mẫu Chuẩn Đề được dịch âm từ các tên theo tiếng Phạn là Cuniti, Cunnidihi, được phiên dịch là Khiết tĩnh, Thanh tịnh, Diệu nghĩa, Minh giác, Hộ trì Phát pháp. Đây là vị Bồ tát hay hộ mệnh và tế độ các chúng sanh khiến cho giác ngộ giải thoát thành Phật. Theo truyền thuyết Ấn Độ thì Cuniti hay Cunnidihi là tên của một Apsara và có ý nghĩa là Nguồn suối nhỏ, Cái giếng nhỏ, May mắn, Tốt giới, Người có tài ba lỗi lạc. Theo truyền thống ngôn ngữ Trung Hoa thì Phật Mẫu Chuẩn Đề còn có các tên gọi khác là: Thất câu chi Phật Mẫu, Thất câu đề Phật Mẫu, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Thất câu đề Phật Mẫu Chuẩn Đề, Chuẩn Đề Bồ tát, Chuẩn Đề Quan Âm hay Chuẩn Đề Quán Tự tại. Theo Mật giáo Trung Hoa, Tây tạng thì tôn tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề có 4 tay. Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu 18 tay được ghi nhận rất rõ trong Kinh Nghi Quỹ. Nay dựa vào Bạch Bảo Khẩu Sao ghi nhận, các quốc gia Phật giáo đại thừa trên thế giới trong đó có Việt Nam minh họa theo ý nghĩa của tôn tượng này.

Chuẩn Đề Phật Mẫu là một mẫu Bồ tát đa hạnh, trên đầu đội mũo Hoa Quang, trên mũo có hóa hiện ra năm vị Như Lai.

Nơi mặt ngài có 3 con mắt, trong mỗi con mắt ấy coi rất sắc xảo, dường như chăm chỉ ngó các chúng sanh mà có ý sanh lòng từ mẫn vậy.

Toàn thân của ngài có mười tám cánh tay, mỗi bên chín cánh:

Hai bàn tay trên hết thì kiết ấn Chuẩn Đề, như tướng đang lúc thuyết pháp.
Tay trái thứ hai cầm lá phướn như ý, còn tay mặt kết ấn vô úy thí.
Tay trái thứ ba cầm hồng liên hoa, tay mặt cầm cây gươm.
Tay trái thứ tư cầm bình tịnh thủy, tay mặt cầm chuỗi ma ni bửu châu.
Tay trái thứ năm cầm sợi dây Kim Cang, tay mặt cầm trái la ca quả.
Tay trái thứ sáu cầm bánh xe chuyển pháp luân, tay mặt cầm búa.
Tay trái thứ bảy cầm pháp loa, tay mặt cầm thiết câu.
Tay trái thứ tám cầm bình như ý, tay mặt cầm chày Kim Cang.
Tay trái thứ chín cầm cuốn kinh Bát nhà ba la mật, tay mặt cầm tràng hạt.

Tư thế Phật Mẫu thị hiện vào đời có một lực dụng mạnh mẽ, nên chúng ta thấy ngài có nhiều tay, có khi thì hiện thân đứng, có khi thì hiện thân ngồi; thế thường thì nói “Nhiều tay vô nên kêu”, Phật Mẫu nhiều tay ở đây, tức là sự thị hiện của Phật Mẫu luôn có nhiều lực dụng phép mầu vi diệu giúp ích cho người cho đời mọi thành công trong cuộc sống, nếu người ấy tín ngưỡng ngài, tu hành chân thật và cũng có những hạnh nguyện lành như Phật Mẫu.

Phật Mẫu ngồi trên hoa sen, dưới có hai vị Long vương ủng hộ. Đó là hạnh nguyện hải của ngài do Đức Phật Thích Ca tuyên nói; nên người sau căn cứ vào lời Phật giảng mà tạo nên bảo tượng của ngài đại lược như vậy. Nếu có người tin tưởng trì niệm, muốn quán tượng hay quán tượng hình bóng Phật Mẫu thì vọng niệm không còn sanh mà chơn tâm ảnh hiện, giải thoát hiện tiền. (*Lời của tác giả sách này*).

---o0o---

Ngày Thứ Chín Mười Lăm: Bài xưng tán Phật Mẫu Chuẩn Đề

Chuẩn Đề Phật Mẫu là pháp thân đại sĩ ở cõi nước trang nghiêm thế giới, không có giáng sanh ở cõi ta bà. Sở dĩ giáo pháp của ngài phổ biến trong nhân gian, mọi người đều rõ biết là do Đức Phật Thích Ca giải rõ chỗ nhân địa và hình tướng Phật Mẫu, nên người sau khi tham học và hiểu biết lực dụng của ngài, các họa sĩ Phật tử họa thành hình dạng với Bửu tượng mười tám tay cầm mười tám Bửu pháp như các chùa lớn nhỏ trên thế giới đang thờ phượng.

Nói về Thất câu chi Phật Mẫu là tên riêng của đức Chuẩn Đề Quan Âm, chính là một trong 7 vị thờ nơi viện đệ nhị Phật mẫu trong đàn Mạn đà la bên Thang tạng giới cũng là một vị thứ 6 trong 8 vị Đại Quan Âm. Phật Mẫu thị hiện giữa cõi nhân đạo mà hay biến hóa, bên thiên tông thờ Chuẩn Đề làm một vị trong bộ Quan Âm, bên Nhật Bản phái Đông mật thờ Chuẩn Đề làm một vị giữa 6 Đức Quan Âm, thuộc về bộ Liên Hoa; phái Thiên mật thờ Thất Câu chi Phật Mẫu Chuẩn Đề vào hàng Phật Mẫu, tượng ngài có 3 mắt, 18 cánh tay (Nhị khóa hiệp giải, trang 86, bản dịch chú giải của Đức Pháp chủ Khánh Anh).

Nhằm giúp cho chư Tăng Ni, Phật tử học hiểu và ấn tượng sâu sắc về tôn tượng 18 tay của Phật Mẫu Chuẩn Đề, Sư trích những bài thi kệ của chư vị Pháp sư

Mật tông bên Trung Hoa biên soạn, do nhà dịch giả Huyền Thanh, Việt Nam biên dịch.

Trước khi trích vào đây, đệ tử hậu học chúng con xin quy kính đánh lễ tôn nhan đức Phật Mẫu mà chúng con hằng quy kính, trì niệm từ trên 50 năm qua:

Bài kệ xưng tán Chuẩn Đề Phật Mẫu:

Khuôn mặt Bồ tát như trăng đầy
Sắc tướng trắng vàng rất đoan nghiêm
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện thấy tôn nhan thường cúng dường
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát.

Trên mặt Bồ tát có ba mắt
Như bốn biển lớn thật lặng trong
Nay con kính lễ thệ quy y
Nguyện được năm loại mắt thanh tịnh
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tai Bồ tát đeo báu trang sức
Mọi thứ thù thắng rất trang nghiêm
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện được Nhĩ thông, nghe diệu pháp
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Lông ngực Bồ tát hiện chữ vạn
Như trăng tròn diệu hiện quang minh
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện được tâm thông nghe liễu ngộ
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát đội mào hoa trên đỉnh
Trong mào hóa hiện năm Như Lai
Nay con đảnh lễ thệ quy y
Nguyện được từ tôn ban quán đảnh
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát khoác áo màu trắng tinh
Sáu thù đeo thể thật trang nghiêm
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện được quần áo khéo giải thoát
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Thân Bồ tát đeo châu anh lạc
Tay ngón đeo vòng báu trang nghiêm
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện đủ bả hai tướng Như Lai
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát ngồi thẳng trên hoa sen
Lớn cao chẳng động tựa núi vàng
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện sau sẽ ngồi tòa bồ đề
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Mọi chi phần trên thân Bồ tát
Thường phóng vô lượng ánh sáng lớn
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện được từ quang đến hộ niệm
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát kết ấn thuyết pháp
Biểu thị khéo nói tất cả pháp
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện được các pháp đều thông đạt
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm phước báu diệu
Biểu thị thế gian là tối thắng
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con hya dựng phước đại pháp
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát kết ấn vô úy thí
Dù dặt chúng sanh bị hiểm nạn
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con mau lìa sự đáng sợ
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm hoa sen diệu
Biểu thị sáu căn thường thanh tịnh
Nay con đánh lễ thệ quy y

Nguyện con lìa dơ như hoa sen
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

---o0o---

Ngày Thứ Chín Mười Sáu: Pháp kệ xưng tán Phật Mẫu Chuẩn Đề (2)

Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát
Tay Bồ tát cầm kiếm trí tuệ
Hay chặt trói buộc cửa phiền não
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con chặt đứt tham sân si
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm bình Táo Quán (rưới vẩy)
Tuôn nước cam lồ thấm chúng sanh
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con thường được Phật quán đánh
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát cầm trang hoa màu nhiệm
Mọi thứ trang điểm thật thù thắng
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con được buộc lụa diệu pháp
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát cầm sợi dây kim cương
Khéo hay dẫn nhập vào tất cả
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con được vào pháp tương ứng
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm quả Thiện Diệu
Biểu thị viên thành quả Bồ đề
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con rộng tu các quả lành
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát cầm bánh xe tám cãm
Uy quang chiếu diệu khắp tam giới

Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con thường chuyên đại pháp luân
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm cây búa lớn
Hay pháp pháp bất thiện bèn chắc
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con đập nát núi nhân ngã
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm loa đại pháp
Âm thanh chấn động ba ngàn cõi
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con hay nói tất cả pháp
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát cầm móc câu kim cương
Khéo hay câu triệu khắp tất cả
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con thành tựu pháp Câu Triệu
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm bình như ý
Tuôn ra tạng báu với kinh điển
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con thọ dụng thường như ý
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm chày kim cương
Tám bộ trời rông đều quy ngưỡng
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con điều phục kẻ khó phục
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Tay Bồ tát cầm kinh Bát nhã
Hàm chứa nghĩa vi diệu thâm sâu
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyện con không Thây tự nhiên ngộ
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Bồ tát cầm viên ngọc Ma ni
Hào quang tròn trắng không tỳ vết
Nay con đánh lễ thệ quy y
Nguyên tâm địa con luôn lành lợi
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát

Phật Mẫu Chuẩn Đề đại Bồ tát
Hiện mười tám tay ngồi trên đàn
Tâm đại Bồ tát hộ tám phương
Đệ tử một lòng quy mệnh lễ
Nam mô Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ tát.

Những bài kệ được biên soạn để khi lâm đàn của chư vị Pháp sư Mật giáo Trung Hoa đọc lên xưng tán đức Phật Mẫu Chuẩn Đề. Trì niệm thần chú Phật Mẫu Chuẩn Đề không làm trở ngại cho người tu Tịnh độ, tụng chú sẽ gia cố cho quá trình tu niệm Phật, tu Phật thất, tu Bát quan Trai giới, tu gia hạnh Thập thiện, tâm chí dũng mãnh điều ngự các phiền não chướng phát sanh.

---o0o---

Ngày Thứ Chín Mười Bảy: Bửu Thủ Tháp Đức Tôn Sư

Vấn: *Xin Sư thuyết giảng về Pháp tháp của Đức Tôn Sư sau ngày viên tịch 30/ 7/ Bính Dần tại Quan Âm Tu Viện?*

Đáp: Bửu Tháp là nơi an trú báo thân của Đức Tôn Sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, húy Nhựt Ý, biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bông Lai. Đức Tôn Sư thuộc dòng lâm tế thứ 41, viên tịch vào lúc 23 giờ, ngày mùng 01 tháng 8 âm năm Bính Dần (1986), tháp được xây 7 tầng có 4 mặt, mỗi cạnh rộng 6 mét từ nền lên đến chóp tháp cao 12m, mặt của mỗi cạnh đều được các nghệ nhân tu sĩ đắp nổi các Bửu thủ.

Có tất cả 24 Bửu thủ, mỗi Bửu thủ đều có đầy đủ ý nghĩa, công dụng riêng cho người tu theo Mật giáo:

Phía chính diện có 6 bửu thủ:

A. Tầng 01 Có 02 Bửu thủ: (Tính từ trái sang phải)

1. Hồng Liên Hoa: Nếu muốn cầu sanh lên các cung trời, nên làm theo tay Hồng Liên Hoa, niệm chân ngôn: Án, thương yết lệ, tá phạ hạ.

2. Bạch Liên Hoa: Nếu muốn thành tựu các công đức, nên làm theo tay Bạch Liên Hoa, niệm chơn ngôn: Án, phạ nhựt ra, vị ra đã, tát phạ hạ.

B. Tầng 02 có 3 Bửu thủ: (Tính từ trái sang phải)

1. Kim Cang Xử: Nếu muốn trừ dẹp các sự an ã, nên làm theo Kim Cang xử, niệm chân ngôn: Ắn, phạ nhựt ra chỉ nảnh, bát ra nể, bát ra ã, tát phạ hạ.

2. Đảnh Thượng Hóa Phật: Nếu muốn ã các Đức Phật trong 10 phương sớm ã xoa ãu ãu ký cho, nên làm theo tay Đảnh Thượng Hóa Phật, niệm chân ngôn: Ắn, phạ nhựt vị ni, phạ nhựt lã nghệ, tát phạ hạ.

3. Bạc Chiếu La: Nếu muốn hành phục hết ãy loài thiên ma ngoại ão, nên làm theo tay Bạc Chiếu La, niệm chân ngôn: Ắn, nể bệ, nể bà ã, ma ha ãt rị ãu, tát phạ hạ.

C. Tầng 3 có 01 Bửu thủ:

1. Bất Thối Kim Luân: Nếu muốn ã từ thân này ãn thân Phật, tâm bô ã thường không thối chuyển, nên làm theo tay Bất Thối Kim Luân, niệm chân ngôn: Ắn, ãiết ra ãi tả, tát phạ hạ.

Phía Tả Diện Có 6 Bửu thủ:

A. Tầng 01 có 02 Bửu thủ: (Từ trái sang phải):

1. Dương Chi: Nếu muốn trừ các chứng bệnh trong mình, nên làm theo tay Dương Chi, niệm chân ngôn: Ắn, tề ãt ãi, ca rị phạ rị, ãa mản ãa, mục ãa ãu, pha nhựt ra, phạ nhựt ra, bàn ãa, hạ nãng, hạ nãng, hồng phãn tra.

2. Cam Lộ: Nếu muốn làm cho ãt cả loài hữu tình ãng ãoi khát ãu no ãủ ãnh thoi, nên làm theo tay cam lộ, niệm chân ngôn: Ắn, tổ rô, tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, tô rô tô rô ã, tát phạ hạ.

B. Tầng 2 có 3 Bửu thủ: (Tinh từ trái sang phải)

1. Câu Thi Thiết câu: Nếu muốn ãu các vị Long Vương, thiên thần thường ãn ủng hộ, nên làm theo tay câu thi thiết câu, niệm chân ngôn: Ắn, a cô bô, ãa ra ca ra, vĩ sa ãu, nãng mò, tát phạ hạ.

2. Hóa Cung Điện: Nếu muốn ãu ãoi kiếp kiếp thường ở trong cung ãiện các Đức Phật, ãng ãu thân bào thai, nên làm theo tay Hóa Cung Điện, niệm chân ngôn: Ắn, vi ãt ra, vi ãt ra, hồng phãn tra.

3. Phủ Việt: Nếu muốn ãu ãt cả thời gian, cũng như ãu ãt cả xứ sở, ãnh ãoi nạn quan bắt, nên làm theo tay Phủ Việt, niệm chân ngôn: Ắn, vi ra ã, tát phạ hạ.

C. Tầng 03 có 01 Bửu thủ:

1. Hồ Bình: Nếu muốn ãu ãeo léo ãiều hòa ãt cả quyền thuộc, nên làm theo tay Hồ Bình, niệm chân ngôn: Ắn, yết lệ, ãm mãn ãiện, tát phạ hạ.

Phía Hữu Diện Có 6 Bửu Thủ:

A. Tầng 1 có 2 Bửu thủ: (Từ trái sang phải)

1. **Bồ Đào:** Nếu muốn được các thứ, trái trăn lúa mạ tốt đẹp, xum xuê, nên làm theo tay Bồ Đào, niệm chân ngôn: Án, a ma lã, kiếm đế nãnh, tát phạ hạ.

2. **Như Ý Châu:** Nếu muốn được sự giàu có, nhiều đồ đạc, châu báu, nên làm theo tay Như Ý Châu, niệm chân ngôn: Án, phạ nhựt ra, phạ đá ra, hồng phần tra.

B. Tầng 02 có 3 Bửu thủ: (Từ trái sang phải)

1. **Hiệp Chưởng:** Nếu muốn làm cho tất cả chúng sanh thường cung kính yêu mến lẫn nhau, nên làm theo tay Hiệp Chưởng, niệm chân ngôn: Án, bát nạp mạng nhá lãng, ngật rị, hồng phần tra.

2. **Hóa Phật:** Nếu muốn sanh ở bất cứ nơi nào, luôn luôn không rời một bên các Đức Phật nên làm theo tay Hóa Phật, niệm chân ngôn: Án, chiến na ra, bà hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị ni, hồng phần tra.

3. **Thí Vô Ý:** Nếu muốn những sự khùng khiếp sợ hãi bất cứ ở chỗ nào, cầu được yên ổn, nên làm theo tay Thí Vô Ý, niệm chân ngôn: Án, phạ nhựt ra nãng dã, hồng phần tra.

C. Tầng 3 có 01 Bửu thủ: (Từ trái sang phải)

1. **Bửu Kinh:** Nếu muốn được nghe nhiều học rộng, nên làm theo tay Bửu Kinh, niệm chân ngôn: Án, a hạ ra tát ra phạ nị, nê dã đà ra, bồ nê đế, tát phạ hạ.

Phía Hậu Diện có 6 Bửu Thủ:

A. Tầng 1 có 2 Bửu thủ: (Từ trái sang phải)

1. **Thanh Liên Hoa:** Nếu muốn được cầu về cõi tịnh độ trong mười phương, nên làm theo tay Thanh Liên Hoa niệm chân ngôn: Án, chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt ra, bà ra đàn đà, hồng phần tra.

2. **Tử Liên Hoa:** Nếu muốn chính mắt mình thật được các Đức Phật trong mười phương, nên làm theo tay Tử Liên Hoa, niệm chân ngôn: Án, tát ra tát ra, nhựt ca ra ca, hồng phần tra.

B. Tầng 2 có 3 Bửu thủ: (Từ trái sang phải)

1. **Bửu Kích:** Nếu muốn dẹp trừ kẻ nghịch tặc và oán địch nơi phương khác, nên làm theo tay Bửu Kích, niệm chân ngôn: Án, thâm muội dã, chỉ nãnh ha rị, hồng phần tra.

2. **Tổng Nhiếp Thiên Tý:** Nếu muốn trừ dẹp các loài ma oán trong tam thiên đại thiên thế giới, nên làm theo tay tổng nhiếp thiên tý, niệm chân ngôn: Án

đát nổ dĩa, án, phạ lô chỉ đế, thấp phạ ra dĩa, tát bà đốt sắc, tra hô hạ di dĩa, tát phạ hạ.

3. Tích Trượng: Nếu muốn lòng từ bi che chở cứu hộ tất cả chúng sanh, nên làm theo tay tích trượng, niệm chân ngôn: Án, na lật thế, na lật tra bát để na dạ bát nãnh, hồng phần tra.

C. Tầng 3 có 1 Bửu thủ:

1. Số Châu: Nếu muốn được các Đức Phật trong mười phương sớm đưa tay tiếp dẫn, nên làm theo tay số châu, niệm chân ngôn: Năng mờ ra đát năng, đát ra dạ dĩa án a na bà đế vĩ nhá duệ, tát địa tát đà lật thế, tát phạ hạ.

Ở tầng nhất của Bửu Tháp, mỗi mặt tháp còn có đôi câu liễn được đắp nổi bằng chữ Nho tại mỗi trụ.

Phía chính diện:

*“Kiến Tháp quang minh vô lượng thắng duy
Ngộ sư minh tánh phát bồ đề tâm”*

Phía tả diện:

*“Pháp tánh thường minh vĩnh kiếp lưu truyền
Từ bi phổ độ vạn đời Thế Tôn”*

Phía hữu diện:

*“Đảnh gát non châu thuyền quang tỏ sáng
Túc hướng Đồng Nai thủy đạo nhuần tràn”*

Phía hậu diện:

*“Lưu niệm thâm ân tôn sư giáo hóa
Công đức sâu dày đệ tử kính tôn”.*

Ngoài ra, tại chính diện ở tầng một còn có bia thạch điêu khắc những dòng chữ Nho về tên tuổi, năm sinh và năm viên tịch của Đức Tôn Sư:

“Lâm tế gia phổ tứ nhập nhưt thế

Thánh danh vạn thiên chơn linh, thế sanh

Lê Văn Mười, ngươn sanh Giáp Tý niên 1924”

- Biệt hiệu Đức Mẫu Trầu Bồng Lai, viên tịch Bính Dần niên, bát nguyệt, sơ nhưt nhựt, 1986.

- Hiếu Đồ Tông Môn Non Bồng phụng kính.

Phía hậu diện ở tầng một còn có một bia thạch điêu khắc một bài hát “Lưu niệm thâm ân Đức Tôn Sư” nội dung ý và lời của Ni Trưởng Trưởng Tử Huệ Giác, nhạc của nhạc sĩ Minh Chơn.

*“Hình ảnh một gương lành thánh thiện
Đáng chon từ vô thượng linh thiêng
Trái vạn thiên hạ miền cứu thế
Giải nạn tai độ chúng hóa duyên
Khấp ta bà ân người còn mãi
Tiếng tăm người phổ tế muôn loài
On nhuận gọi đức từ vô úy
Khăm lòng con thương nhớ mẹ thầy
Thậm thâm nan trắc nước thanh lương
Nan lường diệu dược pháp y vương
Thành kính chấp tay con cúi lạy
Đáng đại từ thầy mẹ xót thương
Miên trường tiếng hát tán ca dương
Đạo pháp hoàng khai dắt dẫn đường
Môn đệ trọn đời chung hiếu tử
Kiên thiên đánh lễ xưng tán dương
Nam mô A Di Đà Phật
Kính dâng lên thầy mẹ chứng minh”*

**Hiếu tử Tông Môn Non Bồng
Ni Sư Trưởng tử Thích nữ Huệ Giác
Kính bái tạ
Quan Âm Tu Viện, 01/ 8 âl, Bính Dần 1986**

Bửu tháp Đức Tôn Sư được khởi công vào ngày 19/ 8 âl, năm Bính Dần 1986 do Ni Sư Huệ Giác chịu trách nhiệm khởi xướng, với một ban thực hiện công trình phật sự lớn lao này như sau:

- Ni Sư Huệ Giác, sáng lập chỉ đạo điều hành.
- Đại Đức Thích Huệ Hải (Tổ Đình Linh Sơn Tự)
- Đại Đức Thích Thiện Nghĩa, kỹ thuật, thiết kế, đồ án
- Cùng với sự đóng góp nhiệt tình và thiết thực nhất của quý sư Thiện Nhựt, Thiện Minh, cùng với sự góp phần đắc lực của chư Tăng Ni, Phật tử Quan Âm Tu Viện, Nhứt Nguyên Bửu Tự, chùa Long Phước Thọ, Tổ Đình linh Sơn Tự và trên 80 Tự Viện, Tịnh xá, Tịnh Thất, Đạo Tràng, Am Viện thuộc môn non hiếu đồ đệ tử của Đức Tôn Sư trong Tông Môn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng, mỗi Chùa, mỗi người tự nguyện đóng góp sức lực ngày công, tài sản để chung lo báo hiếu báo ân.

Riêng về mặt hành chánh Đại Đức Giác Quang thay mặt Tông môn chịu trách nhiệm bảo đảm công trình thi công đúng qui cách trước chính quyền các cấp ở Đồng Nai. Về kỹ thuật đảm bảo không gây tổn hại nhân mạng, lấn chiếm đất đai đồng bào, chỉ thực hiện trong khuôn viên nội viện, không được phép quyền góp

trong nhân dân, tránh tình trạng làm tổn hao thời giờ lao động của đồng bào địa phương, v.v...

Ban thực hiện công trình xây dựng “Bửu Tháp” đã làm tròn nhiệm mệnh và thành công Phật sự thật tốt đẹp, sáng giá tại Việt Nam khoảng cuối thế kỷ 20, cũng như làm đẹp cho Đạo Phật Việt Nam đương thời.

Theo nhận định của một số đồng Phật tử trí thức thì công trình xây tháp mộ Đức Tôn Sư là một công trình lớn đòi hỏi nhiều tài năng và trí tuệ của những bàn tay nghệ nhân chăm chỉ, khéo léo, giàu nghị lực, tác phong đạo hạnh, công đức sâu dày, những người đã dày công bồi đắp từng hoa văn sáng tạo, không đánh mất tính chất thuần túy văn hóa thời đại. Tuy rất vất vả trong việc làm, thường gặp nhiều khó khăn ở các mặt, nhưng các vị cũng không tách rời, không làm sai theo lời chỉ đạo sáng tạo từ cấu trúc, đến hoa văn. Ngoài ra, còn có những Tăng Ni, Phật tử khác đóng góp tiền bạc, công sức của mình để cho Bửu Tháp Đức Tôn Sư được thành công viên mãn vào ngày 30/ 7 âm và ngày hôm sau mừng 01/ 8 âm năm Mậu thìn 1988, toàn thể môn đệ của 86 Tự Viện trong Tông Môn trên toàn quốc vân lập về cùng với Tăng Ni, Phật tử Quan Âm Tu Viện tổ chức lễ Đại Tường và lễ khánh thành Bửu Tháp Đức Tôn Sư.

Trong ngày lễ Đại Tường và khánh thành Bửu Tháp có khoảng 60.000 Tăng Ni, Phật tử và quan khách các nơi về tham dự (tính từ ngày 25/7 cho đến ngày mừng 01/8 âm). Quan Âm Tu Viện còn vinh dự được đón tiếp Hòa Thượng Thích Thiện Khải thành viên Hội đồng chứng minh Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam kiêm Trưởng Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Đồng Nai đến chứng minh, chủ trì và cắt băng khánh thành vào lúc 10 giờ 30 (01/ 8 âm), ngoài ra còn có các Thượng Tọa, Đại Đức trong thường trực Ban Trị Sự Tỉnh Hội, quý Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức Tăng, Ni, Phật tử trong các hệ phái bạn ở Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Sông Bé, Thuận Hải, Lâm Đồng, Tiền Giang, Hậu Giang, Cửu Long, Đồng Tháp, Minh Hải, An Giang, Cửu Long, Long An, Nha Trang, Vũng Tàu, Bến Tre, Tây Ninh, đã hoan hỷ quang lâm đến tham dự ngày lễ Đại tường.

Ngày lễ Đại tường và khánh thành Bửu Tháp của Đức Tôn Sư, chứng minh Đạo sư Quan Âm Tu Viện đã được sự chiêu cố của quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni trong các hệ phái khác, đủ chứng minh tấm lòng thiện cảm của chư sơn Thiên Đức đối với Mẫu Trầu không phải là nông cạn, mà còn bộc lộ một tình cảm sâu sắc nơi những nhà lãnh đạo, không nói bằng lời.

---o0o---

Ngày Thứ Chín Mười Tám: Ý nghĩa Thiện Nữ Thiên Chú

Trong chốn thiên lâm, khóa lễ Công phu khuya Lăng Nghiêm rất quan trọng với Tăng Ni, giúp cho chư Tăng Ni phát huy trí thức, thêm nhiều đại lực cho người tu Phật, mở đường cho kiến thức mới sanh khởi và phát triển. Ở phần Hồi hướng

có tụng bài Thiện Nữ Thiên Chú trước khi kết thúc thời khóa tụng niệm. Cũng thế ở phần kết quyển sách “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp” này, Sư sẽ giảng giải về ý nghĩa thần chú Thiện Nữ Thiên.

Thần chú Thiện Nữ Thiên, cũng gọi là Thiện Nữ Thiên Chú hay Thiện Thiên Nữ Chú, một bài thần chú quan trọng thứ mười trong Thập chú (trong các kinh Nhựt Tụng, Kinh Tam Bảo, Nhị thời công phu) cũng như trong chôn tông lâm. Theo hệ thống Phật giáo Bắc truyền, thường thì thần chú được trích ra khỏi Thập chú để chư Tăng Ni đại chúng trì tụng ở phần Hồi hướng của thời khóa Công phu khuya, sau khi tụng thần chú Thủ Lăng nghiêm, tán trống bài cầu nguyện chúc tụng, tán trống lay tứ thánh, tán trống bài tam quy y; thần chú được vị Duy na, Duyệt chúng chủ trì điều hành chuông mõ tụng tại bàn thờ ngài Hộ Pháp. Trong các chùa xưa thường thì bàn thờ ngài Hộ pháp luôn được thờ đối diện với bàn thờ ngôi Tam bảo, nơi thờ Đức Trung Tôn; các chùa đời nay thì thờ Hộ pháp ở một bên, do các vị xây chùa theo cấu trúc nhà thờ thiên chúa bên Tây bán cầu. Cũng có khi Tăng Ni, Phật tử kết khóa tụng chú đại bi, thì có phát nguyện tụng luôn 10 bài Thập chú trong đó có thần chú Thiện Nữ Thiên Chú.

Năm 1999, Sư được Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Đồng Nai thỉnh giảng khóa An cư kiết hạ tại Tổ đình Long Thiên, thuyết giảng môn Nhị Khóa hiệp Giải; năm 2000, Ban Trị Sự Tỉnh mở Lớp Giáo Lý Cơ Bản Phật Học tại Tổ đình Long Thiên, Sư tiếp tục được phân công đứng lớp giảng dạy Nhị khóa Hiệp Giải thời công phu khuya.

Thời công phu khuya trước nhất tụng bài Thủ Lăng Nghiêm, ý nghĩa câu quy mạng thần chú thủ Lăng nghiêm rất có oai lực trong chôn thiền lâm, khi giảng, vừa đọc đề tựa lên thì long thiên bát bộ chư thiên đều dựng đứng tóc, đứng dậy chào đón đánh lễ mười phương chư Phật giảng lâm: “Đại Phật Đánh Như Lai Mật Nhon, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm Kinh” gọi tắt là “Đại Phật Đánh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh Thần Chú”; tiếp đến tụng thần chú Đại bi, 10 bài thần chú...đều là những bài kinh thần chú quan trọng trong chôn Thiền lâm Bắc tông. Làm Tăng Ni mà không thuộc các thần chú Thủ Lăng Nghiêm, 4 giờ sáng nghe trống công phu, không thức dậy cùng đại chúng công phu, hoặc chưa từng tụng các thần chú này thì chưa phải là Tăng Ni, hay các bậc Thiền Gia Chân Chính.

Mười bài chú được trích trong bộ Đại tạng kinh, Mật tông bên Trung Hoa, thần chú Thiện Nữ Thiên được trích từ trong bản Kinh Kim Quang Minh, nơi hàm chữ Hóa trong Đại tạng, bài thần chú như vậy:

Bản 1: - Nam mô Phật đà, Nam mô Đạt mạ, Nam mô Tăng già. Nam mô Thất ly, ma ha đề tỳ da, đát nễ dã tha, ba ly phú lâu na, giá ly tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỳ ha ra dà đế, tam mạn đà, tỳ ni dà đế, ma ha ca ly dã, ba nễ, ba ra, ba nễ, tát ly phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na, a ly da, đạt mạ đế, ma ha

tỳ cồ tất đế, ma ha di lạc đế, lâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỳ, tăng kỳ hê đế, tam mạn đà, a tha a nậu, đà la ni. *(Nhị Khóa hiệp Giải, bản dịch Đức Pháp Chủ Khánh Anh)*

Bản 2: – Nam mô Phật đà, Nam mô Đạt mạ, Nam mô Tăng già. Nam mô Thất rị, ma ha đề tỳ da, đát nễ dã tha, ba rị phú lâu na, giá rị tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỳ ha ra dà đế, tam mạn đà, tỳ ni dà đế, ma ha ca rị dã, ba nễ, ba ra, ba nễ, tát rị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na, a rị da, đạt mạ đế, ma ha tỳ cồ tất đế, ma ha di lạc đế, lâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỳ, tăng kỳ hê đế, tam mạn đà, a tha a nậu, đà la ni. *(Kinh Tam bảo, bản dịch cư sĩ Đoàn Trung Còn)..*

Bản 3:

Pali

Namo Buddhàya, Namo Dharmàya, Namo Sanghàya

Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng

Namo Sri Mahà Devàya, Tadyathà

Quy y Cát tường đại thiên, chú nói như vậy

Paripurna, Cale, samanta Darsani

Hỡi đáng huyền năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng

Mahà Vihara Gate, Samanta, Vidhàna Gate

Đáng chủ tế đại tác nghiệp hay nhìn thấy khắp nẻo rộng lớn!

Mahà Karyapati, Suparipùre

Hãy khéo léo làm cho tất cả đều được đầy đủ

Sarvatha, Samanta, Suprati, Purna

Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng.

Ayana, Dharmate, Mahà Vibhasite, Mahà Mattre

Hãy thể hiện lòng đại từ làm cho Lý Pháp tính tỏa sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sanh được thích ứng với sự lợi ích chân chính.

Upasamhite, He! Tithu, samgrhite.

Samanta Artha Anupalani.

Mừng thay đáng biểu hiện của lòng yêu thương. Đáng chân chính gìn giữ sự lợi ích. Hãy giúp cho con và chúng sanh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích.

Âm:

Nam mô Phật đà gia, Nam mô Đạt mạ gia, Nam mô Tăng già gia.
Nam mô Thất li, ma ha đề tỳ da, Đát nễ dã tha,
Ba li phú lâu na, giá li, Tam mạn đà, đạt xá ni,
Ma ha tỳ ra ha dà đế, Tam mạn đà, tỳ ni già đế,
Ma ha ca li dã ba nễ, Ba ra ba nễ,
Tát li phạt lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na,
A li da, đạt mạ đế, Ma ha tỳ cổ tát đế, Ma ha di lật đế,
Lâu phả tăng kỳ đế, Hê đề tỳ, Tăng kỳ hê đế,
Tam mạn đà, a tha a nậu, đà la ni

Ý nghĩa Thiện Nữ Thiên Chú: Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh, cũng gọi Kinh Ánh Sáng Hoàng Kim, ghi lời của Bà Công Đức Thiên, cũng gọi là Thiện Nữ Thiên nói và tự giới thiệu với đại chúng trong pháp hội: “Nơi phía Bắc có núi Tu di, ở giữa núi có vị Thiên chủ là Tỳ Sa Môn Thiên Vương, làm chủ một kinh thành tên A-Ni Mạn Đà; giữa thành có một công viên tên là Công Đức Hoa Quang; trong công viên ấy lại còn có một khoảnh vườn nữa rất sung túc tên là Kinh Tràng, vì công viên có lối kiến trúc bằng bảy thứ ngọc báu rất tốt, đó là chỗ của tôi (Thiện Nữ Thiên) thường cư trú.

Thiện Nữ Thiên chính là một trong những hóa thân của Quan Thế Âm Bồ Tát, thị hiện đứng trong hàng chư Thiên phát nguyện hành Bồ tát đạo, là một trong những vị Hộ pháp hộ trì cho những ai phát tâm thực hành hạnh nguyện Bồ tát lợi tha ở cõi ta bà này.

Vì muốn thành tựu cho những người trì tụng Kinh Ánh Sáng Hoàng Kim được có đủ vật dụng như ý muốn, nên tôi Thiện Nữ Thiên nói lên thần chú “Thiện Nữ Thiên”

Hiệu quả, đối với thần chú đây, hoặc những người siêng trì tụng, hoặc người nghe trì tụng, hoặc người phát tâm dâng hương hoa cúng dường thần chú; khi muốn cần thiết việc chi, đều được cung cấp đủ đây, như: Vàng, bạc, ngọc ngà châu báu, thú gia cầm, ngũ cốc tất cả vật dụng, đều được phong nhiêu, đều được cung cấp đủ cả.

Sách “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp” như là những đóa hoa khoe sắc thắm, những kỳ hoa dị thảo trong “Đại công viên” của Bà “Thiện Nữ Thiên” làm trang nghiêm vẻ đẹp cho “Công Viên Công Đức” của Bà. Một Trăm Bài Pháp như những cành Hoa hướng dương luôn hướng về mặt trời Chơn lý, hướng mọi người và chúng sanh xuyên suốt lý chơn tu hành mà không xem thường pháp môn tu suốt mấy nghìn năm của Phật-đà thuyết giảng.

Ta bước đi bên chân trời xa thẳm

Ngắm nhìn hoa lặng lẽ ngát hương thơm

*Giữa công viên “Thiện Nữ Công Đức Thiên”
Màu xanh lá khoe sắc màu tĩnh lặng.*

“Giác Quang thi tập”

Sách “Một Trăm Ngày Niệm Phật & Một Trăm Bài Pháp” như đàn có nhiều cung bậc trời giọng trầm bổng du dương, thanh lương, nhẹ mát...giúp cho mọi người và chúng sanh đọc được nhiều bài pháp quý báu, nghe thấy được những pháp âm siêu thoát tự tại an vui, thoát hóa sanh tử luân hồi. Pháp là thêm thang công hiến cho các bạn Phật tử tuổi trẻ đầy lòng nhiệt quyết tự tin, bước đi trên đôi chân của chính mình mà vào cung điện chánh pháp. Là “Ánh Sáng Hoàng Kim” sáng soi trong đêm dài trăng lặn, giúp các bạn trên hành trình tiếp lửa, nối gót người xưa.

---o0o---

PHẦN XXI. NIỆM PHẬT VÀ TUỔI TRẺ

Ngày Thứ Chín Mười Chín: Tuổi trẻ với pháp môn niệm Phật

Vấn: *Chúng con Phật tử thanh, thiếu niên, quy y Tam bảo, thọ trì ngũ giới cấm; dĩ nhiên hiện nay chúng con có người vẫn còn đi học ở các bậc học từ tú tài đến bảo vệ luận văn tiến sĩ; đại đa số đi vào đời tiếp cận với xã hội, với kinh tế, với việc làm ở các cơ quan, xí nghiệp...nhất là có người đã lập gia đình. Quá trình đó chúng phải tu tập thiền tụng, niệm Phật, tụng kinh như thế nào cho phù hợp, cho đúng với vai trò của Phật tử tuổi trẻ?*

Đáp: Sư cũng từng bước qua ngưỡng cửa của tuổi trẻ: tuổi trẻ của Đời, tuổi trẻ của Đạo, tuổi trẻ của Nhà Sư tu hành và xiển dương pháp môn niệm Phật của tông Tịnh độ.

Lập trình hạnh lành được xác lập theo hạnh Sa Môn đúng với hành trình tu tiến của chư Tôn già thời kỳ Đức Phật Thích Ca sinh tiền; hiện nay Sư cũng muốn giữ gìn những cái gì xa xưa nhất được đứng vững theo dòng chảy thời gian, trong thời đại văn minh tôn trọng vật chất. Nó làm cho mình dễ tu hơn, dễ chứng hơn, không rắc rối về sự thế thời cuộc, xung quanh mình không có những mớ vật chất phức tạp làm nhức đầu trong thao tác quản lý hằng ngày, buộc con người phải đua đòi cho bằng được để không thua sút mọi người.

Thêm vào đó vì sự nghiệp Phật Pháp, còn có những hư danh xuất thế, như “Hòa thượng”, còn có những danh vị thế gian “Địa vị quyền tước”, mang trong mình biết bao là “Vị trí chức vị”...Tất cả tất cả là những mớ nghiệp chướng phiền não mà mình phải mang nó vào, với ngôn từ đại nguyện đi vào đời, phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật.

Quá trình làm “Hòa thượng” Sư còn được Thầy Tổ ban cho một số gia bảo tài sản lớn của nhà Phật như:

Lời phát nguyện của Phật Thích Ca:

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thế nguyện học
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*

Thệ nguyện của ngài Phổ Hiền:

Cửu giả hằng thuận chúng sanh...

Nguyện của ngài A Nan Đa:

*Như nhứt chúng sanh vị thành Phật
Chung bất ư thừa thủ nê hoàn*

Của ngài Địa Tạng:

*Chúng sanh độ tận phương chúng Bồ đề
Địa ngục vị không thế bất thành Phật*

Những gia bảo trên thuộc về Tam bảo rồi, mà cuộc đời người tu không bao giờ vị thiếu thôn các của quý ấy.

Muốn được như thế từ trên 50 năm qua Sư phải trải qua nhiều công đoạn thời gian tu hành, chịu khó chịu khổ, chấp nhận mọi gian lai thử thách trong thời tuổi trẻ từ thiếu niên, thanh niên, đến trung niên, nay thì lão niên rồi mà việc tu hành, trường chay giữ giới, phát nguyện niệm Phật, lạy Phật vẫn không bỏ cuộc, bỏ ngỏ thời khắc tu hành của mình. Sa môn của Phật phải như vậy đó các bạn ạ!

Vượt qua thử thách thời niên thiếu:

Từ năm 1956 đến 1959, tại gia có 3 việc trước mắt sự nghiệp gia đình diễn biến điều hòa, một là Ba mở phòng thuốc, hai là tiệm buôn, ba là chỉ mở tiệm may...gia đình có tất bật công việc làm ăn, ăn nên làm ra; nhưng về đêm thì có các khóa lễ tụng kinh: 18 giờ dâng hương cúng nước Phật, 19 giờ tụng kinh niệm Phật, 4 giờ học bài chuẩn bị đi học, gia đình lo liệu mọi việc cho ngày hôm sau, 6 giờ sáng dâng hương cúng nước Phật, đi học.

Nhận định:

Thời niên thiếu từ 9 tuổi đến 13 tuổi, chắc chắn các bạn cũng không làm việc gì nhiều cho cha mẹ và gia đình, có khi còn phải được nuông chiều hơn; nếu là gia đình giàu có khá giả thì cuộc sống bạn sung túc, gia đình trung lưu thì cũng thế; nếu là gia đình dưới mức trung lưu thì chắc chắn các bạn vẫn chưa được giao việc gì, nên chưa phải gánh vác sự khó khổ, chắc chắn có những gia đình ba mẹ đã được nhờ với những đứa con ở độ tuổi này...Là gia đình Phật tử các bạn cần có

những thời điểm tu tập theo lời chỉ dạy của Thầy Tổ, mỗi ngày đêm ít nhất phải có một thời niệm Phật, nhiều nhất là hai thời niệm Phật hay tụng kinh, mỗi thời khóa tụng từ 25 phút đến 30 phút; theo Sư thì với tuổi trẻ các bạn, quy định thời gian tu như thế có thể chấp nhận được “Không nhiều, không ít”. theo nội dung khóa tu. Có một điều duy nhất là ở một xã hội văn minh tiên bộ các bạn đừng bao giờ làm cho cha mẹ mang những nỗi khổ niềm đau vì mình, không nên lạm dụng tiền bạc dù ta giàu có; không nên hút sách uống rượu say túy lúy làm mất “Phong cách con người”, mất tác phong bậc “Chí nhân nam tử”; không nên đi chơi đêm, vì theo luật tuần hoàn thì ban ngày con người phải lao động làm kinh tế môi sinh và các ngành nghề... ngành nghề này phục vụ cho các ngành nghề khác; đêm đến thì vạn vật ngừng hoạt động, “Ánh lửa mặt trời” cũng không buồn soi sáng cho mọi người, “Ánh sáng của ban ngày” cũng ngưng làm việc 98.9% con người phải nghỉ ngơi rồi các bạn ạ! Chúc các bạn tinh tấn và thành đạt sự nghiệp trong đời và bốn phận làm Phật tử.

---o0o---

Ngày Thứ Một Trăm: Tuổi trẻ với pháp môn niệm Phật (2)

Năm 1960, tuy là đệ tử của Đại lão Hòa Thượng thượng Quảng hạ Đức nhưng Sư phát tâm xuất gia theo Đức tôn sư Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước, về non núi tu hành, đến ngày 30 tháng 7 năm Ất Ty (1965) chiến tranh Việt Mỹ tàn phá chùa chiền núi non, nên phải tản cư về Saigon và nhiều nơi tiếp tục đi học.

Lúc còn ở non ngày thì công quả, làm cây làm củi trong rừng, đêm về tụng kinh: 18 giờ lễ Phật - 19 giờ khóa lễ Tịnh Độ tối, 23 giờ tụng kinh Địa Mẫu, 4 giờ sáng tụng kinh Phổ Môn, Thập Chú - 6 giờ sáng lễ Phật - 7 giờ vào rừng tiếp tục làm công quả.

Ban ngày, có khi vừa làm công quả, thì lúc 9 giờ ở rừng phải về chùa tụng kinh Vu Lan, 12 giờ tụng kinh Địa Mẫu, 16 giờ Công phu chiều.

Năm 1962 đi học Phật Pháp tại Phật học đường Tây phương Bồng Đảo. Thời gian công quả và thời gian tụng kinh, niệm Phật tất bật lắm phải không các bạn, nhưng lúc bấy giờ ở non núi có cả 500 Tăng Ni đều chấp nhận được, tất cả đều chấp nhận đồng tu, ai không chấp nhận thì xin hạ sơn, tu theo thế gian.

Xin nói về việc tu ở thế gian cho các bạn nghe: “...năm 1966 khi tản cư về cư trú chùa Tr... một ngôi chùa ở đường M..... cũ (gần ngã bảy), ban ngày đi học ở đường Võ Di Nguy, Phú nhuận đêm về muốn tụng kinh nhưng khó, vì mình là Tăng lữ hành ở tạm để đi học, ít được sách tấn dự vào những sinh hoạt của chùa, chí ít cũng là khóa lễ Tịnh độ tối hay khóa lễ Công phu khuya, Công phu chiều; chư Tăng, chú Tiểu muốn công phu phải chờ Phật tử đến mở cửa Chính điện rồi mới được vào tụng kinh, người xuất gia mà không phải động đến những Phật sự của chùa, thành ra chán nản, có khi bỏ kinh kệ...”. Xem ra thời ấy không có gì

phải nhọc công tu hành phải không các bạn. Trong những năm 1967, 1968, 1969 có chùa thực hiện ba thời công phu bằng băng từ, băng cassette thế chư Tăng!

Một ngôi chùa ở Th....., hiệu Li....., chùa hiệu Lo..... ở xã B....., chùa hiệu B.... xã Th....., thuộc huyện V..... Đến giờ công phu thì vị Trụ trì mặc áo tràng, chiếc áo cả năm không giặt, lỗ tàng nhang cháy tứ tung, nói là mặc cho vui chứ Thầy chỉ trông vào vai cho có lệ như mấy ông “nhạc sĩ thổi nhạc lễ tang”... rồi đi dâng hương, động ba hồi đại hồng chung, đánh ba hồi chuông gia trì, ba hồi trống, ba hồi bảng, ba hồi mõ... xem như đã công phu xong, rồi ra nằm võng đây đưa vậy thôi.

Nhận định:

Tuổi 15, tuổi 20 là tuổi học tập, tuổi giúp việc nhà một phần nào cho cha mẹ, góp phần mang lại niềm vui cho gia đình, làm ấm áp nhà cửa, tâm tánh siêng năng học hành sanh trưởng, tốt hoặc xấu cũng sanh trưởng, nhưng thường là con nhà Phật tử đại đa số sanh trưởng tánh thiện, quan tâm về việc thiện, không dám đánh đập thú vật, nhẫn đến không dám giết hại loài vật lớn hay nhỏ, rất thương loài vật, loài cựa động có ý tưởng tìm sự sống, không làm việc hiếp đáp những người yếu đuối già cả mà còn giúp đỡ cho họ qua truân hiểm trở khó khổ về kinh tế, đừng bỏ qua những việc tốt lành tương thân tương ái với thôn lân láng giềng. Các bạn là Phật tử chưa ăn chay trường chưa phải là nhà tu ở chùa, đời sống cần có sự hội nhập gắn liền đời sống của mình với đời sống của xã hội, tập lần đến “Ăn chay trường” góp phần làm cho xã hội ngày càng có trật tự văn minh hiếu hòa, mang lại sự bình an cho mọi người xung quanh, khu phố xóm làng.

Ở tuổi này các bạn đã có nhiều thiện chí, bản phận rồi, có trách nhiệm với người trên kẻ dưới, có nhận định và thể hiện tấm lòng khoan hòa, biết bao dung từ ái, bông bột hăng say, có khi không dừng lại được những sự bông bột của mình. Trong cuộc đời mình có khi mình làm sai nói sai với người lớn, nhưng tự nghĩ là đúng, thật ra thì cái đúng của các bạn chưa đúng lúc, cái đúng của người lớn so với các bạn thì lúc nào cũng đúng 60 %, còn các bạn chỉ đúng ở mức độ 40 %, gọi là đúng đấy, nhưng chưa đúng lúc, thành ra sai với người lớn.

Chúng ta là con cái của gia đình Phật tử, trong quá trình tu tập niệm Phật, thường thì có lần tràng hạt, đừng bao giờ quên hay e ngại việc lần chuỗi tay 18 hạt, đi học cũng đem theo để trong túi áo, để trong cặp học, không nên để túi quần, không đeo chuỗi vào nhà tắm nhà xí, những nơi ô ứ... thỉnh thoảng lúc ở nhà, ngồi ở đâu đó nhưng sạch sẽ thoáng mát đem chuỗi ra lần tràng niệm Phật, hay đeo trên tay, trên cổ để được Phật lực, Bồ tát gia hộ; các ma chướng, sự hung ác không tới lui với các bạn, không xâm nhập vào các bạn, lần chuỗi niệm Phật trừ được các ma hung tợn, những việc bất thiện của thế gian đến bên mình và thâm nhập trở thành quyến thuộc của mình. Đeo chuỗi bên mình cũng nhằm để cân nhắc, chúng ta là con nhà Phật, không có những hành vi cử chỉ đi ngược lại xã hội gia đình, hoặc chính bản thân nhà đạo của mình.

Đêm đến, ngoài việc xem phim truyện lành mạnh, xem nghe tin tức báo đài, học bài, khi xong việc, theo thời dụng biểu gia đình nên phát tâm tụng một thời kinh từ 20 đến 30 phút, trong khoảng thời gian từ 19 giờ 30 đến 20 giờ. Vào lúc 5 giờ sáng mặc áo tràng lay 12 câu nguyện danh hiệu Quán Thế Âm hay 12 câu nguyện danh hiệu Phật A Di Đà...lay như thế vừa bổ ích “Trí lực” vừa tăng cường “Thê lực” trong cuộc sống hằng ngày. Nhớ khi đứng lay thì lay theo phong cách “Chữ nhưt”, chấp tay thì phải để hai ngón tay cái xếp chéo vào nhau gia cố cho tâm quyết thêm vững vàng; nhớ mặc áo tràng, nam thì mặc áo nâu, nữ thì mặc áo lam, khi mặc niệm bài chú như thế này:

Thiện tai giải thoát phục

Bát tra lễ sám y

Ngã kim đánh đỏi thọ

Thế thế thường đắc phi

Nam mô Ca sa Tràng Bồ tát. (3 lần)

Trước khi đi làm việc ở cơ quan hay xí nghiệp công ty, hoặc đi học...khi đi ra khỏi nhà với thời gian lâu từ một buổi trở lên thì nên đến trước bàn Phật đứng chấp tay niệm 10 câu danh hiệu Phật A Di Đà rồi hãy đi, niệm không gấp gáp cũng không huốn dãi, đây là cách tu của những gia đình Phật tử có người đi làm việc hay còn đi học...

Pháp môn niệm Phật đến với từng gia đình, xưa nay được tiếp nhận một cách hoan hỷ êm đềm và tín tâm thanh tịnh, mọi người chấp nhận được về cách học Phật, học niệm Phật này, không có gì trở ngại cho các bạn!

Cuối tuần đi theo cha mẹ tham quan du lịch, có khi cả hai ngày một đêm, tức là chiều thứ bảy và một ngày chủ nhật, dù xa hay gần nếu không đi thì thôi, nhưng nếu có đi thì các bạn cũng du lịch với thời gian như thế là đủ.

Trong quá trình đi du lịch, về đêm cũng nên niệm Phật trong tâm, cũng không ngồi trước bàn Phật, không ngồi “Từ bi từ tọa” như ngồi trước bàn Phật, không lằn tràng hạt, vì đây là chuyên tham quan du lịch, làm như thế mọi người sẽ nghĩ là “Các bạn quảng cáo việc tu của mình”. Các bạn tham quan du lịch một cách lành mạnh văn minh cũng chính là niệm Phật đó!

Tháng giêng năm 1968, chiến tranh Mậu Thân diễn ra thật tàn khốc, từ giả Saigon-Bà điếm Sư cùng đoàn Tăng Ni, Phật tử tản cư về tại Quan Âm Tu Viện; lúc bảy giờ phục vụ ngành từ thiện, được Thầy Tổ, Ban Giám đốc phân công làm Hiệu phó và đứng lớp dạy chữ cho các cháu cô nhi lớp Nhì, lớp Nhất, tại Trường Tiểu học Lâm Tỳ Ni. rồi làm Tổng thư ký Quan Âm Tu Viện - Cô Nhi Viện Phước Lộc Thọ. Thời gian này ban ngày làm việc thật là nhiều, đêm đến mới có thời gian tu niệm. Đến năm 1972 đứng lớp giảng dạy tại Lớp Giáo Lý cơ bản Phật Học Long Sơn cổ tự, Tân ba, Tân uyên, môn Luật học. Tuy nhiên đêm đến lại hành pháp nhiều hơn: Khóa lễ Tịnh độ tối hướng dẫn chư Tăng tụng niệm, 23 giờ niệm Phật, 2 giờ sáng nghe Đức Tôn sư thuyết pháp, 4 giờ sáng công phu Lăng nghiêm.

Tháng Tư, năm 1969, phát nguyện nhập thất 100 ngày “Lạy Pháp Hoa” từ ngày 20 tháng Tư đến 30 tháng Bảy. Tháng Tư năm 1970 phát nguyện nhập thất “Tụng chú Đại bi” từ ngày 20 tháng tư âm lịch đến 30 tháng bảy, thực hiện được ước mơ nói lửa người xưa. Năm 1971 lạy kinh Vạn Phật, lạy Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm, năm 1972 đốt tay cúng dường thần chú Đại bi, công cứ lần tràng niệm “Thần chú Vãng sanh”... trong quá trình hành các pháp trên đều có Đức Tôn sư chứng minh, Sư Bà Thích nữ Huệ Giác, Sư huynh Thích Thiện Chơn cân nhắc, các chú đệ tử Thị giả Ngọc Thành (Biên Hòa), Thiện Thanh B (Quận 8), Thiện Hòa (Nhơn Đức, Nhà Bè) trợ duyên, phần ngoại hộ thì có gia đình Ông Nguyễn Duy Điều, pháp danh Thái Công, Bà Lê Ngọc Đồng, pháp danh Liễu Quang hộ trì vật chất... hành pháp như thế cho đến ngày hòa bình.

Nhận định:

Tại Việt Nam hiện nay có khoảng 12.000.000 tín đồ Phật tử (Trong các buổi hội nghị về tôn giáo tại Tp.Hồ Chí Minh có khi được nghe thông báo Phật giáo có 25.000.000 tín đồ, có khi nghe thông báo là 12.000.000 tín đồ, chưa biết con số nào chính xác nhưng biết là tín đồ Phật giáo nhiều hơn các tôn giáo khác) vừa có quy y Tam bảo, vừa là những tín đồ có khái niệm về Phật giáo, nghiên cứu Phật pháp, tín đồ đơn phương tu hành trong các giáo phái lớn như: Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ, Thiền tông, Tịnh độ tông, Luật tông, Mật tông... cộng với những tín đồ của các tôn giáo Đạo Phật xuất phát tại Việt Nam, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật Giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Giáo Hòa Hảo, Phật Giáo Thành Hoa Tự, Phật giáo Tịnh Độ cư sĩ...

Trong các phái trên, phái Bắc tông, Thiền tông, Tịnh độ tông là có nhiều tín đồ Phật tử tinh chuyên tu tập thiền tụng chiếm số lượng nhiều hơn cả.

Với người Phật tử tu Tịnh độ thì công việc là công việc, việc cơ quan là việc cơ quan, việc công ty là công ty, việc nghiên cứu là nghiên cứu, nhẫn đến đi bán vé số... làm việc gì thì làm, nhưng đừng bao giờ bỏ niệm Phật, các bạn không tụng kinh thì có thể chấp nhận được, nhưng đừng bao giờ bỏ thời niệm Phật, thời gian tu theo chương trình do các bạn ấn định tại gia. Điều kiện tiên quyết là các bạn đừng nghe những người chưa từng hành pháp tu một lần nào mà hay giảng thuyết câu cao, như giảng nói những câu “Ngoại giáo biệt truyền bất lập văn tự”, hay “Cõi tây phương cực lạc ở đâu mà đòi cầu về”, hay “Cõi tịnh độ không có thật”, hay “Cõi tịnh độ ở tại tâm ta, cõi tịnh độ ở tại nhân gian”, hay cõi Tịnh độ “Gần lắm nên không cần tu, nguyện sanh về đâu cả”.

Mỗi nữa tháng cần đi đến chùa của mình quy y hoặc nơi nào có thuyết pháp để nghe thuyết giảng, tập nghe pháp, học Phật Pháp, đừng nên ngã mạn cống cao, khi nghe thuyết giảng đừng mở miệng chê bai Giảng sư “Giảng giỏi, giảng dở chi cả”, các bạn phải học Phật pháp từng vị Giảng sư, xem các vị như đức Phật sanh tiền vậy các bạn ạ! Thì các bạn mới giỏi mới nên người đạo.

Ngoài ra, nếu có tiền bạn thỉnh (mua) kinh sách Phật nghiên cứu, để được thông thái, bác lãm về Phật học; chính bản thân Sư khi được thỉnh giảng vào buổi sáng mai, thì buổi tối hôm nay phải đọc kinh nghiên cứu sách Phật, ngày hôm mai mới có cơ sở giáo lý thuyết giảng. Các bạn đừng bỏ lỡ tuổi thanh xuân khi các bạn là người của Đạo Phật.

Sư cũng xin nói với những Phật tử trung niên hay lão niên: Dù các bạn bận làm kinh tế, làm việc cơ quan hay hưu trí, bận điều hành Công ty hay trường học...nhưng đừng bao giờ bỏ thời khóa niệm Phật...Đức Phật vẫn chứng minh và tiếp dẫn các bạn lúc lâm chung, dù bạn chỉ niệm một thời khóa từ 25 phút, hay 30 phút thôi!

Là Phật tử nên sáng suốt trong việc làm ăn, điều hành Công ty, mở Công ty làm ăn. Việc “Ăn nên làm ra” hay “Thất bại” không phải do “Bất cứ ai” ngoài các bạn định đoạt cho các bạn; không một vị thần thánh nào, dù vị đó là đức Phật cũng không ảnh hưởng gì đến việc “Làm ăn” của các bạn!

Theo lời dạy của Đức Phật thì nội tại của các bạn lúc nào cũng “Có sẵn Đức Phật” rồi, Đức Phật do các bạn tu hành mà nên, mới thiết là Phật của các bạn; Đức Phật xuất phát từ tâm lòng của các bạn mới là “Vị Phật thiết” gia hộ cho các bạn thành công sự nghiệp làm ăn đấy. Có điều khi các bạn làm ăn thành công, thì quý Sư Thầy sẽ giúp cho các bạn tiến lên một bước nữa là làm việc thiện, gia cố cho việc thành đạt của các bạn được nối thừa bền bỉ lâu dài...

Đức Phật cũng sẽ giúp cho các bạn có sự sáng suốt, tinh táo làm việc thiện trong lúc “Làm ăn thất bại”. Trên đường đời “Thất bại là mẹ đẻ của thành công”; trong lúc làm ăn, nhưng “Bỗng nhiên thất bại”, mọi người lấn áp, giành giật, lấn sân công việc làm ăn của các bạn, làm cho Công ty ngày càng thua lỗ cho đến khi bế tắc và tắt hẳn; nếu là Phật tử thuần thành thì các bạn đừng bao giờ sân si thù hận, trả đũa, mà chịu khó dừng bước ở đoạn đường “Thua lỗ” đó, để bắt đầu một hành trình mới “Thối nhưt bộ tự nhiên khoáng”, bước đi ba bước khác thông thoáng hơn, thoáng đạt hơn, chắc chắn các bạn sẽ lấy lại tất cả những gì mình đã mất các bạn ạ”.

Thánh Gandhi, mỗi sáng trước khi đi đến văn phòng luật sư làm việc, hoặc đi “Xuống đường” hướng dẫn nhân dân Ấn Độ, nhân dân Công hòa Nam Phi tranh đấu chống chủ nghĩa phân biệt kỳ thị chủng tộc, Ngài đều đến trước tượng thờ Phạm Thiên tượng niệm 10 phút rồi mới đi làm việc...huống chi chúng ta là Phật tử.

Các bậc Đại sư Tịnh độ tông cận đại, Ngài Ấn Quang đại sư khuyến tấn: “... mỗi sáng trước khi đi làm việc các liên hữu nên đến trước bàn Phật niệm mười câu (tức là 10 hơi), xá Phật ba xá rồi lên xe đến công sở làm việc...”. Đây là cách tu của những người đang làm việc trong các công sở, cơ quan xí nghiệp, ngoài xã hội hôm nay...Thời Đức Phật sinh tiền thì các ông Vua, các bà Hoàng hậu, Quan cận

thần, Cung phi mỹ nữ trong chốn triều ca làm Phật tử theo Đức Phật cũng thực hành như thế.

Vừa bước qua ngưỡng cửa của tuổi trẻ không xa lắm, theo lịch trình tu hành trong hành trình tuổi trẻ của Sư từ năm 1956 đến nay trải qua nhiều công đoạn tu tập, ước mong sẽ là những tiếng đại hồng chung ngân vang, âm hưởng đến các bạn trẻ hôm nay.

Từ “Bến nước ta bà” đến “Bến giác Tây phương” dù chưa đi đến đâu, nhưng là người đi trước và đang đi, trải nghiệm trên nửa thế kỷ làm tu sĩ Đạo Phật, nay chia sẻ cùng các bạn để làm hành trang: “Bất thối Bồ tát vi bạn lữ”
Chúc các bạn thành đạt trên đường đời, tinh tiến tu hành trên đường đạo.

---o0o---

Hết